

T2025

[ĐẦU TRANG](#) [Q1](#) [Q2](#) [Q3](#) [Q4](#) [Q5](#) [Q6](#) [Q7](#) [Q8](#) [CHÚ THÍCH](#)

## **SÁCH TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY**

**TRỤ TRÌ CHÙA THIÊN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH LÀ TĂNG BÈ TÔ I ĐỨC HUY PHỤNG  
SẮC CHỈ BIÊN SOẠN LẠI, TRỤ TRÌ CHÙA ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP KHÁNH LÀ  
TĂNG BÈ TÔ I ĐẠI HÂN PHỤNG SẮC CHỈ HIỆU CHÍNH**

**Việt Dịch: HT.Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng**

### **Lời nói đầu**

Nhân loại đang trên đà khủng hoảng về đạo đức, trong xã hội con người sống với nhau hình như ngày một thiếu vắng tình người. Trước sự phá sản các giá trị tâm linh đang diễn ra khá phổ biến bởi sức mạnh của vật dục bên ngoài lôi cuốn, con người hình như đánh mất tính tự chủ, nên dễ dẫn đến tha hoá và biến chất. Trong bối cảnh xã hội ấy, những giá trị đạo đức của các tôn giáo cần phải được vận dụng để làm chất liệu nuôi dưỡng tinh thần hướng đến mục đích hoàn thiện phẩm chất con người. Sự phá sản giá trị đạo đức hiện nay không những xảy ra ngoài xã hội mà còn tác động đến cả nếp sinh hoạt nơi chốn Tùng lâm tôn nghiêm. Quy củ Thiên môn tuy vẫn duy trì hình thức bề ngoài mà thực chất nội dung thì ngày một thoái hóa, xuống dốc. Lúc này hơn lúc nào hết, chúng ta cần gióng lên tiếng chuông báo động để cảnh tỉnh mọi người. May thay, đứng trước thực trạng vô cùng khó khăn và đầy cam go hiện giờ, vẫn còn những khuôn vàng thước ngọc mà các bậc Long tượng Thiên môn đã miệt mài tìm tòi để công hiến cho tiền đồ Đạo pháp. Đó chính là những bảo vật chúng ta phải hết sức yêu quý và trân trọng giữ gìn.

Sách Bách Trượng thanh quy do tổ Bách Trượng - Hoài Hải (720-784) biên soạn vào trung điệp đời Đường để làm cương lĩnh sinh hoạt cho Tăng ni tại các Tùng lâm, có giá trị như một kim chỉ nam hướng dẫn mọi hoạt động trong đời sống của người xuất gia. Nhưng trải qua thời gian vật đổi sao dời, sách đã bị thất lạc. Tuy vậy, một phần nội dung của nó đã được các bộ sách khác thu dụng. Thế rồi vào năm đầu niên hiệu Chí Nguyên (1335) vua Thuận Đế nhà Nguyên với tấm lòng hộ pháp nhiệt thành, muốn các Tự viện Thiên lâm sinh hoạt có nề nếp kỷ cương, bèn truyền lệnh

cho thiền sư Đông Dương Đức Huy – cháu nối dòng pháp đời thứ 18 tổ Bách Trượng - căn cứ vào các bộ thanh quy đương hiện hành tu chính, biên soạn lại một bộ Thanh Quy khác; đồng thời truyền lệnh cho thiền sư Đại Hân huynh đệ đồng sư với Đức Huy lo việc hiệu chính rồi đặt tên sách là Sắc tu Bách Trượng thanh quy. Về sau, Đại chính tân tu đại tạng kinh đã thu nhập vào tập 48, ký hiệu 2025, từ trang 1109c – 1159b. Sách gồm hai phần, tám quyển, chín chương, khoảng hai trăm tiêu đề, một đoạn duyên khởi ở đầu sách và phần phụ lục gồm bảy mục.

Bộ sách này cung cấp cho chúng ta hầu như gần hết các thuật ngữ chuyên dụng trong thiền môn về mọi phương diện như chức vụ, danh xưng, cơ sở, lễ nghi, pháp khí, công cụ hành đạo, v.v... Có thể nói, từ hơn 600 năm qua bộ Sắc tu có ảnh hưởng khá sâu rộng đối với Thiền tông Việt Nam nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung. Để đáp ứng nhu cầu tu học bức thiết của Tăng ni hiện nay, chúng tôi (Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng) đã chung sức chuyển ngữ sang tiếng Việt; và để tiện việc xuất bản, chúng tôi chia sách thành 2 tập: Tập I từ quyển 1 đến quyển 4; Tập II từ quyển 5 đến hết quyển 8, và tuân tự thực hiện từng tiểu mục. Mỗi tiểu mục chia làm 4 phần: 1/. Phần chữ Hán là nguyên văn trong Đại chính tạng; 2/. Phiên âm từ chữ Hán là chữ in đứng; 3/. Chữ in nghiêng là phần dịch nghĩa; 4/. Còn phần chú thích được tập hợp tất cả sắp theo mẫu tự A,B,C..., đặt ở cuối sách để độc giả tiện việc tra cứu khi cần.

Trong các bản văn còn lại hiện nay mà chúng tôi tham khảo, đôi chiếu có đôi chỗ dị biệt rườm rà, có thể là do người sau khi biên tập thêm vào. Như đoạn duyên khởi ở đầu sách bị người sau thêm thắt sửa đổi khá rối rắm, nên bỏ không dịch. Phần mục lục của sách chúng tôi chỉ dịch nghĩa chứ không phiên âm chữ Hán. Và phụ lục của sách có tất cả bảy bài minh tựa, vì thấy có vài chỗ nội dung giống nhau, chúng tôi chỉ chọn dịch các bài: 1/. Bài minh ở tháp tổ Bách Trượng; 2/. Bài ký gác thiền sư Đức Huy; 3/. Bài tựa Cổ Thanh quy; 4/. Bài tựa Sắc tu Bách Trượng thanh quy. Những phần lược bỏ thì chúng tôi không đưa nguyên văn chữ Hán vào trong sách. Ngoài ra, dịch giả có thêm vài Lời bàn trong các mục nhỏ ở một số chương.

Về cách chấm câu có nhiều chỗ cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp với nội dung; và đặc biệt, bộ sách này có khá nhiều chữ do khắc bản bị nhầm, chúng tôi dựa vào văn pháp chữ Hán mạn phép sửa chữa lại, như: Cung duy (供惟) thành hồng duy (洪惟) [tr.1114c22]; ngụ chỉ (寓止) thành vạn chỉ (萬止) [tr. 1118a29]; quản đãi (

管待) thành quản thị (管侍) [tr.1122c]; giáng trọng (降重) thành phụ trọng (附重) [tr.1123b]; đãi hành (待行) thành trì hành (持行) [tr.1123b]; quang bạn (光伴) thành hỏa bạn (火伴) [tr.1123b]; hòa thượng (和尚) thành hòa đường (和堂) [tr.1124a]; tăng đường (僧堂) thành thỉnh đường (請堂) [tr.1126b]; hòa thượng (和尚) thành hô thượng (呼尚) [tr.1126c]; thả vọng (且望) thành đán vọng (旦望) [tr.1128b]; chú hương (炷香) thành trụ hương (住香) [tr.1130a]; phương trượng (方丈) thành phương văn (方文) [tr.1131a]; trí từ (致詞) thành trí ha (致訶) [tr.1134b]; tri khách (知客) thành tri dung (知容) [tr.1134b]; chấp đao (執刀) thành thế đao (勢刀) [tr.1137b]; thượng gian (上間) thành thượng vấn (上問) [tr.1142a], v.v...

Đây chỉ là vài dẫn chứng tiêu biểu, còn những chỗ khác quý độc giả có thể đối chiếu nguyên văn, phiên âm và bản dịch sẽ rõ. Tuy nhiên, chắc chắn còn những chữ nhầm khác mà chúng tôi chưa phát hiện được, đành trông cậy vào thể hệ sau hiệu chính.

Trong lúc tiến hành công việc, cả hai chúng tôi đều trong tình trạng sức khỏe không được ổn định, phải tranh thủ với thời gian, may mắn nhờ ơn Phật, Tổ gia bị, mà bản thảo đã hoàn tất. Khi phiên dịch, dù đã cố gắng tra cứu hết sức, nhưng khó tránh khỏi thiếu sót, sai lầm, kính mong các bậc Tôn túc cao minh quan tâm đến di sản văn hóa Phật giáo, hoan hỷ chỉ giáo để sau này khi sách may mắn được tái bản sẽ giảm thiểu những khiếm khuyết.

Thiết nghĩ, muốn lãnh hội tốt yếu chỉ của sách, xin quý độc giả hãy xem trước phần tổng quan, các bài tựa rồi mới đi vào nội dung.

Cuối cùng, chúng tôi xin chân thành cảm ơn thầy Minh Hải, đạo hữu Đặng Hữu Trí đã tích cực tham gia hoàn thành bản thảo. Nguyện cầu tất cả đều được soi sáng trong ánh hào quang của chư Phật.

Thiền viện Vạn Hạnh, ngày 19/07/2008

Thích Phước Sơn, Lý Việt Dũng

Kính ghi

## GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT

### 1. Đôi dòng lịch sử

Lịch sử Thiền tông Trung Hoa, có người cho là nối tiếp từ thời Nam Bắc triều khi Tổ Bồ-đề-đạt-ma từ Tây Thiên sang Trung Hoa, có người cho là từ lúc Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn đời Đường mở ra pháp môn Đông Sơn, nhưng thực ra chính là phải kể từ thời Lục Tổ Huệ Năng sáng lập Thiền pháp Đốn ngộ. Tuy nhiên vì là một Tông phái nên Thiền tông kế thừa các phái Tam luận tông, Thiên Thai tông, và Pháp tướng tông mà hình thành vào buổi đầu đời Đường. Đây là điểm mà phần đông giới học thuật công nhận.

Từ thời sơ Đường khi Thiền tông tự thành Tông phái cho đến lúc ngài Hoài Hải giảng pháp tại núi Bách Trượng vùng Tân Ngô - Giang Tây vào thời trung diệp nhà Đường, sự phát triển của Thiền tông còn chịu nhiều hạn chế rất lớn, mà nguyên nhân căn bản là bản thân Thiền tăng lúc đó vẫn chưa có tự viện độc lập của mình mà phương thức hành sự độc đáo của Thiền đồ nảy sinh mâu thuẫn xung đột không thể giải quyết được với Phật luật và Giáo qui xưa, đồng thời cũng có thể nói là còn chưa xuất hiện một bộ qui thức Thiền môn thích ứng với nhu yếu phát triển của Thiền tông. Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của Thiền tông từ lúc thành lập đến nay, cũng căn cứ vào nhu yếu cấp thiết của sự phát triển, gan dạ tiến hành cải cách giáo qui tự sáng lập ra Qui thức Thiền môn, mau chóng được Thiền lâm trong thiên hạ tiếp thụ tuân hành và được gọi là Bách Trượng thanh qui. Quyển Bách Trượng thanh qui được lưu hành thật rộng lớn, xúc tiến sự phát triển mãnh liệt của Thiền tông. Nhưng bên cạnh việc Thiền tông trở thành chủ lưu của Phật giáo, Thiền lâm nhân chịu ảnh hưởng phong tục tập quán của xã hội, cho nên nội bộ cũng sản sinh rất nhiều điều hủ bại, đặc biệt là đối với chức vụ trụ trì làm lãnh tụ của chốn tùng lâm có lắm người mang tâm tranh đoạt vì thấy rằng đây là món lợi dễ dàng cần mưu đồ, cho nên sau khi đã ở vào cương vị này rồi liền quyền mưu tư lợi mà thành ra sản sinh lắm tệ đoan, làm hoen ố tổn hại đến danh dự của Thiền lâm, ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của Thiền tông. Do vậy mà các giới thức sĩ không kể tăng hay tục đều hy vọng Thiền lâm khôi phục chế độ nghiêm cẩn, truyền thống tốt đẹp của Bách Trượng thanh qui, nhân đó mà đời Nguyên mới có bộ Sắc tu Bách Trượng thanh qui biên chế và san hành. Lại cũng nhân trong sách Sắc tu Bách Trượng thanh qui này đem cựu chế của Bách Trượng thanh qui mà so sánh với những vấn đề tồn tại của Thiền lâm trong xã hội hiện thực của đời Nguyên, hy vọng có thể dẫn khởi cảnh giới và cải cách sinh hoạt của tăng đồ. Đoạn này là duyên khởi thuật thuyết đại sư Hoài Hải chế định Bách Trượng thanh qui với tư tưởng chỉnh đốn sinh hoạt của Thiền lâm vậy!

## 2. Thuyết ra đời sách Sắc tu Bách Trượng thanh qui

Sách này do Thiền sư Đông Dương Đức Huy trụ trì chùa Thiên Đại Trí Thọ Thánh ở núi Bách Trượng huyện Tân Nguyên Giang Tây phụng Thánh chỉ vua Thuận Đế Bột Nhi Nổi Quán Thiết Mục Nhĩ trùng soạn thành một bộ Thiền lâm thanh qui vào trung diệp nhà Nguyên. Nguyên bốn sách gồm 9 chương, đầu mỗi chương đều có một bài tựa nhỏ, thuyết minh chỉ thú cùng đại ý của mỗi chương, cuối sách phụ lục bài minh và bài tựa tháp mộ của cố Thiền sư Hoài Hải ở núi Bách Trượng Hồng Châu đời nhà Đường do điện trung thị ngự sử Trần Hủ viết vào đời nhà Đường Nguyên Hòa năm thứ 13 (CN 818), bài ký gác thiên hạ sư biểu là Thiền sư chùa Đại Trí Thọ Thánh ở núi Bách Trượng, do Quốc tử bác sĩ Hoàng Tấn viết vào năm thứ 2 niên hiệu Chí Nguyên đời vua Thuận Đế nhà Nguyên (1336), bài tựa Cổ thanh qui do Hàn lâm học sĩ Dương Úc viết vào năm thứ nhất niên hiệu Cảnh Đức nhà Bắc Tống (1004), bài tựa Sùng Ninh thanh qui do trụ trì Thiền viện Thập Phương Hồng Tế phủ Châu Định là Thiền sư Trường Lô Tông Trách (tông Vân Môn) viết vào năm thứ 2 đời Sùng Ninh (1103), bài tựa Hàm Thuần thanh qui do Hậu Hồ tử-kheo Duy Miễn viết vào năm thứ 10 niên hiệu Hàm Thuần đời Nam Tống (1274), bài tựa Chí Đại thanh qui do tử-kheo Nhất Hàm chùa Đông Lâm Lô Sơn viết vào năm thứ tư niên hiệu Chí Đại nhà Nguyên (1311), bài tựa Sắc tu Bách Trượng thanh qui do Hàn lâm học sĩ Á u Dương Huyền viết vào năm thứ hai niên hiệu Chí Nguyên nhà Đại Nguyên (1336) cho đến bài hậu ký của Thiền sư Đức Huy viết vào năm thứ tư niên hiệu Chí Nguyên nhà Đại Nguyên (1338), gộp chung cả thảy có bảy muôn lời. Sau khi sách thành, trước tiên cho các loại đơn hành bốn lưu thông. Các đơn hành bốn này chia ra làm 8 quyển.

Từ sau đời Minh, bắt đầu thu nhập vào các loại tạng kinh. Căn cứ vào những gì hiểu biết được hiện nay thì tình huống nhập vào Đại tạng kinh của sách này như sau: Minh Bắc tạng đưa vào quyển Chuyết Phương sách bốn, Gia Hưng tạng cũng thu nhập sách này. Thanh tạng chép ở 2 quyển Bản và U, Tản Già tạng chép vào quyển Đăng, Tục tạng của Nhật Bản thu thập sách này vào tập 111. Về sau, Đại chính tạng của Nhật Bản thu vào tập thứ 48. Từ lúc sách Sắc tu Bách Trượng thanh qui hoàn thành đến nay đã hơn 600 năm, địa vị của sách này đối với lịch sử lâu dài của Thiền tông Hoa – Việt cũng như của Phật giáo hiện nay đã đóng một vai trò cực kỳ quan trọng, nhất là về phương diện qui củ, chế độ và nghi lễ của tự viện. Thế nhưng, kể từ khi có chữ quốc ngữ đến nay chưa có ai dịch, chú ra Việt ngữ. Trước khi Thiền

sư Bách Trọng Hoài Hải chế định Bách Trọng thanh qui thì Thiền viện chỉ ở kế trong chùa Luật, Thiền độ cũng không có giáo qui độc lập của mình.

Đại sư Hoài Hải đã sáng tạo Thiền viện độc lập, lại chế định luôn thanh qui của từng lâm thích ứng với đặc điểm của Thiền tông. Từ đó sự tu trì và sinh hoạt hằng ngày của Thiền lâm đều căn cứ vào qui phạm của thanh qui mà sinh khí tiến hành đồng loạt, qua đó Thiền tông đã phát triển rộng lớn trở thành dòng chảy chính thức của Phật giáo.

Tuy nhiên do trải qua thời kỳ đen tối đã kích diệt phệ Phật giáo của thời Hội Xương, lại trải qua thời kỳ cực loạn lạc thời Mạt đường và Ngũ đại Thập quốc, phần lớn kinh điển Phật giáo đã bị tán thất không còn. Bản cổ Bách Trọng thanh qui của Đại sư Hoài Hải cũng chẳng may mất hơn được. Cho nên kể từ thời mạt diệt đời Bắc Tống đã có nhiều loại danh mục qui ước của từng lâm sản sanh lưu hành trong một phạm vi nhất định nào đó, trong đó so sánh với các nét trọng yếu của 3 quyển thanh qui đời Sùng Ninh, Hàm Hanh và Chí Đại thì còn có Nhập chúng nhật dụng (còn gọi là Vô Lượng Thọ Thiền sư nhập dụng tiểu thanh qui do Sùng Thọ đời Nam Tống soạn 1 quyển), Huyền trụ am thanh quy (lại còn gọi là Am sự tu trì) 1 quyển do Thiền sư Trung Phong Minh Bồn đời Nguyên soạn, là các thanh qui phạm vi vốn lưu hành nhỏ. Các loại thanh qui này căn cứ vào ký ức nhớ được hay qua các truyền thuyết, ít nhiều dung hợp với nội dung Cổ thanh qui của đại sư Hoài Hải, chủ yếu chú trọng phản ánh các chức vụ của từng tự viện, chuẩn tắc hành sự và qui phạm lễ tiết, cụ hữu rõ ràng đặc trưng của thời đại và sắc thái của từng địa phương, nơi này, chỗ nọ đầy đủ hay lược bớt đi không giống nhau, thậm chí nội dung chống chọi nhau khiến cho kẻ hậu học cảm thấy nghi hoặc không hiểu được, không biết phải nên theo đâu mới đúng.

Do đó mà đến thời trung diệt nhà Nguyên liền cần phải biên soạn lại một bộ dung hợp, thống nhất thanh qui của tất cả các địa phương, để thích nghi với tình huống mới của Thiền tông cùng quan hệ giữa Thiền tông và các quan phủ, giữa Thiền tông và những sinh hoạt thế tục có những yêu cầu với các đặc điểm mới. Sơ khởi, các Thiền sư trứ danh như Hối Cơ, Liễu Vạn, Vân Ô ng đều đã từng có chí nguyện muốn làm điều này, nhưng mà tráng chí chưa được thực hiện thì các ngài đều đã ra người thiên cổ. Sứ mạng lịch sử nêu trên đã rơi vào thân phận đệ tử của Hối Cơ là Thiền sư Đông Dương Đức Huy vào năm thứ hai niên hiệu Thiên Lịch đời vua Văn Tông nhà Nguyên (1329) xuất nhiệm trụ trì chùa Thiên Đại Trí Thọ Thánh ở núi Bách

Trượng thuộc lộ Long Hưng, đạo Giang Tây. Chùa này chính là Tổ đình của cố Hòa thượng Bách Trượng Hoài Hải, qui chế và hành sự của tự viện phần lớn đều bảo lưu di ý của cố Tổ sư Hoài Hải. Đức Huy phàm bất cứ việc gì của nhà chùa đều tuân thủ các qui phạm đã hình thành từ trước, trị lý tự viện rất đạt thành tích. Từ các tăng đảm nhiệm chức sự cho đến đại chúng đều có thể căn cứ vào qui củ mà làm việc. Các cơ cấu, các điện đường đều rất chỉnh túc, trở thành tự viện nổi tiếng mô phạm trong thiên hạ.

Đức Huy là người có chí lớn và rất có năng lực, giờ lại nắm Tổ đình Bách Trượng trong tay nên có tư cách trụ trì chùa danh tiếng trong thiên hạ, do đó khẳng khái lấy việc thống nhất thanh qui, hầu lắng trong đại nghiệp của tông lâm tự làm nhiệm vụ của mình. Sư biết rằng muốn đạt đến điều này thì nhất định phải nhờ đến quyền uy của Hoàng đế, bèn nhờ quan hành tỉnh Giang Tây cầu xin Hoàng đế gia tăng thụ hiệu cho Bách Trượng Hoài Hải, riêng sư đến Bắc Kinh triển khai hoạt động. Tại kinh sư Đức Huy thuyết pháp kết thân với quan ngự sử Trung thừa Tát Địch và qua sự tiến cử dẫn dắt của Tát Địch được diện kiến Hoàng đế, tâm rõ ý muốn của mình và diễn tiến tình huống đổi thay, được Hoàng đế thích thú, xuống sắc chỉ khâm ban cho sư trùng biên, lại ra lệnh cho người đồng học của Đức Huy là Đại Hân, trụ trì chùa Long Tường Tập Khánh, là người rất được Hoàng đế sùng tín, suất lãnh một nhóm Tăng nhân có học vấn rành rõ mọi điển chương tinh gia hiệu chính, cả việc ban tứ đóng ấn sách này để ban hành rộng rãi.

Sau khi phụng mạng Hoàng đế, Đức Huy lập tức triển khai một cách khẩn trương công tác biên soạn. Từ tháng 5 mùa hạ năm đầu niên hiệu Chí Thuận nhà Nguyên (1330) cho tới mùa đông tháng 10 cùng năm là bản thảo đã định hình, rồi cộng thêm 5 tháng nữa là sách thành, lấy tên là Sắc tu Bách Trượng thanh qui. Tính quyền uy của bộ trước tác này, một mặt là do phụng khâm mạng Hoàng đế tu soạn và hiệu chính, lại còn một mặt khác nữa là do nơi chính thân phận cùng tư cách lịch lãm của Đức Huy, nhất là do sư lúc trùng biên sách này đã thái thủ được thái độ nhận chân tương đối nghiêm túc.

Cứ như Đức Huy tự thuật, sau khi sư thọ mạng của Hoàng đế, từng sưu tầm rộng rãi tư liệu, rồi trải qua việc giám sát xác nhận Sùng Ninh thanh qui của Tông Trách trụ trì chùa Thập Phương Hồng Tế ở phủ Châu Định thời Sùng Ninh đời Bắc Tống, Hàm Thuần thanh qui Hậu Hồ tử-kheo Duy Miễn đời Nam Tống, Thiên lâm bị dụng thanh qui của Thiên sư Trạch Sơn Nhất Hàm chùa Đông Lâm vùng Lô Sơn vào khoảng

niên hiệu Chí Đại nhà Nguyên, là những tác phẩm có giá trị tham khảo rất lớn. Thế là sư đã lấy mấy loại thanh qui nêu trên làm căn cứ rồi dùng các chế độ sinh hoạt thực tế tại Tổ đình núi Bách Trượng để làm phương tiện tham chiếu chủ yếu, tập trung tinh hoa các bản Bách Trượng, lại tái gia dĩ tia bột rườm rà, đính chính chỗ nhầm lẫn, bỏ khuyết và giải thích thuyết minh mà hoàn thành bản thảo ban đầu rồi mang bản thảo đến thỉnh cầu Đại Hân hiệu chính mà thành ra định bản.

Lời tự thuật của Đức Huy đủ để thuyết minh giá trị học thuật cao độ của Sắc tu Bách Trượng thanh qui. Nhân vì sư lấy tài liệu rộng rãi mà tinh túy đúng đắn, lại khéo kết hợp những điều sách vở văn hiến ghi chép với tình huống mô phạm thực tế của tự viện, cho nên đã có thể phản ánh hết sức đầy đủ di ý của Bách Trượng cự qui, lại cũng hết sức thích ứng được với những hiện thực phong phú phức tạp của Thiên lâm đời sau. Điều này quyết định giá trị tôn giáo to lớn của qui phạm chế độ từng lâm trong sách này, người cùng thời với Đức Huy là Quốc tử bác sĩ Hoàng Tấn đã đánh giá rất cao tác phẩm Sắc tu Bách Trượng thanh qui, cho rằng sách này đã phát huy lời dạy dỗ của bậc trước, nối tiếp làm rạng rỡ Tông phong, có thể cùng với nước nhà đồng dạng dài lâu, mãi còn, chẳng những có thể làm khuôn mẫu ở đương thời mà còn ở tương lai vô tận có thể làm chuẩn tắc cho các bậc tôn túc chôn Thiên lâm.

Sự thực đã xác định đúng như thế. Sau khi sách Sắc tu Bách Trượng thanh qui trùng biên xong, đã nhận được sự tưởng thưởng của vua Thuận đế nhà Nguyên và đế đã xuống chiếu cho tăng nhân trong thiên hạ tất phải tuân theo thanh qui này mà phụng hành. Các Hoàng đế đời Minh cũng đã rất coi trọng quyền thanh qui này, các vua Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương, Minh Thành Tổ cho đến Nhân Tông, Anh Tông đều từng hạ chiếu ban hành quyền thanh qui này, cả nghiêm lệnh đối với tăng nhân nào không tuân thủ điều lệ quyền thanh qui thì đều phải bị trói lại mà trị tội đúng pháp. Cho đến thời kỳ đời Đại Thanh và Dân Quốc, bộ Sắc tu Bách Trượng thanh qui này vẫn là cương lĩnh sinh hoạt của các tự viện Thiên tông.

Vào thế kỷ thứ 19, một vị học giả Hán học người Hà Lan đã cho rằng: “Sắc tu Bách Trượng thanh qui hiện tại vẫn mang tính tuyệt đối quyền uy trong việc trị lý tự viện”. Lại một học giả Tây phương khác là H.Hackman ở đầu thế kỷ đã phỏng vấn hơn 100 ngôi chùa ở 11 tỉnh thành và lưu lại vài tuần tại một vài tự viện trong số hơn 100 ngôi chùa trên, đích thân cảm thụ được quyền uy của Sắc tu Bách Trượng thanh qui tại các tự viện đó. Ông nói: “Mỗi một đặc điểm của các tổ chức tự viện Phật giáo đều do sách Sắc tu Bách Trượng thanh qui này nêu ra hết rồi”, học giả nước Mỹ là



Holmes Welch đã có năm sáu mươi năm tiếp xúc rộng rãi với các bậc cấp Trưởng lão và Hòa thượng ở các tự viện và đã hỏi họ tần suất sử dụng Sắc tu Bách Trọng thanh qui như thế nào, phải chăng sách này đã nằm yên ắng trên gác cao bị bụi bặm bám đầy, hay là được dùng tới hằng ngày? Các bậc tôn túc đã đáp: “Đối với nội dung của sách này thì mỗi cá nhân đều rành rõ như chỉ tay, rất ít trường hợp có nhu cầu phải đọc lại. Tuy nhiên nếu có phát sanh nhiều vấn đề phức tạp mà không có phương pháp nào khác có thể giải quyết được thì sách này là quyền uy tối hậu mà ai cũng phải tuân phụng. Bất kể là ở tại tình hình nào thì các tự viện trừ danh đều tuyệt đối không dung thứ bất cứ ai làm ngược lại qui định của Sắc tu Bách Trọng thanh qui”. Do đó mà không khó thấy ra rằng mục tiêu mà thiền sư Đức Huy kỳ vọng không bị rơi vào khoảng không, lời bình luận của nhóm các ông Hoàng Tấn không phải là lời rỗng tuếch. Từ hơn 600 năm trở lại đây thì Sắc tu Bách Trọng thanh qui trong xã hội Phật giáo Trung Quốc chiếm lĩnh địa vị cực kỳ trọng yếu, giá trị tôn giáo cực đại của sách này sẽ tồn tại lâu dài không suy vi theo thời gian.

### **3. Tiểu sử người trùng biên và hiệu chính**

Sau đây xin nêu giản lược tiểu sử người trùng biên Sắc tu Bách Trọng thanh qui là thiền sư Đức Huy và người hiệu chính là Đại Hân.

Thiền sư Đức Huy đều không rõ được tên thế tục cùng năm sanh ngày mất, chỉ biết sư là người Đông Dương (nay là thành phố Kim Hoa ở Chiết Giang). Sau khi xuất gia, sư thờ Thiền sư Hối Cơ Nguyên Hi làm thầy, sau xuất nhiệm chức trụ trì chùa Đại Trí Thọ Thánh ở núi Bách Trọng, là cháu đạo đời thứ 18 của Thiền sư Bách Trọng Hoài Hải, là tăng nhân thuộc hệ Đại Huệ Tông Cảo, phái Dương Kỳ, tông Lâm Tế. Vì muốn thống nhất thanh qui từng lâm nên sư đã bôn tẩu lên kinh sư, thông qua quyền thần Tát Địch, được Hoàng đế tín nhiệm, phụng sắc trùng biên thanh qui. Sách thành, khâm mạng đem Sắc tu Bách Trọng thanh qui ban hành khắp thiên hạ.

Còn Đại Hân, tự là Tiểu Ân, họ Trần, người Giang Châu (nay là thành phố Cửu Giang tỉnh Giang Tây). Sư xuất gia từ lúc còn ấu thơ, sau khi trưởng thành, bác thông Phật điển cùng ngoại điển của Nho – Lão. Sư cũng thờ Thiền sư Hối Cơ Nguyên Hi làm thầy mà đắc pháp, trải qua thời gian làm trụ trì ở các chùa như: Giang Tâm ở Vĩnh Gia (nay là thành phố Ôn Châu tỉnh Triết Giang), học đồ rất đông, cực thịnh một thời. Thời vua Văn Tông nhà Đại Nguyên, sư được vời vào triều hỏi đạo, ban

tứ y Kim Lan. Năm thứ tư niên hiệu Chí Chánh (1344) qua đời, hưởng niên 61 tuổi, có trước tác Thiền lâm thanh qui, Tứ hội ngữ lục và Bồ thất tập truyền trong đời.

Thiền viện Vạn Hạnh  
Mùa an cư 2552 - 2008  
Thích Phước Sơn, Lý Việt Dũng  
Kính ghi

[ĐẦU TRANG](#) [Q1](#) [Q2](#) [Q3](#) [Q4](#) [Q5](#) [Q6](#) [Q7](#) [Q8](#) [CHÚ THÍCH](#)

## **SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUI**

**TRỤ TRÌ CHÙA THIỀN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH LÀ TĂNG BÈ TÔ I ĐỨC HUY PHỤNG  
SẮC CHỈ BIÊN SOẠN LẠI, TRỤ TRÌ CHÙA ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP KHÁNH LÀ  
TĂNG BÈ TÔ I ĐẠI HÂN PHỤNG SẮC CHỈ HIỆU CHÍNH**

**Viết Dịch: HT.Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng**

### **QUYỂN 1**

#### **CHƯƠNG 1 - CHÚC LY**

Vốn quý của con người là làm sáng tỏ cái đạo, cho nên các bậc Thánh quân từ xưa vốn sùng mộ giáo pháp của bậc Thánh nhân ở phương Tây (Phật) của chúng ta nên không dùng lễ của thế tục mà đối đãi với đồ chúng Phật giáo, ấy là tôn trọng mỗi đạo vậy.

Khâm duy quốc triều Đại Nguyên ta rất mực ưu đãi tăng nhân, đặc biệt miễn thuế má và sưu dịch khiến cho mọi người tu được an cư hầu hết lòng hết sức với đạo.

Thánh ân rộng lớn, trời đất không thể sánh cùng tận vậy, ấy cũng là ngộ rõ Phật tánh để quay về chí thiện, hầu phát huy diệu dụng để vượt chí thần, dẫn đạo nhân dân đến nền giáo dục vô vi, giúp cho đời được thăng hoa trong lịch vực đạo đức, hầu báo đáp ơn vua, ấy là việc mà tu sĩ chúng ta phải hết sức trọn lòng vậy. Nhìn qui tắc hành sự hằng ngày thì sớm chiều phải cầu chúc, một bát cơm không quên ơn để mà giữ gìn quỹ độ vậy.

#### **LỄ CHÚC MỪNG THÁNH THỌ THÁNH HOÀNG**

Khâm duy, gặp ngày lễ chúc mừng Thánh thọ Thánh hoàng, trước tiên phải cử hành đạo tràng Kim cang vô lượng thọ. Các ngày trong tháng này, tăng nhân không được nghỉ phép, đó là biểu thị sự kính trọng ngày lễ chúc mừng Thánh thọ Thánh thượng. Trước cử hành lễ một ngày thì Đường ty (liêu Duy-na) chuẩn bị đầy đủ bảng thông báo, treo ở bên phải cửa tam môn (cổng chính của chùa) và treo bảng danh sách các kinh phải tụng trên chánh điện (hình thức chếp phía sau). Cả hai bảng thông báo này đều viết trên giấy vàng, luân phiên sai Tăng bạ y theo thứ tự giới lạp cao thấp, tất cả đều viết song tự danh. Năm ngày trước đó, Duy-na cuộn giấy dói lĩnh, hành giả của Đường ty (hành giả của liêu Duy-na) đến liêu thư ký, thông báo. Thư ký ra tiếp đón, Duy-na dập tọa cụ xuống đất lạy một lạy bẩm báo rằng: “Cử hành lễ chúc thọ Thánh hoàng, phiền thư ký viết lời văn trong sớ!”. (Như chúc thư ký đang khiếm khuyết thì thị giả chuyên thảo thư trạng thay thế thư ký soạn sớ, trong trường hợp cả thư ký và thị giả chuyên thảo thư trạng đều khiếm khuyết thì đành phải dùng sớ ngữ đã soạn thành lần trước vậy), (xin xem hình thức sớ ngữ ở phần sau).

Sau khi thư ký soạn xong, trước tiên cầm bản thảo trình Trụ trì xem lại, rồi đích thân mang tới liêu Duy-na, giập tọa cụ xuống nền lạy một lạy đáp tạ như Duy-na đã lạy mình. Duy-na dùng giấy màu vàng viết sớ, đoạn dẫn theo người tuỳ tùng, bung mâm gỗ có trái nắp vải đặt sớ cùng hộp hương và đèn cây trên đó, bung đến thất Phương trưng trình qua Trụ trì kiểm lại sớ, đốt hương dập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy bẩm bạch: “Cử hành lễ chúc thọ Thánh thượng, thỉnh mời Hòa thượng kiểm lại sớ!”. Trụ trì kiểm xong, hành giả lại bẩm báo với Trụ trì là sáng mai lên chánh điện cử hành đọc tụng kinh. Đoạn thông báo các liêu phải treo bảng phúng tụng kinh, thị giả đốt hương bẩm báo với Trụ trì là sáng mai thượng đường. Đến canh năm, Trụ trì tuần hương về, thị giả lại bẩm báo lần nữa là sáng nay khi dùng cháo sáng xong là thượng đường, lệnh cho khách đầu treo bảng Thượng đường. Duy-na tại tăng đường, sau khi đánh chùy để toàn thể đại chúng dùng cháo, lại đánh chùy một tiếng nói: “Kính bạch đại chúng! Sau khi dùng cháo xong, hãy nghe tiếng chuông đánh lên thì mọi người phải chỉnh oai nghi đến Đại hùng Bửu điện cử hành lễ thiên thọ Thánh hoàng. Kính cẩn báo bạch!”. Lại đánh một tiếng chùy, đến trước Trụ trì vái chào vãn an, rồi từ bản đầu của thủ tọa cất bước tuần rào tăng đường một vòng, bước ra ngoài tăng đường từ mé trái đi sang mé phải, rồi lại quay vào chính giữa tăng đường vái chào vãn an toàn thể đại chúng rồi ra khỏi tăng đường. Sau khi ăn cháo xong, đại chúng dùng lại một lát chờ cho trên chánh điện bày biện xong hương, đèn cây, trà thang, chập chỏa, lư hương cầm tay. Hành giả đường ty báo với khách đầu thất

phương trượng, trước tiên bắm báo trụ trì, thứ nữa báo với thị giả, đánh ba tiếng vân bản thất phương trượng, đoạn giống trống. Hành giả đường ty dự liệu đánh ba tiếng vân bản của các liêu, tập họp chúng ngồi tại pháp đường. Như khi tọa Thiền thông thường, tức là ngồi hướng vào trong, khi nghe trống đánh thì quay người ngồi hướng ra ngoài. Các đầu thủ trước tiên tập họp ngoài pháp đường chờ trống đánh liền vào. Thủ tọa vào sau chót đến ngồi tại vị trí mình, còn tây đường, cần cưu, môn đường và các liêu, đều ngồi ngoài pháp đường. Trụ trì ngay khi trống vừa giống thì ra khỏi tầm đường ngồi, thị giả vái chào vân an rồi đứng ở mé Đông, hành giả vái chào vân an rồi đứng ở mé Tây. Trống chuyển, thị giả đến bên mé trái pháp tòa đứng. Đợi đại chúng tập họp, đầu thủ hạ sàng (bản đầu) đến trước tượng Thánh tăng vái chào vân an rồi suất lĩnh chúng xuất đường, đến trước tượng Thánh tăng đứng thành một hàng vái chào vân an rồi quay về Tây tự mà đứng, đại chúng đứng thành hàng như hàng nhận bay phía sau. Nếu không cần đợi đầu thủ đến mà trước tiên tự mình lập định là không đúng phép tắc, phần hành đường (liêu hành giả) thì cũng vào lúc trống giống, đánh vân bản ba tiếng. Tham đầu suất lĩnh chúng hành giả đứng đối mặt sắp hàng trước khó đường, chờ cho trống chuyển, tri sự bước ra liền vái chào vân an rồi đi theo sau tri sự. Chờ cho Tây tự quay về vị trí rồi cũng sắp một hàng trước pháp tòa vái chào vân an. Thượng thủ ở phía sau, đô tự dẫn chúng quay về Đông tự lập định. Chúng hành giả đứng thành hàng phía sau tri sự cách khoảng hơi xa một chút chờ thị giả vào mời thỉnh trụ trì ra. Hành giả vái chào vân an, trụ trì tiến đến trước pháp tòa, hành giả tiến đến gần tri sự đứng phía sau.

Về tháng đông, tức đại chúng bỏ mũ đội đầu chống lạnh xuống để vái chào vân an, trụ trì chấp tay vái chào thẳng tòa. Thị giả cũng bước theo trụ trì lên pháp tòa, lấy hộp hương lấp đầy hương bung dâng lên. Trụ trì dâng hương chúc thọ Thánh Hoàng xong, thị giả đón lấy hương dùng tay trái cầm hương vào lư hương, tay phải đưa hương tiếp theo, vái chào vân an đại lược, xuống tòa quay về ban. Đợi trụ trì chỉnh y (nâng y chỉnh sửa cho trang nghiêm) ngồi xếp bằng, thị giả trước tiên từ chối ban dẫn chúng qua dưới pháp tòa, đứng xếp hàng vái chào vân an. Thị giả đốt hương dẫn ban chúng lui về vị trí cũ, kế đến thủ tọa suất lĩnh ban tiến ra, đứng xếp hàng trước pháp tòa, vái chào vân an. Đại chúng đồng loạt vái chào vân an, tri sự chuyển dời ban đứng xếp hàng trước pháp tòa vái chào vân an. Hành giả theo sau vái chào vân an, Đông đường và Tây đường bước ra đứng dưới pháp tòa vái chào vân an. Thị giả lên tòa, tay trái dâng hương, quay người đưa tọa cụ lên vái chào vân an (gọi là thay thế chúng thỉnh pháp), lui ra đứng bên pháp tòa. Hỏi đáp xong, Trụ trì trình bày sự

ý rằng: “Ngày mỗ, tháng mỗ, khâm duy gặp ngày lễ chúc thiên thọ Thánh Hoàng, chùa mỗ dự trừ vào ngày mỗ, tháng mỗ, cử hành đạo tràng Kim cang vô lượng thọ, tất cả các ngày trong tháng, mỗi ngày luân phiên cử một v? Tăng lên chánh điện phi duyệt kim văn, sáng nay khai khai. Trụ trì là tăng bề tôi mỗ lên pháp tòa này cử dương Thánh đế đệ nhất nghĩa. Tập hợp nhân lành lớn chính là chúc Thánh Hoàng kéo dài Thánh thọ vạn an”. Trụ trì thuyết pháp xong, cáo bạch rằng: “Sau khi hạ tòa, các vị đều đầy đủ uy nghi đến Đại Hùng bửu điện cử hành lễ chúc thiên thọ Thành Hoàng. Xin kính cẩn cáo bạch!”. Trong ngày lễ chúc thọ Thánh Hoàng này, tuy dưới pháp tòa có quan viên thì cũng không nói lời cảm ơn bởi tôn quân. Gióng đại hồng chung cùng chuông trước tăng đường, tập hợp chúng sắp hàng trên chánh điện hướng về phía Phật mà đứng. Trụ trì lên điện dâng trà thang do thượng thủ và tri sự dâng lên. Thị giả đốt hương đến trước tòa Phật rót trà thang. Hiến trà thang xong, trụ trì quay về vị trí mình mà đứng. Hành giả đánh chập chỏa, duy-na chuyển người đến trước lư hương vái chào mời trụ trì cắm hương. Thị giả đốt hương bung hộp đựng hương, kể đến Đông đường và Tây đường xuất ban dâng hương (như có trụ trì các chùa bạn to lớn danh tiếng tình cờ đến chùa thì trụ trì lệnh cho thị giả mời vị ấy đứng trước lưỡng tự mà dâng hương). Kể đến lưỡng tự bước ra trước, đứng đối diện nhau hướng về Phật vái chào vãn an. Cắm hương xong, lưỡng tự chào kính nhau, chuyển người quay trở về vị trí cũ. Đại chúng đồng trải tọa cụ giập đầu lay ba lay, lưỡng tự phân ra hai ban đứng đối diện nhau. Trụ trì đến trước điện Phật quì xuống, tri khách quì đưa lư hương cầm tay, thị giả quì đưa hộp đựng hương. Duy-na bạch Phật, tuyên đọc sớ xong, tri khách quì đón lấy lư hương cầm tay. Trụ trì cuốn thu tọa cụ, duy-na đọc chú Lăng nghiêm, hồi hướng rằng: “Phúng tụng bí chương, tập hợp nhân lành to lớn chủ yếu là nhằm chúc thiên thọ đương kim Hoàng đế Thánh thọ vạn an, Kim cang vô lượng thọ Phật v.v...”. Lễ xong, đại chúng phân tán. Mỗi ngày hành giả đường ty phải soạn tăng bạ luân phiên, tức là phải dự liệu một ngày trước thỉnh trụ trì, đầu thủ và chúng tăng, mỗi người đều viết song tự danh rồi ký tên. Lường tính xem đại chúng nhiều ít, y theo giới lập cao thấp mà viết danh sách phân công, vạch ra ngày qui định trực điện, giáp vòng rồi thì quay lại người đầu. Lại phải liệt kê ra mục lục các kinh cần đọc niệm yết đối diện với bảng phân công trực điện treo trên cột trong điện. Đến ngày các phần vụ đảm đang cần phải nghiêm túc, đánh đại hồng chung lên chánh điện, theo thứ tự tăng viên phải đầy đủ uy nghi, ôm hộp hương, lễ Phật, quì vị, đọc kinh. Khố ty sắm sửa đầy đủ hương và đèn cây, chuẩn bị đủ bữa điểm tâm. Duy-na đốt hương, bày thang thủy. Đến tối thỉnh đại hồng chung xuống điện. Hành giả đường ty và hành giả trực chánh điện thường phải hết sức để ý theo

đôi, không để cho xảy ra tình trạng trễ nhấc, biếng lười. Như có các quan viên vào chùa dâng hương thì thỉnh chuông tập hợp chúng, phúng tụng chú Vô lượng thọ, đọc tôn hiệu Phật Dược sư. Xong, hồi hướng rằng: “Vị quan mỗ ở tại xứ mỗ vào chùa lễ bái dâng hương, tăng chúng tụng niệm bí chương (thần chú), duyên lành to lớn chủ yếu là nhằm chúc đương kim Thánh Hoàng Thánh thọ vạn an, Kim cang vô lượng thọ v.v...”. Nếu lễ chúc thiên thọ Thánh hoàng lại gặp nhằm một trong ba ngày tám (mùng 8, 18, 28) thì tại điện Phật phải cử hành lễ đọc tụng. Đến ngày, sau bữa độ trai, hành giả đường ty bảm báo trụ trì, lưỡng tự và các liêu phải treo bảng “Niệm tụng” để thông báo cho đại chúng. Trước buổi văn tham, tuần hành lang, đánh vân bản, tập hợp chúng hướng về Phật đứng xếp hàng. Khi trụ trì đến thì đánh ba tiếng đại bản, kể thỉnh đại hồng chung, đốt hương trở về vị trí. Duy-na bước ra khỏi ban, niệm tụng rằng: “Gió Hoàng gia mãi phất, đạo đế vương lan xa. Phật nhật tăng huy, pháp luân thường chuyển. Vì các duyên do như vừa nêu trên nên niệm pháp thân thanh tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na”. Niệm tôn hiệu Tỳ-lô-giá-na 10 lần xong hồi hướng rằng: “Niệm tụng vừa qua, tập hợp nhân lành to lớn là nhằm chúc thọ đương kim Hoàng đế Thánh thọ vạn an, thọ như Kim cang vô lượng thọ Phật v.v...”. Đánh chuông trước tăng đường ba tiếng, đại chúng vái chào vạn an rồi phân tán.

Hoặc giả lúc trụ trì đến đạo tràng các nơi như quận, huyện, đô, đạo trở về thì phải đánh chuông tập hợp chúng ra đón tại cổng chùa rồi đưa về thất phương trượng vái chào vạn an.

Lễ khai kiến chúc thọ Thánh thượng, Cổ thanh qui có ghi chép rõ ràng. Đường tăng, đường ty, cấp giấy chứng nhận. Các hành cước tăng mới tạm đến chùa được khách ty cấp giấy chứng nhận mang theo bên mình để đối chiếu chứng minh (khi bị xét hỏi). Bởi thời xưa Tăng và Đạo mỗi năm phải trình một bảng danh sách đề nghị ai được miễn hay phải nộp tiền thuế đình, sau đó quan cứu xét cấp giấy chứng nhận làm bằng. Cho nên các hành cước tăng du phương, ngoài đạo cụ và đồ điệp mang theo mình, còn phải có giấy chứng nhận được miễn thuế đình mỗi năm, có giấy chứng nhận mỗi năm nhập hạ an cư ở đâu, có giấy chứng nhận đã dự lễ khai kiến để sẵn sàng trình ra mỗi khi bị xét hỏi. Các thứ giấy tờ nêu trên hết sức quý giá nên phải lo sợ cẩn thận giữ gìn. Nay tuy không còn sử dụng các loại giấy chứng nhận đó nữa, nhưng chép lại các chuyện này để thấy phép xưa vậy.

### **Hình thức bảng giấy màu vàng:**

Chùa mỗ, ở phủ mỗ, châu mỗ Ngày mỗ tháng mỗ khâm duy gặp lễ chúc thiên thọ Thánh hoàng, bốn tự dự trừ vào ngày mỗ tháng mỗ cung kính tụ tập tại Đại hùng bửu điện để cử hành nghi thức khai kiến đạo tràng Kim cang vô lượng thọ kéo dài trong một tháng. Mỗi ngày trong tháng này luân phiên phân công tăng lên trực trên chánh điện đọc tụng kinh điển chân chánh, tuyên niệm tôn hiệu Phật, tập hợp duyên lành to lớn là nhằm chúc thọ đương kim Thánh hoàng Thánh thọ vạn tuế, vạn tuế vạn vạn tuế.

Cung kính,

Duy Phật nhật sáng rỡ Trời rồng chiêu cách

Ngày mỗ, tháng mỗ, năm mỗ Đô giám tự tăng bề tôi mỗ kính cẩn tỏ lời

Trụ trì tăng bề tôi mỗ.

### **Hình thức bảng danh sách các kinh phải đọc:**

Nay cụ bị phẩm mục kinh văn phải đọc như sau:

- Kinh đại phương quảng Phật Hoa nghiêm
- Kinh đại Phật đánh vạn hạnh thủ Lăng nghiêm
- Kinh đại thừa Diệu pháp liên hoa
- Kinh đại thừa Kim quang minh
- Kinh đại phương quảng Viên giác tu-đa-la liễu nghĩa
- Kinh đại thừa Kim cang bát-nhã ba-la-mật
- Kinh đại nhân vương hộ quốc

Có cụ bị như trước

Ngày mỗ, tháng mỗ

Cương duy tăng bề tôi mỗ dâng bảng.

### **Hình thức bảng danh sách trực điện:**

Nay chuẩn bị đầy đủ tất cả mọi ngày trong tháng cử tăng luân phiên lên chánh điện trực, tên họ ghi như sau: (Dùng giấy trắng viết)

Ngày mỗ...

- Trụ trì tăng bề tôi.
- Thủ tọa mỗ giáp.
- Thư ký mỗ giáp.

- Tặng chủ mỗ giáp.
- Tri khách mỗ giáp.
- Tây đường mỗ giáp.

Ngày mỗ...

Xưng hô mỗ giáp

Thượng tọa mỗ giáp

Đô tự mỗ giáp

Cụ bị đây đủ như đã nêu trên.

Ngày mỗ tháng mỗ, đường ty mỗ trình bày đủ.

### **Lời văn của sớ:**

Hữu phục dĩ

Phúc thọ vô tư, càn khôn không sánh được cao dày

Chiếu lâm hữu hách, trời trăng chẳng so nổi sáng đẹp

Biết có khen dồi ngưỡng mộ chỉ tổ nhọc công

Muốn báo đáp nhưng không thể cạn cùng

Duy chỉ phó thác trong khoảng hun đúc nghĩa trọng bốn ơn nên vất cạn lòng trung ái, kiên thành cung kính chúc ba việc:

a- Đầu xu điện quán, tiệc pháp mở bày đầy bậc Thiên sư kiệt xuất (long tượng)

b- Cương vực của Hoàng đế trăm ức, núi sông đều quy về Thánh lượng.

c- Hoa tạng trong ba ngàn thế giới càng đông dày cơ đồ vĩ đại Trọn chút lòng cát bụi, chẳng dám biếng trễ sớm tối! Khâm nguyện

Quy long dâng dụng, cảnh tinh sáng rõ mà thái bình, Lâng phụng trình tường, Thánh nhân tác mà muôn vật được thấy.

Cẩn kính dâng sớ.

### **Mãn tán:**

Hoa Ưu-bát-la thụy thế, cùng Phật đồng giáng sanh Cây diêm-phù-đề liền bóng, cùng trời thọ bằng nhau Cho nên, dưỡng dục duệ chất tức thành, khắc thừa Thánh mô to lớn Lớn lao thay càn, cùng cực thay càn, thể càn cư chính Hội về cực, quy về cực, kiến cực lập trung, đạo ta đại đồng giúp ích cho thời Thánh chúa thật thịnh trị Núi rừng vui chuông trồng, hóa nhật thư trường, cỏ cây côn trùng gồm đủ, ơn huệ tẩm thấm Tường khai chấn tức, tụng chúc hoa phong Khâm nguyện: Thùy cung vô



vi, trời đất định vị mà muôn vật được hóa dục. Hun đúc có khí tượng, âm dương hợp lý mà bốn mùa bình an. Thọ tới muôn năm, gốc cành tươi tốt.

## **CHÚC TỤNG CÁC NGÀY CẢNH MẠNG VÀ BỐN NGÀY TRÌ TRAI**

Ngày tốt cảnh mạng và 4 ngày trì trai là mừng 1- ngày rằm- mừng 8 - ngày 23. Đêm trước đó, hành giả đường ty thông báo chúng, treo bài hiệu Tụng kinh. Sáng hôm sau, khi hồi chuông lớn vừa dứt, thỉnh chuông trước tăng đường, tập hợp chúng lên chánh điện, duy-na đọc chú Lăng nghiêm, tuyên đọc Phật hiệu Dược sư, tán thán Phật xong, hồi hướng rằng: “Ngày mỗ nay là ngày tốt, tại chùa mỗ ở châu mỗ, trụ trì truyền pháp tăng bề tôi mỗ, kính cẩn tập hợp đại chúng cả chùa, cung kính lên bửu điện, phúng tụng thần chú Đại Phật đánh vạn hạnh thủ Lăng nghiêm, tán dương Thánh hiệu. Gom góp nhân lành to lớn là để chúc thọ đương kim Hoàng đế Thánh thọ vạn an, Kim cang vô lượng thọ Phật, Nhân vương bồ-tát v.v...”.

## **MỪNG MỘT, NGÀY RẪM, TẠI TẠNG ĐIỆN CHÚC MỪNG TÁN TỤNG**

Mùng một, ngày rằm xưa nay di chuyển quanh tạng điện chúc thọ. Nay tất trời vừa ửng sáng lên điện, trước tòa ngự chúc mừng tán tụng, lễ chủ yếu là cung kính. Thường hoặc sau khi dùng cháo sáng xong, hoặc sau khi thăng tòa xong thì động chuông tập hợp chúng đến tạng điện. Duy-na cất tiếng tụng rằng: “Ma-ha-bát-nhã-ba-la-mật-đa”, đại chúng mặc niệm theo. Trụ trì suất lãnh chúng chấp tay đi quanh tạng điện ba vòng. Nếu đại chúng đông quá thì chỉ quanh một vòng rồi lập định. Duy-na đọc chú Đại bi, hồi hướng rằng: “Trong đại viên Chiếu kính có biển hoa tạng. Công vượt tạo hóa, đạo dứt nói năng. Tam quang điện quán mà thực tướng bao hàm. Lục hiệp sấm rền mà trạm nhiên tịch tịnh. Biển bất tư nghì khó tán dương hết. Mỗ châu, mỗ tự trụ trì truyền pháp là bề tôi tăng mỗ, hôm nay là mừng một, rằm tốt ngày, kính cẩn tập hợp chúng tăng cả chùa, cung kính đến tạng điện đi vòng quanh hành đạo, xung tụng Thánh hiệu Ma ha Phật mẫu, vận chuyển pháp bảo luân tạng ở thiên cung, tụng niệm thần chú Đại bi viên mãn. Gom góp nhân lành to lớn là nhằm chúc thọ đương kim Hoàng đế Thánh thọ vạn an. Kim cang vô lượng thọ Phật, Nhân vương bồ-tát ma-ha-tát, ma-ha bát-nhã-ba-la-mật”.

## **CHÚC TÁN MỖI NGÀY**

Cơm cháo hai thời xong, ra khỏi tăng đường là tăng chúng phải lên chánh điện. Duy-na tuyên đọc chú Vô lượng thọ (ba lần) rồi hồi hướng rằng: “Phúng tụng bí chương

(thần chú Đà-ra-ni), gom góp nhân lành to lớn là nhằm chúc đương kim Hoàng đế Thánh thọ vạn an, Kim cương vô lượng thọ Phật v.v...”.

### **LỄ CHÚC THỌ HOÀNG THÁI TỬ THIÊN THU (Lễ chúc thọ sanh nhật Hoàng Thái tử)**

Đến kỳ lễ, cách đó một đêm hành giả đường ty thông báo cho đại chúng, treo bài hiệu Phúng tụng. Sáng hôm sau thỉnh chuông tăng đường, tập họp đại chúng lên chánh điện. Duy-na đọc chú Lăng nghiêm xong, bạch Phật (cũng giống như ở lễ bốn ngày trì trai) hồi hướng rằng: “Mỗ tự tại mỗ đạo, mỗ lộ, vào ngày mỗ, tháng mỗ, kính cần tập họp tăng chúng toàn sơn môn (toàn chùa) lên bửu điện, đọc tụng chú Đại Phật đánh vạn hạnh thủ Lăng nghiêm, xưng dương Thánh hiệu. Gom góp nhân lành to lớn là nhằm kính chúc Hoàng Thái tử Điện hạ anh minh ngàn đời. Lại cầu nguyện mặt trời vẫn tròn, mặt trăng vẫn sáng, chiếu soi cả thế giới. Núi như cối xay, sông như đai áo, củng cố cơ đồ. Kim cương vô lượng thọ Phật v.v...”.

### **LỄ CÁC THÁNG TỐT LÀNH**

Tháng giêng, tháng 5 và tháng 9 được coi là những tháng tốt lành. Dự liệu trước đó một ngày, duy-na lệnh cho hành giả đường ty (liêu duy-na) bẩm báo Trụ trì, thông báo với khô ty, treo bài hiệu Tháng tốt lành trước cửa chánh điện, chuẩn bị mục lục các kinh phải đọc, luân phiên sai tăng theo danh sách trực điện. Mỗi ngày thỉnh đại hồng chung lên chánh điện, xem kinh, chúc mừng tán tụng đến hết tháng mới thôi.

Ban đầu do năm thứ 3 niên hiệu Khai Hoàng nhà Tùy xuống chiếu khắp thiên hạ, trong những tháng tốt lành là giêng, năm và chín cùng 6 ngày trì trai, các chùa phải kiến lập đạo tràng cầu đảo, chẳng được sát sanh hại mạng. Do rút ra từ trong kinh tạng chép có vị Thiên vương Tỳ sa-môn, mỗi năm tuần du tra xét tứ đại bộ châu. Vào các tháng giêng, năm và chín, ngài tuần tra Nam Thiệm bộ châu, cho nên cấm giết mổ muông thú, mà riêng vào đời nhà Đường các phiên trấn mỗi khi đến nhận chức vụ tất khao thưởng lính tráng không dưới muôn người, nên phải giết mổ nấu nướng lớn, cho nên trong các tháng giêng, tháng 5 và tháng 9 không cho tới nhận chức vụ để tránh giết mổ, nhưng tục cho đó là chuyện kiêng kỵ là sai vậy.

**Chương Chúc ly hết.**

## **CHƯƠNG 2 - BÁO ÂN**

Quốc gia có lễ tế đế và tế hợp bốn mùa, do đó mà làm sáng rõ công đức, long thịnh nguồn gốc, coi trọng nối dõi. Thánh triều nhà Nguyên ta sùng mộ Phật.

Từ Thế tổ trở về sau, mỗi đời đều xây dựng chùa, bởi cho rằng nhà vua là do Phật ứng thân để cai trị thiên hạ, khi nào hóa nghi của Hoàng đế đã xong thì lại quay về cương vị Phật.

Tại các quan tự (chùa do nhà nước cất) ở chôn kinh sư đều có thiết trí tượng của Thánh Hoàng và đàn tràng thờ Phật, mỗi tháng tế năm lần, bày bàn thờ điện mà triển lễ như lúc sanh tiền, lòng tưởng nghĩ trong niềm ngưỡng mộ tha thiết.

Cung duy, Thánh hóa đầy đủ của Hoàng đế cùng với sự giáo hóa của Phật lưu truyền khắp nơi không bờ bến, mà người tu hành chúng ta tắm gội sòng ân, thăm tẩm Thánh trạch, há chẳng biết nguồn gốc ơn nghĩa đó từ đâu để mà báo đáp sao?

### **NHỮNG NGÀY GIỖ KỶ CỦA QUỐC GIA (Tiên đế của triều đình)**

Đến ngày kỷ các Tiên đế băng hà, cách trước đó một đêm, khổ ty báo với đường ty, lệnh cho hành giả bả báo trụ trì cùng lưỡng tự và thông báo cho đại chúng treo bài hiệu tụng đọc kinh, tụ tập trên pháp tòa có an trí ngự tòa. Dùng giấy màu vàng mà viết bài vị Thánh hiệu (tiên đế), trang nghiêm đặt đễ hương, hoa, đèn, bàn tiệc cúng dường. Đến kỳ, thỉnh chuông tăng đường tập họp đại chúng, chờ trụ trì đến dâng hương, dâng trà thang. Duy-na đọc chú Lăng nghiêm. Tụng đọc xong, hồi hướng rằng: “Châu mỗ, chùa mỗ, trụ trì truyền pháp là bề tôi tăng mỗ, vào ngày mỗ, tháng mỗ, cung gặp ngày thánh kỷ của Thánh hoàng mỗ. Kính cẩn tập họp tăng chúng cả chùa tụng niệm thần chú đại Phật đánh vạn hạnh thủ Lăng nghiêm, xung dương Thánh hiệu (Phật hiệu). Gom góp lợi ích to lớn là nhằm tư nghiêm cho Thánh giá.

Phục nguyện, thần hồn của cố Thánh hoàng chu du bát cực, tưởng sẽ đi xe mây, cưỡi ngựa gió đến đây chứng trung thiên, thọ dụng khoái lạc nơi điện ngọc, lầu quỳnh. Mười phương ba đời chư Phật mỗ v.v...”.

### **CẦU ĐẢO**

Phàm có cầu đảo nên y theo pháp tắc mà thiết trí nghiêm túc đàn tràng, bày biện nghi thức và lễ vật cúng dường. Trụ trì phải chuyên tâm thêm phần kính cẩn. Tăng chúng ai có phần vụ phải thi hành cho nghiêm túc, tri sự trong ngoài đề khởi đôn đốc ứng

biện. Liều xá bất cứ lớn nhỏ đều phải tuần rảo giám sát cho tề chỉnh sạch sẽ. Nếu có quan viên đến dâng hương thì phải cung kính cẩn mẫn đón tiếp tiễn đưa. Dự liệu kỳ hạn, khó ty trình thưa trụ trì, trước tiên trao dặn ý chỉ, duy-na và tri sự hội họp bàn bạc. Hành giả đường ty thông báo đại chúng treo bài hiệu Cầu đảo. Cơm cháo hai buổi xong phải thỉnh chuông tập họp chúng tụng niệm kinh, hoặc xem Đại tạng kinh, hoặc xem Tứ đại bộ kinh. Hoặc cứ ba ngày, năm ngày, bảy ngày, tùy lúc mà cử hành. Như cầu tạnh mưa hay cầu mưa xuống, tức cử tăng luân phiên, mỗi phiên 10 người hay 20 người, hoặc năm ba chục người, phân ra làm mấy nhóm tiếp tục tụng niệm. Mỗi nhóm tụng chú Đại bi, chú Tiêu tai, chú Đại vân, mỗi lần hai mươi một biến, gọi là không đứt đoạn liên tục luân lưu, tất phải tụng suốt ngày, tới lúc có cảm ứng thì mới hoàn mãn có thể phân tán sám tạ (ý trong số đều tuần tự ghi ở sau).

### **CẦU MƯA DẦM NGỪNG TẠNH**

Nếu gặp mưa dầm gây tai hại, vật dụng không thành. Trăm sông cuộn cuộn tuôn chảy, dân chúng không có nơi nào được an ổn. Ấy chẳng qua là cộng nghiệp của chúng sanh cảm ứng, chứ trời cao thì vô tư chuyện che trùm.

Do vậy, cần phát tâm thành, kiến lập đạo tràng cầu mưa dầm ngưng tạnh. Mỗi ngày bảo chư tăng phúng tụng kinh chú, cúi xin chư Thánh, chuyển người đời cầu tạnh mưa trong trời, phải mau ban phát cảm ứng. Cúi xin quét sạch mây mù ương bướng nơi hoang dã ở bốn phương, nước ứ đọng phải ngấm tiêu rút hết, treo mặt trời sáng rõ giữa không trung, ánh sáng nhất định chiếu soi, khiến cho ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) được thuận theo trật tự thiên nhiên của chúng mà muôn vật đều thỏa lòng cuộc sống của mình.

### **CẦU MƯA RƠI**

Nếu như gặp nắng hạn gay gắt gây tai hại, muôn vật đều bị khô héo. Chẳng phải trời cao giáng hình phạt mà do dân tình dưới thế làm lắm điều sai trái. Duy chỉ có chư Phật mở cửa từ bi mà việc niệm thần chú cầu đảo có được cảm ứng (khiến mưa rơi). Do đó mà phải cần phát tâm lòng thành, kiến lập đạo tràng cầu mưa, mỗi ngày sai tăng chúng tụng kinh đọc chú. Cúi xin chư Thánh, đối với chuyện cầu đảo xin ban ơn trạch mưa rơi, phải gấp ban cho niềm cảm thông. Phục nguyện, cứu vớt sinh linh nơi chôn lằm than, chấm dứt gian khổ khô hạn, khởi rông mây nơi núi sông, khiến mưa tuôn ào ào, ngõ hầu các loại gieo trồng hôm nay có cơ thu hoạch vậy.

## **CẦU TUYẾT RƠI**

Nếu gặp mùa đông mà khí ẩm kéo dài, lo cho sinh vật bị tai hại, dịch bệnh. Duy chỉ có trời tuôn tuyết rơi xuống mới làm trong sạch các hơi khí độc xấu dưới đất. Do đó cần đến thành ý kính trọng, nguyện tập điềm lành của lục hoa. Do vậy kính cẩn khải phát tâm thành, thiết lập đàn tràng cầu tuyết rơi. Mỗi ngày sai tăng chúng phúng tụng kinh chú, cúi xin chư Thánh đối với các nguyện vọng cầu xin tuyết rơi, hãy mau ban cho sự cảm thông! Cúi xin mây đỏ ngàn dặm nhuận trạch khiến bát hoang, lục phủ, tam sự dụng tu, cỏ cây đều thuận thời tiết; hai khí, ngũ hành thuận theo trật tự thiên nhiên, thần và người đều hòa hợp.

## **CẦU ĐUÔI SÂ U VÀNG HẠI LÚA**

Nếu gặp sâu hoòng bay mịt trời, là điều mất mùa đói kém phải lo, di nghiệt nhập địa (để trứng xuống đất) e sanh sôi nảy nở lan rộng, về sau không thể trừ được. Nếu không nhờ đến công trừ đuôi của thần thì tuy đã làm hết sức người cũng chẳng ra làm sao cả! Do vậy kính cẩn khải phát thành tâm, kiến lập đạo tràng đuôi sâu hoòng. Mỗi ngày sai tăng chúng phúng tụng kinh chú, cúi xin chư Thánh đối với các nguyện vọng đuôi trừ sâu hoòng, hãy mau ban cho tình trạng tiêu trừ dứt sạch!

Phục nguyện, cúi mong nổi mưa gió trừ hết quét sạch các loài sâu hại lúa không còn sót con nào, cuốn trôi chúng ra sông rạch, theo nghiệp cảm mà tự hóa (chết) hết. Dân an nghiệp thịnh, muôn vật vui hoà.

## **MẶT TRỜI BỊ ĂN**

Mỗi lần mặt trời bị ăn là ảnh hưởng xấu đến năm kỷ (60 năm). Sợ oai trời, lo sáu thứ tai lệ tương tác, cho nên thuận theo dân tình mà cứu hộ, nên nương vào sức Phật mà cầu nương. Do vậy kính cẩn khải phát thành tâm, sai tăng chúng tụng đọc kinh chú, bày tỏ chuyện xin cứu hộ. Theo nguyện vọng cầu cho mặt trời trong sáng lại thì hãy mau hoàn trả lại ánh sáng!

Cầu mong cho năm sắc mở mà hoàng đạo sáng, để chiếu xuống dưới đất. Các thứ âm u tiêu tan hết mà dương đức thịnh, chiêu hồi lại trên trời.

## **MẶT TRĂNG BỊ ĂN**

Ánh sáng mặt trăng âm tinh chủ về đêm, chỗ nhờ cậy là ánh trăng chiếu xuống. Trời biểu thị điềm xấu cho hạ dân bằng cách cho mặt trăng bị che khuất. Ấy là phải nên giới ý, phải nên lo sợ mà cầu đảo, cầu nương (cầu cúng cho tai qua nạn khỏi). Do vậy kính cẩn khải phát thành tâm, nhờ tăng chúng phúng tụng kinh chú, dụng thân cứu hộ (bày tỏ chuyện xin cứu hộ). Đối với nguyện vọng thấy mặt trăng rạng rỡ hãy mau ban trả ánh sáng!

Cúi mong, con ễnh ương yêu tinh mất dấu tích, ánh sáng trong treo hiện khắp núi sông đất đai, thổ ngọc trường sanh, muôn hiện tượng thu vào cung điện Quảng Hàn.

## **Chương Báo ân hết**

### **Sắc tu Bách Trượng thanh qui quyển 1 hết**

[ĐẦU TRANG](#) [Q1](#) [Q2](#) [Q3](#) [Q4](#) [Q5](#) [Q6](#) [Q7](#) [Q8](#) [CHÚ THÍCH](#)

## **SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUI**

**TRỤ TRÌ CHÙA THIÊN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH LÀ TĂNG BÈ TÔ I ĐỨC HUY PHỤNG  
SẮC CHỈ BIÊN SOẠN LẠI TRỤ TRÌ CHÙA ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP KHÁNH LÀ  
TĂNG BÈ TÔ I ĐẠI HÂN PHỤNG SẮC CHỈ HIỆU CHÍNH**

**Việt Dịch: HT.Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng**

## **QUYỂN 2**

### **CHƯƠNG 3 - BÁO BỒN**

Tánh ấy là gốc lớn của con người. Mở đất trời, nhưng không ai biết thuở ban đầu của nó. Cùng muôn đời nhưng không ai biết lúc cùng tận của nó. Phật và chúng sanh đều có tánh này, nếu ngộ tánh ấy thì lên diệu giác, nếu mê tánh ấy thì trôi lăn trong sanh tử. Từ kiếp này sang kiếp khác, sáu đường nẻo lạ, nghiệp báo cứ xoay vần mà không có lúc dứt vậy. Chỗ nhờ cậy là lời dạy dỗ của Thánh mệnh mang có thể làm nơi nương tựa. Hàng tu sĩ dùng hình phục hèn mọn lạm dự pháp hệ, tuân theo hạnh của chư Thánh gọi là Luật, tuyên lời lẽ của chư Thánh gọi là Giáo, truyền tâm của chư Thánh gọi là Thiên, nhưng phải tuân theo cái mà chúng ta cho là căn bản lớn nhất để đồng với diệu dụng toàn thể của Phật thì mới có thể gọi là Phật tử nối tiếp

huệ mạng của Phật. Việc truy điệu các Thánh trong các ngày giỗ kỵ, há là lễ của thế tục sao?

## LỄ PHẬT ĐẢN

Trước đó, Đường ty quyên tiền của đại chúng giao cho Khố ty để dinh biện cúng dường, thỉnh mời chế sớ và kiểm sớ (cùng với lễ chúc thọ Hoàng đế giống nhau). Đến ngày, Khố ty thiết trí nghiêm túc hoa đình, trong đó an trí tượng Phật giáng sinh trong chậu đựng nước tHôm, an bài hai cái thìa nhỏ. Trước tượng Phật trưng bày các món cúng dường xong, Trụ trì thượng đường chúc hương rằng: “Phật đản tốt ngày, Trụ trì tại chùa mỗ, Tỷ-kheo mỗ giáp là cháu xa của di giáo (Phật giáo) kiên thành đốt bửu hương, cúng dường đức Bổn sư Thích-ca Như Lai đại Hòa thượng, trên báo đáp bóng che từ bi, dưới những mong chúng sanh trong pháp giới niệm niệm Phật xuất hiện trong đời”. Kế Trụ trì ngồi kiết già bảm báo: “Ngày mừng 8 tháng tư, cung kính gặp ngày tốt lễ Đản sinh của đức Thích-ca Như Lai đại Hòa thượng. Xin suất lãnh chúng Tỷ-kheo, sắm sanh đầy đủ hương hoa, trà quả, thức ăn ngon lành để bày tỏ (thi triển) cúng dường. Trụ trì là Tỷ-kheo mỗ giáp cháu xa của di giáo (Phật giáo), lên tòa này cử xướng Tông thừa. Sở tập thù huân, trên báo đáp bóng che từ bi, dưới cùng chúng sanh trong pháp giới bày tỏ (triển khai) lễ khánh chúc hy hữu”. Kế thuyết pháp xong bảm bang rằng: “Xuống tòa mọi người đều đầy đủ oai nghi đến điện Đại Phật để tắm Phật và tụng kinh”. Nói xong xuống tòa, suất lãnh đại chúng cùng lên trên chánh điện, hướng Phật sắp hàng lập định. Trụ trì dâng hương lạy ba lạy, không thân tọa cụ, tiến tới trước dâng thang thủy, dâng com canh. Thị giả thỉnh khách dâng lên, Thị giả đốt hương tiếp bung đặt trên bàn hương án. Xong Trụ trì quay trở lại vị trí lạy ba lạy, dâng hương lần nữa, dâng tặng phẩm cúng dường, rồi dâng nước trà. Trụ trì lạy ba lạy rồi cuốn thân tọa cụ. Duy-na vái chào các ban mời thượng hương. Đại chúng trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy, Trụ trì quì trước lư hương, Duy-na bạch Phật rằng: “Một trăng trên trời, ảnh hiện khắp mặt nước. Một Phật ra đời, đều ngồi trên tòa hoa. Hào quang trắng soi trái mà ba cõi sáng trưng, nước cam lồ rưới mà tứ sanh được thấm nhuần”. Duy-na tuyên đọc sớ xong, cử xướng kệ tắm Phật rằng:

“Con nay tắm rửa các Như Lai,  
Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ,  
Chúng sanh ngũ trược lìa cấu bần,  
Đồng chứng tịnh pháp thân Như Lai.”

Lúc cử hành tẩm Phật gần xong, đọc chú Lăng nghiêm, hồi hướng rằng:

“Công đức tụng niệm kinh chú vừa qua, hồi hướng cho chân như thực tế trang nghiêm vô thượng Phật quả bồ-đề. Bốn ơn báo đền, ba cõi cùng trọn, hữu tình trong pháp giới cùng tròn đầy chủng trí. Mười phương ba đời, tất cả Phật v.v...”.

### **Lời văn của sớ:**

Biển cả lặng yên, riêng nghe tiếng vang dội khuấy động của Triều âm. Thái hư rộng tuếch, chỉ thấy nét dọc ngang phơi bày của cảnh tượng. Do Bốn lớn mà Tích rõ Bởi thời đến nên cơ ứng Khiến quân linh đều thành chánh giác. Từ ngũ trước thị hiện giáng sanh. Cởi áo quý, khoác y dơ, ủy thân tuấn hình Bồ Hóa thành đấng Bảo sở, nắm tay cùng về Sơ độ trùng lâm Ôn lớn khó báo.

Phục nguyên,

Phẩy gió mát nơi cuối đời.

Dựng (mặt) trời huệ tại giữa không.

Không Phật không ma, pháp pháp tuyên dương kệ ngọc.

Chẳng dơ chẳng sạch, trần trần xối dội thân vàng.

## **LỄ PHẬT THÀNH ĐẠO VÀ BÁT NIẾT- BÀN**

### **a- Lễ thành đạo**

Trước ngày lễ, Đường ty quyên góp tiền của đại chúng nộp cho khổ ty để dinh biện cúng dường. (Duy-na) thỉnh mời (thư ký) viết sớ, (Trụ trì) kiểm sớ (cùng với nghi thức lễ đản sinh giống nhau). Trụ trì thượng đường dâng hương bầm bạch rằng: “Ngày Phật thành đạo, trụ trì của chùa mỗ là ti- kheo mỗ giáp, con cháu xa của di giáo (Phật giáo) phụng vì chúng sanh trong pháp giới, kiền thành dâng hương bầm báo, cúng dường đức bốn sư Thích- ca Như Lai đại Hòa thượng, hầu trên báo đền bóng râm từ bi, cúi mong chúng sanh trong pháp giới cùng thành Chánh giác!”. Kế ngòi xếp bằng (phu tọa) bạch rằng: “Ngày mừng 8 tháng 12, cung duy gặp ngày thành đạo của bốn sư Thích-ca Như Lai đại Hòa thượng, suất lãnh chúng ti-kheo, chuẩn bị trang nghiêm đầy đủ hương, hoa, đèn, đèn cầy, trà quả, thức ăn ngon lành, để biểu thị cúng dường. Trụ trì là ty-kheo mỗ giáp, con cháu xa của di giáo (Phật giáo) lên pháp tòa này, cử xướng Tông thừa: “Sở tập thù huân nhằm báo đáp bóng



râm từ bi, phổ nguyện chúng sanh trong pháp giới, phát minh trí huệ của chính mình vào vô số quốc độ như bụi trần mà chuyển đại pháp luân”.

Sau đó thuyết pháp xong, cáo bạch rằng: “Đại chúng xuống tòa, ai ai cũng đầy đủ oai nghi đến đại Phật điện (đại hùng bửu điện) tụng kinh, xin kính cẩn cáo bạch!”. Nói xong, xuống tòa suất lãnh chúng lên điện trải tọa cụ giập đầu lay ba lay, quì trước lư hương niêm hương. Duy-na bảm bạch Phật rằng: “Bậc chánh giác trước núi (dưới cội bồ-đề) lúc đầu hôm vừa nhìn thấy ngôi sao sáng rực mà ngộ đạo. Trong tam đại thiên thế giới nêu cao mặt trời huệ để giữ ánh sáng chói lọi”. Tuyên đọc sớ xong, tụng kinh hồi hướng.

### **b- Lễ bát niết-bàn**

Trụ trì trước tiên tại điện Phật dâng hương chúc thọ Thánh Hoàng, tụng kinh xong, trước sau theo thứ tự thượng đường chúc hương rằng: “Ngày Phật bát niết-bàn, Trụ trì chùa mỗ là là Tỷ-kheo mỗ giáp, con cháu xa của di giáo (Phật giáo) kiền thành đốt hương báu cúng dường đức bốn sư Thích-ca Như Lai đại Hòa thượng để hầu trên báo đáp ơn che bóng rợp từ bi, dưới cùng chúng sanh pháp giới đồng biểu thị kẻ dưới lạy kính mộ. Điều mong ước là pháp thân thường trụ, pháp luân tái chuyển, tất cả các loài hữu tình hàm linh đều ngộ vô sanh pháp nhãn”. Kế ngồi xếp bằng bảm bạch: “Rằm tháng hai, cung duy gặp ngày đức bốn sư Thích-ca Như Lai đại Hòa thượng nhập Niết-bàn, suất lãnh chúng tỷ-kheo, cụ bị nghiêm túc đầy đủ hương, hoa, đèn, đèn cây, trà quả, thức ăn ngon lành để bày tỏ (tiên hành) cúng dường. Trụ trì là tỷ-kheo mỗ giáp, con cháu xa của di giáo (Phật giáo) lên trên tòa này, cử dương Niết-bàn diệu tâm. Sở tập thù huân, trên báo đáp ơn che bóng râm từ bi, dưới phổ nguyện tất cả chúng sanh trong pháp giới đồng viên chủng trí”. Thuyết pháp xong, bảm bạch: “Các đại chúng xuống tòa hãy cụ oai nghi lên điện Phật lớn để tụng kinh, kính cẩn cáo bạch!”. Xuống tòa suất lãnh đại chúng lên trên đại điện trải tọa cụ giập đầu lễ bái ba lay, quì trước lư hương niêm hương. Duy-na bảm bạch Phật rằng: “Thân trong pháp giới thanh tịnh vốn không có xuất hiện và mất đi, nhưng nguyện lực đại bi thị hiện thì có lui tới”. Tuyên đọc sớ xong, tụng kinh hồi hướng, cùng với lễ thành đạo vừa nêu trên giống nhau.

### **Lời văn sớ Thành đạo:**

Thành Phật từ vô lượng kiếp, há cần tiên tu ư?

Chúng sanh không biết nguyên lý, nên phải tiên giác vậy!  
Tự giác- tha giác mà thành giác đạo  
Xuất thế- tại thế nên gọi Thế Tôn  
Xiển hóa nghi một đời  
Theo di quỹ các Phật  
Ngồi dưới cội bồ-đề, ma quân lẫn mất lu mờ  
Hiện ra hoa Ưu-bát, pháp luân thường chuyển sáng rõ  
Nên ban đầu ví ánh sáng chiếu buổi mai  
Mà về sau biểu thị chánh truyền từ nâng hoa Chân thường tròn sáng nên có- không  
đều quên bỏ,  
Thánh phàm là mộng ảo  
Vạn hóa nhồi nặn mà xưa nay như nháy mắt, trời đất ấy mảy lông  
Nhìn đời cuối biết gì đâu Đốc di ngôn phải cẩn thận!  
Cúi xin, Có-không, tới- sáng, đều tuyên thuyết pháp âm vi diệu  
Xuân động hàm linh cùng chứng minh đức tướng trí huệ.

### **Lời văn sơ bát Niết-bàn:**

Các thứ đều đến với quần cơ, câu phó thác kinh Pháp hoa thọ ký  
Cố sức điều chế kẻ học, lời phù luật kinh Di giáo đàm thường  
Như nâng hoa đăc chỉ giao phó pháp chánh truyền  
Mà lá rụng về cội thì bọn ta làm được  
Bậc giáo hóa đời, rốt lại chấm dứt ở diệt tận, thuận vô thường thế gian  
Còn người ngu nơi cảnh ảo mà quay về chôn chân, gọi là tịch diệt  
Nhưng viên ngọc thần vẫn chiếu mãi nơi bản  
Còn bóng trắng bấu nào né dòng nước dơ  
Đại định không nơi chón, thường trụ hằng hà sa kiếp  
Viên cơ rộng phổ ứng, thị hiện trăm ngàn ức thân  
Cho nên tướng thế gian khó quên mất  
Gặp ngày giỗ càng tăng lòng ngưỡng mộ  
Cúi xin,  
Dẹp bỏ tà kiến của bọn sau muộn  
Đẩy lui bạc bẽo ở pháp vận cuối  
Định- huệ kiên tu, dài lâu như chánh pháp trụ thế Thiên ma tuân hóa, đều làm ngoại  
hộ cho Tông cương.

## (TIỂU SỬ ĐỨC PHẬT)

Phật sanh ở Trung Ấn Độ, dòng dõi Sát-đế-lợi, họ Cù-đàm. Tiếng Phạn Cù-đàm, nghĩa tiếng Hoa là Cây mía. Thi Tổ của Phật là Vương Tiên bị thợ săn bắn chết, máu thấm vào đất, sanh ra hai gốc mía. Mặt trời soi rọi, một cây sanh ra con trai hiệu Cam giá vương (vua Cây mía), một sanh ra nữ là bạch phi tử hiền lành (của Cam giá vương) sanh một trai, làm Chuyển luân Thánh vương. Nhân do mặt trời soi rọi nên cũng gọi là Nhật Chủng (giống mặt trời), truyền 700 đời đến vua Tịnh Phạn. Phật do công hạnh nhiều kiếp đầy đủ, từ cõi trời Đâu Suất giáng thân vào thai tạng hoàng hậu Ma-da phu nhân ở Vương cung. Phật sanh ngày mùng 8 tháng 4 năm Giáp Dần, nhằm năm thứ 26 vua Chiêu Vương nhà Chu, đặt tên là Tát-ba-tát-đạt. Phật sanh ra mới có bảy ngày thì mẹ qua đời, may nhờ dì là Ma-ha-ba-xà- ba-đề thay mẹ cho bú mớm nuôi nấng. Đến năm 25 tuổi, Ngài vượt thành trốn ra ngoài, chạy đến khu rừng Bạt-già-tiên, lấy gươm cắt tóc, cởi bỏ y phục quý giá, trên người cùng thợ săn đổi lấy áo ca-sa mà làm tỳ-kheo. Lại tiến về phía Bắc qua sông Hằng đến núi Già Xà tĩnh tọa tu khổ hạnh trong sáu năm, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt gạo để tiếp tục giữ tinh khí. Lại tự nghĩ nếu lấy thân gầy yếu để giữ đạo thì bọn ngoại đạo sẽ nói tự nhin đỏi là nguyên nhân đưa đến Niết-bàn, bèn xuống tắm ở sông Ni-liên rồi nhận bát cháo như pha với sữa của cô gái chăn bò mà uống. Thích đề-hoàn nhor lấy cỏ tốt lành rải lót dưới đất để Phật ngồi xếp bằng lên trên, ma vương suất lãnh binh ma đến định gia hại, nhưng dùng trăm phương ngàn kế mà vẫn không quấy nhiễu được Phật, (cuối cùng) đành lễ bái sám hối tội mà kéo đi. Ngày mùng 8 tháng 2, chập tối lúc ngôi sao sáng rõ vừa mọc, hoát nhiên đại ngộ, đắc đạo vô thượng, thành tối chánh giác. (đời tương truyền là ngày mùng 8 tháng chạp, hoặc có người cho do nhà Chu chánh kiến Tý, tức lấy tháng Tý làm tháng Giêng, hoặc có những bằng cứ khác nữa) vào lúc 30 tuổi. Thế là diễn nói kinh Hoa Nghiêm tại đạo tràng Bồ-đề A-lan-nhã nước Ma-kiệt-đề, nhưng kẻ căn cơ thấp bé chưa thể nhập được nên nghe thuyết như kẻ điếc, đưa cam. Trong 21 ngày quán thọ tư duy là phải nhập Niết-bàn. Phạm thiên, Đế thích ân cần mời thỉnh ba lần mới đến Lộc Uyển (vườn Nai) dùng Tam thừa giáo chuyển đại pháp luân, trước hết vì nhóm ông Kiêu-trần-như năm người nói các giáo pháp tứ đế, mười hai nhân duyên, và lục độ trải 12 năm, lúc bấy giờ Phật được 42 tuổi. Tối pháp hội Phương Đẳng chuyện gọt rửa đào thải tư tưởng Tiểu thừa Thanh văn cho đệ tử mới tạm khai mở sáng suốt, thế là triển khai giáo pháp “đàn thiên, kích (chiết) tiểu, thân đại, bao viên” thuyết các kinh Đại thừa Duy-ma, Lăng-già, Lăng nghiêm, Bát-nhã. Lại trải qua 30 năm nữa, lúc này Phật được 72 tuổi, thuyết kinh

Pháp hoa. Cho rằng các đệ tử đều có thể đảm nhiệm việc nặng nề là được thọ ký làm Phật, Ngài mới sững thóa bồn hoài. Lại trải qua 8 năm nữa, nhằm năm Nhâm Thân năm thứ 53 đời Chu Mục vương, lúc này Phật được 79 tuổi. Phật trước hết đến cõi trời Đao lợi vì mẹ thuyết pháp. Vua Ưu Điền (tượng Phật vắng bóng) luyện mộ đúc tượng Phật bằng vàng. Tượng này khi nghe Phật từ cung trời Đao lợi trở về liền thân hành đến đón tiếp. Di của Phật là Ma-ha ba-xà-ba-đề cùng với 500 tỳ-kheo-ni, Xá-lợi-phật, Mục-kiền-liên và bảy vạn A-la-hán không đành lòng thấy Phật Bát Niết-bàn nên cùng lúc đồng nhập diệt. Bồ-tát, tứ chúng, thiên, nhân, bát bộ, điều thú, các đế vương đều tụ tập đông đủ, nhưng Phật chỉ riêng nhận sự cúng dường sau chót của Thuần đà, vì chư tỳ-kheo thuyết vô thường, khổ-không, lại nói: “Vô thường chánh pháp tất đã phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp, sẽ là nơi nương tựa to lớn cho các ông như Như Lai vậy”. Lại nhân A-nan ở ngoài rừng Bà-la đang bị ma dụ hoặc, bèn ban sắc chỉ cho Văn Thù rằng: “A-nan là em của Ta, phục vụ bên Ta hơn 20 năm, nghe pháp đã đầy đủ như khí cụ rót nước, muốn cho thọ trì kinh Niết-bàn này”. Văn Thù thân phụng sắc chỉ vội gọi A-nan về, Phật nói: “Có phạm chí Tu-bạt-đà-la, 120 tuổi mà chưa bỏ được tính kiêu mạn. Ông phải nói cho ông ấy biết, nửa đêm nay đây Như Lai sẽ bát Niết-bàn”. Phạm chí bèn cùng A-nan đến ra mắt Phật, nghe Ngài thuyết pháp mà đắc quả A-la-hán. Phật bèn nói với mọi người: “Từ khi Ta đắc đạo lần đầu độ nhóm Kiều-trần-như, sau cùng độ Tu-bạt-đà-la, công việc của Ta đã xong xuôi”. Nửa đêm ngày rằm tháng hai biểu thị cáo giới: “Tỳ-kheo các ông, sau khi Ta nhập diệt phải nên tôn giới Luật Ba-la-đề-mộc-xoa là bậc đại sư của các ông như lúc Ta còn tại thế, chẳng chút sai khác”. Trên giường bảy báu, Ngài nằm nghiêng hông bên phải, yên lặng không nói gì cả mà bát Niết-bàn. A-na-luật lên cõi trời Đao lợi báo bẩm với phu nhân Ma-da, rồi từ trên trời lại giáng hạ. Thế Tôn ngồi dậy vì A-na-luật thuyết pháp an ủi, lại nói với A-nan nên biết Ta vì chúng sanh đời sau bất hiểu nên Ta phải từ trong áo quan bằng vàng bước ra vái chào vấn an mẹ. Lúc bấy giờ, Ca-diếp và 500 đệ tử từ núi Kỳ-xà-quật chạy tràn về đến đau buồn ghen ngào tác lễ. Lại hiện tướng “thiên bức luân (ngàn dẫu tròn)” dưới hai lòng bàn chân. Trời người, ai nấy đều mang củi thêu đến chỗ hỏa thiêu. Phật hóa lửa tự đốt thân mình bảy ngày mới dứt, chúng thu xá-lợi đầy bảy ảng vàng. Vua A-xà-thế cùng tám quốc vương khác và Đế thích, chư Thiên, Long vương cùng tranh xá-lợi. Đại thần Ưu-bà-cát can ngăn lại, đề nghị nên cùng chia ra, tức chia làm ba phần: một thuộc chư Thiên, một thuộc Long vương, một thuộc tám quốc vương, trong đó vua A-xà-thế được 84.000 viên, lấy hộp bằng chất tử kim chứa đựng, nơi năm khúc sông Hằng, xây tháp cất giữ.

## THẦY CỦA VUA QUA ĐỜI

Đến ngày, trên pháp tòa kính an bài vị, y theo phép tắc mà đặt bày trang trí. Chuẩn bị đầy đủ hương, hoa, đèn, trà, quả, thức ăn ngon lành để biểu thị cúng dường. Duy-na thỉnh chế (viết) sớ và kiểm sớ (giống như ở lễ Phật Niết-bàn). Cách đó một đêm, bảo hành giả đường ty thông báo chúng treo bài hiệu Phúng tụng kinh. Đúng ngay ngày lễ, đánh chuông tập họp đại chúng, hướng về pháp tòa đứng xếp hàng như hình bày nhận bay để đợi trụ trì đến thượng (dâng) hương, thượng (dâng) thang, dâng cơm cúng, ban phát tài vật bố thí. Dâng trà lễ bái xong, dâng hương (có nói pháp ngữ). Duy-na vái chào mời ban thượng hương, đại chúng phổ đồng lễ bái. Trụ trì quì trước lu hương, (duy-na) tuyên đọc sớ rồi tụng niệm chú và hồi hướng như sau: “Công đức tụng niệm kinh chú vừa rồi phụng vì ngài ‘Hoàng Thiên chi hạ, nhất nhân chi thượng (dưới trời, trên vua) khai giáo tuyên văn, phụ trị đại Thánh, chí đức phổ giác chân trí hựu quốc như ý đại bảo pháp vương, Tây Thiên Phật tử, Đại Nguyên đế sư”, hầu báo đáp bóng rợp từ bi. Mười phương, ba đời tất cả chư Phật v.v....

### Lời văn của sớ:

Thiên khai hữu nguyên, nương vào đại Thánh phụ trị  
Đạo tôn cao nhất, đúng là pháp vương tuyên văn.  
Mật giúp rập hóa cơ  
Ngâm đỡ đàn vương độ  
Thoát lời làm kinh, Cát bước làm pháp, cương vị ở trong ngàn Phật  
Phối hợp rộng dài cùng đất, phối hợp cao sáng với trời, tôn quý trên cả nhà vua  
Nay đây gặp Thánh ky  
Càng ngưỡng mộ ân quang  
Cúi xin,  
Lại cõi nguyện luân, giúp rập bốn biển đồng văn trị hóa Chiếu cố mật pháp, chấn hưng ngàn xưa chánh pháp tôn cương.

### (TIỂU SỬ ĐẾ SƯ BẠT-HIỆP-TU-BÁT)

Đế sư Bạt-hiệp-tu-bát, pháp hiệu Huệ Tràng - Hiền Cát Tường, người nước Thổ Ba, giáng sanh ngày 13 tháng 4 năm Kỷ Hợi, cha tên Tuấn Nam Cầm Tạng. Xưa nước Thổ Ba có vị Quốc sư tên Thiên Hằng La Cát Đạt, đắc chánh tri kiến có đại uy thần, nhiều đời truyền nhau, đạo hạnh thù thắng. Các Quốc vương nước này nhiều đời tôn

trọng là thầy, trải qua 17 đời đến Tát Tư Gia Oa, tức là bác của sư. Sư thiên tư cao tột, lễ người bác làm thầy. Chương cú vi diệu của thi kệ (già-đà) bí mật 12 ngàn lời, liếc mắt qua là đã thuộc nằm lòng, mới 7 tuổi đã diễn pháp biện bác dọc ngang, năm sư 15 tuổi nhằm năm Quý sửu.

Thế Tổ Hoàng đế còn rông nằm dưới vực (tức chưa lên ngôi), sư biết rõ chân mạng đế vương sẽ thuộc về ngài, cỡi ngựa chạy đến vương phủ.

Vua lập ngài làm Đông cung Thái tử vẫn giữ giới pháp, lại đặc biệt tôn lễ sư. Trải qua sáu năm, vào năm Canh Thân, Thế Tổ bèn lên ngôi báu. Trong năm đầu vua vừa lên ngôi (tức Chí Nguyên nguyên niên) tôn sư lên làm quốc sư, trao cho ấn ngọc, nhậm chức pháp chủ Trung Nguyên (toàn Trung Hoa), thống lãnh đạo Phật trong thiên hạ, mới lệnh tăng tục phân ty. Năm Kiến Nguyên thứ tư từ biệt đế về Tây, nhưng chưa tròn tháng năm đã có lệnh của đế vời triệu quay về. Năm thứ bảy niên hiệu Chí Nguyên nhằm năm Canh Ngọ, đế xuống chỉ chế tạo chữ quốc gia của Đại Nguyên, sư một mình ngày đêm vận dụng kiểu vẽ, chẳng bao lâu đã hoàn thành, rất toại Thánh ý, liền xuống chiếu ban hành, cả trong triều, ngoài các tỉnh huyện đều tuân lệnh dùng xài, đến nay trở thành điển chương một đời, mới thăng sư hiệu là đế sư Đại Bảo Pháp Vương, lại ban cho ấn ngọc, sau đó lại cũng quay về Tây. Năm thứ 11 niên hiệu Chí Nguyên, đế lại sai chuyên sứ triệu vời về. Về sau lại cực lực từ chối để quay về núi, đế kiên quyết giữ lại mà không được. Ngày 22 tháng 11 năm Kiến Nguyên thứ 17 thì nhập diệt, đế nghe tin không khỏi chấn động tiếc thương tưởng nhớ, bèn cho xây tốt-đỗ-ba (tiếng Phạn tốt-đỗ-ba có nghĩa là cái tháp) tại Kinh sư to lớn bảo tàng chân thân xá-lợi, trát vách bằng vàng, xưa nay không nơi nào bì được. (Bài này trích từ trong bia do nhóm các ông Hàn lâm học sĩ Vương Bàn phụng sắc chỉ soạn văn bia). Về sau, thăng hiệu là Hoàng Thiên chi hạ, nhất nhân chi thượng, khai giáo tuyên văn phụ trị đại Thánh chí đức phổ giác chân trí hựu quốc như ý pháp vương Tây Thiên Phật tử Đại Nguyên đế sư.

**Chương Báo bốn hết.**

## CHƯƠNG 4 - TÔ N TÔ

Con người ta ai cũng thờ cúng Tô của mình, tôn trọng buổi ban đầu hình sanh của Tô. Hình sanh ban đầu do nơi ái, nhưng hình có lúc rồi phải hóa mất, ái có lúc rồi phải dứt tận. Chỉ có linh nhiên chẳng muội (mờ) của tánh là không cần ý nhờ vào

sanh mà tồn tại, cũng chẳng cùng với chết mà mất. Cho nên người Phật giáo tất minh tánh, mà rồi học giả đòi sau nhằm lẫn nơi văn chương và lời lẽ, cho nên không được chỉ chỗ quay về, giống như trị bệnh theo sách thuốc hay mà bỏ thuốc men thì có ích lợi gì đâu. Kịp khi sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma của chúng ta đến Trung Quốc, chỉ thị đạo trực chỉ (chỉ thẳng tâm) mà rồi con người mới được rộng thoáng nhìn thấy diệu dụng của tự tánh, không cần chữ nghĩa, không nhờ nói - nín, nhưng mà đặc nơi ngoài tiếng nói - cười (khánh khái) - hình tiếng, thì đó mới đúng là hàng tu sĩ chúng ta truyền Tổ đạo, nối Tổ vị, như củi đốt lửa, khí cụ múc nước, trong khoảng xưa nay chẳng có chút tợ gì khác nhau cả, há chẳng phải trọng ở hình sanh đó sao? Về sau, thiền sư Bách Trượng Đại Trí lại trước tác sách Thanh Qui để đặt để chúng ta đúng chỗ mà Thiên lâm nhờ đó bắt đầu. Các Ngài đứng dẫn chón hải hội cho rằng nên thờ Đạt-ma ở chính giữa, Bách Trượng bồi đặt bên phải, còn các người khai sáng chùa thì nên cùng phối hợp mà thờ vậy (rút ra từ bài tựa sách Tổ đường cương kỷ).

### **GIỖ KỶ TỔ SƯ BỒ-ĐỀ-ĐẠT-MA**

Trước ngày giỗ, đường ty quyên tiền đại chúng dinh biện cúng dường, thỉnh mời chế (viết) sớ và kiểm sớ (cũng giống như ở lễ Phật bát Niết-bàn). Cách ngày lễ một đêm, y theo phép tắc thiết đặt, trang trí pháp đường. Trên pháp tòa treo chân dung của Tổ sư, ngay giữa pháp tòa thiết đặt nghiêm túc đầy đủ tiệc tế, lư hương, tịnh bình và bàn đặt lư hương. Bên mé phải đặt ghé Thiên, cây xơ quất (phật tử), giá máng pháp y (thiết đặt giường chõng là sai vậy). Mé bên trái thiết đặt ghé Thiên, bàn để kinh, lư hương, tịnh bình, hương, đèn cây và các quyển kinh. Hành giả đường ty thông báo đại chúng treo bài hiệu (bảng hiệu) Tụng kinh, ngay đêm đó tụng kinh và bẩm báo đại chúng hôm sau vào lúc giữa giờ dùng cháo và cơm trưa (bán trai) ai ai cũng cụ bị oai nghi, bày lễ vật mà giỗ kỷ cùng tụng kinh. Trước vẫn tham đánh chuông trước tăng đường, tập hợp chúng chờ trụ trì đến, giống trống đặc biệt hiến thang thủy. Trụ trì dâng hương lạy ba lạy, không cuốn thâu tọa cụ. Dâng bày thang thủy, lui người lạy ba lạy rồi lại tiến tới trước vái chào vấn an xong thỉnh mời dùng thang thủy, quay về vị trí lạy ba lạy, cuốn thâu tọa cụ, giống trống ba tiếng. Hành giả đánh khánh cầm tay, duy-na rời khỏi ban, niệm tụng rằng: “Thiết nghĩ, Thiên tông truyền trực chỉ nhân tâm (kiến tánh thành Phật). Phận hèn mọn mượn chút nước rịn của sóng to dư sót lại. Đạo to lớn không thể gọi tên được, hồ thẹn liền ánh sáng rạng rỡ nơi hậu duệ cuối chót. Kính mong nhờ đại chúng niệm pháp thân thanh tịnh Tỳ-lô-giá-na Phật hiệu 10 lần! v.v...”, rồi hồi hướng rằng: “Công đức niệm tụng vừa rồi, phụng vì sơ

tổ Bồ-đề-đạt-ma Viên Giác đại sư đại Hòa thượng, hầu báo đáp bóng rợp từ bi mười phương ba đời chư Phật v.v...”.

Hồi hương xong, thỉnh ba tiếng chuông tăng đường, chúng phân tán hết hoặc mời thỉnh về trai đường dùng cơm tối. Khi chuông báo tối đánh lên, lại động chuông tăng đường tập họp chúng. Trụ trì dâng hương, duy-na đọc chú Lăng nghiêm. Đọc chú xong, hồi hương rằng: “Thân pháp giới thanh tịnh vốn không có xuất hiện và mất đi, nhưng vì nguyện lực đại bi mà thị hiện có tới lui. Ngẳng đầu trông mong từ bi, cúi đầu xin chiêu giám. Ngày mùng 5 tháng này, phục duy gặp ngày thị tịch của sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma Viên Giác đại sư đại Hòa thượng. Suất lãnh chúng ti-kheo dinh bị hương và cơm thịnh soạn để biểu thị cúng dường, tụng đọc thần chú Đại Phật đánh vạn hạnh thủ Lăng nghiêm. Thù huân gom góp được nhằm báo đáp bóng râm từ bi. Phục nguyện quần cơ được nhờ cây, truyền bá tuyên dương gia phong của Thiếu Thất, diệu trí vô cùng, thành tựu căn khí Đại thừa, mười phương ba đời, tất cả chư Phật v.v...”. Kế đó, tham đầu suất lãnh chúng hành giả đứng xếp hàng, cao giọng nói: “Tham, lễ bái, tụng đọc kinh chú”, nhân viên tùy tùng đứng sắp hàng tham bái. Sáng hôm sau, trụ trì dâng hương lễ bái, dâng bày thang thủy, dâng bày cháo cúng, bên mé pháp tòa ngồi ăn và bầu bạn. Dùng cháo xong trụ trì dâng hương, dâng trà. Duy-na đọc chú Đại bi, hồi hương rằng: “Công đức tụng kinh vừa rồi, phụng vì sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma Viên Giác đại sư đại Hòa thượng, hầu báo đáp bóng râm từ bi, mười phương, ba đời tất cả chư Phật v.v...”. Vào giữa giờ cháo sáng và cơm trưa (bán trai điếm tâm), thỉnh chuông tăng đường tập họp đại chúng, hướng về chân dung Tổ đứng sắp hàng. Trụ trì dâng hương lạy ba lạy, không cuốn râu tọ cụ, tiến tới trước lư hương, dâng bày thang thủy, cơm cúng. Thị giả thỉnh khách cung kính dâng lên, đợi thị giả đốt hương đến bên cạnh Tổ vị bung đồ cúng dâng lên đặt trên bàn, trụ trì thoái lui về vị trí lạy ba lạy, lại tiến tới trước đốt hương ban phát tài vật bố thí xong lạy ba lạy, cuốn râu tọ cụ, đánh trống đặc vì Tổ dâng trà (cũng như dâng thang thủy). Xong trụ trì dâng hương rồi ban pháp ngữ. Hành giả giập chập chỏa (nã bạt), duy-na bước ra khỏi ban, vái chào mời trụ trì dâng hương. Thị giả bung hộp hương. Kế đó, Đông đường – Tây đường và lưỡng tự bước ra khỏi ban dâng hương. Đại chúng cùng trải tọ cụ giập đầu lạy ba lạy, duy-na bậm bạch rằng: “Thân pháp giới thanh tịnh vốn không có xuất hiện và mất đi, nhưng vì nguyện lực đại bi mà thị hiện có tới lui”. Duy-na tuyên đọc sớ xong, trụ trì quì trước lư hương, kế duy-na đọc tụng chú Lăng nghiêm, xong hồi hương rằng: “Công đức tụng niệm kinh chú vừa rồi phụng vì sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma Viên Giác đại sư đại Hòa thượng để



báo đáp bóng râm từ bi. Mười phương ba đời tất cả chư Phật v.v...”. Kế đến, hành giả phúng tụng kinh.

### Lời văn của sớ:

To lớn thay chánh truyền, nói dòng dõi Giác Hoàng  
Trống trôn vô Thánh, phá ách yếu nghĩa học  
Trăm dòng sông ra ngoài biển, dứt tuyệt mọi dòng chảy khác nhau  
Mặt trời sáng treo trên không, chẳng còn các hình ảnh riêng rẽ  
Chỉ thẳng tâm người mà thành Phật, thành Phật đồng tâm  
Khế hợp đạo diệu mà quên lời, quên lời thấy đạo Lập công to với thế giáo  
Chấn động rộng nơi Tông phong  
Hiện bóng hoa ưu-đàm tại đời bản, đứng làm Tổ ban đầu  
Nắm khí vận Đại thừa nơi Trung Quốc, trọn nhập vào khuôn khổ  
Vừa gặp ngày chôn giày Bèn dâng lễ cúng rau  
Cúi xin,  
Tín y biểu thị, việc lớn của Phật-Tổ, sức giở ngàn cân  
Một hoa nở xòe, mùa xuân của trời đất, tHôm liền muôn năm.

### (SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TỔ BỒ-ĐỀ-ĐẠT-MA)

Tổ sư Bồ-đề-đạt-ma là con trai thứ ba của vua Hương Chí nước Nam Thiên Trúc (Ấn Độ), dòng dõi Sát-đế-lợi, vốn tên là Bồ-đề-đa-la. Sau gặp Tổ thứ 27 là tôn giả Bát-nhã đa-la, biết mật tích của sư bèn thử bảo cùng hai anh biện luận bảo châu vua Hương Chí bố thí cho Tôn giả, phát minh tâm yếu. Thế rồi Tôn giả bảo rằng: “Ô ng đối với các pháp đã được thông lượng. Nay, Đạt-ma có nghĩa là thông đại, vậy nên đặt tên là Đạt-ma”, nhân đó đổi tên lại gọi là Bồ-đề-đạt-ma. Sư bèn bạch với Tôn giả rằng: “Con đã được pháp thì nên đi đến xứ nào để làm Phật sự? Nguyện Tổ xót thương mà khai thị!”, Tôn giả bảo: “Ô ng tuy đã đắc pháp nhưng không nên đi xa mà nên dừng lại ở Nam Thiên Trúc. Đợi sau khi ta thị diệt 67 năm rồi hãy đến nước Chấn Đán (Trung Hoa) thiết lập thuốc pháp to lớn để trực tiếp độ bậc thượng căn, chớ nên gấp đi mà sẽ suy bại nơi Lạc Dương (nguyên văn viết mí mưng Nhật hạ ản ý chỉ Lạc Dương”. Ngày 21 tháng 9 năm Đinh Mùi, nhằm năm thứ 8 niên hiệu Phổ Thông nhà Lương (527), sư đến quận Nam Hải (miền Nam Trung Quốc). Quan thứ sử Quảng Châu là Tiêu Ngang dâng biểu tâu lên vua Vũ Đế nhà Lương, để sai sứ nghênh vời. Ngày mùng 1 tháng 10, sư đến Kim Lăng cùng đế trao đổi biện luận, mà

chẳng khế hộp. Ngày 19 tháng đó, sư qua sông đi về phương Bắc. Ngày 23 tháng 11, sư đến Lạc Dương [kinh đô nhà Bắc Ngụy (Nguyên Ngụy)] gặp nhằm năm thứ 10 niên hiệu Thái Hòa đời Ngụy Hiếu Minh Đế (486), dừng ngụ tại chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn, quay mặt vô vách mà tọa Thiền, suốt ngày lặng thinh, mọi người không suy lường nổi nên gọi là ông Ấn Độ nhìn vách. Đến ngày mùng 5 tháng 10 năm Bính Thìn nhằm năm thứ 19 niên hiệu Thái Hòa nhà Ngụy, sư ngồi ngay ngắn lặng yên mà qua đời. Ngày 28 tháng chạp năm đó, đem an táng ở núi Hùng Nhĩ, xây tháp tại chùa Định Lâm. Nhà Đường thụ phong là Viên Giác đại sư, tháp tên là Không Quán.

### **GIỖ KỶ THIỀN SƯ BÁCH TRƯỢNG HOÀI HẢI**

Trước ngày giỗ, đường ty quyên tiền của đại chúng để sắm sanh cúng dường. Đến ngày giỗ, cách đó một đêm y theo phép tắc bày trí pháp đường, trên pháp tòa treo chân dung của tổ sư Bách Trượng, thiết đặt hực hỡ tiệc cúng tại gian chính giữa. Gian bên phải và bên trái đặt bàn bày trí đồ cúng, ngay tối đó tụng kinh. Đúng ngày lễ chính, bày lễ vật ra giỗ kỷ (tán kỷ) đặc biệt dọn trà thang, dâng hương, tuyên đọc sớ văn. (Thủ tọa) ra khỏi ban dâng hương, đại chúng trải tọa cụ giập đầu lay ba lay (cũng giống như lễ giỗ kỷ tổ sư Đạt-ma, nhưng không có tụng niệm kinh). Đầu hôm hồi hướng rằng: “Thân pháp giới thanh tịnh vốn không có xuất hiện và mất đi, nhưng vì nguyện lực đại bi mà hiển thị có đến đi. Ngẩng đầu mong từ bi, cúi xuống xin chiêu giám. Ngày 17 tháng giêng phục gặp ngày thị tịch của thiền sư đại Hòa thượng Bách Trượng Đại Trí Giác Chiếu Hoàng Tông Diệu Hạnh, quyên tiền chúng ti- kheo sắm sửa hương, thức ăn ngon lành để biểu thị cúng dường, đọc tụng thần chú Phật đánh vạn hạnh thủ Lăng nghiêm. Sở tập thù huân, nhằm báo đáp bóng rợp từ bi, những mong hoa ưu-đàm lại xuất hiện, trùng khai nét xuân giác hoa, mặt trời huệ sáng dài lâu, mãi soi rọi đêm trường tối tăm. Mười phương ba đời chư Phật v.v...”.

#### **Lời văn của sớ:**

Một lời nói, pháp độ khắp thiên hạ, trong khuôn trong mẫu  
Muôn đời biết, sư đạo được tôn trọng, có mối có giềng Ấy,  
Nghĩ nét long thịnh lễ nhạc từng lâm hưng thịnh  
Thấy vẻ dồi dào, rồng voi tiệc pháp  
Hán Phạn đồng văn, phú nghĩ thanh cừ thiên lộc  
Kinh luật tương tế, nghiêm như kim khoa ngọc điều  
Có nghi thức bố vũ trên pháp đường

Chẳng lẽ nhạc xoàng xĩnh ngoài đồng ruộng  
Nắm dụng đó, mà rời dụng đó, hồi thoát trùng huyền  
Ra ở cơ mà vào cũng ở cơ, lý cùng các diệu  
Nên phụ Thiên Tổ mà thờ kè  
Ấy tuân ngày giỗ mà cúng trai  
Cúi xin,  
Phước đẹp tinh tấn Đế thích kiêm chế ma ngoại  
Cây to bóng mát Lâm Tế che rợp diêm-phù.

### (TIỂU SỬ THIÊN SƯ BÁCH TRƯỢNG HOÀI HẢI)

Sư con nhà họ Vương, người Trường Lạc Phước Châu. Lúc tóc còn để chỏm, đã lìa xa cõi trần lụy. Tam học giới-định- huệ đều luyện tập cả, sư thuộc pháp tịch do thiên sư Mã tổ Đạo Nhất xiển hóa ở Giang Tây lúc long thịnh, trong đó có các thiên sư danh tiếng được coi là bậc kiệt xuất (long tượng) trong Thiên tông như Đại Châu Huệ Hải, Nam Tuyên Phổ Nguyên, Qui Tông Trí Thường, nhưng sư lại là thượng thủ trong hội. Kịp khi Mã Tổ thị tịch tại Lạc Đàm, sư kế thừa Tông tự nhưng do chúng nương nấu quá đông, không thể chứa nổi nên định bỏ đi nơi khác. Đường đi qua đất Tân Ngô, dừng xe cộ tạm nghỉ ngơi dưới chân ngọn núi. Có Cam Trinh du chơi tình nguyện hiến đất mời sư ở, kế đại chúng cũng vừa chờ tới bèn cất chùa to cho đại chúng ở. Ngày 17 tháng giêng năm Nguyên Hòa thứ 9 (814), sư qui tịch. Lúc đó, rừng Bân (cây bân) không nắng hạn mà héo hết, khe Linh đang mùa xuân mà khô cạn. Tứ chúng kêu khóc thảm thiết, an táng sư tại ngọn Đại Hùng (Đại Hùng phong). Nguyên trước kia có nhà sư Ấn Độ là Tư Mã đầu-đà tìm đất làm chỗ chôn sư nói: “Bên cạnh nổi liền ba ngọn núi chưa cùng sự huyền diệu. Đây là chỗ ở của bậc pháp vương, bậc thầy gương mẫu của cả thiên hạ”, mà rồi người đời cũng tin như thế.

Năm đầu niên hiệu Trường Khánh đời Đường (821) sắc thụ sư là Đại Trí thiên sư, tháp tên là Đại bửu thắng luân.

Năm đầu niên hiệu Đại Quan nhà Tống (1107) sắc thụ thêm Giác Chiếu, tháp tên Huệ tự.

Năm thứ ba niên hiệu Nguyên Thông nhà Đại Nguyên sắc thụ thêm Hoảng Tông Diệu Hạnh thiên sư.

## **GIỖ KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ KHAI SÁNG CHÙA**

Giỗ kỷ các bậc khai sáng chùa cúng các bậc đạo hạnh sùng trọng và các vị có công hoàn thành trọn vẹn với chùa. Cách đó một đêm, bày biện trang trí trên pháp đường, lễ nghi cùng với lễ giỗ kỷ thiền sư Bách Trọng Hoài Hải giống nhau, nhưng có thể không có đọc sớ. Khố ty cụ bị cúng dường. Nếu là giỗ kỷ Tổ sư các đời thì không cần dâng sớ, không hiến dâng trà thang. Đến kỳ, đường ty (liêu duy-na) dự báo khố ty cụ bị việc cúng dường. Rước thỉnh bài vị, tỳ pháp tòa phía Tây bài trí. Dùng cháo xong, tập họp đại chúng. Trụ trì và lưỡng tự đứng sắp thành cùng một hàng, duy-na bước ra khỏi ban vái chào mời thượng hương xong quay về vị trí, cùng trải tọa cụ giập đầu lay ba lay. Thị giả đứng ở cuối ban lễ bái (thanh qui đời Chí Đại chép: “Có chỗ tỳ tập Tổ đường dâng cơm cúng rồi tụng kinh là không đúng phép tắc”, đọc chú Đại Bi hồi hướng rằng: “Bảo minh hư không và đại hải, sóng to nhồi dập bề tử sinh nổi trôi. Đại tịch định môn, dung hợp tướng lui tới xưa nay. Ngưỡng mong trình từ, cúi cầu chiêu giám. Chùa nhà ngày mỗ tháng này, gặp ngày kỷ niệm ngày thị tịch của thiền sư mỗ, pháp hiệu mỗ, tiền sinh trụ trì đời thứ mỗ của chùa nhà, dinh biện thức ăn ngon thể hiện cúng dường. Đại chúng tỉ-kheo phúng tụng thần chú Đại bi, sở tập thù huân cầu cho mỗ cố thiền sư tăng cao thêm phẩm vị. Phục nguyện, tuệ nhật trùng huy, rạng rỡ hạt giống của Tổ thất quang minh, linh căn lại mọc rộng, phục hồi nét xuân của cây cối bông trái Thiếu Lâm v.v...”).

Hoặc người đồng hương của trụ trì hoặc các bậc cao tăng ần dật đọc chú, thì hồi hướng rằng: “Công đức đọc tụng kinh chú vừa rồi phụng vì đại Hòa thượng pháp hiệu mỗ tăng thêm phẩm vị. Mười phương, ba đời chư Phật v.v...”. Hoặc có tặng phát tài vật bố thí tất đọc chú Lăng nghiêm, hồi hướng cũng như vừa nói ở trên.

## **GIỖ KỶ THẦY TRUYỀN PHÁP CỦA TRỤ TRÌ**

Các bậc tiên đức duy kích dương Tông thừa, phát minh Phật tính của chính mình (tự kỷ Phật), chỉ dạy kẻ hậu học tri hữu giao nhận để mà báo ơn Thầy tổ. Do đó mà thiền sư Ba Lăng Hạo Giám ba lần chuyển ngữ để giỗ kỷ thiền sư Vân Môn Văn Yển, ấy là bậc tiền bối có ý sâu xa vậy. Nhưng chuyện tôn sư trọng đạo, lễ nghĩa ấy không thể bỏ phé vậy. Trước ngày giỗ, trụ trì xuất tiền của cá nhân mình giao cho khố ty để bày biện lễ tế cúng kiến. Trước đó một đêm, tỳ pháp đường y như phép tắc mà bày biện. Hành giả đường ty thông báo đại chúng treo bài hiệu Phúng tụng, ngay tối hôm đó đọc tụng chú Lăng nghiêm. Người đồng hương và bạn đạo cùng thầy

(pháp quyền) của trụ trì đọc chú Đại bi. Kế đó, hành giả tụng kinh hồi hướng. Các phần đọc tụng và hồi hướng cũng giống các lễ giỗ kỵ ở trước. Sáng sớm hôm sau, trụ trì dâng cúng cháo. Dùng cháo sáng xong, đại chúng tụng đọc chú Đại bi. Người đồng hương và bạn đạo cùng thầy (pháp quyền) của trụ trì cũng đọc chú. Lúc bán trai tức là giữa cháo sáng và cơm trưa phóng tán tiền vật cúng giỗ, tụng kinh. Trụ trì dâng cơm cúng, tiến hành lễ dâng trà, dâng hương (giống như ở lễ giỗ kỵ tổ sư Đạt-ma). Lương tự dâng hương, đại chúng đồng lễ bái (do dưới Thượng tọa trở xuống đều gọi là người tham học).

Vào giờ độ trai, trụ trì vào tăng đường đốt hương, trái tọa cụ giập đầu lay ba lay rồi quay về vị trí. Thị giả y bát tặng tài vật bố thí (có nơi nhân lúc tề tựu pháp đường tụng kinh, tặng phát tài vật mà bố thí là không đúng lễ phép). Độ trai xong, tề tựu pháp tòa dâng trà, thị giả đốt hương hành lễ. Nếu cử hành đài thang thủy tại lễ bầu bạn cùng chân dung thầy truyền pháp thì độ trai xong, khách đầu thất phương trọng mời Tây đường và lương tự buổi tối đối diện với chân dung thầy truyền pháp bầu bạn dùng thang thủy, bày bài vị ở vị trí bên phía phải của pháp tòa. Trụ trì vái chào mời tựu tòa đốt hương dâng cúng thang thủy, đồng thời dâng mời người ngồi bầu bạn dùng thang thủy rồi thoái thân đốt hương trái tọa cụ giập đầu lay chân dung thầy truyền pháp ba lay, đoạn đứng dậy vái chào vãn an cảm tạ người ngồi bầu bạn, đánh ba tiếng trống rời khỏi tòa. Nếu như có năm ba vị Tây đường tham dự thì chia ra làm hai tòa: tòa thứ nhất, Tây đường dùng thang thủy do trụ trì hành lễ. Tòa thứ hai, lương tự dùng thang thủy do thị giả hành lễ, nếu không có Tây đường thì thôi. Tụng kinh xong dọn đài thang thủy và trái cây, dự trừ mời lương tự, cần cụ. Như có pháp quyền hay bậc tôn trưởng hay huynh đệ đồng môn của trụ trì đang ở tại chùa thì cũng phải thỉnh mời tham dự. Tiểu sư (đệ tử), sư tôn (cháu pháp) của trụ trì thì không được dự chung tiệc đài. Sau khi mọi người tọa định, trụ trì đứng lên đốt hương, dâng đài thang thủy. Xong, thị giả đốt hương hành lễ dâng thang quả.

**Chương Tôn tổ hết.**

## **CHƯƠNG 5 – TRỤ TRÌ**

Phật giáo du nhập vào Trung Quốc ngót 400 năm thì tổ Bồ-đề-đạt-ma đến nước này, lại truyền 8 đời mới đến Thiên sư Bách Trọng Hoài Hải, đều lấy đạo pháp truyền thụ nhau. Hoặc ở hang động, hoặc ở nhờ chùa luật chứ chưa có tên gọi chức vụ trụ trì. Thiên sư Bách Trọng nhân việc Thiên tông ngày càng thịnh hành, trên từ vua,

tể tướng, vương công, dưới đến Nho-Lão và trăm nhà tư tưởng đều hưởng ứng phong thái mà hỏi đạo. Lại có đồ chúng thật là đông đảo, nếu không tôn sùng cương vị của người lãnh đạo thì sư pháp không nghiêm, do đó mới tôn phụng thầy mình làm trụ trì mà gọi tôn trọng là Trưởng lão, như xưa kia bên Tây Trúc đã gọi tôn kính ngài Xá-lợi-phất và ngài Tu-bồ-đề do tuổi tác của các ngài lớn mà đạo đức lại cao vậy. Lại xây cất tăng đường rộng lớn để đồ chúng của trụ trì cư trú, thiết lập lương tự để phân chia bớt chức vụ quản lý công việc nhà chùa. Do vậy mà chế độ được điều lý rõ ràng, hoàn thiện rục rờ. Đến như làm lụng công việc, ngài Bách Trượng chủ trương trụ trì phải cùng đại chúng chia xẻ đều nhau lao khổ. Ngài thường nói: “Ngày nào không làm lụng công việc thì ngày đó không ăn cơm, nhờ vậy mà đâu có ai nói được”. Kho lẫm đầy ắp lúa thóc đều là do hàng bệch dịch của chùa làm ra mà thôi. Do vậy mà trên từ trụ trì, dưới đến các chức sự đều do đại chúng trong chùa suy cử rồi sau đó mới được quan phủ bổ nhiệm. Thế mà còn có không biết bao người từ chối không chịu nhận chức vụ được đề cử, nhưng về sau thì diễn biến xấu đi như dùng tiền bạc hối lộ mua chuộc, hoặc dùng thủ đoạn xảo quyệt hay quyền lực để cưỡng đoạt, biến chức vụ trụ trì và các chức vụ khác trong chùa thành món hàng béo bở đầu cơ tích trữ để hốt bạc. Nếu như không chọn được người đứng đắn vào chức vụ thì sẽ đưa đến việc thanh danh cả chùa sụp đổ tan hoang, lại kéo thêm việc lập bè kết phái di họa cho đời sau kéo dài mấy mươi năm, lan rộng khó có thể ngăn chặn giải quyết được, mặc dù thỉnh thoảng cũng có nghe lời đồn đại các kẻ xấu này khi chết đi phải bị quả báo tàn khốc dưới cõi âm mà sự thâm độc đó chẳng có ai nữ nghe, há không đủ để người ta sợ hãi mà tự răn đe mình sao?

## **QUI TẮC HÀNH SỰ HẰNG NGÀY CỦA TRỤ TRÌ - THƯỢNG ĐƯỜNG**

Phàm tới ngày rằm hay mừng một thì buổi tối trước đó một hôm, thị giả phải bẩm báo với trụ trì rằng: “Sáng mai là ngày chúc Thánh phải thượng đường”. Sáng sớm hôm sau lại bẩm báo một lần nữa, rồi dặn dò hành giả khách đầu treo bảng “Thượng đường” để thông báo cho đại chúng. Sau khi dùng cháo xong, không giống ba hồi chuông hạ tăng đường như thường lệ mà đợi cho đến khi bài trí pháp tòa xong thì hành giả đường ty (duy-na liêu) phúc báo thủ tọa, đánh vân bản trước các liêu, đại chúng tề tựu ngồi tại tăng đường, hành giả thất phương thượng mới bẩm báo lại với Trụ trì, kể đó báo với thị giả giống trống. Lương tự lãnh đạo đại chúng đến trước pháp tòa hướng về Trụ trì vái chào thăm hỏi, phân ra hai ban đứng đối diện nhau. Thị giả thỉnh mời Trụ trì ra, Trụ trì lên pháp tòa thấp hương (nhang) chúc thọ Thánh

thượng (xin xem rõ lại ở chương Chúc ly), rồi ngồi phu tòa (xếp bằng) khai phát Thiên lý cho học chúng, xiển dương đạo pháp. Trong trường hợp tại buổi thuyết giảng mà có khách tham dự thì phải nói lời cảm tạ. Nếu giảng nhiều đề tài thì phải ghi chép mục lục, đề phòng khi quên sót thì được thị giả nhắc nhở. Hoặc giả có trụ trì, các bậc danh đức hay Tây đường của các chùa bạn quanh vùng tham dự thì phải bày trí vị trí ngồi ở bên phải pháp tòa. Còn nếu có quan viên đến tham dự thì phải bày trí tòa vị của họ đối diện với pháp tòa (tuy nhiên nếu quan viên nào biết trọng lễ nghi của Phật pháp thì không dám ngồi vào tòa vị này). Trong trường hợp thượng đường vào các ngày ngũ tham thì nghi thức có phần giản đơn hơn, tức lưỡng tự đến trước trụ trì làm lễ tham kiến rồi quay về vị trí của mình ngay mà đứng. Trụ trì lên pháp tòa nhưng không dâng hương, còn các nghi thức khác thì giống như đã nói ở phía trước. Nếu có các bậc tôn túc thăm viếng, trụ trì vì họ thượng đường thì kính hướng dẫn họ cùng lên pháp tòa giới thiệu để họ thuyết pháp, hoặc theo lời thỉnh cầu của thí chủ mà trụ trì thượng đường, thì trong cả hai trường hợp này đều không cần phải căn cứ vào thời gian pháp định mà có thể tùy nghi cử hành bất cứ lúc nào thuận tiện.

Thuở xưa, người học vì muốn cắt đứt nghi hoặc nên phải có tham hỏi để đối đáp. Ban đầu không trệ kẹt nơi lời lẽ, nhưng mấy lúc gần đây, kẻ xưng hiệu Thiên khách đều mờ (chôi bỏ) nhân quả, tăng trưởng thói hư tật xấu, coi chuyện đó như trò hề, cười nói bô bô, thật mất hết phong cách, thì còn nói chi là thuyết pháp cử dương Tông thừa hay chúc thọ Thánh thượng ư? Nếu có quan chức hay bậc danh đức đến chùa, thì nên ít đi phần tự trần này nọ riêng tư. Ngày nay thì người tu sĩ nói quá nhiều về khen chê, khiến vướng kẹt trái pháp thức. Như bàn bạc công việc nhà chùa thì phương trọng mời trà (lưỡng tự và thủ tọa) rồi cùng nghị luận những công việc đó, chứ đừng có nói tới các việc tạp nhạp khác khiến mọi người chẳng thích nghe.

## **THAM VẤN BUỔI CHIỀU**

Phàm tập họp đại chúng khai thị Thiên pháp đều gọi là tham. Người xưa dạy dỗ đồ chúng khiến họ sớm tối phải đến hỏi han bàn bạc, không có phút giây nào mà không kích dương (nghiên tâm, xiển dương) đạo pháp. Do đó mà mỗi buổi chiều tất có buổi tham diễn ra vào lúc xế chiều, nhưng đến ngày nay buổi tọa tham trong chôn tùng lâm được cử hành vào năm ngày tham, tức mùng 1, mùng 5, rằm, 20, 25. Vào 5 ngày này, trụ trì phải thăng tòa thuyết pháp. Sở dĩ gọi là tọa tham vì trong thời gian nghe trụ trì thăng tòa thuyết pháp, đại chúng đều ngồi ở pháp đường (xem rành rõ đầy đủ

ở chương Chúc ly). Nếu trụ trì vì kẹt việc gì đó mà đến chiều bãi bỏ buổi văn tham thì hành giả đường ty vâng mạng lệnh của trụ trì bấm báo lại với thủ tọa, gióng ba tiếng chuông tại tăng đường, gọi là chuông bãi bỏ buổi văn tham. Như tân trụ trì vào viện, hay các quan chức hoặc thí chủ vào chùa, hoặc nhận lời mời thỉnh đặc biệt của người nào đó, hoặc phải khai thị thuyết pháp cho người qua đời, hoặc gặp bốn ngày lễ lớn của chốn tùng lâm thì dời thời gian văn tham tới sau khi chuông hoàng hôn đánh rồi mới cử hành và được gọi là tiểu tham. Nghi thức cũng linh hoạt, tức có thể căn cứ theo lễ tiết của thế tục mà hành sự được đời gọi là gia giáo đày, mà trong trường hợp này thì không đánh chuông bãi bỏ buổi văn tham, bởi dù sao cũng đã có cử hành buổi tham mà!

## **BUỔI TIỂU THAM**

Buổi tiểu tham xưa kia không có cử hành tại nơi chốn nhất định mà cứ xét xem đại chúng nhiều hay ít mà cử hành tại tầm đường thất phương trượng, hoặc tại pháp đường. Đến ngày lễ sau bữa trưa, thị giả bấm báo trụ trì rằng: “Tối nay có buổi tiểu tham”, lệnh hành giả khách đầu thông báo cho đại chúng, treo bài hiệu Tiểu tham. Đến xế chiều không đánh chuông bãi bỏ văn tham mà đợi đến lúc sau khi chuông báo hoàng hôn đánh lên, hành giả bấm báo với trụ trì, đánh một hồi trống, tập hợp đại chúng. Lương tự về chỗ đứng của mình, trụ trì lên pháp tòa (giống như ở buổi lễ thượng đường các ngày ngũ tham), cử dương đề cương ách yếu của Phật pháp mà giảng giải ra, cùng nêu lên các sự tự tạ, tất cả đều được trình bày ủy khúc tường tận, sau cùng cử một tác công án của Thiền tông mà kết thúc buổi lễ. Như gặp bốn ngày lễ lớn chốn tùng lâm là kiết hạ, giải hạ, đông chí, và tết Nguyên Đán thì trụ trì có thể nói với đầu thủ thay mình thuyết pháp cho đại chúng. Hoặc khi thuyết giảng đến lễ nghi, điều gì nên cử hành, điều gì nên miễn trừ thì phải trình bày tường lược đặc thể để đại chúng thông hiểu rành rõ. Khi trụ trì rời tòa, hành giả khách đầu cao giọng tuyên bố: “Phương trượng Hòa thượng thỉnh mời Tây đường, lương tự (ban), đơn liêu, kỳ cụ, môn đường, thị giả, Thiền khách hãy đến tầm đường thất phương trượng để đãi thang thủy!”. Việc này do khổ ty cụ bị thang thủy và bánh trái đưa lên thất phương trượng.

Khi xưa, thiền sư Phần Dương Thiện Chiêu trụ ở viện Thái Tử tại Phần Dương, nhân vì thời tiết ở đất Phần quá rét cho nên bãi bỏ dạ tham. Có vị tỷ-kheo Ấn Độ (dị tỷ-kheo, dị vực tỷ-kheo) chống gậy đến nói với sư rằng: “Trong hội của sư có sáu vị



đại sĩ, sao lại chẳng thuyết pháp?”, nói xong bay lên không đi mất. Sư mật ký bài kệ:

Ánh gậy vàng Hồ tăng,  
Vì pháp đến Phần Dương,  
Sáu người thành đại khí,  
Khuyên mời pháp cử dương.

Lúc bấy giờ, thiền sư Thạch Sương Sở Viên giữ chức thượng thủ ở trong hội, Sở Viên tức là thiền sư Từ Minh. Sau Sở Viên trụ Thạch Sương, mỗi bữa sau khi độ trai xong sư thường dạo chơi núi. Lúc ấy, thiền sư Dương Kỳ Phương Hội làm giám tự, canh chừng lúc sư đi chơi núi liền đánh trống tập họp đại chúng. Từ Minh quay về nổi giận quở trách rằng “Chiều tối mà trống đường, từ trước đến giờ làm gì có qui củ này?”, Hội từ tốn đáp: “Buổi vãn tham của Phần Dương sao mà cho là trái qui củ được!”. Từ Minh gật đầu đồng ý.

### LỄ THẬP HƯƠNG

Mỗi năm trước khi kiết hạ an cư, những người mới đến chùa vừa được qui tăng đường không bao lâu suy cử một người rành rẽ lễ nghi làm tham đầu thương lượng đầy đủ với duy-na xong thì dẫn chúng cùng đến thị ty bẩm bạch rằng: “Các anh em mới được ghi tên ở lại chùa chúng con, muốn cầu xin Hòa thượng phương trượng cử hành lễ cáo hương, vì chúng con mà thuyết pháp. Xin cảm phiền quý thị giả đây trình báo giùm!”. Thị ty đáp rằng: “Xin chờ cho mỗ đây bẩm báo lại với trụ trì rồi sau đó mới hồi đáp với quý vị!”. Như trụ trì đồng ý chấp thuận thì sẽ lệnh cho đường ty ra bản đồ Cáo hương (hình thức sẽ trình bày sau), lượng định xem chúng đông hay ít, sắp thành mấy hàng, phân ra hai mé Đông- Tây, mặt nhìn về phía pháp tòa mà đứng, sắp hàng trước sau là y theo giới lạp cao thấp mà định vị trí. Mọi người trước hết phải tề tựu mà diễn tập nghi thức cho thành thực, hành giả đường ty quỳn tiền mỗi người để làm chi phí mua nhang lớn nhỏ ba ộp và giấy để vẽ bản đồ, giao cho tham đầu cất giữ. Đến ngày đó, thị giả bảo hành giả khách đầu tại tấm đường hoặc tại pháp đường bài trí bình phong và bàn ghế. Cần phải bày biện ba cái bàn đặt lư hương, ba đôi đài cắm đèn cầy đặt cách khoảng thành hàng trước bàn lư hương, bên ngoài trái một chiếc chiếu để quỳ lạy. Hành giả đường ty nhất nhất tuân tự thông báo cho đại chúng biết và treo tấm bài Cáo hương, thị giả dự bị đưa ra một tấm bảng nhỏ dán lên cột pháp đường viết: “Phụng mạng từ chỉ của Hòa thượng đường đầu, các bậc danh

đức, Tây đường và thủ tọa đều miễn cáo hương. Thị ty mỗ cần báo bảch bạch!”. Đến ngày cử hành lễ, dùng cháo sáng xong, các liêu đều đánh vãn bản ba tiếng, đại chúng tập hợp y theo vị trí trong bản đồ mà đứng, mỗi người đều cụng bảch bạch hương nhỏ và tọa cụ. Tham đầu cùng duy-na và thị giả cùng vào mời thỉnh trụ trì ra, tham đầu quay về vị trí cũ của mình, cùng mọi người vái chào vãn an rồi bước đến bảch bạch: “Kính cẩn thỉnh Hòa thượng phu tọa (tức ngôi xếp bằng lên pháp tòa)!”. Trụ trì ngồi vào pháp tòa, phó tham đầu lấy một cây hương to đưa cho tham đầu, rồi cùng với (đại) chúng lần nữa hướng về trụ trì vái chào vãn an rồi thắp hương, mọi người đều trải tọa cụ giập đầu đại triển ba lạy. Lễ bảch bạch xong, thân cuốn tọa cụ rồi lại cùng vái chào vãn an một lần nữa. Tham đầu tiến lên đứng bên cạnh lư hương vái chào vãn an rồi bảch bạch: “Chúng con đây vì sống chết là chuyện lớn, vô thường chóng vánh, cúi mong Hòa thượng khai thị nhân duyên (công án)!”. Trụ trì nêu ra ba tấc công án trong chôn Thiền lâm để khai thị. Tham đầu nương theo ba tấc công án đó mà biểu lộ kiến giải của mình, xong quay về vị trí cũ vái chào vãn an, cắm một cây hương rồi lại cùng chúng tựu lại vị trí, chấp tay (các ngón đan nhau) mà đứng. Hai hàng Đông- Tây đều có ba người bước ra khỏi ban, người thứ nhất và người thứ nhì bên mé Đông đi qua trước lư hương phía Đông, còn người thứ ba thì đi đến trước lư hương chính giữa. Người thứ nhất và người thứ nhì bên mé Tây đi qua trước lư hương phía Tây, còn người thứ ba thì đi đến trước lư hương chính giữa. Cả hai người đứng trước lư hương này thắp hương, cùng nhau vái chào vãn an, đoạn ba người của mé Đông đi qua bên Đông, ba người của mé Tây đi qua bên Tây, cứ theo như thứ tự trước đó mà tiến lên, từ từ đi đến hàng đội của mình, nối đuôi theo hàng đội mà đứng. Kế đó ba người một tổ tiếp theo của mỗi hàng Đông-Tây lại giống như tổ ba người thứ nhất trước đó, xoa tay bước ra khỏi ban, chấp tay vái chào nhau như hai người của tổ trước đã làm rồi quay về vị trí. Đợi cho mọi người thắp hương xong, theo thứ tự mọi người quay về vị trí cũ của mình. Tham đầu hướng về trụ trì lạy ba lạy mà không cuốn thân tọa cụ lại, bước tới trước bảch bạch: “Chúng con đây thừa mong Hòa thượng từ bi, toàn tâm chỉ dạy, trong lòng thật không khỏi vô cùng cảm kích”. Kế lại quay về vị trí cũ, cùng chúng lạy ba lạy, đoạn bước tới trước nói: “Hôm nay thời lệnh thật là tốt đẹp, kính chúc Hòa thượng đường đầu tôn thể sinh hoạt bình thường, đa phước!”, rồi lại quay về vị trí cũ cùng chúng lạy ba lạy thân cuốn tọa cụ lại. Hành giả giống năm tiếng trống, lưỡng tự chuyển người theo thứ tự đứng trước pháp tòa. Tham đầu đứng dưới hàng Tây tự, các người dâng hương cùng chuyển thân, mé bên Đông chuyển qua bên Tây, mé bên Tây chuyển qua bên Đông, y vị trí đứng đối diện nhau. Các vị cần cụng, mông đường cùng với các người đã dâng hương

rồi đứng phía sau. Buổi phổ thuyết xong, mọi người cùng hướng về pháp tòa đứng. Tham đầu thấp hương cùng chúng nhân hướng về trụ trì lạy ba lạy. Như trụ trì miễn lễ thì mọi người cùng giập tọa cụ xuống nền trí ý lễ bái một lạy, tiến lên nói: “Chúng con đây duyên đời trước khánh hạnh nên mới được Hòa thượng từ bi dạy bảo, trong lòng không khỏi vô cùng cảm kích”. Nói đoạn, cả nhóm cùng vái chào vãn an nhau mà lui ra. Tham đầu lãnh đạo chúng đến phía Tây (phải) pháp đường cảm tạ duy-na và thị giả, cùng giập tọa cụ xuống nền trí ý lễ bái một lạy.

Kế đó, đại chúng cảm tạ tham đầu, cùng giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy. Thị giả thỉnh khách dự bị y theo giới lạp cao thấp, cụ bị thư trạng mời trà, bày trí bàn có trải nắp vải đặt bút nghiên trên đó. Lễ cáo hương dứt, đến bên trái pháp đường thỉnh mời mọi người uống trà, kế kiểm danh, có mời thủ tọa quang lâm bầu bạn. Sau buổi độ trai thì giống trống, chúng quay về vị trí đứng. Hai thị giả hành lễ (cũng giống như ở các lễ đãi trà thông thường). Tối đó, trụ trì mời tham đầu, duy-na và thị giả dùng cơm tối, có mời thủ tọa quang lâm bầu bạn. Sáng sớm hôm sau, thỉnh mời tham đầu dùng trà. Tại buổi bán trai (điểm tâm giữa cháo sáng và trai trưa), mời tham đầu, duy-na và thị giả điểm tâm. Nếu tất cả đại chúng đều dự lễ cáo hương thì thủ tọa làm tham đầu, trong trường hợp này thì khi đãi trà, tham đầu phải có mời Tây đường quang lâm bầu bạn. Sau khi tân trụ trì nhập viện, nhân sự ổn định rồi, khó ty cụ bị hương, thủ tọa suất lãnh đại chúng cả chùa, khẩn thỉnh tân trụ trì cáo hương. Sau đó mới cử hành lễ tân nhiệm trụ trì lần đầu tiên thượng đường là khai đường (theo qui định xưa thì tăng nhân nào chưa từng tham gia lễ cáo hương thì không được vào thất phương trượng để tham học, hỏi đạo).

## PHỔ THUYẾT

Phổ thuyết là Trụ trì vì chúng thuyết pháp, nhưng tình huống đưa đến phổ thuyết có nhiều loại). Có loại do đại chúng cáo hương mà thỉnh cầu trụ trì phổ thuyết, trong trường hợp này thì trụ trì căn cứ vào tòa vị do lễ cáo hương bày trí mà ngồi. Có loại là riêng do thí chủ (đàn việt) đặc biệt thỉnh cầu mà phổ thuyết, cũng có loại trụ trì tự động vì chúng khai thị Phật lý mà phổ thuyết. Trong trường hợp này thì trụ trì lên pháp tòa. Phạm gặp kỳ phổ thuyết thì thị giả bảo hành giả khách đầu treo bảng phổ thuyết để thông báo cho đại chúng rồi bố trí hoàn hảo tấm đường tại thất phương trượng hay pháp đường. Sau buổi cháo sáng, hành giả bấm báo trụ trì đoạn từ từ đánh năm tiếng trống. Thị giả ra trước đợi cho đại chúng tề tựu đông đủ rồi bèn vào

mời trụ trì bước ra thăng tòa ngòi vào vị trí đã định mà thuyết pháp, lễ tiết giống như tiểu tham.

## VÀO THẮT

Vào thắt là tình huống thầy khám biện kiểm tra, đốc thúc học đồ, đối với chỗ chưa lưu ý đến nơi đến chốn thì hạch sách hỏi han, đối với chỗ kiêu ngạo hiếu thắng thì đánh động, đả phá. Đối với chỗ phiền diện chấp trước nghiêng lệch thì phê phán, chẳng khác nào nung quặng nấu vàng trong lò luyện kim khiến chì sắt cùng các tạp chất khác bị loại bỏ hết, như thợ ngọc mài ngọc, loại bỏ ngay cả các loại đá đẹp quý tương tự ngọc. Bất kể là ngày đêm, chẳng chọn nơi chốn, tùy lúc- tùy nơi đều có thể tiến hành, cho nên ngày xưa tăng nhân lúc nào cũng mang hộp hương nhỏ theo mình để hễ nghe ba tiếng trống đánh liền chạy a vào thắt. (Ngày nay qui định lấy các ngày ba (3, 13, 23) và tám (8, 18, 28) làm ngày nhập thắt. Đây chỉ là cách làm hình thức cho có như xưa vậy). Gặp ngày khai thắt, tức trụ trì muốn dạy đồ học đồ, trước giờ ăn cháo sáng, thị giả bảo hành giả khách đầu treo bảng báo Nhập thắt tại tăng đường và trước các liêu. Tại tâm đường thắt phương trượng đặt tượng tổ sư Đạt-ma, trước tượng bày biện hương và đèn cầy cùng trái chiếu để qui lạy. Trong thắt đốt đuốc thắp hương, chiếu để lạy trái bên mé trái. Dùng cháo xong, đại chúng rời tăng đường. Hành giả từ từ đánh ba tiếng trống, trụ trì đến trước tượng tổ sư Đạt-ma đốt hương rồi cùng thị giả lạy tượng ba lạy, rồi quay về tâm đường ngòi trang nghiêm. Thị giả tiến đến trước trụ trì vái chào vãn an rồi đứng hầu kê bên trái, hành giả tiến đến trước trụ trì vái chào vãn an rồi đứng hầu bên phải. Đầu thủ suất lãnh chúng đến trước tượng Đạt-ma cùng đốt hương lạy ba lạy, liên tiếp nối nhau đến trước tâm đường thắt phương trượng. Những người đến sau cũng theo thứ tự đốt hương, trái tọa cụ giập đầu lễ bái, nối tiếp đứng sắp hàng có trật tự trước sau, không được chen lấn lên phía trước làm rối loạn trật tự. Thị giả đốt hương vái chào vãn an, bước ra vái chào mời thủ tọa vào. Học đồ khi qua cửa phải bỏ chân trái vào trước và dùng tay trái thắp hương, tiến tới trước vái chào vãn an, đến mé phải ghé Thiền mà đứng nghe trụ trì nêu dẫn cổ tác công án bắt đầu dạy đồ. Học đồ nghe trụ trì khai thị có thể phát biểu kiến giải của mình mà không cũng được, tùy ý định liệu. Nghe khai thị xong chuyển người đi qua bên trái ghé Thiền vái chào vãn an rồi lui bước, giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy bái tạ, bỏ chân trái trước bước qua cửa mà ra ngoài, vái chào mời người kế vào. Một ra một vào phải hướng vào nhau vái chào vãn an, liên tiếp không dứt. Nếu thủ tọa vốn là Tây đường của chùa lớn hoặc là bậc danh đức cao tăng vào

thất đốt hương thì trụ trì phải xuống pháp tòa vái chào đưa ra. Gặp trường hợp trụ trì thăng tòa thuyết giảng Thiền lý cho đại chúng thì miễn đón đưa thủ tọa thân phận thuộc hai bậc vừa nêu trên (đây cũng là lễ tiết mà thời gần đây vẫn còn rập theo, nếu là cao tăng đức trọng thời xưa, ngay khi đang thuyết pháp cho đại chúng thì ngay cả Phật hay tổ đến nghe, họ cũng vẫn ngồi yên ở pháp tòa mà giảng nói để duy trì bảo biện sự trang nghiêm thần Thánh của buổi thuyết pháp, chớ há nào lại bận tâm đến lễ nghi của thế tục. Các bậc sư gia nghĩ thế nào về chuyện này đây?). Chỉ có thủ tọa hậu đường suất lãnh đại chúng chủ trì việc nhập thất mà thôi. Ngay những hành giả du phương mới đến chùa chưa được ghi tên cũng nên nhập thất, thị giả ở sau chúng nhập thất nghe thuyết giảng xong xuôi, thắp hương, trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy đại lễ. Hành giả thắp hương lạy trụ trì ba lạy, rồi lại quay ra đến trước tượng tổ sư Đạt-ma, trải tọa cụ giập đầu cử hành đại lễ lạy ba lạy rồi lui ra.

## NIỆM TỤNG

Cổ Thanh qui định rằng vào các ngày mùng 3, 13, 23, mùng 8, 18, 28 là ngày niệm tụng. Thời nay chỉ lấy các ngày mùng 8, 18, 28 làm ba ngày niệm tụng. Đường ty y theo thứ tự giới lạp của tăng chúng mà lên bản đồ (hình thức bản đồ chép phía sau). Đến ngày, trước tăng đường quét rửa tươm tất. Sau giờ ngộ, hành giả đường ty thông báo với đại chúng, treo bảng Niệm tụng. Đến trước buổi văn tham, kiểm điểm hoàn bị hương và đèn cây tại tăng đường và các điện đường khác, rồi bẩm báo với trụ trì và lương tự. Trước hết đánh vân bản tại thất phương tượng và tại chiếu đường, kể đến tuần rảo các hành lang, đánh vân bản. Trụ trì bước ra, từ từ đánh 3 tiếng đại bản. Đại chúng tụ tập y theo vị trí vẽ trong bản đồ mà lập định, các tăng hành cước mới đến chưa được ghi tên đứng bên trái thị giả. Thị giả đi theo trụ trì đến Tổ đường, Thổ địa đường, đại điện, đốt hương lễ bái, gióng đại hồng chung. Lương tự trước đó tập trung ngoài tăng đường chờ cho đại bản đánh lên mới đến tại vị trí ghi trong bản đồ. Trụ trì vào tăng đường, hành giả cúng đầu gióng bảy tiếng chuông trước tăng đường. Trước tượng Thánh tăng đốt hương. Thị giả bung hộp hương, thị giả thư trạng trực tiếp quay về vị trí của mình. Thị giả thỉnh khách đến Tây đường vái chào vấn an rồi tuần rảo kiểm điểm qua xem có gì thiếu sót, sai trật, kể đó thỉnh mời Đông tự vào vị trí. Trụ trì bước ra ngoài tăng đường đứng ngay chính giữa đốt hương, thị giả đốt hương theo chân trụ trì quay về vị trí. Duy-na trước hết rời khỏi vị trí đến ngay cửa, đối diện với trụ trì mà đứng rồi chấp tay niệm tụng. Tại lễ mùng 8, 18 thì bẩm bạch: “Gió Hoàng gia mãi thổi, đạo Hoàng đế lan xa, ngày Phật tăng sáng rõ,

xe pháp thường quay, Già- lam, Thổ địa, Hộ pháp hộ trì người. Thí chủ mười phương tăng phước, tăng huệ. Vì những duyên do nêu trên, niệm pháp thân thanh tịnh Tỳ-lô-giá-na Phật v.v...”. Đại chúng niệm thầm, mỗi một tôn hiệu cuối câu, đường tiền đánh chuông nhẹ nhẹ ứng hòa theo, niệm dứt rồi lại đánh thêm một tiếng chuông nữa. Riêng ngày 28 thì lời bảm bạch là: “Kính bạch đại chúng! Đại sư Như Lai nhập Bát Niết Bàn tạ thế đến năm đầu niên hiệu Chí Nguyên nhà Đại Nguyên ta đã 2.284 năm. Mỗi một ngày qua là chúng ta đã giảm sanh mạng một ngày, chẳng khác nào con cá thiếu nước, có gì mà vui chứ? Mọi người chúng ta cần phải tinh tấn chuyên cần phấn đấu tu thiện trừ ác gấp gấp như lửa đang cháy trên đầu. Mỗi khi tưởng nghĩ đến vô thường chóng vánh thì chớ nên chây lười buông lung! Thần già-lam, thần Thổ địa, thần Hộ pháp sẽ hộ trì cho mọi người; thí chủ mười phương tăng phước tăng huệ. Vì những duyên do trên, xin hãy cùng niệm tôn hiệu pháp thân thanh tịnh 10 lần! v.v...”, nói xong quay về vị trí cũ. Trụ trì vào tăng đường, tiếp đó thủ tọa tiền đường vào và kế đó nữa là các bậc danh đức cao tăng và Tây đường vào tăng đường, trở người trước vị trí (bản đầu) tượng Thánh tăng mà đứng. Đầu thủ suất lãnh chúng, ba người một nhóm đến trước tượng Thánh tăng vái chào vãn an, chuyển thân đến trước trụ trì vái chào vãn an, chấp tay tuần rảo tăng đường thuận theo hướng quay của vai trái, rồi y theo bản đồ vị trí mà đứng. Tăng hành cước mới đến chưa được quải đáp và thị giả theo sau chúng mà vào, chỉ tuần rảo tăng đường nửa vòng đến sau tượng Thánh tăng, thị giả mặt hướng về cửa sau mà đứng. Các tăng hành cước mới đến chưa được ghi tên thì mặt hướng về hành giả mà đứng. Kế đó nữa là tri sự vào tăng đường đến trước tượng Thánh tăng vái chào vãn an, chuyển người tới trước trụ trì vái chào vãn an, chấp tay tuần rảo tăng đường mà ra. Các tăng mới đến chưa được ghi tên, tiếp bước theo sau thị giả mà ra. Hành giả đường ty đến trước thủ tọa bảm báo truyền lời: Bãi tham rồi từ sau tượng Thánh tăng chuyển mình xuất đường. Hành giả cúng đầu đánh ba tiếng chuông trước tăng đường, mọi người cùng chấp tay chào nhau trí kính rồi rời hẳn vị trí mà rã hàng. Trụ trì bước ra khỏi tăng đường, lưỡng tự cũng ra theo đến trước tăng đường cảm tạ ơn trụ trì đãi thang quả, trụ trì ngăn lại miễn lễ. Ngày 28 dự đám thang thủy, tẩm đường đánh vân bản, thị giả đốt hương, hành lễ như nghi thức thông thường, dùng thang thủy xong thì thỉnh mời dùng cơm tối. Theo phép xưa thì cả ba ngày mùng 8, 18, 28 đều có đãi thang thủy, nhưng riêng hai ngày mùng 8 và 18 thì không có mời dùng cơm tối. Trong các ngày niệm tụng này thì buổi xế chiều không có tọa tham, nhưng đến tối thì tham Thiền như thường lệ.

## TUẦN LIÊU

Theo Cổ thanh qui thì trước khi trụ trì tuần liêu, trước tăng đường treo bảng Tuần liêu thông báo đại chúng. Các liêu bày trí tòa vị, cụ bị hương và thang thủy, chờ khi trụ trì đến, đánh vãn bản tập hợp chúng đứng sắp hàng ngoài cửa liêu tiếp đón vái chào vãn an rồi nổi bước theo trụ trì vào liêu. Liêu chủ đốt hương cùng đại chúng vái chào vãn an trụ trì, rồi trở về vị trí của mình ngồi. Trụ trì thăm hỏi an ủi các tăng nhân già yếu bệnh hoạn, kiểm điểm xem trong liêu thiếu thốn vật gì, có điều chi khó khăn, sau đó hỏi han chuyện ấm lạnh rồi đứng dậy. Lúc đó, tăng chúng phải trải tọa cụ giặt đầu lạy ba lạy tạ ơn trụ trì quang lâm thăm nom. Nếu trụ trì miễn lễ thì phải vái chào vãn an, rồi đưa tiền ngài ra khỏi liêu. Gặp ngày mừng một hay rằm thì căn cứ theo qui lệ mà tuần hành, nhưng không treo bảng báo tuần liêu. Nay chỉ lấy bốn ngày lễ tiết lớn báo ơn Phật làm ngày tuần liêu, còn những ngày khác thì không cử hành nghi thức này. Người ở cương vị trụ trì nên phục hồi qui lệ cũ, nên thường xuyên cử hành nghi thức này.

Luật Ma-ha-tăng-kỳ ghi: “Thế Tôn vì năm sự nên cứ năm ngày tuần tra tăng phòng một lần. Một là lo đệ tử chấp trước hữu vi sự, hai là lo đệ tử chấp trước lý luận thế tục, ba là lo đệ tử ham ngủ, bốn là phải thăm nom chăm sóc tăng bệnh hoạn, năm là khiến tỉ-kheo trẻ tuổi quán uy nghi của Phật mà sanh hoan hỉ”.

### XỬ PHẠT TĂNG CHÚNG PHẠM THANH QUI

Trong Đại tạng kinh chép: “Quan Hàn Lâm học sĩ nhà Tống là Dương Úc, suy cứu bốn ý chế định Thanh Qui của thiền sư Bách Trượng Hoài Hải, nói tóm lược: ‘Có kẻ giả hiệu trộm hình (cạo đầu, mặc pháp y) trà trộn trong đại chúng thanh tịnh, giả mạo tăng nhân, làm chuyện huyên náo ồn ào quấy nhiễu thì phải báo duy-na kiểm cử cho tháo gỡ y bát mà kẻ đó đã treo móc (quả đập) tại tăng liêu, đuổi ra khỏi tự viện, hầu an định thuần khiết cho chúng tăng thanh tịnh. Hoặc có kẻ vi phạm giới qui thì dùng gậy đánh phạt, tập hợp đại chúng công khai đốt bỏ y bát và đạo cụ đuổi ra khỏi chùa qua cửa hông, biểu thị sỉ nhục’”.

Xét kỹ điều chế định của Thanh qui trên có bốn lợi ích:

1. Thứ nhất không làm ô uế đại chúng thanh tịnh, khiết bạch.
2. Thứ hai không phá hủy hình tượng tăng lão, duy trì chế độ của Phật.
3. Thứ ba không quấy nhiễu cửa công, giảm bớt làm phiền hà quan ty.

4. Thứ tư Giữ kín chuyện xấu trong chùa, không để tiết lộ ra ngoài, duy hộ danh dự của Tông môn.

Nhưng khi ngài Bách Trượng sáng lập qui chế đã chiết trung ngũ thiên, thất tụ của luật Phật, các giới điều nhằm trở thành khuôn phép của cả thiên hạ (tam giới quĩ phạm). Riêng việc trừng trị mạnh tay như đuổi ra khỏi chùa đối với các vi phạm luật nặng nề, cùng với cho có cơ hội phản tỉnh đối với các vi phạm nhẹ luật lệ đều nhằm mục đích chỉnh túc đại chúng tuân thủ kỷ luật nghiêm minh của nhà chùa. Do đó trải qua bao đời Thánh hoàng đế quốc triều nhà Đại Nguyên ta đều giới sức tăng đồ phải nghiêm cách tuân thủ Phật chế, tuy nhiên ngoại trừ những tội nặng như xâm phạm hình luật tất do các cơ quan hữu ty xử tội, còn phạm những xung đột trong nội bộ tăng nhân hay các xâm phạm giới cấm thì đều căn cứ vào Thanh qui mà gia dĩ làm luật trị tội, như tranh chấp xung đột, phẩm hạnh xấu xa, hành vi buông tuồng, xà xẻo của cải thường trụ nhà chùa hoặc trộm cắp tài vật của tư nhân thì đều do nội bộ tu viện căn cứ vào qui chế luật lệ của nhà chùa mà đem giải quyết dạy bảo nhau, không cho chuyện xấu truyền ra ngoài. Bởi dù là con nhà họ Thích, nhưng lấy thế tục mà đối chiếu thì cũng là người đồng tông thân thuộc, chính nên tuân thủ Tổ luật, tùy hành động vi phạm mà trừng trị, như nếu tội nặng thì tập hợp đại chúng toàn chùa luận tội dùng gậy đánh hay đuổi ra khỏi tự viện, còn nếu tội nhẹ thì phạt nạp tiền, nạp hương, nạp dầu rồi niêm yết lên bảng báo cáo cùng mọi người. Còn như sự việc liên quan đến tiền vật thì trách tội buộc phải bồi thường, chủ yếu sao cho việc xử sự phải công bình hợp lý, nhằm giúp kẻ phạm tội biết tự trách mình mà hối lỗi. Chương Thằng tụng của Cổ thanh qui chép: “Trộm cắp tài vật, cãi vã cẩu ó đánh nhau, tham rượu hiếu sắc, làm điểm nhục tăng chúng. Những hành động bại hoại này phải lập tức đuổi khỏi tăng đoàn, bởi nếu dung dưỡng cho ở lại thì sẽ thành ra bại hoại cả đại chúng”. Lại ghi: “Nếu phạm trọng tội phải bị thu y bát lại đốt bỏ thì phải nên họp đại chúng cả chùa mà chấp hành, dùng gậy mây mà đánh phạt, dụng ý là tạm làm cho kẻ phạm tội biết hổ thẹn, rồi đuổi ra khỏi chùa bằng cửa hông”. Lúc thiền sư Đại Huệ Tông Cảo đời Nam Tống làm trụ trì chùa Dục Vương ở Ninh Ba, ra bảng yết thị tại đường ty rằng: “Tăng lữ gấu gó nhau là biểu hiện chấp mê và ngu đại, và loại này không phải là tăng nhân tốt. Bất kể là ông nào phải hay quấy, (hễ cẩu ó nhau) là đều bị đuổi ra khỏi tự viện”. Hoặc có người lý luận rằng: “Cái đúng vì lẽ phải mà vẫn bị đuổi ra khỏi chùa thì e là chưa đúng”. (Không phải vậy), bởi vì đã là tăng nhân thì phải lấy nhẫn nhục làm đầu. Nếu chấp vào có lý mà cãi vã thì đó là biểu



hiện của vô minh, cùng đuổi ra khỏi chùa một lượt là ngăn chặn chuyện cãi vã lúc chưa phát sinh vậy.

## **DẠY DỠ ĐỒNG HÀNH (CHÚ ĐIỀU)**

Phàm gặp mừng một, ngày rằm, nói chung là các ngày ngũ tham (mùng 1, mùng 5, rằm, 20, 25), sau khi kết thúc nghi thức thượng đường, hành giả tham đầu bảo hành giả hát thực (hành giả đứng báo tên người ăn) thông báo các bộ môn cục vụ, tại trước liêu hành giả (hành đường) treo bài hiệu cáo thị huấn đồng hành thông báo đại chúng. Vào lúc chuông báo hoàng hôn đánh lên, đánh 3 tiếng vãn bản trước hành đường (liêu hành giả) để tập họp đại chúng. Các hành giả, trước hết lên điện Phật, kể đến Tổ đường, tăng đường, liêu tiền đường, cao giọng báo: “Mỗ đây đến chờ lệnh!”, rồi mới lên tẩm đường thất phương trượng sắp hàng. Tham đầu vào thất phương trượng thỉnh mời trụ trì ra tẩm đường tựu tòa. Tham đầu tiến tới trước thắp hương, quay người lui về vị trí của mình, từ từ cao giọng nói: “Tham!” (có nghĩa là “Mỗ đây chờ đợi lệnh ở chỗ này”). Mọi người đồng loạt thấp giọng nói: “Xin hỏi” (tức xin hỏi có ít bệnh hoạn, ít phiền não, sinh hoạt khỏe khoắn không?), rồi đồng loạt hướng về trụ trì lạy ba lạy, cúi đầu nín thở, toàn tâm trí ý vâng nghe lời dạy dỗ xong, lại lạy ba lạy lần nữa rồi tham đầu cao giọng: “Tạm biệt!” (Trân trọng!). Mọi người thấp giọng nói nhỏ hòa theo, vái chào vãn an rồi lui ra. Nếu trụ trì vào lúc đó bận việc gì riêng thì hành giả hát thực (đồng hành) sẽ truyền lời, cao giọng nói: “Phụng từ chỉ của phương trượng miễn tham”. Mọi người nói: “Xin hỏi”, hành giả hát thực lại cao giọng nói: “Bãi bỏ tham vãn”. Mọi người nói: “Tạm biệt!”, rồi cùng vái chào vãn an mà lui ra.

## **VÌ HÀNH GIẢ PHỔ THUYẾT**

Tham đầu trước hết đến thị ty thắp hương lễ bái, bẩm báo thị giả phúc báo trụ trì (thỉnh cầu vì hành giả mà thuyết pháp). Nếu như trụ trì đáp ứng lời thỉnh cầu thì tham đầu đánh vãn bản trước hành đường (liêu xá của hành giả còn gọi là tuyển tăng đường) tập họp chúng, đứng sắp hàng chờ đợi tại tẩm đường. Tham đầu theo sau thị giả vào thất mời thỉnh trụ trì bước ra ngồi vào tòa vị định trước, tham đầu cùng chúng vái chào vãn an trụ trì rồi tiến lên phía trước thắp hương, đoạn quay người lui về vị trí của mình, từ từ nói: “Xin hỏi (có ít bệnh hoạn, phiền não, sinh hoạt khỏe khoắn không?)”. Chúng thấp giọng nói họa theo, rồi đồng loạt hướng về trụ trì lạy 9 lạy. Tham đầu tiến tới trước nói: “Bọn con bấy lâu những mong được Hòa thượng chỉ

dạy, cúi mong ngài từ bi khai thị Phật pháp, chỉ thị công án!”. Nói đoạn, quay người vái chào vãn an rồi lui ra. Qua ngày hôm sau, hành đường treo bài hiệu “Phổ thuyết” thông báo đại chúng. Đoạn bày trí tòa vị, bày biện bàn đặt lư hương và các đài đèn cây. Tham đầu báo chúng thỉnh mời lưỡng tự đến bày ban thị lập. Phó tham đầu suất lãnh chúng đứng ngoài cửa nghinh đón lưỡng tự vào hành đường, tham đầu và đường chủ hành đường đến thị ty cùng thỉnh mời trụ trì đến liêu xá hành giả (hành đường), chúng nghinh tiếp vào tòa định trước ngòai. Thị giả vái chào vãn an rồi đứng hầu bên cạnh trụ trì, tiếp đó chấp sự tăng lưỡng tự tiến tới trước vái chào vãn an xong, thị giả đốt hương thỉnh cầu trụ trì thuyết pháp. Tham đầu suất lãnh chúng đứng như hàng chim nhận thấp hương cao giọng nói: “Tham! (Bọn mõ chờ lệnh nơi đây!”, xong lay ba lay rồi lui ra chia nhau đứng sắp hàng như chim nhận bay phía sau Đông – Tây lưỡng tự, cung cần nghe khai thị đạo pháp. Trụ trì thuyết giảng xong rồi, tham đầu suất lãnh hành giả đứng sắp hàng như lúc đầu, lay 3 lay rồi ra bên ngoài cửa phía phải mà đứng, vái chào tiễn đưa trụ trì và lưỡng tự, sau đó đi theo đến tẩm đường thấp một cây hương lớn, lay 9 lay mà lui ra. Kế đó cùng đến thị ty, thấp hương lay ba lay. Tham đầu và phó tham đầu cùng đến trước chấp sự tăng lưỡng tự, nhất nhất bái tạ.

## NHẬN PHÁP Y

Chuyên sứ đưa pháp y tới, trước hết gặp tri sự để thông báo lại ý rồi cùng đến thị ty để phiên nơi này bẩm báo lại với phương trượng. Trụ trì hoặc giả tiếp kiến liền lúc đó, hoặc giả sắp xếp vào sáng mai mới tiếp kiến. Trước buổi tiếp kiến, thị giả bảo hành giả khách đầu thông báo mời lưỡng tự đến. Chuyên sứ theo lễ thường thấp hương ra mắt, (riêng nhà chùa thì dự bị chiêu đãi trà cho chuyên sứ). Chuyên sứ cảm tạ đãi trà xong, lại thấp hương, trải tọa cụ giập đầu lay ba lay hai lần. Nếu trụ trì miễn lễ thì giập tọa cụ xuống nền trí ý lay 1 lay bẩm bạch rằng: “Su phụ của con là Hòa thượng mõ (thỉnh ngài kế thừa đại pháp), có pháp y là vật làm tin, vì việc ấy mà xin dâng lên”. Nói đoạn, lấy mâm gỗ có phủ nắp vải đặt pháp y tín vật lên đó mà trình dâng. Sau đó mới vào tòa, có lưỡng tự quang lâm bầu bạn. Dùng trà xong, kế tiếp đãi thang thủy. Dùng thang thủy xong, lưỡng tự đưa chuyên sứ đến chỗ nghỉ ngơi. Thị giả dẫn chuyên sứ tuần rảo các liêu một vòng để ra mắt mọi người.

Qua ngày khác thượng đường, bên trái pháp tòa riêng bày trí một tòa vị của trụ trì. Chuyên sứ trải tọa cụ giập đầu cử hành đại lễ lay 3 lay, bưng mâm có đặt pháp y dâng lên trụ trì. Trụ trì tiếp nhận pháp y xong trình trọng ban pháp ngữ, kế đó mặc

pháp y vào rồi thăng tòa. Nếu như vị pháp sư mà trụ trì nổi tự đã qua đời thì khi nhận pháp y phải bày trí bàn thờ linh ở phía bên phải pháp đường, sau khi trụ trì xuống tòa phải trí tế, còn đại chúng thì niệm tụng kinh, nghi thức giống như ở lễ đưa di thư tới (xin xem nghi thức đưa di thư tới ở phần sau).

## TIẾP ĐÓN CHƯ' TÔN TÚC

Các bậc tôn túc đến thăm viếng, tất trước hết phải treo bài hiệu Tiếp tôn túc, giống chuông tập hợp đại chúng, ra đứng tận cửa cổng mà nghinh tiếp. Nếu bậc tôn túc nào thích giản dị thì âm thầm vào chùa mà không thông báo trước. Trong trường hợp này, trụ trì phải bày trí đầy đủ hương và đèn cầy để đón tiếp, giống chuông tại tăng đường trí ý kính trọng. Hành giả khách đầu phải bẩm báo thủ tọa suất lãnh đại chúng thắp hương vái chào vãn an. Xong lễ, chúng tăng lui ra, còn chấp sự tăng lưỡng tự (từ đây xin gọi tắt là lưỡng tự) và chấp sự tăng đã thoái chức hiện trú ngụ tại chùa (từ đây xin gọi tắt là cần cụ) thì ngồi lại bầu bạn. Đốt hương uống trà xong, thị giả mới đến dâng hương lễ bái. Lúc bấy giờ, thị giả, hành giả, bộc tòng và kiêu phu mà tôn túc mang theo mới được đưa đến tham bái. Quản lý nhân sự thất phương trượng và tham đầu suất lãnh các hành giả và nhân bộc cùng kiêu phu mà tôn túc mang theo tuần tự tham bái. Thị giả lại đốt hương dọn thang thủy tiếp đãi. Dùng thang thủy xong, lưỡng tự và cần cụ cùng đưa tiễn tôn túc về phòng khách an nghỉ. Khách đầu bảo chuẩn bị kiêu, trụ trì đích thân hướng dẫn tôn túc tuần rảo các liêu đáp lễ đại chúng. Thị giả thỉnh khách cụ bị thư trạng đến phòng khách nơi tôn túc tạm nghỉ đốt hương thỉnh mời tôn túc dự chiêu đãi thang thủy buổi chiều, bẩm bạch rằng: “Phương trượng bái thỉnh Hòa thượng tối nay đến tẩm đường thất phương trượng dự hiến thang thủy. Cúi mong từ bi giáng trọng!”. Bẩm bạch xong, trình thư trạng thỉnh mời (hình thức trình bày phía sau). Trình xong, khách đầu lại bẩm bạch: “Thỉnh mời Hòa thượng sau khi dùng thang thủy xong đến tòa vị dùng cơm tối!”. Tẩm đường treo đóng màn trướng, bày trí tẩm bạng đồ đối chiếu vị trí ngồi, cũng đặc biệt thiết trí vị trí quang lâm bầu bạn. Giống trống hành lễ, mời ngồi, mời đốt hương, mời dùng thang thủy xong, kế mời dùng cơm tối, nghi thức cũng giống như các lễ thông thường. Khách đầu đến phòng khách của tôn túc mời thỉnh rằng: “Phương trượng mời thỉnh Hòa thượng tối nay dùng thang thủy và trái cây”, rồi cùng thỉnh mời lưỡng tự quang lâm bầu bạn. Dùng thang quả xong, thị giả bẩm báo cùng tôn túc: “Sáng mai trụ trì thăng đường trí tạ Hòa thượng đến thăm”. Qua sáng hôm sau, thỉnh mời dùng thang thủy. Thị giả đốt hương, hành giả vái chào vãn an. Bộc tòng luôn tới lui

sẵn sàng chờ sai bảo, trụ trì bầu bạn với tôn túc dùng cháo. Dùng cháo xong, thỉnh mời dùng trà. Thị giả lại bẩm báo việc thượng đường, bên mé phải pháp tòa thiết đặt vị trí của tôn túc, mời điểm tâm giữa buổi cháo sáng và cơm trưa. Nếu như vị tôn túc đến thăm viếng danh vọng đặc biệt cao đại thì thủ tọa và chúng đầu thủ bẩm báo trụ trì, nhờ trụ trì mời thỉnh tôn túc vì chúng thuyết giảng, khai thị pháp yếu. Trước hết trụ trì đến phòng khách nơi tôn túc tạm nghỉ, trần thuật nguyện vọng của tăng chúng. Nếu vị tôn túc đồng ý thì thủ tọa phải cụ bị thư trạng, còn lưỡng tự và đại chúng đều đến chỗ phòng khách nơi tôn túc tạm nghỉ thắp hương bái thỉnh, đồng thời thỉnh cầu trụ trì đảm nhận cương vị dẫn tòa, tức hướng dẫn tôn túc thăng tòa và giới thiệu với đại chúng, đồng thời thông báo đại chúng treo bảng cáo thị thuyết pháp, trước pháp tòa bày trí tòa vị phải trái hai bên. Đến giờ gióng trống, trụ trì bầu bạn tôn túc xuống pháp tòa, cùng đứng trước pháp tòa. Trụ trì trước tiên hướng dẫn tôn túc lên pháp tòa giới thiệu giản lược với đại chúng, cung cách cũng giống như thượng đường thuyết pháp thông thường nêu trên. Thuyết giảng xong xuống tòa, lưỡng tự đến trước bậc tôn túc vái chào vãn an, tôn túc bước đến trước trụ trì vái chào vãn an. Kế đứng tại chính giữa pháp tòa vái chào vãn an tất cả đại chúng rồi bước lên tòa. Thị giả và lưỡng tự rời hàng vái chào vãn an, trụ trì cũng tiến tới trước tôn túc vái chào vãn an. Lại khi tôn túc thuyết pháp xong từ pháp tòa bước xuống, đến trước trụ trì vái chào vãn an, rồi vái chào vãn an toàn thể đại chúng. Trụ trì, lưỡng tự và đại chúng cùng đến phòng khách chỗ tôn túc tạm nghỉ thắp hương bái tạ ơn thuyết pháp. Thị giả thỉnh khách cụ bị thư trạng, thỉnh mời đặc biệt dự khoản đãi. Nhà chùa phải thỉnh mời khoản đãi tiệc và tặng lễ vật. Phương trượng cũng cụ bị hiến tặng lễ vật cá nhân mình cho người có công đóng góp. Nghi thức cử hành lễ cũng giống như lễ đặc biệt chiêu đãi thường khi. Nếu như trụ trì chùa bạn đến thăm viếng mà cương vị tương đương với trụ trì thì nghi thức cử hành lễ có thể châm chước tùy nghi vậy. Nếu khách đến thăm viếng thuộc hàng huynh đệ pháp quyến đồng môn với trụ trì hoặc giả là bậc trưởng thượng thì trước hết cử hành lễ ra mắt trụ trì chùa bạn đến viếng thăm, kế đó đưa đến phòng khách, thỉnh mời khách ngồi nghỉ trong đó, trụ trì thắp hương lễ bái, rồi lại cử hành lễ gặp gỡ của đồng môn quyến thuộc, rồi mời đến ngồi trong thất phương trượng và nên nhường cho khách ngồi ở vị trí trung tâm, đón tiếp – tiễn đưa như lễ trước. Trong lúc hiến thang thủy, thì trụ trì phải đích thân tự hành lễ. Nếu khách cương quyết chối từ thì mới nhờ thị giả hành lễ thay trụ trì. Nếu đệ tử nổi pháp của trụ trì bỗng tự là trụ trì chùa khác đến chùa có việc hoặc giả cháu pháp (pháp đệ) của trụ trì đến viếng thăm thì phải đích thân đến thất phương trượng yết kiến trụ trì, trụ trì liền ra lệnh đánh chuông tăng đường tập họp chúng, chức sự thỉnh mời trụ trì

cu trung tọa, khách hành lễ đệ tử hay cháu pháp ra mắt trụ trì rồi tiếp đó mới cử hành lễ tương kiến theo nghi thức trụ trì chùa bạn đến viếng thăm. Nghi thức tiếp đón và đưa tiễn cũng giống như đón đưa tôn túc bình thường, nhưng phần thiết tiệc khoản đãi thang thủy thì không có trình thư trạng thỉnh mời. Thị giả thỉnh khách đốt hương thỉnh mời miệng. Lại cũng tùy theo tuổi lập cao thấp của khách mà lâm thời tùy nghi quyền biến. (Hình thức thư trạng mời dùng thang thủy, mời khoản đãi tiệc trà, mời thăng tòa như sau đây)

- a- Đương nhiệm trụ trì là ti-kheo mỗ kính mời mỗ ... tôi nay đến tầm đường dự tiệc khoản đãi thang thủy. Cúi mong tôn thể từ bi đoái hoài chấp nhận giáng trọng! Cẩn thư trạng Ngày ... tháng ... Người cụ trạng là ... mỗ
- b- Đương nhiệm trụ trì bổn tự là ti-kheo mỗ kính mời mỗ ... ngày mai đến tầm đường dùng thang thủy và cơm. Cúi mong tôn thể từ bi đoái hoài chấp nhận giáng trọng! Cẩn thư trạng Ngày ... tháng ... người cụ trạng là mỗ
- c- Đương nhiệm thủ tọa bổn tự là ti-kheo mỗ, kính mời mỗ ... ngày mai thượng đường thuyết pháp cử đương Tông chỉ, khai thị kẻ học sau. Cúi mong tôn thể từ bi đoái hoài chấp nhận giáng trọng!
- d- Cẩn trạng
- e- Ngày ... tháng ... năm, người cụ trạng là ... mỗ
- f- Bi thư đựng thư trạng viết : Thư trạng thỉnh mời Thiên sư Hòa thượng đường đầu của chùa mỗ ở xứ mỗ Người cụ thư trạng kính cẩn dán kín

### **THÍ CHỦ MỜI THĂNG TÒA TRAI TẶNG**

Thí chủ đến công chùa, tri khách tiếp kiến dẫn lên thất phương trượng đãi trà thang rồi đưa về phòng khách an nghỉ. Nếu là đường quan đại thí chủ thì phải giống chuông tập hợp tăng chúng đón tiếp ngoài cổng chùa, đưa về phòng khách tạm an nghỉ xong, thí chủ phải mời tri sự tăng bàn bạc thương lượng rồi cùng lên thất phương trượng, đốt hương bái thỉnh trụ trì thăng tòa.

Đến ngày hành lễ, trang trí bày biện pháp tòa, trước tòa thiết trí vị trí thí chủ, treo bài hiệu Thượng đường thông báo cho đại chúng, đánh trống tập hợp đại chúng. Tri khách cùng thí chủ lên thất phương trượng thỉnh mời trụ trì, phải cụ bị lư hương cầm tay, đèn, phướn, chập chỏa đúng nghi thức, thỉnh mời trụ trì đến trước pháp tòa, thăng tòa ngồi xếp bằng. Thí chủ ở trước pháp tòa lễ bái, tri khách vái chào hướng dẫn vào vị trí ngồi nghe trụ trì thuyết giảng Phật pháp. (Tuy nhiên thí chủ dù nhận

lời mời thỉnh ngồi nghe pháp, nhưng chỉ nên đứng nghe trụ trì thuyết giảng mà thôi, vì nếu ngồi nghe là biểu hiện mạn pháp không tôn trọng Phật pháp). Trụ trì thuyết giảng xong xuống tòa, thí chủ phải đến bái tạ ơn nói pháp.

Nếu có buổi trai tăng thì thí chủ phải cùng tri sự bàn bạc phí dụng cho bữa trai. Duyệt ra một danh sách tăng chúng tham dự bữa trai tăng, dự liệu số tài vật bố thí theo số người tham dự mà phân phát đều nhau. Trong tăng đường bày trí vị trí thí chủ, thí chủ cùng trụ trì ngồi đối diện dùng trai xong, tri sự bồi tiếp (bầu bạn) thí chủ đứng đợi giây lát trước tăng đường chờ thủ tọa suất lãnh tăng chúng ra trước tăng đường trí tạ thí chủ. Kế đó, cả trụ trì lẫn tri sự đều đến phòng khách để trí tạ thí chủ. Mỗi khi có thí chủ đem tiền đến gửi cúng dường trai tăng, trụ trì tiếp nhận rồi giao cho tri sự. Tri sự phải đem số tiền này xài hết vào tiệc trai tăng và bố thí tài vật cho đại chúng, chứ không nên xài lem qua vụ việc khác vì phải nhớ tội xài lem số tiền đó sẽ đưa đến hậu quả thảm hại mà thôi.

Sách Nhân thiên bảo giám chép: “Thiền sư Trí ở núi Vân Cái Hồ Nam, ban đêm tọa Thiền tại thất phương trượng, bỗng nghe mùi cháy khét và tiếng khua lêng xêng của gong cùm, bèn ngưng Thiền nhìn thì thấy một người đang mang cái cùm lửa, lửa liên tục tắt cháy không ngừng, đuôi cùm kéo lê lên trên cái theo cửa. Thiền sư Trí hoảng kinh hỏi rằng: ‘Ông là ai mà lại phải mang gong cùm khổ sở cùng cực như thế?’. Kẻ mang gong đáp rằng: ‘Kiếp trước con là Thủ Ngung trụ trì chùa này lỡ đem tiền của thí chủ cúng thí cho chư tăng mà xây tăng đường, cho nên nay phải chịu nỗi khổ này’. Thiền sư Trí nói: ‘Vậy giờ phải làm sao để ông được miễn tội?’, Ngung nói: ‘Cúi xin đem tiền đáng giá phí tổn xây tăng đường bố thí cho chư tăng thì con được miễn tội!’. Thiền sư Trí y theo lời, đem tiền của riêng cá nhân mình trưng đương giá xây dựng tăng đường bồi thường cúng thí cho chư tăng. Một đêm kia, nằm mộng thấy Ngung về báo rằng: ‘Nhờ vào sức của sư, nay con đã miễn được cái khổ chốn địa ngục, tái sanh nơi cõi trời người, ba kiếp sau trở lại được làm tăng’”. Nay dầu lửa đốt lem trên then cửa hãy còn. Tuy nhiên dù Ngung công có lấy tiền thí chủ cúng cho đại chúng đem xây tăng đường đi nữa, nghĩ cho cùng cũng là phục vụ cho chư tăng thụ dụng, vậy mà còn bị quả báo xài lem tiền thí chủ không đúng đối tượng. Nay người trong chốn tùng lâm chối bỏ nhân quả, chẳng riêng gì dùng lem tiền thí chủ bố thí không đúng đối tượng, mà còn cướp trộm rút rĩa tài vật của thường trụ làm của cải cá nhân mình thì là thế nào đây!

## **NHẬN SỰ CÚNG DƯỜNG TRAI PHẠN CỦA NGƯỜI NÓI PHÁP**

Nếu kẻ nổi pháp của trụ trì (nay là trụ trì chùa khác) đến chùa cũ xin khoản đãi bữa trai thì phải lệnh cho tri sự mà mình mang theo đến khố ty chùa cũ tính toán xem phí dụng tổ chức buổi lễ mời cơm (độ trai) là bao nhiêu, rồi y theo số ấy mà nạp tiền vật. Đêm trước ngày lễ phải đến thị ty phiên bảm bạch cùng trụ trì rồi đến thất phương trượng thấp hương trải tọa cụ giập đầu cử hành đại lễ lạy ba lạy. Nếu trụ trì biểu lộ ý tứ miễn đại lễ thì phải giập tọa cụ xuống đất trí ý lễ bái rồi bảm báo: “Sáng mai tại tăng đường, chúng con có bày biện một bữa cơm rau giản đơn, cúi mong sư phụ từ bi hạ mình quang lâm cho bữa cơm thêm phần long trọng!”. Hành giả khách đầu thỉnh mời lưỡng tự tại đơn liêu và các liêu toàn chùa treo bảng “Mời dùng cơm” thông báo cho toàn chúng. Tới ngày lễ, tòa vị của trụ trì trong tăng đường được bày trí thật tinh tươm, trên bàn trải nắp vải thật tươm tất, trên đó đặt dôi dào tài vật bố thí. Bản tại nhà bếp của khố ty (hỏa bản) được đánh lên, đại chúng tụ tập đến tăng đường. Người đãi tiệc theo trụ trì vào tăng đường vái chào mời ngồi, chuyển người đến trước tượng Thánh tăng thấp hương, lại xoa tay đến trước trụ trì vái chào vấn an, rồi đi vòng phía sau lưng tượng Thánh tăng mà bước ra. Trụ trì đưa tay mời người đãi tiệc ngồi, vị trí ngồi của người đãi tiệc tại bản đầu của tri khách. Hành giả cao giọng nói: “Thỉnh mời đại chúng lấy bình bát treo trên quả đấm đơn xuống!”, đợi cho hành giả hành thực đem cơm và thức ăn đơm khắp cho đại chúng rồi, người đãi tiệc mới đứng dậy đốt hương đưa trình tài vật bố thí ra rồi đến trước trụ trì vái chào vấn an xong ban phát tài vật bố thí cho đại chúng. Bây giờ, nhà bếp mới đánh trai bản mời mọi người bắt đầu dùng cơm, kể đơm cơm thêm vào bát người ăn chưa no. Dùng cơm xong, đại chúng thâm bát lui ra. Trụ trì hướng dẫn người đãi tiệc thấp hương. Người đãi tiệc tiến đến trước trụ trì vái chào vấn an, rồi đi vòng phía sau tượng Thánh tăng đến trước lư hương vái chào vấn an các người dọn tiệc. Kế đó, động chuông rót trà khắp đại chúng, tiến đến trước trụ trì mời trà. Lại từ sau lưng tượng Thánh tăng bước ra đến trước trụ trì trải tọa cụ xuống đất (giập đầu lễ bái đại lễ lạy ba lạy) bảm bạch: “Lễ mọn hôm nay không đủ trí ý kính trọng, lại nhọc tôn thể quang lâm, trong lòng thật hết sức cảm kích!”. Lần trải tọa cụ thứ hai bảm bạch chuyện ấm lạnh, đoạn giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy ba lạy rồi tiến đưa trụ trì ra khỏi tăng đường. Người đãi tiệc lại quay vào trong tăng đường đốt hương vái chào vấn an cả bên mé phải cũng như bên mé trái tăng đường để cảm tạ các bậc tiền bối và chấp sự tăng đã quang lâm bầu bạn, đoạn quay vào đứng ngay chính giữa tăng đường vái chào thăm hỏi tất cả đại chúng. Đoạn động chuông thu dọn chén đĩa rồi đến thất phương trượng cảm tạ trụ trì đã hạ mình quang lâm, trụ trì lại đi theo người đãi tiệc tới phòng khách để cảm tạ ơn thiết đãi tiệc trai.

Nếu như người đãi tiệc là trụ trì các chùa bạn đến bốn tự đãi tiệc trai thì khi trai phạn đã chuẩn bị xong, trai chủ (người đãi tiệc) phải đến thất phương trượng mời trụ trì cùng đến tăng đường, vái chào mời trụ trì vào trai tòa. Trụ trì nên miễn hành lễ cho trai chủ, vái chào mời trai chủ quay lại ngồi vào vị trí của y. Trai chủ chờ cho hành giả phục vụ cơm đã đơm cơm đều khắp cho đại chúng rồi bèn đứng dậy thắp hương, đến trước trụ trì vái chào vãn an dâng tặng tài vật bố thí cho trụ trì rồi đem tài vật bố thí ban phát cho tất cả đại chúng. Kế đó đến trước các khách quý quang lâm bầu bạn, đốt hương vái chào rồi quay về vị trí của mình bầu bạn với mọi người cùng ăn cơm. Lễ đãi trà rau cơm có tiến hành hay không là tùy theo tình hình mà châm chước quyết định không bắt buộc.

### **ĐƯA DI THƯ CỦA SƯ PHỤ TRUYỀN PHÁP ĐẾN**

Chuyên sứ mang thư đến chùa (lễ nghi xin xem ở thiên Di thư phía sau) trụ trì mở thư ra xem tại thất phương trượng. Lưỡng tự trước hết chia buồn cùng trụ trì, ngay chính giữa pháp đường thiết trí bàn linh tế lễ. Trụ trì đến trước tòa tế lễ dâng hương, nói một tắc pháp ngữ, đoạn khóc lóc bi ai lạy ba lạy, dâng cúng thang thủy rồi lại lạy ba lạy nữa. Dâng cơm cúng và lễ vật bố thí, giống trống cử hành lễ Đặc vi (riêng vì thầy), lạy 3 lạy, hiến cúng trà, giống ba tiếng trống, thoái lui khỏi tòa, thu cuốn tọa cụ. Duy-na cử chú Lăng Nghiêm hồi hướng (lễ nghi cùng với cúng giỗ thầy truyền pháp giống nhau). Lưỡng tự, môn đường (tứ liêu), cao tăng ân dật tại chùa, người cùng quê với trụ trì, bạn đồng học pháp cùng thầy với trụ trì (pháp quyến) và hàng đệ tử của trụ trì, cùng các người biện sự đều phải cử hành tế lễ. Trụ trì đứng bên trái bàn linh (nếu như trụ trì các chùa bạn, Tây đường hay các đệ tử của thầy truyền pháp quá cố đồng thứ bậc với trụ trì thượng tế lễ thì trụ trì cùng chuyên sứ phải lạy đáp lễ các vị này. Còn những người ở cương vị thấp hơn trụ trì trở xuống tế lễ thì trụ trì và chuyên sứ không phải lạy đáp lễ). Tế lễ xong, tụng đọc chú Đại bi, hồi hướng rằng: “Công đức phúng tụng kinh chú vừa qua đều hồi hướng cả cho vị đại Hòa thượng mõ, chùa mõ, pháp hiệu mõ được tăng thêm phẩm vị ở cõi Phật. Mười phương ba đời chư Phật v.v...”. Thủ tọa suất lãnh chúng, an ủi trụ trì rằng: “Pháp môn bất hạnh khiến các kẻ hậu học mất chỗ nương tựa, thật không khỏi buồn rầu đau đớn tiếc thương. Cúi mong Hòa thượng dẫn đầu, bớt buồn hầu tiếp tục nỗ lực hoằng dương đạo pháp!”.

**Sắc tu Bách Trượng thanh qui quyền 2 hết**



## **SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUI**

**TRỤ TRÌ CHÙA THIỀN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH LÀ TĂNG BÈ TÔ I ĐỨC HUY PHỤNG  
SẮC CHỈ BIÊN SOẠN LẠI TRỤ TRÌ CHÙA ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP LÀ TĂNG BÈ  
TÔ I ĐẠI HÂN PHỤNG SẮC CHỈ HIỆU CHÍNH**

**Việt Dịch: HT.Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng**

### **QUYỀN 3**

#### **MỜI TRỤ TRÌ MỚI : PHÁT CHUYÊN SỨ**

Phàm gặp phải một cảnh chùa nào đó trong mười phương thiếu vắng chức vụ trụ trì thì phải báo cáo ngay cho cơ quan chủ quản bộ môn [sở ty (xem chú thích)], rồi đợi khi mạng lệnh tuyển chọn trụ trì mới của cơ sở hữu quan gửi xuống, khổ ty và cần cù hội họp bàn bạc việc phái chuyên sứ nghinh tiếp trụ trì mới có nhiều loại như do đầu thủ, do tri sự, do cần cù, do môn đường, do tiền tư, hay do toàn tăng chúng đứng tên.

Chế định số văn cũng có nhiều loại như ngoài Sơn môn số do toàn thể tăng chúng trong chùa đứng tên mời thỉnh, lại còn có loại số do các chùa bạn đứng tên mời hay số do các cao tăng ẩn dật đứng tên mời; bằng trà và thang thủy do chuyên sứ đứng tên. Các loại số văn nêu trên đều mời thư ký của chùa phụ trách soạn viết, như thư ký trống vắng thì chọn các người giỏi chữ nghĩa trong chùa, phân công từng loại thay thư ký mà hoàn thành, dùng lụa trắng mà viết bằng văn. Việc tuyển chọn chuyên sứ có thể lựa ở các vị tri sự có tư cách cao bên Đông tự, hoặc các vị cần cù, hay các vị thủ tọa ở Tây đường; hoặc có thể chọn các vị đầu thủ thứ bậc kế tiếp mà sung vào chức vụ này. Nếu chuyên sứ không phải là tri sự đương chức của chùa, thì phải phái một vị đang giữ chức thấp hơn tri sự trong chùa đi theo để phụ trách tài vụ và làm cố vấn cùng nhau bàn bạc công việc. Lại phải trước hết cù bị một quyển sổ “cần rõ” (tu tri), trong đó biên chép toàn bộ điền sản, vật dụng mà chùa hiện đang sở hữu cùng danh sách các người tùy tùng của đoàn đi nghinh tiếp trụ trì mới.

Sau khi chuẩn bị đầy đủ (thỏa đáng), chùa nhà khoản đãi chuyên sứ và đoàn tùy tùng. Tới ngày lên đường, chuyên sứ và đoàn tùy tùng đến các liêu nói lời tạm biệt. Gióng chuông ở tăng đường tập họp đại chúng để đưa đoàn ra khỏi sơn môn. Tại

tam môn che rạp bằng tranh, trong rạp có đặt tòa vị, cử hành nghi lễ mời chuyên sứ và đoàn tùy tùng uống trà và thang thủy. Phải mời lưỡng tự và cần cụ cùng dự bầu bạn. Nếu đảm nhận chức vụ chuyên sứ là một tăng tri sự có tư cách cao của Đông tự thì được tri sự tăng tư cách thấp hơn làm lễ đưa tiễn. Nếu chuyên sứ là đầu thủ hay cần cụ thì do tri sự tư cách cao hơn làm lễ đưa tiễn. Trình tự nghi lễ là: vái chào mời ngồi, đốt hương, vái chào thỉnh chuyên sứ đốt hương, rồi ai nấy đều quay về chỗ ngồi của mình, cùng với chuyên sứ bầu bạn uống trà. Rồi lại đứng lên đốt hương, mời chuyên sứ đốt hương xong ai nấy quay về chỗ ngồi cũ, đoạn cùng với chuyên sứ bầu bạn uống thang thủy. Sau đó thu chung tách, chuyên sứ đứng lên đáp tạ rồi lên kiệu ra đi.

### **TRỤ TRÌ ĐƯƠNG NHIỆM ĐƯỢC MỜI NHẬN CHỨC**

Chuyên sứ đến chùa người, trước hết phải hội kiến với tri khách. Tri khách đưa chuyên sứ đến gặp khổ ty, khổ ty tiếp đãi rồi đưa về nơi nghỉ ngơi. Sau đó, chuyên sứ bái kiến đầu thủ của Tây tự cùng tăng nhân tại các liêu xá. Đoạn chuyên sứ đến thị ty bẩm báo rành rõ lai lịch việc đến chùa, thị giả thay mặt bẩm báo trụ trì rồi chờ xem ngài quyết định thế nào, có ưng hay không. Như trụ trì đáp ứng chuyện mời thỉnh thì sau đó ra lệnh tại thất phương trượng bày biện bàn ghế, trên mặt bàn trái nắp, đem số và thiệp mời đặt lên bàn, rồi sau đó mời chấp sự tăng của lưỡng tự đến, vào tâm đường mời trụ trì ra. Chuyên sứ vái chào thăm hỏi vãn an rồi mời trụ trì ngồi kiết-già. (Lễ ra mắt xong), trụ trì đứng ngay chính giữa, chuyên sứ thấp hương, trái tọa cụ giập đầu lay ba lay đại lễ, đoạn tiến tới trước nói: “Con vâng sự sai bảo của tệ tự, ngưỡng mong Hòa thượng hạ mình vàng nhận chức trụ trì của tệ tự. Được phụng sự từ nhan, trong lòng cảm kích vô cùng!”. Nói xong, lay ba lay nói thêm: “Hôm nay khí trời rất tốt, bọn con cùng cầu chúc tân nhiệm trụ trì sinh hoạt như ý, được nhiều phước huệ”. Lại lay thêm ba lay nữa rồi đứng lên cuốn tọa cụ, mỗi lần chuyên sứ lay thì trụ trì đều đáp lễ một lay nói: “Kẻ này tài hèn, trí thiếu, lạm mong tín nhiệm, đảm nhận lời mời thỉnh trọng đại này, không khỏi làm điểm nhục Tông phong của quý tự. Hơn nữa, chuyên sứ tân cần từ xa đến đây, càng khiến cho mỡ đây vô cùng cảm kích”. Chuyên sứ dâng trình số vãn, thiệp và thư thăm hỏi. Trụ trì đón nhận để lên bàn, đoạn mở thư – số xem qua một lượt, thị giả vái chào mời chuyên sứ ngồi. Chuyên sứ ngồi đối diện với trụ trì, các vị Tây đường nhún nhường ngồi dưới chuyên sứ một tọa vị. Nhường tọa vị như thế là để biểu thị lòng tôn trọng đối với khách từ xa lại. Mọi người dùng xong trà, thị giả cùng chấp sự tăng lưỡng tự

cùng đưa chuyên sứ về phòng khách nghỉ ngơi. Lúc bấy giờ, hành giả đường ty đánh ba tiếng chuông ở tầng đường, đại chúng tụ tập tại thất phương trưng để chúc mừng trụ trì. Khố ty chuẩn bị hương, thủ tọa cùng tri sự đều thấp hương. Lạy thứ nhất ngỏ lời rằng: “Hòa thượng đường đầu được vinh dự thăng chức thuyên chuyển đi nơi khác, tin vui chấn động từng lâm, thật là vinh hạnh to lớn của cả chùa chúng ta. Trong lòng luống những vô cùng vui sướng”. Lạy lần thứ hai nói: “Thời tiết hôm nay thật là tốt, bọn con cùng nhau chúc đại Hòa thượng đường đầu sinh hoạt như ý, được nhiều phước huệ”. Nói xong giập tọa cụ xuống nền, lạy ba lạy. Trụ trì đáp lễ một lạy, nói: “Mỗ đây nghĩ mình tài sơ, trí thiên, ngẫu nhiên được tuyển chọn làm trụ trì chùa ấy, lại mong được chư vị hạ mình chúc mừng, thật lấy làm xấu hổ quá chừng!”. Đại chúng tản ra, tri khách hướng dẫn chuyên sứ tuần liêu. Gặp mặt thăm hỏi chúng tăng xong, chuyên sứ mới tuần tự đem sổ tu tri của bản tự, danh sách đoàn tùy tùng và các tạp vật mà mình mang theo dâng trình lên trụ trì. Tối đó tại chùa thiết tiệc đặc biệt gồm thang thủy và cơm chiều chiêu đãi chuyên sứ và đoàn. Đến đêm tối lại chiêu đãi thang thủy và trái cây. Cả hai buổi chiêu đãi đều mời lưỡng tự và căn cụ quang lâm bầu bạn. Mọi việc đều do khố ty sắp xếp, bày biện.

## **TÂN TRỤ TRÌ VỪA MỚI THỌ NHẬN SỨ MỆNH ĐƯỢC MỜI THĂNG TÒA**

Tân Trụ trì sau khi thọ nhận lời thỉnh cầu nhận sứ mệnh, qua ngày hôm sau tại chùa mình cử hành nghi thức thăng tòa. Thị giả dọn dò hành giả trước hết ở bên phải dưới pháp tòa đặt bàn, trên đó để sớ-thiệp mời mà chuyên sứ mang tới và bày biện tọa vị của chuyên sứ. Chuyên sứ trước hết bảm báo với duy-na tuyển chọn người đọc sớ-thiệp. Tới giờ, thị giả báo bảm với trụ trì, đoạn giống trống tập họp đại chúng giống như nghi thức thượng đường thường lệ. Trụ trì bước ra đến ngay vị trí của mình mà đứng, dâng hương, đoạn mời chuyên sứ đốt hương trình sớ- thiệp. Mỗi lần trình một tấm sớ văn, thì chuyên sứ phải đốt hương rồi đệ trình sớ văn lên. Trụ trì tuần tự tiếp nhận lấy và mỗi lần nhận đều có tuyên pháp ngữ. Tuyên đọc sớ xong, chuyên sứ lại tiếp tục đốt hương và hai lần trải tọa cụ ra giập đầu lạy ba lạy, hoặc giả chỉ giập tọa cụ xuống nền thị ý kính lạy, hoặc được miễn, tất cả đều do ý của trụ trì quyết định. Lạy xong lui xuống, thỉnh trụ trì lên pháp tòa mà ngồi. Sau khi trụ trì ngỏ lời chủ yếu vắn tắt đề cương Phật pháp và tỏ lời tạ ơn các khách khứa quan trọng, nghi thức thăng tòa kể như kết thúc.

## CHUYÊN SỨ ĐẶC BIỆT THIẾT TIỆC CHIÊU ĐÃI TÂN THỌ MẠNG TRỤ TRÌ

Chuyên sứ trước tiên cùng với trụ trì mới nhận chức vị thương lượng bữa tiệc trai và tiền vật bố thí nặng nhẹ, nhiều ít thế nào cho thích hợp đặc thể đủ để cung cấp thêm tiền vật bố thí cho chấp sự tăng lương tự, cần cự, người thân đồng hương của trụ trì, quyến thuộc đồng tu, các người biện sự và phí dụng dành cho vật liệu dùng cho bữa tiệc chay. Chuyên sứ nhất nhất giao nạp đầy đủ cho khó ty để nơi đây trọn quyền bày biện lo liệu.

Đến ngày lễ, chuyên sứ đến thất phương tượng đốt hương báo thỉnh trụ trì. Trái tọa cụ giập đầu lay lần đầu tiên nói: “Đúng giờ ngộ hôm nay tại tầng đường đặc biệt chuẩn bị bữa tiệc chay đạm bạc, kính mong Hòa thượng phát đại từ bi, hạ mình quang lâm. Trong lòng thật không khỏi lo sợ toát cả mồ hôi”. Trái tọa cụ hành lễ lần thứ hai nói: “Hôm nay khí trời rất tốt, bọn con cùng nhau kính cầu nguyện đại Hòa thượng đường đầu vừa mới nhận chức sinh hoạt như ý, nhiều phước-nhiều thọ!”. Nói đoạn, giập tọa cụ xuống nền thị ý lễ bái, trụ trì đáp lễ một lay.

Chấp sự tăng lương tự cùng các vị tăng nhân có vai vế cư ngụ đơn liêu, suất lĩnh hành giả khách đầu của thất phương tượng hiệp cùng hành giả mà chuyên sứ mang theo đoàn, đến các liêu xá nhất nhất bẩm báo thỉnh cầu treo bảng báo thiết tiệc chay để thông báo cho đại chúng. Trong tầng đường trang trí mới mẻ tinh sạch thơm tât, bày biện tọa vị chủ tịch trông lóa mắt. Tại bản đầu của Tây đường thiết trí chuyên sứ tọa vị. Bảng báo trà và thang thủy (nay gọi là thái phổ) treo ở hai bên cửa chính ngoài tầng đường. Đến giờ độ trai, chuyên sứ đứng ở trước tầng đường chờ chào đón trụ trì vào tầng đường, vái chào vấn an, cùng đưa trụ trì đến vị trí chủ tịch, vái chào mời ngài ngồi. Sau đó, chuyên sứ trở về khoảng giữa tầng đường hướng về mọi người vái chào, mời mọi người vào chỗ ngồi dự tiệc, đoạn thấp hương trước tượng Thánh tăng, đoạn tuần tự đến hai nửa gian Nam Bắc của tầng đường đốt hương, kế đến đốt hương bên ngoài tầng đường, rồi sau đó quay trở vào trong tầng đường, đến trước mặt trụ trì, và hai nửa gian Nam Bắc cùng bên ngoài tầng đường vái chào vấn an, rồi lại quay vào gian giữa tầng đường vái chào vấn an đại chúng. Tới chùng đó mới cầm đũa dùng cơm. Đợi cho hành giả đem cơm canh chan xốt vào bát của các vị khách rồi chuyên sứ mới đứng lên đốt hương dâng tài vật bố thí cho trụ trì, kế đó phân phát tài vật bố thí cho đại chúng. Xong rồi quay trở về chỗ ngồi cùng đại chúng bầu bạn dùng tiệc trai.

Đợi sau khi đem thùng chiết thủy (thùng rửa bát đĩa) ra ngoài xong, đánh trống, chuyên sứ lại đứng lên đốt hương hành lễ như trước. Hành giả rót nước trà khắp lượt cho tăng chúng (hành trà), đợi tăng chúng uống xong thì mang bình ra khỏi tăng đường như trước đó mang thùng rửa bát đĩa ra. Chuyên sứ lại đứng lên thăm hỏi vấn an mọi người, rồi thân lại tách trà của trụ trì, hành lễ: lần trái tọa cụ giập đầu lay lần đầu tiên nói: “Bọn con đây tạm bợ cụ bị một bữa cơm rau, thừa mong đại Hòa thượng từ bi quang lâm, trong lòng thật hết sức cảm kích!”. Lần trái tọa cụ giập đầu trí kính thứ hai tiến hành thăm hỏi chuyện hàn ôn. Giập tọa cụ xuống nền ba lần biểu thị lay kính ba lay, đoạn cung tiễn trụ trì ra khỏi tiệc, rồi quay lại bên trong tăng đường đốt hương trái tọa cụ giập đầu lay ba lay, rồi tuần hành trong và ngoài tăng đường một vòng, lại quay vào bên trong tăng đường, đứng ngay khoảng giữa vái chào vấn an tất cả mọi người. Hành giả thân cất các chén trà đi, trống gióng ba tiếng, mọi người rời bàn tiệc quay về liêu của mình nghỉ ngơi.

Tiệc tan, chuyên sứ liền đến thất phương trượng tạ ơn, kể đến khó ty cảm ơn công tổ chức bữa tiệc chay. Kế đó lại quay trở lại thất phương trượng, thỉnh mời trụ trì buổi chiều đến dùng bữa cơm tối và dùng thang thủy bánh trái lúc ban đêm. Cả hai bữa ăn đều mời lương tự và cần cụ cùng tham dự bầu bạn (quang bạn).

## **CHÙA NHÀ KHOẢN ĐÃI TRỤ TRÌ MỚI THỌ NHẬN CHỨC VÀ CHUYÊN SỨ**

Khố ty tập hợp các người quản sự thương nghị sự nghi chiêu đãi trụ trì mới thọ nhận chức và chuyên sứ, gồm cả chuyện đưa tặng lễ vật đúng như nghi thức thường lệ. Trước bữa khoản đãi một ngày, tri sự của Đông tự đến trước trụ trì mới thọ nhận chức thắp hương mời thỉnh, kế đó đến khách đường (phòng khách) thỉnh mời chuyên sứ. Lệnh cho khách đầu hành giả của khố ty đến mời chấp sự tăng lương tự và cần cụ quang lâm bầu bạn. Tài vật dâng tặng phải đúng theo lễ tiết, không thể hời hợt lơ là coi thường được. Lời lẽ và cung cách hành lễ cùng với lễ tiết thông thường giống nhau. Trong tầm đường bày trí chỗ ngồi cao của trụ trì, chỗ ngồi của chuyên sứ đặt để phụ bên phải của trụ trì. Lương tự sắp hai bên phải trái của trụ trì như lệ thường, cần cụ ngồi đối diện với trụ trì, còn thị giả ngồi ở phía dưới tri sự. Đối với bệ tụng (của các vị đại lão Hòa thượng) từ xa đến nghinh tiếp trụ trì thì ngoài chuyện khoản đãi đại khái như nêu trên, còn phải có thêm phần khao thưởng thù lao nhất định. Tại phần lớn các nơi đến mời thỉnh do tân mệnh trụ trì nhân phải thuyên chuyên nhậm chức đến chùa xa, một số tăng chúng ở bản tự nhân trước đây có mối hờn oán

bền nương cơ hội này mở miệng buông lời dè bĩu nói xấu, truyền xa thấu tới tai quan viên cùng bá tánh tục lữ, thường nhân cái vô tri kém hiểu biết của một người mà khiến thanh danh của cả một ngôi chùa phải mang tiếng xấu. Cho nên các bậc tôn túc lão thành tại bốn tự cùng các nhà ngoại hộ và các bậc trưởng lão có uy vọng của các chùa lân cận nên cố gắng ngừa xa dập tắt. Riêng bậc làm trụ trì cũng phải lưu tâm xét soi lời ăn tiếng nói của mình trong công việc, khiến lúc đã rời xa bốn tự vẫn giữ được lòng thương mến cảm kích luyến lưu của tăng chúng đối với mình.

## **TRỤ TRÌ MỚI NHẬN NHIỆM VỤ TỰ BIỆT CHÚNG THƯỢNG ĐƯỜNG DỪNG TRÀ THANG**

Đến ngày lên đường rời bốn tự, chuyên sứ đến các liêu chúng tăng nói lời giã biệt. Trụ trì mới nhận nhiệm vụ đến pháp đường thăng tòa, cảm tạ chấp sự tăng hai tự, các vị cần cưu và toàn thể đại chúng. Sau khi trụ trì xuống pháp tòa thì ba tiếng trống gióng lên, ngài đứng hướng mặt về phía pháp tòa, cùng đại chúng giập tọa cụ xuống nền ba lần để trí ý lay ba lay, sau đó theo hành lang phía Tây mà ra ngoài. Lúc bấy giờ, gióng đại hồng chung và đồng loạt thổi các loại pháp khí. Đại chúng đều đứng dậy cung kính đưa ra tận sơn môn. Các bệ tòng đứng sắp hàng hầu ngoài sơn môn. Ngoài cửa sơn môn đã chuẩn bị sẵn dụng rạp che màn, trong trường bày trí tòa cao hướng về bên trong (hướng về bên ngoài cũng bày trí một tọa vị tương ứng với tòa hướng về bên trong). Vị thủ tọa hướng về bên ngoài tạm nhiếp cư chủ vị. Các vị Tây đường và cần cưu ngồi đối diện quang lâm bầu bạn. Chấp sự tăng hai tự Đông Tây chia ra hai bên ngồi đối diện nhau. Một vị tri sự tăng có tư cách cao (thượng thủ tri sự) hành lễ, vái chào mời trụ trì và mọi người vào bên trong tòa ngồi. Sau đó vái chào mời mọi người thấp hương rồi quay về vị trí cũ dâng trà, đoạn thu dọn chén trà rồi lại đứng dậy đốt hương vái chào mời mọi người thấp hương, đoạn quay về vị trí cũ dâng bày thang thủy. Dùng thang thủy xong, trụ trì mới nhận nhiệm vụ đứng dậy cảm tạ mọi người rồi lên kiệu. Các chấp sự tăng hai tự và các vị cần cưu cũng chuẩn bị kiệu để lên đường đưa xa. Trụ trì mới nhận nhiệm vụ phải hết sức cố gắng ngăn cản. Lúc này phải gióng đại hồng chung để biểu thị trí kính cho đến khi kiệu trụ trì vừa nhận nhiệm vụ đã đi thật xa mới thôi.

## **TÂY ĐƯỜNG HOẶC ĐÀU THỦ ĐƯỢC THỈNH MỜI LÀM TRỤ TRÌ**

Chuyên sứ đến chùa, trước hết bái kiến tri khách rồi cùng đến chỗ làm việc của thị giả (thị ty) nhờ thị giả dẫn đến bái kiến phương trượng, thấp hương trải tọa cụ lễ bái,

sau đó thăm hỏi xã giao chuyện ấm lạnh rồi được đưa về khách đường nghỉ ngơi. Kế đó, chuyên sứ đến liêu các tăng, cùng mọi người tham lễ xong, báo bẩm thị giả nhờ đưa đến thất phương trượng, thưa bẩm rằng: “Chúng con đây ở chùa mõ nay thỉnh mời vị mõ... làm trụ trì”. Trụ trì báo tin này với chấp sự tăng hai tự và các vị cần cưu rồi yêu cầu các vị này đưa chuyên sứ đến liêu của vị đầu thủ... được mời làm trụ trì, đem sớ thiếp và thư tín liên quan đến việc mời thỉnh trình bày ra. Chuyên sứ thấp hương hành lễ, nghi thức cùng với mời thỉnh đương nhiệm trụ trì giống nhau. Như người được mời từ chối tiếp nhận chức mới thì mọi người phải khhyên giải động viên đủ cách, hết tình. Sau khi người được mời xiêu lòng chấp nhận thì trụ trì mời trụ trì mới nhận nhiệm vụ cùng hai tự và cần cưu dùng trà, rồi sau đó mới đưa vị mới nhận chức trụ trì đến tạm trú tại khách đường, vị này trước sau theo thứ tự nhận các nghi thức chúc mừng rồi đến tất cả các tăng liêu thăm hỏi qua mọi người. Tối đó, nhà chùa mời vị trụ trì mới nhận chức và chuyên sứ dùng thang thủy, com tối. Về đêm lại mời dùng thang thủy cùng bánh trái. Tất cả các bữa chiêu đãi này đều có hai tự quang lâm bầu bạn.

**NGƯỜI MỚI ĐƯỢC MỜI LÀM TRỤ TRÌ THĂNG TÒA (Người mới được mời làm tân trụ trì phải vốn là danh tăng đại đức của Tây đường hoặc là thủ tọa của tiền đường mới được cử hành lễ này)**

Trước ngày này một đêm, chuyên sứ phải mang hương đến thất phương trượng trái tọa cụ xuống đất giập đầu lễ ba lạy bẩm bạch rằng: “Bái thỉnh Hòa thượng, ngày mai này xin Hòa thượng hãy vì Hòa thượng mới nhận chức trụ trì của tệt tự mà tiến hành lễ hướng dẫn giới thiệu thăng tòa”. Qua ngày hôm sau ăn cháo sáng xong, bên phải pháp tòa sắp bày bàn ghế. Trên bàn đặt bày sớ thiếp liên quan đến việc mời tân trụ trì, bên phải pháp tòa cũng đặt ghế của trụ trì. Giống trống tề tập tăng chúng, trụ trì đến pháp đường thăng tòa, nghi thức cử hành giống như lễ các ngày Ngũ tham trong tháng. Sau đó sai thị giả thỉnh khách mời trụ trì mới thọ mạng vào pháp đường ngồi xếp bằng kiết-già. Trụ trì phát biểu ngắn gọn vài lời khen tặng tân thọ mạng trụ trì vì đại kế Phật pháp mà rời bỏ tự đến nhận nhiệm vụ ở chùa khác, đồng thời khuyên mời tân thọ mạng trụ trì cử dương tinh nghĩa Phật pháp làm mát lòng kính ngưỡng ái mộ của đại chúng. Tuy nhiên, tân thọ mạng trụ trì có mở lời cử dương tinh nghĩa Phật pháp hay không là điều không bắt buộc [Tùng Nguyên hướng dẫn giới thiệu thăng tòa cho Yêm Thất, Tiểu Am hướng dẫn giới thiệu thăng tòa cho Tùng Nguyên, đều không cử thoại. Thạch Kiều hướng dẫn giới thiệu thăng tòa cho

Giản Đường, Tức Am hướng dẫn giới thiệu thăng tòa cho Phúc Am, đều có cử thoại (cử dương tinh nghĩa Phật pháp)].

Xuống tòa, trụ trì trở về vị trí cũ đứng tại bên trái pháp tòa xoay mặt về phía ngoài. Chuyên sứ cùng với thị giả của tri khách và thị giả đến trước mặt tân thọ mạng trụ trì vái chào thăm hỏi xong thì tân thọ mạng trụ trì cũng đến trước trụ trì vái chào thăm hỏi chấp sự tăng hai tự và tất cả tăng chúng. Nếu tân thọ mạng trụ trì vốn là tự pháp của trụ trì thì trụ trì nhân cơ hội này truyền pháp y và ban cho pháp ngữ. Tân thọ mạng trụ trì khoác y xong tiến tới trước thỉnh mời trụ trì thầy mình ngồi xếp bằng kiết- già, trải tọa cụ giập đầu cử hành đại lễ lạy ba lạy. Sau đó không cuốn xếp tọa cụ, mà cất lời bẩm bạch rằng: “Đệ tử từ lâu đã mong được ân sư dạy dỗ rèn luyện, tiếc là tiến bộ không nhiều khiến cảm thấy hổ thẹn với Tông môn. Nay đây nhân chùa kia ân cần đến mời thỉnh, khó mà chối từ thoái thác lệnh của cơ quan công quyền Phật giáo, trong lòng thật không khỏi hết sức lo sợ”. Lại lễ thêm ba lạy nữa, trình lời rằng: “Hôm nay khí trời rất hợp thời lệnh, chúng con những dám kính chúc đại Hòa thượng đường đầu bốn sư, sinh hoạt hằng ngày bình thường, nhiều phước-nhiều huệ”. Lại lễ thêm ba lạy, cuốn tọa cụ tiến lên phía trước chào hỏi vấn an. Trụ trì đáp lễ, ngỏ lời rằng: “Tiền đồ của ông vô lượng, là hy vọng hiện tại của cửa Phật. Như nay dân thân gánh vác trọng nhiệm ấy tức là gặp điều nhân thì không lùi bước. Mong ông cố gắng bảo nhiệm, làm tròn chức vụ!”. Tân thọ mạng trụ trì lui về bên mé phải của pháp tòa mà đứng, chuyên sứ đem sớ thiếp, nhất nhất đệ trình lên. Hai bên đều tuyên thuyết vài câu pháp ngữ.

Nếu tân nhiệm trụ trì không phải là pháp tự của trụ trì thì sau khi xuống tòa liền đến trước pháp tòa vái chào vấn an trụ trì, đoạn cùng hai tự và toàn thể tăng chúng vái chào vấn an nhau rồi mới quay về mé bên phải của pháp tòa, đưa pháp y lên, kế đưa sớ thiếp lên và đều có nói vài câu pháp ngữ. Trước đó, chuyên sứ đã nhờ duy-na thỉnh mời người tuyên đọc sớ thiếp. Sau khi đọc sớ thiếp xong, chỉ pháp tòa nói vài câu pháp ngữ. Tân thọ mạng trụ trì lên pháp tòa đối đáp hỏi han chuyên sứ mấy câu, kế nói với mọi người vài câu đề cương Phật lý, sau đó đáp tạ trụ trì và tất cả mọi người liên quan đến buổi lễ. Thế là nghi thức thăng tòa kết thúc, tân thọ mạng trụ trì xuống pháp tòa đến trước trụ trì trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy hai lần. Lần thứ nhất trải tọa cụ lễ bái cúng bẩm bạch rằng: “Nhờ hồng phước của Hòa thượng, con lẠm nhận lệnh mời làm trụ trì của chùa mỗ..., không khỏi điếm nhục Tông môn. Ngưỡng mong ý vàng ngọc của Hòa thượng tác thành cho việc này, trong lòng thật



cảm kích vô cùng!”. Trụ trì đáp lời rằng: “Việc tuyển chọn ông làm tân thọ mạng trụ trì, trên hợp với lòng trời, dưới thuận với công luận của người, chẳng riêng một chùa ta cảm thấy vui mừng, mà cả cửa Phật cũng nhân đó mà tăng thêm phần quang vinh, trong lòng thật hết sức hân hoan!”. Tân thọ mạng trụ trì trải tọa cụ lần thứ hai bắm bạch: “Hôm nay khí trời chính hiệp thời lệnh, chúng con cùng cầu chúc Hòa thượng đường đầu sinh hoạt thư thái, nhiều phước – nhiều thọ”. Việc trải tọa cụ xuống nền giập đầu lạy ba lạy tiến hành hay không là tùy ý trụ trì. Tiếp đó, tân thọ mạng trụ trì cùng với hai tự và toàn thể đại chúng vái chào vãn an lẫn nhau. Thị giả của Tri khách hướng dẫn tân thọ mạng trụ trì đến khắp các liêu của tầng chúng thăm qua một lượt và cảm tạ mọi người. Nếu tân thọ mạng trụ trì là tự pháp (đệ tử truyền pháp) của trụ trì bản tự thì sau khi xuống tòa trước hết đến trước trụ trì trải tọa cụ xuống nền giập đầu lạy ba lạy theo đại lễ, sau đó lui ra cùng đại chúng vái chào vãn an, kể đi một vòng các liêu cảm tạ tầng chúng, sự việc tiến hành cũng giống như đã mô tả ở trước.

Như theo thứ tự, đầu thủ hay chấp sự tăng ở Tây đường được tuyển chọn thọ mạng chức vụ tân trụ trì thì lâm thời phải tiến hành nghi thức thế nào là do trụ trì bản tự tùy nghi châm chước mà thực hiện.

## **CHUYÊN SỨ ĐẶC BIỆT TỔ CHỨC TIỆC CHAY KHOẢN ĐÃI TÂN**

### **THỌ MẠNG TRỤ TRÌ**

Chuyên sứ đến trước vị tân thọ mạng trụ trì bàn bạc tài vật bố thí nhờ phương trượng hướng dẫn nghi thức thăng tòa tài vật bố thí cho toàn thể tầng chúng, ban tặng các số ngạch tài vật bố thí thêm cho người đọc sớ thiếp và cho chấp sự tăng hai tự, cần cụ, các cao tăng ân dật hiện trụ tại chùa, người thân cùng quê và các đồng đạo cùng sư môn của tân thọ mạng trụ trì.

Đến ngày, sau khi dùng cháo sáng xong, chuyên sứ mang hương đến thất phương trượng, tiến hành nghi lễ trải tọa cụ giập đầu xuống đất lạy ba lạy bắm bạch: “Đúng giờ ngọ hôm nay, đặc biệt thiết tiệc chay cơm rau đãi Hòa thượng tân thọ mạng trụ trì tại tầng đường (vân đường). Ngưỡng mong Hòa thượng từ bi hạ mình quang lâm!”. Kể đến trước tân thọ mạng trụ trì bái thỉnh, lễ tiết cũng giống như trước. Hành giả khách đầu của phương trượng cùng hành giả của chuyên sứ đến các liêu yêu cầu treo bài hiệu cáo thị thiết tiệc chay. Trong tầng đường bố trí như sau : đối diện với chỗ ngồi của trụ trì bố trí chỗ ngồi cho tân thọ mạng trụ trì. Ngoài tầng đường bên

cạnh vị trí của tri khách bố trí chỗ ngồi chuyên sứ, bảng cáo thị điểm trà và thang thủy treo hai bên cửa chánh của tầng đường. Đến giờ độ trai, chuyên sứ phúc bảm cùng tân thọ mạng trụ trì, đến trước cửa tầng đường chờ đón trụ trì cùng vào. Trụ trì đến, hai người cùng vái chào vắn an ngài. Sau đó, chuyên sứ theo vào tầng đường trước hết vái chào mời trụ trì vào pháp tòa, kế đó mời tân thọ mạng trụ trì vào pháp tòa. Đoạn đốt hương hành lễ, nghi thức tiến hành cũng giống như đối với trụ trì hiện nhiệm. Tiếp đó dọn tiệc chay, tặng tài vật và dùng trà xong thì trước tiên thu dọn chén trà của tân thọ mạng trụ trì. Kế đó, chuyên sứ đến trước tân thọ mạng trụ trì trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy hai lần, tiễn tân thọ mạng trụ trì theo cửa sau mà ra, đoạn chuyên sứ quay lại pháp tòa đến trước trụ trì đương nhiệm, trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy hai lần, đoạn tiễn đương nhiệm trụ trì theo cửa trước mà ra ngoài. Xong lại quay vào tầng đường đốt hương, trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy, tuần đường một vòng rồi đi ra ngoài tầng đường, đoạn quay vô chính giữa tầng đường hướng về mọi người vái chào vắn an, rồi ngay đó thu dọn chén trà, gióng trống ba tiếng lui khỏi pháp tòa. Tối đó đãi thang thủy, trà quả và thiết cơm tối, có các bậc tôn túc hai tự và cần cữ quang lâm bầu bạn, nghi thức cũng giống như đối với mời thỉnh đương nhiệm trụ trì làm tân trụ trì.

## **NHÀ CHÙA KHOẢN ĐÃI THỌ MẠNG TÂN TRỤ TRÌ VÀ CHUYÊN SỨ**

Tại tâm đường của trụ trì bày trí chủ vị của trụ trì. Vị trí của tân thọ mạng trụ trì đặt tại chính giữa đối diện với vị trí của trụ trì, bên cạnh mé trái là vị trí của chuyên sứ. Vị trí của các chấp sự tăng hai tự và cần cữ quang lâm bầu bạn ở hai bên phải trái. Tiến hành nghi lễ hiến tặng tài vật bố thí như phía trước đã mô tả đối với mời thỉnh đương nhiệm trụ trì.

## **NGƯỜI ĐƯỢC MỜI THỈNH THỌ MẠNG TÂN TRỤ TRÌ TỪ BIỆT CHÚNG LÊN TÒA DỰ TRÀ THANG**

Người được mời thỉnh thọ mạng tân trụ trì bảo thị giả và chuyên sứ đến thất phương trượng bảm báo, mượn pháp tòa để cử hành nghi thức thượng đường từ biệt đại chúng. Pháp tòa không trang trí gì thêm, mé bên trái thiết trí vị trí trụ trì. Trong lúc triển khai nghi lễ gióng trống tập hợp đại chúng, trụ trì ra pháp đường tới ngay vị trí của mình ngồi. Người được mời thỉnh thọ mạng tân trụ trì đến trước trụ trì vái chào vắn an, kế chấp hai bàn tay hướng về đại chúng vái chào biểu thị trí ý, sau đó mới lên pháp tòa cử dương ngấn gọn Phật pháp xong, liền xuống tòa. Trước hết từ biệt trụ trì, giập tọa cụ xuống đất lạy ba lạy trí kính. Kế đó đứng, mặt hướng về pháp tòa

cùng đại chúng cáo biệt. Đại chúng cùng giập tọa cụ xuống nền ba lần biểu thị trí ý. Tại cửa cổng của sơn môn hướng về bên trong sắp bày tòa vị tiến hành lễ đãi trà thang, có chấp sự tăng hai tự và cần cụ quang lâm bầu bạn do tri sự tăng có địa vị cao hành lễ, nghi thức giống như lúc mời thỉnh đương nhiệm trụ trì. Sau đó gióng đại hồng chung đưa đi. Nếu như người được mời thỉnh thọ mạng tân trụ trì là các bậc thấp hơn Tây đường hay đầu thủ, thì không cử hành nghi thức thượng đường cáo biệt đại chúng. Lúc ra đi trước hết cùng với chuyên sứ đến thất của phương trượng, thấp hương giập tọa cụ xuống nền lạy ba lạy bắm bạch cáo từ, kể đi khắp các liêu từ biệt đại chúng. Lễ đãi trà thang tại cổng sơn môn giống như vừa tường thuật ở trên.

\* \* \*

## LỜI BÀN

Tiết này xiển thuật rành rõ đầy đủ lễ tiết và nghi thức việc mời nhận nhiệm vụ tân trụ trì. Phía đi mời nhận chủ yếu được mô tả là chọn lựa chuyên sứ thế nào và một số việc làm cùng lễ tiết phải tuân thủ của chuyên sứ khi đến chùa của người được thỉnh mời thọ mạng tân trụ trì.

Phía được mời có các tình huống sau đây: hoặc là đương nhiệm trụ trì của một chùa nào đó được mời đến làm trụ trì một chùa khác, hoặc là một vị trưởng lão đã thoái hưu hoặc đang ký ngụ ở một ngôi chùa nào đó được mời đến làm trụ trì ở một chùa khác và trong trường hợp này thì vị ấy lại phải một lần nữa rời núi tức là chùa để vì tương lai Phật môn mà phục vụ, hoặc là một chấp sự tăng cao cấp của một ngôi chùa nào đó được thỉnh mời làm trụ trì ở một chùa khác, trong trường hợp này thì được coi như là vinh thăng chức vụ đặc biệt, còn mối quan hệ đối với trụ trì chùa cũ thì có hai tình huống sau đây:

- a- Một là vị ấy cũng là đệ tử truyền pháp của trụ trì.
- b- Hai là vị ấy chẳng có quan hệ pháp thống với trụ trì.

Trong tất cả các tình huống nêu trên thì mỗi tình huống đều có lễ nghi riêng do nhân thân của các đương sự đó đều có chia ra nhiều cương vị sang hèn, cao thấp khác nhau đưa đến các lễ nghi cũng có tính cách phồn giản, khinh trọng khác nhau, nhưng nói chung thì tất cả mọi tình huống đó đều cần giảng cứu một cách trân trọng. Các tình huống này thứ nhất biểu thị sự tôn trọng chức vụ trụ trì, thứ hai biểu minh sinh hoạt Thiên lâm phát triển đạt đến giai đoạn mới như hiện nay là thời kỳ chú trọng tu

chứng của nội tâm chứ không quá coi trọng hình thức bên ngoài, từ đó đưa đến việc 10 phần chú trọng đến chế độ của từng lâm, cũng là thời kỳ chú trọng đến quan hệ tôn ti trong nội bộ từng lâm cùng với sự quan hệ thân thiết giữa các chùa. Theo lời truyền rất sớm ở đời Tống thì sự thịnh hành lễ nhạc chốn từng lâm đã vượt trội rất xa lễ nhạc của nhà Nho. Có một hôm, Đại sư Lý học của Nho giáo là Trình Hạo đi qua chùa Định Lâm ghé tham quan qui tắc trai đường của chùa này, đã cảm động tán thán: “Ba đời lễ nhạc của Nho gia ta là ở nơi này đây!”. Điều này thuyết minh phong thái coi trọng lễ nhạc, coi trọng hình thức của Thiên lâm ở đời Tống đã thịnh hành. Đời Nguyên chỉ là căn cứ trên cơ sở của đời Tống để phát triển một bước hoàn thiện mà thôi.

Việc Thiên lâm coi trọng nghi qui có mặt hợp lý là có thể ước thúc cử chỉ của tăng đồ, điều hòa hoạt động của nhà chùa, nâng cao hiệu suất làm việc, đồng thời trong xã hội đẩy lên bao hình tượng tốt đẹp, nhân đó đề cao uy tín của Phật giáo. Tuy nhiên, nếu như lại qui định quá tụn mủn qui chế phép tắc thì lại diễn biến thành tiết mục văn chương rườm rà gây ra lăm tặc dụng tiêu cực, thứ nhất là giảm thiểu thời gian của các buổi tọa thiền, đọc kinh của tăng lữ, không có lợi cho tăng nhân trong việc đề cao sự tu dưỡng của tôn giáo, thứ hai tăng phần phụ trách của trụ trì, khiến trụ trì tối ngày phải bù đầu lo liệu các lễ tiết tụn mủn, không còn thời gian rảnh rỗi để dùi mài nghiên cứu Phật lý, ảnh hưởng đến sự nghiệp tối cao tối trọng của người lãnh đạo tự viện là duy trì giáo lý mà cũng ảnh hưởng đến năng lực thích ứng với sinh hoạt xã hội.

Các cương vị này khiến cho rất nhiều cao tăng không chịu dần thân đảm nhận chức vụ trụ trì. Mục “Tây đường đầu thủ thọ thỉnh” trong tiết này có nói đến chi tiết “Có người không chịu nhận ngay mà cần phải được mọi người khuyên mời”, là phản ánh chân thực của trạng huống nhiều cao tăng không chịu ra làm trụ trì vừa nêu trên. Hiện tượng từ chối này đến nay vẫn còn, thậm chí rất nghiêm trọng. Theo báo cáo của một điều tra nêu ra thì hiện nay trong giới Phật học Hoa-Việt muốn đào tạo ra một vị trụ trì thích hợp mọi điều kiện tốt là chuyện không dễ dàng chút nào. Sự thực là thái độ của đại đa số người được phỏng vấn đều cho chức vụ trụ trì và chức vụ chủ nhiệm khoa của giáo sư đại học coi như giống nhau. Như trụ trì chùa Thiên Ninh đã nói: “Người cao thượng không thêm nhận chức vụ trụ trì mà chỉ cam phận tu hành thôi”. Chỉ câu nói này thôi đủ để chúng ta thấy rằng văn bản rườm rà, lễ tiết tụn mủn của chốn từng lâm cần phải sớm được sửa đổi tận cội rễ vậy!

Mặt khác là quyền vị sùng cao của trụ trì, nếu đứng về mặt mua danh đoạt lợi mà nói thì cũng khiến cho người ta phải nhỏ nước bọt. Việc lập bè kết đảng để mưu đoạt cho được chức vụ trụ trì hầu trục lợi là chuyện có thật. Người ta đã đem chùa chiền trong mười phương biến dần dần thành miếu thờ của con cháu, mà cũng có cả việc xem chức vụ trụ trì của môn phái làm món truyền thọ riêng tư cho nhau, hoặc xem chức vụ trụ trì như một món hàng đầu cơ tích trữ để trục lợi của thương trường!

Nhìn từ giác độ này thì phạm vi xiển thuật của tiết này không riêng tại chùa nhà, hoặc môn phái tuyển chọn kế vị trụ trì mà là theo pháp tắc tuyển chọn rộng rãi của Thiên lâm từ trước, nên có ý nghĩa tiên bộ rất to lớn, cho nên cần phải cố sức nhân rộng và giữ gìn mãi mãi.

### **TÂN THỌ MẠNG TRỤ TRÌ VÀO THIỀN VIỆN MỚI**

Người xưa (chất phác) cho nên tân thọ mạng trụ trì vào Thiền viện thật giản đơn, bắt quá lưng đeo bao tải, đầu đội nón mê, vào đến cổng chánh của chùa, giở nón xuống vào cổng đốt hương, thuyết một đoạn pháp ngữ ngắn, kể đến trước tăng đường cõi bao tải, ngồi yên lặng một hồi lâu tại chỗ. Sau đó rửa chân, lấy pháp y đắp lên người, vào tăng đường đốt hương, rồi đến trước tượng Thánh tăng trải tọa cụ quỳ lạy giập đầu ba lần đại lễ. Những người tùy tùng cùng với tân trụ trì đồng tham bái tượng Thánh tăng. Sau khi tiến hành xong thủ tục ghi tên (quái đáp: ghi tên vào chùa), tân trụ trì đến điện Phật thắp hương và tuyên vài câu pháp ngữ ngắn gọn, sau đó trải tọa cụ giập đầu lạy ba lần, sau đó lần lượt đến Thổ địa đường và Tổ đường dâng hương, tại mỗi nơi đều có tuyên pháp ngữ, rồi mới vào thất phương trượng mà ở, cũng phải có tuyên pháp ngữ. Sau đó mới cử hành lễ khai đường, chúc thọ Thánh Hoàng.

Ngày nay thì không phải vậy, vì khi biết tân thọ mạng trụ trì về đến gần sắp vào tự viện thì phải căn cứ chỗ ngài tạm dừng an nghỉ xa hay gần chùa mình. Nếu gần thì thủ tọa lãnh đạo đại chúng đến nghinh tiếp từ xa, còn nếu ở xa thì chỉ chấp sự tăng hai tự và cần cưu đại diện chùa đến nghinh tiếp mà thôi. Chuyên sứ phải đoán định tính toán tình thế ra sao mà bẩm báo với tân thọ mạng trụ trì để phát thư báo miễn đại chúng phải đón rước từ xa. Nếu chỗ tạm dừng nghỉ gần chùa thì nhà chùa phải lo biện thang thủy, bánh trái đến khoản đãi tân nhiệm trụ trì. Hai tự và cần cưu quang lâm bầu bạn, chọn ngày rước tân nhiệm trụ trì vào tự viện. Các công việc liên quan đến sự kiện này đều do Khố ty lo liệu, đêm trước hôm đó treo bảng hiệu đón rước tân trụ trì báo khắp đại chúng biết tin. Đến ngày gióng đại hồng chung và trỗi tất cả

các loại pháp khí rồi thì đại chúng ra ngoài cổng chùa sắp thành hai hàng từ xa đến gần. Hành giả và bộc tòng đứng sắp thành hàng ngoài đại chúng. Tân trụ trì đến cổng chùa đốt hương ( nhang) và ban pháp ngữ ngắn gọn. Khi vào đến điện Phật, lại dâng hương và cũng ban một đoạn pháp ngữ, đoạn trải tọa cụ tiến hành giập đầu lay ba lay. Tiếp đó gióng chuông tại tầng đường, đại chúng ai nấy đều đến đứng yên ở vị trí mà mình thọ trai hằng ngày. Tân trụ trì vào tầng đường thắp hương, các người tùy tùng cùng nhau trải tọa cụ giập đầu lay ba lay. Duy- na đến trước tân trụ trì vái chào vãn an rồi hướng dẫn tân trụ trì tuần đường một vòng. Nhân viên tùy tùng trước hết rời khỏi tầng đường, chấp sự tăng hai tự đưa tân trụ trì đến vị trí ngài độ trai, dùng tọa cụ giập xuống đất biểu thị lay ba lay. Kế đó, tân trụ trì theo thứ tự đến Thổ địa đường và Tổ đường đốt hương, tại mỗi nơi đều có ban pháp ngữ. Sau cùng mới vào thất phượng trưng, ngồi ở vị trí trụ trì. Thị giả tiến đến trước, đốt hương vái chào vãn an rồi đứng sang một bên đợi tân trụ trì tuyên xong một đoạn pháp ngữ là hành giả dâng trình bút và nghiên. Tri sự tăng dâng văn trạng và bung mâm có phủ vải đặt quả ấn của chùa trình lên tân trụ trì (hình thức xem phía dưới). Tân trụ trì tiếp nhận hộp ấn, xem xét dấu niêm phong xong giao cho tri sự tăng mở dấu niêm phong. Tân trụ trì xem ấn triện của chùa xong bèn ký tên vào văn trạng, tiếp đó đề rõ ngày tháng rồi đóng con dấu của chùa vào đấy. Tri sự thu giữ văn trạng, còn thị giả phụ tá trụ trì chường quản tiền bạc, vật dụng (y bát thị giả) thu giữ con dấu của chùa, đoạn vịn đỡ trụ trì đứng dậy. Lúc bấy giờ, toàn ban tri sự tiến tới trước sắp thành một hàng, vị thượng thủ trong ban thắp hương, tiến hành trải tọa cụ lay giập đầu hai lần: lần thứ nhất sau khi trải tọa cụ bắm bạch: “Từ mong được Hòa thượng đến trụ trì pháp tịch, bốn tự tăng rạng rỡ không ít, bọn con vô cùng mừng vui khắp khởi trong lòng”. Lần thứ hai sau khi trải tọa cụ bắm bạch: “Khí trời hôm nay hộp thời lệnh, bọn con đồng chúc nguyện tân thọ mạng đại Hòa thượng đường đầu sinh hoạt như ý, mạnh khỏe lắm phước thọ”. Sau đó giập tọa cụ xuống nền thị ý lay ba lay. Tiếp theo đó là Trưởng lão các chùa bạn chung quanh và đầu thủ của Tây tự cùng cận cụ tiến đến trước thắp hương biểu thị chúc mừng đại khái xong, hành giả của khách đầu nói to: “Xin thỉnh mời Trưởng lão các chùa bạn chung quanh, chấp sự tăng hai tự và cận cụ tự tòa để bốn tự hiến dâng thang thủy”. Dùng xong thang thủy, thỉnh mời các quan khách và trưởng lão các chùa bạn điếm tâm.

Nếu như nguyên nhiệm trụ trì của bốn tự lúc đó còn chưa rời chùa đến chùa khác nhận nhiệm vụ mới, hoặc giả từ nhiệm thoái cư Đông đường của chùa nhà, thì tân nhiệm trụ trì trước khi đến nhận thất phượng trưng phải tiến hành nghi thức bàn

giao. Tân trụ trì thọ nhận xong lễ chúc mừng giản đơn của tiền nhiệm trụ trì thì gióng chuông tăng đường, đích thân lãnh đạo đại chúng đưa tiền nhiệm trụ trì về liêu xá của ngài. Cả hai vị tân và cựu trụ trì cùng giập tọa cụ xuống nền biểu thị lễ bái trí ý lẫn nhau một lạy. Kế đó, thủ tọa và đại chúng tiến tới trước chúc mừng tân trụ trì. Các bậc tùng cũng nên bước tới tham bái.

### **Mẫu văn trạng trình ấn triện của chùa:**

Tỉ-kheo coi khô ty của bổn tự là mỗ giáp kính cẩn trình nạp một con dấu của chùa.

Cúi mong chờ từ chỉ của tân thọ mạng đại đường đầu Hòa thượng! Ngày ... tháng ... năm ... Kế dâng trạng.

### **NHÀ CHÙA THỈNH MỜI TÂN THỌ MẠNG TRỤ TRÌ ĐỘ TRAI**

Tri sự tăng cấp cao chờ cho tân trụ trì đã vào ở tại thất phương trượng, chính thức tựu nhiệm, và chuyện sắp xếp nhân sự phần nào đã xong, bèn dùng mâm cây có trái nắp phủ đặt lư hương và đèn cầy cùng thiếp mời độ trai lên đó, đoạn mang hương đến thất phương trượng thỉnh trụ trì phó trai, trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy hai lần. Lần trải tọa cụ đầu bấm bạch: “Đúng ngọ trưa nay tại vân (tăng) đường chuẩn bị một bữa cơm rau chay đơn giản để vui mừng đón nhận tân trụ trì tựu nhiệm, khẩn thiết kính mong Hòa thượng hạ mình quang lâm, trong lòng thật không khỏi hết sức run sợ vã mồ hôi”. Trong lần trải tọa cụ thứ hai, ngỏ lời thăm hỏi nóng lạnh, giập tọa cụ xuống nền ba lần biểu thị lễ bái. Trụ trì lấy tọa cụ giập xuống nền một lần biểu thị đáp lễ. Tri sự trình văn trạng mời tân trụ trì phó trai. Hành giả khách đầu của phương trượng thu lấy văn trạng, hành giả khách đầu của khô ty sắp bày tòa vị của trụ trì tại tăng đường, nghi thức và lễ tiết (hành lễ) cụ thể giống như tình huống khoản đãi.

### **Mẫu văn trạng mời phó trai:**

Tỷ-kheo khô ty của đương tự là mỗ giáp. Có các mỗ giáp đúng ngọ tựu tại vân đường (tăng đường) chuẩn bị cơm rau sơ sài. Thỉnh mời. Cúi mong được tôn từ đặc biệt xót thương long trọng hạ mình đến dự.

Ngày ... tháng ... năm ... cụ vị

Mỗ giáp ... trình văn trạng

Bì thư đựng văn trạng kính mời

Tân mệnh trụ trì ... vân ... vân  
Trước tôn tòa cụ vị,  
Kính cẩn dán kỹ.

## LỄ KHAI ĐƯỜNG CẦU CHÚC THÁNH THỌ HOÀNG ĐẾ

Lễ khai đường khi xưa là do mạng lệnh của triều đình ban xuống, hoặc do triều đình phái quan viên đến đôn thỉnh, hoặc do bộ viện ở kinh đô phái sứ giả đến, hoặc do quận huyện cử quan mang tài vật đến lễ thỉnh tổ chức tại một chùa nào đó, hoặc do bốn tự tự tổ chức lấy, được quan phủ địa phương cung cấp tiền tài và vật tư để thiết trai khai đường. Các quan viên đều có gửi sớ văn yêu cầu khai đường cùng bản thanh đơn về khai diễn trai hội trà điểm và cơm rau. Điều này thấy ghi chép nhiều trong văn tập của các bậc văn nhân danh tiếng.

Thời gian gần đây, lễ khai đường phần nhiều do nhà chùa tự tổ chức lấy. Tới ngày giỗ khai đường, thị giả dẫn dò hành giả trang trí bày biện pháp tòa, treo lên bài hiệu Thượng đường để thông báo cho toàn thể tăng chúng hay biết và ghi chép danh mục đầy đủ của các quan viên và tôn túc các chùa bạn đến dự lễ, trước tiên trình cho trụ trì xem qua. Phía bên trái pháp tòa thiết lập tọa vị gồm bàn ghế có phủ nắp bàn lên, trên đó đặt lư hương nhỏ, đèn cầy và bày biện các sớ thiệp liên quan đến buổi lễ. Trước hết bàn cùng nhau cử duy-na tuyên đọc công văn và cử thủ tọa tuyên đọc sớ đơn thỉnh trụ trì khai đường của toàn thể tăng chúng trong chùa. Tiếp đó, đầu thủ các thứ bậc thấp hơn, tôn túc các chùa bạn đến dự lễ hay các cao tăng danh tiếng ần dật phân công nhau đọc các loại sớ văn khác, đồng thời chuẩn bị một vị tôn túc trưởng lão của các chùa bạn đến dự lễ đảm nhận việc động chùy. Phía trước đối diện pháp tòa của trụ trì sắp bày tọa vị của các quan viên, thị giả bẩm báo phương trượng giống trống tập họp đại chúng. Thị giả cùng chuyên sứ mời trụ trì ra, dùng nghi trượng cùng chập chỏa, cờ phướn, thảo hoa và đèn lồng kết thành nghinh dẫn trụ trì đến trước vị trí của mình ở pháp tòa mà đứng. Như tại buổi lễ thọ thỉnh nhận chức mà trụ trì chưa cử hành nghi thức nhận pháp y thì ngay lúc này cần tuyên pháp ngữ rồi chính thức đắp pháp y lên người, xong rồi chuyên sứ tiến đến phía trước thắp hương hành lễ. Lần trái tọa cụ đầu tiên bẩm bạch: “Hôm nay thừa mong Hòa thượng trụ trì pháp tịch khiến chùa ta tăng thêm rạng rỡ, trong lòng không khỏi cảm kích vô cùng!”. Lần trái tọa cụ thứ hai tiến hành hỏi han chuyện ấm lạnh, sau đó lấy tọa cụ dập xuống nền 3 lần biểu thị trí ý lễ bái. Trụ trì lấy tọa cụ dập xuống nền một lần biểu thị đáp lễ. Trước hết trình công văn của quan phủ, trụ trì tuyên một đoạn pháp



ngũ, tiếp đó duy-na đọc công văn trên. Thứ nữa, tôn túc chùa nhà, trưởng lão các chùa bạn, cao tăng ẩn dật cư ngụ tại chùa nhất nhất trình số văn lên, đối mỗi người trụ trì đều có tuyên pháp ngữ rồi phân biệt giao cho từng người tuyên đọc các số văn đó. Nếu là quan viên đương nhiệm thỉnh mời khai đường có số văn thì số ấy do đích thân vị đó đệ trình lên trụ trì, trụ trì cũng lại có pháp ngữ. Tuyên đọc các số văn xong xuôi, chỉ pháp tòa, lại cũng tuyên pháp ngữ. Trụ trì lên pháp tòa dâng hương chúc thọ Thánh thượng. Kế đốt dâng hương chúc phước để sư, thượng thư tình cùng quan viên Tuyên chính viện cho tới quan liêu văn võ của quận huyện sở tại. Các cây hương này đều do thị giả đốt đệ lên, duy chỉ có cây hương chúc phước thầy truyền pháp của mình thì trụ trì tự rút ra trong người, tự đốt rồi tự cắm vào lư hương, đoạn nâng y cho nghiêm trang mà phu tọa, trọn lòng thành mà ngậm chúc. Thị giả đốt hương, trụ trì xuống tòa hướng về mọi người vái chào vấn an. Các bậc tôn túc của hai tự bước ra khỏi hàng hướng về trụ trì chào hỏi xong, thị giả lại lên pháp tòa lần thứ hai, đốt hương vái chào vấn an. Lễ nghi cùng với lễ thượng đường ngày mừng một và ngày rằm giống nhau, trụ trì các chùa bạn đến đưa tân trụ trì nhập viện cũng bước ra động chùy gõ. Trước hết động một tiếng chùy bầm bạch: “Tiệc pháp đầy voi thiêng (pháp diên đầy đủ các bậc Thiên sư kiệt kiệt) phải nên quán đệ nhất nghĩa đế! (của Như Lai, chứ không phải là của trụ trì)”. Trụ trì bèn tuyên Phật lý để xiển phát cùng trả lời các câu hỏi đề cương Thiên pháp của đại chúng cùng tuân tự các quan viên dự lễ. Trụ trì các chùa bạn bầm bạch: “Hôm nay cử hành lễ khai đường, chủ yếu là chúc thọ đương kim Thánh thượng nên không dám lảm lời bàn luận Phật lý và trần tình các sự việc khác”. Chuyên sứ, hai tự, cần cạy đều đề cập qua loa một số vấn đề (sẽ nói rõ ở tiết mục tiêu tham). Thế là sau khi các bậc tôn túc nói xong các vấn đề trên thì coi như nghi thức thượng đường kết thúc, người phụ trách động chùy lại động một hồi chùy gõ, bầm bạch: “Hãy nghe kỹ pháp của vua pháp (đức Phật), pháp của vua pháp là như thế!”.

Sau khi trụ trì xuống tòa, trước hết nhận lời chúc mừng của các quan viên. Quan viên chúc tụng xong được tăng tri sự đưa về khách đường nghỉ ngơi. Hành giả khách đầu dâng lư hương và đèn cầy, bày thành hàng như chữ “nhất” trước pháp tòa. Chuyên sứ thấp hương trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy hai lượt xong thì hành giả của đường ty cất tiếng lớn bầm bạch: “Trụ trì các chùa bạn hãy bước đến hiến tặng lễ vật”. Kế đó lại lớn tiếng bầm bạch: “Các tôn túc ở Tây đường hãy bước tới hiến tặng lễ vật!”. Đoạn trải tọa cụ tiến hành giập đầu lạy ba lạy hai lần, rồi lại nói lớn tiếng: “Tri sự Đông tự hiến dâng lễ vật!”. Kế đó tiếp tục trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy hai lần, hô

lớn tiếng: “Thủ tọa và tăng chúng hiến dâng lễ vật!”. Trước các liêu của cần cụ, môn đường, và tiền tư đều thấp hương và cùng đại chúng trải tọa cụ giập đầu lay ba lay hai lượt. Các người quản sự điền trang, khó phòng, am tháp cùng các đồng đạo quyền thuộc chung sư môn cùng đồng hương thân thuộc với trụ trì, và các du phương tăng tạm thời dừng chân tại chùa đều tiến tới trải tọa cụ giập đầu lay ba lay hai lần để chúc mừng. Nhận lễ chúc mừng xong, trụ trì ngồi tại pháp tòa. Thị giả và tiểu sư đệ tử đều thấp hương trải tọa cụ giập đầu lay ba lay đại lễ. Kế đó, hành giả của phương trượng biện sự xú cũng thấp hương lễ bái. Tiếp theo, tham đầu lãnh đạo các hành giả thấp hương lễ bái. Tiếp theo, các người bộc dịch luân phiên trực sảnh đường và người khiêng kiệu, phu làm vườn, người làm công việc chân tay trong chùa thấp hương lễ bái.

Tất cả mọi người lễ bái xong, trụ trì lập tức đến khách đường cảm tạ các quan viên và các trụ trì chùa bạn đang tạm nghỉ tại đây, sau đó tuần hành các liêu thăm hỏi mọi tăng chúng. Liêu các tăng phải đặt bàn hương án, lư hương và đèn cầy, tòa vị. Mọi người đều cụ oai nghi sắp hàng cung kính đứng trước liêu đợi trụ trì đến. Khi trụ trì đến, liêu chủ trước hết đứng cúi đầu bên ngoài liêu, nghinh đón trụ trì vào liêu mời ngồi kiết-già, tiến tới thấp hương trí kính. Trụ trì cũng thấp hương đáp lễ, tiến hành thăm hỏi chuyện ấm lạnh xã giao. Chúng tăng biểu thị ý tạ ơn rồi đưa tiễn trụ trì đi ra khỏi liêu. Môn đường, tiền tư các liêu đều đứng sắp hàng trước liêu cúi đầu cùng rước cùng đưa trụ trì với liêu chủ.

## **CHÙA NHÀ ĐẶC BIỆT KHOẢN ĐÃI TRÀ VÀ THANG THỦY TÂM THỌ MẠNG TRỤ TRÌ**

Bảng hiệu báo khoản đãi trà thang tâm thọ mạng trụ trì được treo hai bên phải trái trước tăng đường (vân đường). Khố ty cụ bị văn trạng thỉnh mời (hình thức trình bày phía sau), cụ bị mâm gỗ có trải vải nắp đặt lư hương và đèn cầy lên trên đó đến thất phương trượng thấp hương bái thỉnh. Nếu được trụ trì miễn lễ thì giập tọa cụ xuống nền biểu thị kính ý lễ lạy rồi bảm bạch: “Sau buổi độ trai, thỉnh Hòa thượng trụ trì đến vân đường (tăng đường) để đặc biệt đãi ngài trà. Cúi xin Hòa thượng từ bi hạ mình long trọng đến dự!”. Bảm bạch xong đệ trình văn trạng thỉnh mời. Liền đó, trụ trì lệnh cho khách đầu thỉnh mời tôn túc hai tự, cần cụ và toàn thể đại chúng quang lâm bầu bạn. Treo bài hiệu Đãi trà thang để thông báo đại chúng, trong tăng đường bày biện tòa vị của trụ trì (mấy lúc gần đây đang buổi độ trai nghe tiếng đánh bản một hồi dài thì tri sự vào tăng đường đốt hương, trải tọa cụ giập đầu lay ba lay đại

lễ, đi vòng tầng đường khắp lượt mời uống trà, rồi đặc biệt trần tình lời chúc mừng tân thọ mạng trụ trì. Theo qui định xưa thì khỏi phải cử hành lễ đi vòng khắp tầng đường để thỉnh mời đại chúng. Nay nếu miễn trừ lễ này thì cũng nên đấy!)

Sau bữa cơm chay, gióng chuông tập họp đại chúng. Tăng tri sự vái chào mời thỉnh tân thọ mạng trụ trì vào tầng đường, đưa đến chỗ ngồi mời ngồi rồi đốt hương lần nhất. Tiến tới trước trụ trì vái chào mời ngài thấp hương, theo phía sau tượng Thánh tăng di chuyển về khoảng giữa thăm hỏi vãn an rồi đứng đó. Hành giả rót trà khắp lượt rồi đưa bình trà ra ngoài, đến trước trụ trì thăm hỏi vãn an, đoạn lui thân; từ phía bên phải sau tượng Thánh tăng bước ra đốt hương, trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy. Xong đứng lên hướng dẫn toàn ban đến trước trụ trì trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy đại lễ hai lần, đoạn cung kính tiễn đưa trụ trì ra ngoài rồi quay lại bên trong tầng đường đốt hương, thăm hỏi vãn an hai dãy phải trái của tầng đường, thu dọn chén trà rồi tháo lui khỏi pháp tòa. Lễ khoản đãi thang thủy cũng giống như lễ đãi trà, nhưng không có khoản tiễn đưa trụ trì ra khỏi tầng đường. Dùng thang thủy xong, trụ tọa dùng cơm tối.

### **Mẫu văn trạng mời dùng trà và thang thủy:**

Tỷ-kheo mỗ phụ trách khổ ty của chùa nhà khai bạch: “Hôm nay đây, sau buổi độ trai sáng, đến chiều kính mời Hòa thượng đến tầng đường (vân đường) để khoản đãi trà thang thể hiện trần tình nghi thức chúc mừng. Cúi mong tôn ý từ bi xót thương mà đến dự cho buổi lễ được long trọng!”.

Ngày ... tháng ... năm ...

Kẻ dâng văn trạng

Bì thư cũng đồng với văn trạng mời độ trai.

### **BUỔI TIỂU THAM NGAY CHIỀU TỐI ĐÓ**

Sau buổi độ trai, thị giả bảm bạch trụ trì rằng: “Chiều tối nay có lễ tiểu tham”. Trụ trì lệnh cho khách đầu thông báo toàn thể đại chúng treo bài hiệu Tiểu tham. Ghi danh sách đầy đủ chuyên sứ, hai tự, cần cụ, mông đường, tiền tư, và tăng chúng các liêu, phụ trách ruộng vườn kho đụn, coi sóc am tháp, hành giả mới đến tạm nhập viện, thị giả và Thiên khách đồng dự buổi tiểu tham. Hoặc giả có các quan viên và khách khứa, cùng trụ trì các chùa bạn đưa tiễn tân thọ mạng trụ trì đến nhập viện đang tạm ngụ qua đêm thì phải ghi chép tên tuổi số, lượng dự liệu trình bảm trụ trì.

Chuông tối gióng lên là thị giả bầm bạch phương trượng đánh mộc bản, sau đó gióng một hồi trống thông báo. Đại chúng tập họp, hai tự đến chỗ vị trí đứng yên đầu đó. Trụ trì bước ra lên pháp tòa, thùy ngữ và hỏi đáp đề cương xong, nói lời cảm tạ mọi người. Hành giả cầm đuốc, thị giả đệ trình mục lục người dự buổi lễ thật đầy đủ. Trụ trì xuống pháp tòa thì hành giả khách đầu hô lớn: “Hòa thượng phương trượng thỉnh mời Hòa thượng trụ trì các chùa bạn, lưỡng ban (lưỡng tự), Tây đường, cần cưu, môn đường, thị giả, Thiên khách giờ đây xin mời thỉnh đến tăng đường đãi thang thủy!”. Tri sự tăng đưa mời quan khách đến khách vị (nhà khách) dùng thang thủy, bánh trái.

### **(TÂN TRỤ TRÌ) VÌ THÍ CHỦ KIẾN TẠO BỔN TỰ MÀ THĂNG TÒA**

Tăng tri sự nên ngay đêm trước ngày lễ bầm bạch cùng trụ trì. Sáng hôm sau, thị giả bảo hành giả khách đầu treo bảng hiệu Thượng đường để thông báo cùng đại chúng. Khố ty sai người trang trí sắp đặt trang nghiêm sạch sẽ từ đường, tài vật cúng dường phải chuẩn bị đầy đủ chu toàn. Sau khi dùng cháo sáng xong, trụ trì đặc địa thượng đường lên pháp tòa. Trước hết trình bày rõ ràng mục đích, ý nghĩa của sự việc (vì thí chủ kiến tạo bổn tự mà thượng đường), kế thuyết pháp. Xong liền xuống tòa, tập họp đại chúng đến từ đường lễ bái, thắp hương, điểm trà thang dâng cúng. Sau cùng, duy-na tụng niệm một đoạn kinh văn, đem công đức hồi hướng cho thí chủ kiến tạo tự viện.

### **KHOẢN ĐÃI CHUYÊN SỨ**

Tăng tri sự dự tính bầm báo trụ trì, bàn bạc quà tặng nặng nhẹ cho chuyên sứ và người đọc số thiếp. Thất phương trượng chuẩn bị quà tặng của cá nhân trụ trì bổ thí thêm cho người có công sao cho hợp lẽ. Tới ngày tầm đường treo đóng bài hiệu và sắp bài tòa vị, kế mời lưỡng tự, cần cưu quang lâm bầu bạn, thiết kế tòa vị cho chuyên sứ. Thị giả thỉnh khách đích thân mời thỉnh chuyên sứ, ngoài ra các người khác thì khách đầu của thất phương trượng bầm bạch thỉnh mời. Nghi thức cuộc lễ cùng cuộc lễ đặc biệt quản đãi thường lệ giống nhau.

### **THỈNH MỜI CHẤP SỰ TĂNG HAI TỰ Ở LẠI CHỨC VỤ**

Hai tự canh chừng cho tiệc lễ chuyên sứ xong, ước hẹn nhau cùng đến thất phương trượng bầm báo ý xin từ chức. Trụ trì không thể chấp thuận ngay ý nguyện xin từ chức của họ mà lệnh cho thị giả bảo hành giả khách đầu chuẩn bị thang thủy, mang

mâm gõ có phủ nắp vải đặt lư hương, đèn cây lên trên ấy. Trụ trì đích thân hướng dẫn thị giả đến nơi khố ty và lieu cư trú của hai tự, an ủi nài nỉ níu kéo các vị ở lại. Khi trụ trì đến, khách đầu trước tiên thông báo để nghinh tiếp trụ trì vào lieu cùng chấp sự tăng hai tự ngồi đối diện nhau. Thị giả đốt hương, dâng thang thủy, trụ trì trọn lễ tận lực thuyết phục họ ở lại chức vụ. Dù cho chức vụ đã quá hạn từ lâu, nhưng các chức sự tăng hai tự cũng chưa vội từ chức ngay mà hãy ẩn nhẫn ít lâu chờ khi trụ trì hơi rảnh rồi công việc mới lại bảm bạch xin từ chức.

### **TÂN TRỤ TRÌ RỜI KHỎI VÀ TRỞ VỀ CHÙA PHẢI BÁO TẠ (Trụ trì chùa bạn và tham kiến Quan phủ địa phương)**

Phàm các quan viên, đàn việt và trụ trì các chùa bạn và đàn việt đưa tân trụ trì nhập viện thì theo lễ tân trụ trì phải nên đến thăm viếng biểu thị đáp tạ. Tân trụ trì cũng phải tham kiến quan phủ của quận, huyện. Như chùa ở nơi rừng núi, trụ trì phải đi xa, lệnh cho hành giả truyền lời lại với khố ty, thủ tọa và duy-na nên cùng nhau bàn bạc việc xử lý công việc của chùa. Nếu tân trụ trì ra ngoài lâu thì tăng tri sự phải nghe ngóng, dò xét ngày tân trụ trì quay lại chùa, bảo đường ty treo bài hiệu đón tiếp Hòa thượng thông tri cùng toàn thể tăng chúng rời gióng chuông để đại chúng tụ tập tại công chùa nghinh tiếp trụ trì trở về. Nhưng thường thì tân trụ trì trước đó đã báo thị giả truyền lời miễn lễ tiếp rước đó mà tự mình âm thầm trở về chùa rồi tức khắc đến điện Phật, Thổ địa đường đốt hương. Thủ tọa lãnh đạo đại chúng đến thất phương trượng vái chào vãn an xong rồi đại chúng lui ra, chỉ giữ lại hai tự và cần cựa hiến thang thủy rồi mới giải tán. Sau đó, hành giả của thị giả thất phương trượng và hành giả chấp cuộc thất phương trượng thắp hương lễ bái. Kế đó, tham đầu lãnh đạo các hành giả đến lễ bái. Xong đâu đấy, tân trụ trì phải đến khắp các lieu thăm qua chúng tăng để biểu thị ý đáp tạ lễ.

Còn nếu chùa tọa lạc ở trong thành hay ở ngoại ô hoang dã, tân trụ trì sớm tối đi về bất cứ lúc nào thì bắt tất phải tiến hành nghi thức đưa đón. Hoặc có lúc trụ trì (từ đây đã quen chùa mới nên xin gọi gọn là trụ trì, thay vì tân trụ trì) bí mật âm thầm về đến thất phương trượng thì hai tự và cần cựa phải đến thất phương trượng vãn an sức khỏe trong ngày. Ngày xưa lúc Hòa thượng Vô Chuẩn Sư Phạm trụ trì chùa Kính Sơn, thường thường hay ra khỏi chùa hóa duyên, nhưng luôn canh chừng mỗi khi đến giờ độ trai hay cháo đều trực tiếp trở về tăng đường dùng cơm bầu bạn cùng tăng chúng. Dùng cơm xong, hành giả khách đầu thất phương trượng đợi thị giả của Thánh tăng giộng chùy xuống tăng đường, đại chúng sắp rời đường xuống đất ra

ngoài bèn lớn tiếng hô: "Đại chúng hãy tạm dừng bước giây lát, Hòa thượng phương trượng muốn tuần đường thăm hỏi mọi người!". Trụ trì liền thấp hương tuần đường khắp một vòng rồi ra khỏi tăng đường. Hành giả khách đầu thất phương trượng lại hô lớn: "Hòa thượng trụ trì có ngỏ lời, đại chúng bắt tất phải đến thất phương trượng thăm hỏi vấn an!". Tuy nhiên, hai tự và cần cự phải đến thất phương trượng thăm hỏi vấn an.

## **BÀN GIAO SỔ BỘ VỀ RUỘNG VƯỜN VÀ TÀI VẬT CỦA CHÙA**

Sau khi tân trụ trì vào tự viện nhậm chức rồi cần phải đãi trà mời hai tự và cần cự hội họp, hỏi han cặn kẽ các công việc của chùa, chủ yếu là sổ bộ ghi ruộng vườn, cơ ngơi nhà chùa (châm cơ), cùng các loại bằng khoán (khế thư) và mọi đồ vật, nhất nhất đều phải tra xét đối chiếu rồi bàn giao rõ ràng. Lại phải sai người kế toán rành mạch tài vật và lương thực của chùa, rồi sau đó ghi chép kỹ càng vào sổ sách, đặc biệt hết sức đề phòng có kẻ gian dối hay làm chuyện tệ lậu. Vì lý do này mà phải hết sức thăm tra cẩn thận.

\* \* \*

## **LỜI BÀN**

Tiết này chép rõ những sự vụ phải xử lý của tân trụ trì khi vừa mới vào chùa mới và những lễ tiết lúc mới bắt tay vào việc. Lễ tiết tân trụ trì đáo nhiệm từ xưa đến nay có xu hướng từ giản đơn mộc mạc cho đến xa hoa rườm rà. Trong bài kể chuyện người xưa đeo ruột tượng, đội nón mê đến nhận chức, tình huống nghi thức thật là giản đơn mộc mạc, là sự việc của thời Đường và đầu thời Tống, nhưng đến thời Nam Tống thì hành sự của trụ trì diễn ra uy nghi, cho đến đầu thời Nguyên là lúc sách này hình thành, thì việc trụ trì đến nhận chức đã biến thành một lễ tiết hết sức rườm rà, phiền phức. Cho đến gần đời nay, thì nghi thức thăng tòa nhậm chức trụ trì của tăng nhân trừ danh thật là long trọng khác thường. Điều này nhìn ở bề mặt phản ánh ảnh hưởng tập tục xã hội của thời đại đối với Phật giáo. Tác giả cố ý nêu lên tác phong giản đơn mộc mạc của trụ trì thời xưa để đối chiếu với chuyện bày vẽ thời nay mà ngầm ý hy vọng khôi phục lại truyền thống tốt đẹp thời xưa. Sau khi trụ trì nhận chức thì việc trọng đại nhất phải xử lý là lễ khai đường chúc thọ Hoàng đế. Khai đường là hướng toàn thể tăng chúng trong chùa mà thuyết pháp, còn chúc thọ là cầu chúc Hoàng đế đương triều, đế sư, thượng thư tỉnh cùng Tuyên chánh viện cho đến quan liêu văn

võ tại bốn huyện, bốn quận phước thọ dài lâu. Trong hai sự kiện trên, thuyết pháp chỉ là hình thức, còn chúc thọ mới là sự kiện quan trọng. Trong nguyên văn có một đoạn nói: “Khai đường ngày này chính là nhắm vào việc chúc Thánh, cho nên không dám nói nhiều chuyện khác”, đã nói lên rõ ràng sự quan hệ nặng nhẹ giữa khai đường và chúc thọ. Trạng huống này phản ánh mức độ nương cậy của Phật giáo đời Nguyên đối với chính quyền thế tục, mà đây cũng là mức độ mà nhà nước không chế Phật giáo. Nhìn lại lịch sử Phật giáo Trung Quốc đã có truyền thống biết nương tựa vào chính quyền thế tục để mà phát triển. Như lãnh tụ Phật giáo đời Đông Tấn là Đạo An cũng đã từng nói: “Nếu không nương tựa vào nhà vua thì pháp sự khó mà đứng vững”, và chính bản thân sư cũng là một tấm gương về sự quan hệ tốt đẹp với đế vương. Tuy nhiên từ đời Ngụy Tấn cho đến đời Tùy Đường thì tính độc lập của giáo đoàn nhất quán mạnh mẽ. Lúc ấy có biết bao cao tăng đại đức đều có phẩm hạnh cao quý không khom lưng, cúi đầu trước quan quyền sang quý, được người đời sau vô cùng thán phục. Tân trụ trì vừa nhận chức phải ưu tiên vì đàn việt kiến tạo chùa mà thăng tòa tại miếu thờ từ đường của họ, thăm viếng bái tạ trưởng lão ở các chùa bạn, tham kiến quan phủ tại địa phương, quyết định sự đi ở của các chức sự tăng quan trọng trong chùa, và bàn giao sổ bộ ghi tài sản tiền nong của nhà chùa. Các sự tình ấy, hơn phân nửa là quan hệ thế tục cần cho sự sinh tồn và phát triển của nhà chùa và cũng là nội dung Trung Quốc hóa Phật giáo. Nhân vì tuy Phật giáo cho rằng tứ đại giai không cần phải siêu thoát trần duyên, lục căn nên thanh tịnh, nhưng cũng không né tránh nhìn thẳng sự thực trong đời là để mưu cầu hoàn cảnh sinh tồn và phát triển tốt đẹp thì không thể không kiến lập quan hệ mật thiết với quan phủ địa phương, các chùa bạn quanh vùng và đàn việt, đồng thời cũng không thể lơ là chuyện quản lý kinh tế của tự viện. Do vậy mà nội dung của tiết này càng biểu lộ cho thấy rõ ràng đặc điểm của sinh hoạt chốn Thiền lâm. Trong Thiền lâm có Thổ địa đường, có từ đường của đàn việt, cho thấy Thiền tông tại quá trình Trung Quốc hóa đã coi trọng tín ngưỡng dân gian của đất nước Trung Quốc, và đã đem văn hóa truyền thống của bản địa hấp thụ dung hòa vào quan điểm Phật lý nhờ vậy nên mới ăn sâu cội rễ vào đất đai Trung Quốc, rồi dần dần trở thành một bộ phận văn hóa cực kỳ quan trọng của Trung Quốc.

## **TÂN TRỤ TRÌ THỌ NHẬN LƯƠNG TỰ VÀ CÀN CỰU MỜI TIỆC CHAY**

Đến ngày hành lễ, thủ tọa, tri sự và càn cựu đồng đến thất phương trưng thắp hương bái thỉnh trụ trì tham dự tiệc, sau đó thỉnh mời thị giả và đệ tử trụ trì (tiểu sư), bày

trí tọa vị của trụ trì ngay chính giữa tấm đường. Riêng tọa vị của hai tự và cần cựa thì đặt ở nơi như thường lệ, thị giả dẫn hành giả và tiểu sư vái chào vấn an trụ trì xong, hai tự và cần cựa ngồi ở phía dưới cuối. Đến giờ, thủ tọa thỉnh trụ trì ra, chào hỏi mời ngài ngồi rồi hành lễ. Nếu trụ trì miễn lễ thì chỉ cần đốt hương tiến tới trước trụ trì thăm hỏi dâng lễ vật bố thí. Trong nghi thức dâng lễ vật bố thí này thì thủ tọa, tri sự và cần cựa đứng đầu. Ba người này thăm chào vấn an xong, quay về vị trí mình. Dùng cơm chay xong, thủ tọa đứng lên đốt hương, như trụ trì miễn lễ thì mọi người ngồi tại chỗ uống trà. Tôn túc các chùa bạn, đồng đạo cũ và các đồng đạo đang biện sự cùng tiểu sư thì nghi thức mời mọc cùng với nghi thức mời độ trai tại tấm đường trụ trì giống nhau. Tuy nhiên người được mời dùng cơm ngồi ở vị trí cao thấp thì có thể tùy nghi châm chước.

## QUI ĐỊNH TRỤ TRÌ TỪ CHỨC

Trụ trì nếu như già yếu bệnh tật nặng, hoặc tâm lực mệt mỏi, hoặc giả trong xử lý với đại chúng có điều không thuận lợi thì nên tự mình phải biết từ chức rút lui. Tiền tài đồ vật của thường trụ (chùa) phải ghi chép vào sổ sách rành mạch, mọi vật dụng của thất phương trượng đều phải kiểm điểm đối chiếu để bàn giao. Phải làm hai bản danh mục thập vật như nhau, trụ trì, hai tự và cần cựa cùng ký tên vào, rồi dùng con dấu của chùa đóng lên. Trụ trì thoái chức và khổ ty mỗi bên giữ một bản để làm bằng đối chiếu về sau, công cử một người tạm trông coi thất phương trượng. Tới ngày từ chức, trụ trì thượng đường nói lời cảm tạ, đoạn già từ đại chúng rời xuống tòa. Gióng trống ba tiếng xong, trụ trì từ chức lui ra. Nếu trụ trì từ chức ở lại bổn tự thì cư trú tại Đông đường, người kế nhiệm trụ trì phải hết mực giữ lễ, cử chỉ luôn ôn tồn kính cẩn với ngài. Vua Lý Tông nhà Nam Tống dùng vườn rau của chùa Linh Ân để xây chùa cho bà phi họ Diêm của đế thì trụ trì bổn tự là ngài Hòa thượng Si Tuyệt Đạo Xung ngay ngày đó từ chức rời chùa, đích thân đeo bao lưng, đội nón mê đến du lãm núi Lô (Lô sơn). Đế sai sứ ngăn giữ lại, nhưng sư nhất định không quay về. Cao phong của sư ngàn sau, đó ai nói bước nổi !

\* \* \*

## LỜI BÀN

Tiết này diễn giải chế độ trụ trì tự động từ chức, thuyết minh trong trường hợp nào thì trụ trì nên từ chức, trong thời gian từ chức nên tiến hành thủ tục gì, và địa vị cùng



sự đãi ngộ đối với trụ trì từ chức. Trụ trì vốn do công cử mà nhiệm chức thì không thể bình thường tự động từ chức được. Điều này cho thấy sinh hoạt Thiền lâm mang tính chất rất dân chủ, nêu lên đặc điểm của Thiền lâm là lấy Phật pháp làm trọng. Chế độ này là kế thừa tính dân chủ truyền thống của Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang, nhưng trong bối cảnh xã hội chuyên chế phong kiến ở Trung Quốc, thì việc chấp hành tính dân chủ đó không dễ dàng gì, thường thì vấp phải tính tham quyền cố vị không chịu tự động thoái chức của trụ trì, cho nên trong tiết này mới nhấn mạnh tính cách xem địa vị cao sang như mây nổi của Thiền sư trứ danh Si Tuyết Đạo Xung, bảo trì phẩm cách cao thượng độc lập của người xuất gia, mong rằng Thiền lâm lấy ngài làm tiêu chuẩn.

Nhưng, cũng có riêng một tình huống, tức là trụ trì hết sức cần thoái chức, mà không tìm đâu ra được người kế nhiệm xứng đáng nên bị ép buộc đành phải lưu nhiệm lần hai. Điều này một mặt nêu rõ việc tìm anh tài trong Thiền lâm không phải dễ, mặt khác cũng phản ánh việc đảm nhận chức vụ trụ trì là phải gánh chịu gian khổ vô cùng, cho nên phần lớn các cao tăng đại đức vì đại nghiệp của Phật giáo mà phải cố gắng kê vai gánh vác chức vụ trụ trì, còn như nguyện vọng chân thực của các ngài là chỉ mong chẳng quan, chẳng chức để mà chuyên tâm tu hành. Cho nên việc một số người cho rằng làm trụ trì chỉ để ngồi mát ăn bát vàng, xa hoa kiêu hợm là không đúng. Khổ nổi đối với đa số trụ trì ngày nay thì quan niệm trên chẳng những đúng mà còn quá hơn thế nữa?.

## **TRỤ TRÌ QUA ĐỜI**

Trụ trì bệnh nặng, nhắm không qua khỏi bèn mời hai tự và cần cự đến kiểm điểm đối chiếu, thu giữ y bát (tài vật) và hành lý riêng tư của trụ trì, cất kỹ vào trong thất phương trượng, sai phái một hành giả đạo hạnh trang nghiêm ngay thẳng, hoặc một bộc dịch tính tình cẩn trọng trông coi, để đợi sau này đem bán đấu giá, hoặc giả nếu có đem một phần tài vật phân tán bố thí trước thì phải thi hành hết sức công bình hợp lý, không nên tạo ra cảnh ân oán không minh bạch, khiến tăng chúng tranh chấp công kích dè bĩu nhau sau này.

Nếu như tài vật riêng tư của trụ trì ít ỏi đơn sơ thì tang lễ nên tổ chức kiệm ước giản đơn, không để cho đồ đệ của trụ trì mặc tang phục xô gai mang đai hiếu, khóc lóc thảm thương, ủy thác thủ tọa chủ trì tang lễ của mình. Mọi nghi thức Phật sự trong tang lễ nên miễn, nhưng phải niệm tụng bốn bài kệ vô thường trong (kinh Nhân

vương), nghi thức cũng như lễ tống chung một vị tăng tân viên tịch thông thường, không nên phung phí tài vật của thường trụ, mà cũng không làm nhọc phiền tăng chúng.

Còn nếu như trụ trì có nhiều công lao đóng góp cho chùa nhà, tăng chúng cảm niệm ân đức của ngài, hoặc giả của cái riêng tư của trụ trì để lại thật nhiều thì nên y theo nghi thức đã định từ trước mà tiến hành tang lễ cho đầy đủ phong cách. Như trụ trì có di thư gửi cho các quan viên thân thích bấy lâu cùng thí chủ, trụ trì các chùa bạn, huynh đệ đồng môn (pháp quyến) thì phải lập tức sai người đem di thư đó đưa cho họ.

### **Mẫu di chúc:**

Trụ trì ... (mõ) của chùa ... (mõ), thể duyên đã đáp tạ xong (dứt), ngọn đèn cây trước gió chẳng yên được (sắp qua đời), có chút tài vật tùy thân do đàn việt bố thí cho bấy nay tích góp được, chẳng phải tài vật của thường trụ (của tập thể nhà chùa), cảm phiền hai tự đăng ký vào sổ sách, (trích ra một phần) nhờ ông ... (mõ) chủ trì cử hành tang lễ (cho tôi), phần còn lại thì ban phát cho chúng tăng tụng kinh, cử hành tang lễ. Yêu cầu chớ có bày biện quá đáng làm hao phí xâm phạm của thường trụ!

Những mong các vị thể sát ý nguyện của tôi, cúi mong thông báo cho mọi người được rõ!

Ngày ... tháng ... năm ... Trụ trì ... (mõ) Ghi tên và ký tên

Dạng thức di thư: có 3 loại

(a- Gửi cho các Tôn túc)

Tôi đây thuở nhỏ sớm hân hạnh làm bạn cùng huynh giao du, những tưởng mãi mãi bên huynh hầu nối tiếp đức hạnh nên mới kéo níu chút duyên hờ mỏng manh, nào hay đâu sống chết hộp tan đã có số. Tôi nay phận mỏng, kiếp phù sinh sắp kết thúc, như mây núi xa dần xa mịt mờ. Bên bờ lâm chung, mong huynh bảo trọng, chúc huynh trường thọ! Riêng gửi thư này bái đảo, thư chẳng hết lời!

(b- Gửi cho trụ trì chùa bạn:)

Tôi đây lạm làm trụ trì bỗng tự chẳng có gì nương tựa, mỗi mỗi đều trông cậy vào đức sáng chùa bạn của huynh giúp đỡ (cảm kích vô cùng). (Tôi nay thể duyên đã

dứt), cuộc đời như mộng cảnh vốn không. Nay may mắn đến lúc đáp tạ thể duyên huyễn ảo. Buồn thay lúc lâm chung không được cùng huynh giáp mặt nói lời vĩnh quyết, chỉ gửi mấy hàng biểu thị tâm ý muôn một. Hy vọng quang huy của Phật nhật mãi mãi chiếu soi, Tông phong của quý tự ngày càng chấn hưng hoàng dương. Cúi mong tự bảo trọng!

(c- Gửi cho huynh đệ đồng Bôn sư:)

Tôi lạm nhận trụ trì, thật rất hổ thẹn cùng các huynh đệ đồng môn bôn sư. Gần đây bệnh tật vây lấy thân, chỉ lần khần ôm bệnh qua ngày, sớm tối trở thành người thiên cổ lìa xa cuộc đời. Kính gửi một mảnh thư tang, tạm bợ thay tôi biểu đạt ý giáp mặt chia tay vĩnh viễn, đức hạnh cao cả của tiên sư đều trông cậy ở anh em chúng ta nỗ lực phụng hành, phát huy rộng lớn. Không sao nói hết lòng tư niệm, cúi mong các anh em cố bảo trọng!

Hình thức bao thư như sau:

Thư kính gửi

Ông mõ (xưng hô)

Ti-kheo của chùa mõ ... kính cẩn dán kín.

### **LIỆM DI THẺ VÀO QUAN TÀI**

Trụ trì vừa thị tịch, thị giả báo hành giả khách đầu xuống tầng đường thông báo cho đại chúng biết, đánh một tiếng chùy gõ bầm bạch rằng: “Hòa thượng đường đầu truyền lời cho đại chúng, gió lửa bức ngặt nhau, không kịp cùng mọi người giáp mặt quyết biệt”. Lại đánh một tiếng chùy gõ, kẻ đó báo cho các liêu là trụ trì đã qua đời. Hành giả đường ty giống đại hồng chung ở tầng đường tập họp đại chúng đến thất phương trượng điều nghiến (hỏi thăm đám tang) và ủy vấn. Sau đó, thủ tọa cùng hai tự và cần cụ thương lượng phát phó cáo (người Việt ta quen nói là cáo phó) (hình thức trình bày phía sau) gửi các chùa bạn, phát thư mời người chủ trì tang lễ. Người chủ tang phải là bậc danh tăng, đại đức của chùa bạn, hoặc là các bậc tiền bối niên lap cao ở các chùa xung quanh hoặc các bậc tôn trưởng, trong các sư huynh đệ đồng môn của trụ trì, mà cũng có thể do thủ tọa của bôn tự đảm nhiệm.

Nếu trụ trì có để lại di chúc thì nhất nhất phải tuân hành. Cử vài người trong các đệ tử, thị giả và người thân tùy an bài việc tắm rửa cho di thể trụ trì, sau đó mặc pháp y, cạo sạch lóng tóc rồi mang di thể liệm vào quan tài. Bài kệ để lại của cố trụ trì

phải trưng lên bên mé trái quan tài, duy-na đái lãnh chúng đệ tử của trụ trì đốt hương, thỉnh mời thủ tọa an bài Phật sự liệm di thể cố trụ trì vào quan tài. Sau đó, quan tài được đặt tại tấm đường của cố trụ trì, phía trước quan tài bày biện lư hương và đèn cây cùng bàn cúng cơm để cúng đường. Tới giờ, gióng chuông tại tăng đường để tập họp đại chúng. Cử hành nghi thức Phật sự xong, duy-na bước ra khỏi hàng niệm tụng rằng: “Chúng ta cảm nhận sâu sắc rằng, phương tiện quyền xảo của Phật và Bồ-tát rộng lớn vô cùng. Các Ngài hiển thị việc xuất hiện là để giáo hóa chúng sanh tại các hoạt động ở tự nhiên và xã hội mà tâm tánh giác ngộ thì không nơi nào mà chẳng thông, có thể ngộ ý tưởng thâm áo của Phật tổ. Ngài Hòa thượng đường đầu của chúng ta đương nhiên là một người giác ngộ triệt để, trí huệ của ngài chẳng khác chi ánh trăng trong sang tinh anh, chiếu soi muôn trượng sáng mờ, còn tâm từ bi của ngài thì có thể rải đến hết thảy muôn vật có đời sống, trở thành gương mẫu khắp thiên hạ. Nhưng nay thì ngài đã quay về thế giới Cực lạc trời Tây. Từ nay, chúng ta không còn cơ hội nhìn thấy dung nhan từ bi của ngài, nhưng tiếp nối chí hướng ngài vạch ra thì có chỗ quay về. Vì thế mà tập họp các đệ tử của ngài cùng các người được ngài dạy dỗ, tán dương danh hiệu Thánh của Phật và Bồ-tát. Vì các nhân duyên nêu trên nên niệm pháp thân thanh tịnh của đức Phật Tỳ-lô-xá-na v.v...”. Tiếp đó cử hành niệm chú đại bi, đem công đức này hồi hướng cho cố trụ trì rằng: “Chúng con đem công đức niệm tụng và tụng kinh vừa rồi hồi hướng cho cố Hòa thượng đường đầu, cầu mong ngài vào cõi Niết-bàn vô sanh diệt, vắng sanh về Tịnh độ Cực lạc muôn đức trang nghiêm. Nguyên chư Phật và Bồ-tát không nơi nào mà không có, không giờ phút nào mà chẳng hiện diện, bảo hộ cho ngài”. Kế đó lại phúng tụng chú Lăng nghiêm, biểu thị ý nguyện chuyên thí rằng: “Công đức phúng tụng các kinh vừa qua, xin hồi hướng cho cố Hòa thượng đường đầu hầu để ngài tăng cao phẩm vị. Cầu nguyện tất cả (chư) Phật và (chư) Bồ-tát bảo hộ ngài”. Tới đó, tập họp đại chúng niệm tụng, duy-na bắm bạch rằng: “Bạch đại chúng! Hòa thượng đường đầu đã viên tịch rồi, mọi người chúng ta đều mất nơi nương tựa, ai ai cũng (phải) nên tưởng nghĩ đến nhân sinh vô thường mà lúc nào cũng nên tâm tâm niệm niệm tu học, không nên tự mình buông lung, ham muốn tính chuyện nhàn nhã biếng nhác. Vì các nhân duyên nêu trên nên tụng kinh Pháp thân thanh tịnh của Như Lai, Phật Tỳ-lô-xá-na”. Kế đó chuyên thí công đức cho cố trụ trì giống như đã nói ở trên. Sớm chiều dâng cúng hai thời cơm cháo, ba thời sáng – chiều – tối dâng cúng trà và thang thủy. Mỗi lần dâng cúng, đại chúng niệm kinh, duy-na biểu đạt chuyên thí công đức cho cố trụ trì giống như vừa nói ở trên.

Thời gần đây, phong tục bại hoại, một số tăng chúng trước đây cầu xin giữ chức trang khó hay chấp sự không được, hoặc các kẻ cắp trộm tài vật của thường trụ bị trụ trì phát hiện đánh phạt theo phép công, hoặc tấn xuất, hoặc trị tội. Ác đồ không tự biết trách cứ lỗi lầm của mình mà chỉ biết mang lòng oán hận nên vừa nghe trụ trì viên tịch là khoái chí mình, dùng lời lẽ độc ác chửi rủa thậm tệ ngài, thậm chí dùng dùi gỗ đánh vào quan tài hay thương đoạt y vật của trụ trì, biểu hiện nét hung bạo, kiêu hoành của chúng. Gặp phải tình huống này thì người chủ tang lễ, các lão tiền bối, trụ trì các chùa bạn, thí chủ, quan viên, sĩ thứ, tín đồ cùng tất cả những ai từng giao du với trụ trì để được học tập tinh giáo với ngài đều phải dân thân xông ra, làm kẻ ngoại hộ bảo vệ quan tài cố trụ trì, ngăn chặn ác đồ quậy phá. Ai mà không một lần chết? Lễ nào kẻ lợi dụng sau khi người ta qua đời mà làm điều xằng bậy lại là môn đồ tham học dưới tòa của trụ trì. Đối với kẻ liều mạng dám vi phạm phép tắc làm điều xằng bậy như thế thì nhất định phải mạnh tay đuổi cổ trùng trị. Chủ tang lễ và tăng chấp sự nếu dự liệu được ý đồ làm chuyện xằng bậy của kẻ vô pháp mà ngăn chặn hoặc sớm thuyết phục để chúng nhận thức điều làm lỗi, đánh tan ý niệm làm chuyện xằng bậy, đem sự cố đập tan trước khi nó vừa manh nha thì sẽ bảo tồn được thanh danh của một ngôi chùa.

### **Hình thức văn trạng cáo phó:**

Ti-kheo mỗ (...) chủ nhiệm lo tang sự của chùa mỗ (...), kính cẩn cáo phó:  
Có chùa mỗ (...) bất hạnh, Hòa thượng đường đầu vào ngày ... tháng này qua đời.  
Kính cẩn trình văn trạng cáo phó.  
Ngày ... tháng ... năm ...  
Ti-kheo chủ nhiệm lo tang sự của chùa mỗ trình văn trạng cáo phó (mỗ) này.  
Bao thư đề: Cáo phó (Hoặc gọi là phó cáo)  
Hòa thượng thiền sư đường đầu chùa ở xứ mỗ (Nêu rõ chức hàm của vị Hòa thượng nhận thư ra)  
Dán cẩn thận.

### **THỈNH MỜI CHỦ TANG LỄ**

Khi người chủ trì tang lễ tới chùa thì gióng đại hồng chung tập hợp tăng chúng ra ngoài cổng chùa nghinh tiếp. Chủ tang lễ đến trước quan tài đốt hương, thủ tọa và tăng chúng vái chào vãn an. Đại chúng thoái lui, hai tự và cần cựa đưa chủ tang về khách đường, cắm nhang trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy hai lần tỏ lòng chí kính. Chủ

tang lễ vào khách đường cư chủ vị. Thủ tọa ngồi đối diện xong, mọi người cùng đứng dậy đốt hương, xong đầu đầy quay về vị trí của mình, hành giả dâng trà, các tiểu sư đệ tử có trụ trì sắp hàng cắm hương rồi trải tọa cụ giập đầu lay ba lay hai lần. Tiếp theo đó, hành giả biện sự thất phương tượng cùng tham đầu suất lĩnh các hành giả tuần tự thấp hương, trải tọa cụ giập đầu lay ba lay. Sau hết là bệc tòng của thất phương tượng tiến lên tham bái, nghi lễ chấm dứt là dâng thang thủy. Chủ tang tiến đưa hai tự ra ngoài, khổ ty chuẩn bị bữa điểm tâm khoản đãi chủ tang, có hai tự quang lâm bầu bạn. Kế đó, người chủ tang đi khắp các liêu thăm hỏi tặng chúng. Phạm người chủ tang phải là bậc lão thành danh đức, như khi xưa thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần (Phật Quả Viên Ngộ) làm chủ tang lễ của Hòa thượng Đạo Ninh chùa Khai Phước (tức Thiền sư Khai Phước Đạo Ninh) ở Đàm Châu, thật hết sức đẹp lòng mọi người. Về sau này kế nhiệm ngài Đạo Ninh trụ trì chùa Khai Phước là thiền sư Nguyệt Am Thiện Quả nhân cơ hội này được làm tự pháp đệ tử của thiền sư Viên Ngộ. Các câu chuyện trên có thể nêu lên mẫu mực ngàn năm trong việc chọn người chủ tang vậy.

### **MỜI THỈNH NGƯỜI BIỆN SỰ CỦA ỦY VIÊN HỘI LO TANG LỄ**

Sau khi người chủ tang đi khắp các liêu thăm tặng chúng xong thì hai tự, cần cụ và đệ tử của trụ trì cùng đến phòng khách, trình ra sổ bộ ghi chép tài vật riêng tư mà trụ trì dành dụm được, cùng các văn bản do trụ trì để lại. Mọi người vừa uống trà vừa thương nghị mời thỉnh các người biện sự việc trị tang (như thư ký, duy-na, tri khách và thị giả phụng thị di ảnh) và cũng thương nghị luôn nên cử hành các Phật sự trong tang lễ như thế nào (sẽ trình bày phía sau). Các Phật sự này đều được người chủ tang nhất thiết mời thỉnh, trừ hai Phật sự là cử ai và tiểu tham là do người chủ tang trực tiếp cử hành chẳng đợi mời thỉnh ai, dự trừ phân phát hiếu phục (hiếu phục nặng nhẹ của mọi người, xin xem phần Hiếu phục phía sau trình bày). Nếu như không có sẵn tang phục vải lụa thành phẩm thì có thể tùy nghi tính thành tiền rồi trao cho đệ tử tự may. Người chủ tang phải cùng thủ tọa tính toán kiểm kê xem tài vật riêng tư mà trụ trì để lại nhiều ít mà chia ra làm ba phần:

- a. Một phần giao tang ty dùng cho nhu cầu lo liệu tang lễ như phí may đồ tang (hiếu phục), phí tụng kinh, phí dầu đèn, đèn cây.
- b. Một phần sung vào tài sản của thường trụ (của tập thể nhà chùa) hầu cải thiện tiêu chuẩn bữa ăn của đại chúng hằng ngày.

c. Một phần dùng để thù lao cho toàn thể tăng chúng tụng niệm kinh văn và phí dụng thanh lý công ghi chép sổ sách các tài vật mà cố trụ trì để lại.

Người chủ tang phải giữ dạ công bình, chính trực, không nên ngã theo riêng tư ai. Các tăng nhân mà người chủ tang mang theo không được can dự vào công việc của nhân viên lo tang lễ. Mỗi ngày các khoản cử hành nghi lễ tụng niệm, phân phát tài vật bố thí, dâng cúng trà và thang thủy cùng tế điện thì bất kể là hai tự hay cần cữ đều phải nên mời thỉnh một người chứng quản tài vật hầu chặt đứt mọi lời ra tiếng vào dị nghị.

Thị giả Thánh tăng quản lý bản trưởng, trị tang ủy viên hội cộng đồng phái định hành giả khổ ty, hành giả khách đầu, hành giả trà đầu bàn bạc nhau quản lý điều động nhân dịch và mời duy-na trị tang cùng nhau thương nghị. Riêng tri khách trị tang thì lo tiếp khách người ngoài. Tang ty điều động cả ngàn nhân bộc trong tang lễ nên nhất nhất sắp xếp phân công, đều phải ghi vào bảng biểu công bố rành mạch.

## **TANG PHỤC**

Thị giả và các tiểu sư (đệ tử của cố trụ trì) mặc tang phục áo dài (trực chuyết) bằng sô gai, chấp sự tăng hai tự mặc tang phục áo dài trực chuyết bằng cỏ gai, người chủ tang và sư huynh tôn trưởng đồng môn của cố trụ trì mặc áo dài trực chuyết bằng vải thô. Cần cữ và nhân viên biện sự, người đồng hương và sư huynh đệ đồng môn của trụ trì cùng trụ trì các chùa bạn dùng lụa thô chế thành dây lưng trắng quấn ngang mình, thí chủ cũng dùng lụa thô chế thành dây lưng trắng quấn ngang mình, hành giả thất phương trọng đội khăn tang bằng vải gai, các hành giả đội khăn tang bằng vải cỏ gai, bộc dịch của thất phương trọng cùng các người coi công nhân đội khăn tang bằng vải gai, mặc áo tang ngắn bằng vải gai; người làm vườn và các loại công nhân, bộc dịch chỉ đội khăn tang bằng vải gai mà thôi.

## **TÊN GỌI VÀ CÁC NGHI THỨC PHẬT SU**

Phật sự liệm di thể vào quan tài, đưa quan tài ra pháp đường, đóng chặt nắp quan tài, treo chân dung cố trụ trì tại pháp đường, cử ai, cúng trà và thang thủy, tiểu tham trước linh sàng, cúng trà và thang thủy, khiêng quan tài ra khỏi pháp đường, treo chân tượng lên tại cái đình nhỏ đặt chân tượng ngoài cổng chùa, cúng trà thang, châm đuốc gỗ tượng trung, an định hũ đựng di cốt, ban tặng hay rao bán y vật cố trụ trì, đưa hũ cốt vào tháp, đưa di tượng (di ảnh, chân tượng) vào Tổ đường, toàn thân

đưa vào tháp, lấp đất miệng tháp lại (như y bát cố trụ trì để lại dồi dào, mỗi ngày đều cúng trà thang, cử hành thêm nghi thức Phật sự chuyển quan tài và chôn cất).

### **ĐƯA QUAN TÀI ĐI**

Di thể liệm vào quan tài được ba ngày thì đập nắp quan tài lại, đồng thời bố trí sắp xếp pháp đường, nửa gian phía Đông (trái) treo màn trướng, thiết đặt sàng tòa, đặt giá móc áo và các loại đồ dùng hằng ngày của cố trụ trì lúc sanh tiền để phụng sự. Ngay gian giữa an trí pháp tòa, trên pháp tòa treo chân dung và đặt linh vị (bài vị cố trụ trì). Trên bàn đặt phía trước linh vị trần liệt tế phẩm thật là phong phú, lại dùng màn lụa mỏng thả rủ xuống che lại, để cho mọi người tế lễ. Nửa gian phía Tây (phải) là chỗ an trí quan tài, dùng màn vải gai rủ xuống để che quan tài lại. Trước quan tài trần liệt bàn, trên mặt bàn đặt lư hương, bình bông, hoa trắng, thắp hương, đốt đèn cây giữ cho cháy mãi không tắt. Sáng chiều hai lượt dọn cúng trà và thang thủy cơm cháo cùng tụng kinh. Ngoài ra còn cụ bị cả đèn lồng, chập chỏa, hương hoa, cờ phướn. Đến giờ, thỉnh chuông tăng đường tập hợp mời mọi người dự lễ Phật sự đưa quan tài vào pháp đường. Sau khi chuẩn bị xong liền đưa quan tài vào pháp đường, mời mọi người dự lễ đóng khóa nắp khóa đình quan tài lại.

### **NGHI THỨC TREO CHÂN TƯỢNG (DI ẢNH), CỬ AI VÀ DÂNG CÚNG TRÀ THANG**

Sau khi di chuyển quan tài đến pháp đường và đóng đình khóa nắp áo quan xong (tòa quan cũng còn gọi là phong quan) thỉnh mời cử hành Phật sự treo di ảnh. Sau khi treo xong, nếu như trụ trì đích thân có viết để lại di ngôn (thường là bài kệ bốn câu) thì thị giả dâng tờ di ngôn đó trình lên người chủ tang lễ cùng thủ tọa và đại chúng nói: “Hòa thượng đường đầu lúc lâm chung có di ngôn, xin kính trình lại y nguyên cho thủ tọa và đại chúng!”. Người chủ tang đích thân tiếp lấy rồi trình trao lại cho thủ tọa. Thủ tọa cầm tờ di ngôn đưa lên trên lư hương xông tHôm một lát, đoạn trao lại cho duy-na lớn tiếng đọc trước đại chúng một lượt. Hành giả của tang ty (ban trị tang sự vụ) đem tờ di ngôn gắn (dán) lên phía bên phải tấm màn ở gian giữa của pháp đường, chủ tang lễ bảm bạch rằng: “Hòa thượng đường đầu qui tịch, lý phải cử ai”. Cử hành Phật sự cử ai xong, chủ tang lễ cất tiếng khóc: “Ai, ai, ai (buồn thương, buồn thương, buồn thương)” thì mọi người cùng khóc theo (cũng khóc ba tiếng “Ai, ai, ai”), các tiểu sư (đệ tử cố trụ trì) đứng sắp hàng dưới màn cũng khóc lóc thảm thiết. Tiếp đó cử hành Phật sự dâng hiến trà thang, các tiểu sư đứng sắp



hàng trước di ảnh cố trụ trì lễ bái, sau đó quay lại đứng dưới màn. Người chủ tang lễ đốt hương hướng về di ảnh cố trụ trì lễ bái, hai tự cùng cần cựa và đại chúng nói bước người chủ tang tuần tự hướng về di ảnh cố trụ trì đốt hương lễ bái. Các tiểu sư đứng ở phía bên trái di ảnh lạy đáp lễ. Sau đó, người chủ tang lễ đến ngay nơi dưới màn ngỏ lời ai điều an ủi các tiểu sư. Các tiểu sư hướng về người chủ tang lạy ba lạy trí tạ. Kế đó, người chủ tang lễ an ủi hai tự và đại chúng rằng: “Pháp môn chẳng may gặp chuyện Hòa thượng đường đầu vội rời dương thế. Dám mong mọi người trong cảnh đau thương này (phải) nên nỗ lực duy trì hậu sự!”. Thủ tọa đáp lời rằng: “Rất may nhờ được Hòa thượng tang chủ hết lòng chủ trương mọi việc!”, hai tự và đại chúng an ủi các tiểu sư rằng: “Chùa ta chẳng may, Hòa thượng đường đầu đã sớm về cõi Phật. Ngưỡng mong các sư giảm bớt, ngăn chặn bi ai hầu dốc lòng lo hậu sự cho tròn!”. Các tiểu sư đệ tử suốt đêm đứng sau màn canh giữ quan tài, phần tang ty (nơi lo việc tang lễ) nêu bày lễ cúng theo thứ tự (nói rõ phía sau) trên giấy gắn lên trên màn che của mé Tây (trái) pháp đường. Các tế văn đều do thư ký của tang ty soạn thảo viết ra, mỗi hôm có thể dọn cúng hai lần mà cũng có thể dọn cúng ba lần, tùy nghi mà quyết định thôi, chẳng có câu nệ chi, bởi thí chủ cũng như đoàn trụ trì các chùa bạn đến dự lễ tang có trước sau, do đó mà số lần dọn dâng cúng cũng như thời gian cúng phải theo đó mà biến hóa. Nếu đồng môn pháp quyến hay môn nhân đệ tử của cố trụ trì vừa đến cổng chùa để tế điều thì tri khách đón tiếp rồi thông báo với tang ty, ngay đó đưa phát hiệu phục, sau đó mới lên pháp đường điều tế. Tất cả tài vật do mọi người đưa đến cúng tặng để trợ việc tang ma sau khi chi dùng xong mà còn dư thừa ra thì phải đưa vào tài sản chung của chùa, tức thường trụ, dùng để làm chi phí khao thưởng bộc tụng, người đi theo của các phái đoàn chùa bạn đến phúng điệu. Tang ty triệu tập hai tự cùng cần cựa tra điểm di sản của cố trụ trì ghi chép trong sổ sách, trừ đi phần ban phát hay giữ lại theo di chúc của cố trụ trì, còn bao nhiêu thì thẩm định giá trước tùy theo các vật đó cũ hay mới, dài hay ngắn, có giá trị cao hay thấp để tránh tới khi rao đấu giá phải bối rối bàn định lại giá lung tung.

### **CÁC NGHI THỨC TIÊU THAM TRƯỚC LINH CỬU, DÂNG CÚNG TRÀ THANG, TỤNG NIỆM KINH KỆ VÀ TRÍ TẾ**

Duy-na của tang ty cùng các tiểu sư đệ tử của trụ trì mang hương đến khách đường bái thỉnh người chủ tang trong đêm cuối cùng quan tài, cử hành nghi thức tiêu tham trước linh cửu. (Nghi thức tiến hành như sau): trước hết đặt bày pháp tòa trước

linh cửu, đợi sau khi chuông tối đổ xong, đánh trống tập hợp đại chúng. Hai tự đứng dưới pháp tòa vái chào vấn an giống như tình huống ở buổi tiểu tham thông thường. Người chủ tang sai thị giả của mình đốt hương, còn trong trường hợp không mang theo thị giả của mình thì dùng thị giả Thánh tăng đường của bốn tự thay thế cũng được. Sau khi lễ tiểu tham chấm dứt, người chủ tang xuống pháp tòa, các tiểu sư đệ của chùa lễ bái cảm tạ. Thủ tọa lãnh đạo tăng chúng dâng hương trước linh cửu, sau khi mọi người quay về chỗ cũ của mình ổn định rồi, thỉnh dâng trà thang cúng tế. Phật sự xong, duy-na của bốn tự niệm tụng rằng: “Bẩm bạch đại chúng! Hòa thượng đường đầu chùa ta nhập cảnh giới Niết-bàn. Từ nay trở đi, mỗi ngày qua là sanh mạng chúng ta đà giảm thiểu đi thì chúng ta như cá thiếu nước, như thế thì có gì vui đâu? Các ông nên nghĩ đến điều đó mà tinh cần, cố gắng tu hành như phải cứu lửa đang cháy tấp đầu mình. Phải luôn luôn nghĩ đến vô thường chóng vánh tới mà chớ có buông lung vui đùa! Chúng tôi mười phần tán thưởng chuyện đại chúng cúng đứng trước màn linh cửu mà tụng trì hồng danh của tất cả chư Phật, Bồ-tát hầu tăng phẩm vị của cố trụ trì, giờ cảm phiền nhờ các vị lại niệm cho pháp thân thanh tịnh Tỳ-lô-xá-na Như Lai v.v...”.

Sau khi cử hành đọc chú Đại bi xong, hồi hướng rằng: “Công đức niệm tụng kinh kệ vừa qua, xin hồi hướng trọn vẹn cho cố Hòa thượng đường đầu vừa mới thị tịch. Mong ngài không quên nguyện lực, tái chuyển thể hiện đàm hoa đầu thai làm cao tăng đại đức, phát huy oai lực to lớn chèo thuyền từ trên dòng sông sanh tử, từ bi cứu độ chúng sanh, đem chúng sanh còn mê muội chưa giác ngộ dẫn độ đến cảnh giới siêu thoát sanh tử bên kia của đức Phật! Do vậy dám phiền đại chúng lại tụng niệm mười phương ba cõi tất cả ‘Phật’”. Kế đó, tri khách của chùa tụng niệm chú Lăng Già, và cũng nêu ý hướng hồi hướng công đức cho cố trụ trì rằng: “Tất cả công đức tụng niệm vừa qua, xin trọn hồi hướng công đức cho cố Hòa thượng đường đầu vừa mới viên tịch! Nguyện ngài sau đơm quả cuối cùng khi di thể đã hỏa thiêu luôn được tăng cao phẩm vị mười phương ba cõi Phật!”. Kế đó, mọi người theo thứ tự trước sau cúng tế, rồi sau niệm chú Đại bi, cách nói lời chuyển thể công đức cũng như vừa nêu trên. Chờ cho sau khi hành giả và bệch tùng tham bái, tụng kinh xong thì hành giả của tang ty hô lớn: “Mời thủ tọa và đại chúng tự tòa dùng thang thủy và trái cây!”. Dùng xong, đại chúng giải tán, còn các tiểu sư đệ tử của cố trụ trì và hành giả thất phương trượng cùng bệch tùng suốt đêm canh giữ quan tài.

## THỨ TỰ TẾ CÚNG

Tri sự, đầu thủ, người chủ tang, Tây đường, cần cự, môn đường, các cao tăng ẩn dật chốn giang hồ, tiền tư, bậc lão túc, đại chúng các liêu, các người biện sự, cự thị giả, người cùng quê với cố trụ trì, các sư huynh đệ đồng môn của cố trụ trì, các người coi am tháp, tiểu sư đệ tử của cố trụ trì, hành giả thất phương trượng, hành giả nơi biện sự của sáu tri sự, hành giả các liêu và bệc tùng của thất phương trượng, phu khiêng kiệu, lão lang, người làm vườn, người nấu bếp núc, các loại công đầu của tu tạo cục.

## **XUẤT TANG TREO DI ẢNH, DÂNG CÚNG TRÀ THANG**

Khố ty và tang ty hễ tương phối hộp chỉ huy chuẩn bị xếp đặt các đồ dùng trong nghi thức đưa tang gồm: hương đình: cái đình nhỏ cao chừng 1m, có bốn chân chống xuống khi dùng, có hai cánh trước và hai cánh sau cột sợi dây da, hai người khiêng mắc vào vai một trước một sau mà khiêng đi. Hương đình là cái đình nhỏ đặt lư hương khiêng đi trong đám tang), đình nhỏ đặt di ảnh, cờ phướn, đội nhạc lễ diễn xướng ca vịnh tiếng Phạn. Trước quan tài là các vật như lọng che ghế dựa, thang thủy và lư hương, đèn lồng, cây bê (trúc bê) chủ trượng, cây xơ quất (phát tử), hộp hương, pháp y. Khi đám tang ra đi, các tiểu sư đệ tử đi sau xe tang, gióng đại hồng chung và thổi đánh tất cả các pháp khí để đưa tang. Khi nhắc quan tài lên niệm tụng: “Quan tài vàng tự động nhắc lên, vòng quanh thành lớn Câu-thi-la, cờ phướn đón gió lồng lộng, đại lễ đưa đến chỗ hỏa thiêu (trà ti). Ngưỡng mong nhờ đại chúng, xưng niệm hồng danh chư Phật Bồ-tát, hầu biểu thị tình cảm không thể xa rời đối với cố trụ trì, đồng thời giúp đỡ giác linh cố trụ trì thuận lợi tìm đường giác ngộ đến nơi thanh tịnh trang nghiêm của đất Phật! Thịnh mời niệm pháp thanh tịnh của Phật Tỳ-lô-xá-na!” (còn nếu như không hỏa thiêu quan tài mà đưa toàn thân vào tháp thì nói: “Thạnh lễ đến nan đề” (tức tiếng Phạn của từ “tháp bà”, có nghĩa là cái tháp). Duy-na tiến lên phía trước đốt hương, dẫn các tiểu sư đệ tử của trụ trì bái thỉnh tiến hành Phật sự khởi quan. Khi đưa quan tài đến cửa cổng chùa, thỉnh cúng tế điện, đình nhỏ, treo di ảnh và cúng trà thang. Cả ba nghi thức đều có cử hành Phật sự. Hai tự và đại chúng đứng sắp hàng tại hai bên cổng. Chờ cho quan tài đưa ra khỏi cổng, duy-na của chùa nhà, mặt hướng vào trong chùa, chắp tay đứng ngay chính giữa cửa cổng tụng niệm chú Vãng sanh, hoặc giả tuyên niệm danh hiệu của tứ thánh là A-di-đà Phật, Bồ-tát Quán thế âm, Bồ-tát Đại thế chí, Bồ-tát Đại hải chúng. Đại chúng đồng loạt niệm theo, chủ tang lễ suất lãnh đại chúng chia ra hai bên phải trái mà ra cổng, rắc rải giấy cắt hình lá liễu màu trắng ra hai bên cho mọi người. Khi đi

đưa tang, mọi người ở các bộ phận đều đồng bộ mà bước đều, không được chen vai thích cánh nói chuyện phiếm, ai ai cũng phải biểu lộ lòng mang nặng bi thương. Đô giám tự phụ trách giám đốc tiến hành nghi thức xuất tang, duy-na tri khách của tang ty cùng với thị giả Thánh tăng lo phân phát vật bố thí lúc xuất tang.

## LỄ TRÀ TỶ

Đám tang đến đài hỏa táng (Niết-bàn đài), duy-na của tang ty chờ cho đô giám tự dâng hương, cúng trà xong, bước tới trước đốt hương, dẫn dắt các tiểu sư đệ tử của cố trụ trì thỉnh mời cử hành Phật sự đốt đuốc gỗ tượng trưng. Duy-na của chùa nhà niệm tụng rằng: “Hôm nay cố Hòa thượng đường đầu vừa mới viên tịch, chuyện hóa duyên của ngài ở nhân thế đã xong, bèn quay về ngay Niết-bàn chân thường. Quan tài đã đi vòng quanh thành lớn Câu-thi-na-yết-la (Kusinara), tính hỏa tự bùng cháy tại hôm nay đây. Ngưỡng mong nhờ đại chúng giúp đỡ giác linh về nơi cảnh giới Niết-bàn! Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi A-di-đà Phật”, niệm một thời 10 lần, đại chúng cùng hòa niệm theo 10 lần xong thì duy-na lại nói: “Việc tuyên dương Thánh hiệu vừa rồi là kiện thành xúc tiến nghi thức hỏa thiêu. Cố Hòa thượng đường đầu kế thừa tinh túy của Tông môn, đối với việc nắm bắt áo nghĩa Thiền học đã tiếp cận mức độ Phật – Tổ, mà ứng dụng thực tế là đã khai phát, khai thị rộng rãi cho kẻ hậu học, lòng từ bi lớn lao của Hòa thượng thật đã đủ sâu rộng để bao dung cả đất trời. Như nay đây đem một mảnh hình hài hư ảo đưa vào trong ánh lửa sáng rực để thực hiện định luật ‘chư hành hòa hiệp’, xin thành khẩn dùng ba chén trà thô, một bát lư hương nhạt khói dâng cúng lễ điện. Chúng con nhất định kiện thành phụng hành những điều mà cố Hòa thượng đã dạy dỗ, lễ kính và đoàn kết tất cả những người con Phật tin pháp”. (Tri khách chùa nhà) cất tiếng tụng chú Đại Bi, hồi hướng rằng: “Công đức niệm tụng kinh chú vừa rồi, xin trọn hồi hướng cho Hòa thượng đường đầu vừa mới hỏa thiêu được tăng cao phẩm vị! Xin chư Phật Bồ-tát trong mười phương ba cõi che chở giúp đỡ!”. Tri khách chùa nhà lại cất tiếng tụng chú Lăng nghiêm, đoạn hồi hướng cũng giống như vừa nêu trên. Kế đến, các người cùng quê hương với cố trụ trì cử kinh, đại chúng cùng tụng theo. Xong, thủ tọa suất lãnh đại chúng quay về chùa nhà độ trai. Các tiểu sư đệ tử của cố trụ trì, người cùng quê và chư huynh đệ đồng đạo với trụ trì ở lại canh lửa tàn để thu nhặt tro xương. Độ trai xong, thỉnh chuông tại tăng đường tập họp đại chúng, chuẩn bị toàn bộ nghi tụng, nghinh đón cốt đưa về tẩm đường cố trụ trì an định phụng thờ, cùng thỉnh mời cử hành Phật sự an trí di cốt, đoạn treo di ảnh lên mà cúng dường cơm cháo và tụng

kinh. Từ đó cứ mỗi ngày hai lần dâng cúng cơm cháo, và ba lần sáng, trưa, chiều dâng cúng trà và thang thủy. Mỗi 10 ngày hay nửa tháng đại chúng đến tụng kinh một lần cho tới khi linh cốt đưa vào tháp mới thôi.

## NGHI THỨC ĐƯA TOÀN THÂN VÀO THÁP

Khi đưa quan tài đến tháp, tăng đồ giám tự dâng hương trà xong thì duy-na của tang ty bước đến trước đốt hương, suất lãnh các tiểu sư đệ tử của cố trụ trì bái thỉnh cử hành nghi thức Phật sự nhập tháp xong thì duy-na của chùa nhà niệm tụng rằng: “Chúng ta tha thiết nghĩ rằng, Thiên tăng khi ngồi thì xếp bằng hai chân theo thể kiết-già, ấy là kế thừa qui định truyền thống của Phật Đà khi thuyết pháp tại Linh sơn, lấy việc sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma quảy một chiếc dép về Tây làm tiêu chí của Thiên tông, đồng thời biểu thị khuôn mẫu của Thiên tông (là do sơ Tổ 9 năm nhìn vách tại Thiếu Thất Thiếu Lâm lưu truyền lại). Toàn bộ Thiên cơ lúc ẩn lúc hiện, đại pháp có đầu có đuôi. Ngưỡng mong đại chúng giúp đỡ giác linh của cố trụ trì dễ dàng về Tây Thiên! Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi A-di-đà Phật”. Niệm 10 lần xong, lại nói: “Mười lần xung dương hồng danh đức A-di-đà vừa rồi là tiếp đỡ cố Hòa thượng đường đầu vãng sanh về thế giới Cực lạc. Duy nguyện Phật pháp như gương tuệ (huệ) không ngăn không mé, lòng từ của Thế Tôn như mây lành ban bố rộng khắp các chúng sanh. Trong cõi tứ sanh (thai sanh, trứng sanh, thấp sanh, hóa sanh) đều khai thị cho biết nguyên nhân bất sanh bất diệt. Nơi sáu nẻo luân hồi (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, trời, người) đều nói cho pháp vô ngã vô nhân (vạn sự vạn vật trên đời đều không phải là tự thể thực tại độc lập vĩnh hằng). Kính cẩn dâng ba chén trà thô, một làn khói nhang ở lư hương để mà tế điện ! Thành khẩn cử hành chỉ thị của Phật, tất cả đồ chúng tin Phật phải kính trọng và đoàn kết nhau!”. Nghi thức tụng niệm theo thứ tự tiếp đó đều giống như tình huống tiến hành lễ hỏa thiêu tại đài Niết-bàn, nhưng hồi hướng công đức thì nói: “Nguyện đem công đức này hồi hướng cho cố Hòa thượng đường đầu khiến thịnh lễ đưa ngài vào Tháp Bà tăng thêm phần rạng rỡ”. Chờ cho đất cát để lấp miệng tháp đều cụ bị đầy đủ, mới thỉnh cử hành Phật sự lấp đất miệng tháp, rồi sau đó rước di ảnh về tẩm đường cúng dường. (Tại tẩm đường), người chủ tang lễ đốt hương lễ bái di ảnh cố trụ trì. Kế đó, trụ trì các chùa bạn, hai tự và đại chúng cùng các tiểu sư đệ tử cố trụ trì lễ bái di ảnh xong, các tiểu sư đệ tử hướng về người chủ tang thấp nhang, trải tọa cụ giập đầu cử hành đại lễ lạy ba lạy biểu thị cảm tạ ơn. Tiếp đó, hai tự và tất cả tăng chúng cảm tạ người chủ tang lễ, lời trí tạ như sau: “Chùa nhà chẳng may cố Hòa thượng đường

đầu viên tịch. Thừa mong ngài ra tay tận lực chủ trì tang lễ (thật hết mực cảm tạ!)”. Người chủ tang đáp lời: “Thật ra trái lại phải cảm ơn các vị đã tận lực hiệp trợ phối hợp nên mới được hoàn mãn chẳng có chút sơ xuất nào”. Kế đó, người chủ tang suất lãnh tất cả nhân viên trong tang ty cùng đến các liêu cảm tạ mọi người. Kế tiếp, các tiểu sư đệ tử cố trụ trì cũng đi khắp liêu để lễ bái cảm tạ. Duy-na của chùa nhà đưa thị giả đương nhiệm của cố trụ trì và thị giả phục thị di ảnh về liêu của tăng chúng an nghỉ. Mỗi ngày ba thời dâng cúng trà thang và tập hợp đại chúng tụng kinh cho đến khi đón bài vị đưa vào tổ đường mới thôi. Hoặc giả phải đợi tân trụ trì kế nhiệm đến mới kết hợp cử hành nghi thức Phật sự đưa di ảnh vào tổ đường.

### **RAO BÁN ĐẤU GIÁ DI VẬT CỦA CỐ TRỤ TRÌ (chủ yếu là Y nên gọi là Xướng Y)**

Đến thời khoảng qui định, trước tăng đường hoặc hai bên phải trái của pháp đường bày trí chỗ ngồi của đại chúng. Ngay khoảng giữa mặt hướng về bên trong đặt một cái bàn dài nằm ngang, trên đó bày bút, nghiên và một cái khánh lớn. Thỉnh chuông tại tăng đường tập họp chúng, thủ tọa và người chủ tang ngồi ngang mặt nhau. Hai tự và đại chúng chia nhau theo thứ lớp ngồi hai bên, duy-na của ban lo việc tang lễ, tri khách và thị giả Thánh tăng ngồi giáp mặt với người chủ tang lễ. Duy-na niệm tụng rằng: “Lưu lại y để biểu thị lòng tin, đây là qui định do liệt Tổ bao đời truyền lại. Nắm Phật pháp để phá trừ keo lặn, ấy là phong cách của các bậc tiền bối hiện đặt để lại mà chúng ta phải tôn trọng tuân theo. Nay đây rao bán đấu giá di vật của cố trụ trì, chính là để biểu minh vạn sự, vạn vật biến hóa vô thường. Những mong đại chúng cảm phiền niệm tụng pháp thân thanh tịnh của Phật Tỳ-lô-xá-na! v.v...”. Nghi thức xong đầu đầy, mở giỏ tráp lấy y vật mà cố trụ trì súc tích được bấy lâu nay ra, y theo số hiệu đã đánh dấu mà bày ra trên bàn dài, thỉnh mời cử hành Phật sự rao bán đấu giá y vật của cố trụ trì xong, duy-na đánh một tiếng khánh, bảm bạch rằng: “Này, biện pháp rao bán đấu giá y vật của cố trụ trì lưu lại phải tôn thủ qui củ nhất định, tức là đối với mỗi vật đem rao bán phải căn cứ vào tình trạng cũ mới, dài ngắn tự mỗi người nên dòm xét. Sau khi tiếng khánh quyết định chấm dứt thì kể như việc mua bán đã xong, chùng đó không ai được tiếc rẻ nhé! Xin bảm bạch rõ ràng như thế!”. Nếu pháp y (cà-sa) để lại nhiều quá, thì phải căn cứ vào di chúc lưu tồn để mà phân ngạch. Trong quá trình rao bán đấu giá phải theo thứ tự mà đưa trình y vật cho duy-na, duy-na nhất nhất đưa lên báo giá. Nhân viên chức sự lo việc tang lễ, trong việc rao bán đấu giá này, quý ở công tâm mà chủ trì công việc. Duy-na định

giá rồi đánh khánh, hành giả theo dõi hai bên phải trái, trước sau báo tên họ người quyết định mua y vật, tri khách biên chép tên họ người mua vào một danh sách, thị giả y theo tên họ trong danh sách mà phát biên lai làm bằng. Việc rao bán y vật xong rồi, kết toán tổng số giá tiền, người chủ tang lễ kiểm điểm lại danh sách. Người mua giao tiền và nhận lại y vật mua được, nhân viên phụ trách đấu giá không được vì tình riêng mà giảm bớt giá tiền. Người chủ tang phải nghiêm túc theo dõi kiểm tra việc tiến hành sao cho trơn tru thuận lợi.

Gần đây, người ta thường dùng biện pháp nêu thê để xử lý việc rao bán y vật, đây là một biện pháp rất hay để tránh cảnh tranh giành, chen lấn mua y vật bán đấu giá. Cách này là dùng một miếng giấy nhỏ y theo thứ tự các chữ của Thiên tự văn mà viết chữ hiệu vào. Mỗi một miếng thê giấy tự hiệu được chia ra làm ba đoạn viết chữ lên đó, đoạn đóng dấu vào mỗi chữ đề phòng gian lận. Phải liệu định xem số người mua nhiều ít mà viết giấy thê nhiều hay ít, viết xong giao cho nhân viên tang ty niêm phong lại. Đến lúc rao bán đấu giá, đem thê viết chữ số hiệu trình cho người chủ tang và hai tự kiểm soát lại lần chót, rồi thủ tọa mở niêm. Tri khách phát giấy thê hiệu, hành giả đường ty bung mâm đi theo sát bên thị giả. Thị giả lấy thê giấy có chữ hiệu vừa phân phát cho mỗi người, tuân tự cắt đôi, lấy một nửa bỏ vô cái mâm mà hành giả đường ty bung theo bên mình. Cắt xong hết rồi, đem mâm đặt ở bên cạnh người thủ tọa, rồi dùng tay xào trộn mớ nửa thê hiệu đựng trong mâm, đoạn đặt một chậu nước phía dưới. Khi duy-na đưa y vật lên rao giá bán xong, thì ngay lúc đó thủ tọa gọi một đồng tử bảo nó thò tay vào một cách không chú ý trong mâm nhặt ra nửa miếng thê hiệu đưa cho thủ tọa mở ra xem nửa thê mang số hiệu gì, rồi báo cho đường ty hành giả lớn tiếng đọc lên số hiệu đó. Lúc đó, mỗi người đều mở lòng bàn tay mình đang nắm giữ nửa tấm thê hiệu ra xem nó số mấy. Nếu ai có nửa tấm thê trùng với số hiệu mà hành giả đường ty vừa đọc thì lên tiếng, nếu như người có nửa thê trùng số hiệu hành giả vừa đọc mà không muốn mua món y vật đó thì khỏi lên tiếng ưng mua. Số hiệu được hô ba lần mà không có ai lên tiếng thì thủ tọa ném nửa tấm giấy thê hiệu vừa hô đó vào chậu nước dưới nền, rồi lại bảo đồng tử thò tay một cách vô ý vào mâm bốc nửa tấm thê hiệu khác để lại hô lên số hiệu thê. Như có người đáp ứng chịu mua lên tiếng, thì hành giả đường ty đến thu nửa tấm thê hiệu của người đó, đến chỗ thủ tọa so sánh lại thấy khớp nhau thì báo với duy-na rằng: “Vật này (mỗ y vật) đã quyết định bán cho vị tăng ... (mỗ) mua”. Nói xong, đánh một tiếng khánh, tri khách viết tên vị đó vào danh sách rồi thị giả phát phiếu biên nhận, hành giả cung đầu đón lấy biên nhận đưa lại cho vị tăng mua được y vật. Tuy

nhiên, y vật vẫn chưa phát ngay mà được cất giữ lại trong rương tráp như cũ. Sau khi theo thứ tự rao bán xong, duy-na đánh một tiếng khánh, biểu thị chuyển thí công đức cho cố trụ trì rằng: “Công đức niệm tụng qua việc rao bán đấu giá vừa rồi đều hồi hướng cho Hòa thượng đường đầu vừa viên tịch, mong ngài được tăng cao phẩm vị. Chư Phật trong mười phương ba cõi bảo hộ cho ngài v.v...”. Mọi người tản ra, những người mua được căn cứ vào phiếu biên lai mà đi nhận y vật. Nếu có người nào trong vòng ba ngày không đến nhận y vật thì y vật sẽ định y giá cũ mà bán (viết danh sách và phép xưa bán đấu giá sẽ nói rõ trong chương Đại chúng).

### **Hình thức phiếu thu chi rao bán đấu giá y vật:**

Hòa thượng đường đầu viên tịch, số tiền rao bán y vật ghi chép vào phiếu thu chi như sau :

a- Số tiền thu vào (do món ... (mỡ) bán được)

b- Số tiền thu vào (do hạng mục ... thu được)

c- Số tiền chi ra (do hạng mục ... dụng độ)

d- Số tiền chi ra (do hạng mục ... chi dùng), được kê ra như sau:

Theo như trên thì tổng số tiền thu được là :

Tổng số tiền chi ra là:

Trừ phần chi ra, hiện số tiền còn lại được bảo quản là:

(Số tiền này sung vào việc gặp trai hội các tuần thất chi cho tiền đãi thọ các tăng nhân tụng kinh hồi hướng công đức cho người quá vãng và chi cho tiền mua kinh sách) có nêu ra như trên.

Ngày ... tháng ... năm ...

Hành giả mỡ của tang ty cụ trình, chấp sự tăng quản lý sổ sách, hai tự và điển tang (chấp sự tăng phụ trách việc tang) đều ghi tên họ và ký tên vào.

### **ĐƯA LINH CỐT VÀO THÁP**

[1129c11] Cách một đêm tới ngày đưa linh cốt vào tháp chuẩn bị nghi tụng. Đúng ngày đưa linh cốt vào tháp, thỉnh chuông tập hợp đại chúng. Đô giám tự thượng hương xong, thỉnh mời cử hành Phật sự đưa linh cốt đi. Đưa cốt đến chỗ tháp, thỉnh mời cử hành Phật sự đưa linh cốt vào tháp. Tất cả các nghi thức tụng niệm kinh văn và hồi hướng công đức cho cố trụ trì đều giống như nghi thức cử hành lúc đưa toàn thân vào tháp, riêng phần nghi thức nghinh đón di ảnh về tầm đường cúng dường



cùng lễ tiết cảm tạ người chủ tang đều giống như tình huống lúc đưa toàn thân vào tháp.

## **ĐƯA TRÌNH THƯ ĐỂ LẠI CỦA CỔ TRỤ TRÌ**

Lo xong tang sự, người chủ tang lễ mời thỉnh thị giả và người lo công việc sung vào chức vụ chuyên sứ, chia đường dong ruổi đưa di thư của cổ trụ trì cho trụ trì các chùa bạn và các sư huynh đệ đồng môn của cổ trụ trì, thí chủ dài lâu của bản tự, và các quan viên thân thích tới lui của cổ trụ trì. Duy đối với các bậc lão tiền bối đức cao vọng trọng, tất phải cần người có kiến giải sâu rộng hầu đưa ra kiến giải hồi đáp lại huấn thị của các ngài cho nên phải lựa chọn người giỏi việc để sung vào cương vị chuyên sứ. Đến chùa người, trước hết chuyên sứ phải tới liêu của tri khách để làm lễ tương kiến, tri khách dẫn đến gặp liêu thị giả. Phải dự bị mâm cỗ có trái nấp để đặt di thư, di vật lên đó. Thị giả đến thất phương trưng bảm báo, trụ trì phải bước ra tiếp kiến ngay, rồi cho người mời lương tự đến để cùng mở di thư. Chuyên sứ bước tới trước vái chào vấn an rồi bảm bạch: “Thỉnh Hòa thượng ngồi kiết-già!”. Nếu như trụ trì có lời hỏi han đến các vấn đề liên quan đến Phật pháp thì chuyên sứ phải đáp lời biểu minh kiến giải của mình, đồng thời thấp nhang và trái tọa cụ giập đầu lạy ba lạy theo nghi thức tiết đại lễ hai lần. Nếu như trụ trì miễn lễ thì hành lễ giập tọa cụ xuống nền biểu thị chí kính như nghi thức bình thường tham kiến trụ trì vậy. Sau khi thấp nhang dùng trà xong, đợi hai tự đến, chuyên sứ đứng dậy đứng trước lư hương cảm tạ thâm tình đãi trà. Lại thấp thêm một nén nhang to, trái tọa cụ giập đầu lạy ba lạy theo đại lễ bảm bạch: “Hòa thượng đường đầu mõ... tại chùa ở địa phương mõ... vừa mới viên tịch tại ngày mõ, tháng mõ có để lại di thư, di vật sai bọn con đến quý tự viện đưa trình”. Nói đoạn trình di thư, di vật lên. Trụ trì nói: “Pháp môn suy lạc, không khỏi đau buồn, cảm thương”. Hai tự tiến lên trước vái chào vấn an chuyên sứ, thủ tọa ngồi đối diện với trụ trì, chuyên sứ cũng ngồi đối diện với trụ trì nhưng lùi sau thủ tọa một khoảng. Uống trà xong, mọi người đứng dậy. Trụ trì nói: “Pháp môn không may, Hòa thượng trụ trì chùa mõ vừa qui tịch, thật không khỏi đau buồn cảm thương”. Thị giả chuẩn bị kéo cất thư, để cùng thư – vật lên trình lên trụ trì. Thị giả nâng di thư trình với trụ trì, trụ trì đón lấy đến lư hương xông một lát, rồi giao lại cho thị giả đưa cho duy-na. Hành giả lấy kéo cắt bao bì mở thư ra giao cho duy-na đọc trước đại chúng xong thì thị giả vái chào chuyên sứ mời lên vị trí đối diện với trụ trì mà ngồi (trụ trì chùa khác thoái hưu khách cư tại bản tự (Tây đường) tạm thời lui ra sau một khoảng tọa vị để nhường

cho khách). Thị giả đốt hương, dâng thang thủy rồi đưa chuyên sứ về phòng khách nghỉ ngơi. Kế đó, trụ trì trước hết đến phòng khách vái chào vãn an chuyên sứ. Kế đó, thị giả cùng lưỡng tự cũng đến phòng khách vái chào vãn an chuyên sứ. Tri khách đưa chuyên sứ đi khắp vòng các liêu, trước là khố ty, kế liêu đầu thủ, rồi đến đơn liêu, tứ liêu môn đường, tức khắp bốn liêu cả thảy. Thị giả bắm mời chuyên sứ đến dùng thang thủy đặc biệt riêng đãi chuyên sứ, dùng xong thang thủy lại mời dùng cơm tối. Trong buổi tối còn đặc biệt dùng thêm một lần thang thủy và trái cây. Nếu như đây là di thư của chùa to lớn danh tiếng đưa đến thì lưỡng tự phải quang lâm bầu bạn, nếu chùa thứ hạng đến đưa thư thì do thị giả của lưỡng tự của thượng thủ, của duy-na quang lâm bầu bạn. Trụ trì bảo thư ký soạn thảo tế văn chung cho chùa, còn văn tế phòng phương trượng, thì có khi do trụ trì tự soạn lấy. Các cao tăng ẩn cư tại chùa, các huynh đệ đồng môn của trụ trì, các nhân viên phụ trách các công việc đều phải chuẩn bị nhang để trí tế. Mọi việc liên quan đến nghi thức trí tế đều được thị giả tận lực giúp đỡ.

Qua sáng ngày hôm sau, phương trượng mời chuyên sứ dùng trà. Mé Tây (phải) pháp đường bày trí bàn cúng linh đặt tế vật lên đó. Thị giả phải đem chuyện thượng đường bắm báo với trụ trì, hành giả treo bài hiệu “Thượng đường” để thông báo cho đại chúng. Dưới pháp tòa đặt bàn có phủ nắp trịnh trọng để di thư và di vật lên đó, bên trái pháp tòa đặt bày tọa vị của trụ trì, xong đầu đầy giống trống tập họp chúng. Trụ trì đến dưới pháp tòa, đứng trước tọa vị của mình. Tiếng trống vừa dứt là thấp hương thị ý, tri khách hướng dẫn chuyên sứ đến trước trụ trì hành lễ, thấp hương. Sau khi trải tọa cụ xuống nền lạy ba lạy lần đầu, chuyên sứ nói: “Vì chuyện đệ trình di thư mà làm nhọc phiền đến tôn từ, trong lòng không khỏi hết sức run sợ”, trải tọa cụ xuống nền giập đầu lạy ba lạy lần thứ hai nói: “Hôm nay khí trời thật chính hợp tiết khí, cầu chúc Hòa thượng đường đầu sinh hoạt như ý, nhiều phước nhiều thọ”. Giập tọa cụ xuống nền lạy ba lạy trình di thư. Trụ trì đón lấy di thư, hơi khói tHôm (xông khói tHôm) trên lư hương giây lâu đoạn đưa cho thị giả đệ trình cho duy-na tuyên đọc. Chuyên sứ hướng về trụ trì vái chào vãn an xong lui về đứng phía sau ban tri khách. Lúc bấy giờ, trụ trì cử hành nghi thức thăng pháp tòa. Xong xuống tòa đến trước bàn cúng linh đốt hương, bày thang thủy lên mà tế, kế rót trà, trải tọa cụ xuống nền giập đầu lạy ba lạy trí lễ. Chuyên sứ đứng bên phải pháp tòa lạy trả đáp lễ, duy-na bước khỏi hàng thỉnh mời trụ trì thấp nhang, thị giả bưng hộp nhang. Sau khi hai tự dâng hương xong, thì trụ trì và hai tự cùng trải tọa cụ xuống nền giập đầu lạy ba lạy. Duy-na tuyên đọc văn tế. Trụ trì lại trải tọa cụ xuống nền giập đầu lạy ba lạy,

chuyên sứ lạy trả đáp lễ. Đại chúng tụng niệm chú Lăng Nghiêm, hồi hướng công đức cho cố trụ trì như sau: “Công đức tụng niệm chú Lăng Nghiêm vừa rồi là nhằm hồi hướng cho cố Hòa thượng nơi chùa mỗ tăng thêm phẩm vị. Chư Phật ở mười phương trong ba đời hộ niệm cho cố trụ trì v.v...”. Hai tự, bốn liêu, các cao tăng ấn dật tại chùa, các tăng lo liệu công việc và người thân cùng quê với trụ trì đều trí tế, chuyên sứ mỗi mỗi lạy trả đáp lễ. Kế đến, đồng môn huynh đệ, tiểu sư đệ tử của trụ trì và các người khác trí tế thì chuyên sứ không lạy trả đáp lễ. Sau khi trí tế xong, mọi người vì cố trụ trì tụng niệm chú Đại bi hồi hướng như trước. Chuyên sứ đến trước bàn cúng linh, trải tọa cụ xuống nền giập đầu lạy ba lạy hai lần để cảm tạ trụ trì. Nếu trụ trì miễn lễ thì giập tọa cụ xuống nền biểu thị trí ý thay cho lễ bái, kế đó đi khắp các liêu để trí tạ đại chúng. Sau đó, nhà chùa khoản đãi chuyên sứ, mời chấp sự tăng hai tự quang lâm bầu bạn.

Nếu như cố trụ trì nguyên khi xưa từng làm trụ trì của chùa này thì cùng lúc phải đưa bài vị vào Tổ đường. Sau khi tụng niệm xong, bèn cung nghinh bài vị đưa vào Tổ đường. Trụ trì thấp nhang đặt bài vị xong liền nói một đoạn pháp ngữ ngắn gọn. Sau khi đặt bài vị xong đâu đó, chuyên sứ liền bái tạ trụ trì ngay. Còn như cố trụ trì kiêm nhiệm luôn đương kim trụ trì của chùa này thì nghi thức đưa linh cốt vào Tổ đường là trước hết đưa linh cốt vào tấm đường tụng kinh ba ngày, sau đó phải chờ cho tới khi nào tân trụ trì đảo nhiệm mới đưa linh cốt vào Tổ đường. Còn như cố trụ trì nguyên trước kia từng làm trụ trì ở chùa này nhưng khi lâm chung không có để lại di thư – di vật cho đương kim trụ trì thì đồ đệ của ngài sẽ tự cử hành nghi thức an bài di cốt vào Tổ đường, cách thức như sau: Đầu tiên vừa mới đến chùa phải ra mắt thị giả nhờ dẫn ra mắt trụ trì, thấp hương trải tọa cụ xuống nền giập đầu lạy ba lạy. Khi gặp mặt trụ trì phải thấp hương, được mời uống trà xong, đứng dậy bảm bạch rõ lai ý, xong nhà chùa đưa về phòng khách nghỉ ngơi. Tiếp đó đến đầu thủ, khó ty, đơn liêu, môn đường bốn nơi chào thăm ra mắt, chọn ngày, chuẩn bị đồ cúng tế và vật ban phát bố thí, đến pháp đường trí tế linh, tụng niệm kinh, sau đó mới đưa bài vị vào Tổ đường. Trụ trì tuyên pháp ngữ ngắn gọn, nghi thức cùng với nghinh bài vị đưa vào Tổ đường nêu trên giống nhau.

## **CHIÊU ĐÃI NGƯỜI CHỦ TANG VÀ CÁC NHÂN VIÊN BAN LO LIỆU ĐÁM TANG**

(Sau khi xong việc ma chay), nhà chùa phải chuẩn bị quà cáp – tài vật cúng dường người chủ tang lễ và các nhân viên ban lo liệu đám tang. Tài vật cúng dường cao quý

hay tầm thường, nhiều ít tùy theo chức vụ cao hay thấp, nhưng mỗi mỗi phải đúng theo nghi tiết. (Trong lúc đãi thang thủy và trà) phải mời hai tự và cần cự quang lâm bầu bạn. Thủ tọa là người nắm giữ công việc trọng yếu trong chùa nên ở vị trí chủ tọa, ngồi ở tòa phương trượng, còn các tăng chúng thì coi theo bảng niêm yết chỗ ngồi mà ngồi. Đô giám tự hành lễ (cảm tạ đại chúng lao nhọc bao ngày), lễ tiết và nghi thức cử hành giống như tình huống cử hành lễ thông thường. Sau buổi dự uống trà, thỉnh chuông tập hợp chúng ra đứng sắp hàng ở cửa cổng chánh của chùa để tiễn đưa người chủ tang rời chùa ra về.

\* \* \*

## LỜI BÀN

Sanh và tử là hai vấn đề căn bản mà Phật giáo nghĩ cần giải quyết. Phật giáo cho rằng: “Sanh tử là việc lớn, vô thường đến chóng vánh. Mặc cho ai nghĩ đến việc siêu thoát trần duyên, liễu thoát sanh tử, rốt cuộc đều không tránh khỏi cái chết sống sộc đến và cũng không thể bỏ qua việc an bài hậu sự”. Tiết này miêu tả việc an bài hậu sự cho cố trụ trì, tập trung phản ánh cái nhìn của Phật giáo từng lâm về hậu thân, đồng thời cũng phản ánh quan niệm truyền thống về linh hồn của Trung Quốc, và ảnh hưởng to lớn của chế độ gia tộc đối với Phật giáo.

Đặc điểm quan niệm thân hậu của Phật giáo là con người sau khi chết có sáu nẻo đi về, cho nên cần tiếp đỡ cho linh hồn người chết trong 49 ngày đầu tiên được chuyển sanh nẻo lành, nếu không linh hồn người chết sẽ sa vào địa ngục hay ngạ quỷ là các nẻo cực kỳ thảm khốc thật đáng sợ. Quan niệm truyền thống của Trung Quốc về linh hồn có đặc điểm là cho rằng linh hồn người chết có thể vừa giúp cho con cháu cho nên phải theo các định kỳ mà dâng cúng thức ăn khiến cho cô hồn trở nên không bơ vơ lạc lõng không nơi nương tựa, khiến cho linh hồn đó được no đủ mà có thể phát huy sức lực mà giúp con cháu.

Trong việc an bài hậu sự của cố trụ trì có các nghi thức cử hành Phật sự và tế điện kết hợp lại tổ chức cùng một lúc. Thật ra đây là sự kết hợp thân hậu quán của Phật giáo và thân hậu quán của tập tục Trung Quốc, đồng thời trong nghi thức cử hành Phật sự có đọc câu: “Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi A-di-đà Phật”. Chúng tỏ có sự kết hợp nhuần nhuyễn mật thiết giữa Thiên tông và Tịnh độ tông của Phật giáo đời Nguyên. Ảnh hưởng của chế độ gia tộc ở Trung Quốc cổ đại

thể hiện trong nghi thức tổ chức hậu sự cho cố trụ trì ở điểm nêu bật địa vị và tác dụng của các hoạt động của đệ tử, pháp quyến, đồ tôn của cố trụ trì trong xử lý hậu sự qua việc phải xét xem người có pháp duyên với trụ trì gần hay xa mà an bài phân phát kiểu loại đồ tang nặng nhẹ khác nhau. Trong quá trình hành tang sự hoạt động của đệ tử tự pháp, pháp quyến, đồ tôn của trụ trì cũng phảng phất như con cháu anh em của người thế tục qua đời, mà rõ nét nhất là đồ tang trang trọng nhất dành cho tự pháp đệ tử và sau đó là tùy theo mức độ pháp duyên với trụ trì gần gũi hay xa cách mà an bài đồ tang. Điểm này nói lên Thiên tông Trung Quốc đã dung hợp chế độ luân lý thế tục mà tổ chức thành một hệ thống pháp duyên cũng khá chặt chẽ, sau đó lại xét tới yếu tố thân sơ, quý tiện các giai tầng mà hình thành chế độ lễ pháp thích đáng, với đầy đủ chương pháp, qui tắc của nghi thức từng lâm.

Trong nội dung của tiết này, chuyện coi trọng việc phân phát các tài sản để lại của cố trụ trì cũng là một ấn tượng hết sức sâu sắc. Khi bệnh nặng biết không qua khỏi thì trụ trì đã nhờ hai tự kiểm điểm rồi niêm phong tài sản cá nhân mà mình để lại. Trong di chúc cũng phải ghi rõ ý kiến của mình đối với việc phân phát tài vật để lại, tang lễ có cần tổ chức long trọng hay không cũng còn tùy ở mức độ các tài vật lưu lại. Cuối cùng còn có một hạng mục rất độc đáo là rao bán đấu giá y bát của cố trụ trì lưu lại sau khi tổ chức xong đám ma chay. Việc này cho thấy tư hữu của cá nhân đã chiếm một địa vị quan trọng thế nào trong sinh hoạt từng lâm. Theo lý thuyết, luật Phật cấm tăng nhân súc tích tiền của, bạc vàng, đề xướng phong cách một y một bát khắc khổ tu hành. Tuy nhiên, tùy theo sự phát triển kinh tế của tự viện mà ngay Phật giáo trong thời kỳ còn ở riêng Ấn Độ thì luật cấm truyền thống này cũng không thể có tác dụng mạnh mẽ cho nên vẫn có chuyện tăng nhân tích góp tài sản trong quan niệm hay thể hiện ra hành vi. Vấn đề này đưa đến các văn sĩ trong và ngoài giáo hội luôn luôn hết sức quan tâm.

Xử lý vấn đề này thế nào cho tốt đây, hiện nay vẫn là một chuyện trọng đại đan xen trong quản lý truyền thống của tăng đoàn cùng sự phát triển thích nghi thời đại của Phật giáo.

## **HIỆP THƯƠNG SUY CỬ TÂN TRỤ TRÌ**

Hai tự và cần cưu tự tại khô ty, uống trà rồi cùng thương nghị việc lớn suy cử và đón mời tân trụ trì thay thế cố trụ trì. Đồng thời cũng mời các cao tăng đang ẩn cư tại chùa, các bậc danh đức và toàn thể đại chúng (phát biểu ý kiến) cùng nhau đồng

đề cử tân trụ trì. Được đề cử suy chức trụ trì phải là người có quan điểm rành mạch của bốn tông, đức cao vọng trọng, có tuổi lập cao, tác phong cử chỉ liêm khiết, uy vọng đủ để đáp ứng kỳ vọng của đại chúng. Lại phải được cao tăng của các chùa bạn nể vì ủng hộ. (Sau khi lựa chọn đề cử được người có đủ điều kiện như vừa nêu trên) mới viết thành văn trạng (văn thư) kiểm điểm tên tuổi, rồi gửi lên cơ quan chủ quản tự viện để thỉnh mời bảo cử.

Nếu như tuyển chọn được trụ trì tốt, Phật pháp và đạo đức được mọi người tôn trọng thì danh tiếng nhà chùa nhân đó tăng phần rạng rỡ. Các bậc cần cù và tri sự (phải hết sức công tâm), không vì người thân đồng hương hay huynh đệ đồng môn của mình mà về hòa chọn bừa, không đưa người tài đức ra mà chỉ chạy theo của dút lót dẫn đến chuyện lập bè kết cánh, vì bã riêng tư mà sanh ra tranh đoạt lẫn nhau, khiến thanh danh vị thế của ngôi tự viện cũng theo đó mà suy đồi. Cho nên đối với việc suy cử này, mọi người phải hết sức cẩn thận, muôn ngàn lần cẩn thận đấy!

Đại sư Minh Giáo nói: “Giáo pháp là trụ trì. Tại sao thế? Bởi vì trụ trì là nương người mà giữ pháp, khiến cho Phật pháp mãi trụ vững chứ không bị sụp đổ, tan hoại. Nay, giới, định, tuệ là công cụ trì pháp (giữ pháp); còn tăng chúng, ruộng vườn, các vật dụng là tư tài để trì pháp. Pháp ấy là đạo của bậc đại Thánh (Phật). Tư tài và khí cụ đợi người xứng đáng để sử dụng tốt công cụ ấy, không sử dụng tốt tư tài là không được đâu! Chỉ sử dụng tốt tư tài mà không sử dụng tốt công cụ thì cũng không thể được, nếu sử dụng tốt cả hai thì có thể trì (giữ) để trụ dài lâu vậy. Khi xưa chức trụ trì ở Linh sơn do đại Ca-diếp nắm giữ trọn, trụ trì Trúc Lâm lấy ngay thân mình để chủ động mọi thứ, cho nên giáo pháp của Thánh nhân (Phật) mới thịnh hành. Giáo pháp của Thánh nhân (Phật) còn mãi. Thánh nhân vắng bóng trong đời đã lâu, chúng ta kiêu hãnh nên dùng từ trụ trì mà đặt tên cho vậy. Tìm kiếm thế lực và lợi lộc nơi chức trụ trì thiên hạ tranh nhau giẫm đạp lên, tựa hồ thành phong thành tục. Thánh nhân (Phật) không xuất hiện ra nữa, vậy ai là người chỉnh đốn việc đó? Người ngoại hộ không nhìn xét, không chọn lựa mà muốn phong hóa bậc Thánh nhân của chúng ta không suy, trái lại giáo pháp của Thánh nhân ngày một xương thịnh, là điều không thể được vậy. Ô i, buồn đau thay! Ta trông cậy vào đâu đây?”

**Chương Trụ trì hết.**

**Sắc tu Bách Trượng thanh qui quyển 3 hết**

\* \* \*

## LỜI BÀN

Trong Thiên lâm, việc dám đem chuyện trọng đại là suy cử tân trụ trì giao cho các tăng chúng ở tăng thứ hiệp thương quyết định, đúng là một biểu hiện nét dân chủ truyền thống của Phật giáo. Truyền thống dân chủ này, nguyên đã có rất sớm ở Ấn Độ theo truyền thống chế độ dân chủ của Phật giáo, đồng thời được dung hiệp với mỹ đức tôn trọng người lớn tuổi và người trí tuệ giỏi giang của xã hội Trung Quốc, chủ yếu được phản ánh ở việc các cao tăng sau khi thoả nhiệm vụ tại chính chùa nhà hay chùa bạn thì trong các quyết sách quan trọng của chùa họ đều có tham gia đóng góp rất tích cực, tạo được tác dụng lớn. Mà ngay cả các tăng chúng phổ thông giản đơn cũng có một phần nào đó quyền tỏ lời, thậm chí các thí chủ có sự quan hệ mật thiết với nhà chùa cũng có tiếng nói quan trọng trong các quyết định về các sự việc trọng đại của chùa. Căn cứ vào điểm này mà nói, điều nhấn mạnh tinh thần bình đẳng của tự chúng của thiền sư Hoài Hải khi soạn Bách Trượng thanh qui đã được đời sau kế thừa mạnh mẽ.

Tuy nhiên, tinh thần bình đẳng này đã bị cắt tĩa suy yếu đi, truyền thống dân chủ cũng bị phá hoại, điều này đã được nguyên văn nói rõ là: “Hiện nhiệm vụ thoả nhiệm chấp sự tăng không nên lập bè kết đảng chạy theo tư quyền, đặc lợi. Ở Phật giáo giới hiện tại cũng không thiếu chi tình huống tinh thần dân chủ truyền thống suy cử trụ trì đã bị phá hoại, thậm chí phớt lờ. Có biết bao tự viện từng lâm trong mười phương đã biến thành miếu nhà của con cháu trong mười phương”, biểu thị tinh thần và chế độ dân chủ chốn từng lâm đã bị phá hoại hầu như sạch nhẵn, quyền quản lý tự viện hoàn toàn rơi vào tay của một gia đình cạo đầu. Gia đình cạo đầu do một vị pháp sư cạo đầu và các đệ tử cạo đầu do pháp sư đó thế độ cùng nhau tạo thành một pháp duyên gia tộc cai trị nhà chùa theo chế độ cha pháp truyền con pháp nối mãi mãi, chứ chẳng cho ai chen vào, bởi tất cả chức trưởng trong chùa đều do gia đình cạo đầu nắm giữ, chức trụ trì cũng do gia đình cạo đầu thay nhau đời này sang đời khác nắm giữ, từng lâm mười phương đã lộn xác và biến thành miếu tử tôn cạo đầu, hoặc chí ít thì cũng trên danh nghĩa bề ngoài là chùa từng lâm, nhưng thực tế thì chỉ là miếu con cháu cạo đầu.

Muốn bảo trì từng lâm hưng thịnh lâu dài thì phải kiên trì giữ gìn tính chất thập phương (của chung) của từng lâm, cụ thể là phải kiên trì và hoàn thiện chế độ suy cử



dân chủ tôn trọng. Bàn bạc suy cử tôn trọng quan trọng đến như thế, chúng ta không nên chấp tay sau lưng đứng đưng đứng nhìn!

[ĐẦU TRANG](#) [Q1](#) [Q2](#) [Q3](#) [Q4](#) [Q5](#) [Q6](#) [Q7](#) [Q8](#) [CHÚ THÍCH](#)

## **SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUI**

**TRỤ TRÌ CHÙA THIÊN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH LÀ TĂNG BÈ TÔ I ĐỨC HUY PHỤNG  
SẮC CHỈ BIÊN SOẠN LẠI TRỤ TRÌ, CHÙA ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP KHÁNH LÀ  
TĂNG BÈ TÔ I ĐẠI HÂN PHỤNG SẮC CHỈ HIỆU CHÍNH**

**Viết Dịch: HT.Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng**

### **QUYỂN 4**

#### **CHƯƠNG 6 – LƯƠNG TỰ**

Mục đích thiết lập chấp sự tăng hai tự là để lo công việc cho tăng chúng, nhân đó giữ gìn uôn nắn kỷ cương, hoằng dương Phật pháp, thành sự phò trì trọng yếu đại kế khuếch trương tông phái. Đến như quản lý tiền tài, lương thực vải vóc là các chuyện thứ yếu hằng ngày, cả chuyện nắm bắt các qui định về đạo cũng như đời, không chuyện nào là không xử lý can thiệp. Sau đó mới ở cương vị cao trong chùa làm thầy mọi người, lãnh đạo tăng chúng, đạt đến trình độ tu dưỡng đạo đức cao thượng, tự thành toàn cho chính mình mà cũng thành toàn cho người. Người xưa rất rành rẽ nguyên lý này, cho nên hai ban Đông Tây tự có thể trao đổi thay thế chức vụ cho nhau, mà không tự hiềm chi tư cách và địa vị cao thấp. Ngày nay thì phân chia hẳn hoi hai ban (đi ngược lại tinh thần của qui định xưa) là không đúng vậy. Thậm chí còn lập bè kết cánh tranh đấu nhau, lấy mạnh hiếp đáp yếu, đưa đến tình trạng xung khắc như nước với lửa, chẳng dung thứ nhau. Mong rằng chính Hòa thượng trụ trì phải đích thân mình tổ huấn, nghiêm khắc ngăn cấm, đề phòng. Nếu muốn không xảy ra chuyện tranh giành đấu đá thì trụ trì phải hết sức thận trọng việc chọn lựa chấp sự tăng hai ban khiến cho ai ai cũng lo tròn chức vụ, người ngoài không có chỗ lờ ra tiếng vào mới gọi rằng tốt!

\* \* \*

**LỜI BÀN**



Đây là bài tựa nhỏ coi như dẫn ngôn của chương thứ sáu, miêu thuật đại khái mục đích của sự thành lập chức sự tăng hai ban trong chốn Thiền lâm, công việc chấp chương của các chấp sự tăng và trạng huống lý tưởng các chấp sự tăng làm tròn bổn phận của mình.

Tác giả so sánh sự hòa bài hai ban chấp sự khi xưa và chuyện minh tranh, ám đầu của hai ban ngày nay, tạo nên thế đôi lập gay gắt như nước với lửa, đưa đến nguyện vọng là chính trụ trì phải hết sức dạy dỗ hai ban, ngăn chặn chuyện đấu đá cùng sự thận trọng hết mực trong công tác tuyển chọn nhân sự của hai ban mới giải quyết được vấn đề. Ý kiến này rất có giá trị mà Phật giáo đoàn và tự viện ngày nay phải hết sức quan tâm.

### **LIÊN QUAN ĐẾN TẢ Y BAN ĐẦU THỦ : THỦ TỌA TIỀN ĐƯỜNG**

(Chức trách của thủ tọa tiền đường là) làm gương mẫu của Thiền lâm, là mặt mày của đại chúng (nhân thiên nhãn mục), thay trụ trì thuyết pháp, khai phát kẻ hậu học. Trong buổi tọa Thiền, đôn đốc kiểm soát đồ chúng tuân thủ nghiêm ngặt qui chương. Ngay cả chuyện nhỏ nấu cơm, nấu cháo ngon hay dở cũng phải đôn đốc giám sát các chấp sự tăng lo tròn chức vụ, nếu có tăng nhân nào vi phạm nghi qui thì phải theo luật lệ mà trách phạt tội hình. Đối với tăng chúng già yếu bệnh tật thì an ủi hỏi han điều trị, còn nếu qua đời thì phải lo đám tang cho chu đáo. Nói tóm lại, bất cứ sự tình lớn bé gì của tăng chúng trong chùa, thủ tọa tiền đường đều phải quản lý dạy dỗ, như áo có cổ áo, lưới có giềng lưới, (tức địa vị sùng cao mà trọng yếu). Nhân đó mà dù cho là bậc tôn túc của chùa to lớn danh tiếng, mà nếu trụ trì bằng cách nào đó có thể lấy lễ mời thỉnh họ rời chùa đang ở đến chùa mình giữ chức thủ tọa tiền đường, điều đó gọi là “thoái vị vi nhân”. Như Bồ-tát Văn Thù là hóa thân của trí tuệ làm thầy của bảy Phật là (Phật Tì-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm, Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca mâu-ni), vậy mà còn đầu sanh sung chức thủ tọa tiền đường, tiếp đỡ đức Thế Tôn Thích-ca mâu-ni hoằng dương Phật hóa. Hay như thiền sư trú danh của thiền tông là Mục Châu Đạo Minh khi xưa từng làm thủ tọa trong chùa của pháp sư Hoàng Bá Hi Vận, hay như thiền sư Vân Môn Văn Yển từng làm thủ tọa trong viện Linh Thọ của thiền sư Nhữ Nguyên Như Mẫn, đã làm rạng rỡ sự nghiệp của các tổ đời trước, và nêu gương sáng cho đời sau. Cương vị thủ tọa thật là quan trọng như thế, há có thể hời hợt giao nhiệm vụ sao?

Tổ đình Sự Uyển viết: “Thủ tọa tức là thượng tọa thời xưa, tiếng Phạn là “thế-na” chính có nghĩa là thượng tọa. (Chức này) thứ nhất phải là người tuổi cao, thứ nhì phải là quý tộc, thứ ba là người thọ giới trước hơn hết, lại phải chứng đạo quả. Ngày nay chốn Thiền môn gọi là thủ tọa, chọn lựa nơi người tự mình lo liệu công việc, được đại chúng phục tùng đức nghiệp, và có công hạnh tu hành mà trao chức cho”.

### **THỦ TỌA HẬU ĐƯỜNG**

(Vị trí của thủ tọa hậu đường là) ở tại bên hông trái của xuất nhập bản của tăng đường, hiệp trợ duy trì môn phong của nhà chùa, và lấy phong cách gương mẫu trang nghiêm của mình để làm khuôn phép cho đại chúng. Bởi do (chùa to) tăng chúng quá đông nên mới phân ra chức thủ tọa tiền đường và hậu đường. Mỗi ngày hai buổi sớm trưa, tăng chúng vào tăng đường ăn cháo sáng, cơm trưa hay vào tăng đường ngồi Thiền thì thủ tọa hậu đường đều do cửa sau tăng đường mà vào ra. Nếu như chức thủ tọa tiền đường đang khiếm khuyết, trụ trì đợi đến ngày thượng đường cáo bạch đại chúng, đem thủ tọa hậu đường chuyển lên thủ tọa tiền đường và đem tên ghi trên bảng danh sách tăng chúng dời từ hậu đường sang tiền đường, cùng thay đổi thứ tự khi dùng cơm phải cử hành nghi thức niệm chú chúc nguyện. Mỗi khi gặp lúc tọa Thiền, tọa tham, thủ tọa hậu đường đợi các liêu đánh xong tiếng bản thứ ba thì vào tăng đường, không cần phải đánh bản trước liêu thủ tọa. Ngoài ra các công việc làm khác thì cũng y như thủ tọa tiền đường.

### **THƯ KÝ**

Chức thư ký này trong Cổ thanh qui gọi là thư trạng, chức vụ là lo quản lý tất cả các loại văn thư. Phàm các bảng niêm yết thông báo, sớ, thư từ qua lại với các nơi và văn cáo lúc cầu cúng của các chùa đều do thư ký phụ trách. Nguyên do là vì hồi xưa các đại lão thiền sư danh tiếng đều phụng mạng Hoàng đế vời gọi và các chùa to lớn nổi tiếng mỗi khi tiếp đón sắc chỉ vua ban cho chức trụ trì, thì tân nhiệm mang trụ trì phải cụp bìa dâng biểu tạ Thánh ơn. Gặp khi trụ trì bổn tự viên tịch thì cũng phải dâng di biểu, ngoài ra khi thọ nhận triều đình ban thưởng hoặc hỏi han điều gì đều phải soạn biểu dâng lên để tạ ơn hay phúc đáp điều vua hỏi, mà phần trụ trì thì chỉ chủ tâm nắm lấy đại pháp (Phật pháp), cho nên không có khả năng xử lý công tác văn tự, cũng như nơi mặc phủ của vị nguyên hung đại soái phải thiết lập chức danh ký thất tham quân vậy, còn trong Thiền lâm thì riêng mời thư ký phụ trách công tác văn thư. Ngoài ra còn riêng đặt chức cất giữ thư trạng, là một trong các thị giả của

thất phương trượng, chuyên bảo quản thư từ riêng của trụ trì qua lại với các nơi nên cũng còn gọi chức này là nội ký, mà thư ký trứ danh nhất trong lịch sử nhà thiền, trước hết phải suy tôn thiền sư Tuệ Nam ở núi Hoàng Long đời Tống, kế đến cũng phải kể ở đời Tống, thiền sư ngũ tổ Pháp Diễn ở Đông Sơn Kỳ Châu bảo môn đồ là thiền sư Phật Nhãn Thanh Viễn giữ chức này. Thiền sư Pháp Diễn cử Thanh Viễn giữ chức thư ký, mục đích là nhân đó khích lệ sư trong khi tu tập Phật pháp lại thông thạo điển tịch ngoài đời hầu hỗ trợ sư vượt qua sóng to, mòi lớn của biển pháp. Trước kia, thiền sư Đại Huệ Tông Cảo cũng từng đảm nhiệm chức thư ký này. Như nay đây, người đảm nhiệm chức vụ thư ký này nên lấy ba vị đại lão tiền bối Tuệ Nam – Phật Nhãn và Đại Huệ làm mẫu mực là tốt nhất.

### **NGƯỜI COI KHO SÁCH CHÙA**

Là người phụ trách cất giữ toàn bộ kinh điển của tự viện, cả việc phải thông thạo lý luận Phật giáo (nghĩa học). Phàm tăng nhân muốn xem kinh, vừa vào kinh đường (tức kinh tàng), trước hết bấm bạch đường chủ để cùng đến tạng ty (liêu tạng chủ) bái kiến tạng chủ, rồi mới đưa lên chỗ xem kinh, cùng nhau giập tọa cụ xuống nền lạy một lạy để trí ý. Những chi tiết vừa nêu trên là theo qui định thời xưa.

Như nay các tăng nhân xem kinh điển phần đông đều tại liêu xá của mình, chứ tại điện Kinh tạng (kinh đường) không có bày biện bàn ghế (cung ứng việc xem kinh). Tuy nhiên một khi đã nhận danh vị tri tạng rồi thì phải làm tròn chức vụ quản lý kinh điển cho tốt, tức phải thường xuyên căn cứ vào mục lục mà đối chiếu kiểm điểm sách kinh.

Nếu có thiếu khuyết phải bổ sung lại cho đầy đủ, nếu có quyển nào bị mốc meo ẩm ướt thì phải lau chùi phơi sấy cho khô lại. Nếu quyển nào bị sút sỏ, rách rã thì phải khâu dán lại cho lành lặn. Khi tăng chúng có nhu cầu xem kinh thì tạng chủ chuẩn bị 1 cuốn sổ, căn cứ vào bảng danh sách các kinh điển liệt kê tại đường ty, ghi tên người mượn rồi lấy từng cuốn theo danh sách ghi trao cho tăng cần mượn đọc. Sau khi tăng mượn đọc xem xong, chiếu theo tên tuổi ghi trong sổ nhắc nhở giao trả lại để thu vào kho sách, nhằm tránh chuyện sách kinh bị lạc mất. Nghiên cứu đặc điểm của Thiên tông chúng ta nếu đã nói riêng truyền ngoài giáo điển, không lập chữ nghĩa sách vở, mà còn lập ra chức tri tạng quản lý kinh điển thì thế là thế nào? Lời lẽ và hành vi của đức Phật là giáo luật (Kinh giáo và Phật luật) cho nên phạm làm tăng nhân, thì không thể nói chẳng cần tuân thủ ngôn hạnh của Phật được. Nhưng cái mà

Thiền tăng chúng ta cần đạt đến qua sách vở là sở chứng, sở đắc Phật lý, chứ không phải chìm đắm mê muội vào chữ nghĩa lời lẽ nơi kinh điển (đến nỗi bị chúng trời buộc) mà là vượt qua điều ngôn hạnh biểu đạt để hiển thị sâu xa bản tánh áo diệu hằng thường bất biến nơi chính mình (tự tánh). Hơn nữa, ý đồ của chư Tổ Thiền tông là muốn đồ đệ chúng ta tham cứu tìm tòi kinh điển của các tông các phái khác trong Phật giáo cùng với học thuyết của bá gia chư tử ngoài đời hầu mở rộng kiến thức học vấn để chống đỡ sự công kích của các giáo phái khác trong đạo Phật và các học thuyết khác ngoài đời đối với Thiền tông, đạt đến trình độ ứng biến vô cùng. Đó tức như lời tục gọi là “không tức không rời bỏ vậy”.

Về sau do Thiền tông phát triển rộng lớn, chốn Thiền lâm tăng chúng quá đông, mà điển tịch cũng tăng quá nhiều nên phải phân chia kinh tạng ra làm hai bộ phận Đông Tây dẫn đến chức tri tạng cũng chia ra làm Đông tạng và Tây tạng hai loại.

### **NGƯỜI TIẾP KHÁCH**

Chức trách là tiếp đãi tân khách. Phạm có quan viên, thí chủ, các bậc tiền bối chốn Thiền lâm hay các nhân sĩ nổi tiếng các nơi đến viếng chùa thì tri khách phải cụ bị nhang, trà nghinh đón tiếp đãi, rồi bảo hành giả thông báo với phương trượng, sau đó hướng dẫn khách đến thất phương trượng tương kiến trụ trì, đoạn phải lo chỗ an nghỉ cho khách. Như khách bình thường là thứ dân (thấp hơn các vị nêu trên một bậc) thì chỉ tiếp đãi đại để tại liêu tri khách, thỉnh thoảng hoặc các vị khách loại này muốn đến thất phương trượng, khó ty hay các liêu của đại chúng để thăm hỏi thì tri khách cũng phải bảo hành giả hướng dẫn khách đến các nơi đó. Mỗi sáng tri khách phải đến khách đường kiểm tra giường nằm, màn trướng, các vật dụng, dầu đèn, than củi, mọi thứ nhất định phải đầy đủ chỉnh tề. Đối với các du tăng hành giả mới đến nương nấu tại chùa mình thì lại càng phải gia tâm ôn tồn an ủi hỏi han. Nếu gặp lúc duy-na đang kỳ nghỉ phép thì phải thay thế duy-na trông coi các công việc của ông ta, phải thường xuyên đến tăng đường kiểm tra đốc thúc hành giả phải tăng thêm phần cơm cháo cho khách tăng mới đến. Gặp lúc có tăng nhân qua đời thì phải cùng hành giả quản lý việc che rạp tang, nếu khách tăng mới đến qua đời thì tri khách phải chủ trì biện lý việc ma chay cho người ta.

Thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiên khi ở tại hội của thiền sư Đại Dương Tuệ Kiên cũng như thiền sư Thiền Nguyệt Quán Huru lúc ở tại hội của Thiền sư Thạch Sương Khánh

Chư đều đã từng giữ chức tri khách này (và đều danh lưu thiên cổ). Do vậy há chúng ta có thể hời hợt coi thường tính cách quan trọng của chức tri khách sao!

## NGƯỜI LO VIỆC TẮM RỬA TRONG CHÙA

Phàm gặp lúc tổ chức việc tắm rửa, trước giờ độ trai tri dục phải treo bảng Khai dục. Tháng lạnh thì cứ năm ngày tắm một lần, còn tháng nóng thì mỗi ngày đều vả mồ hôi phải tắm rửa một lần.

Tri dục phụ trách dọn bày phòng tắm, treo khăn tay, chuẩn bị bồn rửa mặt, vải chùi giày, chùi chân. Tham đầu sai hành giả trực ban tại phòng tắm. Sau khi ăn cơm chay xong, dục đầu sau khi bấm báo với duy-na, thủ tọa và trụ trì bèn đánh ba tiếng trống (trước hết cử hành nghi thức tắm tượng Thánh tăng), trong thùng cây có chứa ít nước nóng, sau đó đốt hương, lễ bái, ngưng thần tượng tượng như đang mời Thánh tăng tắm rửa. Kế đến tuần tra các hành lang, đánh ba tiếng vôn bản rồi lại gióng trống ba hồi. Xong hồi trống thông báo thứ nhất, tăng chúng vào phòng tắm rửa. Cuối hồi trống thứ hai, đầu thủ vào phòng tắm. Cuối hồi trống thứ ba, hành giả vào phòng tắm. Đến lúc ấy, trụ trì mới vào phòng tắm, dùng tấm bình phong che kín lại mà tắm riêng mình. Cuối hồi trống thứ tư thì các công nhân, phu dịch trong chùa mới vào tắm. Hành giả kiểm tra thôi thúc việc tắm rửa cùng với tăng chấp sự vào tắm sau chót, một mặt kiểm soát quở trách những kẻ vi phạm phép tắc, kỷ cương, một mặt kiểm tra công tác đun lửa, bảo các công dịch coi việc đốt lửa, hãy tắt lửa trong bếp lò và tro than đúng lúc, dùng nước rưới vào lửa than cho tắt ngúm, củi đốt còn dư phải khuân vác dời đi chỗ xa.

Thứ tự mỗi cấp bậc người vào tắm phải được niêm yết bên ngoài phòng tắm (ngày nay có người cho rằng trụ trì bước theo sau đầu thủ mà vào phòng tắm, tri sự bước theo sau hành giả vào phòng tắm là đều không đúng, bởi thỉnh thoảng trụ trì có nguyên nhân gì đặc biệt mà muốn cùng đầu thủ vào tắm trước một lượt thì không cần phải bày biện bình phong che lại, cũng không vào nơi phòng nhỏ, mà chỉ tại bản đầu của đầu thủ cởi quần áo, rồi cùng vào phòng tắm là xong). Trong phòng tắm treo một tấm bản nhỏ bên cạnh đóng một tấm bài hiệu nhỏ viết: “Đánh bản một tiếng, thêm nước nóng. Đánh bản tiếng thứ hai, thêm nước lạnh. Đánh bản lần thứ ba là coi như việc tắm rửa kết thúc, xin theo trình tự này mà biện sự”.

Nếu như thí chủ phát tâm kiến tạo nhà tắm, thì khi tụng kinh nên hồi hướng tuyên dương công đức cao cả của họ. Họ trở thành một Phật tử trung kiên, thì công đức cúng dường ấy mới không bị uổng phí.

## **NGƯỜI COI CÁC ĐIỆN ĐƯỜNG TRONG CHÙA**

Là người chưởng quản trông coi việc nhang đèn nơi các điện đường trong chùa, phải thường xuyên lau quét chùi rửa bụi bặm, lau chùi rửa ráy sắp đặt bàn ghế nơi điện đường sao cho luôn ngăn nắp, tinh tươm, sạch sẽ. Như gặp phải lúc gió máy thổi đến thì phải tắt hết lửa nhang nơi lư hương, lại phải cột các chân cò phướn lại không cho quơ phát nhằm đèn đuốc gần đó mà sanh hỏa hoạn.

Thí chủ vào điện đường lễ bái có cúng tiền nhang đèn thì không được lấy dùng lo vào việc khác. Gặp ngày Phật đản tắm Phật, thì phải lo nấu nước nóng cung cấp cho đại chúng. Gặp bốn ngày chay là mùng một, rằm, mùng 8 và 23 thì phải mở toang cửa điện để cho đàn-na tín thí tiện việc vào điện đường chiêm bái.

## **THỊ GIẢ**

Có ba loại thị giả: thị giả đốt hương, thị giả thư trạng, và thị giả mời khách. Chức vụ thị giả trong chùa có sự quan hệ rất thân thiết với trụ trì, thường xuyên ở quanh quẩn trước sau bên trụ trì để tiếp nhận sự đào luyện về đạo đức, sớm tối kề bên trực tiếp nghe lời dạy dỗ. Lại trực tiếp tham học hỏi đạo với trụ trì, cho nên có nhiều hy vọng đạt được thành tựu to lớn về phương diện tu dưỡng Phật pháp. Tuy nhiên về phương diện lễ tiết thì cũng phải luôn luôn bảo trì nề nếp cung kính, cẩn thận. Như ngài Khánh Hi A-nan khi xưa làm thị giả cho đức Phật Thích-ca mâu-ni, hay ngài thiền sư Trùng Viễn ở viện Hương Lâm đời Tống làm thị giả cho đại sư Vân Môn Văn Yên, đều biểu thị sự kỳ vọng gửi gắm của Phật và Tổ nơi chức vụ thị giả, thế thì làm sao mà chúng ta có thể hời hợt coi nhẹ chức vụ này được?

Phàm trụ trì phải thượng đường, tiểu tham, phổ thuyết, khai thất, niệm tụng, phóng tham cho đến gặp những ngày lễ tiết quan trọng phải tham dự đều phải được thị giả nhắc nhở bẩm báo. Thay trụ trì hội kiến những tăng nhân mới đến chùa xin ghi tên trú ngụ, rồi thay trụ trì đốt hương, hành lễ, ghi chép các pháp ngữ do trụ trì tuyên thuyết, là chức vụ của hành giả thiêu hương. Phàm trụ trì có thư từ tới lui với các nơi quan hệ, hoặc cần soạn viết văn chương mà trước hết thay ngài soạn trình bản thảo, hay gặp lúc trong chùa khiếm khuyết chức thư ký mà phải thay thế đảm trách

mọi công tác văn tự của thư ký trong chùa thì đây là chức trách của thị giả thư trạng. Phàm gặp trường hợp trụ trì phải ứng tiếp tân khách hoặc khoản đãi các bậc tôn túc, cho tới những hoạt động trong các ngày lễ tiết mà trước đó phải thay ngài chuẩn bị thư trạng và thiệp thỉnh mời, rồi thay thế luôn việc hành lễ thì đó là chức trách của thị giả thỉnh khách. Hoặc trong các hoạt động công cộng hằng ngày mà duy-na, tri khách đều không kịp có mặt tại chỗ để tiếp xúc đại chúng hoặc giả các vị đó đang trong thời gian nghỉ phép, thì phần việc của họ đều được ba loại thị giả trên thay thế xử lý (có kẻ bảo thị giả thư trạng không nên can thiệp vào các việc khác là lời vô căn cứ). Như trụ trì đi ra khỏi chùa lâu ngày (mà không mang các vị thị giả đi theo) thì các thị giả phải quay về một trong các ban tăng chúng nào đó để ở vào hàng ngũ đó (trong tư cách đại chúng thường), còn trong trường hợp trụ trì chỉ tạm đi ra ngoài thì các vị thị giả không phải rời ban vị đương nhiệm của mình.

### **THỊ GIẢ Y BÁT (không lập ban bộ)**

Chức vụ này thường do các bậc tiền bối chọn lựa nhân sĩ lão thành trong chốn tùng lâm đảm nhiệm, bởi các nhân sĩ lão thành này lòng trung trực chân thành, giúp trụ trì nghe nhận lời thật, tránh bớt lỗi lầm, đồng thời giúp trụ trì tiếp nhận nhân tài. Họ lại rành rẽ chuyện trong chuyện ngoài lớn nhỏ của chùa, cho nên có thể thông biến mọi việc viên dung, khiến mọi người trên dưới đều đối xử với nhau nghiêm túc hòa mục thân ái, như ngài Thiên sư Mật Am Hàm Kiệt có thị giả Như giúp đỡ khiến nhân tài trong chùa đầy dẫy, dẫn đến việc có được ngài Thiên sư tài cao học rộng Tùng Nguyên Sùng Nhạc làm đệ tử truyền pháp, hay ngài Đông Tâu được thủ tọa Thăng làm thị giả y bát mà môn phong gia pháp càng ngày càng nghiêm cẩn. Ngày nay chùa chiền các nơi chốn tùng lâm đều dùng lớp trẻ sanh sau làm thị giả y bát (và do lớp trẻ người non dạ này thiếu kinh nghiệm đối phó sự việc, ảnh hưởng không hay), làm bại hoại đạo đức của trụ trì và gây lỗi việc. Cho nên việc chọn thị giả y bát há có thể hời hợt thiếu thận trọng được sao!

### **THỊ GIẢ TRÀ NƯỚC THUỐC MEN (lập ban)**

Thị giả này sớm tối hầu hạ trà và thang thủy cùng thuốc men cho trụ trì, tiếp đỡ bên mình thị giả y bát để ứng tiếp mọi việc, an ủi vỗ về hành giả, bộc tụng phục thị bên mình trụ trì. Hoặc nếu thị giả y bát tạm thiếu khuyết thì thị giả trà nước thuốc men phải ứng thời thay thế nhiệm vụ, nếu có khách khứa đến tham yết trụ trì thì phải thông báo rồi đốt hương. Hoặc trong các lễ tiết mà thiếu người nói lời chuyên thí

(hồi hướng) công đức thì thị giả thang được phải nhận phần việc đó. Chức này nên chọn lựa người đang độ trẻ trung mà tính tình cần mẫn trọng hậu đảm nhiệm.

### **THỊ GIẢ CỦA TƯỢNG THÁNH TĂNG (Không lập ban riêng làm việc theo chúng lo việc cơm cháo)**

Người đảm nhận chức này quý là ở chỗ có lòng tin sâu Phật giáo (tức có đạo tâm). Tại hai thời cơm cháo sớm chiều phải dâng cúng, đánh chùy hạ tăng đường, sớm tối kiểm tra chỗ ngồi của đại chúng tham Thiền, nửa đêm cắt bỏ nhụy đèn cây cháy lụn, cùng duy-na giao thoa tiền bán đấu giá y bát của tăng qua đời. Trong tang lễ trụ trì viên tịch thì nhận nhiệm vụ coi giữ màn trướng, gặp khi thủ tọa cầm xơ quạt (phất tử) thượng đường giảng pháp thay trụ trì thì giữ nhiệm vụ đốt hương, hoặc thay ông ta đánh chùy, niệm Phật. Sau khi mãn nhiệm kỳ thì quay lại làm một thị giả bình thường trong chùa. Hai trưởng lão Thoái Canh và Đoạn Kiều lúc còn ở trong chúng từng giữ qua chức này, do rất khéo kết chúng duyên, mà lại gắng chí tu tập đạo Phật.

\* \* \*

### **LỜI BÀN**

Chấp sự tăng trong chôn Thiền lâm phân ra hai tự Đông-Tây, mỗi tự bố trí 6 vị, gọi là Lục đầu thủ Tây tự là Lục tri sự Đông tự. Đây là chế độ thời xa xưa, vào đời Nguyên lúc Thiền sư biên soạn Sắc tu Bách Trượng thanh qui, số lượng của ban Đông-Tây tự đã biến hóa, Tây ban vượt quá sáu vị, trái lại Đông ban chỉ còn năm vị. Nhưng trong sách này vẫn căn cứ vào tổ chức xưa nên gọi là Lục đầu thủ của Tây tự, và lục tri sự của Đông tự.

Phật giáo lấy phía Tây làm nơi tôn trọng cho nên địa vị Tây tự cao hơn Đông tự. Dựa theo chức trách mà xét, chấp sự Tây ban thì chấp chương những công việc nghiêng về phương diện tu hành tôn giáo, chấp sự Đông ban lại nghiêng về phương diện các sinh hoạt thứ vụ. Trong đó thủ tọa, nhất là tiền đường thủ tọa thì cương vị cao hơn cả, gần như là trợ lý thân cận của trụ trì, có thể thay mặt trụ trì giáo hóa tăng chúng, đồng thời lại tham gia vào tất cả mọi hoạt động quản lý tự viện, cho nên trải qua bao đời đều do các tăng nhân uyên thâm về học vấn cùng đức hạnh được mọi người trọng vọng phụ trách. Rất nhiều vị trụ trì đều đã từng phụ trách qua chức vụ thủ tọa rồi mới lên đến cương vị cao nhất trong một ngôi chùa là trụ trì.



Trong các đầu thủ của Tây tự, chức vụ đáng chú ý nhất là tri tạng. Chốn Thiền lâm thiết lập lầu kinh cất giữ số lớn kinh điển Phật giáo và phần đông lại tàng trữ luôn số lớn ngoại điển của bá gia chư tử giao cho tri tạng quản lý để tiện cho tăng chúng có đầy đủ sách mà tham khảo rành rõ mọi hoạt động lý luận của Phật giáo và các tôn giáo khác. Điều này hoàn toàn trái ngược với quan điểm ban sơ của Thiền tông là “bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền”, điều này đã nói lên Thiền tông đã phát triển đến một giai đoạn mới, tức là luyện tập thiền định và đọc kinh cùng học tập lý luận đều được coi trọng như nhau và cũng nói lên Thiền tông đã cấu thành đại biến hóa từ giai đoạn chủ yếu không cần chữ nghĩa – không đọc kinh điển chuyển sang giai đoạn phát triển tạo điều kiện cho số lớn phần tử tri thức gia nhập Thiền tông. Và lại thông qua giáo dục trong nhà chùa, đa số các thành phần ít học trong chùa đã trở nên biết đọc biết viết, thậm chí về sau đã trở thành các bậc cao tăng học vấn uyên bác, đó là điều mà trong Thiền lâm gần đây thường thấy được.

Riêng chức tri tạng cũng phải hết sức được coi trọng. Thực ra chức vụ này chỉ là một hạnh khổ sai, phần lớn là do các tăng nhân có tinh thần hiến thân rất cao tình nguyện đảm trách. Dem chức dịch khổ sai này đưa vào một trong các đầu thủ, ban cho vinh dự rất cao, mục đích chính là muốn khuyến khích mọi người vì Phật pháp mà hiến thân, đồng thời cũng phản ánh một quan điểm phổ biến của Phật giáo là khổ hạnh và phụng hiến là công đức cao cả nhất, là một trong các con đường đưa đến cõi Phật.

### **TRI SỰ CỦA ĐÔNG TỰ - ĐÔNG GIÁM TỰ**

Theo qui định của Cổ thanh qui thì nhà chùa chỉ thiết lập chức Giám viện, về sau nhân chùa to, chúng đông, đặt thêm chức Đông tự để tổng quản các sự vụ khác. Chức vụ này chủ yếu sớm tối đốc thúc việc đốt đèn nhang cùng ứng tiếp quan viên và thí chủ đến viếng chùa, đồng thời cũng quản lý tính toán cho tốt sổ sách và văn thư, giám sát việc xuất nhập tiền nong và lúa thóc, cố gắng bảo trì sao cho kinh phí hàng năm lúc nào cũng dư thừa, lại phải luôn tôn trọng trụ trì và thương xót, giúp đỡ đại chúng. Phạm gặp bất cứ việc gì có tầm quan trọng đều phải mở hội nghị để thương lượng rồi bẩm báo lại với trụ trì sau đó mới thi hành, dạy dỗ công dịch bực tưng không được mạnh tay tùy tiện đánh đập bừa bãi. Thảng hoặc buộc lòng phải dùng đến hình phạt hoặc đuổi bỏ thì phải trải qua thảo luận thỉnh thị với trụ trì, suy lường tính toán tình tiết phạm tội mà biểu thị cảnh cáo răn đe chứ không được lạm dụng uy quyền, tạo ra sự biến dẫn đến kiện tụng (mất trang nghiêm). Phạm phân công tăng chúng đảm nhiệm việc ruộng rẫy hay trông coi kho đụn thì phải nhắm vào công bình

vô tư mà không được nhận dụng người của “phe ta”, dẫn đến trên dưới râm ran lời xì xào bàn tán trách móc cùng gây ra nổi oán hận.

Khi xưa vào thời Thiên lâm thật thịnh hành, phần nhiều đều mời thư ký, thủ tọa của bổn tự hay Tây đường (tức trụ trì thoái nhiệm của chùa bạn hiện khách cư tại bổn tự) để đảm trách chức vụ này, mà ngược lại Đô giám tự cũng có thể giữ chức thư ký hay thủ tọa. Nếu không thế thì cũng phải chọn những vị có tuổi lạp cao nhiều kinh nghiệm, rành rõ mọi chuyện, đồng thời phải liêm khiết, công bình cẩn thận, từ lâu vốn được đại chúng tôn phục để sung vào chức này. Lại người được chọn lựa này chẳng những không đòi hỏi gì của thường trụ, lại còn phải là người, ngoài đạo đức tu dưỡng thật cao ra, còn có thêm lực lượng kinh tế thật sung túc khiến mọi người yên tâm tin tưởng, trên dưới đều cùng một lòng hy vọng giữ được người ấy liên tục tại chức vụ nhiều nhiệm kỳ. Do đó cho dù trải qua nhiều nhiệm kỳ mà không hề thay đổi chức vụ, hoặc giả cũng có từ chức thoái vị nhưng sau đó lại được tái suy cử giữ nhiệm vụ nhiều lần thì có gì tai hại cơ chứ? Do vậy mà trong một tự viện, các vị đơn liêu, cần cưu, bất quá chừng năm sáu người, riêng từ chức vụ phó viện trở xuống, nếu ai chưa từng giữ nhiệm vụ liên tiếp ba nhiệm kỳ thì không thể từ nhiệm để giữ chức vụ tiền tư. Giám tự chưa nắm giữ nhiệm vụ liên tiếp ba nhiệm kỳ thì không thể từ nhiệm để giữ chức vụ môn đường, Đô tự chưa nhận nhiệm vụ liên tục ba nhiệm kỳ thì không được thoái nhiệm để đạt đến cương vị đơn liêu.

Người được suy cử tái nhận nhiệm vụ Đô giám tự thì phải công khai trước đại chúng khóa cửa phòng mình đang ở lại để tránh sự hiềm nghi của mọi người, hai thời cơm cháo sáng chiều tất đích thân đến tăng đường hầu kiểm soát nắm rõ, thì phần cơm cháo của hành giả công dịch, bực từng đương nhiên được cung ứng đầy đủ một cách nghiêm túc.

Như Thiên sư Dương Kỳ Phương Hội làm Đô tự giúp thiên sư trụ trì Thạch Sương Sở Viên, thiên sư Thạch Song làm Đô tự giúp thiên sư trụ trì Hoàng Trí chùa Thiên Đồng đều có thể coi đó là các mẫu mực phép tắc vậy.

Tăng sử viết: “Tri sự là ba giềng. Nếu dây giềng to của mảnh lưới căng thì các mắt lưới sẽ bung ngay ngắn. Tiếng Phạn Ma-ma-đế có nghĩa là tự chủ (chủ cả chùa)”, tức chỉ Giám tự ngày nay vậy. Lại kinh Đại tập chép: “Tăng vật khó giữ gìn. Ta cho phép hai loại người có thể gìn giữ vật Tam bảo: một là A-la-hán, hai là Tu-đà-hoàn.

Lại còn có hai bậc nữa: một là người có thể giữ giới thanh tịnh, hiểu biết nghiệp báo, hai là người sợ tội kiếp sau mà có hổ thẹn vậy”.

## DUY-NA

Chức trách của duy-na là giám sát chúng tăng tuân hành luật Phật và nội quy của chùa. (Nếu trong chùa có xảy ra chuyện tranh chấp) thì duy-na phải hết sức cố gắng điều giải hoặc xử lý, nếu có hành cước tăng đến tăng đường xin ghi tên tạm ngụ thì duy-na phải xem xét kiểm tra xem độ điệp của tăng ấy là thật hay giả. Nếu trong tăng chúng phát sinh cãi vả tranh chấp, hoặc có người bị mất tài vật gì thì duy-na phải ra sức cứu xét xem phải trái ra sao để cố gắng hòa giải. Ngoài ra, ngày tháng xuất gia của tăng chúng, tuổi lập của họ cao thấp, giường nằm, chỗ ngồi tham Thiền, đồ thư trưởng bộ trong chùa, nói chung là bất cứ sự việc trong ngoài, lớn nhỏ gì của tăng chúng thì duy-na đều phải nắm giữ giải quyết. Trong lúc cử hành Phật sự, duy-na đề xuất kinh văn nào cần đọc, lãnh đạo đại chúng niệm tụng kinh điển và tuyên thuyết lời chuyển thí công đức (hồi hướng công đức) lấy Thánh âm làm công đức tu đạo. Đối với tăng bệnh hoạn thì phải chăm sóc an ủi điều trị, riêng đối với tăng qua đời thì chuyện tổ chức tang ma chôn cất càng phải hết sức chú tâm, coi trọng hơn.

Mỗi ngày hai buổi sáng chiều đều phải đích thân đến tăng đường, nghe chuông trước tăng đường gióng lên thì rời chỗ đứng bước vào bên trong, đến trước tượng Thánh tăng dùng tay trái thượng hương, sau đó lui ra hai bước rưỡi, vái chào vãn an, chấp tay bước vào đứng bên cạnh chùy, trước hết xem tên tuổi các đối tượng cần hồi hướng công đức mỗi ngày ghi trong bảng thần kỳ, chờ cho tiếng chuông trống vừa dứt thì đánh một tiếng chùy chờ chúng đưa bát ăn xuống xong lại đánh chùy thêm một lần nữa rồi chấp tay lạng lẽ hướng về phía tên tuổi những người hôm nay đến lượt được hồi hướng công đức ghi trong bảng danh sách thần kỳ tuyên niệm lời lẽ biểu thị hồi hướng công đức. Mặc niệm xong, tay trái đặt lên cái chày đá nói: “Ngưỡng mong nhờ đại chúng niệm một thôi 10 lần danh hiệu pháp thân thanh tịnh Phật Tỳ-lô-giá-na, 10 tôn hiệu viên mãn báo thân v.v...”. Tay phải đánh chùy đưa lên cao nhất không quá năm tấc (tàu), đợi cho âm thanh dứt mới lại đánh chùy nữa, mau chậm thích độ. Đợi cho tiếng niệm chú ăn cơm của thủ tọa đến lần câu ba sắp chấm dứt, chuyển thân lui đến bản đầu của lập tăng thủ tọa mà đứng. Lại đợi cho hành giả đơm thêm cơm canh cho mỗi người đầy đủ đều khắp rồi bèn bước đến đánh một tiếng chùy, chấp tay tiến đến trước tượng Thánh tăng vái chào vãn an rồi ra khỏi tăng đường, quay về vị trí ăn cơm của mình.

Nếu như do thí chủ ra tiền mời chúng tăng độ trai thì đợi cho khi ban phát vật bố thí xong và tiếng chùy ra hiệu dùng cơm đánh xong, từ phía sau tượng Thánh tăng chuyển đến bên trái, hướng về thủ tọa vái chào vãn an, rồi mới đánh thêm một tiếng chùy nữa mà ra khỏi tăng đường, ấy là để mời thí chủ bố thí tài vật. Như lúc đó mà duy-na có bận sự duyên gì hay đang trong thời kỳ tạm nghỉ phép, thì phải đem sổ ghi giới laps, sổ xin nghỉ phép, sổ đường ty tu tri, đích thân mang đến liêu tri khách, mời tri khách tạm thời thay mình phụ trách chức vụ.

Nam Hải ký quy nội pháp truyện viết: “Duy-na là gồm cả tiếng Hoa và tiếng Phạn. Duy là cương duy, tức dây giềng lưới là tiếng Hoa. Na là tiếng Phạn, là từ yết-ma-đà-na được cắt bớt ba chữ đầu để gọi giản lược, có nghĩa là duyệt chúng. Lại Thập tụng luật viết: “Do trong phòng tăng chúng không ai biết giờ giấc để đánh kiền chùy, lại không ai lo việc quét tước, dọn dẹp giảng đường, phòng ăn, không ai nối tiếp sắp đặt giường nằm. Khi đại chúng náo loạn thì không ai trấn áp v.v... nên Phật cho lập chức vụ duy-na”. Lại Thanh luận phiên âm là Thứ đệ, ý nói biết việc thứ đệ (trước sau) của tăng.

## PHÓ TỰ

Trong sách Cổ thanh qui gọi là Khố đầu. Ngày nay, các chùa gọi là Quỹ đầu, phương Bắc gọi là Tài bạch, nhưng thực ra tất cả các tên gọi trên đều là chức Phó tự. Ấy là chức phó của Đô giám tự để chia bớt lao nhọc cho chức này để quản lý tiền bạc, vàng bạc, ngũ cốc của thường trụ. Phàm lúa thóc của thường trụ xuất nhập thì vị Phó tự phải kịp thời ghi chép vào sổ sách. Liên quan đến việc thu quản chi dụng, Phó tự bảo nhà kho mỗi ngày phải làm một bảng danh sách thu chi hằng ngày do mình kiểm định rồi trình cho trụ trì gọi là nhật đơn (tức là tờ danh sách thu chi thường ngày), hoặc bảng danh sách thu chi 10 ngày kết toán một lần gọi là tuần đơn. Lại còn có loại mỗi tháng kết toán một lần, đến cuối năm tổng kết lại xem có khớp với sổ mục hiện ghi trong sổ cái gọi là nhật hoàng tổng bộ. Ngoài ra lại còn có sổ riêng ghi chép thu chi từng món một như gạo, mì, ngũ vị cũng phải nên khảo toán rành mạch. Phàm tài vật tập thể của chùa (thường trụ) tuy là nhỏ nhiệm tót tơ nhưng đều là phần được hưởng của tăng chúng mười phương, nếu chẳng phải là việc đối đãi theo nhân tình tới lui bình thường như tiếp đãi, đưa đón quan viên ngoại hộ của chùa, hay đàn việt thí chủ cố định thường xuyên, hoặc tặng quà khánh hạ, hay phúng điệu tang ma, thì dù cho một xu ten cũng không được khéo léo gian dối giả lập danh mục để xâm chiếm đục khoét chi dụng riêng. Cho nên sử dụng người coi kho trên dưới đều phải

lựa kẻ có tâm lực, lại tinh thông việc kế toán sổ sách, an phận thủ thường, trong sạch cẩn trọng chuyện chung mà phục vụ để giao phó chức vụ.

Tăng nhân bị bệnh dù nặng nhẹ cần phải được cấp phát vật dụng trị liệu thì phải cấp phát ứng phó ngay. Như kho đụn sơ hở dột nát, khiến chim chuột có thể xâm phạm, làm hao hụt lúa thóc mì bị ẩm mốc kém chất lượng, hay các phẩm vật cất chứa thủ hộ không đạt yêu cầu, không đúng phép tắc, thì phải tức tốc chiếu cố việc quản lý, xử trí.

### **DIỄN TỌA**

Chức vụ là quản lý việc cơm cháo của đại chúng, phải giữ cho các vật phẩm cúng dường luôn tinh mỹ, dưỡng khiết, thực phẩm phải điều hòa. Phải thường xuyên đốc thúc kiểm tra công tác của bộ môn do mình quản lý, luôn thương tiếc và bảo hộ của cải thường trụ, không được thô bạo giảm đập lãng phí của trời. Phải luôn dạy dỗ các hành giả tôn thủ qui củ, vì tăng chúng mà cung ứng cơm cho đầy bát, nếu cần thì đơm thêm cơm để ăn cho no, tham gia lao động tập thể không biếng lười trễ nhác. Phải quan tâm thương xót, bảo hộ kẻ làm vườn ruộng khiến họ gieo trồng đúng thời vụ. Phân phát tài vật bố thí phải bình đẳng giống như mọi người, mỗi ngày vào nhà bếp hai lần dùng cơm cháo, phần ăn không được đặc biệt hơn đại chúng. Sau khi cơm cháo đã đựng đầy thùng rồi, phải hồi hương về phía tăng đường đốt hương lễ bái rồi mới bê lên tăng đường, bắt đầu dọn cơm cháo cho tăng chúng ăn.

### **TRỰC TUẾ**

Chức trách quản lý tất cả mọi công việc xây cất và sửa chữa. Phàm điện đường hay các liêu xá bị hư tổn thấm dột thì phải kịp thời thường xuyên sửa chữa, các thứ đồ dùng phải luôn luôn tra điểm số lượng để không bị thiếu sót. Đối với công nhân lao dịch thì nên thường xuyên căn cứ tiến độ của công trình mà luôn kiểm tra đốc thúc, phê phán quở trách kẻ làm việc cà rề lơ là, không cho có kẻ ngồi nhà mát ăn bát vàng, lãng phí đục khoét tài vật, tổn hại lợi ích của công chúng. Đối với trang trại nơi ruộng vườn, nhà xây lúa, giã gạo, trâu bò, xe cộ, thuyền bè thì nên thường xuyên kiểm tra, tuần tra bảo vệ, đề phòng trộm đạo xâm phạm, hỏa hoạn thiêu rụi. Sai khiến các loại công nhân lao dịch, đều phải thường phạt đúng người, đúng công, đúng tội, khiến cho họ nỗ lực cần lao. Lại cũng phải phân công sao cho mọi người lao nhọc

và nhàn hạ đều nhau. Nếu như nhận nhiệm vụ đại tu tạo (sửa chữa lớn) thì phải tăng thêm người chấp sự để cùng với trực tuế cộng đồng chưởng quản công việc.

\* \* \*

## LỜI BÀN

Trong tiết này giới thiệu năm loại chức sự của Đông tự, là một ban so ra điển hình hơn hết tình hình của tự viện. Đây là thuộc dạng chùa to, tăng chúng đông nên phải thiết trí nhiều loại tri sự chia ra quản lý sinh hoạt và sản xuất hằng ngày của tự viện.

Trong nguyên văn có nêu ra, theo Cổ thanh qui khi xưa thì chức vụ của hai tự Đông Tây có thể điều động qua lại, chẳng hạn như thủ tọa, thư ký có thể cải nhiệm thành đô giám tự và ngược lại. Điều này là do khi xưa nền kinh tế của tự viện chưa phát đạt lắm, sinh hoạt của tự viện so ra cũng giản đơn, mộc mạc, sự việc mà các chấp sự quản lý cũng không nhiều, quan hệ tới tiền tài không lớn, cho nên vấn đề điều động hoán đổi chức vụ qua lại không phải là chuyện lớn. Đến đời Nguyên thì kinh tế chốn tùng lâm rất phát đạt, có nhiều tự viện có số ruộng vườn rất lớn, đô giám tự hoặc phó tự phân công quản lý có cả mấy khu vườn ruộng mà mỗi khu vườn ruộng gồm rất nhiều chức sự lớn nhỏ quản lý đều có tính chuyên nghiệp, lại tùy thuộc theo lợi ích mật thiết thực tế tương quan. Do đó chấp sự tăng quản lý công tác tôn giáo và chấp sự tăng quản lý ruộng vườn tiền tài đã rất khó khăn trong việc điều phối nhau, hơn nữa các chấp sự tăng có quyền lợi không tự nguyện đổi nhiệm vụ với vị chấp sự tăng quản lý tôn giáo nghèo khó. Do đó nảy sinh ra vấn đề ước thúc và giám đốc sự việc, quyền lợi. Trong nguyên văn nhấn mạnh, nếu gặp những vấn đề lớn lao quan trọng thì trước hết các đô giám tự phải mở hội nghị bàn bạc, rồi thỉnh thị ý kiến trụ trì, chùng nào được mọi người đồng ý mới thi hành là vì duyên cớ như vừa nêu trên. Chế độ ước thúc và giám đốc trong Phật giáo hiện nay đạt đến tình trạng mở rộng và gia cường.

Tuy vậy cũng còn có một số ít tự viện, thì việc thiết trí các chấp sự tăng còn chưa được hoàn bị như thế. Ngoài ra còn có sự sai biệt của từng địa khu nên việc thiết đặc các loại chấp sự tăng của các chùa ở mỗi nơi về tên gọi, chức trách vẫn còn rất khác nhau. Sự khác biệt này trong tùng lâm hiện nay còn đậm nét. Điều đó cũng nói lên chế độ tùng lâm hiện nay mang đậm tính linh hoạt hữu thích ứng với biểu hiện bất đồng về thời đại, địa khu và tình huống.

## **CÁC CHỨC VỤ TẠP SỰ : LIÊU NGUYÊN**

Quản lý kinh văn và thập vật của các liêu, kể cả trà thang, than củi, thông báo trình thỉnh với các phòng ban hữu quan để cung cấp nhu yếu cho các liêu, đồng thời kiểm soát việc quét tước, chùi rửa các liêu cho sạch sẽ cũng như đầu các tầng phải luôn cao sạch tóc, giá treo khăn phải sẵn sàng.

Mỗi sáng khi ăn cháo xong, liêu nguyên bảo hành giả của trà đầu đứng đợi ngoài cửa các liêu, chờ cho đại chúng đều trở về đầy đủ, gõ ba tiếng vân bản, mọi người vào cả trong liêu. Liêu trưởng và liêu nguyên ngồi ngang nhau, liêu chủ và liêu phó ngồi giáp mặt nhau hai bên phải trái. Liêu phó rời chỗ ngồi đốt hương, rồi trở về chỗ ngồi như cũ. Hành giả trà đầu hướng về các liêu nguyên vấn an “Chẳng rõ (xin hỏi) các vị có ít bệnh, ít phiền, sinh hoạt bình thường chẳng?”, đại chúng chấp tay vái chào tỏ bày trí ý. Gặp ngày mừng một, ngày rằm có đãi thang thủy, liêu nguyên đánh vân bản tập hợp đại chúng, đốt hương, bảo hành giả dọn thang thủy khoản đãi như lễ tiết thông thường.

### **LIÊU CHỦ & LIÊU PHÓ**

Phàm nơi nào có tầng chúng cư trú tập thể thì phải đặt ra chức liêu chủ và liêu phó. Liêu nguyên căn cứ vào tuổi lập của các tầng tính từ thấp đến cao theo thứ tự, thỉnh mời chỉ định người đảm nhiệm chức vụ. Viết tên tuổi người được chỉ định vào một tấm bài treo lên hầu công bố cho đại chúng biết, cứ mười ngày thay phiên một lần, nhằm giúp liêu nguyên lo liệu công việc. Sớm chiều khi tầng chúng đến tầng đường (liêu chủ và liêu phó đi sau một bước), tuần thị các bàn để kinh xem có ai bỏ quên vật gì mà trước đó có nhiều người cùng nhìn thấy chứng minh được thì nhặt giùm trả lại cho người làm mất. Ngoài ra, liêu chủ và liêu phó còn phải phụ trách kiểm tra di giao tạp vật của bốn liêu.

Hàng ngày phải sắp bày nhang đèn, dọn trà thang, không cho người ngoài đến ngủ nhờ trong liêu, hoặc gửi bán bất cứ vật gì. Trong liêu còn phải lúc nào cũng phải dự phòng một liêu hờ nhằm thay thế cho liêu phó ngay khi vị trí này bất ngờ khiếm khuyết. Nếu liêu chủ mãn nhiệm thì phải báo cáo với duy-na thỉnh cầu đưa người thay thế, còn nếu liêu phó mãn nhiệm thì phải báo cáo với liêu nguyên thỉnh cầu chọn người thay thế.

### **ĐƯỜNG CHỦ DIÊN THỌ ĐƯỜNG**

Đường chủ diên thọ đường phụ trách trông coi săn sóc các tăng nhân bệnh nặng, phải duy trì đầy đủ sẵn sàng cung ứng thuốc men, trà thang, dầu đèn, than lửa, cháo cơm và năm vị điều liệu là chua, ngọt, đắng, cay, mặn tại diên thọ đường. Nếu của thường trụ tại chùa thiếu thốn các thứ nêu trên mà riêng mình có đầy đủ thì đường chủ diên thọ đường nhận tu bồi công đức cùng Phật kết duyên, nên lấy của riêng mình công hiến, cung cấp cho tăng nhân bệnh nặng dùng xài, hoặc cũng có thể khuyến mời thí chủ hành thiện tu bồi công đức ra tiền ra của cung ứng vật tư cần dùng. Giường chiếu, quần áo, chăn màn bày hây dơ bẩn phải kịp thời chịu khó giặt giũ, lau chùi, rửa ráy sạch sẽ, chứ không nên biểu lộ tình ý nhờm gồm bỏ mặc. Trong tám phước điền thì hành thiện tu đức nuôi nấng, chăm sóc, chữa trị bệnh nhân là phước điền lớn nhất.

### **NGƯỜI DỌN VỆ SINH**

(Trong Thiền lâm, tịnh đầu là tăng nhân trông coi vệ sinh, mà nhiệm vụ cụ thể là) phải kịp thời quét tước sân vườn, trang hương, thay thẻ, kiểm điểm nhân số rửa nhà xí, đun nước nóng, thêm nước. Nếu nhà xí có phần nào ứ đọng thì phải lập tức quét dọn, dội nước rửa ráy sạch sẽ, khăn tay và thùng nước luôn phải kiểm tra đặt thêm hay đổi mới. Phạm người nhận chức vụ này đều xuất phát từ đạo tâm (tức là đối với Phật giáo có lòng kiên thành mà tự nguyện làm). Khi nhiệm vụ của một tịnh đầu sắp mãn cần người khác thay thế thì đường ty niêm yết một tấm bảng nhỏ viết: “Tiếp theo đây chức tịnh đầu không có người, nếu có ai tình nguyện nhận chức này cùng đại chúng kết duyên thì xin điền tên vào bảng này”. Người tình nguyện kết duyên cùng đại chúng thân lấy bảng đem trình với đường ty (duy-na), duy-na báo bẩm lại với trụ trì đồng ý mới mời người đó nhận chức.

### **NGƯỜI LO VIỆC HÓA DUYÊN THÍ CHỦ BỐ THÍ**

Phàm nơi nào có tăng chúng cư trú tập thể (chẳng kể qui mô lớn nhỏ), nếu thu nhập tiền nông, thóc gạo của thường trụ có phần hạn chế thì phải trông cậy vào hóa chủ khuyến mời thí chủ tùy sức cúng dường (đó là lai nguyên của việc phụ trợ cung cấp cho tăng chúng). Còn nếu như thu nhập tài sản cố định của chùa đã đủ để cung ứng chi dụng cho tăng chúng, thì hóa chủ cũng chẳng cần chi phải nài nỉ ý ôi thí chủ bố thí, bởi vì cầu cạnh thì dễ khiến cho người ta sanh chán nản mình.

### **NGƯỜI COI VIỆC LÀM VƯỜN**



Người giữ chức này không nề hà lao khổ, lấy thân mình làm gương mẫu (đánh động các phu làm vườn) khiến họ cần cù trồng rau cải, kịp thời tưới bón, để cung cấp cho nhà bếp, không để nơi đây phải thiếu rau rán hằng bữa.

### **NGƯỜI COI NHÀ XAY LÚA**

Ma chủ quản lý nhà xay lúa cũng quản lý luôn nhà giã gạo. Công việc thành liên quan đến chuyện cung ứng gạo mì mỗi ngày cho tăng chúng cả chùa ăn, cho nên phải chọn người thuần thành đạo tâm, lại rành rẽ chuyện xay lúa giã gạo sung chức này.

### **NGƯỜI PHỤ TRÁCH NƯỚC NÔ I TRONG CHÙA**

Người này canh năm đã phải thức dậy đun nước sôi để đại chúng rửa mặt, rửa tay. Phải cụ bị khăn tay, bồn rửa mặt, đèn đuốc, thuốc đánh răng đầy đủ chẳng thiếu sót. Tháng Đông phải hấp sấy khăn tay, cho nên phải thức dậy sớm để bày biện sẵn sàng, chứ không đợi đến lúc cần dùng mới hốt hoảng bày biện cầu thả, khiến tâm lý tăng chúng bất mãn.

### **NGƯỜI LO CUNG CẤP THAN CỬ**

Thán đầu phải cụ bị than củi để đốt giúp đại chúng chống lạnh, phần nào nhờ cậy thí chủ bố thí, phần nào nương vào tiền của thường trụ bỏ ra mua sắm, nhưng nói chung là phải luôn cụ bị đầy đủ để dùng.

### **TRANG CHỦ**

Nhiệm vụ là trông nom ranh giới (bốn bên Đông, Tây, Nam, Bắc) ruộng vườn của chùa (không cho ai lấn chiếm), sửa sang lại trại ruộng, lán vườn, sắp xếp đồ thức vụ mùa cho kịp thời, quản lý tốt và chăm lo đời sống của người canh tác trồng trọt ruộng vườn (tá điền). Trong ruộng vườn có xảy ra xích mích nhỏ thì kịp thời xử lý, ngăn chặn thủ tiêu mâu thuẫn không cho lan rộng, còn nếu có chuyện trọng đại liên quan đến đại thể xảy ra thì phải báo cáo lại với nhà chùa để chùa đích thân định đoạt.

Gần đây trong chốn Tùng lâm tệ lậu xảy ra trăm thứ, mà riêng chỗ ruộng vườn thì tệ đoạn lại càng nghiêm trọng hơn cả. Xin nêu ra sơ lược ba vụ việc điển hình:

a- Cái tai hại phổ thông nhất ở các chùa là trước tiên mọi người tranh nhau sung vào các chức vụ trong ban ruộng vườn (nhưng mà người tranh giành thì đông mà chức vụ lại ít) nên làm sao có thể thỏa mãn hết ý muốn mọi người. Thế là kẻ không thỏa nguyện oán trách trụ trì, “quậy tung lên” làm trên dưới không hòa thuận, đây là vụ việc thứ nhất.

b- Một khi đã nắm được chức vụ gì đó trong ban ruộng vườn, nhìn thấy ruộng vườn tọa lạc khá xa chùa, thế là chẳng chuyện bậy nào mà không dám làm, đưa đến tranh chấp kiện tụng lung tung khiến tiền bạc lương thực đáng lẽ được dùng để cung cấp cho đại chúng lại bị hoang phí sạch trơn vào thừa kiện, riêng bản thân những người tranh tụng lại phải mang công mắc nợ nhà nước, làm cho người tiếp nhận sau đó phải nhọc công bồi thường, nhân đó mà uy tín và kỷ cương không phấn chấn (pháp độ chẳng nghiêm) riêng tranh điền phu đâm ra khinh lòn lại thiếu thuế không trả nổi, đó là vụ việc thứ hai.

c- Dẫu cho có bậc lão thành trang trọng đủ sức giữ được chức này thì cũng đối phó không kham, ứng thù tới lui vô tận với các quan viên châu huyện, lại dịch địa phương cùng chức dịch trong làng và phú hào quanh vùng. Những kẻ này vòi vĩnh đòi tiền nghi phải luôn đáp ứng mà nếu đối với họ có chỗ nào hơi thù ứng chẳng chu đáo, liền bị chúng rình chờ kẻ hở sanh sự (cho nên tuyệt đối không được lời thôi lơ là). Các khoản phí dụng ứng thù này do không được công khai chi ra nên phải khéo lập ra các danh mục giả đủ kiểu để bù lấp các khoản chi dụng đó, cho nên đối với việc công – việc tư đều không có ích lợi tốt đẹp gì. Do đó mà phí dụng to lớn của ban ruộng vườn nhiều khi thậm chí chiếm hết phân nửa khoản chi tiêu của toàn chùa! Đây là vụ việc thứ ba.

(Trong ban ruộng vườn có ba loại tệ đoạn lớn như vừa nêu ra, nếu không sửa đổi là không được). Như một đại gia đình, sản nghiệp dồi dào phong phú giàu sang, hầu hết đều chưa từng nghe nói có nhà nào phái con em mình phân chia nhiệm vụ trực tiếp, ở khắp ruộng vườn. (Ruộng vườn nhà chùa cũng thế), bởi cây cấy gieo trồng đã có phu dịch ruộng vườn (tá điền), chỉ huy đốc thúc đã có giáp cán (cặp rặng), lúc thu tô đã có tăng hành giả giám thu phụ trách. Ngoài ra, nếu có việc giao nạp tô thuế cho quan phủ, hay phải đắp vá bờ bao xung quanh ruộng vườn đề phòng nước tràn vào hoặc các phần việc như phân phối lương thực thì chỉ nên vào ngay lúc đó, tạm giao phó các công việc ấy cho cần cù, tri sự lo liệu trong một thời hạn nhất định nào đó, công việc xong rồi thì quay trở về chùa giữ nhiệm vụ cũ là hay hơn. Điều

này chẳng những giảm bớt phí dụng, bù lỗ cho việc chi tiêu của thường trụ (nhà chùa được phần tốt đẹp) mà còn tiêu diệt mâu thuẫn trên dưới khi chúng còn chưa chớm phát sinh, khiến cả công lẫn tư đều nhận được lợi ích. Như nay đây nhiều chùa chiền suy sụp chẳng khác nào những gia đình đào vong (vì nghèo đói phải trốn bỏ nơi quê mình đi kiếm ăn nơi khác). Nếu trụ trì và căn cứ có thể đoái hoài thương xót đến tiền đồ của nhà chùa, tưởng nên giảm bớt các phí dụng, cứu đỡ dẹp bỏ những chỗ tích tụ tệ đoan, trừ bỏ các cơ cấu thiết lập dư thừa bừa bãi vô ích, loại bỏ các nhân viên những lạm thì xin mở đầu việc sửa đổi chế độ quản lý ruộng vườn từ đây.

Đôi chiếu qui củ thuở ban sơ xưa kia, thì nếu trong tình trạng nặng nề khó khăn (dầu sôi lửa bỏng cực kỳ nguy khốn như vừa nêu trên), nếu ai dám đứng ra đảm nhận chức vụ chủ quản ruộng vườn thì nên cùng nhau thương lượng để có thêm khoản thù lao bù lỗ cho người ta!

## CHƯ' TRANG GIÁM THU

Cứ theo Cổ thanh qui thì trước kia không có hai chức trang chủ và giám thu, đời gần đây mới thiết lập hai danh vị này. Danh vị vừa lập ra là điều tệ lậu xảy ra đầy dẫy, cũng có phần do trụ trì riêng dùng kẻ không ra gì, cũng có phần do chạy theo lợi quyền riêng tư mà dùng người bừa bãi, cũng có chuyện chức này nhiều năm liền bị căn cứ và Tây chấp sự bá chiếm nắm giữ, cũng có trường hợp do người nương cậy kẻ quyền thế bao che mà âm mưu nắm giữ chức này, cũng có trường hợp do bọn người lập bè, kết cánh chia nhau để chiếm giữ chức này, cũng có trường hợp đấu đá ngầm hay công khai bằng vũ lực để chiếm đoạt chức này. Chuyện đục khoét của công (thường trụ) và xâm hại của tư không sao kể xiết, tuy cũng có nhiều người nghĩ đến chuyện dùng cách thức cứu đỡ, cải biến tệ đoan nhưng rồi cũng chẳng đi đến đâu.

Thảng hoặc có được căn cứ liêm chính phò giúp trụ trì, công khai việc đề bạt, lượng tài cán mà bỏ dụng, hoặc giả phải dùng đến biện pháp trước đại chúng giở sách ra bói quẻ chọn người sung chức này!

Người được chọn giữ chức giám thu các ruộng vườn phải nên trọn lòng nghĩ đến việc khắc kỷ phụng sự việc công, chẳng những không được hà khắc đối với người cày cấy trồng trọt ruộng vườn (tá điền) mà còn không để cho tài sản thường trụ của chùa bị tổn thất, thế là trọn vẹn lợi ích cả ta lẫn người.

\* \* \*

## LỜI BÀN

Tiết này miêu thuật các chức sự tạp nhạp cần khổ, đều là các chấp sự hạ tầng cơ bản của Thiên lâm. Trong đó, các chức liêu chủ, phó liêu, diên thọ đường chủ, tịnh đầu, hóa chủ, viên chủ, ma chủ, thủy đầu, thán đầu, cùng với chức tri dục của Tây tự tương trợ nhau, đều mang tính chất khổ sai phục vụ, hoặc giả là một loại nghĩa vụ do các tăng chúng có quan hệ luân lưu suy chức, hoặc giả do tăng chúng tự mình đối với Phật giáo có tinh thần kiên thành hiến thân mà tự nhận chức, lấy chuyện đảm nhiệm và làm tốt công tác coi như hình thức tích thiện, bòn công đức.

Tuy nhiên cũng trong các chức vụ lao khổ này, nhưng chức trang chủ và chức chư liêu giám thu thì không phải vậy. Nhìn qua khía cạnh tính chất, bọn họ với tịnh đầu, viên chủ thì chức vụ cũng giống nhau, tức cũng là các chức vụ tạp dịch trong chốn tùng lâm, chẳng qua vì cái mà họ quản lý lại là tiền nong, lương thực, địa điểm lại tọa lạc cách chùa khá xa nên có quyền lực chi phối, cho nên từ các chức vụ này nêu ra lắm cơ hội lẫn chuyện riêng tư, tệ lậu, do đó các chức này trở thành mục tiêu tranh bá chiếm đoạt của Thiên lâm.

Tác giả rất rành rõ chuyện trang chủ và chư trang giám thu dễ dàng bày ra các hành vi xấu xa tệ lậu, nêu ra biện pháp cải cách quản lý ruộng vườn. Tuy nhiên biện pháp mà tác giả đưa ra là bãi bỏ chức vụ trang chủ và chư trang giám thu. Theo tác giả trong trang viện ruộng nương chỉ cần lâm thời phái người đến công tác xử lý theo mỗi thời vụ, loại biện pháp này chưa chắc đã thích đáng, vì thực ra tình trạng tệ lậu của quản lý ruộng vườn có liên quan mật thiết đến tình trạng tệ lậu quản lý cả tùng lâm. Giả như trong chế độ quản lý nhà chùa mà có thể duy trì phát huy dân chủ, công khai ngay thẳng tuyển chọn trụ trì, đối với quyền lực của chức vụ trụ trì mà có được một số thực thi giám sát và ước thúc hữu hiệu, đồng thời giảm thiểu hẳn việc các cựu chấp sự can dự việc quản lý tự viện, thì chắc hẳn chế độ quản lý ruộng vườn đầy tệ lậu được trừ bỏ không có khó khăn gì!

## NGHI THỨC SUY CỬ LẬP TĂNG THỦ TỌA

Chuyện này thật là nghiêm trọng, không thể suy cử hời hợt bừa bãi được. Nếu như trong chùa hiện có bậc trụ trì các chùa lớn danh tiếng nay đã thoái vị (Tây đường) hay danh đức thủ tọa trước kia đang cư ngụ tại bôn tự mà đức hạnh và học vấn của

họ vốn được đại chúng kính trọng suy tôn, thì nhà chùa phải uyển chuyển trần tình hỏi ý kiến của họ. Nếu như các vị ấy biểu thị đồng ý thì phải đặc biệt cử hành nghi thức thượng đường bảm bạch: “Chùa này đại chúng quá đông, cần phải có người xứng đáng đủ sức đảm đương trọng nhiệm cùng nhau cộng đồng kiến lập đại pháp, tăng cường việc rèn luyện tăng chúng. Trong chùa hân hạnh có được mẫu người như thế, kiến thức cao minh, là hóa thân của trí huệ (huệ mạng ký thác)”. Sau khi xuống tòa một lúc, (trụ trì) cùng với hai tự và đại chúng bái thỉnh vị ấy: “Vì chúng khai tòa thuyết pháp để mọi người được học hỏi, hy vọng phát tâm từ bi chấp nhận”. Sau khi vị ấy xuống tòa, hành giả của thất phương trưng dùng mâm cây có phủ vải trình hai tấm bài có chữ nhập thất và phổ thỉnh, đồng đại chúng nơi dưới tòa bái thỉnh, trí tứ rằng: “Đại chúng dốc lòng ái mộ sư từ lâu, sớm mong được sư dạy dỗ. Hy vọng sư rủ lòng từ bi nhận lời thỉnh cầu”. Người nhận lời mời thỉnh ngay đó đến thất phương trưng đốt hương cùng giập tọa cụ xuống nền trí ý tạ ơn, bảm bạch: “Mỗ giáp đây hân hạnh được chấp nhận cho cư ngụ tại quý tự, lý ra không nên xuất đầu lộ diện, chỉ nương nấu chút thân tàn, nhưng nay đã mong được tiến cử thì nào dám chối từ, cô phụ trái ý mọi người”. Trụ trì đáp từ: “Phật pháp hoàng dương đều trông cậy ở thanh đức của sư, ngưỡng mong sư thương xót mà nể tình!”. Trụ trì đáp tạ xong, hành giả của đường ty giống chuông ở tầng đường, đại chúng cùng đưa lập tăng thủ tọa trở về liêu.

Bấy giờ, tân lập tăng thủ tọa và trụ trì cùng giập tọa cụ xuống nền một lần trí ý lễ bái, đoạn đưa tiền tân lập tăng thủ tọa ra khỏi thất phương trưng. Lập tăng thủ tọa tiếp đó vái chào vãn an đại chúng. Sau đó, duy-na đến liêu của tân lập tăng thủ tọa thương nghị bố trí cho ngài một thị giả, tiếp đó treo bài phổ thỉnh, đồng thời bố trí chiếu đường nơi tân lập tăng thủ tọa sẽ vì đại chúng thuyết pháp với các pháp cụ như ghé Thiên, cây xơ quất, chủ trưng, lư hương, đèn cây. Giống một hồi trống, đại chúng tề tựu tại chiếu đường, yên đầu đó rồi thì lập tăng thủ tọa đến chỗ ngồi của mình. Duy-na bước ra khỏi ban đốt hương rồi cùng đại chúng lần nữa hạ bái biểu thị tình ý khẩn thiết thỉnh mời, lập tăng thủ tọa ngồi kiết-già, lưỡng tự vái chào vãn an. Kế đó, trụ trì vái chào vãn an. Lập tăng thủ tọa vì đại chúng thuyết pháp xong, duy-na lại cùng đại chúng hạ bái thân tạ. Lập tăng thủ tọa tức ôm hương đến thất phương trưng trí tạ trụ trì, trải tọa cụ lễ bái ba lạy hai lần, bảm bạch: “Những mong được Hòa thượng đường đầu ủy phái làm việc, con chỉ còn biết dạn mặt dạn mày thừa đương chức vụ nặng nề. Nếu có chỗ nào không tròn nhiệm vụ thì mong được Hòa thượng phát tâm từ bi, rộng lượng bao dung, thật không khỏi hổ thẹn, kính sợ!”. Nói

đoạn, lập tăng thủ tọa đến khổ ty và các liêu xá vái chào vấn an. Phương trượng chuẩn bị bữa cơm rau giản đơn chiêu đãi lập tăng thủ tọa, lại đặc biệt chuẩn bị thang thủy và cơm tối, ban đêm lại chiêu đãi thang thủy và trái cây. Các buổi chiêu đãi này đều mời chấp sự tăng lương tự quang lâm bầu bạn, thị giả của lập tăng thủ tọa cũng được dự tiệc mời.

Qua ngày hôm sau, trụ trì đặc biệt tổ chức trà điểm tại tăng đường để chiêu đãi lập tăng thủ tọa. Thị giả thỉnh khách cụ bị bưng văn báo chiêu đãi trà, đến liêu lập tăng thủ tọa thắp hương bái thỉnh, lễ tiết cũng giống như khi thiết đặt trà điểm chiêu đãi tân thủ tọa. Lập tăng thủ tọa cũng phải thiết đặt trà điểm chiêu đãi lại thủ tọa và đại chúng, lễ tiết cũng giống như thủ tọa tiền đường thiết đặt trà điểm chiêu đãi thủ tọa hậu đường và đại chúng. Trụ trì cũng chọn một ngày nào đó tại thất phương trượng thiết đặt trà điểm để khoản đãi tân lập tăng thủ tọa, có mời chấp sự tăng lương tự đến quang lâm bầu bạn.

### **NGHI THỨC THỈNH MỜI DANH ĐỨC THỦ TỌA**

(Đối với người được mời thỉnh) thì trụ trì trước hết phải hỏi qua ý vị này, nếu như vị ấy đồng ý thì trước tiên trụ trì phải chiêu đãi ông ta trà tại thất phương trượng có lương tự quang lâm bầu bạn. Sau đó giống trống thăng tòa mà không cần trải qua giai đoạn treo bảng báo cho đại chúng biết. Tại pháp tòa, trụ trì thành khẩn giới thiệu lý do tôn thỉnh danh đức thủ tọa. Xuống tòa, trụ trì cùng toàn thể tăng chúng hướng về danh đức thủ tọa bái thỉnh thành ý bái thỉnh, sau đó thỉnh chuông đưa danh đức thủ tọa trở về tăng liêu. Lễ nghi thiết bày trà thang quản đãi cũng giống như nghi thức chiêu đãi lập tăng thủ tọa đã nói ở trên.

Nghi thức tự chức và thoái nhiệm của danh đức thủ tọa được cử hành đơn độc (nhưng trang trọng), chứ không cử hành chung với nghi thức tự nhiệm và thoái chức của chấp sự tăng lương tự (bởi danh đức thủ tọa không quản lý một sự vụ cụ thể nào) nên không có thủ tục giao tiếp thay thế.

### **Bảng thức mời trà danh đức thủ tọa:**

Sáng nay sau khi dùng trai xong, Hòa thượng đường đầu (trụ trì) tại vân đường (tăng đường) đãi trà tân mạng thủ tọa, tạm tổ bày nghi thức chúc mừng. Thỉnh mời các tri sự và đại chúng cùng quang lâm bầu bạn.

Ngày ... tháng ... thị ty mỗ kính bả̃m bả̃ch

\* \* \*

## LỜI BÀN

Lập tã̃ng thủ tọ̃a và Danh đứ̃c thủ tọ̃a đều là những chức vụ cao cấp danh dự trong Thiền lâm, không thuộc vào hàng ngũ của lưỡng tự, cho nên nghi thức bả̃i thỉnh và thoái nhiệm đều cử hành đôn độc, chứ không cử hành chung với lưỡng tự hay các chức vụ khác.

Tại Cổ thanh qui thì hầu như không có hai chức sự này, hai chức này do người đời sau thiết lập, còn thiết lập vào thời gian nào thì không thể xác định được rõ ràng. Chức vụ Lập tã̃ng thủ tọ̃a tại địa hạt giáo hóa, chuyên đào tạo tã̃ng chúng, chủ yếu vì đại chúng thuyết pháp cùng việc chấp nhận cho tã̃ng chúng vào thất tham học thừa hỏi đạo pháp. Nhìn từ chức trách và địa vị có nhiều điểm giống như Viện trưởng viện Phật học đời sau. Chắc hẳn đây là chức vụ để tã̃ng cường việc giáo dục Phật học cho tã̃ng chúng ở các chùa có bề thế to lớn, còn ở các chùa có bề thế nhỏ bé thì chưa hẳn đã có chức vụ này. Tại Phật học viện ngày nay, chủ yếu là tập trung giáo dục Phật pháp cho học tã̃ng, nhà chùa đều đưa học tã̃ng đến viện theo học nên không cần thiết đặt chức Lập tã̃ng thủ tọ̃a nữa.

Còn như Danh đứ̃c thủ tọ̃a, là một cương vị không có chức trách cụ thể, chỉ chủ yếu nhiệm danh và đứ̃c của vị thủ tọ̃a này để tạo ra một hình tượng gương mẫu cho chúng tã̃ng, đồng thời cũng nương vào Danh đứ̃c thủ tọ̃a để đề cao uy tín của nhà chùa. Chùa Thiền hiện nay cũng không có chức này.

Do nơi ý nghĩa trọng đại của hai chức vụ danh dự nêu trên, cho nên người đảm nhận chức vụ này danh vọng rất cao, do đó nghi thức bả̃i thỉnh thập phần trang nghiêm long trọng.

## NGHI THỨC CHẤP SỰ Tã̃NG LƯỠNG TỰ TỰU CHỨC VÀ THOÁI NHIỆM

Đầu thủ của (Tây ban trong chấp sự tã̃ng lưỡng ban vị trí rất quan yếu) nên phải lựa chọn người tài đứ̃c công xứng để đảm nhiệm, nhưng gần đây, bọn người dung tục chẳng có chút kiến thức, nghĩ giản đơn chức vụ đầu thủ chỉ có nhiệm vụ lo việc ăn

uống để thù tiếp mọi người, khiến cho bậc cao sĩ an bản lạc đạo càng thêm cam chịu lui gót giấu thân không đảm nhiệm chức vụ đầu thủ để bảo trì thanh cao thì từng lâm lấy gì khiến người ta nghe tiếng mà đến, nhân đó mà hấp dẫn nhân tài đây? Giữ chức vụ trụ trì thì phải nên nỗ lực cách trừ tề đoan nêu trên mới được.

Còn như tri sự Đông ban thì theo Cổ thanh qui chỉ nêu ra năm người là giám viện, duy-na, điền tọa, trực tuế, khổ đầu mà thôi.

Khi nhiệm kỳ của chấp sự tăng hai ban đã mãn, tự động đánh chùy gõ, hướng về đại chúng tuyên bố thoái vị, quay về tăng đường giữ thân phận 1 tăng chúng bình thường trong đại chúng, ban sơ chẳng yêu cầu được đặc biệt đãi ngộ liêu riêng, giường lể, do đó mà từng lâm hết sức thịnh hành.

Gần đây (phong khí đại biến) tại các chùa Thiên lâm bất kể là lớn hay nhỏ, số cần cụ hương thụ đãi ngộ đặc thù đông có số trăm, bộc dịch phục thị cho nhóm người này tăng thêm gấp bội. Trong khi tại tăng đường, số tăng nhân phổ thông chủ yếu le hoe không được mấy người.

Trong khoản niêu hiệu Thái Định, thừa tướng Thoát Hoan kiêm luôn chức quản lý Tuyên chính viện, phân các chùa ra ba hạng thượng – trung và hạ, qui định hạn ngạch sinh thỉnh tăng tri sự và cần cụ mỗi năm của các chùa, căn cứ vào tình hình thiếu thừa mà hoạch định, ấy là vì chuyện nêu trên vậy. Các chùa Thiên lâm phải tuân thủ qui định này của thừa tướng Thoát Hoan mới được. Phàm chức sự tăng sắp mãn nhiệm kỳ phải đến thất phương trượng thỉnh cầu thoái vị. Như lựa chọn ngày tân chức và thoái vị đã xong, trụ trì bảo hành giả bẩm báo cho lưỡng tự biết. Ngay tối đó, lúc chuông chiều gióng lên, đoàn cụ tri sự các người đến thất phương trượng thắp hương bẩm báo, lấy tọa cụ giập xuống nền biểu ý lạy một lạy, nạp lại cho khóa ty chìa khóa và sổ sách rồi là thoái vị. Như trong đám có người nhất định là được lưu nhiệm thì trụ trì đích thân đưa số người đó đến khổ ty, thị giả đốt hương, dọn thang thủy, trụ trì ân cần khuyên mời họ lưu nhiệm.

Qua ngày hôm sau, lúc chuông gióng báo canh năm, các đầu thủ ôm hương đến thất phương trượng, giập tọa cụ xuống nền biểu ý lạy một lạy, bẩm báo thoái vị. Thảng hoặc có người được lưu nhiệm thì lễ tiết tiến hành cũng như đối với tri sự. Trước đó, dọn thang thủy lưu nhiệm họ.



Sau đó, trụ trì giao cho hành giả khách đầu một bảng danh sách chấp sự tăng hai ban vừa mới tuyển định, bảo mời thỉnh các vị tân chấp sự tăng, cùng Tây đường, cần cữ độ cháo. Dùng cháo xong thì đãi trà. Nhóm người tri sự cần cữ trong hai ban đợi tăng đường múc cháo khắp mới theo cửa sau mà vào. Một vị có tư cách cao trong nhóm cữ tri sự đánh một chùy gỗ nói: “Xin các vị hãy chú ý! Nhóm chúng tôi đây trước kia được Hòa thượng đường đầu từ bi phân công trông coi các hạng mục công tác của khô ty. Nhưng nay đây tâm lực đều mệt mỏi, xin được thoái vị trở về tăng đường làm một tăng chúng bình thường. Xin kính cẩn bẩm báo!”. Lại đánh một tiếng chùy gỗ nữa, từ bên trái tượng Thánh tăng bước ra trước trụ trì, trái tọa cụ giập đầu lạy ba lạy hai lần. Trái tọa cụ lần đầu nói: “Bọn chúng con đây trước kia thừa mong Hòa thượng tuyển chọn đề bạt lực dụng, tự biết tài năng không đủ, trong lòng hết sức hổ thẹn!”. Lần trái tọa cụ thứ hai thừa hỏi chuyện âm lạnh. Nói xong, giập tọa cụ xuống đất 3 lần lễ bái rồi trở người lui ra, từ bên hông phải tượng Thánh tăng tiến ra phía trước tượng, trái tọa cụ quì lạy giập đầu ba lạy, chuyển người từ thủ tọa bản đầu đứng dậy, đi khắp tăng đường một vòng rồi đứng lại tại chính giữa tăng đường, vái chào vãn an mọi người rồi lui ra.

Dùng xong cháo, hành giả khách đầu giữ lại tân nhiệm chấp sự tăng, mời đến thất phương tượng hiến trà. Uống trà xong, trụ trì đích thân đứng dậy đốt một nắm nhang, trở về vị trí cũ nói: “Hai tự trước đây đã báo thoái vị nhưng chức vụ này không thể thiếu trông người phụ trách được. Nay xin bái thỉnh vị mõ sung chức tri sự, vị mõ sung chức đầu thủ!”. Sau khi tuần tự tuyên bố thỉnh mời vị nào sung chức nào rồi, trụ trì bước đến trước lu hương đứng. Thị giả vái chào mời các người mới nhận chức đến trước trụ trì, hai bên cùng giập mặt giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy. Các tri sự mới nhận chức cũng bước tới trái tọa cụ lạy ba lạy hai lần. Trái tọa cụ lần đầu nói: “Bọn con vào tùng lâm chưa lâu, mọi sự việc đều còn mới lạ. Nay thừa mong Hòa thượng tín nhiệm cho bọn con nhận chức vụ vâng theo sự sai bảo của ngài, trong lòng thật không khỏi hết sức sợ hãi!”. Trái tọa cụ lần thứ hai nói: “Hôm nay thời khí chính đang tốt đẹp, kính chúc Hòa thượng đường đầu sinh hoạt như ý, bảo trọng pháp thể, mạnh khỏe, nhiều phước”. Kế giập tọa cụ xuống nền ba lần trí ý lạy ba lạy, mỗi lần tân tri sự lạy kính trụ trì đều lạy đáp lễ một lạy. Tân đầu thủ bước đến trước trái tọa cụ giập đầu lạy ba lạy hai lần, bạch lời như tân tri sự đã nói trước đó. Sau đó, hai ban tân chấp sự quay về vị trí của mình, thị giả hiến thang thủy (căn cứ vào bản Hàm Thuận thanh qui – trùng tu vào niên hiệu Hàm Thuận đời Nam Tống ghi chép thì lúc ấy) còn có nghi thức vái chào mời ngồi, thỉnh mời đốt

huong, mời thang thủy cho đến nay tự viện các nơi vẫn còn tuân hành. Có người còn cho rằng tới hôm ấy tự viện phải đặc biệt chiêu đãi tân chấp sự. Tuy nhiên, điều này cũng có thể miễn thi hành hoặc giả cử hành hay không là tùy ở ý trụ trì. Dùng thang thủy xong, tân chấp sự ban phải biểu thị cảm tạ trụ trì, có khi trải tọa cụ giáp đầu lay ba lay, có khi miễn cử hành nghi thức này (nghĩa là tùy nghi mà quyết định). Hành giả cung đầu gióng chuông tăng đường, đại chúng ai ai đều trở về chỗ mình ăn cơm mà đứng. Trụ trì bước vào tăng đường, trước hết đưa thủ tọa tiền đường, kế đến là các đầu thủ trở về vị trí dùng cơm. Các người này đều dập tọa cụ xuống nền trí ý lay một lay. Kế đến, trụ trì đưa thủ tọa hậu đường trở về vị trí ăn cơm, giáp mặt cùng giáp tọa cụ xuống nền trí ý lay nhau một lay. Cả ban tân tri sự trước tiên đứng tại bản đầu của Tây đường. Sau khi trụ trì quay về vị trí ăn cơm của mình, thì duy-na tiến đến trước mặt trụ trì vái chào vãn an xong đứng kế bên (trong trường hợp duy-na đã thoái vị thì do tri khách hoặc thị giả thay thế cử hành lễ này). Trụ trì lấy danh sách tân ban chấp sự giao cho duy-na, duy-na ngay đó vái chào vãn an, từ sau lưng tượng Thánh tăng bước vòng ra đánh một tiếng chùy gỗ bầm bạch: “Kính bạch đại chúng! Các tiền tri sự đã tuyên bố thoái vị, nhưng chức vụ này không thể thiếu người. Vừa hay tuân phụng từ chỉ của Hòa thượng đường đầu thỉnh mời vị mõ này sung vào chức vụ mõ, vị mõ kia sung vào chức vụ mõ. Nay xin cẩn cáo bạch!”. Lại đánh một tiếng chùy gỗ nữa, thị giả vái chào mời cả ban tân tri sự đến trước trụ trì giáp tọa cụ xuống nền trí ý lay một lay. Duy-na bầm bạch rằng: “Nghi thức bái thỉnh tân ban tri sự đến đây là dứt”, rồi lại đánh một hồi chùy gỗ. Cả ban tân tri sự trải tọa cụ lay ba lay hai lần, lời lẽ cảm tạ cũng giống như trước. Các tân tri sự chuyển từ sau tượng Thánh tăng theo phía bên phải tượng Thánh tăng mà ra trước tượng Thánh tăng đứng thành hàng, trải tọa cụ giáp đầu đại lễ ba lay. Duy-na hướng dẫn tân tri sự ban đi một vòng tăng đường, quay trở về đứng ngay chính giữa chào hỏi vãn an, rẽ lui ngang qua bản đầu của Tây đường mà đứng. Hành giả đường ty nói to: “Đại chúng hãy lay mừng tân ban tri sự!”, rồi cùng giáp tọa cụ xuống nền trí ý lay một lay. Xong lại nói rằng: “Tân ban tri sự hãy lay tạ ơn đại chúng!”, mọi người lại cùng giáp tọa cụ xuống nền trí ý lay một lay. Xong lại nói: “Đại chúng hãy đưa tân ban tri sự đến khổ ty!”, hành giả cúng đầu động chuông tăng đường. Trụ trì đích thân đưa tân ban tri sự vào khổ ty, cùng nhau giáp tọa cụ xuống nền trí ý lay một lay, tân ban tri sự đưa trụ trì ra khỏi khổ ty. Rồi đó tân cựu ban tri sự tiến hành nghi thức giao nhận chức vụ, chuyển người đứng giáp mặt nhau, cùng giáp tọa cụ xuống nền trí ý lay một lay, tân ban tri sự đưa cựu ban tri sự ra. Thị giả trước tiên chúc mừng, kế đó đầu thủ lãnh đạo đại chúng chúc mừng. Xong đầu đó, hành giả nói: “Đại chúng hãy

đưa tân thủ tọa về liêu!”, rồi lại động chuông lần nữa đưa mừng. Xong nói rằng: “Đại chúng hãy đưa tân duy-na về đường ty!”, rồi lại thỉnh chuông đưa mừng. Kế đó nói: “Hai ban cựu chấp sự tăng thoái nhiệm hãy đưa tân thủ tọa hậu đường, thư ký, tạng chủ, tri khách trở về tăng liêu!”. Lễ tiết đưa, mừng cùng nghi thức giao nhận cùng với lễ tiết tân cựu tri sự giao tiếp giống nhau. Xong hành giả đường ty lại cao giọng nói: “Đại chúng hãy đưa cựu thủ tọa và Đô giám tự trở về tăng liêu!”, lại cũng động chuông biểu thị đưa mừng. Xong lại cao giọng nói: “Lưỡng ban cần cựu hãy đưa từ thủ tọa trở xuống là các cựu đầu thủ về môn đường, từ đô tự trở xuống là các cựu tri sự về liêu tiền tự!”. Lễ tiết cũng cử hành như đưa tân chấp sự trước đó. Kế đó, tân ban chấp sự tăng đưa tiễn trụ trì ra khỏi khố ty và tân ban tri sự được liêu chủ ngay đó đến tiếp rước, cùng nhau chuyển người đứng giáp mặt, cùng nhau giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy, nhưng không cần đưa tiễn liêu chủ ra ngoài mà ngồi lại đón nhận chúc mừng. Lễ tiết đưa tiễn, chúc mừng, đón tiếp xong, tân và cựu ban tri sự đều mang hương đến thất phương trượng bái tạ trụ trì. Hương của tân ban chấp sự do khó ty cụ bị. Lễ tạ ơn xong, tân cựu ban chấp sự cùng rảo một vòng các liêu thăm hỏi đại chúng. Phương trượng chiêu đãi mời dùng điểm tâm và bán trai. Buổi ngộ trai chỉ dọn cơm rau sơ sài, nhưng có mời Tây đường và cần cựu quang lâm bầu bạn. Các chức trách tạp vụ (từ liêu nguyên trở xuống) mãn nhiệm kỳ thì phải đợi khi trụ trì hoàn thành việc mời tân ban chấp sự lưỡng tự xong mới chọn ngày thuận tiện đến liêu duy-na (đường ty) bẩm báo xin thoái vị. Duy-na sẽ nhất nhất tuyển chọn nhân viên tạp vụ tốt mới cùng với nhân viên cũ tiến hành nghi thức giao nhận.

### **THỈNH MỜI TRI SỰ LÚC TREO BÁT**

Có nơi trụ trì mời thỉnh tân tri sự nhưng không cùng mọi người thương lượng hỏi ý kiến trước mà âm thầm tự mình tuyển định người. Trước tiên dặn dò hành giả đường ty ngay tăng đường khi đại chúng vừa ăn cháo sớm xong treo bát bèn nói: “Đại chúng hãy tạm đứng lại giây lát để cử hành nghi thức thỉnh mời tân tri sự!”. Duy-na vào tăng đường đến trước tượng Thánh tăng đốt hương đi rảo một vòng quanh tăng đường rồi đến trước trụ trì chào hỏi vấn an rồi đứng kế bên, trụ trì đưa cho duy-na danh mục các tân tri sự mà mình mời thỉnh. Duy-na tiếp lấy ngay đó vái chào vấn an, rồi từ phía sau tượng Thánh tăng chuyển mình bước ra đánh một tiếng chùy bầm bạch: “Kính bạch đại chúng! Vừa hay phụng mạng từ chỉ của Hòa thượng đường đầu mời thỉnh vị mỗ sung chức vụ tân tri sự”. Duy-na tuần tự bầm bạch xong thì thị

giả vái chào mời tân tri sự đến trước mặt trụ trì nhận chức, lễ tiết cũng như lễ mời thỉnh tân tri sự thông thường trước đó. Sau đó quay về thất phương trượng dùng trà, nghi thức thỉnh mời tân đầu thủ ở trường hợp này cũng giống như nghi thức thỉnh mời thông thường tân đầu thủ trước đó.

## **THỊ GIẢ THOÁI CHỨC, TỰU NHIỆM**

Sau khi công tác thỉnh mời chấp sự tăng lương tự hoàn tất, cựu thị giả theo trụ trì đến thất phương trượng bẩm báo rằng: “Bọn con đây thị phụng Hòa thượng đã lâu, nay muốn bẩm báo thoái chức theo đại chúng tu học đạo pháp. Ngưỡng mong Hòa thượng từ bi chấp thuận!”. Nói xong đốt hương, trái tọa cụ đại triển ba lạy rồi lui ra. Trụ trì đem ý kiến thỉnh mời tân thị giả phê duyệt rồi truyền cho đường ty (liêu duy-na). Duy-na đem bản phê duyệt này giao cho hành giả bảo y cứ theo bản phê duyệt thỉnh mời này mà bái thỉnh tân thị giả, lại bảo liêu nguyên cùng ra sức khuyến mời rồi cùng tân thị giả đến liêu duy-na uống trà. Sau khi mời vào, đốt hương dọn trà đãi xong rồi duy-na lại đứng dậy đốt hương tuyên bạch rằng: “Vừa hay phụng mạng từ chỉ của Hòa thượng đường đầu lệnh vị thượng tọa mỗi giáp sung chức thị giả”. Tuần tự bái bạch xong, vái chào mời người được mời thỉnh bước tới rồi cùng nhau giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy rồi chuyển vị trí đưa đến chỗ vị trí của thị giả. Duy-na vái chào mời ngồi, mời đốt hương rồi quay về vị trí thị giả mà ngồi. Sau khi dùng thang thủy xong, dẫn lên thất phương trượng. Trụ trì bước ra, duy-na tiến tới trước bái bạch: “Vừa hay phụng mạng từ chỉ của Hòa thượng bảo mời thỉnh vị mỗi giáp sung chức thị giả mỗi. Nay đưa vị ấy đến đốt hương lễ bái Hòa thượng”. Trụ trì ngồi nghiêm trang trên vị trí mình, tân thị giả thấp hương, trái tọa cụ cử hành đại lễ lạy ba lạy. Xong, duy-na đưa tân thị giả trở về tăng liêu, cùng nhau giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy. Thị giả đưa duy-na ra khỏi liêu rồi cùng cựu thị giả làm thủ tục giao nhận chức vụ, lễ tiết này cũng giống như lễ tiết giao nhận chức vụ của tân cựu đầu thủ [căn cứ vào Hàm Thuận thanh qui (thanh qui đời Hàm Thuận nhà Nam Tống)] ghi chép thì cũng có tình huống trụ trì đích thân tiễn đưa thị giả về tăng liêu. Phần thị giả phải giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy trụ trì một lạy rồi đưa ngài ra khỏi tăng liêu. Nhưng căn cứ vào Chí Đại thanh qui (thanh qui đời Chí Đại nhà Nguyên) ghi chép thì chỉ khi nào có bậc danh sĩ đầy đạo đức sung vào chức thị giả thì trụ trì mới đích thân đưa vào liêu, giáp mặt giập tọa cụ xuống đất trí ý lạy một lạy, duy-na phải chúc mừng mà thôi. Không nên xem đây là thường qui]. Sau đó, hành giả thất phương trượng, kiệu phu và trực sảnh đường đến lạy mừng. Sau đó, hành giả đường

ty dẫn thị giả cũ mới cùng rảo khắp các liêu một vòng để thăm hỏi đại chúng. Xong rồi, tân thị giả phải đến thất phương trượng thấp hương lạy tạ ơn trụ trì. Buổi đầu mới bàn giao chức vụ, cựu thị giả sớm tối luôn quanh quẩn bên cạnh tân thị giả để đến thất phương trượng hướng về trụ trì vái chào vấn an.

Ba ngày sau, trụ trì mới phê lệnh cho đường ty đưa cựu thị giả về liêu chúng tăng, cùng với duy-na đồng giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy nhau một lạy rồi mới đưa duy-na ra khỏi liêu, kẻ đó vái chào cùng thăm hỏi liêu nguyên. Xong lại trở lên thất phương trượng đốt hương lễ bái tạ ơn trụ trì. Riêng thị giả Thánh tăng thì thuộc trách nhiệm của duy-na tuyển chọn, duy-na cùng với người trúng tuyển thương lượng, sau khi tự chức được duy-na dẫn lên thất phương trượng lễ bái tạ ơn trụ trì, và theo lệ thường thì cũng có bày trà thang cùng điểm tâm mà gia dĩ khoản đãi.

\* \* \*

## LỜI BÀN

Tiết thứ 6 mô tả tình huống các cựu chấp sự từ nhiệm ra sao và trụ trì làm thế nào tuyển dụng chấp sự mới, cùng với các nghi thức thoái nhiệm và tự chức của cựu và tân chấp sự, an bài cách thức giao tiếp của chức sự cũ và mới. Tiết thứ bảy mô tả việc trụ trì từ bỏ thường qui trình tuyển chọn tân chấp sự theo cách đặc thù riêng biệt. Tiết thứ tám trình bày cách thức cựu thị giả xin từ nhiệm khi hết nhiệm kỳ, tân thị giả được chọn lựa thế nào và khi tân cựu thị giả bàn giao chức vụ thì có nghi thức gì? Theo lý thì thị giả là một trong các đầu thủ của Tây tự nên việc bàn giao chức vụ đáng lẽ được trình bày luôn ở tiết thứ sáu, nhưng do thị giả là nhân viên thân tòng của trụ trì, có thân phận thật đặc biệt. Hơn nữa, có loại thị giả như y bát thị giả không ở ban nào cả, tức là khi hai tự bày ban tham thỉnh, thì thị giả cũng chỉ thị phụng bên mình trụ trì, chứ không thuộc hàng ngũ chấp sự tăng tự. Do đó liên quan đến việc thị giả từ nhiệm và tự chức thì phải đề cập riêng biệt một tiết.

Việc từ nhiệm và tự chức của một số chức sự tăng trong chùa vừa nêu trên có quan hệ rất lớn đối với việc triển khai các hạng mục công tác tốt hay xấu của chùa, đồng thời cũng có ảnh hưởng rất lớn đối với sự thịnh suy của chùa Thiền lâm. Nước nhà hưng hay suy là do ở cách dùng người, mà ngay Phật giáo hưng hay suy cũng là do ở cách dùng người thôi. Tăng tục tuy khác nhau, nhưng đạo lý vẫn tương thông. Do có sự thận trọng trong việc tuyển lựa anh tài, quyết định của trụ trì trong khi tuyển

chọn các chức sự, luôn cần phải trung cầu ý kiến của các trưởng lão và các cựu chấp sự tăng nay đã thoái vị và trụ trì các chùa bạn xung quanh, lắm khi còn phải nghe theo ý kiến của các đàn việt có sự quan hệ thường xuyên, lâu đời, mật thiết với nhà chùa. Các trình tự nêu trên, một mặt thấu thập được hiệu quả rộng lớn do tham khảo ý kiến nhiều người, mà mặt khác còn tránh được việc lập bè kết phái tranh giành chức vụ trong chùa. Tuy nhiên tham khảo ý kiến từ nhiều phía như thế lại ảnh hưởng quá lớn đến quyết sách chính xác của trụ trì vì phải dẫn đo uyển chuyển theo sự phân tranh của lắm hệ phái nên có khi trụ trì bãi bỏ sự phiền nhiễu của nhiều ý kiến này nọ, thực hiện biện pháp đặc biệt độc hành, độc đoán. Nhưng trong tình huống này thì trụ trì dụng tâm liệu có công minh chẳng? Cái nhìn của ngài có bén nhọn chính xác chẳng? Lại cũng là một dấu hỏi lớn! Đúng là tiến cũng khó mà lùi cũng khó, làm thế nào để tuyển hiền – nhiệm năng đây? Thật sự đây là một chuyện không phải dễ dàng xử lý.

Theo kinh nghiệm từ ngàn năm mà xét thì tự viện nên bảo chúng tuyển hiền-nhiệm năng, phải chăng việc phương trượng chọn được người có tài đức là một việc hết sức trọng yếu? Vậy thì nên chăng phải tạo ra chế độ bồi dưỡng, khảo hạch nhân tài, cùng với việc phải thiết lập chế độ theo dõi giám sát tất cả các chức vụ trong chùa? Đây là vấn đề cực kỳ trọng yếu và căn bản.

Ngoài ra, an bày thế nào cho hợp lẽ đối với những người thoái vị cũng là một vấn đề lớn. Trong sách phản đối việc các tăng chấp sự đã thoái vị được hưởng thụ đãi ngộ quá cao, mà đề xướng chế độ có thể lên cao mà cũng có thể xuống thấp, nghĩa là các chức sự tăng sau khi thoái vị, ngoại trừ trường hợp ngoại lệ, còn nếu không thì nên trở về sinh hoạt trong chúng bình thường. Đây là một quan điểm nhìn xa, trông rộng vậy. Tiến vi tăng chức, thoái vi tăng chúng là chuyện bình thường mà!

### **CHẾ ĐỘ BÀN GIAO ĐỒ ĐẠC CỦA LIÊU XÁ**

Đồ đạc của liêu xá do thường trụ sắm ra không phải dễ, nhưng thường thường các chức sự tăng hay xem liêu xá như là nhà khách truyền nhau từ người này sang người nọ, cho nên gặp lúc phải bàn giao rời chùa thì mặc cho hương nhân của mình mạnh ai nấy khuôn vác lấy xài, khiến trong liêu xá chỉ còn trống lóc, khiến người tới tiếp nhận liêu xá đờ người ra chẳng biết phải làm sao, chỉ còn cách kê khai một danh mục vật dụng cần dùng, đến khổ ty yêu cầu cung ứng. Nếu cung ứng không đủ thì chẳng tránh được chuyện trách móc phiền lòng, khiến trên dưới miệng mồm lời tiếng

chẳng yên. Giá như (khố ty chiếu theo số vật dụng yêu cầu mà) cung cấp cho người mới nhận liêu xá, thì lại tăng thêm phần gánh chịu của thường trụ nhà chùa.

Đó đó mà khố ty nên thành lập một tổng sổ bộ, rành rõ ghi chép vật dụng các liêu trình trụ trì tri sự kiểm định, rồi tại mỗi liêu phân phát cho một sổ bộ nhỏ cũng ghi chép đầy đủ vật dụng của mỗi liêu, hai sổ lớn nhỏ này đối chiếu giống nhau mới được (khố ty và người quản sự các liêu mỗi bên giữ một sổ). Khi tân cựu chấp sự thay thế nhau thì phải căn cứ vào vật dụng ghi trong sổ bộ hiện còn mà giao nhận nhau, nếu có vật dụng nào hư hoại thì phải lấy của thường trụ mà tu bổ, còn nếu vật dụng nào mất mát thì người hiện ngụ tại liêu đó phải tự bồi thường. Lúc sắp tấn chức và thoái vị, thì trước đó vài ngày phó tự dẫn theo hành giả mang sổ bộ đến các liêu, trước hết kiểm điểm đối chứng rõ ràng. Trách nhiệm cụ thể do nhân bộc của liêu đó đảm đương, không được để vật dụng mất mát (mà phải giữ gìn cẩn thận). Nếu ai vi phạm điều lệ thì phải bị trách phạt bồi thường, hoặc giả vật dụng trong liêu có tăng thêm số mục sau khi kiểm kê thì phải kịp thời hạch toán ghi thêm vào sổ bộ để tiện kiểm chứng ngày sau.

\* \* \*

## LỜI BÀN

Liên xá là một sinh hoạt thật cơ bản trong Thiền lâm, quản lý liên xá là một mắc xích cơ bản trong toàn bộ công việc quản lý của Thiền lâm. Do ảnh hưởng quan niệm coi Thiền lâm là tư hữu, cho nên vào đời Nguyên đồ đặc mất mát trong liên xá là một tình trạng rất trầm trọng, do đó tiết này qui định chế độ quản lý thật nghiêm khắc, bao quát chế độ trách nhiệm quản lý lúc bình thời lẫn lúc bàn giao tân cựu. Chế độ này rõ ràng liên quan đến trách nhiệm của chức sự tăng, ngăn chặn họ lợi dụng chức quyền lấy vật công làm của riêng, từ đó bảo hộ được tài sản chung, có tác dụng nhất định làm bớt đi rất nhiều xung đột mâu thuẫn.

## PHƯƠNG TRƯỞNG ĐẶC BIỆT ĐÃI THANG THỦY TÂN – CỰU LƯƠNG TỰ

Thị giả thỉnh khách bảo hành giả khách đầu cụ bị mâm cây có phủ vải cùng lư hương đến chỗ tân cựu thủ tọa tiền đường đốt hương, giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy bầm bạch: “Đường đầu Hòa thượng thỉnh trước buổi tiểu tham đến tẩm đường phương trượng để dự khoản đãi thang thủy”, kê đó đến trước tân – cựu đô tự đốt

huong mời nhưng không lay, lời lẽ cũng giống như mời thỉnh tân – cụ thủ tọa tiền đường nói ở trước. Kế đó đối với tân cụ chấp sự lưỡng tự thì bảo khách đầu đến mời thỉnh, đồng thời cũng mời luôn cần cụ quang lâm bầu bạn. Treo bảng Đãi thang thủy ở tấm đường, bày biện trang hoàng tòa vị, cần cụ quang lâm bầu bạn ngồi hai bên đối mặt nhau. Tân đầu thủ hàng nhất, tân tri sự hàng nhì, cụ đầu thủ hàng thứ ba, cụ tri sự hàng thứ tư. Phần các cần cụ khác dự quang lâm bầu bạn sắp ở hai bên chủ quang lâm bầu bạn, Tây tự ở bên trái, Đông tự ở bên phải.

Thị giả đốt hương cụ bị chiêu bài (tấm bảng ghi thứ tự chỗ ngồi). Đến giờ giống trống, khách mời tập họp cùng với thị giả thỉnh khách hành lễ (cùng với tiểu tòa thang lễ giống nhau). Đến chiều tối, dọn thang thủy và trái cây khoản đãi. Qua ngày hôm sau, khi dùng cháo sáng xong, thỉnh tân – cụ dùng trà, khổ ty cũng mời thỉnh dùng trà, nhưng không đến dự kịp mà phải đến thất phương trượng dùng trà xong, liền đến khổ ty trí tạ buổi bán trai. Khổ ty đãi điểm tâm đến dự bù lại, đưa người củ đãi cơm cháo ba ngày.

### **ĐƯỜNG TY ĐẶC BIỆT ĐÃI TRÀ THANG THỦY THỊ GIẢ MỚI CŨ**

Buổi cơm sơ sài xong, duy-na bảo hành giả đường ty (liêu duy-na) thỉnh mời thị giả mới cũ cùng với thị giả của tượng Thánh tăng trước buổi tiểu tham, đến liêu duy-na (đường ty) đãi thang thủy.

Đường ty (liêu duy-na) bày biện vị trí ngồi, treo bảng nêu vị trí, thỉnh liêu nguyên quang lâm bầu bạn. Đánh vân bản trước liêu, tiếp rước khách vào vái chào ngồi (lễ cũng giống như của khách ty chiêu đãi). Phải nên đãi thang thủy trước thất phương trượng đãi thang thủy hầu không phương hại đến việc hành lễ, đợi cho phương trượng đặc biệt đãi tân thủ tọa dùng trà xong thì khổ ty cũng đặc biệt mời thỉnh thị giả cũ mới dùng trà. Qua ngày hôm sau, các người được chiêu đãi phải trí tạ hai nơi.

### **KHỐ TY ĐẶC BIỆT THÉT ĐÃI LƯƠNG TỰ CŨ MỚI DÙNG THANG THỦY VÀ CƠM TỐI**

Cơm rau xong, bảo hành giả khách đầu cụ bị mâm gỗ trái nắp vải, đặt lư hương, đuốc. Thượng thủ tri sự đến chỗ liêu của thủ tọa và đô tự cũ mới đốt hương bẩm bạch rằng: “Chiều tối nay, buổi chiêu đãi thang thủy ở thất phương trượng xong, xin mời đến khổ ty đặc biệt đãi thang thủy. Cúi mong đến dự cho thêm phần trang trọng!”. Khách đầu nói gót mời thỉnh rằng: “Sau khi dùng thang thủy xong, xin tự



tòa dùng com tối!”, cũng mời thỉnh luôn các chức sự lớn nhỏ. Lại cũng mời thỉnh luôn Tây đường và cần cụ quang lâm bầu bạn, bày biện vị trí ngồi dựa lễ và treo bảng phân định vị trí ngồi. Vị trí ngồi phân ra làm bốn hàng: tân đầu thủ hàng thứ nhất, cụ đầu thủ hàng thứ hai, cụ tri sự hàng thứ ba, trang khố hàng thứ tư. Tân tri sự cũng y theo ban mà bày vị trí, riêng duy-na tự tòa quang lâm bầu bạn và cần cụ thì bày vị trí như phương trượng. Chờ cho buổi chiều đãi thang thủy ở thất phương trượng xong xuôi rồi, khố ty đánh vân bản, mọi người y theo bảng phân vị trí đứng an định, đô tự đi rảo một vòng tòa vị xong vái chào mọi người mời ngồi rồi đốt hương mời mọi người thấp hương, y theo thứ tự các hàng tòa vị rảo một vòng vái chào vãn an, quay về chính giữa đốt hương mời khách quang lâm bầu bạn thấp hương, quay trở về vị trí của mình mà ngồi rồi dâng đãi thang thủy. Dùng thang thủy xong, các người được mời đứng dậy bước ra đến trước lư hương tạ ơn đãi thang thủy, xong rồi khoác y đến tòa vị dùng com tối.

### **ĐƯỜNG TY ĐƯA CỤ THỦ TỌA VÀ CỤ ĐÔ TỰ ĐẾN BÁT VỊ**

Duy-na vào lúc ba ngày sau lúc lưỡng tự thoái chức và tự nhiệm xong, mới vừa hùng sáng, dặn dò hành giả đường ty dẫn nhân lực xách đèn lồng mời cụ thủ tọa, cụ đô tự đến đường ty (liêu duy-na) dâng đãi thang thủy. Duy-na đón tiếp vào, đốt hương dùng thang thủy xong, bậm bạch rằng: “Chức vụ thanh cao của các vị vừa mãn, theo lễ nhà chùa phải đưa về chỗ dùng com (bát vị)”. Nói xong, đưa đến tầng đường từ cửa sau vào. Trước đưa cụ thủ tọa, kế đến đưa cụ đô tự quay về vị trí bản đầu của họ. Mọi người cùng giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy nhau một lạy, ngay hôm đó ghi tên đến tầng đường.

### **PHƯƠNG TRƯỢNG KHOẢN ĐÃI LƯƠNG TỰ MỚI CŨ**

Trụ trì nhất nhất đặc biệt mời thượng đường nêu tên cảm tạ xong, lưỡng tự cũ mới tự lại dưới tòa cảm tạ. Thị giả thỉnh khách bảo hành giả khách đầu cụ bị mâm gỗ có trái nấp vải, đặt lư hương, đèn cây và hộp nhang đến trước thủ tọa và đô tự cũ mới đốt hương bậm bạch lời mời rằng: “Hòa thượng phương trượng vào lúc giờ ngọ, thỉnh mời các vị đến tẩm đường để khoản đãi!”. Khách đầu kế đó thỉnh mời những người cũ mới và cần cụ quang lâm bầu bạn. Tẩm đường bày biện vị trí ngồi và treo bảng phân định vị trí ngồi, khi khách đã tập họp đầy đủ thì báo trụ trì. Trụ trì bước ra đón tiếp mọi người vào tòa, y theo thứ tự ghi trong bảng phân vị trí mà lập định. Kế thị giả đốt hương cùng thị giả thỉnh khách rảo một vòng mời mọi người ngồi,

xong đốt hương ngồi vào bàn dự tiệc. Cả ban thị giả sắp hàng trước trụ trì vái chào vãn an, rồi ngồi vào vị trí. Đến lúc dọn cơm thì thị giả đốt hương rời chỗ ngồi đốt hương. Cử hành bố thí quà tặng và dùng cơm xong, rời khỏi bàn tiệc, giống trống cử hành lễ đãi trà (cũng giống như lễ đặc biệt mời thang thụ). Sau đó, giống trống ba tiếng lui ra khỏi tòa. Những người mới cũ cùng trái tọa cụ lạy giập đầu theo đại lễ ba lạy hai lần để bái tạ.

## **PHƯƠNG TRƯỞNG ĐẶC BIỆT ĐÃI TRÀ TÂN THỦ TỌA**

Khoản đãi xong, sáng hôm sau thị giả đốt hương phúc bảm lại với trụ trì, bảo hành giả khách đầu cụ bị mâm gỗ có nắp vải cùng lư hương, đèn cây và nhang. Thị giả thỉnh khách viết bảng thông báo đãi trà (hình thức cũng giống như khi đãi thủ tọa danh đức nói ở trước), đến liêu của tân thủ tọa, đốt hương giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy, bảm bạch rằng: “Hòa thượng đường đầu mời sau buổi độ trai đến vãn đường đặc biệt đãi trà, cúi mong đến dự để tăng thêm phần trang trọng!”. Khách đầu báo đại chúng treo bảng báo Đãi trà, cùng thỉnh mời tri sự và đại chúng quang lâm bầu bạn, bày trí bảng phân vị trí. Thị giả hành lễ (đều giống như bốn lễ tiết nêu ở trước, nhưng tại bốn bản đầu không để bàn đặt lư hương. Lại cũng không rảo một vòng tăng đường thỉnh mời trà). Lễ dứt, thu dọn chén trà của trụ trì và thủ tọa. Thủ tọa tiến đến trước trụ trì làm lễ đại bái, lần trái tọa cụ thứ nhất nói: “Hôm nay đây đặc biệt mong được dự lễ khoản đãi trà, ý tứ quá ân cần, trong lòng không khỏi hết sức cảm kích hổ thẹn!”. Lần trái tọa cụ thứ nhì nói lời chúc tụng chuyện ấm lạnh hằng ngày. Xong đầu đầy, giập tọa cụ xuống đất trí ý lạy ba lạy. Thủ tọa từ phía sau tượng Thánh tăng theo phía bên phải mà bước ra trước tăng đường, trụ trì lại đưa vào vị trí cũ nâng chén. Thị giả đốt hương cảm tạ khách quang lâm bầu bạn xong đầu đầy thu dọn chén, giống trống ba tiếng lui khỏi lễ tòa. Thủ tọa vẫn đứng tại phía phải bên ngoài pháp đường đợi trụ trì ra để tạ ơn đãi trà.

## **TÂN THỦ TỌA ĐẶC BIỆT ĐÃI TRÀ THỦ TỌA VÀ ĐẠI CHÚNG Ở HẬU ĐƯỜNG**

Sau khi được phương trượng đặc biệt đãi trà rồi. Sáng hôm sau, tân thủ tọa ôm hương đến thất phương trượng bái thỉnh rằng: “Sau bữa độ trai, đặc biệt mời thủ tọa và đại chúng hậu đường đến vãn đường (tăng đường) để đãi trà, cúi mong từ bi đến để tăng thêm phần trang trọng!”. Kế dâng tràng mời (hình thức chếp phía sau), rồi cụ bị mâm gỗ có trái nắp vải, đặt lư hương, đèn cây, đến liêu thủ tọa hậu đường đốt hương bái

thỉnh rằng: “Sáng mai lúc độ trai xong, xin mời đến vân đường đặc biệt đãi trà. Cúi mong đến để tặng thêm phần trang trọng!”. Trình nạp tờ trạng mời xong, bảo trà đầu của liêu mình giao phó cúng đầu tờ thông báo cho đại chúng, dán ở phía bên trái của tầng đường, bì thư dán phía trước tờ văn trạng thông báo. Kế đó bảo hành giả đường ty (liêu duy-na) thông báo đại chúng treo tấm bài Đãi trà, đoạn đánh một hồi dài vân bản, đi rảo một vòng trong tầng đường mời dùng trà (giống trống tập hợp chúng hành lễ cùng với lễ đãi trai thông thường giống nhau).

### **Hình thức văn trạng thỉnh mời:**

Thủ tọa tiền đường là tử-kheo mỗ, có mỗ (tân thủ tọa) sáng nay sau buổi độ trai đến vân đường mở tiệc đãi trà đặc biệt khoản đãi thủ tọa hậu đường và đại chúng, đồng thời mời thỉnh các vị tri sự cùng tưởng nghĩ mà quang lâm!

Ngày ... tháng ... kẻ dâng thư trạng này là mỗ

Bì thư đề

Thỉnh thủ tọa hậu đường và đại chúng

Kẻ cụ bị bì thư là mỗ kính cẩn dán

### **TRỤ TRÌ TƯỞNG NGHĨ THĂM HỎI ĐẦU THỦ ĐÃI TRÀ**

Lễ đãi trà và thang thủy xong, sau buổi độ trai, trụ trì đến liêu các đầu thủ đãi trà, thông dong ôn tồn thăm hỏi kiểm điểm mọi thiếu thốn, tùy tình hình mà bảo khó ty cung ứng thổ biện.

### **TIỆC TRÀ ĐÃI LƯƠNG TỰ GIAO NHẬN CHỨC VỤ**

Theo dõi phương trượng đặc biệt đãi trà tân thủ tọa xong, theo thứ lớp các tân chức sự cụ oai nghi, ôm hương đích thân đến liêu các người được thay thế, thấp hương giáp mặt giáp tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy, mời thỉnh rằng: “Sau buổi độ trai, bái thỉnh hạ mình đến liêu đãi trà!”, rồi tiếp đó bảo trà đầu mời lương tự mỗi nơi một người cần cụ ở Đông Tây tự mỗi nơi một người quang lâm bầu bạn (nếu mời trà Tây tự thì tri sự ngồi hai bên đối mặt nhau, đối với các đầu thủ đồng hàng, thỉnh bậc dưới một người quang lâm bầu bạn, nếu người bậc trên đến dự tòa có điều không tiện. Mời trà Đông tự thì đầu thủ ngồi hai bên giáp mặt nhau, nếu như duy-na hiện cư vị ở Đông tự thì lúc mời trà, mời bậc nhỏ hơn là phó tự một người đến dự). Phía

hương nội trong liêu thiết đặt tòa vị, chủ tịnh ngồi hai hàng giáp mặt nhau, hai bên phải trái là vị trí của người quang lâm bầu bạn. Sau buổi độ trai, đánh vân bản trước liêu, tiếp thụ người được mời, kế đón tiếp người quang lâm bầu bạn, vào vị trí rồi thị giả vái chào mời ngồi, đốt hương mời thấp hương, đốt hương mời những người quang lâm bầu bạn đốt hương, vào tòa bày trà khoản đãi. Đãi trà xong, người được thay thế đứng dậy đem nguyên thỉnh hương cắm và lư hương, giập tọa cụ xuống đất trí ý bái tạ rồi lui ra. Ngày hôm sau, bảo hành giả đường ty (liêu duy-na) mời hai bên giao và nhận chức vụ dùng điếm tâm, có mời một bậc danh đức quang lâm bầu bạn. Nếu là thủ tọa tiền đường giao nhận thì mời Tây đường và cần cụ mỗi nơi một người quang lâm bầu bạn, nếu là thuộc ban khó ty giao nhận thì thỉnh mời Tây đường, cần cụ và đầu thủ quang lâm bầu bạn. Khó ty bài trí đóng treo hướng vào bên trong thiết vị trí người được đãi, hai bên phải trái bày vị trí của những người quang lâm bầu bạn. Đầu thủ và chủ tịnh phân ra hai bên ngồi đối diện nhau, đồng tự với nhau ngồi theo ban vị của mình. Ngày hôm sau điếm tâm, vị trí các chỗ ngồi cũng như hôm qua. Tây tự vị trí ở tri khách, Đông tự vị trí ở duy-na. Phàm thị giả giao nhận nhiệm vụ, đãi trà và điếm tâm nên thỉnh mời duy-na quang lâm bầu bạn (thiết bày vị trí và hành lễ cũng giống như các chức vụ khác giao nhận). Thời gần đây, nhân điếm tâm mà hành giả thỉnh khách thỉnh mời luôn hương khúc là không đúng lễ vậy.

### **ĐÃI TRÀ VÀO LIÊU, RA LIÊU**

Người vào môn đường bắm bạch với liêu chủ treo tấm bài báo Đãi trà, bên trái tấm bài có dán miếng giấy nhỏ viết: “Mỗ lạy mời tôn chúng tất cả các liêu, sau bữa độ trai tự thượng liêu”. Sau bữa trai, cụ bị hương, đèn cầy cùng nhau vái chào vấn an, chào mời liêu chủ ở vào chủ vị, còn người đãi trà ở vào vị trí khách. Ngồi giây lát đứng dậy đốt hương vái chào vấn an. Lại ngồi bày trà, uống xong thu dọn chén. Liêu chủ đứng lên đứng trước lư hương trí tạ. Từ bậc môn đường ra nhận chức đầu thủ đều có đãi trà giao nhận chức vụ xong ngày khác bảo trà đầu bắm báo với liêu chủ treo tấm bài báo Đãi trà, dùng trai xong đánh tấm bản nhỏ trong liêu. Người dọn đãi trà đứng bên phải cửa liêu chào mời mọi người vào rồi đến trước lư hương vái chào vấn an. Liêu chủ ngồi ở chủ vị, người dâng đãi trà chia ngồi hai bên đối diện nhau. Ngồi giây lát đứng dậy đốt hương vái chào vấn an, lại ngồi xuống hiến trà. Xong, liêu chủ và đại chúng đứng dậy đến trước lư hương trí tạ rồi tiễn đưa người đãi trà ra. Từ các liêu mà ra nhận chức đầu thủ, bảo trà đầu báo với liêu chủ treo tấm bài

báo Đãi trà. Sau bữa trai, đánh bản rồi trước hết đứng bên phải các liêu chào mời đại chúng vào vị trí ổn định trong liêu, đoạn vái chào vãn an rồi vái chào mời ngồi. Sau đó đến khoảng giữa và hai khoảng phải trái đốt hương, sau đó lại tại khoảng giữa và hai bên phải trái vái chào vãn an, ngay khoảng giữa vái chào vãn an. Liêu nguyên vái chào người đãi trà, đến vị trí đối diện mà ngồi. Đãi trà xong, liêu nguyên đến trước lư hương trí tạ rồi tiến đưa khỏi liêu. Vào các liêu đãi trà, lễ tiết cũng giống như đãi trà lúc ra khỏi liêu, nhưng do liêu nguyên và liêu trưởng phân ra vị trí chủ khách, tự mình không thể đương nhiên vào vị trí mà ngồi.

### **ĐẦU THỦ VÀO TĂNG ĐƯỜNG ĐÃI TRÀ**

Theo dõi đợi cho lễ đãi trà người ra khỏi liêu xong, cụ bị bảng báo đãi trà (dạng thức chép phía sau), báo trà đầu dán tại bên gian tri tăng đường. Cụ oai nghi thỉnh mời phương trượng đãi trà. Các liêu treo bảng báo Đãi trà thông báo mời đại chúng, dự bị bảo cúng đầu nấu thang thủy và bày chén. Khố ty cụ bị trà, đèn cầy, dùmng trai xong thì tựu tòa đãi trà. Đầu thủ đãi trà vào tăng đường đốt hương dâng trà đãi (cùng với lễ mừng một, ngày rằm giống nhau).

#### **Hình thức bảng thông báo mời đãi trà:**

Liêu xá của mõ chật hẹp, không dám mời quý vị đến dự nơi đó. Sáng mai sau khi dùmng bữa trai xong, xin tựu tại tăng đường đãi trà nơi đó. Cúi mong đại chúng từ bi cùng đến để tăng thêm phần trang trọng! Ngày ... tháng ... cụ vị mõ bái thỉnh Kính mời

Các thiền sư biện sự chùa ta.

Các thiền sư ần tích, danh đức.

Các thiền sư hương khúc, đạo cụ.

Các thiền sư, tôn chúng các đường.

### **LƯỠNG TỰ XUẤT BAN DÂ NG HƯƠNG**

Phàm xuất ban thượng hương hành hương phải đánh chập chỏa, duy-na ra trước lư hương hướng về bên ngoài đứng nghiêng, vái chào trụ trì mời thượng hương (thị giả bung hộp hương), kế đó vái chào lưỡng tự, cùng đối mặt nhau mà ra ngoài, chuyển thân vái chào vãn an trụ trì (gọi là tá hương) rồi sau đó mới thượng hương (dâng hương). (Nếu gặp Thánh tiết hay giỗ kỵ Phật Tổ các pháp sư nôi tự thì không tá

huong và chào hỏi vắn an), nếu có lập ban Tây đường thì trước hết phải dâng hương, hoặc giả là có kẻ cho là thượng tọa đã xuất thế thì phải dâng hương là sai trật, thực ra nguyên do là cùng với đô tự xuất ban.

**Chương Tây tự hết.**

## **CHƯƠNG 7 – ĐẠI CHÚNG**

Nước trở về hư vô, cây mọc trên rừng, lấy việc tụ hội làm đông đảo. Ôi nay thì các chùa lớn, đại chúng cư ngụ có đến cả ngàn người. Do đó phải vét hết kho để thối, đốt đồ núi để nấu, ấy cũng vì đông người tụ họp vậy. Nhưng người từ bốn phương qui tụ về chùa, nếu chỉ lấy cái cố hữu thì chẳng biết phải làm sao. Bởi vì đức Phật cho rằng con người lưu chuyển trong ba cõi, ngụp lặn trong sanh tử, duy chỉ có kẻ sáng đạo, ngộ tánh vượt đến diệu giác thì quần sanh dị loại đều nhờ cậy vào cái thiện của họ. Nhưng phàm huấn luyện đồ đệ thì ai cũng muốn họ giống được như mình, cho nên ai ai cũng đối đãi với đồ đệ như đối đãi với thầy của mình. Tuy tăng chúng chen vai nối bước mà đến, duy chỉ sợ là cung phụng nhu cầu cho họ không đủ, chứ không dám lấy việc đông đảo mà lơ là. Nếu không thì chuyện chỉ vì một tác đất, một đấu lúa mà kiện cáo nhau sẽ xảy ra thật nhiều. Thí chủ há chỉ riêng ngu si cam hủy hoại tiền của để coi nói rộng liêu xá cho chúng ta ở, hao mất cơm gạo để nuôi chúng ta ăn. Bọn ta ở như thế, ăn như thế thì biết làm sao đây? Biết làm sao đây?

**Sắc tu Bách Trượng thanh qui quyển 4 hết**

[ĐẦU TRANG](#) [Q1](#) [Q2](#) [Q3](#) [Q4](#) [Q5](#) [Q6](#) [Q7](#) [Q8](#) [CHÚ THÍCH](#)

### **SẮC TU BÁCH TRƯỞNG THANH QUI**

**TRỤ TRÌ CHÙA THIÊN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH LÀ TĂNG BÈ TÔ I ĐỨC HUY PHỤNG  
SẮC CHỈ BIÊN SOẠN LẠI, TRỤ TRÌ CHÙA ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP KHÁNH LÀ  
TĂNG BÈ TÔ I ĐẠI HÂN PHỤNG SẮC CHỈ HIỆU CHÍNH**

**Viết Dịch: HT.Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng**

### **QUYỂN 5**

**HÀNH GIẢ ĐƯỢC LÀM SA-DI**

Phàm hành giả mới nhận được độ điệp, dùng mâm gỗ có nắp đậy bằng vải đựng tờ độ điệp trình bốn sư của mình và lương tự Đông – Tây xem. Tại các nơi này đều phải thắp hương (nhang) lạy kính ba lạy, chọn ngày lành tháng tốt, bày biện cúng phẩm, cử hành nghi thức cạo đầu (theo luật Phật thì phải nên chọn chỗ đất trống trải để bày trí pháp tòa, rưới nước tHôm lên, chu vi độ bảy thước Tàu (2,3m), bốn góc đều treo cờ, phan. Ngày nay, nghi thức cạo đầu đều diễn ra tại đại điện thì phải nên bày trí pháp tòa hướng về tượng Phật hay đối diện với tượng Phật. Nếu tiến hành tại pháp đường thì phải bày trí tượng Phật, hoa, hương hỏa và đèn cây đúng theo nghi thức qui định. Nay thường tổ chức tại tăng đường do vì tăng chúng quá đông, nơi đây lại đầy đủ tiện nghi về chỗ ngồi). Trước hết bầm trình cùng duy-na thương nghị cùng giới sư, xà-lê tác phạn và xà-lê dẫn thỉnh. Chọn ngày lành tháng tốt đã xong, tức cách ngày đó một đêm cạo đầu, tại đỉnh đầu (mỏ ác) chừa một chỏm tóc (cái vá) (gọi là chu-la, tiếng Phạn là chu-la có nghĩa là cái chỏm tóc nhỏ), phải bày trí tòa vị và ghế ngồi của giới sư. Tòa vị này cùng với tòa vị của trụ trì bày liệt hai bên đối diện nhau, trên bàn đặt hương – đèn cây – lư hương nhỏ cầm tay và cây giới xích. Lại bày trí bàn ghế của xà-lê tác Phạn ở bên phía phải của tượng Thánh tăng cùng với bàn của giới sư đối diện nhau, trên bàn đặt khánh. Bàn hương án trước tượng Thánh tăng đặt áo cà-sa, áo dài và tờ độ điệp trên đó. Từ liêu hành giả, đánh chap chỏa dẫn các sa-di sắp cạo nhẵn đầu đến Thổ địa đường, Tổ đường và điện Phật. Tại các nơi này đều đốt hương lạy kính ba lạy, theo thứ tự đứng trước tăng đường. Gióng chuông tập họp đại chúng. Sau khi đầu thủ và trụ trì đều đã vào tăng đường thì giới sư và hai vị tác phạn và dẫn thỉnh xà-lê mới vào tăng đường, trải tọa cụ cử hành đại lễ lạy ba lạy. Sau đó, các vị này đều quay về vị trí đã định của mình. Đại chúng đều cùng ngồi yên ổn, xà-lê dẫn thỉnh đến trước mặt giới sư, trải tọa cụ lễ kính ba lạy, quì mọp kiểu người Hồ, hai bàn tay chắp 10 ngón vào nhau. Giới sư hỏi rằng: “Tăng chúng đã tập định đầy đủ chưa?”, đáp rằng: “Đều đã tập định đầy đủ rồi”. Giới sư lại hỏi: “Tăng chúng đã hòa hợp (trì đồng giới, hành đồng đạo) chưa?”, đáp rằng: “Đã hòa hợp rồi ạ”. Giới sư nói: “Tăng chúng nay hòa hợp để làm gì?”, đáp rằng: “Để hành giả được cạo đầu nhận giới”. Giới sư nói: “Thế thì được rồi đấy”. Xà-lê dẫn thỉnh đứng lên cuộn tọa cụ lại, đánh khánh nhỏ cầm tay (đúng ra là cái chuông nhỏ), dẫn hành giả đã cạo đầu vào pháp đường, trước hết đến trước tượng Thánh tăng lạy kính ba lạy, kể đó đến trước giới sư cùng lạy kính ba lạy xong liền quì xuống (chờ thọ giới). Xà-lê tác phạn đánh khánh lớn, nói tiếng Phạn rằng: “Có năm tiên nhân đầy đủ thần thông, tác giả của chú thuật. Vì số người biết xấu hổ này mà nhiếp tập mọi người không biết xấu hổ. Như Lai lập ra giới cấm, mỗi nửa tháng tuyên

thuyết một lần, lấy thuyết giới làm lợi ích. Hưóng chư Phật khấu đầu lạy kính. Lại tụng kinh văn ‘Nhu hà Phạn’ rằng:

‘Vi sao trong kinh này nói cứu cánh là qua đước bờ bên kia? Mong rằng đức Phật lấy đạo lý thâm áo trong kinh mà rộng khai thị cho chúng sanh!’”.

“Xà-lê tác phạn” niệm tụng tiếng Phạn xong, lại bảm bạch rằng: “Xin giới sư vì sa-di cạo đầu thọ giới mà thuyết giới”. Giới sư đứng dậy, đại chúng cũng đều đứng dậy theo. Giới sư cầm lư hương nhỏ cầm tay nói: “Đức trạch thủ giới, đức trạch thiên định, đức trạch trí huệ, đức trạch giải thoát, đức trạch giải thoát mọi tri kiến (giới hương, định hương, tuệ hương, giải thoát hương, giải thoát tri kiến hương) hóa thành ánh sáng vô hạn chiếu rọi khắp đài mây, lan tỏa khắp pháp giới, cúng dường vô lượng Phật khắp mười phương, vô lượng pháp khắp mười phương, vô lượng tăng khắp mười phương. Phàm những ai nghe thấy đều đước hun đức, chúng ngộ đước Phật pháp tối cao (tịch diệt), mọi chúng sanh đều như thế. Tức đém công đức khai khải cạo đầu thọ giới sáng nay, trước hết cầu chúc đưng kim Hoàng đế muôn năm, các bậc đại thần ngàn thu, thiên hạ thái bình, Phật pháp thường chuyển thịnh hành, thần già-lam, thổ địa gia tăng oai linh hiển hách, bảo hộ Phật pháp, bảo hộ mọi tín đồ không gặp chuyện gỡ, mọi việc đều qua, thí chủ trong mười phương đều tăng phước, thêm huệ (trang nghiêm phước huệ). Tất cả mọi người trong đạo tràng (tự viện) cả tăng lẫn tục thân tâm luôn an lạc. Sư trưởng, cha mẹ, đạo nghiệp siêu long, sa-di cạo đầu thọ giới tu hành không gặp chướng ngại. Chôn tằm tối ba nẻo, tám nạn đều lia khỏi biển khổ luân hồi sanh tử, chúng sanh khắp nơi thuộc cứu hữu, tứ sanh đều đến đước cảnh giới giác ngộ triệt để ở bờ bên kia! Do vậy, những mong nương nhờ mọi người cùng niệm pháp thân thanh tịnh của Phật Tỳ-lô-giá-na”. Niệm một thời 10 lần danh hiệu Phật xong, mọi người lại ngồi xuống. “Xà-lê dẫn thỉnh” cầm lư hương cầm tay, dẫn dạy các sa-di thọ giới rằng: “Thỉnh cầu giới sư ban lời lẽ truyền giới, đáng ra là do các ông tự nói. Như quả các ông không biết thì hãy nói theo lời ta dẫn dắt. Tuy nhiên khi ta nêu ông A, ông B thì các ông sửa lại nêu đúng chính tên tuổi mình”. Kế đó, “xà-lê dẫn thỉnh” lại đọc to lên: “Đại đức một lòng tưởng nghĩ đến chúng con. Nay sa-di A, sa-di B chúng con thỉnh cầu đại đức hãy làm sư phụ (A-xà-lê) của đám cạo đầu nhận giới chúng con. Cầu mong đại đức vui lòng nhận làm sư phụ (A-xà-lê) của đám cạo đầu thọ giới chúng con, bởi chúng con nguyện nương theo đại đức, chúng con đước cạo đầu thọ giới là do đại đức từ bi đồng tình chấp nhận”. Nhóm hành giả cạo đầu lạy kính một lạy lần thứ nhất, kế đó



nêu lòng từ bi thương xót của đại đức, lạy kính lần thứ hai, lần thứ ba nêu lòng từ bi thương xót của đại đức lạy kính lần thứ ba. Tiếp theo đều quì mọp theo kiểu người Hồ, hai bàn tay chắp 10 ngón lại. Giới sư nói: “Này các thiện nam tử sa-di! (các sa-di đồng lên tiếng dạ)”, giới sư nói tiếp: “Nguồn tâm vốn sâu lắng tịch liêu, biển pháp minh mông thăm thẳm. Kẻ mê muội mãi mãi chìm đắm trong biển khổ, người tỏ ngộ luôn ở trong cảnh giới siêu thoát. Muốn nói truyền đạo màu thì không gì bằng xuất gia làm tăng, làm tăng tâm rộng thoáng như hư không, thanh tịnh như trăng tròn sáng. Nhân duyên tu hành đầy đủ thì kết quả thành đạo không lâu xa gì! Ban đầu nương theo công phu tin tưởng chắc chắn sẽ đạt quả vị thì về sau sẽ chứng ngộ đạt được chân lý vô vi. Bởi vậy nên đức đại giác Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Phật mới rời bỏ ngôi vị Hoàng đế quý báu trong tương lai, nửa đêm lén trèo ra khỏi thành, cởi bỏ áo rồng Thái tử, vào núi xanh cắt tóc xuất gia, vui nhận mặc tình cho chim khách làm tổ trên đỉnh đầu, nhèn nhện giăng tơ nơi hai mày, tu tịch diệt mà chứng chân thường, trừ bỏ mọi trần lao mà thành giác ngộ triệt để (chánh giác). Các đức Phật trong ba đời quá khứ – hiện tại – vị lai chưa từng có nói đến tại gia mà thành đạo bao giờ. Tổ sư bao đời của Thiên tông chúng ta cũng chưa từng có ai để tóc mà độ được người. Thế nên Phật Phật truyền tay, Tổ Tổ trao nhận nhau do chẳng nhiệm thế duyên tục lữ mới thành được đại khí của pháp môn (pháp khí), cho nên mới được thiên ma cung tay kính lễ phục tùng, ngoại đạo quy y theo về. Trên báo đáp muôn một bốn ơn nặng (ơn cha mẹ, ơn Thầy tổ, ơn vua, ơn Phật), dưới cứu tế giải thoát chúng sanh khỏi khổ nạn. Cho nên mới nói (người tục) như sống hồ trôi nổi trong tam giới dục – sắc – vô sắc, bởi do không thể cắt được ái ân mặn nồng. Nếu cắt bỏ được ái ân của trần duyên mà vào cảnh giới vô vi vô sanh diệt của Phật giác thì mới gọi là cách đền ơn chân chánh vậy. Sau khi đã xuất gia thì lễ nghĩa vượt khỏi thường tình xã hội, không còn lạy nhà vua, không còn lạy cha mẹ nữa. Giờ đây các ông có thể rời khỏi pháp tòa này, tưởng niệm ơn đất nước của Hoàng đế, đức sanh thành (dưỡng dục) của cha mẹ, mà chuyên lòng tinh thành hướng về Hoàng đế và cha mẹ lạy giã biệt từ xa lần chót rồi về sau không còn lạy nữa”. Các sa-di bèn lạy kính giới sư một lạy, xà- lê dẫn thỉnh đánh khánh cầm tay (chuông nhỏ) dẫn họ ra ngoài pháp đường, hướng về phía Bắc nơi kinh đô lạy xa Hoàng đế ba lạy tạ ơn, rồi tiếp đó lạy xa ba lạy đền ơn cha mẹ. Đoạn mặc tăng y vào, rồi được dẫn vào trước tượng Thánh tăng lạy ba lạy, lại chuyển người trước giới sư lạy kính một lạy, quì theo kiểu người Hồ, hai bàn tay chắp 10 ngón vào nhau. Giới sư dùng nước trong tịnh bình rưới lên đỉnh đầu làm lễ quán đánh cho các sa-di thọ giới, lấy ngón tay nhúng vào nước rồi

rải lên đầu trán họ vài giọt rồi cầm dao cạo tóc lên vừa đọc kệ, đạ đại chúng hòa theo như sau:

“Hay thay này bậc đạ trọng phu,  
Có thể liễu thoát đời vô thường.  
Bỏ tục theo cảnh Phật Niết-bàn,  
Thật hiếm có khó thể suy lường!”

Tụng đọc ba lần xong, các sa-di lui ra lạy giới sư một lạy. Xà-lê dẫn thỉnh hướng dẫn các sa-di đến trước bồn sư (tức trụ trì), quì theo kiểu người Hồ, hai bàn tay chắp 10 ngón lại. Bồn sư cầm dao cạo nói: “Chôm tóc sau cùng còn lại tiếng Phạn gọi là chu-la, chỉ có sư phụ mới có thể cạo bỏ. Ta nay cạo trừ bỏ cho các ông, giờ các ông có ung chịu không?”, các sa-di đồng đáp: “Dạ đạ ạ”. Lúc này, giới sư thùy thị pháp ngữ rồi đọc kệ cạo tóc rằng:

Hủy bỏ hình hài giữ khí tiết,  
Cắt ái từ biệt hai đấng thân.  
Xuất gia hoàng dương nền Thánh đạo,  
Thề nguyện độ thoát nhất thiết nhân.

Đọc kệ liên tục ba lần, đạ chúng cùng cất tiếng hòa theo. Sa-di lạy kính ba lạy nhưng vẫn giữ tư thế quì theo cách người Hồ và hai bàn tay chắp mười ngón vào nhau. Bồn sư nâng ca-sa và cũng có thùy thị pháp ngữ kèm theo, đoạn cầm nếp ca-sa đặt lên đầu sa-di rồi lại đọc một bài kệ như sau:

“To lớn thay y phục giải thoát,  
Y ruộng phước không có tướng hình.  
Mặc vào người phụng Như Lai giới,  
Rộng độ mọi giới các chúng sanh.”

Đọc liên tục kệ này ba lần, đạ chúng đều cất tiếng hòa theo xong thì các sa-di mặc cà-sa vào lạy kính bồn sư ba lạy, lạy tượng Thánh tăng ba lạy, lạy giới sư ba lạy, quì theo kiểu người Hồ, hai tay chắp 10 ngón lại. Giới sư nói: “Này thiện nam tử ! Phật pháp như biển cả, càng vào càng sâu. Các ông đã xuất gia thì trước hết phải thọ nhận tam qui, ngũ giới, mới có thể thân gần đạ tăng mà học tập theo gương các ngài. Kế phải thọ 10 giới của sa- di mới có thể cùng hưởng dụng cúng dường như các tăng đạ được hưởng. Việc phụng trì giới luật cần nơi tâm chuyên thành, không thể tùy tiện

hời hợt được. Ta nay vì các ông triệu thỉnh tam bảo Phật Pháp Tăng để chứng minh Phật sự thọ giới của các ông”. Giới sư nâng lư hương nhỏ cầm tay lên nói: “Trọn lòng phụng thỉnh chư Phật pháp lực vô biên, kinh điển to lớn như biển cả cùng tam Hiền trong thập địa vị là bồ-tát, La-hán và tăng lữ, cùng rủ lòng thương cảm mà giáng lâm để cùng chứng minh cho các sa-di thọ giới”. Mời thỉnh liên tục ba lần xong mới nói: “Này thiện nam tử! Nếu muốn quy y giới luật thì trước hết phải sám hối lỗi lầm tì vết của bản thân mình, như người ta phải giặt giũ quần áo thì quần áo sau đó mới sạch sẽ tinh tươm. Nay các ông phải chí thành cùng ta sám hối”. Nói đoạn niệm rằng:

Nghiệp ác trước đây con tạo ra,  
Đều do tham sân si u tối.  
Do thân miệng ý mà sanh ra,  
Tất cả con nay đều sám hối.

Niệm đọc liên tục ba lần, đại chúng cùng cất tiếng hòa theo. Các sa-di lạy giới sư ba lạy cùng quì theo kiểu người Hồ, hai bàn tay chắp 10 ngón vào nhau. Giới sư nói tiếp: “Này thiện nam tử ! Pháp đã thanh tịnh, trừ sạch ác nghiệp do thân khẩu ý tạo ra. Nay cần quy y tam bảo Phật Pháp Tăng”, liền đọc to lên: “Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Quy y Phật vô thượng tôn, quy y Pháp lià dục tôn, quy y Tăng chúng trung tôn. Quy y Phật xong, quy y Pháp xong, quy y Tăng xong. Trình độ giác ngộ của Như Lai không thể nghĩ bàn, là bậc đại đạo sư của chúng ta. Ta nay quy y Ngài thì từ nay trở về mãi sau, gọi Phật là Sư, thì không còn quy y tà ma ngoại đạo, chính là do lòng từ bi lân mẫn của Ngài đối với chúng ta”. Sa-di nương tiếng của giới sư mà niệm theo, đại chúng cùng cất tiếng hòa theo.

(Kể từ chỗ bắt đầu quy y Phật cho đến hết từ bi cố phải niệm liên tục ba lần. Riêng lần niệm thứ hai thì từ bi cố phải lập lại ba lần. Ở lần niệm thứ ba thì Từ bi cố phải lập lại ba lần). Mỗi lần niệm tụng bện đầu thì các sa-di cùng lạy theo một lạy, lần niệm tụng thứ hai lạy theo hai lạy, lần niệm tụng thứ ba lạy theo ba lạy và vẫn quì theo lối người Hồ cùng xếp hai bàn tay chắp 10 ngón lại. Giới sư nói tiếp: “Này các thiện nam tử! Các ông đã bỏ tà theo về với chánh, giới luật đã tròn đầy rồi, nếu muốn biết tướng trạng của giới để hộ trì thì phải thọ trì năm giới trọn đời, đó là: không sát sanh, không trộm cướp, không dâm dục, không nói láo, không uống rượu. Đây là năm giới tướng, các ông giữ được không?”, đáp: “Dạ giữ được ạ”. Giới sư hỏi tiếp:

“Năm tịnh giới nêu trên cái nào cũng không được vi phạm. Các ông có giữ được không?”, đáp: “Dạ giữ được ạ”.

Năm giới trên đều đã giữ được như thế, các sa-di lạy kính ba lạy, quì theo tư thế người Hồ, hai bàn tay chắp 10 ngón lại vào nhau. Giới sư nói tiếp: “Này các thiện nam tử! Năm giới là nhân duyên ban đầu để vào đại đạo, là sự việc đứng đầu của ra khỏi ba nẻo địa ngục - quỷ đói và súc sanh. Kế đó phải thọ 10 giới sa-di, bởi có thọ trì đủ 10 giới này mới hoàn bị nghi thức giới pháp của người xuất gia. Điều này gọi là ‘cần sách’, tức nương theo sự phụ mà trụ, thụ hưởng tiền tài vật chất do thí chủ cúng dường bình đẳng như tăng chính thức vậy, cho nên được gọi là ‘sa-di ứng pháp’, phải kiên thành tôn thủ các giới điều dưới đây: Trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không dâm dục, không nói láo, không uống rượu. Không ngồi nằm trên ghế to, giường lớn. Không được dùng râu hoa (vòng hoa) hay râu chuỗi hạt châu hoặc nước hoa (dầu thơm) đeo bôi lên người. Không được đến nghe hay xem ca hát, ca múa. Không được tìm kiếm tiền bạc, vàng ngọc, báu vật. Không được ăn ngoài giờ qui định. Đây là giới tướng của sa-di, các ông có giữ được không?”, đáp: “Thưa giữ được ạ”. “Các điều vừa nêu trên là 10 giới thanh tịnh, bất cứ giới nào đều cũng không được vi phạm. Các ông có giữ nổi không?”, đáp: “Dạ thưa giữ được ạ”.

Các giới trên đều đã giữ được như thế (tức nghi thức hoàn mãn, các sa-di đã thọ đủ 10 giới), các sa-di lạy kính ba lạy, quì theo kiểu người Hồ, hai bàn tay chắp 10 ngón vào nhau. Giới sư nói: “Này các thiện nam tử! Nay các ông đã thọ giới rồi thì từ nay về sau phải nên nghiêm túc phụng trì, không được vi phạm một chút nào các giới luật phải giữ gìn. Lại phải luôn cúng dường tam bảo Phật – Pháp – Tăng, cần mẫn trồng lấy ruộng phước. Đối với các vị Hòa thượng hay sư phụ của mình, phải đối đãi hoàn toàn tôn kính như giáo pháp đã chỉ dạy. Đối với tăng nhân ở cả ba thứ bậc thượng – trung – hạ tòa, tâm luôn cung kính. Lại phải nỗ lực tinh tấn tu hành Phật pháp để đền đáp ơn đức của cha mẹ. Mặc chỉ nhằm che thân là đủ, không nên chạy theo màu mè lòe loẹt ưa nhìn. Ăn thì chỉ đủ để duy trì mạng sống, không được đua đòi ưa thích món ngon vật lạ. Bông hoa, dầu thơm, son phấn chớ để cho gần mình. Sắc đẹp mỹ miều của phụ nữ, âm nhạc mê ly bụi tai đều không nên nhìn, nghe. Lời ăn tiếng nói, giọng điệu phải khoan hòa hợp lẽ phải, không nên nêu chỗ yếu kém của người khác. Thằng hoặc gặp hai bên tranh cãi thì nên can ngăn, nói sao cho họ hòa thuận lại. (Thường ngày hành sự tiếp xúc), nên tuân thủ nguyên tắc nam nữ phải

phân biệt, lại luôn ôm ấp lòng từ bi rộng lớn, không giết chóc cả sinh mạng của cây cỏ. Kẻ không hiền minh thì không kết bạn, bậc không Thánh triết thì không tôn thờ học theo gương. (Phải chí công vô tư), pháp phục mặc thường ngày, đồ dùng dụng đồ ăn hằng bữa (y bát) luôn đem theo bên mình. Không phải bữa theo qui định thì không ăn, không phải lời lẽ hợp Phật pháp thì không nói. Luôn nỗ lực tinh cần tham cứu áo nghĩa của giáo lý, lúc nào cũng ôn lại việc xưa để biết chuyện nay (ôn cố tri tân). Ngồi thì suy nghĩ Thiên lý, đi đứng thì đọc tụng câu văn của kinh điển. Do chuyên cần tu tập nên đóng sạch nẻo ba đường ác (địa ngục – ngạ quỷ – súc sanh), mở toang cửa Niết-bàn. Trong phép tắc tỉ-kheo luôn tăng trưởng đạo tâm, nhưng chẳng sụt giảm tác dụng trí tuệ (Bồ-đề tâm). Trí Bát-nhã luôn chiếu sáng như đèn tỏ soi suốt đêm trường rộng hóa độ muôn ngàn chúng sanh, riêng mình mong được thành tựu giác ngộ triệt để. Dụng tâm được như thế thì mới đáng là đệ tử chân chánh của đức Phật”. Sa-di lay kính ba lay, quì theo kiểu người Hồ, hai bàn tay chắp 10 ngón vào nhau. Giới sư đứng lên cầm lư hương, hồi hướng công đức rằng: “Công đức cạo đầu thọ giới trên nhằm phụng hiến cầu chúc các thần hộ pháp là Trời, Rồng và các thần Già-lam, chúa tể vạn vật, thần nào cũng thi triển oai linh an tăng, hộ pháp cùng chúc cho Hòa thượng đường đầu lúc nào cũng là cầu, bến của biển khổ, các cao tăng chấp sự luôn là trụ cột, nền đá của pháp môn, còn đại chúng thanh tịnh của cả chùa cùng đáp thuyên Bát-nhã mà qua bên kia bờ giác. Các sa-di cạo đầu thọ giới cũng cùng đến bờ đắc đạo. Bốn ơn đều đã trọn báo đáp. Ba cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới (ba loại cảnh giới sanh tử, có nhân có quả) đều được trợ ích. Toàn thể sự vật có mạng sống trong vũ trụ (pháp giới) đều hiểu được trí tuệ của Phật (đồng viên chung trí). Tất cả chư Phật và chư Bồ-tát trong ba đời ở khắp mười phương đều đạt được trí tuệ đáo bỉ ngạn”. Tuyên xong lời hồi hướng, giới sư quay về chỗ ngồi cũ. Xà-lê tác phạn đánh khánh cầm tay (chuông nhỏ) nói: “Ở trong thế giới này cũng chẳng khác nào ở tại khoảng không, lại cũng giống như hoa sen tinh khiết đã ló lên khỏi mặt nước, tâm hoàn toàn thanh tịnh không dính dáng gì đến nước, bùn nữa. Cúi đầu lay đấng Vô thượng tôn. Quy y Phật, đạt được chánh đạo của Phật pháp, đạo tâm luôn không ương hèn thoái chuyển. Quy y pháp, nương nhờ trí tuệ to lớn của Phật đạt được đại pháp môn tông tri. Quy y tăng, ngưng bật mọi tranh luận cãi cọ, quảng đại chúng tăng đoàn kết hòa mục, dung hợp thành một thể (đồng nhập hòa hợp hải). Công đức cạo đầu thọ giới vừa qua là kết quả của biết bao nhân duyên tốt đẹp vô cùng, hòa tan vào trong thế giới rộng lớn, hướng về các bậc Thánh nhân Phật và Bồ-tát mà lay chào”. Xà-lê dẫn thỉnh đợi đến lúc xà-lê tác phạn niệm tới câu “ở trong thế giới như ở tại khoảng hư không” liền đánh khánh nhỏ cầm tay (chuông

nhỏ), dẫn dắt các sa-di lạy kính giới sư ba lạy, chuyển người lạy tượng Thánh tăng ba lạy xong liền thăm hỏi vấn an đại chúng, đoạn họ cùng bước ra ngoài pháp đường đứng phía bên trái. Giới sư và hai vị xà-lê trước tượng Thánh tăng trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy rồi ra ngoài. Hành giả đường ty giống ba hồi chuông trước pháp đường, trụ trì bước ra khỏi pháp đường. Đại chúng rời khỏi ghé ngò [nguyên văn là hạ sàng, tức xuống khỏi ghé ngò hay giường nằm, nhưng trong pháp đường thì chỉ là rời khỏi ghé ngò mà thôi]. Thủ tọa dẫn dắt đại chúng nối bước theo trụ trì đến thất phương trưng lạy mừng. Nếu như đại chúng đông quá thì trụ trì nán lại pháp đường để nhận lạy mừng. Hành giả khách đầu vẫn dự trừ bày biện nhang, đèn cây, lư hương, tịnh bình, bình phong, bàn ghế, chờ đợi. Trước hết giới sư và hai vị xà-lê làm lễ. Bắt đầu là trải tọa cụ giập đầu lạy rồi nói: “Mong ơn tín nhiệm sai khiến trao giới cho sa-di, chúng con miễn cưỡng vâng lời đảm đương trọng nhiệm này, rất lại do khả năng còn non kém, phụ lòng mong đợi của tôn trưởng, trong lòng thật không khỏi hết sức lo sợ”. Trụ trì đáp lại rằng: “Sa- di cạo đầu, làm cho các vị hao công sức lớn thành toàn”. Giới sư và hai vị xà-lê lại trải tọa cụ giập đầu lạy kính ba lạy lần nữa, rồi nói vài lời khách sáo chuyện hàn huyên, xong giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy ba lạy, trụ trì đáp lễ một lạy. Kế đó, thủ tọa và đại chúng bước tới trước thấp hương, hoặc trải tọa cụ lạy giập đầu, hoặc chỉ giập tọa cụ xuống nền trí ý, hoặc miễn lễ tùy theo. Kế đó, thị giả và các đệ tử của trụ trì trong chùa thấp hương, triển khai tọa cụ giập đầu cử hành đại lễ lạy ba lạy, xong rồi không cuốn tọa cụ lên, mà tiến tới nói: “Sa-di được thế độ, tất cả đại chúng đều vui mừng. Đối với bậc tôn nghiêm thể tình hạ cố, thật không khỏi phấn khởi tột bậc”. Lạy ba lạy rồi nói sáo chuyện nóng lạnh xong lui ra lạy ba lạy, cuốn tọa cụ lên. Kế đó, các sa-di cạo đầu thấp hương, trải tọa cụ giập đầu lạy ba lạy, không cuốn thân tọa cụ bước tới nói: “Bọn con hôm nay được làm mang hình dáng đầu tròn, lại hân hạnh mặc cà-sa, không phải nhận chịu trần lao, mãi mãi rời xa lưới yêu. (Ồn đức hạ tình này) trong lòng không khỏi vui mừng cảm động hết mực”. Lại lạy ba lạy lui ra nói: “Hôm nay là ngày lành tháng tốt hội thời tiết, kính cẩn mong đại Hòa thượng đường đầu bổn sư (trụ trì) sinh hoạt như ý, mạnh khỏe nhiều hạnh phúc”. Nói đoạn cùng lui ra lạy ba lạy, cuốn tọa cụ lên.

Trụ trì đến các liêu thăm mọi người, đáp tạ tăng chúng lạy mừng chúc phước mình, còn các sa-di thì đồng loạt đến các liêu xá lạy tạ ơn. Lễ cạo đầu chấm dứt, các sa-di đều quay về liêu của mình an nghỉ chờ đợi ngày khác đăng đàn nhận giới. Các sa-di thọ giới cảm tạ được thọ giới, lời lẽ như sau: “Bọn con vinh hạnh được hoàn mãn

giới phẩm, được đứng vào hàng ngũ tăng lữ chính thức, từ rày về sau những mong được giúp đỡ chiếu cố, xin đặc biệt bái tạ!”. Lời đáp lại là: “Các ông sớm đạt được lời dự ký của Phật đã thành một tăng lữ chính thức. Như nay công việc thọ lễ đã hoàn thành, hoàn toàn có được tư cách tăng lữ, hy vọng các ông cố gắng phụng hành điều răn cấm của Phật, cố gắng giữ gìn và hoằng dương pháp môn nhà Thiên chúng ta!”.

\* \* \*

## LỜI BÀN

Sa-di là các thanh thiếu niên xuất gia dưới 20 tuổi, đã xuất gia nhưng chưa qua thọ giới xuống tóc. Ngay nơi tự thân sa-di mà nói thì sa-di là giai đoạn đầu của xuất gia, còn từ tăng đoàn mà nói thì có nhiều việc mà tỉ-kheo không được làm thì sa-di thay mặt mà làm, cho nên trong tăng đoàn thì sa-di có 72 rất nhiều tác dụng, tức là trong một tăng đoàn phải có con số sa-di nhất định.

Trong tăng đoàn, đối với người đứng ra thế độ cho sa-di xuất gia, có rất nhiều hạn chế về tư cách, tóm gọn lại là :

a- Có 10 đức mà luật Tăng kỳ đưa ra, chí ít không được thiếu hai điều kiện quan trọng sau đây, tức phải là tỉ-kheo có 10 tuổi lạp và có thể giải rõ hai bộ điển luật. Loại người thế độ cho sa-di gọi là thế độ sư hay giới sư hoặc giới Hòa thượng. Ngoài giới sư ra, trong nghi thức thế độ sa-di còn phải có giáo thọ A-xà-lê, trong đó chia ra người dùng tiếng Phạn để tác lễ tán gọi là Tác phạn xà-lê, cùng với người đánh khánh cầm tay (tức là cái chuông nhỏ) tiến hành dẫn đạo nghi thức gọi là Dẫn thỉnh xà-lê. Giới sư và giáo thọ A-xà-lê gọi chung là nhị sư. Chuyện thỉnh mời nhị sư phải được sự đồng ý của tăng đoàn mới có thể bắt đầu tiến hành nghi thức thế độ sa-di, nghi thức được cử hành rất long trọng, vì tuy nghi thức chỉ là một hình thức biểu hiện mà có thể ảnh hưởng đến sự chuyển biến của tâm lý. Cho nên nếu nói rằng khi sa-di đã trải qua nghi thức này rồi thì chính họ tự cảm thấy mình đã là một thành viên của tăng chúng, là đệ tử chính thức của Phật Đà, có được cảm niệm vinh quang vì Phật pháp mà hiến thân cùng với tâm niệm phải có trách nhiệm tuân thủ giới luật của Phật. Thứ tự nội dung nghi thức như sau: cởi bỏ y phục tục lữ, mặc ca-sa vào, cạo bỏ đầu tóc, thọ tam quy y – ngũ giới, sau cùng thọ 10 giới sa-di. Ngũ giới là giới cấm cơ bản từ xưa đến nay, tất cả mọi người xuất gia phải chấp hành một cách triệt

để. Mười giới là yêu cầu so ra vừa cao vừa hoàn bị, do nơi các duyên cố chẳng đồng của thời đại, hiện nay có một số giới điều thực hành không tiện nên cần phải linh hoạt xử lý. Sau đây xin nêu ra một số giới điều không cho rờ mó đến chuyện tiền của vàng bạc.

Chạy theo đua đòi hưởng thụ vật chất, hưởng thụ sang giàu là dục vọng của nhân sinh từ xưa đến nay. Nếu để cho dục vọng này sai khiến trói buộc thì con người trái lại biến thành nô lệ của vật chất. Phật giáo tìm cầu giải thoát của tâm hồn, cho nên mới chủ trương buông bỏ, rời xa cái lụy vật chất giàu sang, cho nên trong giới luật đặt định điều lệ không được súc tích của cải bạc tiền, cho đến cả chuyện nắm giữ giàu có cũng là vi phạm giới luật. Tại Phật Tổ mà xem xét, khi Ngài định ra điều luật này là mong cho đệ tử Phật môn giải trừ được chuyện đòi hỏi đáng sợ.

Phản đối người xuất gia tiếp xúc với của cải sang giàu, đem tài sản để vào chỗ vô dụng, trong thời kỳ Phật giáo mới sáng lập thì còn có thể thực hiện được vì thời đó xã hội so ra còn lạc hậu, tác dụng của tiền bạc còn hạn chế. Sinh hoạt của người xuất gia còn rất chất phác, một bữa ăn trong ngày còn có thể lần theo từng nhà chia bát mà có được. Trú ngụ dưới gốc cây, là nơi có thể tìm được chỗ trú thân ở bất cứ nơi đâu. Y phục cũng dễ dàng tìm được, cùng lắm là xin lại y phục của người chết hay của đám ma bỏ đi mà mặc làm của mình. Vấn đề cơm ăn, áo mặc, chỗ ở và tới lui đã giải quyết xong thì đối với chuyện giàu sang có thể coi như là vật ngoài thân, mà gia dĩ khinh khi bỏ đi. Tuy nhiên do vì xã hội cứ mỗi ngày mỗi phát triển, đại biểu của giàu sang là tiền tài của cải chính là môi giới trao đổi vật chất, dần dần có mối quan hệ mật thiết với sinh hoạt của con người, đến nỗi đó là món không thể thiếu trong một phút giây nào của đời sống. Các nhu yếu phẩm trong sinh hoạt của tăng nhân là y phục, cơm cháo, giường chõng, thuốc men không phải lúc nào cũng nhận được ngay từ thí chủ cúng dường, mà chỉ có được thông qua dùng tiền bạc trao đổi. Vì lẽ đó giới điều cấm sờ mó đến tiền bạc của cải không thể không tính đến chuyện biến thông. Biện pháp ban đầu của biến thông là thuyết tịnh, tức là chọn một vị tỳ kheo làm tịnh chủ. Phạm khi thu được tiền của, bạc vàng, liền nói là do vị tỳ kheo kia thay thế thu giữ, đó là vị tịnh chủ, chứ không phải tăng nhân tự mình nắm giữ. Nói theo kiểu này thì có thể nhận tiền bạc của cải mà không phạm giới điều cấm kỵ. Cho tới ngày nay đây, cấm giới này càng được nói lỏng nghĩa là chỉ cần có lý do chính đáng thì tăng nhân có thể thu nhận trực tiếp tiền của vàng bạc, ngay cả thủ tục thuyết tịnh cũng bị bãi bỏ luôn.



Do như ví dụ nêu trên, có thể thuyết minh giới luật của Phật có theo thời đại mà tu chính lại. Tăng sĩ đối với giới luật của Phật, điều quan trọng là lãnh hội được thực chất tinh thần, tức là luôn luôn có tinh thần tôn trọng, tuân thủ nghiêm cách giới luật, nhưng đối với các giới điều cụ thể thì có thể căn cứ vào đặc điểm của thời đại mà vận dụng linh hoạt. Đương nhiên cái linh hoạt này phải có tiêu chuẩn do tăng đoàn chế định, tuy có xét đến nhu cầu cá nhân, nhưng phải nghiêm cách căn cứ vào Phật luật và giáo qui, tự qui mà hành sự.

### **SA-DI MỚI THỌ GIỚI THAM ĐƯỜNG**

Được độ thọ giới sa-di xong, bầm báo với trụ trì trình ngày tham đường. Kế đến báo bầm cùng thủ tọa và duy-na. Đến ngày, sau khi động chùy báo dùng cháo xong thì tham đầu của các sa-di mới thọ giới dẫn chúng sa-di vào pháp đường, đứng sắp hàng trước tượng Thánh tăng thăm hỏi vấn an rồi thắp hương, trải tọa cụ xuống nền đại triển giập đầu xuống đất lạy ba lạy, không cuốn tọa cụ lên, bước đến nói: “Chúng con ghé chân trộm dự làm tăng, bám víu vào chúng thanh tịnh, hôm nay tham đường, trong lòng không khỏi hết sức sợ sệt toát mồ hôi”. Lại lạy ba lạy tiến lên phía trước bạch: “Hôm nay thời tiết rất phải thời, cung cẩn kính chúc bổn sư đường đầu đại Hòa thượng, Thủ tọa tôn chúng đại Thiên sư, tôn hậu khởi cư đa phước”. Nói đoạn lui ra triển lễ ba lạy, cuốn tọa cụ lên, quay người đến trước trụ trì thăm hỏi vấn an, từ bản đầu của thủ tọa, đứng lên đi tuần đường một vòng đến bên ngoài pháp đường rồi lại quay vào gian giữa nội đường, thăm hỏi vấn an đại chúng rồi ra ngoài. Sau đó mới trở về tăng đường, gắn tên mình lên bảng ghi danh sách rồi theo chúng tham Thiên, tụng kinh.

### **ĐĂNG ĐÀN THỌ GIỚI**

Ba đời chư Phật đều nhấn mạnh chuyện xuất gia mới có thể tu thành đại đạo Phật pháp, các đời tổ sư thiên truyền tâm ấn của Phật đều là sa-môn. Ấy bởi có nghiêm cách phụng hành giới luật mới có thể hoằng dương Phật pháp, làm khuôn mẫu cho ba cõi. Thế thì tham thiên hỏi đạo phải lấy giới luật làm đầu, nếu như chẳng rời khỏi tội lỗi, đề phòng điều sai trái thì làm sao thành Phật, thành Tổ được!

Pháp đăng đàn thọ giới là nên trước đó chuẩn bị ba y (cửu điều, thất điều, ngũ điều y) cùng với bát và khí cụ dùng để ăn cơm và y phục mới sạch sẽ tinh tươm. Nếu không có y phục mới thì phải giặt giũ y phục cũ cho sạch sẽ như mới. Khi vào đàn

thọ giới thì phải chuyên chú trọn lòng, không nên suy nghĩ lan man nọ kia (bởi vì đã chính thức là tăng) thì hình tướng bên ngoài cũng như Phật, cử chỉ phải tuân theo nghi thức của giới luật Phật, được đãi ngộ hưởng thụ cúng dường như Phật, những điều trên đây không phải là một chuyện nhỏ, há có thể lơ tâm hời hợt được sao? Nếu những ai khi đăng đàn thọ giới mà phải vay mượn của người khác y phục và khí cụ ăn cơm (y bát) thì tuy mang tiếng là đăng đàn thọ giới thì cũng không chân chánh nhận được giới phẩm. Như những ai chưa từng đăng đàn thọ giới thì cũng chỉ là kẻ trọn đời chưa từng thọ giới vậy. Đây mang tiếng là len chân vào cửa không (lạm bảm nhà chùa) nhưng kỳ thực chỉ luống tiêu hao vô bổ tài vật thí chủ cúng dường mà thôi. Một khi đã nhận giới Thanh văn của Tiểu thừa thì nên tiến tới thọ Bồ-tát giới của Đại thừa, đó là đường lối tiến từ từ vào pháp Phật vậy.

\* \* \*

## LỜI BÀN

Giới học Phật có nói một câu là “Học Thiền có thể không cần câu nệ vào tiểu tiết, học Luật thì mọi chuyện đều phải hết sức cẩn thận”. Câu nói này có vẻ như là Thiền tông không coi trọng giới luật. Thật ra câu nói trên hoàn toàn không chính xác, chí ít là vào thời thiền sư Bách Trượng Hoài Hải cải cách giáo qui, đặc biệt là sau khi đời Nguyên ban hành Sắc tu Bách Trượng thanh qui, bởi vào các thời kỳ này Thiền tông đem chuyện thọ giới, trì giới đưa lên đỉnh cao phi thường trọng yếu. Điều đó được minh chứng qua câu nhấn mạnh “Chỉ có nghiêm cách phụng hành giới luật thì mới có thể chân chánh hoằng dương Phật pháp” của sách này.

Tiết đoạn này còn nhấn mạnh khi thụ giới chẳng những phải coi trọng hình thức, mà còn phải đem trăm thân tâm đầu nhập vào đó, tức là phải nhất tâm chuyên chú, không để cho tâm ý nghĩ ngợi lan man chuyện đâu đâu khác. Lại nhấn mạnh khi thụ giới thì y vật phải là của riêng mình, nếu mượn y vật của người khác mà dùng trong nghi thức thụ giới, thì không chân chánh nhận được giới phẩm. Điều đó chính là nhấn mạnh việc phải dùng tâm tinh kiên thành chân thực để đối đãi giới luật, điều này nói lên Thiền tăng không thể chỉ to mồm nói Thiền ở tự tâm mà coi thường giới luật, không tuân thủ được.

## GIỮ GÌN GIỚI LUẬT

Sau khi thọ giới thường phải giữ gìn, thà chịu có pháp mà chết, chứ không chịu sống mà không có pháp. Như bộ Tứ phần luật của Tiểu thừa chép: “Tứ ba-la-di, thập tam tăng-già-bà-thi-sa, hai bất định, ba mươi ni-tát-kỳ, chín mươi ba dật-đề, bốn ba-la-đề-đề-xá-ni, một trăm chúng học, bảy diệt tránh”, kinh Phạm Võng của Đại thừa chép: “Mười điều nặng, bốn mươi tám điều nhẹ, tất cả các điều luật Đại – Tiểu đều phải đọc tụng trơn lâu, khéo biết rành pháp trì phạm đóng mở”. Nhưng nên y theo Thánh ngôn phát xuất từ kim khẩu đức Phật, chứ đừng nghe theo bọn tầm thường. Như không ăn các món không nên ăn (ý chỉ rượu cay, các món gia vị nồng và thức ăn máu thịt tanh tử. Các thứ hành, họ, tỏi, củ kiệu, hồ tụy là năm món cay, còn vị các thứ thịt là món tanh đều không nên ăn). Không ăn chẳng đúng giờ (ngoài giờ cháo cơm hai bữa ra, còn ăn các giờ khác đều là ăn không đúng giờ) đều phải ngăn cấm. Cái tai hại của tiền tài và sắc đẹp còn ghê hơn rắn độc, càng nên lánh xa. Phải luôn lấy lòng từ nghĩ đến chúng sanh như tưởng nghĩ đến con đẻ. Lời lẽ phải chân thực, miệng lòng phải tương ưng. Đọc tụng kinh điển Đại thừa hạnh nguyện phát đầy đủ, hành vi, phong cách v.v... thanh tịnh kiên thành thì Phật pháp hiện tiền. Đa mà không còn thì liệu lòng có yên ổn không? Cho nên kinh nói: “Tinh tấn giữ gìn giới luật giống như bảo hộ ngọc sáng”.

### SẮM SỬA ĐẠO CỤ

Sắp vào chôn tòng lâm thì trước hết phải sắm sanh cho đủ đạo cụ. Kinh Trung A-hàm nói: “Vật mà mình sắm sanh có thể làm phong phú thân thì đó là công cụ làm tăng trưởng thiện pháp”. Kinh Bồ-tát giới nói: “Công cụ làm phong phú đời sống và thuận đạo là ba y vậy”, bởi pháp y có ba loại: một là tăng-già-lê (tức là đại y), hai là uất-đa-la-tăng (tức y bảy điều), ba là an-đà-hội (tức y năm điều), cả ba thứ này gọi là ba y. [Nếu gọi thất điều, thiên-sam (áo chéo bảy miếng) và quần là ba y là sai đấy!]. Lại còn tam phẩm đại y (thượng phẩm 25 điều, 23 điều, 21 điều. Trung phẩm 19 điều, 17 điều, 15 điều. Hạ phẩm 13 điều, 11 điều, 9 điều). Nguyên do có điển y thì theo như luật Ma-ha-tăng-kỳ nói: “Phật trụ trước hang đá ở cung trời Đế Thích, thấy các bờ của những thửa ruộng lúa phân minh bèn nói với A-nan rằng: ‘Y của chư Phật thời quá khứ hình tướng cũng như thế, từ nay hãy theo đấy mà tạo ra tướng của y’”. Tăng Huy ký nói: “Bờ mẫu của thửa ruộng giữ chứa lại nước làm cho cây mạ sanh trưởng, để nuôi dưỡng hình mạng. Các miếng vải đắp của pháp y tắm nhuần nước có bốn lợi, làm tăng mầm ba điều thiện để nuôi dưỡng thân pháp huệ mạng vậy”.

## TOA CỤ

Tọa cụ tiếng Phạn là ni-sư-đàn, có nghĩa là tùy tọa cụ. Căn bản từ-nại da nói: “Ni-sư-đần-na chính tiếng Hoa là tọa cụ”. Luật Ngũ phần nói: “Tọa cụ chế ra dùng để hộ thân, hộ y, hộ giường chăn của tăng”. Luật Tăng kỳ nói: “Luật định tọa cụ có bề dài bằng hai chét tay Phật, rộng một chét rưỡi” (một chét tay Phật dài hai thước bốn tấc Tàu # 0m72, vậy bề dài tọa cụ là bốn thước tám tấc Tàu # 1,6m, ngang ba thước sáu tấc Tàu # 1,1m).

## ÁO CHÉO VAI

Xưa áo của tăng luật chế chỉ có tăng-kỳ- chi (ý nói y che cả bắp tay trên, đó gọi là y phủ bắp tay trên và che đậy nách). Y này dài che phủ từ nách phải xuống tới bắp tay trên trái, tức đây là nghi thức của Thiên Trúc vậy. Trúc Đạo Tổ Ngụy lục nói: “Cung nhân nhà Ngụy thấy y của tăng để hở một khủy tay coi không đẹp, bèn chế ra y thiên đản, may thêm phía trên y tăng-kỳ-chi, nhân đó gọi là thiên sam” (nay mở đường sống, nói bầu là y ấy vậy, Ấy chính là do nước Ngụy chế ra còn di truyền tới nay vậy).

## QUẦN

Tây vực ký nói rằng: Ni-phước-tá-la (nguyên chữ (𑖀𑖂𑖄) thông thường đọc là ta, trong ngữ cảnh này phiên thiết âm tang cá nên phải đọc là tá) tiếng Hoa gọi là quần. Cựu dịch các luật trước kia hoặc gọi là Niết-bàn tăng, hoặc gọi là Nê-hoàn tăng, hoặc cũng còn dịch là nội y, hoặc dịch là thuyền y (nguyên chữ ? đọc là thuyền, tức là đồ dùng để chứa gạo hình tròn, giống như thuyền mà không có nắp đậy).

## TRỤCH CHUYẾT

Tương truyền các bậc tiền bối thấy tăng có thiên sam nhưng không có mặc quần, hoặc có quần mà không có thiên sam, bèn hiệp thiên sam và quần hai loại y thành trạch chuyết. Tuy nhiên, thiên sư Phổ Hóa cuồng ngôn xin trạch chuyết bằng cây, tức là cái hòm (được Lâm Tế tặng cho), còn Đại Dương truyền guốc da, trạch chuyết bằng vải, hồi xưa cũng có vậy.

## BÌNH BÁT

Tiếng Phạn là bát-đa-la, có nghĩa là khí cụ lều thức ăn vừa phải, nay gọi tắt là bát hay cũng còn gọi là bát vu, tức là tên gọi cả tiếng Hoa lẫn tiếng Phạn. Kinh Phật bản hạnh tập nói: “Bắc Thiên Trúc có hai vị thương chủ, một tên là Đê-lợi- phú-bà, người thứ hai tên là Bạt-lợi-ca phụng dâng Thế Tôn món xiêu lạc (một loại thức ăn của Ấn Độ dùng cơm trộn bơ bắp nhào lại) vò trộn với nhau. Thế Tôn nghĩ rằng: ‘Xưa kia, chư Phật đều dùng bình bát, Ta nay nên dùng khí cụ gì để nhận thức ăn của hai thương chủ?’. Lúc đó, Tứ thiên vương mau mắn cùng đem bốn loại bình bát bằng vàng đến dâng lên. Thế Tôn đều không nhận, vì cho rằng người xuất gia không thể chứa giữ thứ bằng vàng đó. Bốn vị Thiên vương tiếp đó theo thứ tự mang các bình bát bằng bạc, pha lê, lưu ly, hồng ngọc, mã não, xa cừ dâng lên thì Phật đều không nhận. Lúc bấy giờ, Tỳ sa-môn Thiên vương ở phương Bắc nói với ba vị Thiên vương kia rằng: ‘Ta nhớ lại thuở xưa, chư Thiên sắc xanh đem bốn loại bình bát bằng đá đến dâng cho chúng ta, có thể dùng để đựng thức ăn. Lúc bấy giờ, riêng có một vị Thiên tử tên Tì-lô-giá-na bảm bạch rằng: Các nhân giả hãy đừng dùng bình bát bằng đá kia để đựng thức ăn, mà hãy đem chúng cúng dường cho Như Lai, vì đang có Phật Như Lai tên là Thích-ca mâu-ni xuất thế! Vậy nên đem bốn cái bình bát bằng đá này mà dâng phụng lên Phật Như Lai ấy’. Thế là bốn vị Thiên vương bèn đem bốn cái bình bát bằng đá phụng cúng cho Phật, Thế Tôn nghĩ rằng: “Bốn vị Thiên vương đem tâm tin tưởng thanh tịnh phụng dâng cho Ta bốn cái bình bát bằng đá, nếu Ta chỉ riêng nhận của người nào thì các người còn lại sẽ buồn lòng. Vậy nay ta nên nhận trộn cả bốn cái bình bát làm thành một bát, theo thứ tự an trí chồng lên nhau trên bàn tay trái, rồi dùng ngón tay phải ấn xuống thành một bình bát, bên ngoài có bốn miệng, rồi nói bài kệ rằng:

“Quả công đức xưa của Ta đây  
Khiến phát tâm thanh tịnh thương ta  
Thiên vương vì niềm tin kiên cố,  
Bố thí bốn bình bát cho Ta”.

## TÍCH TRƯỢNG

Tiếng Phạn là khích-khí-la, có nghĩa là cây Tích trượng. Kinh Tích trượng nói: “Phật cáo tỳ-kheo phải thọ trì tích trượng, do chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai đều cầm Tích trượng. Lại còn gọi là trí trượng, đức trượng, do tích trượng làm hiển lộ rõ ràng công đức trí hạnh nên mới gọi thế. Ca-diếp bạch Phật: Vì sao gọi là tích trượng?, Phật đáp: Tích là nhẹ, nghĩa là nếu nương chống gậy này thì sẽ trừ được

phiền não ra khỏi ba cõi. Còn tích là sáng, được trí sáng, tích là tỉnh, tỉnh ngộ ba cõi khổ không rốt ráo”. Tích là sơ lạ, ý cho là nếu cầm gậy này thì sẽ sơ lạ đứt rời năm dục. Gậy có hai lông sáu khoen là do Phật Ca-diếp chế ra, còn gậy có bốn lông 12 khoen là do Phật Thích-ca Mâu-ni chế ra.

## **CHỦ TRƯỞNG**

Thập tụng luật chép: “Phật cho phép sắm gậy. Phàm dưới chân dùng sắt bọc quanh cho chắc cứng, đây là công cụ hỗ trợ rất tốt cho việc quấy hành lý”. Lại sách Tỳ-nại-da chép: “Phật cho phép sắm chủ trương là có hai duyên có: một là dành cho các tỳ-kheo già lão gầy gò yếu sức, hai là dành cho tỳ-kheo bệnh hoạn đau khổ vây lấy thân”.

## **CÂY XƠ QUẮT**

Luật chép rằng: “Do tỳ-kheo bị khổ vì thảo trùng (ruồi, muỗi) bu bám nên Phật cho dùng cây xơ quắt”. Luật Tăng-kỳ chép: “Phật cho phép làm đùm xơ quắt bằng sợi tơ, sợi vải cũ, xơ cỏ gai, vỏ cây. Nếu dùng lông đuôi bò, hay đuôi ngựa hoặc lấy vàng bạc nạm cán cây xơ quắt, đều không được phép”.

## **XÂU CHUỖI HẠT ĐỂ LẦN**

Kinh Mâu-ni-man-đà-la chép: “Tiếng Phạn là bát-tắc-mạc, tiếng Hán (đời Lương) gọi là xâu chuỗi hạt, là dụng cụ dùng để niệm tu nghiệp”. Kinh Mộc hoạn tử chép: “Xưa có vị quốc vương tên Ba-lưu-lê bạch Phật rằng: ‘Nước của con nhỏ nhoi, lại ở nơi biên rìa nên con thường lo lắng bất an. Pháp tạng sâu thẳm không thể trải khắp. Cúi mong được chỉ cho pháp yếu thôi!’, Phật nói: ‘Nếu muốn trừ dứt phiền não nên xỏ xâu 108 hạt chuỗi cây vô hoạn (mộc hoạn tử), luôn mang theo mình, chí tâm niệm danh hiệu Nam mô Phật-đà, Nam mô Đạt-ma, Nam mô Tăng-già (tức ba ngôi báu Phật – Pháp – Tăng). Mỗi khi niệm xong câu trên thì lần qua một hạt chuỗi, như vậy tuần tự niệm dần dần đến ngàn muôn câu, mà nếu niệm đạt đến hai muôn câu mà thân tâm không loạn, thì khi bỏ thân (mất) được sanh vào cõi trời Viêm ma. Nếu niệm được một trăm muôn lần thì có thể diệt trừ 108 kết nghiệp, thu hoạch được quả thường lạc’. Vua bạch: ‘Con nguyện phụng trì lời Phật dạy!’”.

## **TỊNH BÌNH**

Tiếng Phạn là kundika phiên âm quần- trĩ-ca, có nghĩa là cái bình, thường chứa nước mang theo người để rửa tay. Nam Hải ký qui nội pháp truyện chép: “Bình đựng nước có hai loại: nếu bằng sành sứ thì dùng để đựng nước uống, nếu bằng đồng sắt thì dùng đựng nước để rửa ráy”.

## TÚI LỘC NƯỚC

Tăng huy ký chép: “Khí cụ này tuy nhỏ nhưng công dụng lại rất lớn, vì hộ trì mạng sống”. Tăng nhân Trung Quốc rất chuộng dùng (thọ trì) thứ khí cụ này, y theo chỉ dẫn của luật. Sách Căn bản bách nhất yết-ma chép: “Túi lọc nước có năm loại:

1. Một là túi lọc vuông [dùng ba thước (Tàu) vuông là, hoặc hai thước (Tàu), tùy loại lớn nhỏ, làm tấm lọc nước phải tế mật (mịn dày) không cho loài trùng nhỏ chui qua được. Nếu dùng là thô hay sa mỏng hay vải gai thì không có ý hộ sanh].
2. Hai là pháp bình (là bình âm dương).
3. Ba là bình quân trì đựng nước (lấy là bịt miệng bình rồi dùng dây nhợ cột cổ bình thả chìm xuống nước, đợi chừng nào nước ngấm vào đầy bình thì kéo lên).
4. Bốn là bình lọc rót nước.
5. Năm là bình lọc y giác (nói y giác đây không phải là ca-sa giác mà là dùng một miếng là dày vuông vắn bằng một chét tay Phật để bịt miệng bình, hoặc để đặt lót vào bình bát, dùng để lọc nước)”.

Đại sư Từ Giác Tông Trách trung tập kinh luật được 31 bài kệ, văn phân nhiều không chép ra đây, phần cuối chép rằng: “Túi lọc nước, khó an định đông người”. Vào năm đầu niên hiệu Sùng Ninh, Tông Trách công tạc tại bên cạnh giếng trước nhà bếp ở viện Hồng Tế, an định một bồn lọc nước lớn, trên gần miệng bồn nước lớn riêng đặt một bồn nhỏ cạnh bên có ống thông xuyên qua hai thành bồn, dưới bồn nhỏ đặt bình lọc nước. Lúc đổ nước vào thì nước hoàn toàn không tràn ra, ấy là dụng cụ để năm đại chúng rửa chân”. Phía sau nhà tắm của tự viện đặt giá cao bắt chước theo phương cách này. Vị Tăng khi đi cầu xong cũng dùng nước lọc này để rửa. Đây là đạo hạnh căn bản của người xuất. Về sau, ngài Tông Trách trụ ở Trường Lô thiết lập bồn lọc nước hơn 20 chỗ. Thường trụ nếu không lập bồn lọc nước thì tội quy về cho người chủ chấp trì vậy, rộng mong mọi người cố gắng mà thi hành vậy!

## **GIỚI ĐẠO**

Tăng sử lược chép: “Giới đạo cũng là đạo cụ, để biểu thị đoạn trừ các mối ác vậy”.

## **TRANG BAO**

Xưa tăng đội nón mê, bên trong thành nón mê để kinh văn cùng các loại trà cụ, y phục và chăn mền cột bao trước, bao sau, giắt ống tre đựng đồ vật linh tinh và cây giới đạo. Nay tức dùng phép đánh bao và trang bao. Dùng hai mảnh vải xanh, trước tiên lấy một mảnh gói các thứ y phục và chăn mền và dùng giấy dầu bọc bên ngoài. Lại dùng thêm mảnh vải thứ hai bọc thêm một lớp bên ngoài, túm bốn góc kết định lại, dùng ống khóa nhỏ khóa lại, cột móc bao bên trên. Riêng độ điệp thì có túi đựng treo ở trước ngực, ca-sa thì dùng cái khăn bàn cột chặt chẽ, cho vào bao thắt lưng cột ở phía trước. Quần và giày vớ có túi đựng cột ở phía sau. Tay phải chống gậy Thiên, trên đường các tăng hành cước du phương gặp nhau, hai bên chấp tay gập đầu vái chào mà đi qua. Như du sơn (thăm viếng các chùa) tới đâu, lúc sắp bước qua sơn môn chùa thì cởi bao xuống ôm mà đi vào liêu ở tạm. Nhưng khi tới chỗ an nghỉ lâu dài thì tháo bao ra, lấy giày vớ ra, rửa chân, thay y phục, đắp ca-sa lên người, cùng với tri khách gặp gỡ.

## **DU PHƯƠNG THAM HỌC**

(Như muốn đi khắp nơi du học) trước hết phải bẩm báo từ biệt sư phụ và các bậc trên trước tìm một nơi có bậc tôn túc đạo cao đức trọng mà mình kính mộ, thỉnh cầu dung nạp cho ở, đoạn theo ghi tên nương ở tại chùa đó (theo luật lệ của nhà Phật qui định rằng:

“Tỳ-kheo có chỗ giảng cầu Phật pháp mà lại có cả thức ăn cung ứng thì nên trụ ở đó, nếu có chỗ giảng cầu Phật pháp mà không có thực vật cung ứng thì cũng có thể trụ ở đó. Nếu không có Phật pháp để giảng cầu mà chỉ có đầy đủ cái ăn cái mặc cung ứng thì không nên trụ ở đó”).

Cổ thanh qui qui định: “Trước hết phải đến khách ty tham bái, kể đó đến đường ty ghi tên chờ cho duy-na đưa đến đơn vị ở Thiên đường an bày xong mới đến liêu thị giả bẩm báo, cảm phiền ông ta báo cáo thỉnh thị với trụ trì, (nếu ngài đồng ý cho ra mắt thì) đến trượng thất lễ bái”.



Hiện nay, tăng nhân du học ghi tên, khi mới đến một chùa nào đó thì trước hết được sắp xếp cho ở tại liêu tạm trú, suy cử một vị tăng trong nhóm rành rẽ qui củ từng lâm, có khả năng sắp xếp công việc làm tham đầu, suất lãnh các tăng mới đến tới khách ty, tề chỉnh ca-sa đúng oai nghi, đứng sắp hàng bên phải cửa liêu mà bẩm rằng: “Chúng con là tăng du phương mới tạm đến chùa, xin được ra mắt!”. Tri khách bèn mời mọi người vào phòng, tham đầu thưa bẩm: “Hôm nay xin cầu chúc thiền sư tôn trưởng tri khách sinh hoạt như ý, nhiều phước huệ. Từ lâu, bọn con khâm ngưỡng đạo đức cao cả của ngài, nay đây mới được chiêm ngưỡng tôn nhan, lòng riêng những cảm kích vô cùng!”. Tri khách đáp lại rằng: “Chùa của mỗ giáp đây vô cùng vinh hạnh mong được các vị từ xa cực nhọc đến quang lâm”, nói đoạn vái chào rồi mời ngồi, mời thấp hương, kế mời uống trà, đoạn hỏi han một cách khái quát sơ lược lý lịch của các vị tăng du phương. Bấy giờ, các tăng du phương mới đứng dậy, cùng nhau cảm tạ tấm thịnh tình của tri khách tiếp đãi mời trà rồi quay về liêu tạm trú. Sau đó, tri khách đến liêu tạm trú để đáp lễ. Tham đầu mời tri khách vào phòng, hai bên cùng chào hỏi vắn an. Tri khách nói: “Cầu chúc các vị thiền sư tôn trưởng sinh hoạt như ý, nhiều phước huệ! Mới vừa rồi thừa mong chư vị nhún mình tới quang lâm tề liêu nên riêng đến bái tạ, lòng riêng luống những cảm kích vô cùng”. Tham đầu đáp lời rằng: “Theo lẽ, đáng lẽ bọn con phải đến bái yết sư, nào dám đâu mong ngài chẳng nề hà cực nhọc hạ mình đến quang lâm”. Tiếp đó, chỉ riêng tham đầu đưa thị giả ra khỏi cửa. Nếu như có ý muốn tham bái trụ trì thì phải đợi sau khi bái tham, cùng đến liêu thị giả bái phỏng, nghi thức cũng giống như bái phỏng tri khách trước đó. Sau khi lạy xong, nhóm tăng du phương cùng đứng lên báo bẩm rằng: “Bọn con đây đặc biệt riêng đến mong lễ bái Hòa thượng, phiền thị giả báo với ngài giùm một tiếng”. Thị giả vái chào mời mọi người cùng ngồi, hỏi kỹ lưỡng lai do muốn lễ bái, hoặc giả có thể hỏi về người đồng hương hay đồng đạo của các vị du tăng hiện ở trong chùa này, kể cả các người biện sự. Hỏi xong, thị giả nói: “Hãy tạm quay về chỗ nghỉ, cho phép tôi có thì giờ bẩm báo lại trụ trì”. Nói đoạn, thị giả liền đến trước thất của trụ trì bẩm báo thỉnh thị. Nếu như trụ trì đồng ý tiếp kiến thì sáng hôm sau động chuông, thị giả báo với hành giả của khách đầu thông báo các tăng du phương hãy đến thất của phương trượng mà bái kiến trụ trì. Nếu như trụ trì chưa có thời gian rảnh rỗi thì thị giả ngay đêm đó đốt đèn lòng đến chỗ các tăng du phương tạm nơi nghỉ báo lễ, khéo léo dùng lời dịu ngọt an ủi mọi người (hãy kiên nhẫn chờ đợi ít lâu).

**Nghi thức bái kiến Trụ trì như sau:**

Sáng sớm ăn cháo xong, tham đầu dẫn các tăng du phương đến tầm đường của trụ trì đợi ngài bước ra. Thị giả tiếp mọi người vào trong tầm đường, tham đầu tiến tới trước nói: “Thỉnh Hòa thượng ngồi kiết- già! (để nhận lễ bái)”, rồi sau đó mới chuyển người đến bên phía tay trái của trụ trì thấp hương, lui người cùng nhóm tăng du phương đồng loạt triển bái trái tọa cụ giập đầu lạy lần đầu nói: “Bọn con từ lâu đã nghe đạo phong của Hòa thượng, hôm nay mới thấy được tôn nhan, trong lòng riêng những hết sức vui mừng nhảy cẫng như chim sẻ”. Trái tọa cụ giập đầu lạy lần thứ hai nói: “Hôm nay khí trời chính hiệp thời lệnh, xin cầu chúc đại Hòa thượng đường đầu sinh hoạt như ý, được nhiều phước huệ!”. Sau đó giập tọa cụ xuống nền ba lần biểu thị lễ bái, nếu như tăng du phương là đồng học của đệ tử ruột của trụ trì thì nói: “Từ lâu thừa mong ân trạch và sự chở che của Hòa thượng”, lại riêng thấp hương hành lễ. Lễ dứt tựu tòa, thị giả đốt hương, mọi người cùng uống trà. Trụ trì hỏi mọi người làng quê, tên họ và hạ rồi an cư nơi đâu. Mọi người đều phải hồi đáp đúng sự thật, nhưng không được nói nhiều. Hồi đáp xong đứng lên đến trước lư hương tạ ơn rằng: “Bọn con mười phần vinh hạnh thừa mong Hòa thượng hạ mình tiếp kiến nên riêng bái tạ”. Trụ trì đưa tiễn mọi người ra khỏi tầm đường. Tham đầu nói: “Hòa thượng khá nên tôn trọng”, liền đó cùng đến liêu của thị giả trí tạ rằng: “Cảm phiền sự cất lưc giúp đỡ của sư nên xin bái tạ!”.

Các tăng vân du trở về đến bên ngoài liêu tạm ngụ đứng sắp hàng mé bên trái chờ trụ trì đến hồi lễ. (Khi trụ trì đến), mọi người vái chào rồi cùng tiếp đón vào trong liêu, ngỏ lời rằng: “Cầu nguyện đại Hòa thượng đường đầu sinh hoạt như ý, bọn con mới vừa rồi đến yết kiến lễ bái Hòa thượng là bản phận của mình, nào dám mong Hòa thượng hạ mình đến hồi lễ, trong lòng luống những cảm kích vô cùng”. Trụ trì nói: “Chỗ nơi không đủ tiện nghi, mong được các vị bỏ lỗi cho mà tạm lưu lại tậ tự”. Mọi người cùng đưa tiễn trụ trì ra. Tham đầu chuyển đến mé phải tiếp mời thị giả vào, cùng mọi người thăm hỏi vấn an rằng: “Chúc thị giả cao Thiên sư đạo thể an khang, được nhiều phước huệ. Theo lễ, bọn con đáng lẽ phải đến quý liêu bái phỏng, trái lại phiền sư hạ mình giáng trọng, trong lòng luống nghĩ vô cùng cảm kích”. Thị giả nói: “Chùa của con lắm vinh hạnh, mong được chư vị từ xa cực nhọc giáng lâm! (Nhân vì công việc bận rộn trói chân) nên việc báo tạ trễ trầy, lòng thật lấy làm hổ thẹn lắm!”.

Như nay đây phần nhiều tăng du phương mới đến đều không ở tại liêu xá tạm ngụ mà mỗi khi đến nơi nào liền tìm đầu thủ đồng hương và ở nhờ liêu xá của vị đó. Thế

là Cổ thanh qui từ trước tới nay giờ đã dần dần không còn được ai nghe theo nữa. Nếu trụ trì gặp phải cao tăng các chùa danh tiếng đến thăm viếng, thì đích thân đưa tiễn đến nhà khách để đáp lễ tại đây. Các thượng tọa có cương vị cao đến tham vấn thì đứng ở bên mé Tây pháp đường chờ đón trụ trì đến hồi lễ mà thường thì phải ngăn trở trụ trì đích thân hạ mình quang lâm pháp đường. Còn như trụ trì 5 chùa danh tiếng (như Kính Sơn, A- dục vương, Thiên Đồng, Linh Ân, Quang Hiếu) thì khỏi phải đáp lễ các người đến bái phỏng. Trong khoảng giữa thời gian cháo sáng và cơm trưa thì mời dùng điểm tâm, tối đó lại phải đặc biệt mời dùng thang thủy, các tăng du phương dùng bữa thang thủy phải mặc ca-sa vào. Trụ trì đón vào tăng đường, tại trước lư hương cùng nhau kể chuyện phiếm ấm lạnh rồi mới tựu tòa. Thị giả thấp hương chào mời dùng thang thủy [vì chữ thang thủy này dùng để chỉ nhiều loại nước uống chơi như nước gạo, nước năm mùi v.v... rất khó dịch cho chính xác nên chúng tôi xin được để nguyên từ “thang thủy” mà không dịch]. Dùng thang thủy xong đến trước lư hương tạ ơn đãi thang thủy, phải dùng nghi thức hai lần trải tọa cụ giập đầu lay ba lay. Sau đó cởi bỏ áo ngoài, tựu tòa dùng cơm tối. Nếu như trụ trì không rảnh rỗi thì có thể bảo tăng đầu thủ thay mình mà bầu bạn với các tăng du phương, trong trường hợp này thì đầu thủ phải đích thân đứng dậy thấp hương. Tuy nhiên, nếu trụ trì đích thân bầu bạn buổi dùng thang thủy cùng khách thì mới gọi là trọn lễ.

Qua sáng hôm sau ăn cháo xong mời dùng trà, tham đầu dẫn dắt các tăng du phương sắp thành hàng đứng trước tâm đường của trụ trì, đợi khi trụ trì vừa mới đến liền bước đến thăm hỏi vấn an rằng: “Trọn đêm qua bọn chúng con trong lòng đều cầu chúc đại Hòa thượng đường đầu sinh hoạt bình thường như ý, có nhiều phước huệ. Bọn chúng con thừa mong ưu ái trọng hậu đến thế, trong lòng thật hết sức cảm kích”. Sau khi vào trong tòa, thị giả đốt hương mời uống trà, đứng dậy đến trước lư hương, triển khai tọa cụ giập đầu lay ba lay hai lần tạ ơn mời trà. Triển khai tọa cụ lần đầu nói: “Bọn con thừa mong chiêu đãi uống trà nên riêng đáp tạ, trong lòng luống những vô cùng cảm kích”, triển khai tọa cụ lần thứ hai nói: “Khí trời hôm nay chính hợp thời linh, chúc nguyện đại Hòa thượng đường đầu sinh hoạt như ý, được nhiều phước huệ”. Đoạn cùng tháo lui, giập tọa cụ xuống nền ba lần biểu thị lễ lay, trụ trì đưa tiễn đôi ba bước ra ngoài. Nếu như có yêu cầu ghi tên lưu lại chùa đó thì ngay lúc đó tham đầu nên dẫn dắt các tăng du phương quay người lại đến trước mặt trụ trì bẩm báo: “Bọn chúng con thật rất cảm khái lễ sanh tử là chuyện lớn, vô thường đến chóng vánh, từ xưa đã nghe đạo phong vang dội của Hòa thượng nên riêng đến nương tựa.

Ngưỡng mong Hòa thượng mở lòng đại từ bi thu nạp chúng con!”. Bẩm báo xong, chẳng cần đợi Hòa thượng ừ hử gì cả mà cứ giập tọ cụ xuống nền lạy một lạy nói: “Tạ ơn Hòa thượng cho bọn con ghi tên lưu ngụ”. Đoạn nhường tham đầu ghi tên trước, còn ngoài ra những người khác thì không kể sớm tối, không chọn nơi chốn, cứ chờ gặp cơ hội thích hợp thì dùng nghi thức thích hợp mà khẩn cầu trụ trì cho lưu ngụ, những người phục vụ gần gũi trụ trì không được quát mắng ngăn cấm cản họ. Nếu như trụ trì đồng ý thì giập tọ cụ xuống nền lạy một lạy như lần trước rồi yêu cầu trụ trì viết ban cho một cái danh thiếp để đến liêu thị giả đăng ký tên tuổi vào sổ bộ, nói: “Mới vừa rồi được chỉ thị từ bi của trụ trì, giờ đến quý liêu ghi tên”. Thị giả theo thứ tự mỗi mỗi phát bảng cho ghi tên đến đường ty, duy-na tiếp nhận bảng xong bảo hành giả mời mấy người vừa mới ghi tên uống trà. Uống trà xong giao cho đệ điệp ghi tên vào sàng lịch (sổ bộ ghi tăng tịch), (sẽ kể rõ tình huống ở chương “Đại quả đáp qui đường”), chờ được đưa về tăng đường. Nếu có sự việc gì đó mà phải vào ra chùa thì phải tuân theo chế độ qui định của tăng đường, phải quá nửa tháng sau khi ghi tên mới được xin nghỉ phép. Cổ luật ghi rằng: “Người du phương xin tạm nghỉ phép để du lãm các chùa thì lấy nửa tháng làm hạn kỳ, nếu quá kỳ hạn này thì bị gạch bỏ tự tịch, khi trở lại thì phải xin ghi tên lưu ngụ mới, rồi sau đó vẫn phải tuân thủ chế độ qui định của tăng đường như trước”. Trong trường hợp gặp chuyện cấp bách như sư trưởng hay cha mẹ bệnh nặng hay qua đời thì không phải tuân thủ hạn định nêu trên.

### **(Phụ chú):**

Phàm trong tâm đường tất bố trí một cái bàn để lúc kẻ tham học đến ra mắt sư gia có chỗ đặt lễ phẩm cúng dường hầu biểu thị lòng tôn trọng sư đạo. Lúc tăng du phương bái phỏng trụ trì thì trụ trì phải ngồi ở vị trí chính giữa, nhường cho kẻ mới đến thấp hương trái tọ cụ giập đầu lễ bái. Kẻ mới đến ngồi bên cạnh nhận trà do trụ trì ban cho thì không có chi phương hại đến nghi lễ, nay các chùa ở miền Bắc (Trung Quốc) vẫn thi hành nghi thức này. Tuy nhiên gần đây, một số sa-di mới nhập học từng lâm, vừa mới được thế độ vào chúng tăng mà đã ngang nhiên cùng trụ trì các chùa danh tiếng và lão tiền bối chôn từng lâm ngồi chò hỏ ngang hàng khi hành lễ, cho đó là chuyện bình thường, lâu dần thành tập quán, biến thành đại tộ đoạn của từng lâm, thậm chí vượt quá thân phận giới hạn, phạm thượng, dẫn đến thái độ khinh lờn, đạo thầy đương nhiên không còn nữa, mà không biết rằng tôn trọng sư trưởng cũng bằng với tôn trọng Phật pháp vậy, mà nếu tôn trọng Phật pháp thì kỷ cương của

tùng lâm sẽ chấn hưng vậy. Riêng các vị sư trưởng trong các chùa Phật ở bên Tây Vực thì đồ đệ tôn sùng họ như vua chúa, cha mẹ mà e còn chưa vừa. Đó là phép tắc mà chúng ta phải bắt chước vậy.

\* \* \*

## LỜI BÀN

Du phương tham thỉnh là bộ phận trở thành sinh hoạt tôn giáo trọng yếu của tăng lữ. Mục đích của việc này bao quát ba phương diện:

1- Thông qua sinh hoạt gian nan khổ sở (lặn lội đường dài ngàn dặm, điều kiện ăn ngủ thường thiếu thốn đảo lộn) mà luyện mài tự bản thân mình, tiêu trừ tư tưởng ham mê tìm cầu vui sướng khỏe khoắn, nhờ đó tăng cường ý chí và tín niệm của việc tu đạo.

2- Được dịp bái phỏng danh sư mà tham học thỉnh ích, đề cao sự tu dưỡng của Phật học.

3- Nhờ du lãm núi non danh tiếng, chùa chiền to lớn mà thu hoạch được sự giúp đỡ của các Bồ-tát mà mọi người sùng kính (như Bồ-tát Phổ Hiền của núi Nga Mi, Bồ-tát Văn Thù của núi Ngũ đài, Bồ-tát Quán Thế Âm của núi Phổ Đà, Bồ-tát Địa Tạng Vương của núi Ngũ Phong).

Thiền tăng sau khi trải qua sinh hoạt du phương tham thỉnh, ai ai cũng đều đạt được ba mục tiêu mong đợi, trình độ tu dưỡng Phật giáo rất được nâng cao. Hiện nay giới Phật giáo vẫn còn áp dụng pháp du phương tham thỉnh, nhưng điều kiện giao thông ngày nay tiến bộ tiện lợi hơn xưa nhiều, cho nên có thể ngồi tàu hỏa, đi ô tô, đáp tàu, đi máy bay mà không phải lặn lội cực khổ hiểm nguy như thời xưa nữa. Cho nên ý nghĩa thông qua du phương tham thỉnh để được mài luyện thân tâm đã giảm thiểu rất nhiều, nhưng trái lại tăng cường tính chất tiến hành giao lưu văn hóa, học thuật, qua học hỏi mà mở rộng nhãn giới khắp năm châu. Nhưng nói cho cùng thì du phương tham thỉnh dù xưa hay nay đều đề cao trình độ tu dưỡng Phật học của tăng lữ một cách hữu hiệu nhất.

## RA MẮT TẬP THỂ

Chùa lớn đông chúng, lại các tôn túc rất nghiêm trọng, không có chuyện cử hành lễ tương kiến đưng đầu làm đó. Người mới đến phải đợi kẻ cùng hoàn cảnh đã đông đảo, mới cùng đến thị ty, ghi tên xin được ra mắt trụ trì một lượt. Thị giả bẩm báo xong đầu đầy, hoặc đầu tháng chín hoặc trước Đông hay giáp Tết, mọi người suy cử một vị danh đức cũng mới đến, hoặc người rành rọt thể lệ chốn tùng lâm làm tham đầu.

Đến ngày lãnh đạo chúng đến tâm đường sắp hàng mà đứng, thị giả thỉnh mời trụ trì bước ra. Tham đầu tiên lên nói: “Thỉnh mời Hòa thượng phụ tọa!”, Trụ trì ban pháp ngữ vấn tất, tham đầu nêu ý đáp ngữ xong, lui bước cùng mọi người chào hỏi vấn an, thấp hương trải tọa cụ lạy đại lễ ba lạy hai lần. Kế đó cảm tạ thị giả. Sáng hôm sau, đến thất phương trượng dùng trà cầu xin ghi tên ở lại chùa. Sau đó chờ Trụ trì phát bảng đồng ý cầm lấy đem đến đường ty, nghi thức đưa về tăng đường giống như ở các lễ nói ở trước. Trụ trì tại lúc người mới đến tạ ơn cho ghi tên ở lại chùa mà hồi lễ.

### **Hình thức bảng nhận cho ở:**

Tuân phụng từ chỉ của Phương trượng cho ghi tên ở lại chùa một ông tăng tà Thượng tọa mỗ giáp,

Thượng tọa mỗ giáp.

Ngày ... tháng ... thị ty mỗ báo.

### **GHI TÊN CHO NHIỀU NGƯỜI Ở LẠI CHÙA**

Đường ty thừa hành bảng báo tiếp nhận của thị ty, liền bảo hành giả mời thỉnh những người mới đến dùng trà, những người này ai ai cũng phải mang độ điệp. Tham đầu dự bị một hộp hương nhỏ, chuẩn bị dùng cho lúc qui đường. Tham đầu lãnh đạo các người mới tới đến đường ty, giáp mặt giáp tọa cụ xuống đất trí ý lạy một lạy, kể chuyện ấm lạnh. Nhập tòa dùng trà xong, đứng lên bẩm bạch rằng: “Bọn con vừa hay phụng từ chỉ của phương trượng, lệnh nương tựa hai bên mình. Cúi mong thấu nhận!”. Duy-na đáp lời rằng: “Rất hân hạnh! Mừng được cùng thủ tịch liêu!”, tham đầu và mọi người mới đến đều lấy độ điệp đệ trình lên duy-na, đoạn giáp mặt giáp tọa cụ xuống đất trí ý lạy một lạy. Duy-na nhất nhất ghi vào sổ danh sách xong hoàn trả lại độ điệp cho mọi người mới đến, chỉ riêng giữ lại độ điệp của tham đầu. Hành giả nói lớn: “Thỉnh mời các thủ tọa qui đường quả đáp!”. Tham đầu lãnh đạo các

người mới đến theo phía bên phải cửa mà vào tăng đường, đến trước tượng Thánh tăng đứng sắp hàng. Tham đầu đốt hương cùng mọi người mới tới trải tọa cụ đại triển ba lạy, rào quanh tăng đường một vòng từ phía phải đến phía trái tăng đường, rồi đứng sắp hàng như trước vái chào vãn an. Từ cuối ban trước hết dời bước, lui ra bản đầu tượng Thánh tăng đứng. Duy-na vào tăng đường đốt hương đứng mé bên phải, hành giả đường ty (liêu duy-na) bưng mâm gỗ có phủ nắp trải đựng đồ điệp, sau đó duy-na đưa trả lại. Tham đầu cùng các người mới đến giáp mặt duy-na giáp tọa cụ xuống đất trí ý lạy một lạy, tham đầu đưa duy-na ra [trước bữa trai bằng cửa sau, sau bữa trai bằng cửa trước (đáng lẽ phải dịch đúng là bữa cơm chay)]. Tham đầu không ra khỏi cửa tăng đường, duy-na phân phát bảng báo tiếp nhận cho các liêu (hình thức trình bày sau). Hành giả dẫn mọi người mới tới đến các liêu đánh ba tiếng vãn bản, liêu chủ đón tiếp vào liêu giáp mặt cùng giáp tọa cụ xuống nền trí ý lạy nhau một lạy, kể chuyện ấm lạnh. Xong, ngồi hai bên đối mặt hiến trà. Uống cạn rồi mọi người đứng dậy đứng trước lư hương vái chào vãn an tạ ơn xong cùng nói: “Bọn con đây vừa hay phụng từ chỉ của duy-na bảo hãy đến quý thượng liêu mà nương tựa quanh quần bên mình, dám mong quý thượng liêu từ bi (thu nhận)!”. Liêu chủ nói: “Hôm nay đông các vị đến liêu, thật hân hạnh nhiều, cũng rất mừng cùng chia sẻ tịch liêu!”, đoạn hai bên cùng giáp tọa cụ xuống nền trí ý lạy nhau một lạy. Các người mới được ghi tên chuyển qua mé bên Đông, liêu chủ chuyển qua mé bên Tây, rồi lại cũng giáp tọa cụ xuống nền trí ý lạy nhau một lạy. Liêu chủ dẫn các người mới ghi tên triều kiến tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, vái chào vãn an, rồi dẫn mọi người rào quanh liêu một vòng, lại triều kiến tượng Bồ-tát Quán Thế Âm lần nữa, vái chào vãn an rồi lui ra, liêu chủ không cần tiễn đưa mọi người ra. Hành giả dẫn mọi người mới ghi tên đến ra mắt liêu nguyên, giáp mặt giáp tọa cụ xuống đất trí ý lạy một lạy nói: “Hôm nay kính chúc tọa nguyên thiền sư (liêu nguyên) sinh hoạt bình thường, nhiều phước ! Nay mong từ chỉ của phương trượng bảo bọn con đây nương tựa hai bên mình sư, dám mong được rủ lòng từ, trong lòng thật hết sức cảm kích!”. Kế đó cùng đến liêu đầu thủ, khó ty. Tại mỗi nơi đều giáp tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy, kể chuyện ấm lạnh, xong tiễn đưa ra ngoài.

Ngày nay thì phần nhiều không có đón tiếp, chỉ chuyển lời mà thôi. Có người nói khi đến chỗ thủ tọa có lạy là không đúng phép tắc, bởi lúc tạ quả đáp, lưỡng tự hồi lễ, thông thường có lạy trả.

### **Hình thức bảng thu nhận ghi tên:**

Cho ghi tên (ở lại chùa) một ông tăng là

Thượng tọa mõ giáp, là người ở châu... họ mõ.

Người ghi là Thượng tọa mõ giáp

Ngày ... tháng ... Đường ty mõ báo Báo thị ty thể hiện tôn kính trụ trì Thủ tọa tiền đường, thị ty và chúng liêu phải nêu rõ giới lập, kể đến là châu huyện quê quán, tên tuổi, còn kỳ dư đều không nêu ra.

### **GHI TÊN CHO MỘT SỐ NGƯỜI Ở LẠI CHÙA**

Phương trượng chấp nhận cho ghi tên ở lại chùa, thị ty phát bảng chấp nhận gửi xuống đường ty, mời trà ghi tên vào trong sổ danh sách xong, đưa vào các liêu. Duy-na ở mé bên trái đối mặt giáp tọa cụ xuống nền trí ý lạy 1 lạy chuyển qua bên trái, lại đối mặt giáp tọa cụ xuống nền trí ý lạy 1 lạy. Người được ghi tên ở lại chùa bảm bạch rằng: “Hôm nay đây rất hân hạnh được sự hạ mình tiếp nhận ôn tồn, trong lòng không khỏi hết sức cảm kích”. Đáp rằng: “Liêu xá chật hẹp, mong được các vị khoan dung ở tạm!”. Tham đầu đưa duy-na ra, đứng tại phía phải bên ngoài các liêu, hành giả đường ty đánh ba tiếng tiêu bản trong liêu. Liêu chủ đón tiếp, lễ cũng giống như đại quả đáp nói ở trước.

### **THỦ TỌA CỦA TÂY ĐƯỜNG GHI TÊN**

Như danh đức các chùa to muốn tính kế hoạch ở lại, trong lúc nói năng hé lộ ý định. Trụ trì suy tính độ có đơn liêu để họ cư trú đồng thời oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm và vị thứ của họ cũng được trên dưới an thuận thì lưu giữ họ lại. Qua ngày hôm sau đến dự trà xong bảm bạch rằng: “Mõ đây vì sanh tử là việc lớn nên riêng đến nương tựa”, đoạn giáp tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy. Hoặc ngày khác, hay ngay tức khắc trụ trì hội họp lưỡng tự, cần cựa dãi trà. Trụ trì đích thân đứng lên đốt hương, quay trở về vị trí đứng bảm bạch rằng: “Có vị thủ tọa Tây đường chùa mõ không chê bỏ chùa ta đến đây cùng chia sẻ tịch liêu. Cảm phiền lưỡng tự, cần cựa cùng đưa về liêu!”. Người được đưa về liêu liền bước đến trước nói: “Riêng đến đây nương tựa, làm nhọc lòng thâm lục”. Trụ trì cùng lưỡng tự, cần cựa đưa về liêu, đối mặt giáp tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy. Sau đó đưa trụ trì ra khỏi liêu, người được đưa về liêu ở chủ vị vái chào thị giả, mời vào vái chào vãn an rồi đưa ra, vái chào mời lưỡng tự, cần cựa vào vái chào vãn an, xong đầu đầy tức mang hương đến thất phương



trượng bái tạ. Hành giả đường ty dẫn người được ghi tên đến chỗ lương tự và cần cựa rồi quay trở về lễ bái phương trượng. Qua ngày khác đặc biệt cử hành lễ khoản đãi trà. Ngày rằm, mừng một, thỉnh mời trà cùng với cần cựa ngang nhau.

### **NHỮNG BẠC DANH ĐỨC Ở CHÙA CÁC NƠI GHI TÊN**

Phàm muốn ghi tên ở lại chùa thì qua ngày hôm sau khi đến dùng trà xong, bầm bạch rằng: “Bọn con đây vì sanh tử là chuyện lớn nên đến nương tựa, cúi mong được thu lục!”, cùng giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy. Nếu trụ trì chấp nhận thì hội mời thủ tọa, duy-na và tri sự dùng trà. Xong đâu đấy, trụ trì đứng dậy đốt hương bầm bạch ý đưa về liêu như đoạn nêu trên. Người được đưa về liêu tiến tới nói: “Bọn con mong được thu lục, chỉ cần qui tăng đường theo chúng bình thường”. Trụ trì đáp rằng: “Lễ của chùa là phải đưa về liêu”. Tùy chức danh cao thấp mà đưa về liêu môn đường, tiền tư, đối mặt giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy, đưa tiễn trụ trì ra khỏi liêu rồi vái chào vãn an với liêu chủ, bầm bạch rằng: “Đời trước nhiều may mắn nên được nương tựa hai bên tôn túc”. Liêu chủ đáp lại rằng: “Nhiều đời chuyên chín muồi, mới vui được ở chung”. Người được đưa về liêu chuyển vị trí chủ mời thị giả vào vái chào vãn an rồi đưa ra. Lương tự vái chào vãn an xong tức ôm hương đến thất phương trượng, bái tạ bố trí chỗ ở. Hành giả đường ty dẫn đến khô ty, và liêu các đầu thủ hồi lễ. Hoặc phương trượng phát bảng thu nhận phiến thủ tọa mời thỉnh đưa về liêu thì thủ tọa lệnh cho hành giả đường ty mời thỉnh tri sự một người, thị giả của duy-na và người được đưa về liêu cùng đến liêu. Thủ tọa đốt hương hiến trà, bầm bạch trụ trì phát bảng phê ý nhà chùa chấp nhận đưa về liêu. Lúc đưa vào cửa liêu, thủ tọa ở chủ vị thay trụ trì giập tọa cụ xuống đất trí ý lạy một lạy. Kế đó, người được đưa về liêu chuyển sang chủ vị, thủ tọa chuyển sang khách vị cùng với tri sự và duy-na đồng nhau, vái chào vãn an các lễ khác giống như trước.

### **PHÁP QUYẾN, BIỆN SỰ GHI TÊN**

Không kể là lúc nào, cứ gặp thị giả nói rõ lai lịch để thông báo Trụ trì, thấp hương trải tọa cụ triển lễ lạy ba lạy. Như pháp quyến thuộc bậc dưới trở xuống từng giữ chức thị giả, Trụ trì đều phải nhận lễ, tùy chức danh cao thấp, đón đưa giống như trước.

### **NÉM HƯƠNG RA MẮT TRỤ TRÌ**

Người mới đến nếu vì duyên do cấp bách không thể đến kịp lúc cử hành lễ ghi tên, hoặc việc ghi tên đã ngưng rồi không thể thông báo được, bất cứ là tại nơi nào, vừa mới nghinh đón gặp mặt trụ trì liền ném hương ra phía trước bảch bạch: “Kẻ tạm đến lễ bái Hòa thượng”, đoạn giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy một lạy. Đó rồi tùy tự thâu lượm hương lại chờ cầu xin ghi tên. Như trụ trì đồng ý dung nạp tức lệnh thị ty phát bảng chấp nhận thu lục xuống đường ty, nghi lễ cũng giống như trước. Nếu bảng đồ danh sách đã lập xong rồi thì phải đến đường ty bảch bạch ghi thêm tên của mình vào bảng danh sách. Nếu người xin ghi tên đông thì đợi thời gian sau ghi tên.

### **TẠ ƠN GHI TÊN CHO Ở LẠI CHÙA**

Theo Cổ thanh qui thì người được ghi tên đưa về tăng đường, phải lập tức cử hành lễ tạ ơn cho ghi tên. Về sau lấy tiết Đông hay ngày Tết và trước hạ an cư ba tiết này cử hành tạ ơn cho ghi tên. Từ khi Hòa thượng Phật Chiêu Đức Quang từ chùa Dục Vương đến Kính Sơn, thì Quyên Cô Vân làm thị giả nhập viện. Lúc đó, Phật Chiêu do lễ tiết nhiều đều tổ chức tại trước hạ an cư.

Ngày nay, tu sĩ đến chùa nào đó, ngồi còn chưa ấm chỗ, dời chỗ ở đến nơi này – nơi nọ luôn, đến nỗi phần nhiều đều không tạ ơn được ghi tên. Tuy nói là trải đông qua hạ, nhưng chiết trung lại là nên cử hành lễ báo tạ ơn vào hai thời kỳ lúc trước đông hay trước hạ. Trước hết, thị giả phải đem sổ bộ ghi tuổi lạp đại chúng ở đường ty kiểm tra tìm người có giới lạp cao trong nhóm mới đến một người làm tham đầu, một người làm phó tham đầu. (Theo cựu chế thì chọn thị giả ở các chùa làm tham đầu thường dẫn đến việc chùa lớn nhỏ, cao thấp mà tranh cạnh bất an. Thị giả Thái Nguyên Phù cũng tại các liêu ghi tên, đã nói hễ theo trong chúng thì phải y cứ theo giới lạp, y cứ theo thể chế của Phật. Huống chi các bảng đồ ghi vị trí dự lễ cùng các tấm bảng ghi giới lạp tại các liêu không lấy tên tuổi đời làm cao thấp. Một là tuân theo chế định của Phật, hai là miễn cạnh tranh, ba là được chúng hòa thuận đồng cư. Duy trụ trì ra sức thi hành vậy). Tham đầu nên cụ bị một bảng đồ vị trí nhỏ để theo đó luyện tập trước nghi thức, cứ ba người làm một dẫn, mỗi dẫn có một người làm tiểu tham đầu. Phải ghi chép đầy đủ lời lẽ, cử chỉ tới lui, xoay sở sao cho hiệp độ, để tránh chuyện khi đến lúc làm lễ thì lại cử hành sai trật lộn xộn. Hành giả đường ty cụ bị danh số, quyên góp hương và viết một tấm bảng nhỏ dán trước các liêu rằng: “Các vị thủ tọa (gọi tôn trọng) mới qui đường, mỗi người đều phải quyên y số tiền mua hương để cử hành lễ đáp tạ ơn cho ghi tên. Hành giả mỗi của đường ty kính cẩn thông báo”. Thu tiền mua hương đủ số rồi giao thị giả nạp cho phương trượng cùng

bẩm bạch định xem ngày nào cử hành lễ tạ ơn cho ghi tên ở lại chùa, xuất bảng báo với đại chúng rằng: “Các anh em mới vừa qui đường, ngày mai sau khi dùng cháo sáng xong, hãy đến thất phương trượng cử hành lễ đáp tạ ơn cho ghi tên! Ngày ... tháng ... thị ty mỗi thông báo”.

Đến ngày tề tựu tại tấm đường của phương trượng, hoặc tại pháp đường thiết đặt vị trí trụ trì, sắp bày thành hàng bàn thấp hương, đài đặt lư hương, bình và đèn cầy. Thị giả trao một cây hương to cho tham đầu, giao cho phó tham đầu nhiệm vụ lãnh đạo chúng, cứ y theo bảng đồ định vị trí mà đứng sắp hàng. Tham đầu cùng với thị giả thỉnh mời trụ trì bước ra, đến vị trí của ngài mà đứng. Tham đầu cùng với đại chúng nhất tề vái chào vãn an. Xong tham đầu tiến đến trước trụ trì bẩm bạch rằng: “Thỉnh Hòa thượng phu tọa!”. Lui chân trái chuyển nghiêng mình, nơi chỗ trống phía phải bàn đặt lư hương bước ra, đi ra khỏi rồi quay lại vị trí cũ cùng vái chào vãn an. Xong, phó tham đầu rút từ trong tay áo bó hương cầm dâng lên. Tham đầu tiếp lấy cất vào trong lòng, vái chào vãn an qua loa rồi chấp tay đến trước phía trái lư hương, tay trái cầm hương rồi theo chỗ trống mà đi qua, đoạn quay về vị trí cũ đồng bái chào vãn an, ba người trong dẫn của mình cùng trái tọa cụ lạy ba lạy. Trụ trì phát tay miễn lễ, liền thân cuốn tọa cụ lại. Tham đầu tiến tới trước nói: “Bọn con đời trước lắm khánh hạnh nên nay mới toại lòng được cho nương nấu, trong lòng thật không tránh khỏi vui mừng đến nhảy cẫng lên như con chim sẻ”. Nhưng như trước lui người, bên phải bàn hương chuyển về vị trí chào hỏi vãn an. Lại trái tọa cụ, trụ trì lại phát tay miễn, thân tọa cụ tiến tới trước nói: “Hôm nay thời tiết chính rất tốt đẹp, cung kính chúc Hòa thượng đường đầu sinh hoạt bình thường, nhiều phước!”, rồi như trước chuyển người quay về vị trí vái chào vãn an, giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy ba lạy, trụ trì đáp lại một lạy. Dẫn (tốp) thứ nhất vái chào vãn an, đi qua bên trái nói đuôi ban, theo thứ tự trước sau ba người kế tiến lên trên, lời lẽ đều giống như trước. Tham đầu đứng bên vai trái thị giả, đợi cho mọi người lễ bái xong, phó tham đầu tiến đến chỗ đứng lúc đầu. Tham đầu trở về vị trí cũ của mình lãnh đạo chúng đồng loạt vái chào vãn an rồi lui ra. Phó tham đầu lãnh đạo chúng đi trước, tham đầu nói đuôi sau chót, cùng đi đến các liêu đại chúng, đứng phía bên trái ngoài cửa. Phó tham đầu dẫn chúng theo phía bên trái mà vào mé bên trái trong liêu, quay lại nhìn lượng tính xem chúng đông hay ít, không kể hàng số. Phó tham đầu tiến lên trước đứng kế liền vai với tham đầu, chờ trụ trì đến cùng với chúng nghinh đón vái chào vãn an đưa vào trong liêu. Chúng cần phải ngó trước nhìn sau nhau sắp thành hàng tới lui bỏ bước vào. Tham đầu chuyển người đến trước lư hương đối diện trụ trì, giập tọa cụ xuống nền trí ý lạy

một lay, bầm bạch rằng: “Nay đây kính chúc Hoà thượng đường đầu tôn thể sinh hoạt bình thường, nhiều phước! Bọn con đây lại làm lao nhọc Hoà thượng thu lục, theo lẽ phải bái tạ, nay trái lại được ngài hạ mình đến, trong lòng thật hết sức cảm kích!”. Chúng cùng nhau đưa tiễn trụ trì ra khỏi liêu, tham đầu ngoài cửa chuyển người đứng bên mé phải. Riêng phó tham đầu vẫn dẫn chúng quay vòng chuyển qua đứng ở bên mé phải, bước ra đứng kê vai tham đầu, vái chào mời thị giả vào, bầm bạch rằng: “Bọn con đây hân hạnh mong được thu nhận kê cận tả hữu, nay lại được đội ơn sư hạ mình đến trang trọng, thật hết sức cảm kích!”. Chỉ riêng một mình tham đầu đưa tiễn thị giả ra ngoài, kế đó vái chào thỉnh mời lưỡng tự vào đối diện giáp tọa cụ xuống nền trí ý lay một lay, bầm bạch rằng: “Giờ đây kính chúc tòa nguyên, đô tổng các vị Thiên sư tôn thể đa phước ! Bọn con đây được toại nguyện nương tựa lại thừa tiếp giáng trọng, trong lòng thật không khỏi vô cùng cảm kích!”. Tham đầu tiễn đưa lưỡng tự ra, lại quay vào đứng phía bên phải liêu. Phó tham đầu dẫn chúng từ phía sau tượng Bồ-tát Quán Thế Âm chuyển đến trước lư hương, phải dòm ngó cuối ban lập định xong rồi thì đối diện tham đầu giáp tọa cụ xuống đất trí ý lay một lay, bầm bạch rằng: “Bọn con vừa hay những làm lao nhọc ngài vận dụng thần kỳ, nay riêng bái tạ!”. Nghi thức này phải nên dự tập trước. Ngay sáng sớm hôm sau ngày cử hành lễ, khách đầu thất phương trọng và hành giả đường ty mỗi người đều viết soạn bảng hồi lễ, dán trước các liêu. Bảng thông báo của phương trọng dán mé bên phải, bảng của lưỡng tự dán mé bên trái (hình thức xem ở sau).

### **Hình thức bảng thông báo:**

Hoà thượng đường đầu sau khi dùng cháo xong sẽ đến đáp lễ Thủ tọa vừa mới nhập liêu. Hôm nay ngày ... tháng ... hành giả khách đầu là mỗ thừa lệnh thông báo. Tri sự đầu thủ, sau bữa cháo xong sẽ đến đáp lễ Thủ tọa vừa mới nhập liêu.

Hôm nay ngày ... tháng ... hành giả Đường ty là mỗ xin kính trình.

### **PHƯƠNG TRỌNG ĐẶC BIỆT ĐÃ TRÀ CÁC NGƯỜI MỚI ĐƯỢC GHI TÊN CHO Ở LẠI CHÙA (Khố ty và Đầu thủ phụ trách)**

Thị giả thỉnh khách chiếu theo song tự danh của tuổi lay mà viết thư trạng mời trà (hình thức trình bày phía sau). Tới ngày lễ, ngay buổi tờ mờ sáng lúc vừa rửa mặt xong, cụ bị bàn ghế, bút nghiên bày biện ở chiếu đường (là hành lang lộ thiên để ánh

sáng rọi vào đầy đủ khoảng không gian giữa cửa sau tầng đường và nhà rửa miệng rửa tay). Hành giả thỉnh khách dưới tên khách viết: “

(Thị giả) mỗi giáp cần bái tôn mạng”, còn như người được ghi tên là các bậc danh đức của các chùa khác thì cũng y theo giới lập mà viết tên vào trong trạng thiệp mời trà.

Cách đó một ngày, khách đầu thất phương trước hết mang trạng thiệp thỉnh mời thị giả kiểm điểm tên tuổi. Thị giả bảo khách đầu y theo thứ tự giới lập cao thấp mà ghi tên vào trong tấm bài thỉnh mời, hoặc sắp hàng theo bốn xuất hay sáu xuất, mà phải mời thủ tọa quang lâm bầu bạn. Bậc danh đức các chùa bạn thì vị trí đối diện với trụ trì, nếu e có điều dị nghị thì chỉ chọn lựa trong các bậc danh đức một người có giới lập cao nhất để ngồi vào vị trí đối diện với trụ trì mà thôi. Tham đầu cùng với các vị quang lâm bầu bạn ngồi đối diện. Người được đưa tiền qui đường trước hết tạ ơn bố trí giường (tức bố trí liêu để ở lại chùa), điều này cũng giống như đến dự đãi trà. Đến ngày lễ, sau bữa độ trai giống trồng tập hợp chúng, thị giả vái chào các người mới ghi tên mời vào. Trụ trì tiếp đón vái chào vắn an, kẻ đó vái chào vắn an người quang lâm bầu bạn. Mọi người y theo tấm bảng ghi vị trí mà đến chỗ của mình lập định, thị giả đốt hương và thị giả thỉnh khách phân chia ngồi ở đầu mỗi bên phải trái. Đoạn hành lễ tuần đường, vái chào mời ngồi, vái chào mời đốt hương, vái chào mời uống trà, lại đốt hương kính quang lâm bầu bạn. Xong đâu đấy, giống trồng thoái tòa, cùng với lễ mời thang thủy bốn mùa tiết (kiết hạ, giải hạ, Đông chí, tết Nguyên Đán) giống nhau. Người được thỉnh mời đãi trà dẫn chúng sắp hàng trải tọa cụ tạ ơn đãi trà, lần trải tọa cụ lễ bái thứ nhất bắm bạch: “Bọn con hôm nay được trụ trì khoản đãi trọng hậu trà nên riêng bái tạ, mà trong lòng thật vô cùng cảm kích!”. Lần trải tọa cụ lễ bái thứ hai bắm bạch: “Hôm nay thời lệnh chính đang thật tốt đẹp, kính chúc Hòa thượng đường đầu tôn thể sinh hoạt bình thường, nhiều phước!”, trở người giáp tọa cụ xuống nền trí ý lạy ba lạy mà lui ra. Qua ngày hôm sau, hành giả khách đầu của khổ ty y theo tên chiết của giới (đơn tự danh) mà cụ bị trạng thiệp mời trà, cho chúng sắp hàng trước các liêu mà điểm danh. Thư trạng ghi: “Thỉnh cầu mỗi thượng tọa giáp kính y lời mời mà đến!”. Khổ đường bày biện vị trí, có mời thủ tọa quang lâm bầu bạn. Đánh vắn bản khổ đường, thượng thủ tri sự và duy-na hành lễ. Lại qua hôm sau nữa, thủ tọa cùng các đầu thủ cụ bị thư trạng thỉnh mời kiểm danh, nghi thức cũng như phần nói ở trên. Chiều đường bày biện vị trí, có mời đô tự quang lâm bầu bạn. Đánh bản của chiếu đường, toàn ban hành lễ. Hoặc bốn người

hay sáu người phân ra tuần đường vái chào vãn an, như chỉ có năm ba người thì thủ tọa đốt hương chỉ đứng ở khoảng giữa.

Theo phép xưa thì cử hành ba ngày, nay các chùa phần nhiều đều cử hành có một ngày. Tề tỵ tại thất phương tượng mượn tòa, mượn trống. Đầu thủ và tri sự sau vị trí trụ trì một bậc, cùng nhau ở vị thứ chủ bạn lẫn nhau. Hành lễ cũng giống nhau (tuy nhiên nếu tạ trà thì phải cùng rời vị trí, chuyển người vái chào vãn an, trí tạ. Tập quán gần đây chủ trương chỉ người đầu vị trí mới khởi tạ là không hợp lễ vậy).

### **Hình thức thư trạng mời trà:**

(Gửi) Thượng tọa mỗi mới ghi tên có tên dưới đây.

Hòa thượng đường đầu, (mời) sau bữa độ trai buổi sáng hôm nay hãy đến tâm đường phương tượng để dùng trà, kính mong đến đông đủ!

Hôm nay ngày ... tháng ... thị ty mỗi bái thỉnh

(Nếu Khố ty hay Đầu thủ thỉnh mời thì viết)

(Gửi) mỗi Thượng tọa mới ghi tên, có tên dưới đây.

Có mỗi đăng (Khố ty, Đầu thủ) hôm nay sau bữa độ trai, mời đến Khố ty dự tiệc đãi trà. Kính mong, chúng từ đồng rủ lòng từ mà giáng trọng!

Hôm nay ngày ... tháng ... tỳ-kheo mỗi của Khố ty bái thỉnh. Đầu thủ chỉ nên ghi tên nơi Tri khách tỵ chiếu đường, các cái khác giống như ở trước.

### **NGÔI THIÊN**

Mỗi ngày sau cử cháo sáng, hành giả đường ty trước hết bấm báo thủ tọa rồi trước tăng đường và các liêu đều treo bảng ngôi Thiên báo cho đại chúng biết, lại bảo cung đầu trong tăng đường cụ bị hương và đốt đèn. Trước hết đánh vân bản trước các liêu một tiếng, đại chúng đều tề tỵ đến tăng đường mặt hướng về bên trong mà ngồi. Đợi cho mọi tăng chúng đều tề tỵ đầy đủ, bấm báo cùng các đầu thủ đánh vân bản lần thứ hai chờ cho các đầu thủ lần lượt vào tăng đường xong, đánh vân bản lần thứ ba, pho liêu đóng cửa hết các liêu, kế đánh vân bản treo trước liêu của thủ tọa trước sau ba tiếng: tiếng thứ nhất thủ tọa ra khỏi cửa, tiếng thứ hai ước chừng đi được nửa chừng, tiếng thứ ba vào tăng đường. Trước hết, thủ tọa đến trước tượng Thánh tăng đốt hương, tiếp đó đi tuần quanh tăng đường một vòng từ nửa gian bên Nam (trái) đến nửa gian bên Bắc (phải), rồi quay về vị trí ngôi Thiên của mình mà ngồi xuống.

Kế đó bạ̉m báo trụ trì, đánh ṿn bản treo tại thất phương trựng ba tiếng. Trụ trì vào t̄ng đựng rồi thì cũng đốt hương, tūn đựng một vòng từ nửa gian bên phải (Bắc) đến nửa gian bên trái (Nam), rồi cũng quay về chỗ ngọ̀i Thiên của mình mà ngọ̀i xuống. (Từ khi bắt đầu ngọ̀i Thiên cho tới) thật lâu sau đó, t̄ng chúng mới có thể từng người một theo thứ tự đứng lên xả Thiên ra ngoài t̄ng đựng xả hơi gīây lát, nhưng phải để ý liếc xem hai bên trái phải của mình mà đứng lên ngay hay hoãn đ̄i (tức nếu thấy đã có người ra ngoài rồi thì phải nán lại đợi y trở vô rồi h̄n bước ra) để tránh tình trạng tất cả các hàng ngọ̀i Thiên trong t̄ng đựng nhất thời trông không. Hoặc có kẻ chỉ lưu lại tấm trải trên chỗ ngọ̀i trong t̄ng đựng còn người thì không theo chúng ngọ̀i Thiên (mà đã ra ngoài), hay có kẻ chỉ theo chúng ngọ̀i Thiên một lát rồi để ca-sa lại chỗ ngọ̀i còn mình thì lên ra ngoài vui chơi, đều phải tra xét cho rõ ràng mà trị tội. Đầu thủ và đại chúng ra vào t̄ng đựng đều bằng hai cửa vào ra hai bên hông. Chỉ riêng thủ tọa tiền đựng được phép ra vào t̄ng đựng bằng cửa chính diện như trụ trì.

Hành giả đựng ty đợi giờ cơm đã đến báo với thủ tọa để thủ tọa tuyên bố chấm dứt buổi tham Thiên. Khi chấm dứt tham Thiên thì theo phía bên hông phải phía sau trựng Thánh t̄ng mà ra ngoài, hành giả cuốn rèm cửa lên rồi hạ tấm bài tham Thiên xuống, l̄c l̄c nhẹ tay phát ra tiếng. Khi trụ trì và đầu thủ rời t̄ng đựng, hành giả đựng ty đứng chờ bên mé phải cửa để thăm hỏi v̄n an. Nếu tại chùa gặp các việc nghinh đón khách kh̄ra, cầu đảo, lao động tập thể, tụng niệm kinh v̄n hoặc đưa ma hoặc là lúc t̄ng chúng tại các liêu tới kỳ cạo đầu, giặt giũ y phục thì khỏi phải tọa Thiên mà cũng không tọa tham, nhưng sau v̄n tham thì v̄n tọa Thiên như thường. Trụ trì và thủ tọa v̄n tūn đựng như thường lệ, trong t̄ng đựng có một tấm bài (b̄ng) trực đựng khắc chữ hai mặt là: “Luân phiên trực đựng, giáp vòng quay lại từ đầu. Trụ trì ký tên”. B̄ng trực đựng này chiếu theo vị trí trước sau lúc tọa Thiên và cũng căn cứ theo tư cách cao thấp của các t̄ng trong chùa mà tūn hoàn luân lưu. Người trực đựng mỗi sáng sau tiếng chuông canh năm là giao nhiệm vụ cho người kế tiếp. Người trực đựng trọn một ngày đêm trông giữ t̄ng đựng, như có người muốn mở thùng quỹ tại t̄ng đựng, ḡn b̄ng tên, hay hạ bát, hoặc cuốn thu vật trải trên chỗ ngọ̀i để rời chùa, thì trước hết đều phải báo với người trực đựng biết. Trực cho tới khi tiếng chuông báo phóng tham gīng lên, đem t̄ng đựng tạm thời giao lại cho thị giả Thánh t̄ng trông coi cho tới tối thì các t̄ng đều tại t̄ng đựng giữ lấy vị trí tọa Thiên của chính mình. Còn b̄ng trực đựng thì đến sáng sớm hôm sau trao lại cho người thay thế tiếp nhận trực đựng.

Thời gần đây, trực đường có cả đám người bầu bạn, chia nhau trái cây, ăn quả phun hột bừa bãi, tụ tập cười đùa chơi giỡn, tập thành thói quen, riết rồi coi đó là chuyện thường, làm náo loạn thiền tịch. Đối với tình trạng này, trụ trì và thủ tọa phải nghiêm cấm, kẻ nào vi phạm thì phải xét xử trị tội.

## NGHI THỨC TỌA THIỀN

Phàm học tập trí huệ Bát-nhã của Phật giáo, rất nhiều vị Bồ-tát đề khởi đại bi tâm, phát thệ nguyện hoằng đại, tinh tu Thiền định, phát thệ độ thoát mọi chúng sanh chớ không riêng cầu cho bản thân mình được giải thoát. (Yếu điểm của tập Thiền định là) buông bỏ mọi duyên, ngưng bật tất cả mọi hoạt động của tư tưởng, thân tâm giao dung không sai biệt, đưa đến động và tịnh hoàn toàn nhất trí. Lại còn phải nắm vững chất và lượng của việc ăn uống, điều tiết giờ giấc và tính cách sâu cạn của giấc ngủ nghỉ. Nơi chỗ nằm tịnh trải một vật dày để ngồi, sau đó ngồi kiết già, mà cũng có thể ngồi theo tư thế bán già, đem bàn tay trái đặt vào lòng bàn tay phải, hai ngón tay cái trái phải giao đầu nhau, ngồi thật ngay thẳng đoạn chính, khiến hai vành tai đối thẳng với hai vai, lỗ mũi đối thẳng với lỗ rún, chót lưỡi đung nhẹ nướu trên, răng và môi mím nhẹ nhau, mắt hơi hé mở để phòng hờ ngủ gục. Trong trạng huống trên mà được nhập định thì lực tác dụng rất to.

Cao tăng thời cổ ngồi thiền tập định, hai mắt thường mở. Hai vị Thiền sư Pháp Vân và Viên Thông quở mắng người tọa Thiền mà nhắm mắt, cho đó là hang quỉ ở núi đen tối, điều này cũng rất có ý nghĩa vậy (thật là ý chỉ thâm sâu). Tất cả mọi điều thiện ác đều không suy nghĩ đến, một niệm dấy lên thì phải giác sát, thường giác để tinh thần không mù mờ, đen tối, tán loạn, muôn năm một niệm (thì tư tưởng mới trụ được ở cảnh giới) không đoạn mà cũng không thường. Đó là kỹ thuật thiết yếu của tọa Thiền vậy.

Tọa Thiền là phương pháp khiến người ta thân thể được bình an, tinh thần sáng khoái, nhưng có rất nhiều người ngồi Thiền phải rước lấy bệnh tật, ấy chẳng qua là do không nắm bắt được yếu quyết ngồi Thiền. Nếu nắm bắt được yếu quyết thì tự nhiên thân thể khinh an, tinh thần sáng khoái, có thể nương theo lực lượng thần tịnh mà thường xuyên thể hội chỗ vi diệu của Phật pháp dẫn đến thức ngủ nhất trí, sanh tử như như, chỉ cần thành tâm thành ý theo đó mà làm tất sẽ thu hoạch được thành quả rất to. Đây là lời thật chứ chẳng phải môi miếng gạt người! Chỉ sợ là đạo lực càng cao thì ma chướng cũng quậy dữ lắm, dẫn đến tình huống xuất hiện biết bao ý



tưởng thuận nghịch lộn xộn. Nếu có thể chính tâm hiện tiền thì mọi thứ đều không thể ngăn ngại được, xin nêu ra như các kinh điển Lăng nghiêm kinh, Thiên Thai chỉ quán, Khuê Phong tu chứng nghi đều xiển minh tất cả mọi hành vi của ác ma đều nhân tâm người hư vọng mà dậy lên, chứ không phải thực hữu, ngoại tại nào cả. Thiền định và trí tuệ người ngồi Thiền cao thì mọi ma chướng đều tiêu tan hết. Nếu muốn xuất định trở lại trạng huống bình thường thì phải từ từ hoạt động thân thể lại, nhẹ nhàng đứng lên, động tác không được đột ngột mãnh liệt. Sau khi xuất định phải thường xuyên dùng phương tiện thủ đoạn xảo diệu, linh hoạt để bảo trì định lực. Trong các pháp môn hành Phật giáo thì Thiền định là phương pháp tốt nhất, nếu như không an định Thiền tịnh, lắng trong tư lự thì phải luân chuyển trong ba cõi dục-sắc-vô sắc, mà bất cứ ở cõi nào cũng ngẩn ngơ mù mờ. Cho nên mới nói mò châu ngọc phải ở nơi nước trong yên lặng mới dễ dàng, còn nếu phải mò châu nơi sóng to nước dậy thì thật là khó khăn biết đường nào. Nước yên lặng trong veo thì ngọc tâm (Phật tánh) mới tự nhiên xuất hiện, cho nên kinh Viên giác mới nói: “Trí huệ vô ngại thanh tịnh đều nương theo Thiền định mà sanh ra, tại nơi thanh tịnh thu nhiếp tâm ấy thì sẽ an trụ bất động như núi Tu-di”. Do vậy mới biết cảnh huống siêu phàm vượt Thánh đều phải nương nhờ điều kiện (duyên) Thiền định, hoặc giả ngồi mà hóa hay thậm chí đứng mà viên tịch đều phải nhờ vào lực của Thiền định. Một đời gắng sức tu Thiền định còn e là rề rà luống qua tháng năm chưa đạt chánh quả, huống hồ lại lê la ngày giờ thì lấy gì mà tiêu trừ nghiệp báo chứ!

Mong các bạn Thiền hãy nghiền ngẫm suy đi nghĩ lại các kinh văn nêu trên, chẳng những đã lợi mình mà lại còn lợi cho người khác cùng thành chánh giác.

### **Sắc tu Bách Trượng thanh qui quyển 5 hết**

\* \* \*

### **LỜI BÀN**

Tọa thiền là nội dung chủ yếu của sinh hoạt tôn giáo trong Thiền lâm. Thiền này tập thuật các tình huống liên quan đến tọa thiền, đặc biệt là nghi thức tọa thiền, bao quát thời gian, thứ tự, vào tăng đường ngồi thiền, biện pháp ra vào tăng đường trong quá trình ngồi thiền kể cả các qui luật về nghỉ ngơi, ăn uống để giúp ngồi thiền tốt. Từ đó có thể thấy hoạt động ngồi thiền là một hoạt động vừa nghiêm túc lại vừa đơn điệu, trầm lặng. Tuy nhiên xét qua tình trạng trong thiền tịch mà đạt được thiền duyệt

của thiền khách thì đây lại là một sự hưởng thụ khoái lạc. Mấu chốt là có thể lý giải chính xác ý nghĩa của việc ngồi thiền không, đồng thời có thể nêu ra được kỹ thuật chủ yếu để nắm bắt vững chắc việc ngồi thiền không? Theo các tiết thứ 5 chương III sách này mô tả kỹ lưỡng chuyên môn để giải quyết đáp ứng hai vấn đề mấu chốt trên. Người học tập ngồi thiền nhất định phải thể hiện tinh thần, nắm bắt vững chắc các yếu điểm, nếu không thì như chương này đã nói, chính khi ngồi thiền không đúng cách lại đưa đến bệnh tật mà chủ yếu là tâm thiền bất định, thậm chí điên loạn, chẳng khác nào môn khí công có thể làm cho cơ thể cường tráng, nhưng có một số người luyện tập không đúng cách đã bị tẩu hỏa nhập ma khiến cho thân thể bị suy bại.

Có một số nhà nghiên cứu phương Tây cho rằng Thiền Trung Quốc đã bị dị đoan mê tín làm cho suy vi, thậm chí có thể nói tại Trung Quốc không còn có thiền nữa. Nếu hiểu điều nhận xét trên theo tinh thần thiền của Trung Quốc ngày nay không thịnh hành bằng thời xưa thì đây là một nhận xét đúng. Tuy nhiên, Thiền tông của Phật giáo Trung Quốc vẫn giữ vững được truyền thống, có không ít tự viện, vẫn còn thiết trí Thiền đường, hoạt động ngồi thiền trong chùa vẫn tiến hành đúng như nghi thức. Xin nêu chứng cứ như chùa Kim Sơn ở Chấn Giang Giang Tô hiện có Thiền đường rất đúng tiêu chuẩn và sinh hoạt luyện tập thiền rất nghiêm cách.

Mấy năm gần đây, người ta đã lại có nhận thức mới về giá trị của thiền, khiến những người hiểu rõ thiền và học thiền ngày càng đông trở lại. Thế thì trước thiền hội này người ta nên an bài thế nào sinh hoạt ngồi thiền làm thế nào nắm bắt vững chắc yếu điểm của tập thiền. Đây chính là điều mà người tập thiền hiện nay phải tự mình giải quyết lấy!

[ĐẦU TRANG](#) [Q1](#) [Q2](#) [Q3](#) [Q4](#) [Q5](#) [Q6](#) [Q7](#) [Q8](#) [CHÚ THÍCH](#)

## **SẮC TU BÁCH TRỤỢNG THANH QUI**

**TRỤ TRÌ CHÙA THIỀN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH LÀ TĂNG BÈ TÔ I ĐỨC HUY PHỤNG  
SẮC CHỈ BIÊN SOẠN LẠI, TRỤ TRÌ CHÙA ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP KHÁNH LÀ  
TĂNG BÈ TÔ I ĐẠI HÂN PHỤNG SẮC CHỈ HIỆU CHÍNH**

**Việt Dịch: HT.Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng**

## **QUYỂN 6**

## NGÒI TĨNH TÂM TRƯỚC KHI THAM VẤN

Sau khi thọ trai xong, Đường ty hành giả vâng lời Thủ toạ treo bảng thông báo Toạ tham trước mỗi liêu chúng ở Tăng đường. Sắp đến xế chiều, trong Tăng đường chuẩn bị hương hoa, đốt đèn, đánh bản trước liêu chúng, hiệu lệnh đầu tiên đại chúng đi vào; hiệu lệnh thứ hai Đầu thủ vào; hiệu lệnh thứ ba Thủ toạ vào (không đánh bản trước liêu Thủ toạ, nếu là lúc đại Toạ tham thì đánh ba tiếng). Sau đó vâng lời Trụ trì đánh bản Phương trượng, giống như khi toạ thiền (có nơi khi Toạ tham không đập y ca-sa là không đúng phép). Đường ty hành giả đợi cháo tối chín xong, liền thưa lên Thủ toạ: “cho xả thiền” rồi đi ra lối sau nhà Tổ, vòng qua bên phải hạ bảng thông báo xuống, đánh ba tiếng chuông trước Tăng đường, đại chúng vân tập đứng vào vị trí rồi xá chào nhau. Trụ trì, Đầu thủ lần lượt ra trước, đại chúng xuống đơn, đứng qua một bên tiễn chân các vị Trưởng lão, Trụ trì, Đầu thủ cùng về liêu chúng dùng bữa chiều. Vì người xưa mỗi tối đều phải tham vấn vị Trụ trì để cầu khai thị, cho nên bảo cả đại chúng ngồi tập hợp lại, đợi nghe tiếng trống liền đến tham vấn, gọi là Toạ tham. Vì đất Phần Châu lạnh lẽo nên ngài Thiện Chiếu mới bỏ việc đó, do đây mới có cách nói “Phóng tham”.

## NGÒI THAM THIỀN

Ngày nay, các Tùng lâm nhiều chúng Tăng, do vậy đặc biệt thực hiện việc vấn tham (tham vấn buổi chiều) để bảo tồn ý của người xưa, gọi là Đại toạ tham. Đại toạ tham cũng giống như Toạ tham, có khác chăng là Thủ toạ vào Tăng đường không đốt hương mà đến chỗ ngồi của mình, đợi Trụ trì vào ổn định. Đường ty hành giả đánh ba tiếng bản trước liêu Thủ toạ, đại chúng đồng ngồi xoay mặt ra ngồi, Thủ toạ bước xuống đi ra cửa sau, vòng vào cửa trước, đốt hương trước bàn Tổ như thường lệ. Thủ toạ kiểm tra Tăng đường xong, trở về chỗ cũ ngồi tĩnh toạ. Nếu Trụ trì có buổi tham vấn chiều thì không đánh chuông trước Tăng đường, mà thị giả phương trượng đánh ba tiếng trống ở pháp đường. Nghe tiếng trống, Trụ trì đi ra, Thủ toạ dẫn chúng cùng đến Pháp đường, hoặc đến tâm đường. Trụ trì ngồi vào ghế. Thị giả của Đông tự, Tây tự rời khỏi hàng đến chào hỏi, vấn an Trụ trì. Khi Trụ trì khai thị xong, chúng đánh lễ và giải tán về liêu dùng buổi chiều. Nếu không có buổi vấn tham thì Đường ty hành giả đi đến trước Thủ toạ vái chào thưa rằng: “Hôm nay, Hồ thượng đường đầu phóng tham (miễn tham vấn),” rồi từ cửa sau nhà Tổ đi ra, vòng qua bên phải lệnh cho Hát thực hành giả, đến trước đại chúng xá chào tuyên bố lớn: “Phóng tham”, đánh ba tiếng chuông trước Tăng đường, đại chúng đồng đứng dậy niệm Phật. Thủ

toạ ra trước, kể đến Trụ trì, Đầu thủ và Tăng chúng xả thiền, mỗi người tự trở về liêu dùng bữa chiều. Nếu gặp ngày có buổi giảng thì nên một buổi giảng, một buổi Toạ tham để người học sau rõ biết. Như ngày nào Thủ toạ có duyên sự không thể toạ thiền, thì Cung đầu hành giả thay Thủ toạ và một số người còn lại cùng ngồi thiền với đại chúng. Đến tối đánh ba tiếng bản trước liêu chúng, chúng ra khỏi liêu vào Tăng đường. Khi nghe tiếng chuông tôi đánh Đầu thủ vào Tăng đường (ở thành phố thì đợi nghe tiếng trống). Thủ toạ nghe chuông liền vào đốt hương, kiểm tra Tăng đường, kể đến Trụ trì cũng thế. Đúng giờ, chuông lại vang lên, Trụ trì ra khỏi Tăng đường, tiếp theo là Đầu thủ. Nếu như còn ngồi thiền tiếp thì thỉnh Trụ trì vào cửa sau, trở về chỗ ngồi, không tuần tra Tăng đường nữa, Đầu thủ theo vào với chúng. Khi được lệnh nghỉ ngơi thì mọi người trở về chỗ để y phục. Ngồi đến thật khuya Trụ trì mới xả thiền. Khi nghe tiếng soạn gối mền của Thủ toạ, chúng mới được về nghỉ ngơi. Nếu là huynh đệ trong đạo với nhau thì không cần câu nệ tiểu tiết này.

Sáng sớm Hôm sau, khi nghe tiếng bản đánh, đại chúng liền thức dậy. Lúc ấy, Thị giả làm hương đăng nhà Tổ đến kéo dây chuông trong Tăng đường, đánh thức những người ngủ say tỉnh giấc, dậy rửa mặt. Chúng vào Tăng đường xong, Thủ toạ mới vào đốt hương, tuần đường, kể đến Trụ trì cũng thế. Khi nghe đánh bốn tiếng trống, Trụ trì đi ra, chuông đánh, Thủ toạ đi ra, tiếp theo là Đầu thủ và đại chúng tạm thời đi ra cửa sau về thay y áo, khăn trùm đầu, tạm nghỉ chốc lát, rồi quay trở lại ngồi tiếp tục, vì bây giờ có thể Thủ toạ sẽ trở lại kiểm tra chỗ ngồi. Khi chuông dứt, bảng báo thức vang lên, chúng mới thu xếp toạ cụ, còn toạ cụ của Thủ toạ thì do cung đầu thu xếp. Bây giờ, đại chúng tùy ý rời khỏi thiền đường, lên chánh điện lễ bái tụng kinh tu tập.

### **CẦU TRỤ TRÌ KHAI THỊ THÊM**

Hễ ai muốn khai thị thêm phải nói trước với Thị giả rồi thị giả trình lên Trụ trì: “Thượng toạ gì đó, tôi nay muốn đến Phương trượng thỉnh khai thị thêm.” Nếu Trụ trì chấp thuận thì sau tiếng chuông qui định, vị ấy đến chỗ của Thị giả, đợi trong phương trượng, chuẩn bị đèn hương xong, Thị giả dẫn đến trước Trụ trì xá chào và cắm hương, cung kính trải toạ cụ lạy chín lạy. Sau đó, thủ toạ cụ tiến đến trước thưa rằng: “Con nay vì việc lớn sanh tử, vô thường mau chóng, ngưỡng cầu Hòa thượng từ bi khai thị cho con.” Thưa rồi, cung kính đứng qua một bên lắng nghe Hòa thượng dạy bảo. Khi Hòa thượng dạy xong, vị ấy tiến lên trước cắm hương, cung kính lạy chín lạy để tỏ lòng cảm tạ. Dù Hòa thượng miễn cho, nhưng vẫn làm lễ. Sau đó, đến cảm ơn Thị giả.

## **ĐẾN TRAI ĐƯỜNG ĂN CHÁO SÁNG**

Sáng sớm, chúng nghe tiếng bản đều thức dậy. Sau khi đến trai đường, đợi nghe tiếng bản nhà bếp, liền trở về đứng trước chỗ để bát của mình. Khi chúng vào trai đường, xá Tổ rồi chấp tay đi về chỗ ngồi. Trước khi vào ngồi ăn thì xá chào người bên cạnh. An vị xong, dùng tay phải vén tay áo trái kẹp chắc vào nách, tương tự dùng tay trái vén tay áo phải, sau đó, hai tay để lên ghế. Dùng hai chân dời giày vào dưới ghế. Trước co chân trái, kế đến thâu chân phải, trang nghiêm ngồi vào chỗ. Nếu chỗ ngồi cách nhau một thước thì được phép ngồi xếp bằng, phủ y ca-sa che gối không để lộ y trong, không được để y rũ xuống mép ghế (điều này được ghi rõ trong Nhật dụng quỹ phạm). Các vị như Đơ giám tự, Duy-na, Trục tuế, Thị giả, v.v... ngồi ở phía trên bên ngoài Trai đường. Các vị như Tri khách, Tri dục, Tri điện, Hổ chủ, Đường chủ, v.v... ngồi ở phía dưới bên ngoài Trai đường. Theo thanh quy xưa thì mỗi ngày Trụ trì phải dự Trai đường. Thời cháo sáng, Trụ trì ngồi đợi sẵn ở bên ngoài, chờ đánh chuông trước Trai đường mới vào, đại chúng đồng xuống ghế xá chào rồi vào chỗ ngồi. Ngày nay, Trụ trì các nơi khi nghe tiếng chuông lớn vang lên liền vào Trai đường ngồi, đến khi thỉnh chuông trước Trai đường chúng mới xuống ghế xá chào. Mỗi tháng năm lần gặp, nhưng chỉ giảng một lần đầu tháng và rằm, khiến cho người mới vào không biết về các bậc tiền bối thông thường bàn bạc những vấn đề gì. Xuống ghế xá chào có nghĩa là chúng các liêu cùng xá chào nhau. Theo đây mà luận, nơi nào có chúng ở thì nhất định sáng sớm mỗi ngày đều phải xuống đơn chào nhau đó là phép tắc.

## **THAM DỰ TIỆC TRÀ THANG**

Hễ Trụ trì Đông Tây tự đặc biệt mời dự tiệc trà thì phải kính cẩn trân trọng, không được xem thường. Người nào đã được mời thì phải đến dự đúng giờ. Trước khi vào phải xem kỹ vị trí ngồi ghi trong thư mời để lúc đến không còn lúng túng. Như có bệnh hoạn cấp bách không đến dự kịp thì nhờ người cùng được mời thưa cho Trụ trì biết. Duy chỉ Trụ trì mời dự tiệc trà thì không được vắng mặt, nếu người nào xem thường không đến thì đuổi ra khỏi chúng.

## **TẬP HỢP ĐẠI CHÚNG THAM GIA LAO ĐỘNG**

Pháp phổ thỉnh là mỗi khi làm việc trên dưới đều phải ra sức. Thông thường, chỗ có chúng ở cần phải họp sức làm việc. Khi có việc, Khố ty trước nên thưa với Trụ trì,

kể đến lệnh cho Thị giả báo lại với Thủ tọa, Duy-na. Thủ tọa dặn dì Đường ty hành giả treo bảng thông báo cho chúng biết, rồi dùng một miếng giấy nhỏ ghi rõ: “Hôm nay, làm việc tại nơi nào”. Khi nghe tiếng bản hoặc tiếng trống, mỗi người vén gọn y lên vai trái, đến nơi có việc mà ra sức làm. Ngoại trừ Thủ liêu, trực đường và người già bệnh ra, còn lại tất cả đều đến chỗ làm. Nên ghi nhớ lời dạy của người xưa: “Một ngày không làm, một ngày không ăn.”

## NHỮNG QUI TẮC SINH HOẠT HÀNG NGÀY

Lời tựa của thiền sư Vô Lượng Thọ nói rằng: “Người xuất gia, thoát trần lìa tục, đầu tròn áo vuông, nói chung đã từng ở Tùng lâm, cần phải am hiểu quy tắc. Hành động chưa am tường chuẩn mực, đi đứng không phù hợp oai nghi, cho dù có bạn tốt khuyên bảo chưa chắc chịu khép mình vào khuôn khổ. Tập thành thói hư, sửa đổi rất khó đến nỗi khiến cho Tùng lâm vắng vẻ, lòng người giải đãi. Vì thấy những điều sai trái cứ nhan nhản xảy ra trước mắt, nên tôi mới tập hợp những lời dạy của ngài Bách Trượng thành quy tắc để làm mô phạm. Trong quy tắc ấy, từ đầu đến cuối, từ sáng đến tối, cần phải nhất nhất tuân hành để tránh mọi lỗi lầm sai trái. Sau đó, mới dám nói đến việc thấy rõ tâm mình, liễu thoát sanh tử, pháp thế gian tức là pháp xuất thế gian. Người đi trước truyền trao lại cho người đi sau, ngõ hầu không cô phụ chí nguyện xuất gia; đồng thời cũng báo đáp ân đức của chư Phật chư Tổ, nên tôi xin kính cẩn trình bày như sau:

Pháp nhập chúng, không được ngủ trước và dậy sau chúng. Canh năm chuông chưa đánh, dậy trước phải cử động nhẹ nhàng, để gối phía dưới chân, không nên thô tháo e làm kinh động người bên cạnh, ngồi xếp bằng ngay thẳng để phấn chấn tinh thần, không được xếp mền tung giũ, làm động niệm người khác. Sau khi ngủ dậy, xếp mền để dưới chân, cầm lấy khăn tay rồi bước xuống giường, vắt khăn lên vai trái, đọc kệ rằng:

“Từ sáng giờ dần suốt đến đêm,  
Hết thấy chúng sanh tự bảo hộ,  
Nếu mà mất mạng dưới chân tôi,  
Cầu nguyện tức thời sanh Tịnh độ.”

Khi vén rèm, phải nhẹ tay kéo ra sau giá. Không được kéo dẹp, ho lớn tiếng. Người xưa nói:

“Khi kéo rèm, phải dùng tay đỡ,  
Lên Thiên đường, tránh kéo lê dép.”

Lấy thau rửa mặt phải nhẹ tay, không được sử dụng nhiều nước nũng. Tay phải lấy thuốc đánh răng chà lên răng bên trái, tay trái chà lên răng bên phải, lấy rồi không được lấy lại lần thứ hai, sợ hôi miệng lây sang người khác. Súc miệng phải cúi đầu, nhổ nước phải dùng tay dẫn xuống, nếu ngồi thẳng lưng nhổ nước, sợ nước bắn văng qua thùng bên cạnh. Không được dội nước lên đầu, vì có bốn điều bất lợi cho mình và người:

1. Làm dơ thau,
2. Làm bẩn khăn,
3. Làm khô tóc,
4. Làm hại mắt.

Không được hỷ mũi ra tiếng, không được hắt nước lên mặt, không được oẹ lớn tiếng, không được khạc nhổ làm dơ thùng rửa mặt. Người xưa nói:

“Canh năm rửa mặt là pháp tu hành,  
Khạc nhổ lê dép làm huyên não chúng”.

Lau mặt không được kéo khăn, không được dùng khăn lau mặt để lau đầu. Lau xong, phải vắt phôi hoặc hong trên lửa.

Lên Thiên đường chân trái bước vào trước, xuống Thiên đường chân phải bước ra trước. Khi vào chỗ ngồi hoặc lên giường ngủ phải ngồi bán già ổn định.

Như có thay áo tràng, phải che áo mới bên ngồi, rồi rút áo cũ ra, không được để lộ thân, không được làm tung gió.

Nếu muốn thắp hương lễ bái, phải đợi khi chuông đóng, vắt y ca-sa trên tay, đi ra bên ngoài mới đắp vào. Thông thường phải ra khỏi phòng riêng mới được đắp y ca-sa. Trước khi đắp, hai tay nâng y ngang trán, tưởng niệm bài kệ:

“Lành thay áo giải thoát,  
Áo ruộng phước vô tướng,  
Tôi nay kính tiếp nhận,  
Đời đời không rời bỏ.

“Án, tất-đà-da-sa-ha.”

Xếp y ca-sa, trước tiên phải xếp góc vắt trên tay, sau đó mở vòng ra phía sau, không được dùng miệng ngậm y, không được dùng cầm kẹp y. Xếp xong, cũng nên nâng y ngang trán rồi mới đi.

Khi lên chánh điện lễ bái không được chiếm chỗ chính giữa, e làm trở ngại khi Trụ trì đến. Không được niệm Phật lớn làm át tiếng chuông. Không được đi ngang trước mặt người đang lễ bái, phải đi vòng chỗ trống phía sau. Nghe tiếng chuông canh năm, tưởng niệm kệ rằng:

“Nguyện tiếng chuông này siêu pháp giới,  
Thiệt Vi u ám thảy đều nghe,  
Ba đường lìa khổ rời địa ngục,  
Tất cả chúng sanh thành Chánh giác.”

Khi Trụ trì và Thủ tọa ngồi ở Thiên đường, chúng không được ra vào cửa trước. Nghe bản báo hiệu mới xếp mền gối. Cách thức xếp mền: trước tiên tìm hai góc, dùng tay chỉnh thân mền hướng về phía trước, gấp đôi lại. Kế đến gấp tiếp một lần nữa, không được xếp ngang lấn đôn bên cạnh, không được đập giũ ra tiếng, cũng không được giũ mền tung gió.

Khi đến liêu chúng dùng canh, uống trà hoặc đi kinh hành tại phòng trà, sau đó mới tuần tự trở về chỗ ngồi ăn, thì phải đi vòng ra phía bên trái. Nếu từ cửa trước thì đi vào cửa hông phía Nam, không được đi cửa hông phía Bắc, hoặc chính giữa. Đó là tỏ lòng tôn kính Trụ trì. Khi nghe bản đánh không được vào Trai đường liền, mà nên sai hành giả đi lấy bát, hoặc ngồi ở bên ngoài Trai đường, hoặc về liêu chúng đợi sau đó mới vào Trai đường, trở về chỗ ngồi. Vào Trai đường phải cúi đầu chào hỏi thượng, trung, hạ tọa. Nếu đã ngồi trước, thì khi thượng, trung, hạ tọa đến phải chấp tay lại. Người xưa nói:

“Không kính thượng, trung, hạ tọa,  
chẳng khác nào Bà-la-môn tụ họp.”

Sau khi nghe hồi bản, đặt bát xuống, đứng dậy ngay ngắn, ổn định. Sau đó, xoay người, chấp tay ngang vai rồi mới lấy bát. Một tay giở nắp bát, tay trái nâng bát, xoay người ngồi ngay ngắn rồi đặt bát xuống để tránh đụng lưng người khác. Khi



nghe tiếng chuông trước Trai đường đánh, tất cả chúng xuống đôn đứng chào đón Trụ trì, vào trai đường đại chúng đồng xá chào, hai tay không được dao động. Xuống ghế, phải xá chào người bên cạnh, chớ để y ca-sa vướng vào mép ghế, cần phải cẩn thận. Lên ghế không được vội vàng đặt bát trước chỗ ngồi. Nghe tiếng kiền chùy, tưởng niệm kệ:

“Phật sanh Ca-tỳ-la,  
Thành đạo Ma-kiệt-đà,  
Thuyết pháp Ba-la-nại,  
Niết-bàn Câu-hy-la.”

Pháp chuyên bát, trước phải chấp tay tưởng niệm kệ rằng:

“Ứng lượng khí của Phật,  
Con nay được mở ra,  
Nguyện cùng tất cả chúng,  
Đẳng tam luân không tịch”.

Sau đó, mở bọc vải, trải khăn sạch trên gối, xếp khăn thành ba góc, không để dư ra ngoài ghế. Đầu tiên, mở nắp bát. Ngửa tay trái lấy bát đặt lên bàn, dùng hai ngón tay cái lấy bát nhỏ ra, tuần tự lấy từ nhỏ đến lớn. Không được khua chạm lớn tiếng, giữ ngón vô danh và ngón út không dùng đến. Xếp gọn khăn lau bát lại, đặt muống dũa vào túi đặt gần bên cạnh, để muống vào trước, lấy dũa ra trước. Đầu dũa sạch đặt về phía bên trái, khăn lau bát đặt vào túi bát nhỏ bên hông. Cơm xuất sanh không quá nửa tấc, không được lấy muống dũa dùng để xuất sanh, Cơm xuất sanh không nhiều quá bảy hạt, còn quá ít là bõn sền. Thông thường khi ăn Cơm cần phải xuất sanh. Nếu không đi ăn thì không được vét cơm trong nồi để xuất sanh. Duy-na chấp tay niệm Phật, chúng chấp theo, ngón tay không được so le, phải chấp ngang ngực, không được để tay bên mép miệng. Người xưa nói rằng:

“Tay chấp so le chẳng chính trung,  
Hai tay nhắm mũi nhét vào trong,  
Lê dếp kéo rèm gây động chúng,  
Ho hen lớn tiếng tỏ anh hùng.”

Hai tay bung bát thọ thực, tưởng niệm kệ rằng:

“Khi nhận thức ăn,  
Nguyện cho chúng sanh,  
Ăn bằng thiền duyệt,  
Tràn đầy an vui.”

Mỗi khi muốn nhiều hoặc ít thức ăn thì dùng tay phải ra dấu. Nghe tiếng kiền chùy biến thực phải nhìn trước sau, vái chào người trước mặt trước khi ăn, không được lấy tay gạt chính giữa ra hai bên. Vái chào xong, quán tưởng về năm việc sau đây:

1. Xem công mình nhiều ít xứng của người đem lại.
2. Xét đức hạnh mình đủ thiếu nhận cúng dường.
3. Ngăn lỗi lầm của tâm tham khi ăn.
4. Thức ăn này là thuốc hay để chữa thân gầy.
5. Vì thành đạo nghiệp nên nhận thức ăn này.

Kể đến xuất sanh tưởng niệm kệ rằng:

“Chúng quý thân các người,  
Nay tôi cho cúng phẩm,  
Cúng phẩm được rải khắp,  
Quý thân cùng hưởng chung.”

Phép ăn uống, không được cúi miệng xuống mà ăn, không được đưa kề miệng gần thức ăn. Cát bát và muống đũa, không được khua ra tiếng. Không được ho hen, không được nhảy mũi hắt hơi. Nếu bị hắt hơi, phải lấy tay áo che miệng lại. Không được gõ đầu, sợ gàu rơi vào trong bát người bên cạnh. Không được dùng tay xỉa răng, không được nhai Cơm húp canh ra tiếng, không được múc Cơm giữa bát ăn, không được múc miếng lớn, không được há miệng chờ thức ăn, không được để Cơm rơi rớt, không được lượm Cơm rơi mà ăn. Nếu có thức ăn thừa cạn, phải để khuất sau bát. Không làm tung gió ảnh hưởng người bên cạnh. Nếu bản thân sợ gió, phải thưa với Duy-na cho ngồi bên ngoài Trai đường. Không được lấy tay chống lên đầu gối. Lượng sức lấy thức ăn, không được sót trở lại. Không được chan canh đầy bát, không được trong bát trộn canh với Cơm mà húp. Không được khêu rau trong bát qua một bên mà ăn Cơm. Khi ăn, phải để ý hai bên, không được ăn quá chậm. Chưa nhấp khảnh, không được lau bát đĩa. Không được rửa bát ra tiếng. Chưa đến giờ ăn, không được ngồi phiến nã. Người xưa nói:

“Ngô ngần nhìn quanh khởi bi sân,  
Mong ăn nhỏ giải, ho vang râm.  
Ngậm cháo, húp canh đầy cả miệng,  
Mở khăn khua bát động tha nhân”.

Khi rửa bát, múc nước đầy bát ngòi, lần lượt rửa từ nhỏ đến lớn. Không được rửa đũa muông và bát nhỏ trong bát lớn. Khi rửa vẫn không dùng ngón vô danh và ngón út. Không được rửa mặt, súc miệng ra tiếng. Không được nhỏ nước vào trong bát. Không được dùng nước sạch rửa bát khi chưa đổ nước cạn trong bát ra. Không được xếp khăn trải đầu gối trước. Không được dùng khăn trải đầu gối lau mồ hôi. Không được đổ nước thừa vãi ra đất. Đổ nước rửa bát tưởng niệm bài kệ:

“Vội nước rửa bát này,  
Như cam lồ cõi trời,  
Thí cho các quỷ thần,  
Thảy đều được no đủ.  
Án, ma-hưu-la-tế-sa-bà-ha.”

Thâu bát bằng hai ngón cái, xếp theo thứ lớp để vào trong túi xong, chấp tay tưởng niệm bài kệ:

“Cơm nước xong rồi sắc diện tươi,  
Oai nghi chân động khắp ba đời,  
Chuyển đời nhân quả không suy nghĩ,  
Tất cả chúng sanh được thành thôi.”

Khi nghe tiếng bảng trước liêu, chúng đồng về liêu. Xá chào rồi mà không trở về liêu là khinh thường đại chúng. Vào cửa về chỗ giống như cách thức ở Tăng đường. Đứng yên chờ Liêu chủ thấp hương xong, liền xá chào trên dưới. Khi ngòi uống trà, chớ để y rũ xuống. Không được chụm đầu nói cười, không được dùng một tay chào người, không được cất giấu trà vụn. Người xưa nói:

“Khi ngòi dự tiệc, không được rũ y,  
Một tay chào người, còn đầu đạo lý,  
Cất riêng trà vụn, thiên hạ cười chê.”

Trong khi bạn đạo ngồi chung, rất kỵ kể tai nói nhỏ, uống trà xong, có thể xem kinh. Lật kinh, không được trải dài (tức là trải ra ba mặt vậy), không được cầm kinh đi trong liêu, không được cầm trút đầu kinh xuống, không được đọc kinh ra tiếng, không được tựa ghế xem kinh. Người xưa nói:

“Trì kinh lớn tiếng, làm ồn nhiều người,  
Lưng dựa thành ghế là khinh đại chúng”.

Phải chuẩn bị ra khỏi liêu trước, chờ đợi bản tọa thiền vang lên mới ra. Nếu muốn vào nhà xí, theo thông lệ của người xưa, trước khi giải y ngũ điều thì vắt khăn sạch lên tay trái, cởi dây buộc treo lên sào, sau đó giải y ngũ điều và cởi áo tràng để cho tề chỉnh, lấy khăn tay buộc vào làm dấu. Không được cười nói, không được ở bên ngồi hồi thúc. Dùng tay phải xách nước vào nhà xí, đổi dép không được để so le. Đặt thùng nước sạch phía trước nhà xí, khảy móng tay ba tiếng để cho lòi quỷ ăn phân bỏ đi. Phải ngồi ngay ngắn, không được rặn ra tiếng, không được nhổ nước miếng, không được nói chuyện với người cách vách. Người xưa nói:

“Cửa đóng chỉ nên gõ nhẹ nhàng,  
Có người đâu được gây tiếng vang.  
Vào cầu dùng thẻ gạt phân bản,  
Khi ra thay dép sắp thẳng hàng.”

Không được làm văng nước ra hai bên. Dùng tay trái tẩy tịnh, nhưng không dùng ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa. Không được dùng nhiều thẻ. Người xưa nói: “Nước nóng dùng ít và giữ cây gạt lại.” Người sử dụng xong, dùng nước rửa sạch thẻ và đặt ở chỗ trống bên cạnh nhà xí. Khi có người đông sẽ gây trở ngại, nên không được ngồi lâu. Đi cầu xong, đặt thùng sạch ở chỗ cũ, lấy tay khô nhét áo nhỏ vào trong quần và mở cửa. Tay trái xách thùng ra, không được dùng tay ướt làm bản cửa và thành cửa. Dùng tay phải khêu tro và đất, không được dùng tay ướt trộn tro và đất, không được khạc nhổ vào đất bùn. Sau khi rửa tay xong, lại dùng bồ kết rửa đến khủy tay, rửa đến đâu phải niệm chú đến đó.

Theo kinh Đại tạng Anh Lạc nói:

“Phàm khi lên nhà xí mà không niệm chú này, thì cho dù dùng nước của mười sông Hằng rửa đi nữa cũng không thể sạch. Người đó có lên chánh điện lễ Phật cũng

không lợi ích gì cả. Nên phải chuyên cần thọ trì, mỗi chú niệm bảy biến. Như thế sẽ được quý thần thường theo ủng hộ.

Chú vào nhà xí: Án, ngân-lỗ-đà-da-sa-ha.

Chú rửa sạch: Án, hạ-năng-mật-lật-đề-bà-ha.

Chú rửa tay: Án, chủ-dà-ra-da-sa-ha.

Chú rửa thân: Án, thất-lị-duệ-đa-phô-sa-ha.

Chú khử uế: Án, bạt-chiết-ra-năng-dà-tra-sa-ha.”

Sau cùng mới dùng nước rửa mặt. Trong Luật dạy tiểu tiện xong cũng phải rửa sạch, miệng nhắm nhanh dương trở về Thiên đường tọa thiền.

Bản báo nấu Com chưa đánh, không được về phòng ăn trước. Trước giờ thọ trai không được giặt y. Sau giờ xả thiền, trước buổi cháo sáng và Com trưa không được mở tủ đựng thức ăn. Như có việc gấp, phải thưa với người chủ sự. Nếu ở trong liêu thì thưa với chủ liêu, ở Tăng đường thì thưa với Thị giả nhà Tổ. Thọ trai xong không được ở trong Tăng đường chụm đầu nói chuyện, không được xem kinh, xem sách trong Tăng đường, không được đi tắt ngang đường chính giữa nhà Tổ, không được ngồi trên giường khâu tiền, không được ngồi trên giường thông chân xuống đất. Cách trước giường một thước là Tam tịnh đầu (ba chỗ sạch): 1. Để bát, 2. Để ca-sa, 3. Đầu nằm. Không được đi trên giường, không được quỳ gối mở tủ vật dụng, không được đạp chân lên mép giường bước xuống đất. Khi đi chôi núi, phải mang theo giày cỏ và y ngũ điều. Khi mang những thứ này, không được đi kinh hành ở điện Phật và pháp đường. Người xưa nói:

“Áo gấn đi tiêu, giày cỏ chôi núi.”

Không được mang những thứ ấy lên pháp đường hay thăm viếng các bậc Tôn túc. Không được chân trần mang giày, không được nắm tay nhau cùng đi và nói chuyện thị phi của thế gian. Người xưa nói:

“Bái biệt song thân lia thầy Tổ,

Tìm cầu tri thức để làm gì?

Chưa từng bàn nói việc Tông môn,

Đầu bạc chưa thành lỗi tại ai?”

Không được đứng dựa vào lan can điện đường, không được đi đứng vội vã hấp tấp. Người xưa nói: “Đi phải chậm rãi, tập theo oai nghi Mã Thắng. Nói phải nhỏ nhẹ, học theo chuẩn mực Ba-li.”

Không được đi dạo ở điện Phật. Người xưa nói:

“Không việc chẳng nên vào điện Phật,  
Rồi nhàn chớ hướng tháp mà đi.  
Nếu không quét đất châm thêm nước,  
Phước dù vô số cũng suy vi.”

Sau giờ thọ trai, hòa xà bong giặt y phục. Không được mặc đồ ngắn, không được lấy nước nũng trong bình ngâm y. Sào phơi, bàn ủi sử dụng xong phải để lại chỗ cũ. Khi nghe tiếng bản rửa chân, không được tranh giành thùng rửa chân. Người có ghè lác phải rửa sau, hoặc rửa ở chỗ khuất. Trong mọi sinh hoạt tránh làm động chúng. Chớ đợi nghe bản đánh mới lần lượt trở về thiền đường Tọa tham.

Nghe báo xả thiền, đại chúng xuống giường đứng qua một bên. Khi nghe tiếng bản trước liêu Thủ tọa, liền xoay người hướng ra ngò, phải kịp thời đến Trai đường. Sau khi tiếng bản đã đánh hồi lâu, không được vào Trai đường, cũng không được đứng bên ngò. Trụ trì, Thủ tọa đi ra, chúng đứng dậy xá chào ra theo và trở về liêu.

Giờ Cơm chiều, mọi người vào chỗ ngò, không được sốt Cơm trước, không được lớn tiếng kêu gọi những thứ như cháo, Cơm, muối, dấm. Ăn Cơm xong, ra khỏi phòng, không được ra ngoài công tam quan, không được vào liêu riêng, không được mặc áo ngắn vào Tăng đường và đi dưới hành lang, không được đợi đánh bản mới ra khỏi liêu. Khi nghe chuông tối đánh liền chấp tay tưởng niệm bài kệ:

“Nghe tiếng chuông phiền não nhẹ,  
Trí huệ lớn, bồ-đề sinh.  
Rời địa ngục, xa hầm lửa,  
Nguyện thành Phật, độ chúng sanh.”

Phải nhanh chóng trở về chỗ của mình ngò thiền. Không được gãi đầu trên giường, không được lằn tràng hạt ra tiếng trên giường, không được nói chuyện với người ở đôn bên cạnh. Người ở đôn bên cạnh có sơ suất gì, phải ôn tồn khuyên bảo, không được sanh tâm hiềm ghét. Sau tiếng chuông báo hiệu nghỉ ngò, không được ra vào

cửa trước. Đợi sau khi Thủ tọa chuẩn bị mền gối, và mình đã quá mệt mới vào giường nghỉ.

Ngủ nên nằm nghiêng hông phải, không được nằm ngửa, vì nằm ngửa là cách ngủ của thầy chết. Nằm sấp ngủ thì gặp nhiều ác mộng. Khi ngủ lấy y ca-sa trong khăn vải đặt trước gối. Ngày nay đa số người đặt dưới chân là không hợp lý.

Như đến giờ tắm, tay phải cầm vật dụng tắm, vào phòng bên dưới, xá chào mọi người hai bên xong, bước vô phòng trống. Đầu tiên treo y ngũ điều và khăn tay lên sào. Mở bọc đồ tắm, lấy vật dụng tắm ra đặt một bên. Vẫn giữ áo tràng bên ngò, cởi áo trong ra, kể đến cởi quần, lấy khăn chòang quần quanh. Xong xuôi đầu đó mới buộc dây lưng quần tắm, xếp quần đùi vừa thay ra cuộn để vào bọc. Kể đến cởi áo tràng rồi gom chung với y ngũ điều để chung một chỗ, lấy khăn tay cột lại. Người xưa nói:

“Nghe ba hồi trống vào nhà tắm,  
tắm rửa phân rõ y dưới trên”.

Cất bọc đồ vừa thay xong, liền thay dép, không được đi chân không vào nhà tắm. Ngồi ở chỗ trống phía dưới đợi tắm, không được chiếm chỗ ngò phía trên của các vị tôn túc (nghĩa là gian trên vậy), không được làm văng nước nỉng lên mình người khác, không được ngâm chân trong thùng. Không được tiểu tiện trong nhà tắm, không được gát chân lên thùng. Khi tắm, không được cười giỡn nói chuyện, không được gác chân lên máng mà lau, không được tát nước, không được bùng thùng nước dội lên người. Trước sau các phòng đều có người tắm, nên phải che chắn giữ gìn, khăn choàng không được rời thân, không được đứng vào trong thùng, không được dùng nước nóng nhiều. Người có ghẻ hoặc đang châm cứu, hoặc bôi thuốc ghẻ phải nên tắm sau, không được vào trước. Không được lấy khăn tay trên hai bên sào công cộng lau đầu và mặt, khăn chung của đại chúng dùng để lau sạch tay sau khi mặc y phục và đắp y ngũ điều. Ra khỏi nhà tắm, phải xá chào mọi người ở hai bên rồi trở về phòng. Lên giường ngò xoay mặt vào vách tĩnh tọa một lát. Khi tắm xong, trước mặc áo trên và áo tràng phủ tới gĩt, tiếp đến mặc quần. Cởi quần tắm ra, xếp bỏ vào khăn choàng, không để ướt bọc đồ tắm. Tay trái cầm khăn tay xá chào mọi người rồi đi ra. Ra xong, xem tên của vị thí chủ phát tâm xây cất phòng tắm để khi tụng kinh tùy ý chú nguyện hồi hướng cho họ.

Tháng lạnh, đến bên lò sưởi đầu tiên hô lửa, sau đó ngồi ngay ngắn lại, xá chào mọi người hai bên. Không được xúc tro, gắp lửa, không được khêu lửa làm bay bụi, không được chụm đầu nói chuyện, không được nướng các vật điểm tâm, không được hô giầy, sấy dép và hong y phục, không được vén áo tràng để lộ lưng quần, không được khạc nhổ và gãi bụi bắn vào lửa.

Trên đã nói rõ sự việc trong một ngày và oai nghi trong chúng. Tôi chẳng dám vừa nghe các bậc tôn túc nói mà đem ra dạy lại người mới học. Các quy tắc vi tế như: thăng đường, nhập thất, tiểu tham, phúng kinh, niệm tụng, tụng liêu, giải kết, nhân sự, trang bao, đánh lạp, tống vong, xướng y, ứng hệ ghi chép đầy đủ rõ ràng trong Thanh quy. Mỗi vị Tôn túc đều có bản văn này, nên ở đây không thuật lại nữa vì sẽ dư thừa.

## **BÀI VĂN TRÌNH BÀY KHUÔ N MẪU CỦA THIÊN LÂM**

Đại sư Từ Giác tức là Trách Công bàn rằng: kia, hai cây quế rũ bóng, một cành hoa hiện điềm lành. Từ đó, tạo nên cái gốc căn bản của Tùng lâm chính là chúng Tăng. Thế nên, khai thị Tăng chúng thì có Trưởng lão. Làm gương mẫu cho Tăng chúng thì có Thủ tọa. Gánh vác việc của chúng Tăng thì có Giám viện. Điều hòa chúng Tăng thì có Duy-na. Cúng dường cho chúng Tăng thì có Điện tọa. Phục vụ cho chúng Tăng thì có Trục tế. Lo việc thu chi cho chúng Tăng thì có Khố đầu. Lo việc giấy bút cho chúng Tăng thì có Thư trạng. Giữ gìn Thánh giáo cho chúng Tăng thì có Tạng chủ. Đón tiếp đàn việt cho chúng Tăng thì có Tri khách. Mời thỉnh chúng Tăng thì có Thị giả. Giữ gìn y bát cho chúng Tăng thì có Liêu chủ. Cung cấp thuốc thang cho chúng Tăng thì có Đường chủ. Lo việc tắm giặt cho chúng Tăng thì có Dục chủ, Thủy đầu. Lo việc chống lạnh cho chúng Tăng thì có Thán đầu, Lơ đầu. Lo việc hóa duyên cho chúng Tăng thì có Nhai phường, Hóa chủ. Lo việc lao động cho chúng Tăng thì có Viên đầu, Ma đầu, Trang chủ. Lo việc vệ sinh cho chúng Tăng thì có Tịnh đầu. Lo việc cung cấp hầu hạ cho chúng Tăng thì có Tịnh nhân.

Nhờ thế mà nhân duyên làm đạo đầy đủ mười phương, phương tiện hộ thân thành tựu rục rờ, muôn việc không lo, một lòng vì đạo. Thế gian tôn quý là hạnh siêu thoát xuất trần. Thanh tịnh vô vi thì chúng Tăng là tối thượng. Nghĩ kỹ đến công sức của nhiều người, thì đâu có thể không biết ân, báo ân. Sáng tham thiền, chiều thừa hỏi, không để mất một tác bóng, là để báo đáp công lao của Trưởng lão. Lớn nhỏ có trật tự, đi lại khoan thai là để báo đáp công lao của Thủ tọa. Bên ngoài tuân thủ Pháp



luật, bên trong giữ gìn Thanh quy, là để báo đáp công lao của Giám viện. Sống theo tinh thần lục hòa như nước hòa với sữa là để báo đáp công lao Duy-na. Vì thành đạo nghiệp nên nhận thức ăn này, là để báo đáp công lao của Điền tọa. An trú nơi phòng ốc của chúng Tăng phải biết giữ gìn trân quý các vật dụng là để báo đáp công lao của Trục tế. Vật dụng của thường trụ một mảy may không phí phạm, là để báo đáp công lao của Khố đầu. Tay không cầm bút (lo tu) như chữa lửa cháy đầu, là để báo đáp công lao của Thư tạng. Ngồi nơi cửa sáng sửa, bàn sạch sẽ, lấy Thánh giáo soi chiếu tâm mình, là để báo đáp công lao của Tạng chủ. Mai danh ẩn tích, không tham bầu bạn, là để báo đáp công lao của Tri khách. Sống theo quy củ, khi được mời thỉnh phải đến trước, là để báo đáp công lao Thị giả. Một bình một bát, sống tự tại trong chúng, là để báo đáp công lao của Liêu chủ. Kham nhẫn bệnh khổ, tùy nghi dùng cháo thuốc, là để báo đáp công lao của Đường chủ. Bớt lời cung kính, hạ mình nhường người, là để báo đáp công lao của Thán đầu, Hóa đầu. Cân nhắc đức hạnh thiếu hay đủ mà nhận đồ cúng dường thích hợp, là để báo đáp công lao của Nhai phường, Hóa chủ. Xem công lao nhiều ít mà nhận vật thí chủ đem cúng, là để báo đáp công lao của Viên đầu, Ma đầu và Trang chủ. Khi dùng củi nước phải biết hổ thẹn, là để báo đáp công lao của Tịnh đầu. Khoan dung mà dễ phục tùng, giản dị mà dễ phụng sự, là để báo đáp công lao của Tịnh nhân. Nhờ thế mà đạo nghiệp chôn Tùlâm lâm được đổi mới. Những căn cơ bậc thượng chỉ một đời là thành tựu. Còn kẻ sĩ bậc trung thì nuôi lớn thánh thai. Cho đến những kẻ chưa tỏ ngộ nguồn tâm thì không thể để thì giờ lãng phí. Đó là Tăng bảo đích thực, là phước điền của cuộc đời. Gần thì làm cầu đi cho đời mật pháp, chung cục sẽ chứng được đạo quả phước trí rốt ráo.

Trái lại, nếu như Tùlâm lâm không ổn định, pháp luân không vận chuyển thì đó chẳng phải là Trưởng lão lo cho chúng Tăng. Còn ba nghiệp không điều hòa, bốn oai nghi không nghiêm túc, thì đó chẳng phải là Thủ tọa điều hành Tăng chúng. Lượng khoan dung chúng không rộng, lòng thương yêu chúng không dày, thì đó chẳng phải là Giám viện bảo vệ chúng Tăng. Người chân tu không yên ổn, kẻ quấy rối không khử trừ thì đó chẳng phải là Duy-na làm cho Tăng chúng an vui. Sáu vị không tinh thuần, ba đức không cung cấp, thì đó chẳng phải là Điền tọa phụng sự Tăng chúng. Phòng ốc không sửa chữa, vật dụng không đầy đủ, thì đó chẳng phải là Trục tế làm cho Tăng chúng an lạc. Cát chứa của thường trụ, khe khát với chúng Tăng, đó chẳng phải là Khố đầu cung cấp cho Tăng chúng. Thư từ không trau chuốt, văn tự viết chệch choạc, đó chẳng phải là Thư tạng tư điểm cho Tăng chúng. Bàn ghế không ngay

ngắn, tiếng ồn không chấm dứt, đó chẳng phải là Tạng chủ đãi ngộ Tăng chúng. Ghét nghèo yêu giàu, trọng tục khinh Tăng, đó chẳng phải là Tri khách tán dương Tăng chúng. Lễ nghi không cung kính, lớn nhỏ không trật tự, đó chẳng phải là Thị giả sắp xếp cho Tăng chúng. Không siêng năng chỉnh đốn, không giữ gìn cẩn thận, đó chẳng phải là Liêu chủ làm cho chúng ổn định. Chăm sóc không chu đáo, làm náo loạn bệnh nhân, đó chẳng phải là Đường chủ yêu thương đại chúng. Nước nũng không đầy đủ, nũng lạnh không thích hợp, đó chẳng phải là Dục thủ, Thủy đầu lo việc rửa ráy cho Tăng chúng. Không lo chuẩn bị trước, khiến mọi người động niệm, đó chẳng phải là Lơ đầu, Thán đầu quan tâm đến Tăng chúng. Chia của không công bằng, không tồn tâm tồn lực, đó chẳng phải là Nhai phường, Hóa chủ cúng dường chúng Tăng. Đắt đai nhiều màu mỡ, mà canh tác chênh mảng, đó chẳng phải là Viên đầu, Ma đầu, Trang chủ đại lao cho Tăng chúng. Tính lười biếng không bỏ, các phương tiện thiếu thốn, đó chẳng phải là Tịnh đầu phụng sự Tăng chúng. Ngăn cấm không đình chỉ, ra lệnh không thi hành, đó chẳng phải là Tịnh nhân tùy thuận Tăng chúng.

Nếu vị Tăng nào xem thường Thầy, khinh chê pháp, ngoan cố, tùy tiện, đó chẳng phải là cách báo đáp Trưởng lão. Ngồi nằm không ngay ngắn, đi đứng trái phép tắc, đó chẳng phải là cách báo đáp Thủ tọa. Tâm khinh thường phép nước, chẳng chiếu cố Tùng lâm, đó chẳng phải cách báo đáp Giám viện. Trên dưới không thuận hòa, đấu tranh không chấm dứt, đó chẳng phải là cách báo đáp Duy-na. Tham lam mỡ ngon, chê bai thức dở, đó chẳng phải là cách báo đáp Điền tọa. Ăn ở và thọ dụng không nghĩ đến người sau, đó chẳng phải là cách báo đáp Trục tế. Tham nhiều vật cúng dường không tiếc của thường trụ, đó chẳng phải là cách báo đáp Khố đầu. Miệt mài nghiên bút, học đòi văn chương, đó chẳng phải là cách báo đáp Thư tạng. Khinh thường Thánh giáo, tìm cầu ngoại điển, đó chẳng phải là cách báo đáp Tạng chủ. Làm bạn với kẻ tục, kết giao người quyền quý, đó chẳng phải là cách báo đáp Tri khách. Quên bẵng lời thỉnh mời, để Tăng chúng ngồi chờ, đó chẳng phải là cách báo đáp Thị giả. Vì lợi mình mà hại người, lén lấy trộm của chung, đó chẳng phải là cách báo đáp Liêu chủ. Giận nhiều mà vui ít, chẳng tùy theo bệnh tình, đó chẳng phải là cách báo đáp Đường chủ. Khua gàu gáo ra tiếng, dùng nước không tiết kiệm, đó chẳng phải là cách báo đáp Dục chủ, Thủy đầu. Bản thân mình âm áp, gây trở ngại người khác, đó chẳng phải là cách báo đáp Lơ đầu, Thán đầu. Không nghĩ đến tu hành, an nhiên nhận cúng dường, đó chẳng phải là báo đáp Nhai phường, Hóa chủ. Suốt ngày chỉ ăn no, không để ý việc gì, đó chẳng phải là cách báo đáp Viên đầu, Ma đầu, Trang chủ. Khắc nhổ trên tường vách, để bừa bãi nhà cầu, đó chẳng phải là

cách báo đáp Tịnh đầu. Minh ưa chuộng oai nghi, không dạy bảo người khác, đó chẳng phải là cách báo đáp Tịnh nhân.

Nếu luân chuyển theo luân hồi đến ngàn vòng vẫn không đến đích, chỉ cần bỏ sở đoản theo sở trường, cùng nhau thực hiện sự nghiệp xuất gia; có thể hy vọng sự tử trong hàng đều thành sư tử, chiêm đàn trong rừng thuần túy chiêm đàn. Từ nay đến năm trăm năm sau sẽ gặp lại pháp hội Linh sơn. Thế nhưng, pháp môn hưng phế là do chúng Tăng, vì Tăng là phước điền, cần phải tôn trọng. Trọng Tăng tức là trọng pháp, khinh Tăng khác gì khinh pháp. Trong nội bộ nghiêm minh, ngoại hộ ắt tôn kính.

Giả sử người lo việc cơm cháo, ngày kia được làm vua; các chức sự trong chùa ngẫu nhiên nắm chính quyền, cũng phải tôn kính tiếp đãi đồng bào, không được vọng sinh tự tôn tự đại. Nếu như cống cao ngã mạn, lấy công làm tư, thì muôn việc vốn vô thường há có thể giữ được lâu dài. Một ngày kia về với Tăng chúng, mặt mũi nào mà nhìn lại nhau. Nhân quả không sai chạy, e khĩ mà trốn tránh. Tăng vốn là con Phật, phải cúng dường như Phật; Trên trời hay cõi người, hết thầy đều cung kính. Cơm cháo dùng hai thời, lẽ ra phải tươm tất; bốn nhu cầu hằng ngày, không nên để thiếu thốn. Bóng rợp của Thế Tôn hai ngàn năm che mát cháu con; một phần công đức của ánh hào quang thọ dụng không hết. Chỉ chăm phụng sự chúng, không nên lo bản cùng. Tăng không chia phạm Thánh, dung hội cả mười phương. Hễ là của Chiêu-đề, hết thầy đều có phần, há nên vọng sinh phân biệt khinh thường khách Tăng; Chỉ tạm trú đời ba Hôm cũng phải cung cấp đúng lễ. Người đến xin thọ trai một bữa, cũng phải cúng dường bình đẳng. Khách tục còn phải chiếu cố, Tăng-già há nữ không mời. Nếu tâm mình không giới hạn, tự nhiên có phước vô cùng. Tăng-già hòa hợp, trên dưới đồng lòng, kẻ dở người hay, cùng nhau bảo bọc. Những việc không tốt trong chùa chớ để người ngoài hay biết. Nếu mà mọi việc suôn sẻ, chung cục ít người dòm ngó. Ví như trùng trong thân sư tử, tự ăn thịt sư tử, chứ chẳng phải thiên ma ngoại đạo nào phá hoại được cả. Nếu muốn đạo phong không suy thối, mặt trời Phật sáng mãi, làm rạng rỡ chốn tông môn, đền ơn giáo hóa triều đình, xin dùng bài văn này làm khuôn mẫu.

### **TỤNG NIỆM KHI NGƯỜI LÂM BỆNH**

Khi có Tỷ-kheo lâm bệnh thì đạo bạn đồng hương nên thiết lập tượng Phật, hương đèn trước giường người bệnh, tụng niệm xung tán như sau:

“Nước trong trăng thu hiện,  
Cầu đảo phước điền sinh.  
Chỉ có trí tuệ Phật,  
Là chỗ dựa chân thật.”

Hôm nay, ở trước Tỷ-kheo đang lâm bệnh là mỗ giáp, giải tỏa oan kết nhiều đời, sám hối lỗi lầm muôn kiếp. Ngưỡng mong Tăng chúng thanh tịnh vận dụng lòng chí thành xung dương thánh hiệu, rửa sạch tội lỗi sâu dày. Kính xin đại chúng niệm mười lần pháp thân thanh tịnh của đức Tỳ-lô-giá-na.

Rồi hồi hướng, phục nguyện: Nhất tâm thanh tịnh, bốn đại nhẹ nhàng; thọ mạng lâu dài như tuệ mạng, sắc thân kiên cố tựa pháp thân. Xin đại chúng tiếp tục niệm Thập phương Tam thế Phật... Nếu bệnh nặng thì niệm mười danh hiệu Phật A-di-đà. Trước lúc niệm nên tán thán:

“Phật A-di-đà thân vàng ánh,  
Tương đẹp đoan nghiêm không gì sánh.  
Lông trắng uyển chuyển tựa Tu-di,  
Mắt xanh trong trẻo như biển lớn.  
Quang trung hóa Phật vô số ức,  
Bồ-tát hóa hiện cũng vô biên.  
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh,  
Chín phẩm sen vàng lên bờ giác.

Giờ đây đứng trước Tỷ-kheo mỗ giáp đang lâm bệnh, mong giải thoát oan khuất nhiều đời, sám hối lỗi lầm muôn vạn kiếp. Ngưỡng mong đại chúng vận dụng lòng chí thành xung dương thánh hiệu, rửa sạch tội lỗi sâu dày. Kính xin đại chúng niệm 100 lần danh hiệu Phật A-di-đà, và niệm mười lần các danh hiệu Quan Thế Âm bồ-tát, Đại Thế Chí bồ-tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng bồ-tát.

Đoạn hồi hướng: Phục nguyện, đứng trước Tỷ-kheo mỗ giáp đang lâm bệnh, các duyên chưa hết, sớm được nhẹ nhàng; mạng sống khĩ qua, sinh về An dưỡng Thập phương tam thế Phật... Lúc đang niệm Phật, Tăng chúng phải nhiếp tâm thanh tịnh, không để tâm dong ruổi theo tạp niệm.

**Lời di chúc bằng miệng:**

Thầy mỗ giáp đang lâm bệnh này họ mỗ, ở làng mỗ, châu mỗ, năm chừng ấy tuổi đến chùa mỗ, xuất gia làm Tăng. Năm mỗ đến chùa mỗ cư trú. Ngày nay lâm bệnh, e tứ đại không điều hòa. Tất cả hành lý tùy thân xin nhà chùa cất giữ. Sau khi chết, xin tổng táng theo nghi thức Tùng lâm. Lời di chúc của Tăng mỗ giáp đang lâm bệnh.

Ngày..... tháng..... năm.....

## **VỊ TĂNG VIÊN TỊCH – GHI CHÉP LƯU GIỮ Y BÁT**

Khi có vị Tăng bệnh nặng, người nuôi bệnh phải báo với người trông coi bệnh xá, rồi thưa với Duy-na xin niêm phong hành lý. Thị giả của Duy-na mời Thủ tọa, Đầu thủ, Tri sự, và Thị giả của Trụ trì cùng đến trước bệnh nhân ghi lại lời di chúc. Người nuôi bệnh cùng với người chấp sự thu thập rương kinh, rương đựng y vật, ghi chép vào giấy, đếm từng thứ một, rồi niêm phong bên ngò. Nhưng phải để lại một số y phục để mặc lúc tắm liệm như: áo dài, dây treo, áo mặc trong ngò, râu chuỗi, hộp hương, dây buộc chân, giày dép, khăn dùng khi cạo tóc và bông để liệm hài cốt. Các vật dụng ấy cất vào một chỗ, giao cho người coi bệnh xá và người nuôi bệnh giữ gìn. Nếu người bệnh không thể sắp đặt trước được thì công việc ấy Duy-na, Thủ tọa phải có trách nhiệm xử lý. Trường hợp người mất không có hành lý cũng phải tổng táng theo nghi lễ. Những người có trách nhiệm ký tên vào bản kê khai và giao chìa khóa cho Thủ tọa cất giữ, rồi người của bốn phòng Thủ tọa, Duy-na, Tri khách và Thị giả khiêng các hòm rương ấy về phòng Duy-na. Nếu vị Tăng qua đời là người đã nghỉ việc ở đơn liêu có hành lý nhiều, thì sau khi niêm phong, để nguyên các y vật tại phòng ấy, rồi khổ ty sai người trông coi.

Nếu người chết lúc còn sống không di chúc trước cho Trụ trì, các cựu chức sự khác của Tây tự và Đông tự, cũng không viết di chúc để lại, thì không được tự làm di chúc giả mạo về y vật của vị ấy. (Xưa kia Hòa thượng Đại Xuyên ở chùa Tịnh Từ có Thủ tọa, Duy-na làm di chúc giả về y vật của người qua đời, cuối cùng đã bị trục xuất).

Khi người bệnh vừa nhắm mắt (tắt thở) người coi bệnh xá phải thông báo với Duy-na, sai Thị giả của Duy-na bảo nhà trù nấu nước nũng; đồng thời thưa Thủ tọa, Tri khách, Thị giả và Thủ kho sai người khiêng giường người chết đến chỗ bồn tắm để tắm rửa. Sau khi tắm xong, cạo tóc và giặt giữ mềm gối, rồi cân nhắc mà biểu những thứ ấy cho người tắm, còn khăn tay thì biểu cho người cạo tóc. Rồi Duy-na điều hành việc tắm liệm và nhập kim quan, kế đến đem kim quan đặt ở giữa bệnh xá, thiết

lập bàn thờ đặt bài vị. Trên bài vị viết như sau: “Giác linh của Thượng tọa mõ giáp vừa viên tịch.” Nếu vị ấy ở Tây đường nơi dành cho những người nghỉ hưu ở, thì viết: “Giác linh của thiền sư mõ giáp, quê quán tại... Trước đây ở chùa mõ.” Ngoài ra, tùy theo chức vụ được xưng hô mà viết. Phải sắm sửa đầy đủ hương đăng để cúng dường. Tăng chúng hiện tại tụng chú Đại bi, hồi hướng an vị. Ban đêm chong đèn suốt đêm. Hành giả của Đường ty phải chuẩn bị sắm cành liễu, cờ phướn và vòng hoa. Hành giả trực linh hàng ngày dâng cơm cháo, còn Trì sự mỗi ngày cúng trà nước ba lần. Sau khi đốt đèn hương dâng trà nước, tụng kinh rồi nghỉ giải lao, bấy giờ hành giả của Đường ty đánh khánh hướng dẫn, Thủ tọa lãnh đạo đại chúng đến trước kim quan, Trụ trì niệm hương, Duy-na cử tụng chú Đại bi, cuối cùng hồi hướng: “Nguyện đem công đức tụng kinh này hồi hướng cho Thượng tọa mõ giáp vừa mới viên tịch được sinh về cảnh giới trang nghiêm. Nam mô thập phương tam thế Phật...”

Tiếp theo, người đồng hương làm lễ, do vị trưởng đàn niệm hương, chủ lễ. Mỗi ngày làm lễ ba lần. Trừ khi làm lễ chung tất cả thì hồi hướng xưng cả hai tên, ngoài ra các lễ khác lúc hồi hướng chỉ xưng một tên. Cách hồi hướng giống như trước. Nếu gặp ngày mông một và ngày rằm, các ngày vía thì khỏi tụng kinh, vì không thể cử hành lễ trà tỳ.

## **CÁC NGHI THỨC DÀNH CHO NGƯỜI QUA ĐỜI**

Lễ trà tỳ phải mời vị Trụ trì làm chủ lễ. Ngoài ra các lễ khác như đập nắp quan tài, di quan, nhập tháp thì Duy-na bàn bạc với Thủ tọa, theo trình tự mời các vị Đầu thủ thực hiện. Bấy giờ phải lấy một miếng giấy trắng nhỏ viết như sau: “Thượng tọa mõ giáp người ở châu mõ vừa mới viên tịch, kính bái thỉnh Hòa thượng đường đầu làm lễ trà tỳ. Tỷ-kheo Duy-na mõ giáp cung kính bái thỉnh.” (Ngoài ra, các nghi lễ khác căn cứ theo đó mà viết thiệp mời).

Nếu người mất là Tây đường, Đơn liêu, cần cụ y bát hơi nhiều, thì cần thêm các nghi lễ khác như dâng trà nước, chuyển khám, chuyển cốt, v.v... Các nghi lễ này luân phiên mời các vị Đơn liêu, Tây đường, Thủ tọa và những vị tôn túc của chùa đang vân du đó đây đảm trách. Duy-na phải chuẩn bị một khay lễ có tú tám vải đặt đèn nhang lên trên, sai Thị giả bung theo mình, đến phòng Phương trượng, thấp hương, lạy một lạy, bạch rằng: “Thượng tọa mõ giáp vừa mới viên tịch, định ngày mõ làm lễ trà tỳ, kính bái thỉnh Hòa thượng làm chủ lễ”, dâng thiệp mời rồi cáo lui.

Nghi lễ mời Đầu thủ cũng làm như thế. Duy-na phải lập đầy đủ danh sách những người cần mời, rồi tuần tự đi mời.

### **BÁN ĐẤU GIÁ DI VẬT CỦA NGƯỜI QUA ĐỜI**

Duy-na bảo thị giả của mình đi mời Trụ trì, Đông Tây tự Thị giả đến liêu mình, hoặc đến phòng điều hành công việc, rồi trình cho mọi người thấy những hòm rương của người vừa mất. Thị giả mở niêm phong lấy các di vật ra đặt trên chiếc chiếu trải trên đất, lấy ra từng cái một trình cho mọi người xem. Duy-na định giá, rồi Thủ tọa quyết định mức giá. Thị giả của Tri khách viết rõ ràng từng hạng mục của di vật và mức giá của mỗi vật vào sổ sách, đồng thời dùng một miếng giấy nhỏ viết rõ tên của từng vật và mức giá gắn lên vật ấy, rồi bỏ tất cả vào thùng trở lại. Ngoài ra, phải sao ra một bản ghi rõ phẩm vật và giá trị để dùng khi bán đấu giá. Phương trượng, các liêu xá thuộc lưỡng tự không được phép nhân danh dùng vào việc công mà lấy các vật ấy; nhưng nếu là của thường trụ thì được quyền lấy dùng vào việc chung. Theo thanh qui, số tiền bán được các di vật phải dành một phần ba cho chùa. Nếu vị Tăng qua đời có y bát hơi nhiều thì nên định mức giá rẻ để cho đại chúng được lợi ích, và hồi hướng phước đức ấy cho người quá cố.

### **TỤNG NIỆM BAN ĐÊM**

Trước ngày đưa đám tang, sau bữa trưa, Thị giả Duy-na thưa với Trụ trì, Lưỡng tự và báo với đại chúng, đồng thời treo bảng tụng niệm, lại thông báo với Khố ty sắm sửa các vật tế lễ. Bảy giờ sai người thừa hành thiết lập bàn cúng tế. Người đồng hương pháp quyền làm văn tế và nạp tiền sắm sửa đồ tế lễ cho Khố ty, lại chuẩn bị ba nén hương để khi cúng sử dụng. Nếu người mất là bậc danh đức có tiếng tăm hoặc là các vị Tây đường, Đơn liêu kỳ cựu có công lao với sơn môn, thì Trụ trì, Lưỡng tự phải tế lễ và Duy-na đọc văn tế. Sau giờ nghỉ ngơi, đánh chuông tại Tăng đường, tập họp đại chúng, đến trước kim quan tụng niệm. Trước hết Tri sự bước ra đốt hương, rồi đứng vào hàng đầu dãy phía Đông. Bảy giờ Duy-na bước ra đốt hương mời người làm lễ đậy nắp quan tài. Người được mời bước ra khỏi hàng, đốt hương, vái chào kim quan. Kế đến chào hỏi vị Trụ trì, rồi chào dãy hàng phía Đông cho đến người cuối cùng, tiếp theo là chào hỏi dãy hàng phía Tây, rồi chào hỏi khắp đại chúng. Đoạn đi ngang cuối dãy hàng phía Tây, nếu thấy các chức sự Đầu thủ đứng ở vị trí của mình, thì lách qua chỗ trống đến đứng bên phải kim quan. Bảy giờ, thị giả Duy-na bung áo quan đứng chờ sẵn, đến khi lễ vừa chấm dứt, thì dùng áo

quan trùm lên quan tài. Đến lúc này, Trụ trì đứng vào vị trí chứng minh. Duy-na rời khỏi vị trí, bước tới trước bên trái vái chào Trụ trì, Lương tự, dâng hương, rồi đến trước kim quan bắt đầu tụng: “Thiết nghĩ, sinh tử chuyển vần, nững lạnh đắp đổi; Lúc đến tựa hồ điện xẹt giữa tầng không; khi đi khác nào sóng dừng nơi biển cả. Hôm nay có Thượng tọa mỗ giáp vừa mới viên tịch; Nhân duyên ra đời vừa mới kết thúc, trong chớp mắt trở thành đại mộng; Rõ các hành vốn vô thường, được tịch diệt thiết là vui. Ngưỡng mong đại chúng đến trước kim quan tụng niệm hồng danh chư Phật để tiễn đưa anh hồn về Tịnh độ. Kính xin chúng Tăng niệm Thanh tịnh Pháp thân Tỳ-lơ-giá-na Phật.” Tiếp đến tụng chú Đại bi, rồi hồi hướng: “Xin đem những công đức tụng niệm từ trước tới đây hồi hướng cho Thượng tọa mỗ giáp vừa viên tịch.” Lại nguyện: “Thần siêu tịnh cảnh, nghiệp dứt trần lao; ngôi thượng phẩm hoa sen nở bung, được thọ lý một đời thành Phật. Lại xin đại chúng niệm thập phương tam thế nhất thiết chư Phật...”

Bấy giờ, Tri khách cử tụng chú Lăng nghiêm, rồi hồi hướng: “Nguyện đem công đức tụng kinh từ trước đến đây hồi hướng cho Thượng tọa mỗ giáp vừa viên tịch được sinh về cảnh giới trang nghiêm. Nam mô Thập phương Tam thế Nhất thiết chư Phật.”

Lúc này, Trụ trì trở lại đứng vào dãy hàng phía Đông. Chư Tôn đức ân cư, đạo bạn, người đồng hương lần lượt đến làm lễ, cuối cùng tụng chú Đại bi, rồi hồi hướng giống như Tri khách đã làm.

## **ĐƯA ĐÁM TANG**

Khi tổng táng, Khố ty phải chuẩn bị trước, sai bảo giám sát các hành giả, chuẩn bị củi để thiêu xác. Bảo các lao công chuẩn bị nao bạt, trống phách, tràng hoa, hương đèn và các âm công khiêng quan tài theo nghi thức đám ma, tất cả phải đầy đủ. Trước ngày đưa tang, Đường ty hành giả phải trình với Trụ trì, Lương tự, dán thông báo về việc đưa đám ma. Đến ngày Hôm sau, sau khi đánh bản báo hiệu điểm tâm, lại đánh một tiếng nữa bạch: “Kính bạch đại chúng, sau khi ăn cháo xong, kính mời mọi người đi đưa đám tang, ngoại trừ người dữ liều, trực đường, tất cả đều phải tham dự. Kính cẩn cáo bạch.” Lại đánh một tiếng bản nữa, đến trước bàn Tổ vái chào, kế đến vái chào Trụ trì, rồi từ vị Thủ tọa đi tuần một vòng ra bên ngoài, lại trở vô Tăng đường vái chào rồi ra đi (nếu gặp ngày vía chư Thánh thì không được đánh bản).



Đến ngày đưa tang, Đường ty hành giả thừa trực tiếp với Trụ trì, Lương tự, rồi sau giờ điểm tâm, thông báo trước Tăng đường rằng: “Kính mời Thủ tọa và đại chúng khi nghe chuông đánh, đến Diên thọ đường tụng kinh.” Đến giờ cử hành lễ, Thị giả Duy-na đánh chuông, Tăng chúng vân tập, Duy-na cử hành lễ, chỉ tụng niệm ngắn gọn như sau: “Muốn rước kim quan đi làm lễ trà tỳ long trọng ngưỡng mong đại chúng niệm hồng danh chư Phật, để giác linh nương nhờ Phật lực mà mau lên bờ giác. Nam mô Thanh tịnh Pháp thân Tỳ-lơ-giá-na Phật.” Khi niệm dứt Trụ trì trở về đứng đầu dãy hàng phía Đông. Duy-na bước ra đốt hương, cử hành lễ di quan. Hành giả đánh chập chĩa dẫn đầu khiêng quan tài ra ngoài cổng chùa. Nếu có lễ chuyển khám (xoay đầu quan tài vào trong bái biệt sơn môn) thì thiết lập hương án trước cổng chùa, hướng vào trong, sắp trà nước trên bàn. Thủ tọa hướng dẫn đại chúng sắp hàng hai bên, Duy-na đốt hương làm lễ, rồi tiếp tục rước kim quan lên đường. Nếu như không làm lễ chuyển khám mà đi thẳng, thì khi ra đến cổng chùa, Duy-na hướng vào trong đứng chấp tay, tụng chú Vãng sanh, đại chúng cùng tụng theo và theo thứ tự hai hàng song đôi nhau lần lượt bước đi. Mỗi người điều cầm tuyết liễu (bông giấy cắt hình lá liễu màu trắng) để tung lên quan tài. Những người đi đưa đám đứng sắp hàng ngoài cổng chùa, cúi đầu chấp tay khi tăng chúng đi ngang qua. Lúc họ đi qua hết, thì tháp tùng theo sau. Duy-na đi sát kim quan. Đor tự cũng theo hộ tống.

### LỄ TRÀ TỶ

Khi đưa kim quan đến đài hỏa thiêu, Tri sự đốt hương, dâng trà, kê đến Trụ trì đốt hương, rồi trở về vị trí. Bấy giờ Duy-na bước ra đốt hương, mời Trụ trì cử hành lễ trà tỳ. Trực tuế vái chào và đưa lửa cho Trụ trì. Sau khi lửa đã được đốt, Duy-na đến trước kim quan cử hành nghi lễ, tụng: “Hôm nay có Thượng tọa mỗ giáp vừa mới viên tịch, đã tùy duyên mà thị tịch, giờ theo phép để trà tỳ; đốt xác thân hoằng đạo trăm năm, theo đường tắt về nơi tịch diệt. Ngưỡng cầu chư tôn đức chúng Tăng hộ niệm cho giác linh. Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới Đại từ Đại bi A-di-đà Phật.” Niệm mười lần xong, lại nói: “Xin đem công đức tụng niệm này hồi hướng cho hương linh được vãng sinh”. Lại nguyện: “Duy nguyện gương tuệ sáng soi, đạo phong rực rỡ; vườn bồ-đề hoa trí giác nở tung, biển pháp tánh tâm nhiễm ơ tẩy sạch; trà dâng ba bần, hương đốt một li, kính tiễn giác linh đường mây cất bước. Xin bái biệt thánh chúng.”

Tri sự chờ đến lúc đọc tới câu dâng trà, đốt hương, trình trọng bước ra dâng trà và đốt hương để bày tỏ nghi lễ của sơn môn (nếu việc này Duy-na làm thì không hộ

lễ), rồi cử tụng chú Đại bi. Cuối cùng hồi hương: “Nguyện đem công đức niệm tụng phúng kinh từ trước đến đây, hồi hương cho Thượng tọa mỗi giáp vừa mới viên tịch, sau lễ trà tỳ được sinh về cảnh giới trang nghiêm. Nam mô Thập phương Tam thế Nhất thiết chư Phật...”. Bấy giờ, Tri khách cử tụng chú Lăng nghiêm, rồi hồi hương như trước (nhưng không đọc hai chữ niệm tụng). Tiếp đến, người đồng hương, pháp quyền tụng kinh và hồi hương (cũng giống như trước).

## **BÁN ĐẤU GIÁ DI VẬT CỦA NGƯỜI QUÁ CỐ**

Sau lễ trà tỳ, Đường ty hành giả thưa với Trụ trì, Lưỡng tự, Thị giả rằng sau giờ thọ trai, Tăng chúng sẽ vân tập tại Tăng đường thực hiện việc xướng y, rồi dán thông báo cho đại chúng biết. Sau khi thọ trai xong, cho bài trí nơi Tăng đường, sắp đặt các bàn ghế; trên bàn để giấy mực, khánh, kéo, dây buộc và các vật dụng, còn trên đất thì trải chiếu. Đường ty hành giả thưa với Trụ trì, Lưỡng tự, Thị giả, rồi đánh chuông tập họp Tăng chúng. Trụ trì, Thủ tọa đi vào ngồi ở đầu hai dãy ghế đối diện nhau. Tiếp đến, Duy-na, Tri khách, Thị giả cùng vào Tăng đường, ngồi vào vị trí của mình, hướng vào trong. Còn Đường ty hành giả, cung đầu, những người lo việc dọn cơm thì vào đứng sắp thành một hàng, hướng về Trụ trì, Lưỡng tự vái chào, rồi quay sang vái chào Duy-na, Tri khách, Thị giả; đoạn, khiêng rương đồ tới trước Trụ trì, Lưỡng tự trình cho các ngài dấu niêm phong và chữ ký, rồi đến chỗ Thủ tọa xin chìa khóa, trình cho mọi người xem, mở rương đồ lấy các y vật theo thứ tự đặt trên chiếc chiếu, còn thùng rỗng thì bỏ một bên ở phía sau. Duy-na đứng dậy đánh một tiếng khánh, đọc như sau: “Mây nổi trôi không lưu lại bóng, ngọn đèn tàn ánh sáng tự tiêu. Hôm nay thực hiện việc xướng y là để bày tỏ lễ vô thường. Ngưỡng mong đại chúng hộ niệm để giác linh Thượng tọa mỗi giáp được vãng sinh Tịnh độ. Nam mô Thanh tịnh Pháp thân Tỳ-lơ-giá-na Phật...” Niệm xong mười danh hiệu, lại đánh một tiếng khánh, tuyên bố: “Phàm cách thức xướng y là dựa theo quy tắc thông thường. Xin quý vị hãy lưu tâm để ý về mức độ mới cũ, dài ngắn của các di vật. Hễ khi dứt tiếng khánh thì không được đổi lại. Kính cẩn thông bạch.” Thế rồi, tiếp tục đánh một tiếng khánh, cầm độ điệp lên, vừa cất bỏ tên người quá cố vừa tuyên bố: “Ở trước đại chúng, tôi xin cất bỏ tên của vị Tăng quá cố trong độ điệp.” Lại đánh một tiếng khánh, giao độ điệp đó cho hành giả, hành giả đem đến trình lên Lưỡng tự. Duy-na lấy các ca-sa trong thùng ra, tháo các dây buộc. Đường ty hành giả theo thứ tự cầm các di vật lên trình cho mọi người. Duy-na lại cầm từng cái lên tuyên bố: “Vật này có tên như vậy, định giá chừng ấy.” Ví dụ như định giá vật ấy một quan, thì bắt đầu

từ một trăm tiền xướng trở lui. Đường ty hành giả bèn lập lại lời xướng ấy cho đại chúng nghe. Tiếp tục theo thứ tự xướng đến giá một quan, Duy-na đánh một tiếng khánh tuyên bố “vật này bán giá một quan.” Các vật khác cũng theo thể thức ấy. Nếu trường hợp có hai người cùng mua một giá, thì hành giả bảo dừng lại, nói “Cả hai đều không được,” rồi tiếp tục vừa đánh khánh vừa đấu giá. (Khi có người đồng ý mua vật nào đó) thì Đường ty hành giả hỏi rõ tên họ của vị ấy, rồi Tri khách ghi tên vào sổ, Thị giả căn cứ tên họ làm biên nhận, giao cho Cung đầu, Cung đầu chuyển cho người nhận mua. Đoạn, Cung đầu hành giả bỏ các di vật ấy vào lại trong thùng. Khi xướng giá các di vật xong, Duy-na đánh một tiếng khánh, tụng hồi hương: “Nguyện đem công đức tụng niệm trong dịp xướng y này hồi hương cho Thượng tọa mỗ giáp vừa viên tịch được sinh về cảnh giới trang nghiêm. Lại mong các tôn túc niệm Thập phương Tam thế Phật, v.v...”

Trong thời gian gần đây, vì để chấm dứt sự huyền ảo, phần lớn các chùa theo cách thức rút thăm (xem chương Trụ trì). Nếu quá ba Hôm mà người nhận mua không đến lấy di vật, thì căn cứ theo giá cả ra thông báo để phát mãi những vật ấy.

Ngài Tăng Huy thuật rằng: “Phật chế việc phân y là để cho chúng Tăng hiện tại thấy vật của người quá cố được chia cho chúng Tăng mà suy nghĩ: ‘Vị ấy đã như vậy thì ta cũng sẽ như thế’, để nhằm đối trị tâm tham cầu. Ngày nay, người ta không chịu suy xét, trái lại, trong lúc xướng y lại tranh giá cả ồn ào, thật là ngu si quá mức.”

## NHẬP THÁP

Sau lúc trà tỳ các vị chấp sự, đồng hương, pháp quyến cùng nhau thu nhật hải cốt. Dùng bông vải bọc hải cốt lại, bỏ vào trong hộp, niêm phong rồi rước đến Diên thọ đường (lúc này bỏ chữ mới trên bài vị) và mỗi ngày tụng kinh ba lần.

(Nhắc lại việc cổ y ở trên) qua lễ trà tỳ ba Hôm, đến sau giờ ngọ ngày thứ ba, dán thông báo bản trưởng (bản danh sách các di vật của người quá cố) để đại chúng được biết (nếu bản trưởng có điểm nào không hợp thể thức hoặc có ai chiếm lấy vật gì, thì cho phép dùng lễ thưa với kẻ lớn người nhỏ rồi thành thật sửa đổi. Còn nếu không có chứng cứ gì thì không được gây ra sự rắc rối. Kẻ nào vi phạm thì trị phạt rồi trục xuất. Trụ trì và các chấp sự phải công bằng liêm chính, làm gương mẫu thì đại chúng mới nể phục). Sau khi dán bản trưởng xong, Đường ty hành giả dán thông báo về việc tổng khơi (rước linh cốt nhập tháp). Đến ngày đã qui định, thị giả đánh chuông

tập hợp Tăng chúng, cung nghinh di cốt đến bảo tháp và làm lễ nhập tháp. Sau khi di cốt đã đặt vào bảo tháp, Tri sự phong tỏa tháp, Duy-na cử tụng chú Đại bi và hồi hướng: “Nguyện đem những công đức tụng kinh từ trước đến nay hồi hướng cho Thượng tọa mỗi giáp vừa viên tịch, sau lễ nhập tháp sẽ sinh về cảnh giới trang nghiêm. Nam mô thập phương...”. Khi ấy Tri khách cử tụng chú Lăng nghiêm. Những người đồng hương tụng kinh và hồi hướng cũng giống như thế.

## **Sắc tu Bách Trượng thanh qui quyển 6 hết**

[ĐẦU TRANG](#) [Q1](#) [Q2](#) [Q3](#) [Q4](#) [Q5](#) [Q6](#) [Q7](#) [Q8](#) [CHÚ THÍCH](#)

## **SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUI**

**ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH THIÊN TỰ TRỤ TRÌ THẦN, TĂNG ĐỨC HUY PHỤNG SẮC TRÙNG BIÊN, ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP KHÁNH TỰ TRỤ TRÌ THẦN, TĂNG ĐẠI HÂN PHỤNG SẮC HIỆU CHÍNH**

**Việt Dịch: HT.Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng**

## **QUYỂN 7**

### **BẢN TRƯỞNG THỨC**

Nay xin trình bày đầy đủ các hạng mục thu chi về y bát của vị Tăng mới qua đời đã được cổ xướng (đem bán đấu giá).

Về phần thu gồm: 1000 quan tiền (do thu được vào dịp bán đấu giá y vật, hoặc các khoản thu khác, chép rõ từng hạng mục).

Về phần chi gồm: 91 quan tiền (dựa vào phần chi dùng trong bản trướng), kê khai đầy đủ

15 quan tiền hồi khám:

3 quan tiền: hồi tế - 3 quan tiền: cúng cháo

1 quan tiền: dầu đèn tại kim quan – 10 quan tiền:

giấy bút ghi chép, phướn hoa, bông giấy, tuyết liễu.

1 quan tiền: cạo tóc.

2 quan 500 tiền: di chuyển kim quan.

500 tiền: nấu nước tắm.

2 quan tiền: tắm người chết.

1 quan tiền: người hầu kim quan dùng cơm cháo.

500 tiền: Khố ty khách đầu nhờ sắm vật cúng.

500 tiền: đình dùng treo các đồ cúng.

500 tiền: ban trai soạn dọn chén bát.

500 tiền: thủ kho xuất chi về vật tế lễ.

500 tiền: đầu bếp nấu cơm.

500 tiền: khố ty trà đầu dâng trà nước.

500 tiền: tham đầu sai bảo lao công.

2 quan tiền: Đường ty hành giả thông báo đại chúng.

500 tiền: giám tác sai bảo lao công.

500 tiền: phương trượng cho gọi người bung hộp hương.

10 quan tiền: hành đường tụng kinh.

1 quan tiền: phụ thêm cho hành giả Đường ty đánh bản.

2 quan tiền: người hầu trà cung cấp cho 4 liêu.

15 quan tiền: nhập liệm.

1 quan tiền: đánh não bặt.

3 quan tiền: đánh nhạc lễ.

3 quan tiền: sáu người khiêng hương án, cầm cờ đèn.

500 tiền: biếu cho những kẻ cầm nhánh cây tuyết liễu

1 quan tiền: châm lửa thiêu xác.

3 quan tiền: những người hầu hạ Phương trượng đưa tang.

1 quan tiền: lao công của 4 liêu khiêng bàn ghế.

500 tiền: phụ thêm cho hành giả Đường ty trình y.

500 tiền: Hành giả Đường ty rao đấu giá y vật.

500 tiền: phụ thêm cho cung đầu soạn phiếu rao đấu giá y vật.

500 tiền: cung đầu thu y.

500 tiền: hành giả Xưởng thực rút thẻ.

500 tiền: thu cốt. 1 quan tiền: bung hộp than. 1 quan tiền: (trực tháp) chi lật vật

Chi 270 quan: theo các khoản chi tiêu trong bản trướng, ngoại trừ 30% nạp cho thường trụ. Kể về chi tiêu các việc kể trên.

Chi 135 quan: tiền công đức các buổi lễ.

Khai cụ nội 20 quan: lễ trà tỳ.

10 quan: phụ thêm lễ trà tỳ.

40 quan: đậy nắp quan, di quan, di cốt, nhập tháp.

20 quan: thêm cho 4 buổi lễ kể trên.

30 quan: Duy na làm lễ sơn đầu, thị giả của Tri khách cầm trống.

15 quan: Phụ thêm 3 Phạt sự kể trên.

Chi 15 quan: Thủ tọa chủ tang, Đô tự đưa tang, Duy- na đánh khánh, mỗi vị 5 quan.

Chi 9 quan: Tri khách tụng kinh, thị giả bung lư hương, mỗi người 3 quan; Thánh Tăng thị giả thu tiền xướng y 2 quan; Trục tuế đưa lửa 1 quan.

Chi 15 quan: Phương trượng, lương tự, Hành giả Đường ty, sao chép bán y vật tạo đơn 3 lần, điếm tâm phương trượng 2 phần.

Chi 20 quan: Phương trượng Lương tự thêm đơn, phương trượng 2 phần.

Chi 444 quan 500 tiền: biếu cho Tăng chúng tụng kinh tại, Quan Âm đại sĩ, Thánh tăng Phương trượng 2 phần, Tăng chúng ước chừng 400 người mỗi người 1 quan.

Hành giả Đường ty tùy nghi biếu tặng cho những người vắng mặt vì lý do đặc biệt và những người mới đến tạm trú, gồm 79 người, mỗi người 500 tiền, bằng nửa phần người khác.

Ngoại trừ các khoản chi ra, Đường ty còn thu được 500 tiền, dùng để chi tiêu cho các việc chung, và được ghi chép đầy đủ vào sổ sách như đã nêu trên.

Ngày ... tháng ... năm Hành giả Đường ty mỗ giáp, xin ghi chép đầy đủ. Thị giả cầm trống mỗ ký tên;

Tri khách mỗ ký tên , Tang chủ mỗ ký tên,

Trục tuế (nt) Phó tự (nt)

Tri điện (nt) Thư ký (nt)

Điền tọa (nt) Giám tự (nt)

Tri dục (nt) Thủ tọa (nt)

Phó tự (nt) Đô tự (nt)

Tạng chủ (nt) Thủ tọa (nt)

Duy-na (nt) Trụ trì (nt)

Người xưa khi lập mẫu bản trướng thường viết thành nhiều bản, để tránh sự sửa đổi. Vì thế mà ở Tùng lâm khi có vị Tăng qua đời thường lập bản trướng. Nghĩa là đem những di vật của vị ấy ra giữa đại chúng định giá để ngăn lòng tham lam cất chứa. Số tiền khi bán đấu giá di vật, ngoài việc chi dùng cho tang lễ, dành lại 30% cho thường trụ (nếu được 100 quan mới trích 30 quan, còn dưới số đó thì không trích). Số tiền còn lại sẽ biếu cho Tăng chúng. Hễ cứ 100 tiền thì cho nghi lễ Phạt sự 1 quan. Phương trượng gấp đôi. Lấy 1000 quan làm mức độ, (như điều lệ trình ở trước)

xem xét nếu tiền thu được nhiều thì tăng thêm, còn ít thì giảm bớt. Đến lúc ấy tùy theo số người nhiều ít mà tùy nghi châm chước (nếu người quá cố là chức sự nghi hưu cần cưu có ruộng đất, lúa thóc, phòng xá, giường nệm, bàn ghế thì tất cả đều qui về cho thường trụ. Phải cân nhắc số tiền bán đấu giá y vật được nhiều ít để khi kết thúc cúng dường cho các nghi lễ Phật sự tụng kinh, cúng trà nước, chuyển khảm, chuyển cốt, v.v...)

## **Chương Đại chúng hết.**

### **CHƯƠNG 8 – CÁC NGÀY LỄ TIẾT VÀ HẠ AN CƯ**

Thứ tự của chúng Tăng không sắp xếp theo tuổi tác mà sắp xếp theo hạ lạc để khác với thế tục. Tại Tây vực mỗi năm có ba mùa (quí) dùng một mùa để an cư, cắm chỉ đi lại. Các việc tụng kinh, ngồi thiền đi đứng đều căn cứ theo sự thọ giới trước sau mà sắp xếp trước sau. Lại qui định 9 tuần (90 ngày) chuyên tâm huân tu đạo nghiệp, ba tuần (30 ngày) sửa chữa những nhu yếu cho bản thân, để cho trong ngoài đều được nuôi dưỡng, thân tâm đều an ổn. Giới hạn thời gian như thế để tiến tu, không bỏ phí thì giờ, hộ trì quý tiếc sinh mạng, tu tập từ bi nhẫn nhục. Đó quả thật là giáo chỉ chí lý của đức Phật khiến muôn đời đều tuân hành. Vì năm vùng Thiên Trúc (Ấn Độ) đất rộng, mưa nắng bất thường, khí hậu các nơi không giống nhau, cho nên chế định thành các trường hợp: hoặc khởi sự an cư vào tháng tư, tháng năm hay tháng 12, nhưng đều bắt đầu từ ngày 16. Do đó an cư mùa mưa là tùy theo không gian và thời gian, miễn là thích hợp an cư. An cư còn được gọi là Tọa hạ, Tọa lạc; ý nghĩa của giới lạc bắt đầu từ đó. Có thuyết cho rằng muốn biết hành vi của một người nhập hạ có thanh khiết hay không, thì nên nắn hình người bằng sáp đem chôn xuống đất (rồi lấy lên xem có bị phai màu hay không) để xét nghiệm người kia tu hành viên mãn hay khiếm khuyết. Đây quả là chuyện đồng bóng vu vơ hoang đường, há chẳng phải là một truyền thuyết sai lầm sao? Và chẳng sự tu chứng của ta, bậc Thánh còn không thể nhìn thấy, thì những sự vật bên ngoài há có thể đo lường được sự tiến thoái hay sao? Ngày nay, Thiên lâm kiết hạ vào ngày rằm tháng tư, giải hạ vào ngày rằm tháng bảy. Thông thường, trước khi nhập hạ một ngày, các tự viện ra thông báo về những phép tắc an cư, để trong thời gian nhập hạ, Tăng chúng chuyên tâm tu tập (ở đây xin nói giản lược); việc này cũng tùy theo quy định của từng địa phương. Nếu ta bình luận điều đó không đúng pháp, thì lại không biết rằng có trường hợp đặc pháp ngoài thông lệ! Ở Trung Quốc mỗi năm chia làm bốn mùa, mùa Đông bắt đầu vào dịp tiết nhất dương sinh. Đây cũng là thời điểm bắt đầu của bốn mùa, trong lúc này vạn vật

đổi mới, lòng người vui vẻ phấn khởi. Lễ nghi quý ở chỗ phù hợp với tục lệ, còn việc giáo hoá thì ở chỗ tùy nghi. Mỗi năm xoay vòng theo bốn thời điểm chính yếu: Kiết hạ, giải hạ, Đông chí và ngày niên triều. Chúng ta nhìn lên tiệc pháp với đồng đảng các bậc long tượng cao cả, chủ khách xướng họa, gồm cả nghe những tiếng rống của sư tử. Ôi! Lễ văn trật tự, thật là hưng thịnh và tốt đẹp biết bao!

### **BẢN THÔ NG BÁO TRƯỚC NGÀY NHẬP HẠ**

Tại Tùng lâm, vào ngày mồng một tháng ba, ra thông báo sơ sai về việc an cư (xem mục tân quả đáp ở sau). Đường ty căn cứ vào giới lập bài mà lập danh sách chư Tăng, sai hành giả trước hết đem trình cho Thủ tọa, kế đến trình cho Trụ trì, tiếp theo nữa trình cho Lương tự, rồi đem treo trước Tăng đường. Đồng thời trang bị một cái bàn, để sẵn bút mực trên đó. Trong vòng ba ngày, sau mỗi bữa thọ trai, Tăng chúng phải ra xem bản danh sách, nếu thấy sai lầm thì tự mình lấy bút mực cải chính, nhằm đề phòng trong nhất thời soạn bản danh sách có những nhầm lẫn, hoặc là Tăng chúng đông người khó tránh khỏi thiếu sót lọt sổ. Vì thế mà trước khi lập đồ biểu an cư, phải soạn ra bản danh sách sơ sai này để mỗi người tự xem tên tuổi và giới lập cao thấp của mình, có đúng hay không. Gần đây, có những kẻ hiếu thắng tranh nhau làm náo loạn, thỉnh thoảng ý mạnh hiếp yếu, tranh giành phải quấy bôi xóa tên họ lẫn nhau, làm huyên náo chúng Tăng. Những kẻ vi phạm như vậy phải bị trục xuất. Nếu có người mạo danh khai vượt giới lập, phải thưa rõ với Duy-na, Thủ tọa để những vị này trình lên Trụ trì xử lý.

Hình thức bản thông báo sơ sai: (Giới lập viết mực đỏ, tên họ viết mực thường)

Giới lập của Tăng chúng:

Giới của Đức Uy Âm Vương

Tôn giả Kiền-trần-như

Đường đầu Hòa thượng

Năm Chí Nguyên mấy giới

Năm Nguyên Trinh mấy giới

Thượng tọa mỗ giáp

Thượng tọa mỗ giáp

Năm Đại đức mấy giới

Năm Chí Đại mấy giới

Thượng tọa mỗ giáp



Thượng tọa mỗ giáp

Kính xin ghi đầy đủ như trên. Nếu có sai sót, xin các vị tự cải chính giúp. Rất mong được sự thể tất.

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... Đường ty mỗ giáp, xin ghi đầy đủ như vậy.

### **TIỆC TRÀ DO NGƯỜI MỚI NHẬP LIÊU ĐẢI TẶNG CHÚNG**

Người mới được thu nhận vào chùa, sau khi vào liêu nhận chỗ ở, theo điều lệ, phải nạp chừng ấy tiền bồi bổ cho liêu xá. Thế rồi, chờ Liêu nguyên định thời gian nào đó treo bảng thông báo về việc đãi trà cho đại chúng biết như sau: “Hôm nay, sau bữa cháo sáng, Thượng tọa mỗ giáp, Thượng tọa mỗ giáp mỗi nhóm hoặc 3 người, 6 người hay 9 người – phải chuẩn bị hương đèn, đầy đủ oai nghi, đứng sắp hàng bên phải liêu đường, chờ đại chúng rời khỏi trai đường.” Đến giờ, trà đầu đánh bản trước liêu, khi Tăng chúng đi đến liền chấp tay vái chào mời vào vị trí. Lúc đại chúng đã đứng ổn định, những người mời uống trà đứng sắp một hàng, chào hỏi vãn an Tăng chúng và mời ngồi, rồi chia ra mỗi nhóm chừng 3 người, nhiều nhất là 9 người, đến trước hoặc hai bên lư hương đốt hương, lúc đi lại phải chú ý, nhìn hai bên nghiêm chỉnh, chậm rãi. Sai khi thấp hương, lại đứng sắp thành hàng xá chào, vãn an gọi là Ấp hương. Lúc này đánh 2 tiếng bản nhỏ trong liêu, đi châm trà khắp mọi người, bình trà nên từ xuyên đường mà đưa vào, bước tới xá chào, vãn an rồi trở lui sắp thành hàng xá chào vãn an lần nữa, gọi là Ấp trà. Thế rồi đánh một tiếng bản, gom các tách trà lại. Khi đại chúng đứng dậy ổn định, Liêu nguyên bước tới đứng trước lư hương, thay mặt đại chúng cảm tạ những người chiêu đãi. Khi ấy đại chúng cũng đồng thời đứng chấp tay cảm tạ. Cảm tạ xong, liêu nguyên trở lại vị trí. Những người mời uống trà lại đứng sắp hàng xá chào, rồi chia thành nhóm đến trước lư hương vái chào, gọi là cảm tạ đại chúng đã quang lâm, lại trở lui đứng sắp thành hàng vái chào, vãn an. Bảy giờ, bản trước liêu đánh lên 3 tiếng, đại chúng chào hỏi nhau rồi giải tán. Liêu nguyên tùy nghi bảo trà đầu châm trà, mời những người đãi trà uống, chờ cho tiệc trà do những người mới vào liêu đãi đại chúng hoàn tất, Liêu nguyên tuần tự từng ngày, dựa vào Giới lạp tổ chức tiệc trà phân định giới lạp. Nghi lễ này giống như ở trên.

### **TRUNG BÀY BIỂU ĐỒ**

Sau khi bản thông báo tạm đã ổn định, Đường ty căn cứ Giới lạp soạn các đồ biểu tụng chú Lăng nghiêm, niệm tụng, tuần đường, chỗ ngồi thiền, chỗ ngồi thọ trai (thể

thức xem ở phần trước và sau) và lập thẻ ghi Giới lập của chúng Tăng. Chỉ có vị trí ngôi thọ trai phải thiết lập thành mười sáu bản (ngoài ra, tùy tăng đường lớn hay nhỏ mà bố trí, chứ không bắt buộc).

Ngoại trừ đơn liêu Tây đường, Thủ tọa, cần cựa sắp ngôi ở đầu bản, còn những người khác thì dựa vào Giới lập mà bố trí. Ngày xưa, những chức sự đã nghỉ hưu như Đông đường đặt ngôi ở vị trí phó bát, nhưng sau đó, do tranh giành nhau mà bãi bỏ việc này. Đường ty y theo Giới lập soạn ra bản thảo, trình cho Thủ tọa, kể đến trình lên Trụ trì duyệt khán, khi đã được chấp nhận, mới viết thành các đồ biểu. Thế rồi, bản chính lại trình lên Trụ trì một lần nữa. Riêng đồ biểu thọ trai phải trình cho tất cả đơn liêu. Đến ngày lễ tắm Phật đem bài trí trước chánh điện. Nói chung mô hình chỗ ngồi thiền và chỗ thọ trai khi soạn xong, viết thành một bản nhỏ, rồi thông báo với đại chúng: “Thưa đại chúng, sau khi dùng cháo sáng xong, sẽ bài trí các đồ biểu kể trên, mong đại chúng chiếu cố.

Hôm nay.... ngày .... Tháng ... Đường ty mỗ kính bạch”, rồi đem dán cửa trước và sau của Tăng đường.

### **CÁC LIÊU THIẾT ĐẢI TRÀ THANG ĐẠI CHÚNG VÀO DỊP KẾT VÀ GIẢI AN CƯ (Phụ kiến tán Lăng nghiêm)**

Vào khoảng đầu tháng tư, đợi khi chúng hành giả đến Phương trượng cảm tạ về việc cho ở lại xong và Đường ty đã thiết lập xong các đồ biểu. Liêu nguyên căn cứ theo Giới lập thiết lập đồ biểu đặt hòm rương, đồ biểu dùng trà nước, bảng Giới lập của Tăng chúng, bảng thứ tự nhập liêu, bảng thứ tự cạo tóc, mô hình chỗ ngồi dùng trà nước trong ba tháng hạ (huynh đệ kết duyên tùy ý ghi tên). Sau khi các đồ biểu được thiết lập và đại chúng gặp gỡ chào hỏi nhau xong, thì đem các đồ biểu đó trưng bày tại xuyên đường. Đến ngày 12, sau giờ ngọ, Thị giả của Duy-na thưa với Trụ trì, Lưỡng tự các liêu treo bản tụng kinh, thông báo với đại chúng. Liêu nguyên lo việc dọn quét các liêu phòng, chuẩn bị soạn thảo thiệp mời (xem mẫu ở sau), rồi đem dán gian trái trước liêu. Nội dung mời tôn chúng tất cả các liêu đến dùng trà nước, đồng thời công bố bản ghi chỗ ngồi của Tăng chúng. Trên bàn thờ đức Quán Thế Âm đặt các phẩm vật cúng dường, các bàn hai bên trang trí đài hương, lư hương và đuốc. Liêu nguyên bảo người nấu thang thủy, rồi đích thân đem đến mời Phương trượng, đồng thời lệnh cho Trà đầu chia nhau mang đến các liêu. Khi phân phối xong, liêu nguyên ra lệnh đánh bản nhỏ trong liêu, chuẩn bị một toà thang thủy nhỏ, cũng treo

bản đồ ghi chỗ ngồi, đặc biệt là Liêu chủ, phó liêu, Lăng nghiêm đầu, người soạn bình trà ly tách, và mời liêu trưởng cùng quang lâm bầu bạn. Lúc đến nơi, Liêu nguyên mời liêu trưởng thấp hương, rồi vái chào mời cắm hương, kế đến mời trở về chỗ an tọa. Lúc chuẩn bị nước nóng xong, đánh bản trước liêu, liêu trưởng, đại chúng vào phòng, mời Thị giả của Duy-na cùng tham dự, sắp ngồi bên cạnh Liêu nguyên, đối diện với liêu trưởng, còn đại chúng thì y theo Giới lạp sắp ngồi bốn dãy bàn. Bảy giờ, liêu chủ, phó liêu chia nhau đi đến các bàn chào hỏi mọi người, khi họ đi vào, vái chào mời ngồi, khi họ đốt hương, vái chào mời cắm hương. Bảy giờ hành giả đánh hai tiếng bản trong liêu, người rót nước đã rót nước cùng khắp, liền mời uống nước. Khi uống nước xong, đánh một tiếng bản, thu dọn ly tách. Liêu trưởng đến trước lư hương cảm tạ mọi người đã tham dự bữa đãi trà nước. Thế rồi, hành giả đánh ba tiếng bản trước liêu, mọi người giải tán.

Lúc này, Lương tự vào thiền đường, Thủ tọa, Đô tự đều đốt hương, rồi đứng vào vị trí của mình, còn Liêu nguyên thì đứng chờ ngoài cửa, bên phải, nghênh đón Trụ trì vào thấp hương, rồi đưa đến vị trí ổn định. Lúc này từ vị trí cuối cùng của tây tự, Liêu nguyên bước ra thấp hương, lễ bái, còn vị chủ lễ thì cử hành tụng chú Lăng nghiêm, rồi hồi hướng kết thúc, và Liêu nguyên đưa tiễn Trụ trì rời khỏi thiền đường. Buổi lễ ngày 12 tháng 7 cũng giống như vậy.

### **Mẫu thiệp mời:**

Người giữa liêu là Tỷ-kheo mỗ có tổ chức một tiệc trà đạm bạc vào chiều nay tại thiền liêu, kính mời tôn chúng các liêu bỏ chút thì giờ quý báu về đây tham dự. Kính mong chư vị niệm tình, từ bi quang lâm tham dự.

Hôm nay ngày ... tháng... người giữ liêu là Tỷ kheo mỗ trân trọng kính mời.

### **Mẫu bì thư:**

Trân trọng kính mời chư Tôn đức Thiền sư các liêu. Người giữ liêu là Tỷ-kheo mỗ trân trọng kính mời.

## **PHÁP HỘI TỤNG CHÚ LĂNG NGHIÊM**

Pháp hội này được cử hành vào ngày 13/4 Â L. Đường ty căn cứ theo Giới lạp của đại chúng soạn các đồ biểu (xem sau). Đến ngày lễ tắm Phật, đem các đồ biểu ấy ra

trưng bày trước chánh điện, và mời thư ký soạn sớ văn. Trước hết, Duy-na chọn người có âm thanh tốt cử làm Lãng nghiêm đầu rồi dẫn đến chào hỏi Trụ trì, Khố ty; các vị này phải mời Lãng nghiêm đầu điểm tâm với sự tham dự của Duy-na. Gần đến ngày lễ, thư ký viết kệ hồi hương (bài kệ này do Thiền sư Chân Yết Liễu soạn-xem ở sau), rồi đem dán trên các cây cột hai bên phải trái trong chánh điện. Thấy có nơi khi chép xong, đem khắc vào bia; hoặc khắc vào ván rồi đem treo lên. Đêm trước ngày cử hành lễ, Đường ty thông báo với đại chúng rằng: “Ngày mai, sau khi dùng cháo sáng xong, xin đại chúng mặc y phục trang nghiêm, vào chánh điện để cử hành pháp hội Lãng nghiêm”, rồi đem treo bản thông báo tụng Lãng nghiêm tại các liêu. Đến ngày ấy, sau khi dùng cháo xong, chờ trang trí ổn định trên chánh điện, thị giả của Duy-na thưa với Lưỡng tự, kể đến trình lên Trụ trì, rồi bắt đầu đánh bản trước liêu của đại chúng, đi dọc qua hành lang thông báo. Khi dứt tiếng bản, lại đến đánh bản ở liêu Phương trượng. Khi ấy Trụ trì rời khỏi phòng, thị giả lại đánh bản lớn treo trước khố đường ba tiếng, rồi đánh chuông lớn, chuông ở Tầng đường và chuông trong chánh điện. Trụ trì đến trước điện Phật đốt hương, dâng cúng trà nước, trở về vị trí. Lúc này thị giả đánh chập chĩa, Duy-na rời khỏi hàng, đến vái chào Trụ trì, Lưỡng tự, rồi đốt hương bạch Phật, tuyên sớ (theo Thanh qui cũ thì lúc này đại chúng không lễ bái, nhưng thời gian gần đây lại thấy đại chúng lạy ba lạy, còn Trụ trì thì quỳ trước lư hương, giống như các ngày thánh tiết (ngày kỷ niệm chư Phật, Bồ-tát) và lễ Phật đản. Không biết nghi thức này căn cứ vào đâu? Thông thường khi đại chúng lễ bái và trụ trì quỳ trước lư hương để xướng sớ là vào các dịp lễ chúc thánh thọ, báo ân Phật, nhằm làm cho buổi lễ trang nghiêm, biểu thị sự kính trọng đặc biệt. Còn pháp hội Lãng nghiêm là nhằm cầu an, kỳ phước nên nghi lễ này có thể giảm đi, không nhất thiết phải theo xưa mới được. Khi duy-na bạch Phật tuyên sớ xong, Lãng nghiêm đầu xướng tụng Lãng nghiêm từ bài tựa đầu trở đi, đại chúng tụng theo. Lúc hết bài tựa lại bắt tiếp phần chú bằng âm tiếng Phạn, đại chúng cũng tụng theo, cho đến hết phần chú thì tụng Bát-nhã tâm kinh, và cuối cùng Duy-na hồi hương rằng: “Nguyện đem công đức tụng kinh từ trước đến nay hồi hương cho chân như thật tế trang nghiêm, Phật quả Bồ-đề vô thượng, bốn ân đều báo đáp, ba cõi thấy huân triêm, hữu tình khắp pháp giới đều thành tựu trí tuệ. Nam mô Thập phương Tam thế Nhất thiết chư Phật...”

Hằng ngày, sau khi dùng cháo sáng xong, nghỉ một lát, chờ cho đại chúng thay y, Thị giả Duy-na thưa với Lưỡng tự, trình lên Trụ trì, rồi đi vòng đánh các bản mỗi nơi ba tiếng. Nếu Trụ trì rời khỏi phòng đến tham dự, thì đánh bản lớn ba tiếng; còn

nếu không ra khỏi phòng thì không đánh, mà chỉ đánh chuông ở Tầng đường hoặc ở chánh điện, nhưng không đánh chuông lớn. (Nếu vào các ngày thường từ 13/04 đến 12/07) khi đại chúng vân tập lên chánh điện tụng kinh thì Lăng nghiêm đầu cử tụng chú Lăng nghiêm và cử tụng kệ phổ hồi hướng, đại chúng đồng thanh tụng theo. Nhưng nếu gặp các ngày mồng một và rằm, thì có thêm phần chúc thánh thọ và việc hồi hướng do Duy-na đảm trách. Còn ngày 13/07 thì Lăng nghiêm đầu cũng tụng chú Lăng nghiêm nhưng đến khi hồi hướng thì do Duy-na đảm trách.

### **Kệ phổ hồi hướng:**

Thượng lai hiện tiền chúng Tỷ-kheo  
Phúng tụng Lăng nghiêm chú bí mật  
Hồi hướng hộ pháp chúng Long thiên  
Thổ địa Già-lam cùng các Thánh  
Ba đường, tám nạn lìa khổ lụy  
Bốn ân, ba cõi được thấm nhuần  
Đất nước an ninh, chinh chiến tiêu  
Gió hoà, mưa thuận, dân an lạc  
Đại chúng cùng tu đều tiến bộ  
Vượt lên mười địa chẳng khó gì  
Sơn môn yên tịnh dứt lăm mê  
Đàn tín quy y thêm phước tuệ  
Mười phương ba đời tất cả Phật  
Tất cả Bồ-tát Ma-ha-tát  
Ma-ha Bát-nhã-ba-la-mật.

### **Sớ văn (tuyên đọc):**

Gương nhò mài giữa tinh vi, mũi nhọn sắc bén; kính do lau chùi tận lực, chiếu sáng không mờ.

Thế nên, các tiên Thánh hiện cơ phong bén nhạy, vì chúng sinh phá mê hoặc tế vi.

Ma-đăng dùng chú thuật bắt A-nan; Thế Tôn sai Văn Thù đi giải cứu.

Xiển dương giáo quán một đời: có giáo có quán; chỉ rõ bí mật tu chứng: không chứng, không tu.

Chiếu chân kiến mà dứt trần ai, không hoa chẳng vướng; nhập thiền định nhằm chế loạn tâm, nước lặng sóng im.

Đàn hậu tấn làm sao biết được; tụng Di giáo để tự răn mình.

Phục nguyện, gom Hằng sa số kiếp làm một niệm, vĩnh viễn dài lâu; hộp quốc độ mười phương cùng sống chung, đồng thành Chánh giác.

(Kết thúc) Mừng tượng Lâm Viên còn đó: tinh xá Kỳ Hoàn; tựa hồ hải chúng nghiêm nhiên: Linh Sơn một hội. Thu đại thiên vào vi trần; hộp ba thời trong đương niệm. Cầu chúc giải hạ Tụ tứ, không phạm, không trì; gom thâu vạn tượng giao thoa, ai phạm, ai thánh.

Người người diệu giác, cõi cõi Tỳ-lô; thị hiện nghìn vạn ức thân, siêu việt năm mươi bảy vị.

Dùng tay chỉ trắng, tay đâu phải trắng, tất cả đều phải bỏ; lấy không chứa không, chân không hiển hiện, không ấy cũng nên quên.

Mong kẻ thơ ngây vâng Di giáo gắng thọ trì; khuyên người mê muội nương an cư trừ chướng ngại.

Lại nguyện, xa-ma tịch tĩnh, đầy đủ pháp môn trần lao; đại dụng phát huy, đều nhập Lăng nghiêm chánh định.

### **BẢNG KÊ KHAI GIỚI LẠP**

Liêu Duy-na, phòng Thị giả, chúng liêu căn cứ theo Giới laps soạn bảng thông báo. Sau Ngọ ngày mười bốn, bảng thông báo của liêu Duy-na đem bày ở gian phải trước Tăng đường; bảng thông báo của phòng Thị giả đem dán gian trái của Pháp đường; bản thông báo của liêu đại chúng đem dán trong liêu. Mỗi nơi đều chuẩn bị hoa hương đèn nến cúng dường. Đại chúng ai nấy đều đến thắp hương trải toạ cụ, đánh lễ; khi lễ xong, thu hồi lại các bảng thông báo ấy.

### **TRỤ TRÌ ĐÃI THANG THUỶ ĐƠN SƠ CHO ĐẠI CHÚNG**

Việc này thực hiện vào bốn dịp lễ. Theo Thanh quy cũ, việc đãi nước được chia làm ba cấp. Cấp một gồm hai dãy, thết đãi Đông đường, Tây đường mời Thủ toạ tham dự. Cấp hai chia làm bốn dãy: dãy một Đầu thủ; dãy hai Tri sự; dãy ba căn cụ của

Tây tự; dãy bốn cần cựa của Đông tự, mời Tây đường tham dự. Cấp ba phần nhiều chia làm sáu dãy: các chức sự của bốn tự, các chức sự của các chùa khác, tùy theo chức vụ cao thấp mà sắp đặt chỗ ngồi. Nếu chức vụ tương đồng thì sắp ngồi kế nhau, mời Thủ tọa cùng tham dự. Thị ty dự bị soạn thành đồ biểu tam bộ, trình lên Trụ trì xem xong rồi quyết định. Đến ngày đã định trước, lúc xế chiều, dựa vào tên mà viết thành bản đồ chỗ ngồi. Sau đó chuẩn bị bàn lễ có phủ khăn, sắp đặt thành ba toà tại gian trái của tam đường. Thỉnh khách Thị giả đi đến các liêu Đông đường, Tây đường, Tiền đường Thủ tọa, Đô tự đánh lễ, mời như sau: “Hoà thượng Đường đầu mời Ngài chiều nay đến tam đường dự bữa đãi thang thủy”. Ngoài ra, các vị khác như Đầu thủ, Biện sự, Phương trượng của những Tùng lâm khác thì do khách đầu hành giả đi đến thỉnh mời như sau: “Phương trượng Hoà thượng xin mời Ngài trước giờ ngồi Thiền chiều nay đến tam đường dự bữa đãi thang thủy”.

Thế rồi, Khách đầu hành giả trang trí và sắp xếp vị trí chỗ ngồi tại tam đường, đốt đèn nhang xong, Khách đầu hành giả thưa với Thị giả để Thị giả trình lên Trụ trì, rồi đánh trống. Khi khách mời sơ toà vân tập, Thị giả chào hỏi, dẫn đến xá chào vấn an Trụ trì, rồi dựa theo bảng ghi chỗ ngồi mời vào vị trí ổn định. Thị giả đốt hương và Thị giả mời khách lại chia nhau đến trước từng người được mời chào hỏi rồi mời ngồi, rồi về chỗ cũ. Kế đến, hành giả đốt hương tiến tới trước đốt hương, rồi cùng với Thị giả mời khách chia nhau đến từng người vái chào, mời họ cắm hương; đoạn, chờ nghe bản đánh hai tiếng, bưng nước đến khắp mọi người, bèn đi rào quanh mời khách dùng nước. Khi khách dùng nước xong, Thị giả bước tới đốt hương rồi đánh một tiếng bản, thu lại ly tách, đánh năm tiếng trống báo hiệu kết thúc bữa tiệc nước và giải tán. Cách hành lễ cả ba cấp đều giống nhau. Tùng lâm lấy trà thang làm nghi lễ trang trọng, nhưng gần đây do tranh nhau chỗ ngồi cao thấp mà huỷ bỏ không thực hiện nữa. Trụ trì nên cố gắng thi hành, và các Tôn túc ẩn cư và bậc tôn túc lão thành cũng nên cố sức khuyến bảo. Thiết nghĩ, việc này cũng nên nêu ra đây để người sau biết thể thức.

### **Mô hình bữa đãi nước đơn giản**

Cấp 1: - chủ..... 1

- khách ... 2

Cấp 2: - chủ..... 3, 1

- khách ... 4, 2

Cấp 3: - chủ..... 3, 5, 1

- khách... 4, 6, 2

## **TỤNG NIỆM THỔ ĐỊA ĐƯỜNG VÀO BỐN NGÀY LỄ LỚN TRONG NĂM**

Phàm gặp chiều hôm trước sau giờ Ngọ trang trí đầy đủ các vật cúng dường tại nhà thổ địa như lư hương, đèn, đài ghế, lư bình. Hành giả Đường ty thông báo cho đại chúng biết, treo bảng thông báo về việc tụng kinh, đi rảo qua hành lang đánh bản (cũng giống như các ngày mồng tám, mười tám và hai mươi tám). Đại chúng vân tập, đứng hai hàng đối diện nhau như đàn nhận bay. Trụ trì trước hết đến Tổ đường, rồi vào chánh điện thắp hương đánh lễ ba lạy. Khi ấy, đánh ba tiếng bản, rồi đánh chuông lớn. Lúc Trụ trì đến, đại chúng đứng chấp tay, cúi đầu nghênh đón Trụ trì, Thị giả chỉ được vòng tay đi theo sau Trụ trì. Trụ trì đốt hương xong trở về vị trí của mình. Hành giả đánh chập choã, Duy-na bước ra khỏi hàng thắp hương, rồi bắt đầu tụng kinh, cuối cùng hồi hướng (xem ở sau).

### **Tụng niệm hồi hướng vào bốn ngày lễ trong năm:**

Thiết nghĩ:

Gió xuân lan toả khắp nơi, Viêm đế tuần du mọi chỗ  
Chính là lúc Đấng pháp vương cảm tức,  
Cũng là ngày đệ tử Phật hộ sinh  
Ngưỡng mong đại chúng, cùng đến đài thiêng  
Tụng trì hồng danh muôn đức  
Hồi hướng khắp cả tôn thân  
Cầu xin gia hộ được sống bình an  
Ngưỡng mong đại chúng niệm tụng v.v...

Thiết nghĩ:

Gió thu thổi khắp chốn, Bạch đế đang tuần du  
Chính là lúc đức Thế Tôn giải chế  
Cũng là ngày mà tuổi pháp viên thành  
Chín tuần không tai nạn, cả chúng thấy an lành  
Tụng trì vạn đức hồng danh  
Báo đáp tôn thân khắp chốn  
Ngưỡng mong đại chúng niệm tụng v.v...

Thiết nghĩ:



Thời điểm lúc cuối năm, Tiết đến hồi mây phủ.  
Chính là lúc tiết Nhất dương trở lại,  
Nhằm thời kỳ mà muôn vật nảy sinh.  
Cầu xin đại chúng, Cùng đến đài thiêng.  
Tụng trì vạn đức hồng danh,  
Hồi hướng tôn thân khắp chốn.  
Ngưỡng mong đại chúng niệm tụng v.v...

Thiết nghĩ:  
Tạo hoá âm thầm vận chuyển, Năm tháng vẫn xoay giáp vòng.  
Cả bốn mùa vui vẻ bình an,  
Tiết Tam dương khởi sinh tốt đẹp.  
Ngưỡng mong đại chúng, cùng đến đài thiêng.  
Tụng trì hồng danh muôn đức  
Hồi hướng khắp cả tôn thân  
Cầu mong đại chúng niệm tụng v.v...

Nguyện đem công đức tụng niệm từ trước đến nay hồi hướng cho sơn môn thổ địa,  
liệt vị hộ pháp Già-lam và các vị tôn thân khắp chốn.

Ngưỡng mong:

Chư thần gia bị, phát huy lợi ích lớn lao; phạm vũ hưng long, vĩnh viễn hanh thông  
tốt đẹp. Lại xin chư Tôn đức niệm Thập phương tam thế nhất thiết chư Phật v.v...  
(bốn ngày lễ trong năm đều tụng niệm giống nhau).

## **KHỐ TY ĐÃI THANG THUYẾT ĐẶC BIỆT THỦ TOẠ VÀ ĐẠI CHÚNG VÀO BỐN NGÀY LỄ LỚN TRONG NĂM**

Khi tăng chúng tụng niệm xong cùng nhau đến tăng đường cử hành lễ. Khi thọ trai  
kết thúc, Đô tự chuẩn bị soạn bảng thông báo về việc đãi thang thuyết (mẫu bảng thông  
báo xem ở sau), lệnh cho hành giả Khách đầu chuẩn bị khay lễ có phủ khăn vải, trên  
đặt lư hương và đèn, bung đến trước Thủ toạ tiền đường, đốt hương, bày toạ cụ và  
đắp tứ y rồi đánh lễ một lạy, thưa rằng: “Kính mời Thượng toạ chiều nay đến vân  
đường dùng thang thuyết cùng Thủ toạ và đại chúng. Mong Ngài từ bi quang lâm tham  
dự”, rồi trình nạp bảng thông báo cho Thủ toạ xem. Kế đến, Đô tự lệnh cho trà đầu  
của liêu mình giao bảng thông báo đó cho cung đầu đem dán gian bên trái trước tăng

đường. Người Tri khách liêu Khố ty tùy nghi đi nhắc nhở khách mời rằng: “Kính mời các Tôn túc sau khi tiệc thang thủy kết thúc, xin về trai đường dùng cơm chiều luôn.”

Đô tự bung lư hương đến Phương trượng, lễ một lạy, mời: “Kính mời Hoà thượng chiều nay đến vân đường dự tiệc thang thủy cùng Thủ toạ và đại chúng. Ngưỡng mong Hoà thượng từ bi quang lâm cho được long trọng”, rồi bảo khách đầu đi mời các vị cần cưu ở môn đường và các liêu, đồng thời đem bảng thông báo treo ở các nơi. Sau khi đi mời từng người xong, căn cứ theo mô hình đã soạn, sắp đặt chỗ ngồi của Thủ toạ đối diện với Trụ trì, còn chỗ ngồi của đại chúng ở hai dãy bàn hai bên, đồng thời sai hành giả ứng trực để tiếp đón. Sau khi chấm dứt tụng kinh, Hành giả đánh một hồi trống báo hiệu việc dùng cơm chiều, đại chúng ai nấy đều tề tựu vào chỗ thọ trai, các đầu thủ nhất loạt vào dãy bàn đầu. Đô tự cùng đi vào vái chào Thủ toạ, Thủ toạ đứng dậy vái chào lại. Kế đến, đầu thủ tiến lên đưa Thủ toạ về lại vị trí của ngài, rồi từ bên phải nhà Tổ ra ngoài nghênh đón Trụ trì vào vân đường. Bấy giờ, cung đầu đánh chầm chậm bảy tiếng chuông trước vân đường, tiễn Trụ trì vào vị trí của ngài, rồi đến trước Thủ toạ vái chào mời Thủ toạ ngồi. Thế rồi, bắt đầu từ đó đi tuần hành các gian hai bên phải trái vân đường một vòng, đoạn trở vô giữa vân đường vái chào mời đại chúng an toạ, lại tới trước bàn thờ đốt hương, và đốt hương ở các dãy hai bên, đem hộp hương cất lại chỗ cũ. Khi ấy, thị giả lại đến vái chào các vị khách mời, rồi quay sang bên phải vái chào Trụ trì cùng vái chào đại chúng khắp một vòng cả trong và ngoài pháp đường, rồi trở vô giữa pháp đường đứng bên cạnh Trụ trì. Giờ đây, thị giả đánh hai tiếng chuông trước vân đường, trước hết người hầu trà đi rót thang thủy cho các khách mời cùng Trụ trì, rồi rót khắp đại chúng. Đô tự đứng lên vái chào các thực khách rồi đến trước bàn tổ đánh lễ ba lạy, đi tuần rào trong ngoài vân đường một vòng; khi đi tuần xong, Đô tự bèn dẫn tất cả mọi người đến trước Trụ trì trải toạ cụ đánh lễ, trước hết thưa rằng: “Hôm nay chùa có tổ chức một bữa tiệc nước đạm bạc, Hoà thượng đã rủ lòng từ bi quang lâm tham dự cho tăng phần trang trọng, khiến cho mọi người vô cùng cảm kích” lại dập toạ cụ lạy một lạy, thưa tiếp: “Bữa nay gặp ngày lành tháng tốt, kính chúc Đường đầu Hoà thượng pháp thể khang an, miên trường phúc thọ”. Cuối cùng mọi người đánh lễ Hoà thượng ba lạy rồi thoái lui qua ngả sau bàn tổ, lại quay sang trước vân đường đứng sắp hàng. Lúc này, Thủ toạ bước ra đứng đối diện với Đô tự lạy một lạy cảm tạ về việc đã mời mình dự bữa tiệc thang thủy rồi từ gian bên phải trở vào ngồi vị trí của mình. Bấy giờ Đô tự lại đến trước bàn thờ thắp hương (báo hiệu sắp đến giờ thọ

tra buổi chiều) để kết thúc bữa tiệc. Tiếp theo, mọi người đi đến trai đường, Thị giả Duy-na tuyên bố: “Kính xin đại chúng dọn bát ra”. Hành giả đến hầu Trụ trì và các thực khách tại bàn ăn. Lúc này đại chúng đều mở bát ra (nhưng đầu thủ thì không mở, nên Khố ty phải chuẩn bị chén bát khác để dọn thức ăn). Khi buổi thọ trai chấm dứt, Thị giả đánh ba tiếng trống, mọi người rời khỏi bàn ăn. Bảy giờ Hoà thượng Trụ trì soạn bảng thông báo yêu cầu mọi người không đến Phương trượng làm lễ như sau: “Vào ngày lễ hôm khác, xin mọi người hãy vân tập tại pháp đường đông đủ để hành lễ mà khỏi đến Phương trượng, kính xin đại chúng lưu ý. Người ở núi này (Trụ trì) là mỗ xin thông báo”, rồi sai hành giả đem dán bên phải tầng đường. Chiều hôm ấy không đánh chuông báo hiệu nghỉ việc tham thiền (vì mọi người đều bận tham dự buổi tiệc thang thủy do Khố ty thiết đãi). Các khách mời ở xa theo thông báo của Trụ trì (không đến phương trượng lễ tạ), mà đi bái kiến tập thể những nơi cần bái kiến. Cả bốn ngày lễ lớn trong năm đều tổ chức giống nhau, chỉ khác là ngày lễ mùa đông, sau khi dùng thang thủy xong, ăn trái cây, rồi mới dùng bữa chiều.

### **Bảng thông báo mời thiết đãi thang thủy:**

Chiều hôm nay Khố ty có tổ chức bữa tiệc thang thủy thô sơ tại tâm đường, kính mời Thủ tọa cùng đại chúng đến tham dự cho đúng với nghi thức buổi lễ. Ngưỡng mong đại chúng từ bi, cùng quang lâm tham dự.

Hôm nay là ngày ... tháng ...

Khố ty Tỷ-kheo mỗ kính bạch.

### **NGHI THỨC LỄ KẾT HẠ AN CƯ**

Vào lúc canh năm ngày đã định trước, Lương tự, các cần cụ lớn nhỏ, giang hồ, biện sự, hương khúc, pháp quyền, tiểu sư đều phải đến liêu Phương trượng thắp hương đánh lễ. Nhưng nếu thấy trước tầng đường có treo bảng thông báo miễn việc đánh lễ thì khỏi đến. Khi ấy, thị giả thưa với Phương trượng lệnh cho hành giả thông báo với đại chúng, và treo bảng thông báo về việc thượng đường. Khi dùng cháo sáng xong, Trụ trì thuyết pháp cho đại chúng kết thúc, liền trình bày tường tận nghi lễ từ đầu đến cuối như sau: “Các hạ tọa trước hết đánh lễ nhân sự Tây đường một lạy, kế đến đánh lễ nhân sự Tri sự ba lạy, tiếp theo, đánh lễ Thủ tọa đại chúng ba lạy. Thế rồi, trước hết Tri sự trở về Khố ty, Thủ tọa hướng dẫn đại chúng đến Khố ty đánh lễ các chức sự Khố ty ba lạy, rồi Thủ tọa trở về gian trên tầng đường an vị. Hậu đường

hướng dẫn đại chúng trở về gian dưới của tầng đường đánh lễ nhân sự của Thủ tọa ba lạy, rồi đứng theo vị trí của mô hình tụng niệm. Thủ tọa hướng dẫn tăng chúng đi tuần hành rồi đứng vào vị trí của mình tại tầng đường. Tiếp đến, Thủ tọa rời vị trí đến bàn Tổ thắp hương đánh lễ ba lạy, đi tuần hành một vòng, rồi trở về vị trí của mình. Bấy giờ, hành giả tuyên bố: “Thủ tọa lễ tạ đại chúng ba lạy”. Tiếp theo, Tri sự vào tầng đường thắp hương, đánh lễ ba lạy, đi tuần hành một vòng, rồi đến đứng vào đầu bản tại bàn Tổ. Khi ấy, hành giả lại tuyên bố: “Tri sự đánh lễ đại chúng, đại chúng đáp lại ba lạy, Tri sự đứng nguyên tại chỗ”. Khi ấy, Trụ trì đi vào tầng đường thắp hương, đánh lễ ba lạy, tuần hành một vòng, rồi đứng vào vị trí của mình. Hành giả lại hô lớn: “Đường đầu Hòa thượng cùng với đại chúng đồng loạt đánh lễ ba lạy”, lại nói tiếp: “Đại chúng phổ đồng đánh lễ ba lạy, rồi theo thứ tự đi tuần hành qua các liêu”. Bấy giờ các hành giả hạ tọa liền đem lư hương, đài ghế lư bình đến đặt trên bàn, rồi đứng xếp hàng thành chữ nhất. Khi họ sắp hàng xong, Tây đường tiến lên sắp xếp công việc cho mọi người. Tiếp theo, Tri sự tiến đến thắp hương, trước hết trải tọa cụ quì bạch rằng: “Lúc bắt đầu an cư nhận được cái thứ khăn, bình; ngưỡng cầu pháp lực hộ trì, không gặp những việc khó khăn”, lại bạch tiếp: “Hôm nay vào dịp mạnh hạ, gặp thời điểm tốt lành, ngưỡng mong Hòa thượng Đường đầu pháp thể Khang an, phúc đức tăng trưởng”. Bạch xong, lùi lại lạy ba lạy, và Trụ trì đáp lại một lạy. Kế đến, Thủ tọa hướng dẫn tăng chúng vào thắp hương, Cần cụ các liêu đi theo sau lần lượt thắp hương, còn việc đánh lễ và tác bạch thì giống như Tri sự đã làm ở trước. Sau khi đại chúng đã rời khỏi tầng đường, Trụ trì vào pháp tòa ngồi, Thị giả, tiểu sư đến trước Trụ trì thắp hương, đánh lễ; kế đến, tham đầu hướng dẫn các hành giả đến thắp hương đánh lễ; tiếp theo người điều khiển các nhân viên tập sự hướng dẫn những người già cả, người coi sóc các phòng, phu khiêng kiệu và các người giúp việc đến tham bái. Bấy giờ Thủ tọa suất lãnh tăng chúng đến Khố ty đánh lễ ba lạy. Hậu đường Thủ tọa hướng dẫn chúng trở về lại gian dưới trước tầng đường đứng vào vị trí, và Thủ tọa Tiền đường đứng ở gian trên. Lúc ấy, hành giả của Đường ty tuyên bố: “Đại chúng cùng với Thủ tọa nhân sự đứng đối diện đánh lễ nhau ba lạy, rồi y theo đồ biểu tụng niệm mà đứng”. Thế rồi, Thủ tọa suất lãnh tăng chúng đi tuần hành, rồi trở vô pháp đường đứng vào vị trí của mình. Thị giả và những người mới đến tạm trú tại chùa đi tuần nửa vòng, rồi các thị giả ra đứng phía sau bàn Tổ, và những người tạm trú theo cách thức thị giả mà đứng. Khi ấy, Thủ tọa rời vị trí đến trước bàn Tổ thắp hương, đánh lễ ba lạy, đi tuần hành một vòng rồi trở về vị trí, nói lớn: “Thủ tọa xin lễ tạ đại chúng”, và đánh lễ đại chúng ba lạy. Khi Thủ tọa lễ xong, Tri sự bước vào đốt hương, đánh lễ, đi tuần hành, rồi đến đứng

vào vị trí đầu bàn tại bàn Tổ, nói: “Tri sự xin lễ tạ đại chúng”, rồi đánh lễ đại chúng ba lạy. Lạy xong, vẫn đứng nguyên tại chỗ. Tiếp theo, Trụ trì vào tầng đường đốt hương, đánh lễ, đi tuần hành, rồi đứng vào vị trí của mình (lúc này các tiểu sư đệ tử của Trụ trì tất cả đều phải lánh ra ngoài bằng lối cửa sau, chờ cho lễ xong, trở lại vị trí của mình uống trà). Lúc này, hành giả tuyên bố: “Hòa thượng đường đầu cùng đại chúng đánh lễ nhau ba lạy.” Lễ xong, lại nói: “Tất cả đại chúng cùng đánh lễ nhau ba lạy” (Thanh quy cũ chép rằng: nếu Tri sự rời khỏi tầng đường, Trụ trì mới vào, thì khi Tri sự đánh lễ Trụ trì không thể trả lễ. Mà nguyên tắc lễ nghi thì không thể không đáp lễ. Thời gian gần đây, Hòa thượng Hy Tâu và Hòa thượng Nhất Sơn đều hành lễ như đã nêu trên, và các bậc thức giả đều cho đó là đúng). Lúc này, Tri sự rời khỏi tầng đường, thị giả, các người tạm trú cũng theo chân Tri sự ra khỏi tầng đường. Thế rồi, đại chúng vân tập trở lại tại tầng đường, vào ngôi vị trí của mình. Thị giả bèn vào giữa tầng đường, vái chào mời mọi người ngồi, rồi đến các lư hương trong và ngoài tầng đường thắp hương, thắp xong, đem hộp hương cất lại chỗ cũ. Thế rồi bước vào giữa tầng đường vái chào mọi người, đồng thời ra các gian hai bên chào hỏi tất cả. Chào hỏi xong, trở vô đứng giữa tầng đường. Bảy giờ, Thị giả đánh hai tiếng chuông, những người hầu trà bung trà đến khắp mọi chỗ, rồi đem bình trà ra ngoài, lại trở vô vái chào mọi người như trước, rồi đứng vào giữa tầng đường. Lúc này hành giả đánh một tiếng chuông báo hiệu việc thu dọn các ly tách, rồi đánh tiếp ba tiếng báo hiệu tiệc trà kết thúc, đại chúng ai nấy rời khỏi tầng đường. Lúc này Trụ trì lần lượt đi tuần tra các liêu. Các liêu phải nghiêm chỉnh thiết lập bàn hương, ghé ngồi trước cửa phòng để nghinh đón Trụ trì. Trụ trì bắt đầu từ liêu thứ nhất ở dãy nhà phía đông tuần hành qua các liêu. Mỗi khi Trụ trì đến trước bàn hương của liêu phòng nào thì liêu chủ cùng tăng chúng liêu ấy thắp hương chúc tụng: “Hôm nay nhân ngày lễ, đáng lẽ chúng con phải đánh lễ Hòa thượng, trái lại, Hòa thượng đã ban cho ân huệ, thân hành đến thăm”, rồi cắm hương nói tiếp: “Vừa rồi đã phiền Hòa thượng ghé thăm, chúng con xin hết lòng cảm tạ”, đoạn tiễn đưa Trụ trì đi vài bước. Thế rồi, liêu chủ lại trở về đứng bên phải bàn hương, chấp tay vái chào khi đại chúng đi qua. Đợi cho đại chúng qua hết, liêu chủ liền đi theo sau cùng, lần lượt tuần hành. Những người ở các liêu khác nối đuôi theo sau tiên vào pháp đường. Lúc ấy, Trụ trì đến đứng vào trước bàn hương, đại chúng cứ từng nhóm ba người đến vái chào Trụ trì, rồi tuần tự kinh hành về lại liêu mình, theo thứ tự đứng chấp tay trước bàn hương. Khi mọi người đã tuần hành giáp vòng thì giải tán. Bốn ngày lễ trong năm đều thực hiện giống nhau.

## THUYẾT PHÁP CHO ĐẠI CHÚNG VÀO BỐN NGÀY LỄ LỚN TRONG NĂM

Khi tiểu tham Trụ trì nói với đại chúng như sau: “Sáng mai, sau khi kết thúc bữa thọ trai, cảm phiền Đô tự, Duy-na và Thị giả mang bài hiệu về việc bình phát đến các liêu Thủ tọa bái thỉnh rằng: “Kính thỉnh Thủ tọa chiều mai lên tòa thuyết pháp cho đại chúng”. Đến ngày hôm ấy, sau khi thọ trai xong, Thị giả thiêu hương lệnh cho hành giả khách đầu mang tích trượng, bài phát, có cả người bung theo khay lễ có trải khăn đặt lư hương và đèn, hẹn với Đô tự, Duy-na cùng đến các liêu Đầu thủ, đốt hương đánh lễ một lạy, bảm bạch rằng: “Hòa thượng Trụ trì có từ chỉ dạy chúng con đem bài phát đặc biệt tới đây cung thỉnh Tôn đức chiều nay lên tòa thuyết pháp cho đại chúng”.

Sau khi đã đi mời từng người xong, Thủ tọa hẹn với các Đầu thủ đã được mời dẫn theo hành giả cầm bài phát và tích trượng đến liêu Phương trượng bảm bạch từ chối về việc mình đã được mời. Khi ấy, Trụ trì phải hết sức khuyên bảo những vị ấy cố gắng nhận lời, rồi tiễn đưa họ rời khỏi phòng. Thế nhưng, Thủ tọa liền quay lại bảm bạch với Trụ trì rằng: “Mệnh lệnh của Tôn đức nghiêm minh khiến con không thể từ chối. Vậy, xin mượn pháp tòa để hoàng pháp, ngưỡng mong Tôn đức từ bi chiếu cố. Nhưng việc bình phát xưa nay đa phần đều thiết lập một pháp tòa riêng, nay xin theo lệ ấy để người sau được biết”. Nói dứt lời, Thủ tọa quay sang chỗ Thị giả thiêu hương, mượn trống pháp đánh lên. Người có bốn phận bình phát liền lệnh trà đầu hành giả mời Thị giả bàn Tổ làm thiền khách tham vấn, rồi thân hành đến bàn Tổ thấp hương dâng trà. Dâng trà xong, quay sang nói với Thị giả: “Chiều nay có buổi bình phát, xin phiền Thị giả đốt hương làm thiền khách để thưa hỏi”, rồi lệnh cho hành giả treo thông báo bình phát trước tăng đường. Sau đó, Hòa thượng Trụ trì mời người bình phát dùng cơm chiều, và miễn việc đưa đón qua lại. Thế rồi hành giả của Đường ty bài trí pháp tòa tại tăng đường, bên trái dựng bình phong, và thiết lập vị trí của Trụ trì. Đến lúc chuông chiều đánh, hành giả thưa với người bình phát, rồi bảm bạch với Trụ trì, đánh một hồi trống tập hợp đại chúng (giống như lễ tiểu tham). Trụ trì rời khỏi liêu đến pháp đường đứng vào vị trí của mình. Đô tự, Duy-na và Thị giả cùng đến trước người bình phát vái chào vấn an. Thế rồi, người bình phát đến chào hỏi vấn an Trụ trì, kế đến chào hỏi vấn an các Tri sự từ đầu đến cuối, tiếp theo chào hỏi vấn an các vị đồng hàng cũng từ đầu đến cuối, rồi dơ tay lên chào toàn thể đại chúng, đoạn lên pháp tòa ngồi. Khi ấy Thị giả bình phát và Thị giả phương trượng

bước đến trước pháp tòa vái chào, tiếp theo Lương tự Tây đường tuần tự vái chào, Trụ trì vái chào. Nhưng khi Trụ trì đến vái chào thì người bình phát phải đứng dậy thể hiện sự cung kính rồi nói với Thị giả: “Thị giả hãy mời Hòa thượng đường đầu an tọa”, và Thị giả liền đến trước Trụ trì vái chào vãn an, rồi quay sang pháp tòa thấp hương, lại dơ tọa cụ lên đập xuống trí ý vãn an, rồi vòng tay đứng bên cạnh pháp tòa. Khi ấy người bình phát nói sơ qua ý nghĩa cuộc pháp đàm, rồi nói vãn tất đôi lời cảm tạ Phương trượng, Lương tự căn cứ các liêu và đại chúng. Nói xong nêu lên công án tiểu tham của Phương trượng, hoặc niêm (nêu ra câu hỏi), hoặc tụng (lập lại một công án cũ), cứ thế diễn tiến cho đến khi kết thúc thì rời pháp tòa đến vái chào Trụ trì, rồi trở về chỗ của mình. Kế đến người bình phát khác lại lên pháp tòa tiếp tục công việc theo nghi lễ giống như người trước. Khi cuộc pháp đàm chấm dứt, vị khách đầu của liêu Phương trượng tuyên bố: “Kính mời chư tôn đức dùng trái cây và nước giải khát”. Buổi lễ bình phát cũng như buổi lễ tiểu tham,

(Sau khi xong việc) những người được mời đảm trách công việc bình phát phải mang theo hương đến liêu Phương trượng cảm tạ Trụ trì (đã tín nhiệm mời mình chủ trì cuộc pháp đàm), rồi về chỗ ngồi dùng trái cây và nước giải khát. Ngày hôm sau, Phương trượng mời trà các vị bình phát. Nếu như Đô tự mời thọ trai thì phải mời đãi trà luôn, và buổi trai phạn ấy, tổ chức vào lúc nửa buổi sáng. Và những người được mời tham dự chọn một ngày nào đó đến Pháp đường theo thứ lớp cảm tạ về sự khoản đãi ấy. Nếu như dự định đêm sau tổ chức một buổi bình phát nữa thì mời lập bang Tây đường đảm trách việc ấy. Vào dịp tiểu tham, Trụ trì nên tâm sự cởi mở khích lệ đại chúng, rồi tùy nghi nêu công án hoặc niêm hoặc tụng để hỗ trợ nhau tiến tu đạo nghiệp. Thế nhưng, thời gian gần đây, nghi thức này trở thành hình thức rườm rà nhiều kê, khiến người nghe thêm chán nản, làm trò cười cho giới tri thức. Vì lẽ, việc bình phát là dịp pháp thí, chỉ nên theo thời thế, nghi thức, nêu đề mục tổng quát, hoặc nói vãn tất đôi điều là đủ rồi.

## **PHƯƠNG TRƯỢNG ĐÃI TRÀ CHO THỦ TOẠ VÀ ĐẠI CHÚNG VÀO DỊP BỐN NGÀY LỄ LỚN TRONG NĂM**

Đến ngày đã ấn định, sau khi dùng cháo xong, Thị giả thỉnh khách viết bảng thông báo về việc đãi trà (xem ở sau), chuẩn bị khay lễ có tú khăn trên đặt lư hương, đèn cây, đến liêu Thủ tọa thấp hương, đánh lễ thỉnh mời: “Sáng nay, sau khi thọ trai xong, Hòa thượng đường đầu đến vân đường đãi trà, trân trọng kính mời Thủ tọa quang lâm tham dự bữa tiệc trà đặc biệt này”, rồi đệ trình bảng thông báo cho Thủ

toạ xem, sau đó đem dán gian bên phải trước Tăng đường. Kế đến, khách đầu hành giả tuần tự đi mời đầu thủ các liêu và các Tri sự cùng đến tham dự, rồi đem treo bảng danh sách mời uống trà tại Tăng đường. Thế rồi, hành giả đánh một hồi bản dài, Thị giả thỉnh khách đi vào thắp một nén hương trước nhà Tổ, đánh lễ ba lạy, đi tuần hành một vòng tại Tăng đường, rồi bước vào giữa phòng vái chào mọi người và thối lui. Đó gọi là tuần đường mời uống trà. Kế đến, căn cứ theo Giới lạp sắp đặt chỗ ngồi cho các khách mời: Thủ tọa ngồi đối diện với Trụ trì; vị Tri sự thượng thủ ngồi kế bên cạnh Trụ trì; Duy-na ngồi tiếp theo, rồi các Tri sự khác và các khách mời ngồi tiếp theo sau nữa. Bấy giờ, Hành giả đánh một hồi trống, Tăng chúng vân tập, Thị giả thiêu hương tiến hành các nghi thức (giống như nghi lễ Khố ty đãi thang thủy cho đại chúng). Khi lễ kết thúc, Thủ tọa đến cảm ơn Trụ trì đã mời mình uống trà, lạy ba lạy thưa rằng: “Hôm nay con rất vinh hạnh được Hòa thượng đãi trà, khiến cho lòng con vô cùng cảm kích”, lại thưa tiếp: “Hôm nay gặp ngày lành tháng tốt, kính chúc Đường đầu Hoà thượng pháp thể khang an, phúc tuệ tăng trưởng”, rồi đánh lễ ba lạy kết thúc. Cứ mỗi lần Thủ tọa chuẩn bị đánh lễ thì Trụ trì ra dấu hiệu đừng đánh lễ, nhưng Thủ tọa vẫn đánh lễ, thì Trụ trì đáp lại một bái. Thế rồi, Thủ tọa xoay mình lại đi ra cửa sau bàn Tổ phía bên phải. Trụ trì tiễn đưa Thủ tọa vài bước rồi trở lại vị trí của mình. Thị giả bước tới thắp hương cảm tạ khách mời. Bấy giờ hành giả đánh một tiếng chuông, các người hầu trà thu lại ly tách, rồi đánh một tiếng trống giải tán tiệc trà (diễn tiến giống như các trường hợp trước). Sau đó, Thủ tọa đến pháp đường đánh lễ cảm tạ Trụ trì, nhưng nếu Trụ trì miễn lễ thì chỉ vái chào vẫn an mà thôi.

### **Hình thức thiệp mời:**

Sáng nay, sau giờ thọ trai, Hoà thượng đường đầu đến vân đường thiết đãi tiệc trà cho toàn thể thủ tọa và đại chúng. Trân trọng kính mời Thủ tọa bỏ chút thì giờ quang lâm tham dự cho đúng với lễ nghi. Đồng thời kính mời các vị Tri sự cùng quang lâm tham dự cho thêm phần long trọng.

Hôm nay ngày ... tháng ...

Thị ty là mỗ giáp kính mời.

**KHỐ TY ĐÃI TRÀ CHO THỦ TOẠ VÀ ĐẠI CHÚNG VÀO BỐN NGÀY LỄ  
LỚN TRONG NĂM**



Vào ngày thứ hai sau ngày lễ chính, khi kết thúc bữa cháo sáng, Khố ty soạn bảng thông báo về việc mời dùng trà (giống như bảng thông báo mời uống thang thủy), rồi đi mời ẩm khách, thông báo với đại chúng và treo thiệp mời dùng trà. Hành giả đánh một hồi bản dài, đại chúng vân tập vào Tăng đường, mời uống trà, v.v... các việc này giống như công việc của Thị giả đã nói ở trước. Sau bữa thọ trai chấm dứt, hành giả đem trưng bày thiệp mời, thiết lập vị trí, đánh một hồi trống tập họp đại chúng. Khố ty vái chào mời Tăng chúng ngồi, vái chào mời thấp hương, vái chào mời dùng trà, đi tuần hành vấn an, rồi đến Trụ trì đánh lễ, bày tỏ lời cảm tạ một cách chí thành. Các việc này giống như lễ đãi thang thủy đã nói ở trước.

### **TIỀN ĐƯỜNG ĐÃI NƯỚC TRÀ CHO HẬU ĐƯỜNG VÀ ĐẠI CHÚNG VÀO BỐN NGÀY LỄ LỚN TRONG NĂM**

Ngày thứ ba sau ngày lễ chính, Thủ tọa tiền đường soạn thiệp mời uống trà (xem ở sau), đi đến liêu Thủ tọa hậu đường, liêu phương trượng thỉnh mời dùng trà (về thứ lớp các nghi thức được tiến hành giống như việc đãi trà của Khố ty, chỉ khác là phải thiết lập thêm vị trí của Tri sự).

#### **Mẫu thiệp mời uống trà:**

Thủ tọa tiền đường là Tỳ-kheo mỗ giáp theo thông lệ có tổ chức một bữa tiệc trà đơn giản, trân trọng kính mời Thủ tọa hậu đường và đại chúng sau giờ thọ trai sáng nay hoan hỷ đến vân đường dùng trà; đồng thời mời các Tri sự cùng đến tham dự cho thêm phần long trọng.

Nay ngày ...tháng ...có ghi vị trí rõ ràng tại thiệp mời.  
Tỳ-kheo mỗ kính mời.

#### **Mẫu bì thư:**

Kính mời Thủ tọa hậu đường và đại chúng (có ghi rõ chỗ ngồi).  
Trân trọng (dán kín bì thư).

### **ĐÃI TRÀ VÀO DỊP TUẦN ĐƯỜNG NGÀY MÔNG MỘT VÀ RẪM**

Trụ trì lên pháp đường thuyết pháp xong, thông báo rằng: “Sau khi hạ tòa sẽ tuần đường và uống trà”. Thế rồi, đại chúng vân tập vào Tăng đường đứng theo mô hình tụng kinh hằng ngày, rồi tuần tự đi tuần hành một vòng tại Tăng đường. Những người

mới đến và Thị giả đi theo sau đại chúng tuần hành đến bàn Tổ. Tới đây, người mới đến và Thị giả hướng về bàn Tổ đứng sắp hai hàng đối diện nhau. Khi đại chúng tuần hành giáp vòng rồi đứng vào chỗ ổn định, thì chuông trước tăng đường được đánh lên bảy tiếng, Trụ trì đi vào, đốt hương, đi tuần hành một vòng, rồi trở về vị trí của mình. Khi ấy, các Tri sự bước đến sắp hàng trước bàn Tổ vái chào chư Tổ, rồi quay sang chào hỏi vãn an Trụ trì, đoạn bắt đầu từ dãy hàng Thủ tọa đi tuần nhiều một vòng. Những người mới đến và Thị giả theo sau các Tri sự ra ngoài. Bây giờ, Thị giả thiêu hương bước ra giữa Tăng đường vái chào mời mọi người an tọa; đợi khi đại chúng ngồi ổn định, thì bước đến trước đốt hương, rồi đốt hương các gian hai bên Tăng đường. Trước hết, đốt hương gian bên trái, kế đến đốt hương gian bên phải, rồi đem cất hộp hương lại chỗ cũ, lại đến trước lư hương vái chào mời từng người cắm hương. Khi mời cắm hương xong, Thị giả thiêu hương trở về vị trí của mình. Lúc này, hành giả đánh hai tiếng chuông, những người hầu trà đem bình trà đi rót khắp mọi người, vái chào mời uống trà, rồi rút lui. Tiếp theo, hành giả đánh một tiếng chuông thì thị giả thu dọn ly tách, rồi đánh tiếp ba tiếng, Trụ trì rời khỏi Tăng đường, kế đến Thủ tọa cùng đại chúng tuần tự bước ra. Nếu như có duyên sự cấp bách nên Trụ trì không thể đến tham dự được, thì sau khi dùng cháo sáng xong, Tăng chúng cứ vãn tập về Tăng đường uống trà như thường lệ, còn việc Thị giả hành lễ thì cũng giống các lễ trước.

### **PHƯƠNG TRƯỞNG ĐÃI TRÀ CHO CÁC HÀNH ĐƯỜNG**

Vào dịp tiết lập, sau khi kết thúc việc đãi trà tại Tăng đường, Thị giả cùng với khách đầu đi đến hành đường uống trà. Khách đầu chuẩn bị thông báo với tham đầu, treo bảng thông báo về việc đãi trà cho đại chúng biết; đồng thời chuẩn bị nấu nước nóng, soạn ly tách và mời Diễn tọa cùng tham dự. Phòng Phương trượng chuẩn bị cung cấp trà. Thị giả thân hành đến Khố ty, Diễn tọa tiếp đón mời vào phòng, Tham đầu đường chủ suất lãnh các hành giả ra ngoài cửa đón tiếp. Khi Thị giả vào phòng, đứng ở vị trí chính, vì là thay mặt Trụ trì, còn Diễn tọa thì đứng bên phải Thị giả. Thế rồi, Thị giả đến trước bàn đốt một nén hương, chấp tay vái chào mời mọi người ngồi, đoạn trở về vị trí của mình. Sau khi dùng trà xong, Diễn tọa tiễn đưa thị giả rời khỏi phòng, còn Tham đầu đường chủ thì đưa ra khỏi cửa, liền đến phòng Phương trượng cảm ơn Trụ trì về việc đãi trà vừa rồi.

### **ĐẦU THỦ KHỐ TY ĐÃI TRÀ CHO CÁC HÀNH ĐƯỜNG**

Khố ty chờ Phương trượng đãi trà xong, Tri sự mới đến hành đường đãi trà. Tri sự ngồi ở vị trí chủ tọa, Điền tọa ngồi bên cạnh, (còn cách hành lễ thì giống như Thị giả Phương trượng đã làm ở các phần trước). Khi tiễn khách mời ra tới cửa, Thị giả thông báo rằng: “Tham đầu đại chúng đến Khố ty cảm tạ về việc đãi trà”. Thế rồi khách đầu của Khố ty cũng thông báo: “Tri sự có lời dạy rằng, Miễn việc cảm tạ về sự đãi trà”. Đầu thủ chờ việc đãi trà tại Tăng đường xong (xem chương Lương tự), lệnh cho hành giả Đường ty báo với tham đầu, treo bảng thông báo để cho đại chúng biết, rồi mời Điền tọa cùng đến tham dự (các nghi thức như cảm tạ, miễn sự cảm tạ, tiễn khách mời ra cửa đều giống như việc Khố ty đãi trà).

## **CÁC NGÀY LỄ TRONG THÁNG CẦN PHẢI BIẾT**

Tháng giêng: Ngày mồng một (có nơi áp dụng cả bốn tháng đầu mùa trong năm), đại chúng hành đạo, tụng kinh, cầu nguyện. Chương trình phải soạn đầy đủ, niêm yết tại cửa. Và các quan viên, đàn việt, các chùa lân cận đến Phương trượng mừng tuổi năm mới. Ngày mười bảy giỗ kỵ Tổ Bách Trượng.

Tháng hai: Ngày mồng một đem cát lò sưởi tại tăng đường. Nếu chùa ở trên cao lạnh lẽo thì không nhất thiết phải cát. Ngày mười lăm kỷ niệm Phật nhập Niết-bàn.

Tháng ba: Ngày mồng một, Đường ty soạn thảo đơn. Vào ngày tiết thanh minh, Khố ty sai hành giả quét dọn sạch sẽ, chuẩn bị đầy đủ các phẩm vật cúng dường tại nhà Tổ, các tháp Tổ, các bàn thờ linh của Đàn việt, rồi tập hợp đại chúng lên chánh điện tụng kinh; cũng trong tháng này ra thông báo cấm việc hái trà và bẻ măng trong rừng.

Tháng tư: Ngày mồng một chấm dứt việc cho du Tăng tạm trú lại trong chùa. Ngày mồng bốn, mồng năm thắp hương, thuyết pháp. Ngày mồng tám làm lễ Phật đàn, có lễ tắm Phật. Khố ty chuẩn bị sắm sửa cơm đen để cúng dường trong dịp lễ tắm Phật này, còn Phương trượng thì mời đại chúng dùng điểm tâm trước khi nhập Hạ. Ngày mười ba cử hành lễ hội Lăng nghiêm. Ngày rằm làm lễ kết chế an cư. Lúc này, nên tháo chiếc rèm che nóng mà căng chiếc rèm che lạnh trong Tăng đường. Sắc tu Bách Trượng thanh qui 366

Tháng năm: Sáng sớm tết Đoan ngo, vị Tri sự thắp hương, châm trà xương bồ trong Tăng đường. Trụ trì thượng đường lần lượt khai hội mừng mùa lúa non. Đường ty soạn danh sách chư Tăng tụng kinh của các liêu. Trục tuế kiểm tra, sửa chữa các chỗ bị dột nát, khai thông cống rãnh. Phương trượng thân hành đến các liêu, các am tháp,

mỗi nơi mời dùng trà thân mật một lần; đồng thời lệnh cho hành giả treo màn trong Tầng đường.

Tháng sáu: Ngày mồng một thời tiết đã khá nóng, nên Thủ tọa không đánh bản tọa thiền; còn Đường ty điều động chúng hong phơi mền chiếu; Thán đầu hoặc Khố ty lo việc đập nhỏ các khối than.

Tháng bảy: Trong tuần đầu, Đường ty chuẩn bị chương trình lễ hội Vu-lan bồn, lập danh sách tụng kinh của các liêu, kêu gọi Tăng chúng quyên góp tài vật, sửa soạn thức ăn để cúng dường. Ngày mười ba kết thúc lễ hội Lăng nghiêm. Ngày rằm làm lễ giải ché, và buổi chiều thiết lễ Vu-lan bồn, tụng kinh cúng thí thực.

Tháng tám: Ngày mồng một bắt đầu cho phép du Tăng đến tạm trú, Tri khách chuẩn bị phơi mền chiếu trong các liêu. Tháng này may vá áo cũ, chưa vội cho phép Tăng chúng di chuyển đến nơi khác; tháo màn treo ở Tầng đường.

Tháng chín: Ngày mồng một, Thủ tọa đánh bản ngòi thiền trở lại; Đường ty lo việc dán giấy lại các cửa sổ của Tầng đường, hạ rèm che mát, căng rèm che ấm. Sáng sớm ngày tiết Trùng dương (mồng chín tháng Quyển 7 367 chín). Tri sự thắp hương, dâng trà thù du; Trụ trì thượng đường, cho phép du tăng đến tham kiến.

Tháng mười: Ngày mồng một bắt đầu đem lò sưởi ra dùng, Phương trượng thăm hỏi hết thầy mọi người. Ngày mồng năm giỗ kỵ Tổ Đạt-ma.

Tháng mười một: Ngày hai mươi hai giỗ Thầy của Vua (Đế sư). Ngày tiết Đông chí, Khố ty chuẩn bị các thứ bánh trái; vì trong tháng này các chức sự hoặc thôi việc, hoặc được đề cử, và nhân dịp này Phương trượng sẽ mời đại chúng dùng điểm tâm trước mùa Đông.

Tháng mười hai: Ngày mồng tám lễ Phật thành đạo, Khố ty chuẩn bị tạo hồng tao và đệ trình sổ sách tổng kết cuối năm cho Phương trượng.

**Chương Tiết lập hết.**

**Sắc tu Bách Trượng thanh qui quyển 7 hết**

[ĐẦU TRANG](#) [Q1](#) [Q2](#) [Q3](#) [Q4](#) [Q5](#) [Q6](#) [Q7](#) [Q8](#) [CHÚ THÍCH](#)

## **SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUI**

**TRỤ TRÌ CHÙA THIÊN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH LÀ TẶNG BÈ TÔ I ĐỨC HUY PHỤNG  
SẮC CHỈ BIÊN SOẠN LẠI, TRỤ TRÌ CHÙA ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP KHÁNH LÀ  
TẶNG BÈ TÔ I ĐẠI HÂN PHỤNG SẮC CHỈ HIỆU CHÍNH**

**Viết Dịch: HT.Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng**

### **QUYỂN 8**

#### **CHƯƠNG 9 – PHÁP KHÍ**

Đời thượng cổ có cảm hóa mà không có giáo huấn. Nhưng vì cảm hóa không đủ nên phải tạo ra lễ nhạc. Ca bằng kích nhường không bằng tấu khúc cửu thành; dùng chén oa tôn không bằng sử dụng ngũ tề. Văn hoa phát sinh từ thực chất, nên cái quý giá là bản chất vậy. Bậc thánh nhân của ta người Thiên Trúc, ban đầu dạy dỗ giáo hóa chúng sinh cho rằng mọi người đều có diệu giác, không ai phàm, ai thánh; muôn vật đều thuần chân, há có cái gì dơ, cái gì sạch. Không cần nhờ đến sự tu chứng, chẳng liên quan gì đến việc dụng công. Nhưng mà những kẻ mê muội, lù mù ngớ ngẩn như mù lòa, điếc lác. Bởi thế, đức Thế Tôn tùy theo căn cơ mà thiết lập giáo pháp, đánh kiên chùy, hạp tặng chúng, tuyên thuyết ba tạng Thánh giáo, tu tập theo pháp môn thiên định. Trải qua 49 năm thì hoá nghi xong. Thế rồi, các bậc cổ đức dùng các thứ như ngói, gỗ, đồng, sắt có thể phát ra âm thanh chế tạo thành chuông, khánh, nạo bạt, cái dùi (chùy), bản, loa, bổi mà tiếng Phạn gọi là Kiên chùy để sử dụng. Và thiên lâm từ xưa đến nay mô phỏng theo đó mà chế tạo ra các pháp khí dùng để đánh thức những kẻ hôn trầm, lười biếng, khiến họ nghiêm túc tuân theo quy củ mà giải trừ sự trì trệ trở thành người lanh lợi sáng suốt. Nếu bàn về đại định thì thường vắng lặng có công dụng lớn lao: nghe mà chẳng phải nghe, biết mà cũng như không biết; nhờ có khoa động kích thích mà ngọn gió màu nhiệm thổi tung; không suy nghĩ, không hành động mà hóa nhứt trường cửu; thân thang thay cảnh giới nhân ái trường thọ; ung dung thay xứ sở an ổn thái bình!

#### **CÁC LOẠI CHUÔNG – ĐẠI HỒNG CHUNG**

Hiệu lệnh của Tùng lâm nhờ vào các loại chuông này. Đánh vào buổi sáng là để phá tan đêm dài, đánh thức sự ngủ nghỉ, còn đánh vào buổi chiều là để thức tỉnh hôn mê, giải tỏa u ám. Kéo chày động chuông phải chậm rãi khiến cho tiếng vang được kéo

dài. Thông thường mỗi lần đánh là ba hồi, mỗi hồi ba mươi sáu tiếng, tổng cộng là 108 tiếng. Khi khởi đầu và lúc kết thúc phải nhịp ba tiếng, hơi nhanh một chút, và người đánh chuông tưởng niệm bài kệ:

“Nguyện tiếng chuông này siêu pháp giới,  
Thiết vi tâm tôi thấy đều nghe.  
Sức nghe thanh tịnh chứng viên thông,  
Hết thấy chúng sinh thành Chánh giác”.

Đồng thời niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, vừa đánh, vừa niệm lợi ích rất lớn.

Nếu gặp ngày Thánh tiết, tụng Kinh, ra vào chánh điện, nhằm dịp tụng niệm các ngày mùng tám, mười tám, hăm tám, các ngày lễ Phật đản sinh, thành đạo, Niết-bàn, hay lúc thiết lập pháp hội Lăng nghiêm, lúc cơm cháo quá đường, nhập định đều đánh 108 tiếng. Còn khi đánh để đưa đón các quan viên, Trụ trì, tôn túc thì không hạn chế 108 tiếng mà có thể tùy nghi nhiều hay ít. Việc này do Khố ty chủ trì.

### **CHUÔNG TREO Ở TĂNG ĐƯỜNG**

Chuông này dùng để đánh khi tập họp Tăng chúng. Mỗi khi Trụ trì đến thăm đại chúng hay vào tăng đường thì đánh bảy tiếng. Còn khi kết thúc các bữa cơm cháo Tăng chúng rời khỏi trai đường, lúc phóng tham, các ngày mùng một, ngày rằm, lúc tuần đường, uống trà, rời khỏi thiền sàng thì đánh ba tiếng (nhưng nếu Trụ trì không đến tham dự hay vắng mặt thì không đánh). Khi Tăng chúng niệm tụng tại Tăng đường thì mỗi tiếng niệm Phật đánh nhẹ một tiếng và cuối cùng đánh “double” (xấp đôi) một tiếng. Việc này do Đường ty chủ trì.

### **CHUÔNG ĐÈ Ở CHÁNH ĐIỆN**

Vào các buổi sáng và tối, khi Trụ trì vào thắp hương, đánh bảy tiếng chuông này. Thông thường khi tập họp tăng chúng lên chánh điện thì đánh chuông này nối tiếp với chuông ở tăng đường, và do Duy-na điều khiển.

Truyện Cảm thông kể rằng: “Đức Phật Câu-lưu-tôn khi ở viện Càn Trúc Tu-đa-la có chế tạo một cái chuông bằng đá xanh. Vào lúc mặt trời xuất hiện có các vị Hóa Phật cùng xuất hiện một lần với mặt trời, đã bí mật tuyên thuyết hiển giáo, và được xếp

thành mười hai thể loại Kinh điển. Những người được nghe giáo pháp này chứng đắc Thánh quả không thể kể xiết”.

Kinh Tăng nhất A-hàm cũng nói: “Khi đánh chuông, tất cả mọi nỗi khổ trong đường ác đều được ngừng lại”.

Còn sách Kim lãng chí viết: “Thuở ấy, có một người dân bị chết đột ngột, xuống cõi âm ty, thấy một người bị gông cùm bằng năm thanh gỗ nói với ông: ‘Ta là tiên chúa của Nam Đường, vì ta giết nhầm quân Tống Tề và quân đầu hàng của một châu mà đến nỗi này. Mỗi lần được nghe tiếng chuông thì sự đau khổ của ta tạm thời chấm dứt. Nhờ người khi trở về dương thế nói với tự quân (vua kế ngôi) đúc đại Hồng chung mà đánh để giúp ta bớt khổ’. Tên dân ấy khi được sống lại, trở về dương thế, thuật lại đầy đủ với Hậu chúa. Nhân đó, Hậu chúa cho đúc đại Hồng chung treo tại chùa Thanh Lương, trên chuông khắc hàng chữ “Kính dâng liệt tổ khảo cao hoàng để thoát cảnh u đồ, lìa nơi ách nạn”.

## **BẢN**

Bản lớn dùng để đánh vào hai bữa cơm và cháo. Sau khi đánh ba tiếng mõ thì tiếp đánh ba hồi bản dài, gọi là trường bản. Lúc tụng kinh Lăng nghiêm hay cảnh giác về việc củi lửa thì đánh ba tiếng, còn khi báo canh thì tùy theo canh giờ tuần tự mà đánh. Tại phòng phương trượng, Khố ty, liêu Thủ tọa và các liêu của đại chúng đều có loại bản nhỏ. Bản này, khi khai tĩnh (đánh thức chúng) thì đánh một hồi dài, khi thông báo cho đại chúng thì đánh ba tiếng. Các liêu của tăng chúng đều có hai loại bản, bản để trong liêu và bản đặt ngoài liêu. Bản đặt ngoài liêu, hằng ngày khi đại chúng vấn an nhau, đánh ba tiếng; khi đại chúng vào Thiên đường, ngồi thiền, tham vấn đều tuần tự đánh ba tiếng; còn lúc đãi trà nước thì đánh một hồi dài. Bản để trong liêu dùng khi quải đáp, lúc đại chúng trở về liêu phòng, đánh ba tiếng; lúc đem ly tách ra để uống trà nước đánh hai tiếng; lúc thu dọn ly tách đánh một tiếng; lúc kết thúc tiệc trà nước đánh ba tiếng; còn khi đãi nước đơn sơ thì đánh một hồi dài.

## **MÕ**

Loại mõ này dùng vào các dịp: hai bữa cơm cháo, đánh hai hồi dài; đời khi tập họp tăng chúng để lao động tập thể, đánh một hồi dài; khi triệu tập các hành giả (người làm các tạp sự), đánh hai hồi.

Có truyền thuyết cho rằng loài cá đêm ngày thường tỉnh thức, cho nên khắc hình cá vào cây chày gỗ để đánh thì sẽ cảnh tỉnh được sự hôn trầm và lười biếng.

## **KIỀM CHUYÈ**

Loại Kiềm chùy này được sử dụng vào các dịp: Hai thời cơm cháo; lúc mở nắp bát tại tăng đường; lúc dọn thức ăn, mời ăn, niệm Phật, lúc bạch chúng bố thí phẩm vật, đều do Duy-na đánh; còn khi rời khỏi trai đường thì do Thị giả đánh. Và khi Tri sự nghỉ việc hay nhậm chức cũng sử dụng Kiềm chùy này. Hoặc lúc Trụ trì nhậm chức, lên tòa thuyết pháp, thì các vị Thượng thủ của các chùa bạn đánh, và được gọi là bạch chùy.

Một hôm, đức Thế Tôn lên pháp tòa, đại chúng vân tập đều đó ổn định, Bồ-tát Văn Thù bạch chùy rằng: “Hãy quán chiếu cẩn thận pháp yếu của đấng Pháp vương. Pháp yếu của đấng Pháp vương là như vậy (chân thật)”. Thế rồi, đức Thế Tôn liền bước xuống pháp tòa.

## **KHÁNH**

Khánh lớn do Trụ diện đánh khi Trụ trì, Tri sự thắp hương vào hai buổi sớm, tối tại chánh điện, còn khi làm lễ xướng y thì do Duy-na đánh. Lúc hành giả cạo tóc xuất gia thì vị xà-lê đọc bằng tiếng Phạn đánh. Còn chiếc khánh nhỏ thì Đường ty hành giả thường đem theo bên mình, hễ khi nào gặp tăng chúng tụng kinh thì đánh lên, vì đây là công cụ dùng làm hiệu lệnh cho việc khởi đầu và kết thúc các buổi lễ.

## **CHẠP CHỖ A**

Khi Duy-na vái chào mời Trụ trì, Lương tự rời vị trí đến thắp hương trước điện Phật, hoặc khi chuyển pháp luân, chúc tán tại tạng điện đều sử dụng đến chập chĩa và do hành giả đảm trách. Khi tiếp dẫn vong linh, khi cạo tóc cho hành giả xuất gia, lúc tăng chúng hành đạo, đón tiếp Trụ trì mới đến nhậm chức tại Thiền viện đều đánh chập chĩa.

## **CÁC LOẠI TRỐNG**

**Trống dùng khi tiến hành các phật sự.**



Khi Trụ trì lên toà thuyết pháp, lúc tiểu tham, phổ thuyết, nhập thất đều đánh trống này. Cách đánh trống: lúc thượng đường đánh ba hồi, trước hết nhịp nhẹ nhẹ vào thành trống ba cái, rồi mới từ từ đánh mạnh tay khiến cho tiết tấu nhanh chậm thích hợp, sự trầm bổng tương ứng, âm thanh điều hòa, tiếp nối liên tục, vang vang rền rền, giống như tiếng sấm động mùa xuân. Hồi thứ nhất, tiếng trống chậm rãi kéo dài, nghỉ một lát rồi đánh hồi thứ hai, tiếng trống liên tục, hơi nhanh và không cho gián đoạn, kể đến đánh hồi thứ ba, âm thanh cuộn vào nhau; thế rồi, chờ cho Trụ trì lên pháp toà ổn định mới kết thúc bằng cách chập hai dùi lại đánh ba tiếng cuối cùng. Còn như lúc tiểu tham thì đánh một hồi, lúc phổ thuyết thì đánh năm tiếng, khi nhập thất thì đánh ba tiếng, và đều đánh một cách chậm rãi.

### **Trống đánh khi uống trà**

Trống này do thị giả đánh, và đánh một hồi dài.

### **Trống đánh lúc thọ trai**

Trống này đánh ba hồi khi đến trai đường, vào dịp lễ đầu tháng, và đánh hơi nhanh một chút.

### **Trống đánh lúc tập hợp đại chúng lao động**

Đánh một hồi dài.

### **Trống đánh vào các canh giờ**

Các tự viện thường vào buổi sáng sớm và buổi tối đánh ba hồi trống này một cách khoan thai. Ngoài ra, tùy nghi có thể đánh vào các canh giờ, và do Đô tự đảm trách.

### **Trống đánh báo hiệu giờ đi tắm**

Trống này được đánh bốn hồi báo hiệu giờ đi tắm của chúng tăng (xem đầy đủ chương Tri dục) và do vị Tri dục đánh.

Các loại pháp khí kể trên phải sử dụng đúng quy định, thông thường không được dùng sai cách thức. Khi vị tân Trụ trì đến nhậm chức tại tự viện thì các pháp khí đều đồng loạt đánh lên.

Kinh Kim quang minh nói: “Bồ-tát Tín Tướng đêm nằm mộng thấy chiếc trống bằng vàng có hình dáng to lớn đẹp đẽ, ánh sáng tỏa chiếu giống như ánh sáng mặt trời. Trong ánh sáng ấy, Bồ-tát thấy mười phương chư Phật đang ngồi trên các tòa lưu ly trong rừng cây báu thuyết pháp cho hàng trăm nghìn quyến thuộc đang ngồi xung quanh. Có một người giống như Bà-la-môn cầm chiếc dùi đánh trống, khiến trống phát ra tiếng kêu vang rền, tiếng ấy tuyên thuyết một bài kệ sám hối. Sau khi tỉnh mộng, Bồ-tát Tín Tướng đi đến chỗ đức Phật, thuật lại cho đức Như Lai những gì mình đã nghe, thấy trong giấc mộng như chiếc trống bằng vàng và bài kệ sám hối”.

Kinh Lăng nghiêm cũng kể rằng: “Phật bảo tôn giả A-nan: Như ông đã nghe trong vườn Kỳ-đà này khi cơm đã dọn xong, trống được đánh lên, tăng chúng vân tập, tiếp theo là chuông đánh, khiến tiếng chuông trống trước sau liên tục. Ông nghĩ thế nào? Đó là âm thanh nhập vào hai tai, hay hai tai tiếp thu âm thanh?”

### **Chương Pháp khí hết.**

## **PHỤ LỤC**

Phần phụ lục sách Sắc tu Bách Trượng thanh qui có 7 bài minh tựa như sau:

1. Bài minh khắc trên tháp cổ Thiên sư Hoài Hải, núi Bách Trượng, Hồng Châu, đời Đường (Trần Hủ soạn)
2. Bài ký gác thiên hạ sư biểu, chùa Đại Trí Thọ Thánh, núi Bách Trượng
3. Bài nguyên tựa sách Bách Trượng thanh qui (Dương Úc soạn)
4. Bài tựa Thanh qui đời Sùng Ninh
5. Bài tựa Thanh qui đời Hàm Thu?
6. Bài tựa Thanh qui đời Chí Đại;
7. Bài tựa của Sắc tu Bách Trượng thanh qui

Vì thấy nội dung có phần giống nhau, nên chúng tôi chỉ dịch bốn bài tiêu biểu, đó là các bài 1, 2, 3 và 7.

### **BÀI MINH KHẮC TRÊN THÁP CỔ THIÊN SƯ HOÀI HẢI, NÚI BÁCH TRƯỢNG, HỒNG CHÂU, ĐỜI ĐƯỜNG**

**TƯỚNG SĨ LANG THỦ ĐIỆN TRUNG THỊ NGỰ SĨ TRẦN HỦ SOẠN**

## THỦ TÍN CHÂU TY HỘ THAM QUẢN VIÊN NGOẠI TRÍ ĐỒNG CHÁNH VIÊN VŨ DỰC HOÀNG VIẾT CHỮ

Tinh đầu vẫn xoay, núi non hiểm trở như ngọn Linh Thứu. Bạc Thượng thủ trong hàng sa-môn là Thiên sư Hoài Hải, lập am thất nơi đây, xây bảo tháp nơi đây và trao truyền đại pháp cũng tại đây. Các đệ tử của tông môn e bảo tháp bị di dịch, thời gian lâu không được ghi chép nên nhờ nhà Nho soạn bài minh để nêu rõ sự tích. Giáo pháp của phương Tây (Ấn Độ) truyền sang Trung Quốc, thì Lục độ của Phật giáo được xem như Ngũ thường của Trung Hoa ta, cải ác theo thiện, khác đường mà cùng về một nẻo. Chỉ duy nhất Thiên tông là độ khối sinh tử, và chỉ có bậc đại trí tuệ mới đạt được. Từ Kê Túc (chỉ Tổ Ca-diếp) cho đến Tào Khê (tổ Huệ Năng) thì sự truyền thừa đều được ghi chép tường tận. Tào Khê truyền cho Hòa thượng Hoài Nhượng ở Quan Âm đài Hành Nhạc. Hoài Nhượng truyền cho Hòa thượng Đạo Nhất ở Giang Tây. Đạo Nhất sau khi viên tịch được ban thụy hiệu là Thiên sư Đại Tịch. Đại Tịch truyền cho Đại sư (Hoài Hải). Thế rồi thầy trò trao truyền cho nhau trải qua chín đời tại cõi Đông độ (Trung Hoa). Đại sư họ Vương, người huyện Trường Lạc, Phúc Châu, Thái Nguyên. Vào khoảng năm Vĩnh Gia bị giặc giã loạn lạc, viễn tổ của Sư di cư sang đất Mân Ngung. Vì nhân duyên lớn lao, Đại sư sinh ra đời vào thời kỳ cuối của tượng pháp. Khi Sư vào bào thai thì mùi hôi tanh tan biến; lúc sắp chào đời thì sự thần dị hiển hiện; tuổi còn ấu thơ mà điều linh Thánh đã bộc lộ. Nếu chẳng do vun bồi cội gốc phước đức từ đời trước thì làm sao có được những điềm hiệu linh ứng như vậy. Sư xuống tóc xuất gia với Hòa thượng Tuệ Chiếu ở Tây Sơn, thọ giới cụ túc với Luật sư Pháp Triều ở Hành Sơn. (Nghĩ đến đạo nghiệp tương lai) Sư than rằng: “Muốn rửa sạch nguồn mê vọng phải bơi qua biển pháp; quyết định ngày chứng ngộ cần nương nhờ những lời chỉ dạy. Thế rồi, Sư đi đến Lô Giang, đóng cửa đọc Đại tạng Kinh suốt mấy năm không ra khỏi phòng. Sư thờ thiên sư Đại Tịch (Đạo Nhất) làm thầy, đạt được tâm ấn rốt ráo, khiến lời nói giản dị mà nghĩa lý sâu xa, diện mạo hòa nhã mà thần thái sáng suốt, hễ ai thấy Sư đều đem lòng cung kính. Sư thường cư xử khiêm tốn, khéo léo khước từ danh tiếng. Vì thế mà văn bia của Tiên sư giấu bớt lời ca tụng. Sư lao động giống như đại chúng, cho nên môn nhân ai nấy dốc sức làm việc hết lòng. Kẻ oán người thân đều quên, nên không để ý đến chuyện cũ. Kẻ hiền người ngu đều đối xử như nhau, nên tiếp độ được nhiều người đến tham học. Sư thường dạy rằng ba thân không đình trụ, vạn hạnh đều trống không; tà chánh đều vứt bỏ, nguồn dòng thầy cạn khô. Dùng giáo chỉ này làm khuôn thước cho người. Những điều Phật dạy xưa kia chính là pháp môn đốn ngộ hiện nay. Đồ chúng của

Thiền sư Đại Tịch phần nhiều là các bậc long tượng. Có người đạt đến danh vọng vạn thừa, ra vào cung cấm; có kẻ giáo hóa một phương, làm cho quốc gia ổn định. Chỉ có Đại sư là ưa thích cuộc sống ẩn dật, ở chốn mây ngàn, ẩn danh mà đức độ được mọi người xưng tụng, sống một mình mà đồ chúng càng thêm hưng thịnh. Nếu có người đi khắp nơi tham cứu các trường giảng, gõ cửa các Thiền sư, mà sự chấp trước chưa tiêu, việc có-không còn vướng mắc, thì các bệnh ấy cũng được phong tỏa. Hoặc có kẻ đi xa nghìn dặm để tìm một lời quyết định, khi lưới nghi trương ra liền bị nhất đao trí tuệ chặt đứt vĩnh viễn. Vì vậy mà các nơi như Tề Lỗ Yên Đại Kinh Ngô Môn Thực nghe thanh danh và ảnh hưởng của Sư đều bốn ba tìm đến. Và khi được Sư tiếp độ thì họ chẳng khác gì kẻ đang đói khát mà được an ổn lập tức. Quả thật có một bậc huyền giải siêu việt vào thời đại ấy. Lúc đầu, Sư ở bên tháp của Đại Tịch tại Thạch Môn, sau đó trùng tuyên giáo pháp làm rạng rỡ cho thầy. Về sau, tăng chúng quy tụ đông đúc, Sư nghĩ đến đạo nghiệp lâu dài, muốn kiến tạo một ngôi tùng lâm tại núi Bách Trọng, nhưng nơi đây bốn bề vắng bặt bóng người; nếu muốn xây dựng tự viện thì phải đợi đàn na phát tâm; và thời cơ lại đến, bấy giờ có Ưu-bà-tắc Cam Trinh đang du ngoạn, phát tâm đem đôi đất của nhà mình cúng dường cho Sư, mong được Sư thân cận dắt dẫn. Thế rồi, am thất được xây dựng san sát, các thức ẩm thực được Thí chủ mang đến cúng dường, đồ chúng còn đông đúc hơn cả Thạch Môn. Vì thấy nơi này địa linh, cảnh trí cách xa phồn hoa, nên ý muốn gửi nắm xương tàn nơi đây. Vào ngày mười bảy tháng giêng, năm Nguyên Hòa thứ chín, Sư an tọa trên giường Thiền viên tịch, hưởng thọ 66 tuổi, và 47 tầng lạp. Đến ngày 22 tháng Tư cùng năm, đồ chúng rước nhục thân của Sư lên an trí trên ngọn Tây phong. Đó là theo di chúc của Sư phải an táng như một Bà-la-môn tịnh hạnh mà luận Tỳ-bà-sa đã mô tả. Sau khi nhục thân Sư đã nhập tháp, người ta thấy bạch quang xông lên từ tịnh thất của Sư, và tiếng tích trượng khua vang trên không, nước khe đang mùa xuân mà khô cạn, còn gỗ thông thì cháy sáng suốt đêm, diệu đức âm thầm cảm ứng không nơi nào là chẳng có. Môn nhân Pháp Chánh cùng các huynh đệ thường phụng thờ Sư rất là chu đáo, và tuần tự nhau phát triển tông môn không dám quên lời di chúc, trải qua năm tháng tiếp tục lưu truyền không dứt. Môn nhân Đàm Tự nhớ mãi ơn thầy, ra sức dựng xây điện đường bảo tháp, lấp thêm đất chất thêm đá hết lòng dốc sức không kể ốm đau. Môn nhân Thần Hạnh, Phạm Vân kết tập những lời Sư dạy biên soạn thành ngữ lục. Ngày nay, các học giả không bị vấp vấp khi hành xử là nhờ tuân thủ những phép tắc của Sư. Xưa kia Luật sư Linh Ái người đất Môn Việt vốn là bậc lãnh tụ tôn giáo một miền, các học giả tam giáo đều quy ngưỡng thường đem câu hỏi “Phật tính có hay không” đến chất vấn Sư, Đại sư đã

viết thư phúc đáp giải thích rõ ràng mà ngày nay còn lưu truyền trong ngữ lục cho kẻ hậu học. Trần Hủ tôi khi nhậm chức tại phủ Giang Tây hân hạnh được thưởng thức pháp vị của Sư nên không dám phụ lòng ủy thác của mọi người. xin soạn mấy lời vãn như đây:

Bài I: Thế Tôn lập giáo,  
Cố quyền và thật.  
Nếu chưa đốn ngộ,  
Thì còn sai trật.  
Tổ sư xót thương,  
Mới truyền bí mật.  
Như đêm u ám,  
Bỗng hiện vùng Nhật.

Bài II: Đây là Đại sĩ,  
Hoàng truyền chánh tông.  
Tuy tu diệu hạnh,  
Chẳng chấp chân không.  
Không nhờ phương tiện,  
Mãi giữa hoài công.  
Điềm nhiên về gốc,  
Vạn cảnh dung thông.

Bài III: Hàng trăm ngàn người,  
Đều trừ bệnh nhiệt.  
Họ đều có đặc,  
Ta chẳng tuyên thuyết.  
Tâm vốn không sinh,  
Hình cũng thị diệt  
Tro tàn cõi này,  
Phương kia nguyệt hiện.

Bài IV: Pháp truyền người thế,  
Tháp ả núi non  
Tùng bách âm u,  
Chùa Tháp vẫn còn

Đồ chúng đông đúc,  
Rạng rỡ tông môn.  
Chỉ người giác ngộ,  
Đích thực báo ân.

Ngày mồng ba tháng 10 năm Nguyên Hoà thứ 13 - lập bia này.

Bên cạnh bi văn, đại chúng cùng ghi lại năm sự việc đến nay vẫn còn, có thể làm khuôn mẫu để răn bảo người sau. Nguyên sau khi trà tỳ Đại sư, chưa mời viện chủ mới, Tăng chúng họp bàn bạc việc cách tân sơn môn, cuối cùng nhất trí đúc kết thành năm điều như sau:

1. Phải mời một vị Đại tăng quản lý tháp viện và sai một Sa-di lo quét dọn.
2. Trong khuôn viên Chùa Tháp không cho xây dựng Ni tự và Tháp mộ của Ni chúng, cũng không cho người thế tục cất nhà cư trú.
3. Các kẻ đồng chơn xuất gia và người y chỉ, phải nương tựa một vị Viện chủ duy nhất. Tăng chúng không được xây dựng am thất riêng tư.
4. Không được khai khẩn vườn tược ruộng đất làm của tư hữu.
5. Đồ chúng ở núi này không được cất chứa tiền bạc, thóc lúa riêng tư trong chùa cũng như cất ở chỗ khác.

Muốn cho dòng nước trong trẻo thì phải làm cho đầu nguồn thanh khiết, để người đời sau tiếp tục kế thừa, vĩnh viễn tuân hành và một dạ tôn sùng.

Ngày lập văn bia, tất cả đại chúng đồng ký tên.

## **BÀI KÝ GÁC THIÊN HẠ SƯ BIỂU, CHÙA THIÊN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH, NÚI BÁCH TRƯỢNG**

Thế hệ thứ tám của đại sư Bồ-đề-đạt-ma có vị đại Tỳ kheo ở núi Bách Trượng, người đời gọi là Thiên sư Bách Trượng.

Thiên tử truyền lệnh rằng nhân vì Thiên sư trước đây đã được ban Thụy hiệu là Đại Trí Giác Chiếu, nay ban thêm hiệu Hoằng Tông Diệu Hạnh, còn tên chùa là Thọ Thánh thì biển ngạch đã có từ trước. Núi này cách quận trị 300 dặm, khi chưa xây chùa thì suối khe hiểm trở, đỉnh núi chót vót, lối đi của tiền phu tất nghẽn. Bấy giờ có Tư Mã đầu đà là người giỏi thuật phong thủy về địa hình cung thất, thấy thế núi cao vút với những ngọn đồi lồi lõm đầu đuôi tiếp ứng nhau, biết đó là nơi địa linh,

nên để lại lời huyền ký rằng: “Đây là chỗ đáng Pháp vương cư trú, làm bậc thầy tiêu biểu trong thiên hạ”.

Về sau, Thiền sư Hoài Hải đến trắc tích nơi đó quả phù hợp với lời dự đoán trước kia. Thiền sư Đông Dương Đức Huy là cháu đời thứ 18 của Hoài Hải, kế thừa sự nghiệp Thầy tổ, ở núi này, không những xây cất pháp đường mới, mà còn kiến tạo thêm lầu cao để tôn trí di tượng của Tổ sư. Và tám hoành treo trên nhà đề là: “Gác của bậc Thầy tiêu biểu trong thiên hạ (thiên hạ sư biểu chi các)”. Trong đây có ghi lại: Lúc Văn Tông hoàng đế mới lên ngôi, âm thầm xây chùa tại Kim Lăng đặt tên là Long Tường Tập Khánh, truyền lệnh cho vị khai sơn chùa là Đại Hân quản lý đồ chúng, và dùng Thanh quy do Tổ sư chế định làm quy củ cho những oai nghi hành xử hằng ngày của tăng chúng. Nhưng vì bộ Thanh quy này ra đời đã lâu (hiện tại không còn), người đời sau chỉ ước đoán rồi tự ý thêm bớt, khiến cho đôi chỗ mâu thuẫn không được chiết trung thỏa đáng. Đức Huy và Đại Hân cùng học một thầy và cùng nắm cương lĩnh của tổ đình e rằng những kẻ mới đến đem truyền những điều nghi hoặc mà không biết thế nào là thích hợp khiến cho mâu thuẫn với sự nghe thấy của các sơn môn, nên quyết tâm lặn lội đến Kinh sư để tìm người hiệu chỉnh những sai lầm. Lúc ấy quan Ngự sử đại phu Tát Địch đang làm chấp pháp trung đài, Huy bèn nhờ ông tâu lên vua, và được vua mời vào yết kiến. Vua bèn truyền lệnh cho Huy soạn những gì đã được nghe trước đây, rồi trao cho Đại Hân, khiến Đại Hân chọn lựa những điều Tổ sư để lại, hiệu khảo ổn định, soạn thành Thanh quy dùng làm phép tắc cho Tùng lâm. Vua còn phong tặng sư hiệu Như Tích thiền sư, hết lời khen ngợi và khích lệ rất vẻ vang.

Đức Huy phụng sắc lệnh được đóng ấn của vua, trở về lại chùa, thì căn gác đã xây cất hoàn thành nhưng chưa kịp ghi chép sự tích. Ông bèn đi đến Hoàng Tấn, thỉnh cầu Tấn soạn bài tựa: “Xin Ngài vui lòng viết giúp bài tựa ghi lại nguyên nhân kiến tạo căn gác này đặng tôi đem về khắc làm bài ký”.

Tấn trộm nghĩ: Thánh hiền đời xưa tùy thời hành xử, vừa nắm vừa buông, vận dụng uyển chuyển, tuần hoàn không cùng, nhờ vậy mà mọi việc đều chuyển biến thông suốt. Đức Phật thiết lập giáo pháp, trước hết chế ra giới luật. Nghĩa lý của các bộ phái, Đại Tiểu thừa đều trình bày đầy đủ; các việc khai giã (cho phép hay cấm chi) cũng chỉ nhằm một mục đích. Nhưng hễ càng cách xa Thánh nhân (đức Phật) thì càng giới hạn vào những chuyên môn, tên gọi đặt ra càng nhiều thì đạo lý ngày càng ảm khuất. Vì thế, Tổ Đạt-ma không dùng đến phương tiện mà chỉ thẳng nguồn tâm;

tướng trạng của giới luật rất uyển chuyển, không có gì chướng ngại; nhưng càng gần thể tục, ngọn ngành, cái hoang đường chiếm ưu thế thì điều chân chính bị chia lìa, chạy theo cái phù phiếm bên ngoài thì tạo thành tư tưởng tà mạn. Vì thế, Tổ Bách Trượng hoàng dương quỹ phạm, dựa vào giới luật mà hành động, điều hợp hộ trì, vin vào sự tướng mà là vận dụng lý tính. Bởi vì, đạo lý của Phật nhờ Tổ Đạt-ma mà sáng tỏ; sự tướng của Phật do Bách Trượng mà hoàn bị. Cái diệu dụng của sự biến hóa thông suốt là do con người mà ra. Về sau, sự truyền thừa của Tổ Đạt-ma được chia thành năm phái, mà phát xuất từ Tổ Bách Trượng thì có hai phái. Các Thiền sư khác tuy mỗi nhà đều thiết lập ra yếu chỉ này, tông phái nọ, nhưng để quản lý đồ chúng ổn định thì chưa thấy ai không theo phép tắc của Bách Trượng. Thế thì gọi Sư (Bách Trượng) là “Thiên hạ sư biểu” quả thật xứng đáng, chẳng ngoa chút nào. Tại cõi Trung độ (Trung Quốc) này vua tôi đều tôn kính sùng mộ Phật pháp làm cho Phật giáo tỏa sáng không lúc nào bằng lúc này. Huy gặp thời có Thánh chúa, nương nhờ sự hộ pháp của hoàng đế mà xiển dương những lời giáo huấn của tiền bối, thiệu long tông phong, khiến cho sơn môn cùng với quốc gia bền vững lâu dài, mãi mãi trường tồn; không những ngày nay Thiên hạ tôn xưng là Sư biểu mà cùng tận đời vị lai ai nấy cũng đều phải nương tựa. Tán tôi kính cẩn ghi lại vài điều trên đây, còn việc siêng năng theo thời khóa kinh kệ và xây dựng cơ ngơi tráng lệ thì khỏi cần bàn đến. Căn gác là một ngôi nhà chia làm năm gian, cao 120 thước, cứ một lần tu bổ thì tăng thêm một phần ba chiều cao, và ba lần tu bổ thì hoàn chỉnh rộng rãi như hiện nay. Việc xây dựng cho đến tháng sáu mùa hạ năm đầu niên hiệu Chí Thuận (1330) thì ổn định, nhưng đến tháng mười mùa đông thì công việc mới hoàn tất. Đức Huy yết kiến Thánh Thượng tháng năm mùa hạ, năm thứ ba niên hiệu Nguyên Thống, và vua xuống chiếu cho Sư vào tháng hai mùa xuân năm sau đến trụ núi này. Như vậy, Đức Huy chính thức trắc tích tại núi này là năm Chí Nguyên nguyên niên (1335).

Thừa Trục lang quốc tử bác sĩ Hoàng Tấn soạn lời ký.

Hàn lâm thị chế phụng nghị đại phu kiêm quốc sử viện biên tu quan Yết Hề Tư viết chữ thường.

Hàn lâm thị giảng học sĩ thông phụng đại phu tri chế cáo đồng tu quốc sử tri kinh diên sự Trương Khởi Nham viết chữ triện.

Tiền Vinh Lộc đại phu ngự sử trung thừa Triệu Thế An, Quang Lộc đại phu Giang Nam chư đạo hành ngự sử đại phu Dịch Thích Đồng A cùng dựng bia đá.



## **BÀI NGUYÊN TỰ SÁCH BÁCH TRƯỢNG THANH QUI (Do Quan Hàn Lâm Học Sĩ Khai Quốc Hầu Dương Ưc Soạn Thuật)**

Thiền sư Bách Trượng Đại Trí cho rằng Thiền tông bắt đầu từ (ngài Bồ-đề-đạt-ma) ở núi Thiếu Thất cho đến (lục tổ Huệ Năng) tại Tào Khê đổ lại, phần nhiều ở đậu chùa luật. Tuy liệt biệt viện, nhưng về thuyết pháp trụ trì thì chưa hợp qui độ, cho nên thường để ý nơi lòng, bèn nói rằng: “Đạo của Phật và Tổ là muốn ban bố rộng rãi, giáo hóa từ gốc, mong đến ngày sau không mờ diệt vậy. Há nên cùng với các bộ A-cấp-ma Giáo mà tùy hành ru? Có kẻ nói luận Du-già và kinh Anh Lạc là giới luật Đại thừa, vậy sao lại không nương theo chứ!”. Sư nói: “Tông môn của ta không thuộc Đại – Tiểu thừa, mà cũng không khác Đại – Tiểu thừa, vậy nên co dẫn chiết trung, thiết lập nơi chế phạm, nhằm thích nghi mà thôi”. Do đó mà sáng ý lập riêng Thiền tự. Phàm người gồm đủ mắt đạo, có đủ đạo đức đáng tôn vọng thì gọi là Trưởng lão, giống như bên Tây Vực ai đạo cao, tuổi lập lớn thì gọi là A-xà-lê vậy. Tức phàm làm hóa chủ thì ở nơi chỗ phương trượng giống như thất của Tịnh Danh (Duy- ma-cật), chứ không phải nơi thất chỉ là buồng ngủ riêng. Không lập các Phật điện chỉ xây pháp đường, biểu thị nơi Phật và Tổ đích thân trao dạy, người đời nay phải tôn trọng. Còn chỗ tụ tập của số đông người học, không kể là nhiều ít, cao thấp, đều vào trọn tầng đường, y theo thứ tự tuổi lập hạ an cư mà an bài, thiết lập giường dài liền nhau, làm giá treo để móc đạo cụ. Nằm thì gối nghiêng đầu mép giường, theo thế cát tường nghiêng sườn bên phải mà ngủ, coi như tọa thiền quá lâu, tạm nghỉ ngơi phần nào mà thôi. Còn về đây đủ 4 oai nghi, trừ khi vào thất thưa hỏi thầy, còn thì để mặc cho người học cần mẫn hay trễ nhác, hoặc phải hoặc trái, không câu nệ nơi thường chuẩn. Còn đại chúng cả viện sáng thăm hỏi, chiều tụ tập, vị Trưởng lão vào pháp đường lên trên tòa cao mà ngồi. Chủ sự và đồ chúng, đứng thành hàng như nhận bay lắng nghe. Chủ – khách vấn đáp mà kích dương tông yếu, biểu thị nương theo pháp mà trụ vậy. Cháo cơm tùy nghi, hai thời đều cùng khắp, nhằm tiết kiệm biểu thị pháp thực song vận vậy. Thi hành phép phổ thỉnh (tức lao động tập thể) trên dưới đều phải gắng sức ngang nhau. Đặt 10 nhiệm vụ phòng liêu, mỗi thứ đều dùng một người thủ lĩnh trông coi nhiều người làm việc, khiến mỗi người đều điều khiển, trông coi thuộc hạ của mình. Hoặc có kẻ giả hiệu trộm hình lộn sòng vào thanh chúng, gây chuyện rùm beng lộn xộn thì duy-na kiểm soát biết được, tước bỏ vị trí dùng cơm, gạch tên khỏi danh sách chư tăng đuổi ra khỏi viện nhằm tôn quý việc tu tập an ổn thanh tịnh của đại chúng. Hoặc có kẻ phạm lỗi thì tập hợp chúng lại, công cộng bình nghị khiển trách, tức dùng hèo mà đánh, hoặc trục xuất buộc

phải theo cửa hông mà ra khỏi viện, biểu thị sỉ nhục. Xét kỹ điều chế này có b?n cái lợi ích:

1. Không làm ô uế chúng trong sạch, nảy sanh chuyện cung kính, tin tưởng.
2. Không hủy hoại tăng hình, tuân theo Phật chế định.
3. Không phiến quan lại công môn, tránh chuyện ki?n tụng.
4. Không tiết lộ ra ngoài, bảo hộ kỷ cương của Tông phái.

Đại chúng cùng ở chung, Thánh hay phạm ai mà phân biệt được. Vả lại, thời đức Như Lai ứng thế còn có nhóm 6 tỷ-kheo xấu ác, huống hồ nay là thời tượng pháp mật thế, há có thể hoàn toàn không có những kẻ xấu được sao? Tuy nhiên nếu mỗi lần thấy một ông tăng có chút lỗi là lôi cả luật lệ sấm sét chê mắng thậm tệ mà không biết đó là khinh chúng, hoại pháp, tổn hại lớn lắm đấy!

Nay đây chốn Thiền môn mà muốn phần nào không có chuyện phương hại, thì nên nương theo qui thức của Bách Trượng tùng lâm mà lượng sự, xử phân. Đành rằng lập pháp phòng gian là không dành cho bậc thiện sĩ, tuy nhiên nên hữu cách vô phạm, mà không nên hữu phạm vô giáo. Ích lợi hộ pháp của Thiền sư Đại Trí thật lớn lao thay! Độc hành của Thiền môn bắt đầu từ ông lão đó vậy. Nét đại yếu của Thanh Qui trải soi khắp kẻ hậu học, khiến không quên gốc vậy. Các phép tắc đường lối, sách này đều tập hợp rành rõ đầy đủ cả.

Dương Ưc tôi lạm được đọc chỉ ý sâu xa, san định Truyền đăng. Sách thành định dâng lên Thánh thượng, nhân đó viết lời tựa dẫn. Ngày lành tháng tốt năm Giáp thìn, niên hiệu Cảnh Đức cải nguyên.

## **BÀI TỰA SÁCH TU BÁCH TRƯỞNG THANH QUY**

Vào khoảng năm Thiên Lịch Chí Thuận (1328-1332) Hoàng đế Văn Tông kiến tạo ngôi chùa Đại Long Tường Tập Khánh tại Kim Lăng. Đến khi chùa hoàn thành, tăng chúng mười phương đến cư trú, thì được thánh chỉ truyền lệnh thực hành thanh quy của Bách Trượng. Tháng bảy mùa thu, năm Ất Hợi, niên hiệu Nguyên Thống năm thứ ba, đức Kim Thượng hoàng đế vâng theo mệnh lệnh của triều trước, dạy rằng: “Những năm gần đây, Thanh quy của tùng lâm thỉnh thoảng bị thêm bớt không còn thống nhất. Do vậy, trẫm truyền lệnh cho Trụ trì chùa Thiên Đại Trí Thọ Thánh núi Bách Trượng là Đức Huy sưu tập các bộ sách ấy, đồng thời truyền lệnh cho Trụ trì chùa Đại Long Tường Tập Khánh là Đại Hân tuyển chọn các Sa-môn có học thức

cùng nhau hiệu chính để bộ Thanh quy được thống nhất, ngõ hầu dùng làm phép tắc hằng ngày tại chốn tùng lâm”.

Đức Huy và các người khác kính cẩn phụng mệnh thực hiện Thánh chỉ. Khi sách sắp hoàn thành, Sư bèn đến nhờ Huyền tô viết lời tựa. Huyền tô từng nghe các bậc tôn sư dạy rằng: “Trong khoảng trời đất này không có một việc gì là không dùng đến lễ nhạc. Sự ăn ở được yên ổn, có trật tự là nhờ có lễ. Mọi sinh hoạt hằng ngày diễn ra vui vẻ là nhờ có nhạc.” Một ngày nọ, tiên sinh Trình Minh Đạo ghé qua chùa Định Lâm, ngẫu nhiên trông thấy nghi thức của bữa thọ trai, cảm động tán thán: “Lễ nhạc của ba thời đại (Hạ, Thương, Chu) đều có tại đây vậy. Há chẳng phải do năng lực kỳ cương của Thanh quy mà được như thế ư? Chính nhờ tuân hành thuần thực Thanh quy mới được như thế! Do tuân thủ những phép tắc nhất định mà tự nhiên đạt được sự diệu dụng. Khi thực hành những quy cũ này, kẻ không biết thì cho đó là chướng ngại sự lý, còn người thông hiểu thì bảo rằng tất cả pháp môn an lạc đều hội tụ nơi đây.” Nhưng để cho cuốn sách rối rắm này trở nên mạch lạc thì cần có bài tựa để điều hòa các ý nghĩa, nhờ vậy sẽ có giá trị tốt đẹp lâu dài. Thế nên, công lao của sự hiệu chính sẽ đem lại lợi ích rất lớn cho bộ sách này. Và ân huệ mà hai triều đại (Tống, Nguyên) đã ban cho người học là vô cùng lớn lao vậy. Bộ Thanh quy này đã được ban hành từ đời Tống, và quan Hàn lâm học sĩ Dương Úc đã viết tựa trình bày đầu đuôi điều mục đầy đủ rõ ràng, ở đây không cần phải lập lại nữa.

Thượng tuần tháng ba mùa xuân năm Bính Tý, niên hiệu Chí Nguyên năm thứ hai (1336), Hàn lâm trực học sĩ Trung đại phu tri chế cáo đồng tu quốc sử quốc tử tế tửu Lô Lăng Ân Dương Huyền viết tựa.

### **Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển 8 hết**

[ĐẦU TRANG](#) [Q1](#) [Q2](#) [Q3](#) [Q4](#) [Q5](#) [Q6](#) [Q7](#) [Q8](#) [CHÚ THÍCH](#)

### **TỪ NGỮ CHÚ THÍCH**

### **SÁCH SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY**

#### **A**

A-di-đà (阿彌陀): Danh từ dịch âm từ chữ amita, dạng viết tắt của hai chữ Phạn (sanskrit) là Amitābha và Amitāyus. Amitābha nghĩa là Vô Lượng Quang, ánh sáng

vô lượng, Amitāyus là Vô Lượng Thọ, là thọ mệnh vô lượng; Tên của một vị Phật quan trọng, được tôn thờ nhiều nhất trong Đại thừa (s: mahāyāna). A-di-đà là giáo chủ của cõi Cực lạc (s: su- khāvati) ở phương Tây. Phật A-di-đà được tôn thờ trong Tịnh độ tông tại Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam và Tây Tạng, tượng trưng cho Từ bi và Trí huệ.

A-la-hán (阿羅漢; S: Arhat, P: Arahant): Là một trong 4 quả của Thanh văn, là một trong 10 hiệu của Phật Như Lai. Lại cũng gọi là a-lô-hán, a-la-ha, a-lợi-kha, gọi tắt là La-hán, dịch theo ý là Ứng, Ứng Cúng, Ứng Chân, Sát Tặc, Bất Sanh, Vô Sanh, Vô Học, Chân Nhân, chỉ đoạn dứt trọn kiến của tam giới hoặc của tư (?), chứng được tận trí, là vị Thánh có thể nhận sự cúng dường của thế gian. Thực ra, La-hán là quả vị cao nhất cho cả Đại và Tiểu thừa nhưng thường bị ngộ nhận cho là quả vị tối cao của Tiểu thừa.

A-na-luật (阿那律; S: Aniruddha, P: Anuruddha): Lại cũng gọi là A-ni-lô-đà, A-na-luật, dịch theo ý là Vô Diệt, Như Ý, Vô Chướng, Vô Tham, Tùy Thuận Nghĩa Nhân, Bất Tranh Hữu Vô, là một trong 10 đại đệ tử của Phật, là tòng đệ của Phật Đà trong dòng họ Thích tại thành Ca-tỳ-la-vệ ở Trung Ấn thời cổ đại.

A-xà-thế vương (阿闍世王): A-xà-thế (S: Ajatasatru, P: Ajatasattu), là con vua nước Ma-yết-đà Tần-bà-sa-la, dịch theo ý là Vị Sanh Oán Vương, Pháp Minh Vương. Mẹ vua tên Vi-đề-hy cho nên cũng còn gọi là A-xà-thế Vi-đề-hy tử. Vua này tự thí cha lên làm vua và chinh phạt các nơi tạo cơ sở thống nhất Ấn Độ.

Ác nghiệp (惡業) (S. 326): Phật giáo cho rằng những hành vi của thân, khẩu, ý là “Nghiệp”. Do năng lực thiện ác của nghiệp nên đưa đến báo ứng tương xứng. Ác nghiệp là những hành động sai lầm dẫn đến quả báo xấu.

Ác tập (惡習): Thói hư tật xấu huân tập lâu ngày.

Ái võng (愛網): Lưới tình, ví dụ tình ái như mắc lưới quấn cột người không ra khỏi được.

An cốt (安骨) (S.174): Sau khi hỏa táng, nhặt các tro, xương rồi tôn trí vào tháp, lễ này được gọi là “lễ An cốt”, còn gọi là “An vị”.

An cư (安居 S. śika, varṣa. P. vassa). Dịch ý là thời kì mưa. Còn gọi là hạ an cư, vũ an cư, tọa hạ, hạ tọa, kết hạ, tọa lập, nhất hạ, cửu tuần cấm túc, kết chế an cư, kết chế. Thời kì mưa ở Ấn Độ kéo dài suốt ba tháng mùa hạ. trong ba tháng này, người xuất gia không được đi ra ngoài mà phải tập trung ở yên một chỗ, dốc sức tu hành gọi là an cư. Trong thời kì mưa nhiều, đi ra ngoài, sợ dẫm đạp lên các loại côn trùng và mầm non các loại cây cỏ trên mặt đất, khiến người đời chê cười, vì thế phải ở yên một chỗ để tu hành, không đi ra ngoài. Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma số quyển 4 giải thích nghĩa chữ an cư như sau: thu nhiếp thân tâm yên tĩnh là an, ở tại một chỗ là cư.

An lạc ((安樂) (S. 366): Thân thể khỏe mạnh, tâm trạng vui vẻ.

An thiên (安禪) (S. 367): Trạng thái tinh thần ngồi thiền không suy nghĩ, không tri giác.

Anh Lạc kinh (瓔珞經): Là bộ kinh thuyết minh tác pháp thọ giới rất được Pháp tướng tông và Thiên Thai tông tôn vọng.

Ấp hương (搗香): Cung kính chấp tay xá chào mời cắm hương.

Ấp trà (搗茶): Xá chào mời uống trà.

## B

Ba cõi: Tức Ba thế giới của vòng sinh tử, là nơi mà loài Hữu tình tái sinh trong Lục đạo (skt: gati), có thể hiểu là Vũ trụ quan của đạo Phật. Ba thế giới bao gồm: 1. Dục giới (欲界; skt, p: kāmaloaka, kāmadhātu), có Ái dục về giới tính và những ái dục khác. 2. Sắc giới (色界; skt: rūpaloka, rūpadhātu): các vị ở đây thuộc nam tính nhưng đã chấm dứt mọi dục tính, ăn uống, nhưng còn có khoái lạc. Đây là thế giới của các thiên nhân trong cõi Thiên (skt: dhyāna). Hành giả tu tập thiền định có thể tái sinh trong cõi sắc. 3. Vô sắc giới (無色界; arūpaloka, arūpadhātu): thế giới này được tạo dựng thuần túy bằng tâm thức và gồm Bốn xứ (arūpasamādhī). Hành giả tu học Tứ thiền bát định có thể tái sinh vào bốn xứ này.

Ba-la-đề-đề-xá-ni ((波羅提提舍尼: S: patidesaniya): Là một trong cụ túc giới mà tỉ-kheo hay tỉ-kheo-ni thọ trì, gọi tắt là Đề-xá-ni, dịch theo ý là Đối Tha Thuyết, Hối

Quá Pháp v.v... Khi phạm giới này thì phải hướng về tỉ-kheo thanh tịnh mà nói cho họ biết để sám hối.

Ba-la-đề-mộc-xoa ((波羅提木叉; S: Pratimoksa, Pratimoksa, P: Pratimokkha, Pratimokkha): Chỉ phòng ngừa lỗi lầm của thân, miệng và 7 chi của 7 chúng, là giới luật phải thọ trì để xa lìa mọi phiền não hoặc nghiệp mà được giải thoát. Lại còn gọi là Bát-la-đề-mộc-xoa, dịch theo ý là Tùy Thuận Giải Thoát, Xứ Xứ Giải Thoát, Biệt Biệt Giải Thoát, Biệt Giải Thoát, Tối Thắng, Vô đẳng Học. Giới này để phòng hộ các căn, tăng trưởng thiện pháp, là phần nhập môn trong các thiện pháp, cho nên mới gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa.

Ba-la-nại (波羅奈; skt: vārāṇasī): Một quốc gia thời cổ đại Ấn Độ, nằm phía Tây nước Ma-kiệt-đà và phía Bắc xứ Kośala. Thủ đô còn được gọi là vārāṇasī, ngày nay là Ba-la-nại. Là nơi đức Phật Thích ca mâu-ni truyền dạy pháp giác ngộ cho năm vị đệ tử đầu tiên.

Ba Lăng tam chuyển ngữ (巴陵三轉語): Đây là công án Thiền tông, lại còn gọi là Ba Lăng tam cú, chỉ cho 3 câu nói mà Thiền sư Ba Lăng Hạo Giám dùng để kích thích kẻ hậu học giúp cho họ chuyển mê khai ngộ tứ là “chén bạc đựng đầy tuyết” “san hô càn càn chống trăng” “gà lạnh leo lên cây, vịt lạnh lội xuống nước” Vân Môn Văn Yển nghe được câu này rất lấy làm thích thú.

Ba-li (波離 S, P. Upāli). Gọi tắt của Ưu-ba-li, Ô -ba-lợi. Hán dịch: Cận chấp, Cận thủ. Một trong 10 vị đại đệ tử của đức Phật, người nước Ca-ti-la-vệ thuộc Ấn Độ, xuất thân từ giai Thủ-đà-la, làm thợ hớt tóc trong cung đình. Ưu-ba-li chuyên về giới luật, tu trì nghiêm cẩn, được khen là “Trì luật đệ nhất”; trong lần kết tập đầu tiên, sư đã tụng lại Luật bộ.

Bà-la-môn (婆羅門; S, P: brāhmaṇa): Danh từ chỉ một giai cấp, một hạng người tại Ấn Độ. Thuộc về giai cấp Bà-la-môn là các tu sĩ, triết gia, học giả và các vị lãnh đạo tôn giáo. Dân chúng Ấn Độ rất tôn trọng cấp người này. Trong thời đức Phật hoằng hóa, cấp này là cấp thứ hai của bốn cấp (sau thời đức Phật đến bây giờ là cấp cao nhất) trong hệ thống xã hội và vì vậy, họ rất kiêu mạn. Nhiều Bà-la-môn cho rằng, chỉ họ mới mang dòng máu “trắng” là dòng máu trong sạch và tất cả các hạng người còn lại chỉ sống để phụng thờ họ. Trong những bài kinh thuộc văn hệ Pā-li (Bộ kinh), Phật không hề chống đối giai cấp Bà-la-môn nhưng lại bảo rằng, không phải sinh ra

trong một gia đình, dòng dõi Bà-la-môn, là tự nhiên trở thành một Bà-la-môn. Người ta “trở thành” một Bà-la-môn với những hành động, những ý nghĩ cao thượng và đó chính là những tiêu chuẩn đích thật. Bất cứ người nào cũng có thể được gọi là Bà-la-môn nếu họ đạt những tư cách nói trên. Đây là một chiến thuật tuyệt vời của đức Phật khi Ngài chuyển ý nghĩa “giai cấp Bà-la-môn” thành một danh từ đạo đức Bà-la-môn, tức là một người có đầy đủ đức hạnh, vượt mọi giai cấp xã hội thời đó (Tập bộ kinh).

Bách thị ((百氏): Trăm nhà, nghĩa tương đương như bách gia, chư tử, tức là toàn bộ mọi hệ thống tư tưởng triết lý chính trị, học thuyết của tất cả các triết gia có dòng tư duy khác nhau trong toàn cõi Trung Quốc.

Bách Trượng (百丈) gọi đủ Bách Trượng Hoài Hải (百丈 懷海) (720-841) Vị tăng đời Đường. Người huyện Trường Lạc, Phúc Châu, họ Vương (có thuyết cho rằng họ Hoàng). Từ nhỏ đã thích đến thăm các tự viện, năm hai mươi tuổi theo ngài Tuệ Chiếu ở Tây Sơn xuất gia, sau theo luật sư Pháp Triều ở Nam Nhạc thụ giới cụ túc, không lâu, đến Lư Giang (ở Tứ Xuyên) đọc Đại tạng. Gặp được ngài Mã Tổ-Đạo Nhất hoằng pháp tại Nam Khang, đem tâm hướng theo và được Đạo Nhất ấn khả. Vì cùng với các sư Trí Tạng ở Tây Đường, Phổ Nguyên ở Nam Tuyên đều được trao truyền phép thiền, nên thời bấy giờ gọi là Tam đại sĩ. Sau ra làm chủ tại Tân Ngô (huyện Phụng Tân tỉnh Giang Tây), núi Bách Trượng, tự lập ra thiền viện, chế định thanh qui, suất chúng tu trì, thực hành sinh hoạt nông thiền (làm ruộng). Sư từng nói (Đại 48, 1119 trung); “Một ngày không làm, một ngày không ăn”. Năm Nguyên Hòa thứ 9, viên tịch, thế thọ chín mươi lăm tuổi. Nhà vua ban thụy “Đại Trí thiền sư”, tháp hiệu “Đại bảo thắng luân”. Môn hạ có Hi Vận ở Hoàng Bá, Linh Hựu ở Qui Sơn đứng đầu. Về sau các vua đời Tống, Nguyên lại ban thụy hiệu “Giác Chiếu thiền sư”, “Hoằng tông Diệu Hạnh thiền sư”.

Bạch chùy (白椎): Là một nghi thức trong lễ khai đường. Lúc khai đường, một vị tôn túc am tường lễ nghi đánh chùy gỗ một tiếng để báo hiệu dừng mọi tiếng huyên náo an bày trật tự rồi cất tiếng thỉnh mời trụ trì thuyết pháp gọi là bạch chùy. Sau khi trụ trì kết thúc buổi thuyết pháp, lại đánh một tiếng chùy gỗ nữa để báo hiệu thuyết pháp thành công hoàn mãn gọi là kết chùy. Người giữ nhiệm vụ bạch chùy và kết chùy cũng gọi là bạch chùy.

Bái nhạc (唄樂) (S. 187): Ban nhạc diễn xướng những lời bằng tiếng Phạn trong nghi lễ.

Bàn phục (幪袱): Cũng viết là (盤袱), tức cái khăn vải đậy lên cái mâm đựng thiếp sớ.

Bản trưởng (板帳) (S.171): còn viết là (板賬), khi vị trụ trì bị bệnh nặng, Giám viện chuẩn bị nhóm họp các vị có chức vụ như: Tri sự, Đầu thủ để đưa người bệnh đến ở Đông đường và đem những tài vật tùy thân của người bệnh ghi chép lại thành bản liệt kê gọi là Bản trưởng.

Bán trai (半齋): Tức là bữa ăn điểm tâm nhẹ giữa bữa cháo sáng và bữa trai trưa.

Bàng báii (霧霽): Mưa rào tuôn rơi ào ào, tức là mưa to trút xối xả.

Báo địa (報地) (S.165): tức là báo độ, là một cõi Tịnh độ được trang nghiêm bằng muôn vạn công đức.

Báo tạ(報謝): báo ơn, tạ đức. Ở ngữ cảnh trong bài có nghĩa là đáp tạ ơn mọi người đưa trụ trì nhập viện.

Báo thân (報身) (S. 253): Một trong ba thân Phật, tức sắc thân của Phật, trải qua sự tu tập mà được thân Phật ngộ đạo triệt để.

Bát bộ (八部): gọi đủ là thiên long bát bộ, hay bát bộ chúng gồm Thiên (deva), Long (nàga), Dạ-xoa (yaksa), A-tu-la (asura), Ca-lâu-la (garuda), Càn-thát-bà (gandharva), Khẩn-na-la (kimnara), Ma-hầu-la-già (mahoraga). Đây là các thần có sức mạnh lớn để bảo hộ Phật pháp. Trong bát bộ thì lấy thiên và long là chủ yếu, cho nên gọi là Thiên Long bát bộ.

Bát cụ (鉢具) (S. 342): dụng cụ đựng thức ăn của chúng tăng.

Bát cực (八極): chỉ nơi xa xôi cùng cực ở 8 hướng, “Minh đế ký” sách Hậu Hán thư viết: “Khôi hoàng đại đạo, bị chi bát cực”, Hoài Nam Tử chú: “Ngoài 9 châu có bát dân, ngoài bát dân có bát hoang, ngoài bát hoang có bát cực”.



Bát hoang (八荒): nghĩa như bát cực (xin xem chú thích chữ “bát cực”). “Thuyết uyển biện vật” chép: “Trong khoảng bát hoang (tám cõi xa xôi cùng cực có 4 biển, trong 4 biển có 9 châu. Thiên tử ở tại trung châu mà chế ngự 8 phương vậy”.

Bát nạn (八難) (S. 315): Phật giáo cho rằng có tám trở ngại khiến cho chúng sanh không gặp Phật và nghe pháp: 1. Địa ngục; 2. Ngạ quỷ; 3. Súc sanh; 4. Sanh nơi Bắc-cu-lô-châu; 5. Sanh lên cõi trời trường thọ; 6. Dui, điếc, câm, ngọng; 7. Trí thông minh của thế gian; 8. Sinh ra trước hoặc sau Phật. Nghĩa là sanh vào khoảng thời gian không có Phật pháp giữa hai thời kỳ này.

Bát-nhã-ba-la-mật-đa (船苦波羅密多): cũng gọi là Bát-nhã- ba-la-mật, dịch theo ý là trí huệ đáo bỉ ngạn (đến bờ bên kia), trí độ, minh độ, phổ trí độ vô cực, hoặc huệ ba la mật đa, là một trong sáu ba la mật, hoặc một trong mười Ba la mật, tức trọn chiếu trí huệ thực tướng mà đến tận cùng bờ mé của trí huệ, độ sanh từ bờ bên này đến Niết-bàn bờ bên kia.

Bát-nhã-đa-la tôn giả ((般若多羅尊者: S: Prajnatarā), là Tổ thứ 27 trong số 28 Tổ Tây Thiên do Thiên tông lập ra, cũng còn gọi là Anh Lạc Đồng Tử, là người Đông Thiên Trúc, thuộc chủng tộc Bà-la-môn, sớm mồ côi cha mẹ, thường đi lang thang trong làng xóm, hành tung giống như Bồ-tát Thường Bất Khinh. Năm 20 tuổi gặp Tổ thứ 26 là Bất Như Mật Đa thọ phước trở thành Tổ thứ 27 Thiên tông Tây Thiên, phước cho Bồ-đề Đạt-ma thành Tổ thứ 28.

Bát-nhã kinh ((般若經: S: Prajñā), lại gọi là Ba-nhã, Ba-la- nhã, dịch theo ý là huệ, trí huệ, minh, hiệt huệ, tức do tu tập Bát chánh đạo và Ba La Mật mà hiển hiện trí huệ chân thực, thấy rõ mọi sự vật và đạo lý. Bát Nhã kinh gọi đủ là Ma-ha Bát-nhã-ba-la-mật-đa Tâm kinh, (S: Prajñāpāramitā-hṛdaya- sūtra), chủ yếu tuyên thuyết lý chư pháp giai không qua các pháp ngữ uẩn, thập nhị nhân duyên, tứ đế, sắc tức thị không, không tức thị sắc.

Bát-nhã trí ((般若智 (S. 331): Bát-nhã là dịch âm của tiếng Phạn là Prajñā, một trong sáu độ mà Phật giáo cho là có thể đạt đến bờ kia; dịch ý là trí tuệ, nghĩa là sự nhận thức đặc thù theo Phật giáo. Còn gọi là trí tuệ siêu việt đạt đến bờ bên kia, niết-bàn.

Bát niết-bàn (般涅槃): cũng gọi là Bát nê-hoàn, (S: Parinirvāna) chỉ trạng thái tắt ngúm hay thôi cho tắt. Sau khi phiền não thiêu đốt đã tắt, đến được cảnh giới giác

ngộ, trí tuệ hoàn thành, cho nên Phật giáo lấy cảnh giới này làm mục đích sau cùng. Niết-bàn tịch tịnh là một trong 3 pháp ấn, vì thế Phật nhập diệt gọi là Bát Niết-bàn.

Bát phước điền ((八福田) (S. 266): có nhiều thuyết không đồng, một thuyết cho rằng, cúng dường đối với tám người sau: 1. Phật, 2. Thánh nhân, 3. Hòa thượng (người trao giới pháp cho mình), 4. Xà-lê, 5. Tăng, 6. Cha, 7. Mẹ, 8. Người bệnh, thì được phước vô lượng cho nên gọi là tám phước điền. Một thuyết khác cho rằng làm tám việc thiện như: làm giếng dọc đường, sửa cầu, sửa sang đường sá, hiếu thuận cha mẹ, cúng dường sa-môn, cung cấp cho người bệnh, cứu kẻ hoạn nạn, lập đàn chẩn tế, đây chính là tám phước điền.

Bát vị (鉢位) (S. 130): vị trí ngồi dùng cơm của chư tăng tại Tăng đường trong thiền lâm.

Bạt Già Tiên (跋伽仙): Còn gọi là Bạt Già Bà Tiên, Bạt Già Xà, (S: Bhagava, P: Bhaggava), dịch theo ý là Ngõa sư, cũng còn gọi là Vô Bất Đạt, là tên tiên nhân tu hành khổ hạnh trong rừng. Khi Thế Tôn đang đêm trèo thành trốn đi đã đến nơi này hỏi đạo vị tiên này, nhưng tiếc là hiện không rõ học thuyết của ngài ra sao.

Bất đoạn luân (不斷輪): Chỉ tăng chúng đọc tụng kinh liên tục không gián đoạn phút giây nào trong các lễ cầu tịch, cầu mưa ở tự viện. Hình thức là hoặc người này đọc tiếp theo người kia, hoặc giả nhóm này đọc tiếp theo nhóm kia, tuần tự tụng niệm câu chú suốt ngày nối tiếp nhau không gián đoạn.

Bất thẩm (不審) (S. 66): Tăng chúng gặp mặt chào hỏi nhau, nếu là người dưới hỏi người trên, nên nói: “Xin hỏi, Ngài có được ít bệnh ít não, đi đứng nhẹ nhàng tiện lợi chăng?”. Nếu là người trên quan tâm đến người dưới, nên nói: “Có được mạnh khỏe an lành; khát thực dễ dàng không? Chỗ đến không có những người ác; xuống nước, lên bờ không đạp phải côn trùng chứ?”. Người đời sau gọi tắt cách chào hỏi này là “Bất thẩm”.

Bí chương (祕章): tức là bí mật chú, đó là gọi chung chân ngôn Đà-ra-ni. Đà-ra-ni là chú văn bí mật trong các kinh, chỉ phiên âm mà không dịch nghĩa.

Bỉ ngạn (彼岸) (S. 183): dịch từ tiếng Phạn là Pāra, nhà Phật xem cảnh giới sanh tử là bờ bên này, xem việc thấu triệt nguồn gốc của sự sanh tử, tiến lên các cõi Phật là bờ bên kia.

Biện hương ((瓣香): lòng thành kính, ngưỡng mộ, tôn trọng rất mực.

Biện sự (辦事) từ gọi chung các chức sự trong thiền viện như: người trông coi các phòng tăng, người trông coi nhà dưỡng bệnh, tiếp khách, làm vườn, bửa củi, gánh nước, bếp núc, gặt hái v.v... đều gọi là biện sự.

Biểu (表) (S. 84): tức Biểu tán, nghĩa là đem phẩm vật mà mỗi người được nhận chia cho họ.

Bình (瓶): trong ngữ cảnh này là cái bình loại to đựng trà để rót cho số đông tăng chúng uống.

Bình cự (秉炬): Là một nghi thức cử hành trước khi di thể được hỏa thiêu. Vài người cầm cây đuốc gỗ sơn màu đỏ như hình cây đuốc đang cháy, ra bộ dạng như đang châm đuốc đốt di thể, đồng thời thuyết giảng Thiên lý gọi là Phật sự bình cự.

Bình phát ((秉拂) (S. 30): Phát chỉ dụng cụ để lau bụi, tức cây xơ quạt. Thiền sư khi thuyết pháp, tay thường cầm “Phát trần”. Các vị Đầu thủ trong Thiền lâm như Thủ tọa, Đông Tạng Chủ, Thư ký v.v... có đủ tư cách thay thế Trụ trì cầm phát trần lên pháp tòa khai thị cho đại chúng, nên gọi những vị tăng chấp sự này là “Bình phát”.

Bồ-đề (菩提) S, P. bodhi. Dịch ý là giác, trí, tri, đạo. Nói theo nghĩa rộng bồ đề là trí tuệ đoạn tuyệt phiền não thế gian mà thành tựu Niết-bàn.

Bồ-đề thọ (菩提樹: S: bodhi-druma, bodhi-taru, bodhi-vrksha, hoặc viết gọn là bodhi, P: bodhi-rukka), lại còn gọi là giác thọ, đạo thọ, đạo trường thọ, tư duy thọ, Phật thọ, là cây ở phía Nam thành Ca-da nước Ma-kiệt-đà mà đức Phật đã ngồi dưới gốc cây đó thành chánh giác. Cây này nguyên có tên gọi là bát-đa (S: asvattha), bôỉ đa, a thuyết tha, a báỉ đa, dịch theo ý là cát tường, nguyên cát, tên khoa học là Fucusreligiosa, trái của nó gọi là tất-bát-la (S: pippala).

Bồ-tát giới (菩薩戒) (S. 342): giới luật của Bồ-tát Tăng đại thừa, theo Kinh phạm võng, nội dung gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh là chỗ y cứ giới Bồ-tát.

Bổ xứ Trụ trì (補處住持) (S. 214): do vị trụ trì trước viên tịch nên suy cử vị trụ trì mới thay vào đó. Bộ sứ giả (部使者) (S.139): đời nhà Nguyên, Tuyên chánh viện hoặc Hành tuyên chánh viện giữ việc quản lý Phật giáo toàn quốc. Riêng Lễ Bộ thuộc Thượng Thư Tỉnh cũng là bộ phận phụ trách công việc của Tăng già, bộ sứ giả chỉ sứ giả do Lễ bộ sai khiến mà phái đi, chỉ sứ giả do Tuyên chánh viện hay Hành tuyên chánh viện phái đến.

Bồi thiếp (陪貼) (S.171): ngoài cơm rau, còn phụ giúp thêm những vật dụng cho Tăng già.

Bồn hoài (本懷): còn gọi là tố chí, tố hoài, tức là điều lo lắng tưởng nghĩ căn bản trong lòng mình. Như Phật và chư Bồ-tát từ xa xưa đến giờ, tâm niệm căn bản mà các ngài hằng ôm ấp là cứu độ chúng sanh ra khỏi bể khổ. Pháp Hoa huyền nghĩa quyển 1 viết: “Nhưng lập danh hiệu đốn đại mà không lập nhất thừa độc diệu thì đó không phải là bồn hoài của Thế Tôn”.

Bồn tích (本迹): tức là bồn tích nhị môn, cũng còn gọi là “bồn địa thù tích”, do ngài Trí Giả tông Thiên Thai lập ra. Bồn chỉ cho bồn địa đã thành từ lâu, còn tích là chỉ cho thù tích mới thành, tức là chỉ thực thể và ảnh hiện. Bồn môn là nơi Như Lai thực ra đã thành đạo từ lâu lắm rồi, hiển thị bồn địa của Phật-đà. Tích môn là chỉ cho Phật-đà mới thị hiện gần đây, đây là sự phân chia 2 phần, mỗi phần 14 phẩm ở trong kinh Pháp hoa.

Bửu điện (宝殿): còn gọi là Đại Hùng bửu điện, Đại điện, Đại Phật điện, Phật điện, tức là chánh điện chùa Thiên lâm.

## C

Ca-sa (袈裟: S: Kasaya, P: Kasaya) dịch theo ý là bạc màu (hoại sắc), nhiễm sắc v.v..., chỉ pháp y quấn quanh mình tăng sĩ.

Ca-tì-la-vệ 迦毗羅衛 (skt: kapilavastu; P: kapilavatthu) Thành phố sinh trưởng của đức Phật lịch sử, Tất-đạt-đa Cồ-đàm (skt: siddhārtha gautama), dưới chân Hi-mã-

lập sơn, ngày nay thuộc nước Nepal. Ca-tì-la-vệ ngày xưa là thủ đô của dòng họ Thích-ca (skt: śākya). Đức Phật được sinh ra tại Lam-tì-ni (skt: lumbinī) gần đó và sống thời niên thiếu tại Ca-tì-la-vệ.

Canh tường chi tư (羹牆之思): canh là canh chan cơm, còn tường là tường vách. Truyện Lý Cố trong Hậu Hán thư chép: “Xưa khi vua Nghiêu băng hà, vua Thuần quá ngưỡng mộ vua Nghiêu, trong 3 năm ngồi thì thấy hình ảnh vua Nghiêu nơi vách tường, ăn cơm thì thấy hình ảnh vua Nghiêu trong tô canh”. Vậy canh tường chi tư là lòng ngưỡng mộ tha thiết.

Cảnh mạng hảo nhật ((景命好日): ngày tốt cảnh mạng, cảnh mạng là ngày Hoàng đế tức vị. Cảnh mạng có nghĩa là mạng lệnh lớn lao, ý nói Hoàng đế vâng theo mạng lệnh lớn lao của trời. Từ đời Nguyên về sau, chốn Thiên lâm gặp ngày rằm mỗi tháng đều phải cử hành nghi thức chúc tán tụng kinh.

Cảnh vĩ (景緯): nghĩa tương đương như cảnh tượng lớn lao.

Cao hoang (高肅): cao là chỗ dưới trái tim, hoang cũng thế. Cao hoang là chỗ ách yếu của cơ thể con người, như nói bệnh nhập cao hoang tức là bệnh nặng sắp chết.

Cáo hương (告香): là nghi thức kẻ tham học thấp hương để thỉnh cầu sư gia phổ thuyết hay khai thị Thiên lý. Trong thời gian cáo hương thì mọi chức sự trong chùa cũng như các hành giả mới đến đều đứng theo vị trí ghi trong bảng đồ gọi là cáo hương đồ.

Cấp giá (給假): cho nghỉ phép.

Cần sách (勤策) (S. 327): vị sa-di đã thọ mười giới, vì muốn lập chí trở thành một vị tăng chính thức, tự mình nỗ lực khích lệ bản thân nên gọi là Cần sách.

Cần cựu (勤舊) (S. 41): chỉ cho những vị Tăng có chức trách cũ như Tri sự, Thị giả v.v... đã thôi chức trong Tòng lâm. Vì đã từng làm việc hết mình với chúng nên gọi là Cần, hiện đã thôi chức nên gọi là Cựu.

Câu-hi-la-trì (拘絺羅池) là một địa danh.

Câu-lưu-tôn Phật (拘留孫佛 S. Krakucchandha-buddha, P. Kakusandha-buddha): Là đức Phật thứ tư trong bảy đức Phật ở quá khứ, vị Phật thứ nhất trong một nghìn đức Phật ở kiếp hiện tại. Còn gọi Ca-la-cư-tôn-đà Phật, Yết-lạc-ca-tôn-đà Phật, Ca-la-ca-tôn-đà Phật, Câu-lâu-tần Phật, Ca-cư-lưu Phật, Cư-lưu-tần Phật. Dịch ý là lãnh giữ, diệt lụy, đã dứt những điều phải dứt, thành tựu mỹ mãn. Về di tích của đức Phật này, cứ theo Cao tăng pháp hiển truyện chép thì Ấp na tỳ già cách thành Xá vệ về mạn đông nam mười hai do diên, là nơi sinh của Phật Câu-lưu-tôn, tôn, là nơi cha con gặp nhau đều cũng có dựng tháp Phật. Lại cứ theo Đại đường Tây Vực ký, quyển 6, mục kiếp-tỷ-la-phật-tốt-đỗ quốc chép thì vua Vô-uru (vua A-dục) có dựng cột đá trước tốt đỗ ba (tháp) Xá-ly của đức Phật Ca-la-ca-tôn-đà.

Câu Thi (拘尸) (S. 187): gọi tắt của từ Câu-thi-na-yết-la, là tên thành, nơi đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập Niết-bàn.

Chánh giác (正覺): Skt là Samyak-sambodhi, Pàli là Sammà sambodhi, ý chỉ giác ngộ chân chánh. Cũng còn gọi là chánh giải, đẳng giác, đẳng chánh giác, chánh đẳng chánh giác, chánh đẳng giác, chánh tận giác, là tiếng gọi tắt của vô thượng đẳng chánh giác tam miệu tam bồ đề.

Chánh nghiệp (正業) (S. 331): nghiệp trong sạch, thoát khỏi các tà vọng. Tịnh độ tông lấy việc niệm Phật làm Chánh nghiệp.

Chánh niệm (正念) (S. 366): vứt bỏ vọng tưởng, chỉ tư duy và thể hội tính chất chân thực của Phật pháp, gọi là Chánh niệm.

Châm cơ (碁基): chỉ cho châm cơ bọ, tức là sổ sách ghi chép ruộng vườn, tài sản, thập vật của chùa.

Chân đình (真亭): là cái đình thật nhỏ treo di ảnh cổ trụ trì. Hình dáng như một cái đình lớn thu nhỏ lại, có treo từng bằng lụa mỏng, phía trước biển ngạch viết 2 chữ Chân đình. Trước chân dung đặt một bài vị, có nơi còn viết hẳn một bài tán, trong khi đưa quan tài đi hỏa thiêu thì chân đình được 2 người khiêng đi trước quan tài.

Chân tể (真宰): trời là chủ tể của muôn vật nên gọi là chân tể, nhưng trong ngữ cảnh này thì hình như từ “chân tể” là chỉ cho thần già-lam.

Chân thường (真常): là pháp chân thực thường tại, tức là cảnh giới Niết-bàn.

Chân yết thanh liễu (真歇清了) (1089~1151) Vị tăng thuộc tông Tào động đời Tống. Là pháp tự của thiền sư Tử thuần ở Đơn hà, người huyện An xương (tỉnh Tứ xuyên), họ Ung. Còn gọi là Tịch am. Mười một tuổi theo ngài Thanh Tuấn ở chùa Thánh quả xuất gia, lúc đầu học Pháp hoa. Mười tám tuổi thụ giới Cụ túc, vào chùa Đại từ tại Thành đô học kinh Viên giác, kinh Kim cương. Lần lượt lên núi Nga mi, Ngũ đài lễ Bồ-tát Phổ hiền và Văn thù. Đến núi Đơn hà ở Đặng châu (tỉnh Hà nam) tham yết ngài Tử thuần, được tỏ ngộ và nói pháp ngài. Sau sư đến làm thị giả Tô chiếu ở Trường lư. Năm Tuyên hòa thứ 3 (1121) ngài Tô chiếu lâm bệnh, thỉnh sư nhận đệ nhất tòa. Năm Tuyên hòa thứ 4, làm chủ Trường lư. Năm Kiến viêm thứ 2 (1128), lên núi Phổ đà lễ Bồ-tát Quan Âm. Năm Kiến viêm thứ 4 vào làm chủ chùa Tuyết phong, mở mang tông phong Tào động. Năm Thiệu hưng 15 (1145) ở chùa Năng nhân hưng thánh thọ thiền, năm 21 ở Viện Sùng tiên hiệu thiền. Tháng 10 năm ấy sư thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, bốn mươi lăm tuổi hạ. Thụy hiệu là Ngộ không thiền sư. Viết tín tâm minh niêm cổ 1 quyển, Nhất chương lục. Học trò biên tập Trường lư Liễu hòa thượng kiếp ngoại lục 1 quyển.

Chấn Đán (震旦): người Ấn Độ thời xưa gọi nước Trung Quốc là Cymisthna, được kinh điển Phật giáo dịch là Chấn đán. Sách Phiên dịch danh nghĩa tập chú thích: “phương Đông thuộc về Chấn, tức là nơi mặt trời mọc, cho nên mới gọi là Chấn đán”.

Chấp cục (執局): cơ cấu xử lý do trụ trì trực tiếp lãnh đạo các sự việc trong chùa.

Chí đại quy (至大規) (S. 303): tên của bộ thanh quy do vị trụ trì chùa Đông Lâm Lô sơn là Nhất Hàm soạn lại khoảng năm Chí Đại đời Nguyên (1308-1311CN), gọi đủ là “Thiền lâm bị dụng thanh quy”.

Chí Nguyên nguyên niên (至元元年) (S. 56): Chí Nguyên là niên hiệu của Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Năm đầu niên hiệu Chí Nguyên là 1279 CN.

Chích lý hiển tông (隻履顯宗): truyền thuyết được Thiên tông Trung Quốc cho là sơ Tổ Bồ đề-đạt-ma viên tịch chôn ở núi Hùng Nhĩ nhưng 2 năm sau thì sứ Ngụy là Tống Vân gặp ngài ở Thông Lĩnh (Pamir) vai vác gậy xỏ một chiếc dép đi thủng thẳng về Tây. Sứ về báo lại, vua Ngụy sinh nghi cho quật mồ lên thì thấy trong áo

quan chỉ còn mộ chiếc dép. Do đó về sau Thiên tông lấy từ “chích lý Tây qui” hay “chích lý” để chỉ cho Tông chỉ của Bồ Đề Đạt Ma

Chiêu công (昭公) (S. 372): thiên sư Thiện Chiêu đời Tống. Ngài họ Du, người Thái Nguyên, trụ trì thiền viện Thái Tử, chùa Thái Bình ở Phần Châu (nay là Tây Sơn, Phần Dương), ba mươi năm thuyết pháp không mệt mỏi, Ngài là bậc đạo cao đức trọng. Cả đạo lẫn đời đều cung kính ngưỡng mộ, không dám gọi tên mà gọi là thiên sư Phần Châu. Đời sau tôn xưng ngài là Chiêu Công.

Chiêu đề (招提 S. catur-diśa. P. catu-disa): Dịch âm là Chá đầu đề xá. Còn gọi là Chiên đầu đề xá. Dịch ý là bốn phương, tăng bốn phương, phòng tăng bốn phương. Tức chỉ cho nhà khách mà tăng chúng từ bốn phương (Chiêu đề tăng) đến đều có thể nghỉ lại qua đêm. Vì thế những vật chung của tăng đoàn, hoặc các vật mà đại chúng cùng có thể sử dụng được gọi là chiêu đề tăng vật, hoặc tứ phương tăng vật.

Chiến hãn (戰汗): tức là sợ đến toát mồ hôi, ở ngữ cảnh trong bài thì chỉ là từ khách sáo.

Chiết thủy ((折水): có 2 nghĩa: **a-** Trong tụng lâm sau khi chư tăng ăn cơm cháo xong thì đem nước rửa bát, muỗng, đũa đồ đi. **b-** Gọi đủ là “chiết thủy dũng”, là cái thùng đựng nước rửa bát – đũa trong Thiền lâm, lại cũng còn gọi là “khí bát thủy dũng”. Chiết nghĩa là đổ bỏ đi, tức là khi rửa bát thì miệng bát phải trút vào thùng. Theo sách “Nhập chúng tu trì” của Tông Thọ thì không được dùng nước nóng mà rửa bát muỗng. Lại khi rửa bát muỗng không được để nước rảy ra đất, lại cũng không được để bát chạm vào thành thùng phát ra tiếng động. Trước khi rửa bát, không được giở cái khăn đậy hai đầu gôi ra.

Chiếu bài (照牌) (S. 80): tấm bài ghi rõ vị trí chỗ ngồi của chúng tăng, khiến cho người vừa nhìn vào liền hiểu rõ.

Chiếu đường (照堂) (S. 55): phía sau Tăng đường trong Tòng lâm là chỗ Thủ tọa chỉ đạo, hướng dẫn Tăng chúng. Vì ở ngay sau Tăng đường, không được sáng lắm, nên đặc biệt xây dựng tương đối cao, rộng, gọi là Chiếu đường.

Chính tri kiến (正知見): là tri kiến Ba-la-mật, tri kiến của Phật, nghĩa đồng với trí huệ.



Chơn đình 真(亭) (S.174): ngôi đình nhỏ để thờ di ảnh của vị tôn túc đã viên tịch trong thiên lâm, được làm bởi 4 cột trụ, 4 mái hiên. Bốn mặt treo 4 tấm rèm mỏng, trước hiên treo một bức hoành phi viết 2 chữ “Chơn Đình”, trước di ảnh đặt một bài vị viết những từ ca ngợi, khi đưa di thể đi hỏa táng, bài vị được khiêng đi trước quan tài.

Chơn tể (真宰) (S. 331): trời là chúa tể của vạn vật nên gọi là chơn tể. Trong văn chương như chỉ cho năng lực có thể làm chủ tất cả sự vật trong thế gian, trên thực tế chỉ cho các vị thần trong chùa.

Chơn thường (真常) (S. 191): pháp thường trụ chơn thật, tức là cảnh giới Niết-bàn, cũng chính là chết.

Chu Chiêu Vương (周昭王): con của Kha vương, tên là Hà. Lúc bảy giờ tuần thứ phương Nam đến Hán Thủy đi thuyền bị vỡ chết chìm, tại vị 51 năm, thụy là Chiêu. Năm Chu Chiêu Vương thứ 26 là năm 563 trước Tây lịch.

Chu chính Kiến Tý (周正見子): lịch nhà Chu lấy tháng Tý làm tháng giêng, trong khi lịch nhà Hạ lấy tháng Dần làm tháng giêng, cho nên tháng chạp của lịch nhà Hạ là tháng 2 năm sau của lịch nhà Chu, do đó mới có thuyết nói Phật thành đạo vào tháng 2 là tính theo lịch Kiến Tý nhà Chu, còn tháng 12 là tính theo lịch Kiến Dần nhà Hạ nghĩa là 2 tháng là một.

Chùa Định Lâm (定林寺) ở Chung Sơn, tỉnh Giang Tô. Năm đầu Nguyên Gia đời Lưu Tống (424), Tuệ Lãm sáng lập chùa Định Lâm. Mười năm sau, Đàm-ma-mật-đa vào ở chùa này, vì chùa ở chỗ thấp liền dời đến chỗ cao để xây chùa nên có tên là chùa Thượng Định Lâm, nguyên chùa tên là Hạ Định Lâm. Từ khi xây đến nay, các bậc cao đức học rộng đến ở rất nhiều, tam tạng pháp vào đời Lương dừng lại ở đây...

Chủ giả (主者) : tức là chỉ trụ trì.

Chủ tang (主喪) (S.167): người chủ trì việc tang lễ.

Chủ tang nhân (主喪人): người được mời chủ trì lễ tang của trụ trì qua đời.

Chủ vị (主位): nếu ngôi nhà quay mặt về hướng Nam thì phía đông (tức phía tay trái) là chủ vị, và phía Tây (tức phía tay phải) là tân vị. Vậy, tùy theo hướng ngôi mà định vị trí.

Chúc hương (祝香): trong tụng lâm, lúc thượng đường chúc thọ Hoàng đế hay chúc Phật giáng đàn, trước khi thuyết pháp thì trụ trì phải đốt hương để biểu thị lòng thành kính cầu chúc. Bài văn đọc lúc chúc hương gọi là chúc hương văn.

Chúc lụy (囑累): chúc tức là phó chúc, phó thác, trao dặn. Lụy tức là gánh vác phiên lao, nghĩa là đem công việc khó nhọc giao phó cho người khác gánh vác. Trong Thiền tông, đem đại pháp của Phật và Tổ truyền trao lại cho đệ tử đời sau, khiến hộ trì gọi là chúc lụy.

Chúc Thánh (祝聖) (S.130): vị tăng ở chùa đốt hương cầu phước cho các hoàng đế của triều đại hiện tại. Việc này rất thịnh hành vào thời nhà Nguyên, vì thiền lâm thời nhà Nguyên cho rằng ân đức của triều đình đối với Phật giáo rất lớn, nên chúng tăng phải hết lòng báo ân.

Chung (鐘): chữ chung trong ngữ cảnh này là chỉ đại hồng chung.

Chủng trí (種智): là tiếng gọi tắt của

“nhất thiết chủng trí” (一設種智), tức là trí huệ của Phật biết tất cả các chủng loại pháp. Theo Trí độ luận thì chỉ có Phật mới có nhất thiết chủng trí, còn Thanh văn và Duyên giác chỉ có tổng nhất thiết trí.

Chuyên sứ (專使): sứ giả chuyên biệt đem di thư hay cà-sa của trụ trì sắp hay vừa qua đời đến thông báo tại các chùa khác.

Chuyển luân vương ((轉輪王; Skt: Cakra-varti-àjan, P: raja- cakkhavattin): còn gọi là Chuyển Luân Thánh vương, Chuyển Luân Thánh đế, Luân vương, Phi Hành Chuyển Luân đế, Phi Hành Hoàng đế, ý chỉ là vua quay tròn luân bảo là một loại chiến xa. Vương nắm giữ 7 báu là luân, tượng, mã, châu nữ, cư sĩ, chủ binh thần, gồm đủ 4 đức (trường thọ, không tật bệnh, dung mạo đẹp đẽ, bửu tàng long phú), thống nhất 4 châu quanh núi Tu-di, lấy chánh pháp ngự thế, đất nước giàu có, nhân dân an lạc.

Chư bộ (諸部): chỉ tất cả học thuyết của các phái trong nội bộ Phật giáo và các loại điển tịch đại biểu cho học thuyết các phái.

Chư sơn (諸山) (S. 25): chỉ các Tự viện, khác bốn tự.

Chứng (證): dùng tâm trí để đạt đến chân lý của Phật giáo.

Công giới (公界): giới hạn công cộng, từ đó dẫn đến nghĩa như chỗ công cộng, chỗ công chúng, chuyển nghĩa rộng hơn chỉ tài sản chung của tập thể.

Công môn (公門): chỉ công đường của quan lại, nơi phân xử việc kiện cáo.

Cộng nghiệp (共業): đó là nghiệp nhân mà chúng sanh cộng thông, có thể chiêu cảm mình và kẻ khác cùng chung thọ dụng núi sông đất đai, mưa nắng v.v... các thứ trên thế giới, đó là nghiệp y báo vậy. Ngược lại, nghiệp nhân mà mỗi cá nhân có thể chiêu cảm cho cá nhân mình thọ dụng, là nghiệp chánh báo ngũ căn thì gọi là bất cộng nghiệp.

Cổ xướng (估唱) (S.159): đem những di vật của vị tăng đã viên tịch ra xử lý giữa chúng tăng, trước hết định giá chúng gọi là Cổ y, rồi nêu giá cả của từng vật để chúng tăng mua gọi là Xướng y, hợp cả hai việc gọi là Cổ xướng.

Cù-dàm (瞿曇; Skt, P: Gautama, Gotama) là một họ trong chủng tộc Sát-đế-lợi, là dòng dõi của tiên nhân Cù-đàm, tức là họ gốc của Thế Tôn, dịch theo ý là đạt thật tốt, bền đất, ám ngu, diệt ác. Lại còn riêng gọi là Nhật chủng, Cam Giá chủng (giống dòng mía).

Cung đầu (供頭): tức là hành giả cung đầu có trách nhiệm soát thêm cơm canh, bung trà quả phục vụ cho đại chúng trong bữa thọ trai tại chùa Thiên lâm.

Cung đầu hành giả (供頭行者): Còn gọi: Cung quá hành giả. Gọi tắt: Cung đầu, cung tư. Người chuyên coi về việc phân phối cơm canh, trà quả và việc đốt đèn, sắm đặt hương hoa, đánh chuông trong Tăng đường, Phật đường và Từ đường. Từ ngữ Cung quá, chỉ cho chức làm việc ở Quá đường.

Cúng dường (供養): thông thường thí chủ đem tài vật cúng dường bố thí giúp cho tăng chúng an tâm tu học gọi là cúng dường. Trong ngữ cảnh bài này thì từ “cúng

đường” chỉ cho hương hoa, trà quả, cơm cháo, trà thang, tư tài, bày cúng tại miếu từ đường thờ tổ tông thí chủ kiến tạo chùa ở tự viện Thiên tông.

Cử ai (舉哀): trong buổi tế lễ thầy qua đời có nghi thức người tế sau khi đọc xong tế văn khóc rống lên ba tiếng “Ai! Ai! Ai!” (Đau buồn quá! Đau buồn quá! Đau buồn quá!) gọi là cử ai.

Cử dương (舉揚) (S. 26): Cử có nghĩa là nêu ra, nêu lên; Dương nghĩa là xiển dương, truyền bá giáo nghĩa Phật giáo. Hợp hai chữ Cử và Dương lại chỉ cho việc nêu ra công án, ra sức xiển dương.

Cử thoại (舉話): nêu lên chuyện cũ trong Thiên lâm, thường là công án để mở đầu cho buổi thuyết pháp, còn gọi là cử dương. Cử là đề xuất, đề khởi, còn dương là xiển phát giáo nghĩa Phật giáo. Vậy cử thoại hay cử dương là đề xuất công án vậy.

Cứ tọa (據坐): ngồi vào chỗ mà nghi thức qui định sẵn tùy theo hoàn cảnh lễ tiết.

Cửu hữu (九有) (S. 315): còn gọi là Cửu cư, chỉ ba cõi mà chúng hữu tình thích cư trú, đó là: 1. Người và sáu tầng trời trong cõi dục; 2. Cõi trời Sơ thiên; 3. Cõi trời Nhị thiên; 4. Cõi trời Tam thiên; 5. Cõi Vô tướng thiên trong Tứ thiên; 6. Cõi trời Không xứ; 7. Cõi trời Thức xứ; 8. Cõi trời Vô sở hữu xứ; 9. Cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

Cửu thành (九成): Nhạc được chia làm chín thành hay chín chung, mỗi chung là một khúc, tức là gồm chín khúc nhạc hay chín lần trở nhạc.

## D

Dã hồng (野汞): trong thuật luyện kim, loại trừ hết các chất dã hồng, tức là tạp chất, gọi theo bình dân là cứt vàng để lấy vàng ròng.

Danh đức (名德) (S. 25): vị Tỳ-kheo có danh tiếng lớn, đức hạnh cao.

Danh đức Thủ tọa (名德首座) (S. 284): chức vụ của Tăng trong Thiên lâm, chọn những người có uy tín, đức hạnh trong các Thủ tọa đảm nhận chức vụ này.

Danh thắng (名勝): cùng nghĩa với “danh đức” tức bậc cao tăng danh cao, đức trọng.

Dẫn tòa (弓|座) (S. 26): trong Thiền lâm gọi việc giới thiệu người khác với thính chúng khi thăng tòa thuyết pháp, hướng dẫn người khác là Dẫn tòa.

Dẫn tòa cử dương (弓|座舉揚): trụ trì hướng dẫn trụ trì chùa bạn lên pháp tòa giới thiệu với thính chúng để vị này thuyết pháp, xiển dương Phật lý.

Dẫn thỉnh xà-lê ((弓|請闍黎): Trong lễ thọ giới sa-di ở Thiền lâm, dẫn thỉnh xà-lê phụ trách việc dẫn đạo và giáo thọ các sa-di.

Di giá (桅架): tức là cái giá để treo móc y.

Di giá quả đáp đạo cụ (桅架掛道具): giá bằng cây để chur tăng treo móc đạo cụ.

Di giáo (遺教): chỉ giáo pháp mà Phật và các Tổ lưu lại cho đời sau, hoặc riêng chỉ giáo pháp mà đức Phật lúc sắp bát Niết-bàn thuyết giảng. Kinh Di giáo do ngài Cưu-ma-la-thập đời Hậu Tần dịch, 1 quyển, gọi là “Phật thùý Bát Niết-bàn lược thuyết giáo giới kinh”, “Di kinh”, “Phật lâm Niết-bàn lược giới kinh”, “Lược thuyết giáo giới kinh”, “Phật di giáo kinh”.

Di giáo viễn tôn (遺教遠孫): di giáo là chỉ giáo pháp mà Phật hay Tổ để lại cho đời sau, cũng gọi là di pháp, di giới, di huấn, di cáo, di hóa. Phật giáo là giáo pháp do đức Thích-ca Mâu-ni tuyên thuyết để lại cho đời sau, cho nên Phật giáo cũng còn gọi là di giáo của đức Thích Ca. Vậy di giáo viễn tôn là lời trụ trì khiêm xưng, tự nhận mình là con cháu xa của giáo pháp đức Phật để lại hay của Phật giáo vậy.

Di khám (移龕): sau khi liệm thân vào quan tài 3 ngày, khiêng quan tài dời đến pháp đường. Tại pháp đường tiếp tục tụng kinh thì gọi là Phật sự di khám.

Di mực (遺墨): tức là những thứ giấy tờ, công văn, thư trác do cố trụ trì để lại.

Di quỹ (遺軌): quỹ là vết bánh xe, vậy di quỹ là dấu vết người xưa để lại.

Dị duyên ((異緣): chỉ cho việc làm không chuyên ý, lòng mãi nghĩ ngợi lan mang chuyện đầu đầu.

Dị nhân ((異人): hàm ý chỉ dị quốc nhân tức người nước lạ. Thời xa xưa ở Trung Quốc do cách trở về địa lý lại khác xa về hình thù (da đen, râu ria xồm xoàm) nên người Ấn Độ bị gọi là dị quốc nhân, về sau chỉ gọi tắt là dị nhân.

,Diêm-phù ((閻浮): gọi đủ là diêm-phù-đề, là ý dịch từ Skt là jambu-dvipa, còn gọi là diêm-phù-lợi, chiêm-bộ-đề v.v..., tức Nam diêm-phù-đề, Nam thiêm bộ châu, là trái đất mà chúng ta đang ở vậy.

Diên thực (涎埴): nghĩa là nhồi nặn. Thiên “Tín ác” trong sách Tuân Tử chép: “Cổ đào nhân diên thực nhi vi khí”, có nghĩa là “Cho nên người thợ gốm nhồi nặn đất mà làm thành đồ dùng”.

Diên thọ đường (延壽堂): Ngôi nhà trong Thiên lâm dành cho các vị tăng đau ốm nằm điều trị và tịnh dưỡng. Từ ngữ “Diên thọ đường” hàm ý mong cầu kéo dài tuổi thọ của sắc thân để tiếp nối tuệ mệnh của pháp thân. Cũng gọi Diên thọ viện, Diên thọ liêu, Tương tức liêu, Tĩnh hành đường, Trọng bệnh lư (các), Niết-bàn đường, Vô thường viện (đường). Trong đó, tên gọi “Tĩnh hành đường” lấy ý là luôn luôn tỉnh thức quán xét hành khổ để phát khởi bi trí.

Diệu giác (妙覺): là một trong 52 giai vị tu hành của Bồ-tát Đại thừa, chỉ Phật quả cứu cánh của giác hạnh viên mãn, cho nên cũng là tên gọi riêng của Phật quả, lại cũng còn gọi là diệu giác địa. Đạt tới diệu giác này thì sẽ đoạn tận tất cả mọi phiền não, trí huệ được viên diệu, là lý giác ngộ Niết-bàn.

Du-già luận (瑜伽論): là tiếng gọi tắt của Du Già Sư Địa luận do Bồ-tát Di Lặc nói và được Vô Trước ghi nhớ chép lại, là điển tịch tối trọng yếu của Pháp tướng tông

Du phương ((遊方): chỉ cho tăng nhân vân du bốn phương, còn gọi là hành cước hay vân thủy.

Dục chủ (浴主) Người trông coi nhà tắm. Cũng gọi Tri dục, Dục tư. Chức vụ trông nom nhà tắm trong thiên lâm, một trong sáu vị đứng đầu tây tự trong thiên lâm. Đến giờ tắm, Dục thủ phải treo thẻ khai dục ở trước nhà trai và sắp đặt trong nhà tắm, xem xét củi, lửa, than v.v... Dưới quyền có vị Dục đầu hành giả giúp đỡ.

Dục đầu (浴頭) (S. 236): hành giả lo việc cung cấp nước nóng ở nhà tắm trong thiền lâm.

Dục Phật (浴佛): Nghi thức tắm Phật, cũng còn gọi là Quán Phật, tức để kỷ niệm ngày đản sanh của Phật, nhà chùa cử hành nghi thức pháp hội tụng kinh, trong đó có tắm tượng Phật. Theo truyền thuyết sau khi Phật đản sanh thì trời trút nước thơm xuống tắm rửa cho Ngài, căn cứ vào truyền thuyết này, ngày mùng 8 tháng 4 các chùa cử hành pháp hội tắm Phật, dùng hoa cỏ làm một hoa đình, trong đình này thiết trí tượng Phật đản sanh, dùng nước nấu thơm, nước trà ngon, và nước 5 màu, xối từ đầu xuống chân tượng Phật đản sanh để tắm.

Dục Phật kệ (浴佛偈): Kệ đọc lúc tắm Phật theo kinh Dục Phật công đức chép: “Trong nghi thức tắm Phật, khi xối nước thơm từ đầu tượng Phật xuống đến chân, duy-na tuyên sớ xong, cao giọng đọc kệ tắm Phật, nguyên văn có khác Sắc tu Bách Trượng thanh qui đôi chút.

Dục Thánh (浴聖): là nghi thức chùa Thiền tông tắm rửa cho tượng Thánh tăng.

Dục Vương (育王) (S. 64): gọi tắt tên chùa A-Dục vương, nay tại Ninh Ba, Triết Giang..

Duyệt toán thiên thu (睿算千秋): duyệt là cực sáng suốt, thánh triết. Vậ 4 chữ trên có ý chúc Hoàng thái tử thông minh, sáng suốt trường thọ ngàn năm.

Duy-ma kinh (維摩經; Skt: Vimalakirti-nirdesa). Duy-ma (Skt: Vimalakirti), dịch theo âm là Ti-ma-la-cật-lợi-đế, Ti- ma-la-cật, Duy-ma-cật, Vô cầu xung, Tịnh Danh, Diệt Cấu Minh, đệ tử tại gia của đức Phật Đà, là trưởng giả của thành Tỳ-xá-ly ở Trung Ấn. Tuy là tục lữ nhưng ngài rất tinh thông Phật pháp. Kinh Duy-ma gồm 3 quyển – 14 phẩm do Cưu- ma-la-thập đời Diêu Tần dịch, lấy Duy-ma-cật vừa nói trên làm chủ giáo. Duy-ma-cật thường kêu bệnh nhưng nói bệnh của ta là vì “chúng sanh bệnh nên ta bệnh”.

Duy-na (維那): Duy-na là từ đôi gồm cả hai loại tiếng Phạn và Hán nhập lại: Duy tiếng Hán là cương duy, nghĩa là cái giềng lưới, diễn rộng nghĩa ra là thông lý, tức là quản lý tất cả mọi việc. Na là từ gọi tắt của tiếng Phạn Karma-dāna, dịch âm là Yết-ma-đà-na, dịch theo ý là thọ sự (授事), có nghĩa là đem tất cả mọi tạp sự giao

phó cho người thi hành. Duy-na cũng còn gọi là đô duy-na, xưa gọi là duyệt chúng, tự hộ, là chức tăng thống lý mọi tạp sự của tăng chúng trong chùa.

Duy-na tri hội (維那知會): viết tắt của duy-na tri sự hội, nghĩa là duy-na và tri sự hội họp bàn bạc.

Dược Sư hiệu (藥師號): tức 7 tên hiệu của Dược Sư Phật, đó là: 1- Thiện Xung Danh Cát Tường Vương Như Lai. 2- Bửu Nguyệt Trí Nghiêm Âm Tự Tại Vương Như Lai. 3- Kim Sắc Bửu Quang Diệu Hạnh Thành Tự Như Lai. 4- Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai. 5- Pháp Hải Lô Âm Như Lai. 6- Pháp Hải Huệ Du Hí Thần Thông Như Lai. 7- Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Trong 7 danh hiệu này thì 6 danh hiệu đầu là phân thân của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

Dược thạch (藥石) (S. 42): còn gọi là Dược thực, là một ân ngữ của Thiên lâm, ngâm chỉ cháo buổi chiều. Theo luật nhà Phật quy định quá Ngọ không được ăn, nhưng có một số tăng nhân già yếu lại bị bệnh nên luật thông cảm cho ăn cơm buổi chiều coi như đó là dược thạch (thuốc men) để trị bệnh. Về sau, người không bệnh cũng được ăn thêm buổi chiều và gọi bữa cơm đó là dược thạch.

Dương dương (洋洋): mệnh mang như biển cả.

Dương đức (陽德): là dương khí, tức là khí mặt trời. Sách Chu lễ tông quan đại tông bá viết: “Lấy các thực vật do đất sản sanh làm dương đức, dùng hòa lạc mà phòng chừng”. Chữ dương đức trong ngữ cảnh bài Nhật thực này chỉ khí mặt trời.

Dương kỳ Phương Hội (楊岐方會): là Tổ khai sáng phái Dương Kỳ thuộc tông Lâm Tế đời Tống, đệ tử nối pháp của Thiền sư Thạch Sương Sở Viên, trụ ở Thiền viện Phổ Thông núi Dương Kỳ, thị tịch vào năm đầu niên hiệu Hoàng Hựu, thọ 54 tuổi.

Dương Ý (楊億) (S. 62): một học giả nổi tiếng đời Bắc Tống, người Phố Thành, Kiến Châu (nay là huyện Phố Thành, tỉnh Phúc Châu), sinh vào năm 974 CN, mất vào năm 1020 CN. Vào thời Tống Chân Tông, ông đảm nhiệm chức Hàn Lâm Học Sĩ, trước tác “Cổ Thanh Qui tự”.

## **Đ**



Đái hành tăng hành (帶行僧行): là các tăng nhân mà người chủ tang mang theo từ chùa nhà đến chùa có tang để phục thị cho mình.

Đái hành tri sự (帶行知事): là tri sự mà trụ trì mang theo mỗi khi ra khỏi chùa đi đến nơi nào.

Đại bi chú (大悲咒; Skt: Mahakarunikacitta dharani), lại cũng gọi là Thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát đại thần chú, Quảng đại viên mãn vô ngại đại bi tâm Đà-ra-ni. Đại bi tâm Đà-ra-ni, tức đại chú biểu thị công đức nội chứng của thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát. Toàn văn của chú này gồm 84 câu, đọc chú này được sanh vào 15 thiện sanh, không phải chịu 15 ác tử. Hơn nữa, tụng chú này 108 biến thì mọi phiền não tội chướng cho đến tội nặng ngũ nghịch đều tiêu trừ mà thân – khẩu – ý cũng được thanh tịnh.

Đại Châu (大珠): tăng nhân đời Đường tên Huệ Hải, pháp tự của Mã Tổ Đạo Nhất, từng soạn quyển “Đón ngộ nhập đạo yếu môn luận”. Nhân vì Mã Tổ Đạo Nhất khen Huệ Hải là viên ngọc tròn sáng (Viên Minh) nên đời gọi ngài là Hòa thượng Đại Châu.

Đại chúng (大眾) (S. 24): dịch nghĩa của tiếng Phạn Mahàsamgha. Trong kinh thường chỉ cho tất cả Thánh Hiền, trừ Đức Phật. Trong Thiền lâm thường chỉ cho tất cả Tăng chúng, trừ Trụ trì và Lương tự.

Đại dạ (大夜): đêm cuối cùng quần quan tãi tại chùa để qua sáng hôm sau là đưa đi hỏa táng.

Đại định (大定; P: mahaggata-samadhi): đối với tiểu định của dục giới mà nói thì bốn định thiện căn hữu lậu của sắc giới và vô sắc giới là đại định. Lại chỉ cho một trong tam đức của Phật là đại định, đại trí, đại bi. Tâm Phật trong sáng gọi là đại định.

Đại đức (大德): nguyên là tiếng gọi đức Phật trong các kinh Phật, sau chuyển nghĩa chỉ cho tăng nhân đạo cao đức trọng, còn ở Việt Nam ta thì chuyển nghĩa chỉ cho bậc tu sĩ thấp đứng sau cương vị Thượng tọa.

Đại Hân (大訢) (1284-1344) Vị thiền tăng phái Đại Tuệ thuộc tông Lâm Tế sống vào đời Nguyên. Người Giang châu, họ Trần, tự Tiểu ần. Sư xuất gia từ thuở nhỏ ở viện Thủy lục tại quận nhà. Lớn lên, sư thông suốt cả nội và ngoại học. Mới đầu sư tham vấn ngài Nhất sơn liễu vạn ở chùa khai tiên tại Lư sơn, không hợp. Sau đến học ngài Hối cơ nguyên hi ở núi Bách trượng và được nối pháp. Sau đó, sư lại tham yết ngài Trung phong minh bản ở núi Thiên mục. Về sau, sư từng trụ trì các ngôi chùa danh tiếng như: Giang tâm ở Vĩnh gia, Linh ần ở Tiên đường v.v..., người đến tham học rất đông, cực thịnh một thời. Vua Văn tông thỉnh sư vào cung hỏi đạo và ban hiệu: Quảng chi toàn ngộ đại thiền sư. Vua Thuận đế đãi ngộ sư rất trọng hậu và xin sư sửa chữa Bách trượng thanh quy. Năm Chí nguyên thứ 2 (1336), sư được ban cho hiệu là: “Thích giáo tông chủ”, trông coi năm chùa. Năm Chí nguyên thứ 4 sư tịch, thọ sáu mươi một tuổi. Tác phẩm có: Tứ hoại ngữ lục, Bồ thất tập, đồng thời sửa lại Sắc tu Bách trượng thanh quy 8 quyển.

Đại Huệ Thiền sư (大惠禪師) (S. 63): đáng lẽ là Đại Huệ Thiền Sư (大慧禪師), tên Tông Cao, tự Đàm Hối, hiệu Diệu Hỷ. Vào thời vua Cao Tông và Hiếu Tông đời Nam Tống, Ngài được sắc phong làm trụ trì chùa Kính Sơn–Hàng Châu, giáo hóa rất nhiều đồ chúng. Sau khi viên tịch Ngài được ban hiệu Phổ Giác, sau đổi lại là Đại Huệ. Trước tác gồm có 30 quyển ngữ lục, được đưa vào Đại Tạng Kinh.

Đại Nguyên quốc tự (大元國字): chỉ chữ quốc gia của nhà Đại Nguyên, tức là chữ Mông Cổ. Tuy nhiên trong thời gian cai trị Trung Quốc, cũng như nhà Đại Thanh, nhà Nguyên chủ yếu cũng chỉ dùng chữ Hán mà thôi.

Đại Phật bửu điện (大佛宝殿): cũng còn gọi là Đại Hùng bửu điện, là điện thờ tượng Phật thật to, tức chánh điện.

Đại Quan nguyên niên (大觀元年): năm đầu niên hiệu của Tống Huy Tông (1107).

Đại triển tam bái (大展三拜): cũng còn gọi là lưỡng triển tam bái, là lễ tiết bái kiến sư phụ hay bậc tôn trưởng trong chùa Thiền lâm. Cách thể hiện cụ thể như sau:- Trước hết trải tọa cụ chuẩn bị lạy. Nếu sư gia ngăn lại miễn lễ thì gấp tọa cụ lại, cúi cung kê lễ sự tình: đó là nhất triển.- Lại biểu thị tư thế trải tọa cụ lần thứ 2. Lại bị ngăn lại thì cũng lại biểu thị tư thế gấp tọa cụ lại, kể chuyện nóng lạnh xã giao tâm tình: đó là lưỡng triển.- Sau cùng lấy tay cầm tọa cụ đó gấp lại giập xuống đất 3 cái biểu thị trí ý lạy 3 lạy: đó là hoàn thành 2 lần trải tọa cụ, 3 lần lạy vậy.

Đại xuyên (大川) đàm châu đại xuyên thiền sư 潭州大川禪師

Đàm hoa ((曇花; Skt: va-udumbara, P: udumbara) gọi đủ là Ưu-đàm-bát-la hoa, cũng còn gọi là ưu-đàm-ba hoa, ưu-đàm hoa v.v... ý dịch là không thối hoa, không khởi hoa. Theo Tuệ Châu âm nghĩa quyển 8 thì đây là hoa thiêng mà trên trời – dưới đất không có, đây là loài hoa sở cảm điềm lành rất linh dị, khi nào có Như Lai hạ sanh thì mới cảm được loài hoa này xuất hiện.

Đàn-na (檀那((S. 56): tức Đàn Việt, còn dịch là Đà Na. Đàn thiên, kích (chiết) tiểu, thán đại, bao viên [彈偏擊(折) 小歎大褒圓]: gọi tắt là đàn thiên, chiết (kích) tiểu. Đàn hàm ý là đàn xích, bài xích. Thiên có nghĩa là giáo pháp thiên lệch quyền tạm, chứ không phải viên dung cứu cánh. Chiết hàm ý là bẻ gãy, tiểu là chỉ cho Tiểu thừa giáo, hoặc giáo thuyết hay tư tưởng nông cạn hẹp hòi. Thán tức là xưng thán, khen dồi. Đại là chỉ cho Đại thừa giáo, hoặc tư tưởng hay giáo pháp sâu rộng viên dung không thiên lệch. Bao tức là khen lao. Viên là chỉ cho viên giác. Thiên Thai tông đem một đời thuyết pháp của Phật Đà chia ra 5 thời, tám giáo. Năm thời là Hoa Nghiêm thời, Lộc Uyển thời, Phương Đẳng thời, Bát Nhã thời và Pháp Hoa Niết Bàn thời. Thiên Thai tông cho rằng đặc điểm của Phương Đẳng thời là ở “đàn thiên, chiết (kích) tiểu, thán đại, bao viên”, nói chung là bài xích tính cách thiên lệch nông cạn chẳng sót ráo của tam giáo “Tạng – Thông – Biệt” mà khen dồi diệu nghĩa thâm sâu viên dung của Viên giáo.

Đàn tràng (壇場): có 2 nghĩa: a/ Chỉ cái đàn mà Phật gia lập ra để làm lễ, thuyết giáo pháp. b/ Mạn-đồ-la của Mật giáo, nghĩa như đạo tràng (Skt: mandala). Trong ngữ cảnh bài Kỳ đảo này thì đàn tràng có nghĩa thứ nhất.

Đàn việt (檀越) (S. 28): dịch nghĩa của tiếng Phạn Danapati, còn dịch là Thí chủ, dịch âm Đà-na-bát-đề, chỉ cho tín đồ cư sĩ cúng thí tài vật và thức ăn cho tự viện hoặc tăng chúng, nhờ thế mà vượt qua khổ đau.

Đán quá (旦過): là từ gọi tắt của đán quá liêu, tức là liêu xá mà chùa Thiên lâm cung ứng cho tăng du phương chỉ ghé tham quan chùa trong đôi ngày rồi ra đi, chứ không dừng trụ lâu

Đán vọng (旦望) (S. 23): theo Âm lịch, ngày đầu tiên của mỗi tháng gọi là Sóc nhật, còn gọi là Đán; ngày 15 gọi là Vọng. Đán vọng tức là ngày mùng 1 và 15 âm lịch, còn gọi là Sóc vọng.

Đao Lợi thiên (忉利天;; Skt: Trayastrimsa, P: Tavatimsa), dịch theo âm là Đa-la-da-đăng-lãng-xá, lại cũng gọi là cõi trời 33. Trong vũ trụ quan của Phật giáo thì trời này ở tầng thứ 2 trong 6 tầng của Dục giới, là cõi trời mà Đế Thích cư ngụ, tọa lạc trên đỉnh núi Tu-di.

Đào thải đệ tử (淘汰弟子): đào thải nghĩa là đuổi bỏ, gột rửa. Đào thải đệ tử chỉ cho việc dùng tư tưởng Đại thừa để gột rửa các chấp pháp tu Thanh văn Tiểu thừa của đệ tử để tu Đại thừa.

Đảo nương (禱禳): nghĩa cũng như kỳ đảo, tức là cúng kiếng cầu xin trời Phật gia hộ cho tai qua nạn khỏi.

Đạo, lộ (道,路): trong ngữ cảnh ở bài thiên thu tiết này, thì 2 từ đạo và lộ là chỉ 2 đơn vị địa lý hành chính, tùy thời có cương vị và bề thế khác nhau, đại khái theo thứ tự huyện – đạo – lộ. Nhà Đường chia nước làm 10 lộ đạo, bốn phía của một khu vực lớn chia ra Đông – Tây – Nam – Bắc lộ.

Đạo Nhất (道一) (709-788) Thiên tăng nổi tiếng đời Đường, họ Mã, tên Đạo Nhất, hoặc được gọi “Mã Tổ Đạo Nhất”, người huyện Thập Phương, Hán Châu (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc. Sư xuất gia nơi Hoà thượng Đường ở Tứ Châu, thụ giới cụ túc nơi luật sư Viên ở Du Châu. Sư tập thiền ở viện truyền pháp tại Hành sơn, thờ Thiền sư Hoài Nhượng làm thầy, theo hầu suốt 10 năm, được truyền tâm ấn. Sư đến ngọn núi Phật Tích ở Kiến Dương, Lâm Xuyên, núi Cung Công ở Nam Khang để hoằng truyền thiền pháp. Khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-779), sư ở chùa Khai Nguyên tại Chung Lăng, học giả bốn phương vân tập, là 1 trong những trung tâm truyền bá thiền pháp lớn nhất trong nước thời ấy. Chủ trương: “Ngoài tâm không có Phật nào khác, ngoài Phật không có tâm nào khác”. Thụy hiệu: Đại Tịch Thiền sư.

Đạo tràng ((道場): bao hàm nhiều nghĩa, trong ngữ cảnh bài này là chỉ tên riêng của tổng tự viện.

Đạt-ma (達磨) (S. 17): gọi đủ là Bồ-đề-đạt-ma (skt: Bodhidharma), dịch ý là Đạo pháp. Trong đó Ma (磨) còn dịch là Ma (摩). Vị tăng người Nam Thiên Trúc (nay là miền Nam Ấn Độ) đến Quảng Châu bằng đường biển, vào cuối đời Tống thuộc Nam Triều (có thuyết nói là vào thời Lương Vũ Đế). Sau chuyển đến Bắc Ngụy, vân du các nơi như Lạc Dương, Tung Sơn v.v... và truyền bá thiền học, đề xướng ra phương pháp tu hành lý nhập và hành nhập. Về sau truyền trao y, pháp cho Huệ Khả. Thiền tông đời sau tôn Ngài làm Tổ thứ 28 của Thiền tông Tây Thiên Ấn Độ, đồng thời là sơ Tổ của Thiền tông Đông Độ Trung Hoa. Vua nhà Đường ban cho Ngài thụy hiệu là Viên Giác Thiền Sư.

Đặc vị vị (特為位): người ngồi đối diện với vị trụ trì buổi lễ (thường là vị phương trượng) gọi là đặc vị vị.

Đâu Suất thiên ((兜率天): Đâu Suất (Skt: Tusita, P: Tusita), tên Tây Tạng là Dgahldan. Cũng còn gọi là Đô Suất thiên, Đô Thuật thiên, Đâu Suất Đà thiên, Đâu Suất Đa thiên v.v... dịch theo ý là Tri Túc thiên, Diệu Túc thiên, Hỷ Túc thiên, Hỷ Lạc thiên, là tầng trời thứ tư của 6 tầng trời trong cõi Dục.

Đầu thủ (頭首)): là chức vụ chủ yếu của Tây tự trong chùa Thiền lâm, mà nhiệm vụ chính là thông lý đại chúng, nói rõ hơn 6 vị lãnh đạo bên Tây tự là thủ tọa, thư ký, tạng chủ, tri khách, dục chủ, khổ đầu; gọi chung là lục đầu thủ.

Đế hộp tế ((禘袷祭): tế đế và tế hộp. Tế đế có 3 loại là thời đế – ân đế và đại đế. Thời đế là tế theo 4 mùa trong năm, mùa xuân tế dục, mùa hè tế đế, mùa thu tế thường, mùa đông tế chung. Tế hộp là hộp chung tiên tổ thân sơ, gần xa mà tế.

Đế sư (帝師): nghĩa đen là thầy Hoàng đế, là tên chức quan thống lãnh tăng ni trong thiên hạ của nhà Nguyên. Năm đầu Nguyên Thế Tổ Chí Nguyên (1254) sắc phong cao tăng Bát Tư-ba của phái Tát-già Phật giáo Tây Tạng (Tạng văn là Sa-skyapa) làm quốc sư thống lãnh Tổng Chế viện (sau đổi lại là Tuyên Chính viện) sự. Đến năm thứ 7 đời Chí Nguyên [có thuyết nói năm đầu Trung Thống (1260)] thăng hiệu Đế sư thống lãnh 2 quyền to của Tây Tạng là Chính và Giáo. Về sau, hễ nói đến chức Đế sư là thống lãnh Tuyên Chính viện sự, trật ngang nhất phẩm, được ban cho ấn ngọc. Đế sư chứng nhận đăng quang nên mới nói là trên cả vua, đến cuối đời Chí Nguyên mới phế bỏ chức này.

Đế Thích (帝釋): gọi đủ là Đế Thích thiên (skt: Sakra Devanam-Indra), dịch theo âm là Thích Già-đề-hoàn Nhân Đà-la, gọi tắt là Thích Đề-hoàn Nhân, Thích Già-đề-bà. Lại cũng gọi là Thiên Đế Thích, Thiên chủ, hoặc Nhân-đà-la, Kiều-thi-già, Đà-bà-dà v.v... nguyên là vị thần của Ấn Độ giáo, về sau gia nhập Phật giáo tu hạnh bố thí phước đức được sanh lên cõi trời Đao-lợi, làm chúa tể trời 33.

Địch nghiệp ((敵業) (S. 367): Địch có hàm nghĩa chống lại, triệt tiêu. Địch nghiệp giống như nói chống lại hoặc tiêu trừ nghiệp chướng.

Điểm thang (點湯) (S.80): nghi thức dâng nước uống trong Thiền lâm, như nước nấu từ gạo, bảy loại hương v.v...

Điền y (田衣) (S. 336): tên khác của ca-sa, hình dáng y ca-sa được cắt theo chiều ngang, dọc; không thừa không thiếu giống như thửa ruộng nên gọi là Điền y.

Điền tọa (典座) chức vụ của vị tăng phụ trách việc ăn uống của đại chúng trong tùng lâm, là một trong sáu vị trí sự thuộc Đông tự. Chức vụ này tuy lo việc ăn uống lật vật, nhưng từ xưa đã rất được coi trọng và thường thỉnh cử vị tăng đức hạnh cao khiết đảm nhiệm. Bởi vì công việc này cũng là một phương pháp tu trì, nếu giao cho một người không có tâm đạo phụ trách thì chỉ luống công vô ích.

Điện hạ (殿下): nghĩa đen là dưới điện. Hoàng thái tử cư trú tại điện các, khi giao tiếp với thái tử thì mọi người gọi ngài là điện hạ, ý khiêm nhường tôn kính là mình chỉ dám nói chuyện với phía dưới điện, chân điện chứ không dám tiếp xúc trực tiếp. Đây cũng là ý tôn xưng ở các từ bộ hạ, các hạ. Điện hạ tiếng Pháp gọi là Son Excellence. Định (定) (S. 365): chỉ thiền định. Thông qua sự tinh cần tu tập khiến cho tâm an trú vào trong một cảnh giới nhất định.

Định huệ kiêm tu (定慧兼修): cũng còn gọi là định huệ đẳng trì, ý nói là phải vận dụng giữa thiền định và trí huệ bằng nhau, song vận tịnh tu chẳng phân biệt nặng nhẹ, trước sau. Bởi vì tự tánh có thể là định, dụng là huệ có quan hệ với nhau. Thể tức là dụng, mà huệ chẳng rời định. Dụng tức là thể, mà định không rời huệ.

Định Lâm tự (定林寺): chùa do Huệ Giác xây vào đầu niên hiệu Nguyên Hi đời Lưu Tống Nam triều. Năm Lương Đại Thánh thứ 2 (528), Đạt Ma thị tịch chôn ở núi Hùng Nhĩ và xây tháp ở chùa Định Lâm này.

Định thủy (定水) (S. 367): ví cho tâm định vắng lặng, giống như mặt nước lắng trong không một gợn sóng.

Đoạn Kiều (斷橋) (S. 244): thiền sư Diệu Luân đời Tống, tự Đoạn Kiều, hiệu Tùng Sơn Tử, họ Từ, người Hoàng Nham tỉnh Chiết Giang. Ngài từng trụ trì nhiều ngôi chùa nổi tiếng, viên tịch vào năm thứ hai niên hiệu Cảnh Định (năm 1261 CN).

Đô giám tự (都監寺) (S. 250): cũng gọi là Giám viện, Viện chủ, Chủ thủ là một trong sáu vị tri sự thuộc Đông tự của thiền lâm. Trước khi chưa có Đô tự, vị này quản lý tất cả những việc trong chùa; về sau mới lập thêm chức Đô tự thì vị này phụ tá cho Đô tự.

Đô tự (都寺): gọi đủ là đô giám tự, là một trong sáu vị tri sự của Đông tự chùa Thiền lâm, cương vị trên giám tự, là tổng quản của các giám tự, còn gọi là đô tổng hay đô thủ.

Độ điệp (度牒) (S. 253): tăng tịch tùy thân do quan phủ cấp cho tăng ni hộp pháp.

Đối xúc lễ (對觸礼): hai người đối diện nhau cùng giập tọa cụ xuống nền trí ý lay chào nhau.

Đông đường (東堂) (S.131): chỗ của các vị đã từng làm trụ trì trước đây, sau khi thoái chức lui về an dưỡng, gọi là Đông đường, cũng gọi là Đông am.

Đông Sơn Diễn Tổ (東山演祖) (S.227): thiền sư Pháp Diễn đời Tống, họ Đặng người Miên Châu (nay thuộc vùng Miên Dương, Tứ Xuyên). Ngài đã hoằng pháp một thời gian dài ở tổ đình thiền tông tại Đông Sơn-Kì Châu, (nay thuộc phía Đông Kì Xuân, Hồ Bắc), nơi đây hưng thịnh một thời, người đời gọi Ngài là Đông Sơn Diễn Tổ hoặc là Ngũ Tổ Thiền Sư.

Đông tự (東序): là ban vị đứng ở mé bên Đông của Phật điện, pháp đường, chỉ tăng chúng thông hiểu thế pháp, tức chỉ tri sự, tri sự vị. Đứng ở bên mé Tây thì gọi là Tây tự, chỉ người giỏi học vấn và đầy đủ đạo đức, tức đầu thủ, đầu thủ vị. Lại cũng đứng bên Đông tự là lục tri sự gồm: đô tự, giám tự, phó tự, duy-na, diễn tọa, trực tuế, gọi là Đông tự tri sự.

Đồng hành (童行): thông thường chỉ cho các thiếu nhi chưa hoàn toàn thể phát, đầu còn chừa chỏm tóc trong chùa Thiên lâm (chú điếu). Tuy nhiên từ đồng hành trong ngữ cảnh bài này chỉ cho các hành giả nói chung trong chùa Thiên lâm, không kể là lớn bé.

Đồng văn (同文): nghĩa đen là cùng một thứ văn tự, tức là chỉ toàn thể nhân dân Trung Quốc những người cùng dùng một thứ chữ Hán vậy.

Đới hành Tri sự (帶行知事) (S. 88): tri sự theo trụ trì ra ngoài.

Đơn liêu (單寮) (S. 31): đơn liêu là phòng một người ở trong tăng xá. Các Đầu thủ, Tri sự sau khi thoái chức, những vị danh đức ở Tây đường, cho đến Thủ tọa đương nhiệm đều có thể ở đơn liêu. Cho nên dùng Đơn liêu gọi thay cho các vị Thủ tọa, các vị danh đức và Đầu thủ, Tri sự đã thôi chức ở tại phòng đơn này.

Đơn vị (單位) (S. 349): chỗ ngồi có dán tên của mình trong Thiên đường.

Đức Huy (德輝) vị thiền tăng thuộc tông Lâm tế sống vào đời Nguyên, hiệu là Đông dương. Năm Thiên lịch thứ 2 (1329) đời vua Minh tông, sư trông coi chùa Bách Trưng. Niên hiệu Chí thuận năm đầu (1330) đời vua văn tông, sư làm lại nhà pháp đường. Niên hiệu Chí nguyên năm đầu (1335), sư phụng mệnh vua biên tập lại Bách trưng thanh quy và năm sau cho phổ biến khắp các tông lâm trong nước, được vua ban hiệu là: “Quảng tuệ thiền sư”. Năm sinh năm mất và quê quán của sư đều không được rõ. Trong mục lục của tạng tập lục truyền đăng lục quyển 4, có nêu tên mười vị nói pháp ngài Hối cơ Nguyên hi thuộc phái ngài đại tuệ Tông cáo đời thứ năm, trong đó có tên thiền sư Đông Dương Đức Huy ở Đông lâm, nhưng chưa chép tiểu sử của sư.

Đương cơ (當機) (S. 47): Phật Tổ khi thuyết pháp luôn liên hệ chặt chẽ đến khí chất, đặc điểm của chúng sanh, hầu đem lại lợi ích cho họ, gọi là “Đương cơ”. Về sau dùng “Đương cơ” chỉ cho việc thuyết pháp trước đại chúng.

Đương đại (當代) (S.100): ý nói người đang nhậm chức.

Đương đại trụ trì (當代住持): tức trụ trì đang còn tại chức là từ phản nghĩa của thoái chức trụ trì.



Đường chủ (堂主) Gọi đủ: Diên thọ đường chủ. Chức vụ trông coi tất cả việc trong Diên thọ đường (phòng chữa và dưỡng bệnh). Điều Diên thọ đường chủ tịnh đầu trong Thiên uyển thanh quy quyển 4 (Vạn tục 111, 449hạ), nói: “Khi tuyển chức vụ Đường chủ, phải thỉnh người có lòng rộng lượng, nhẫn nại, chịu khó, đạo niệm chu toàn, chăm nuôi, an úy bệnh tăng, biết rõ nhân quả”. Ngoài ra, những người trông coi các việc khác cũng gọi là Đường chủ, như: Thủy lục đường chủ, La hán đường chủ. Nhưng danh từ Đường chủ đây chỉ đặc biệt chỉ cho Diên thọ đường chủ là dùng tên chung là tên riêng.

Đường đầu Hòa thượng ((堂頭和尚): Đường đầu là tên gọi khác của phương trượng, cho nên mới dùng từ Đường đầu Hòa thượng để chỉ cho phương trượng tức là trụ trì.

Đường ty (堂司) (S. 24): tên riêng của liêu Duy na trong Thiên lâm. Vì Duy-na quản lý các sự việc trong Tăng đường, nên gọi tên phòng ở của Ngài là Đường ty. Vì lý do đó nên lấy tên Đường ty chỉ cho Duy na. Người giúp việc cho Duy na ở Đường ty gọi là Đường ty hành giả.

Đường ty hành giả ((堂司行者): đường ty là một trong sáu tri sự, cũng còn gọi là duy-na, phụ trách chỉ đạo tăng chúng tại tăng đường. Liêu thất của duy-na gọi là đường ty, vị dịch tăng chương quản tạp vụ dưới quyền duy-na, gọi là đường ty hành giả hay đường hành.

## E É

lý chi thân (瘞履之辰): ngày chôn dép. Tương truyền khi Đạt Ma viên tịch được chôn ở núi Hoàng Nhĩ, nhưng khi Tống Vân đi sứ về tới Thông Lĩnh (Pamir) thì gặp Đạt Ma vai vác gậy xỏ một chiếc dép đi về Tây nên về báo lại với vua. Vua sinh nghi cho khai quật mộ thì thấy trong áo quan chỉ còn lại một chiếc dép. Do đó cụm từ ngày chôn dép chỉ ngày sơ Tổ Bồ-đề-đạt-ma qua đời.

## G

Gia pháp (家法): trong ngữ cảnh bài này chỉ môn phong và qui củ do trụ trì thiết lập, hình thành tại một ngôi chùa nào đó.

Già-đà (伽陀: Skt, p: gatha) là một trong 12 thể loại kinh, cũng còn gọi là già-tha, kệ, dịch theo ý là phúng tụng, kệ tụng, cô khởi tụng, bất trùng tụng kệ, là thể văn vần, thi ca của Phật giáo.

Già-lam ((伽藍)) (S. 55): tiếng gọi tắt của Thần Già-lam, vị thần hộ trì Già-lam (tự viện). Kinh Phật nói có 18 loại thần giữ gìn bảo hộ Già-lam. Nhưng từ sau đời Nguyên, Minh các chùa đa số gọi Quan Vũ-vị tướng nhà Hán-là Thần Già-lam.

Giác (覺) (S. 365): có hai nghĩa: giác ngộ và giác sát. Ở đây chỉ giác sát, tức là biết rõ việc xấu.

Giác hoa (覺華): chỉ cho chân giác. Giác tức là trí huệ, trí huệ mở như hoa nở, nên gọi trí huệ là giác hoa.

Giác hoàng (覺皇): vua giác ngộ, tức là chỉ đức Phật. Giác linh (覺灵): tiếng gọi tôn vọng linh hồn người chết, ý nói linh hồn này đã giác ngộ không còn mê muội nữa, về sau chuyển nghĩa chỉ vị Hòa thượng qua đời.

Giác tự, giác tha (覺自覺他): cũng còn nói là tự giác – giác tha, chỉ cho Bồ-tát Đại thừa tu hành tự mình giác ngộ, lại còn giúp cho kẻ khác giác ngộ nữa, nhưng chỉ có Phật mới đạt được cảnh giới tự giác – giác tha – giác hạnh viên mãn.

Giám viện (監院) tức giám tự, viện chủ, chủ thủ, tự chủ. Chức vụ lãnh đạo chúng tăng và giám sát các việc trong chùa. Một trong sáu chức Tri sự của Thiền tông, đứng sau chức Đô tự.

Giang hồ (江湖) (S. 91): có hai cách giải thích: 1. Giang Tây và Hồ Nam là những nơi Thiền tông cực thịnh, do đó chỉ chung cho các đệ tử Thiền tông là giang hồ. 2. Giang Hồ là nơi kẻ sĩ ẩn dật. Ở đây chỉ hạng người thứ hai là những vị cao tăng ở các ngôi chùa lớn thuộc những núi danh tiếng, không màng thế sự, cũng gọi là chúng Giang hồ.

Giang Tây (江西): vùng đất đối xứng với Giang Đông của nước Sở.

Giáng thần (降神): nghĩa như giáng cách, giáng lâm, tức là Thánh thần – Phật xuống trần.

Giảng (講): trong Sắc tu Bách Trượng thanh qui thì chữ giảng này có nghĩa đặc biệt là cử hành, tiến hành, chứ không phải giảng giải kinh điển.

Giáo ngoại biệt truyền (教外別傳) (230): Thiên tông truyền pháp không dựa vào văn tự trong kinh điển mà chỉ thẳng tâm người để đồ chúng trực tiếp thể hội tâm ấn của Phật Tổ nên gọi là giáo ngoại biệt truyền.

Giới chí (界至) (S. 276): bốn phương biên giới đất đai tức là các hướng Đông Tây Nam Bắc của đám ruộng.

Giới cụ (戒具): cũng còn gọi là giới lạp, chỉ số năm sau khi tăng lữ thọ giới cụ túc, gọi phổ thông là tuổi lạp. Tăng lữ lấy tuổi lạp mà phân định lớn nhỏ, chứ không theo tuổi đời.

Giới lạp (戒臘): Cũng gọi là Pháp lạp, hạ lạp, toạ lạp. Pháp tuế, gọi tắt là Lạp. Lạp nguyên chỉ cho lễ cúng cuối năm. Trong Phật giáo hạ lạp dùng để tính số năm của chư Tăng sau khi thọ giới cụ túc. Vì ngày 15 tháng 7 mỗi năm là ngày kết thúc an cư kiết hạ được xem là ngày kết thúc của giới lạp. Sau ngày 16 là thêm một tuổi mới.

Giới sư ((戒師): cũng còn gọi là giới Hòa thượng, là người tinh thông giới luật, được thỉnh mời chủ trì lễ thọ giới của sa-di, truyền trao giới luật cho sa-di.

## H

Hạ (夏) (S. 40): gọi tắt của Hạ an cư, còn gọi là An cư, Vũ an cư. Ở Ấn Độ thời xưa, Phật giáo quy định vào 3 tháng mùa mưa (khoảng tháng 5 đến tháng 8) Tăng Ni không được ra ngoài. Vì ra ngoài sẽ dễ làm thương tổn đến cây cỏ, côn trùng nhỏ nhít, nên phải ở trong chùa thọ nhận của cúng dường và chuyên tâm tọa thiền, tu học. Phật giáo Trung Quốc kế thừa truyền thống này, quy định thời gian an cư vào ngày 16 tháng 4 đến ngày 15 tháng 7 âm lịch. Hạ an cư gọi tắt là Hạ tọa, Tọa hạ.

Hạ bát (下鉢) (S. 88): đến giờ dùng cơm tập thể của chư Tăng trong Thiền lâm thì đánh Vân bản trước nhà bếp, hoặc nghe tiếng hành giả hô to, chúng tăng nhất loạt hạ túi bát đang treo phía trên đơn xuống.

Hạ đường (下堂): sau khi dùng cơm hay cháo xong, tăng chúng rời khỏi tăng đường thì gọi là hạ đường, còn ngược lại là thượng đường.

Hạ đường chung (下堂鐘): sau khi chư tăng dùng cơm cháo xong thì động 3 tiếng chuông để họ rời khỏi tăng đường.

Hạ gian (下間) (S. 42): theo quy định của Thiên lâm khi vào thiên đường, phía bên trái của mình gọi là Hạ gian. Vị trí phương vị ngược lại gọi là Thượng gian.

Hạ ngữ (下語) (S. 41): lời vị thầy dùng để giáo huấn học trò. Lời phát biểu hoặc trình bày kiến giải của mình sau công án hoặc kệ tụng, cũng gọi là Hạ ngữ.

Hàm Thuần Quy (咸淳規) (S. 295) : tỳ-kheo Duy Miễn ở Hậu Hồ soạn lại Thanh qui thiên lâm vào khoảng năm Hàm Thuần (1265-1274 CN) đời Nam Tống.

Hành đường (行堂): chỉ nơi cư trú của hành giả, cũng còn gọi là hành giả đường, hành giả liêu, hành giả phòng, tuyển tăng đường, ý cho rằng từ nơi này hành giả được tuyển chọn thế độ làm tăng.

Hành giả (行者) (S. 24): chỉ cho người làm công quả trong Tự viện Phật giáo mà chưa xuống tóc xuất gia. Cũng chỉ tăng du phương mới đến chùa được ghi tên cho ở lại lâu dài.

Hành ích (行益) (S. 233): dọn cơm và thêm thức ăn, tức là dọn và thêm thức ăn tại mỗi chỗ cho đại chúng thọ trai.

Hành phổ thỉnh ((行普請): tăng chúng cả chùa lao động tập thể, sau chuyên nghĩa chỉ tập họp tăng chúng, nhưng nghĩa này không được dùng phổ biến.

Hành thị giả (行侍者): có lẽ chỉ cho thị giả từng hành, tức là đi theo phục vụ tôn túc.

Hành thực (行食) (S. 88): Hành là phân phát, thực là thức ăn. Hành giả đem từng phần thức ăn phân phát cho Tăng chúng gọi là Hành thực.

Hành Tuyên Chánh Viện (行宣政院) (S. 295): cơ quan quản lý Phật giáo trong cả nước và điều hành quân sự ở khu vực dân tộc Tạng vào đời Nguyên gọi là Tuyên chánh viện. Còn cơ quan trực thuộc Hành tuyên chánh viện đặt tại các tỉnh.

Hào mang (豪芒): cũng viết là (毫), đồng nghĩa với hào mạt (毫末), chỉ cho cái gì thật nhỏ nhoi. Truyện Quách Ngọc trong sách Hậu Hán thư chép: “Châm thạch chi gian, hào mang tức quai”. Hào mang thường được hiểu là mảy lông.

Hát thực hành giả (喝食行者) (S. 66): gọi tắt là Hát thực. Đến giờ đại chúng dùng cháo, thọ trai, các đồng hành theo thứ tự báo tên người dự bữa trai phạn đứng đợi bên phía nam Trai đường.

Hắc phạn (黑飯) [1155a02]: Còn gọi là ô phạn, đồng phạn, nghĩa là cơm đen. Cơm được nấu bằng lá cây nam thiên chúc nên có màu đen. Cây này là chú của loài thảo mộc, ăn vào làm cho thần khí sáng khoái, tuổi thọ tăng thêm. Loại cơm này được nấu cúng trong dịp lễ tắm Phật ngày Phật đản.

Hằng hà (恒河 : Skt: Ganga) lại còn gọi là Hằng-ca-hà, Hằng-già-hà v.v..., hàm ý là “do Thiên đường mà lại”, là một trong 3 con sông lớn của Ấn Độ, phát nguồn từ Tây Tạng.

Hậu bản ((後板): trong tăng đường, hai bên hông khám thờ tượng Thánh tăng đều có mở 2 hàng xuất nhập bản. Nhân khi vào tăng đường thì phần bên trái thân mình vào sau, cho nên bản bên mé trái gọi là hậu bản mà cũng là từ dùng để ám chỉ hậu đường.

Hậu đường (後堂) (S. 47): tiếng gọi tắt của Hậu đường Thủ tọa. Thiên lâm phân Tăng đường ra làm Tiền đường và Hậu đường. Người được phân công trông coi hậu đường gọi là Hậu đường Thủ tọa.

Hoa nghiêm kinh (華嚴經): gọi đủ là Đại phương quảng Phật hoa nghiêm kinh, (Skt: Buddha-vatamsaka- mahavaipulya-sutra), cũng còn gọi là Tạp hoa kinh, là một trong các yếu điển của Phật giáo Đại thừa, nêu lên ý chỉ pháp giới duyên khởi, sự sự vô ngại.

Hòa hội (和會) (S. 40): có nghĩa là trao đổi điều hòa, cân nhắc điều nào nên áp dụng, điều nào không nên áp dụng.

Hòa hợp (和合) (S. 314): ba vị tăng trở lên cùng sống chung, cùng giữ giới và tu tập nên gọi là Hòa hợp.

Hòa hợp hải (和合海) (S. 332): tăng chúng hòa hợp làm một, giống như nước biển chỉ một vị mặn, mà tăng chúng thì nhiều giống như biển lớn sâu rộng nên gọi là Hòa hợp hải.

Hòa nam (和南): là dịch âm tiếng Phạn Vandana, lại cũng còn được dịch là Bà nam, Bàn đàm, Bàn đàm, dịch theo ý là cúi đầu, kính lễ, biểu thị bằng cách chắp 2 bàn tay để tỏ vẻ trí kính khi gặp nhau.

Hòa thượng (和尚; skt: upādhyāya; P: upajjhāya) dịch âm Hán Việt là Ưu-ba-đà-la; Là bậc tôn sư thân cận dìu dắt các Sa-di hoặc Tỷ-kheo, vì vậy cũng được gọi là Thân giáo sư hoặc Lục sinh. Trong thời gian đầu của Phật giáo tại Ấn Độ, người ta phân biệt hai vị thầy của một người mới nhập Tăng-già, đó là Hòa thượng và A-xà-lê (hoặc Giáo thụ; skt: ācārya; p: ā- cāriya). Hòa thượng là người dạy các đệ tử biết trì Giới, thực hành nghi lễ, và vị Giáo thụ là người giảng Pháp, ý nghĩa của kinh sách.

Hóa duyên (化緣) (S. 190): chỉ cho nhân duyên giáo hóa khi ở thế gian, tức là sinh mạng.

Hóa nghi (化儀): chỉ phương pháp, hình thức mà Phật Đà hóa đạo chúng sanh, nội dung kinh điển hóa đạo chúng sanh gọi là hóa pháp. Hóa nghi như chất thuốc, hóa pháp như vị thuốc. Cả hai phải bổ sung cho nhau thì mới hiệu nghiệm trong việc trị bệnh.

Hóa thành, bảo sở (化城宝所): đây là chữ trong kinh Pháp Hoa. Hóa thành Skt là rddhi-nagara, chỉ cho cái thành do biến hóa mà ra, dụ cho Niết-bàn của Nhị thừa. Còn bảo sở là từ phản nghĩa của hóa thành, ý chỉ cơ sở trên bảo, dụ cho Niết-bàn rốt ráo, là an trụ nơi chứng ngộ chân chánh.

Hỏa bản (火板) (S. 88): cái bản treo phía trên bếp lò ở Khô ty. Khi cơm chín thời Phạn đầu đánh lên 3 tiếng, Hỏa đầu liền tắt lửa, cho nên gọi là Hỏa bản.

Hỏa khách (火客) (S. 185): cũng gọi là Hỏa bạn, Hỏa điền, là người lo việc đốt lửa trong Thiên lâm.

Hoài Nhượng (懷讓) (677-744) Thiền tăng đời Đường, họ Đổ, người xứ An Khang, Kim Châu (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) Trung Quốc; nổi pháp Lục Tổ Huệ Năng, là học trò giỏi của Ngài. Sư trụ chùa Bát Nhã ở Hành Sơn, hoằng dương học thuyết của Huệ Năng, dùng cách giáo hoá cao vút, khó khăn, mở ra 1 phái Nam Nhạc nên người đời gọi Sư là “Nam Nhạc Hoài Nhượng”. Thuyết hiệu “Đại Huệ Thiền sư”. Tác phẩm: Nam Nhạc Đại Huệ Thiền sư ngữ lục.

Hoàng Bá (黃檗) (S. 222): tức thiền sư Hi Vận ở núi Hoàng Bá đời Đường. Thiền sư là người xứ Mân (nay là Phúc Kiến), thuở nhỏ ở quê nhà, núi Hoàng Bá (nay thuộc huyện Phước Thanh), đã đắc pháp với thiền sư Bách Trượng Hoài Hải.

Hoàng đạo (黃道): chí Thiên văn trong Hán thư viết: “Mặt trời có trung đạo. Trung đạo ấy là hoàng đạo, cũng gọi là quang đạo”. Từ khoa học ngày nay gọi là ecliptic tức là quỹ đạo trái đất quay quanh mặt trời 365 ¼ ngày. Theo các nhà chiêm tinh xưa thì ngày hoàng đạo là ngày cực tốt, còn gọi là “hoàng đạo lương thần”. Theo Thần xu kinh thì “Thanh long, minh đường, kim quĩ, thiên đức, ngọc đường, tư mệnh” là hoàng đạo lục thần.

Hoàng Long Nam Công (黃龍南公) (S. 227): thiền sư Tuệ Nam đời Tống, họ Chương, người Tín Châu, (nay là Thượng Nhiêu tỉnh Giang Tây). Vì Ngài đã trụ trì tại viện Sùng Ân núi Hoàng Long một thời gian dài nên người đời gọi Ngài là Hoàng Long Nam Công.

Hoàng thái tử thiên thu lệnh tiết ((皇太子千秋令節): là lễ chúc mừng sinh nhật Hoàng thái tử, cầu cho thái tử sống thọ ngàn năm. Hoàng thiên chi hạ, nhất nhân chi thượng ...

Đại Nguyên Đế sư (皇天之下一人之上 ... 大元帝師): Hoàng thiên chỉ trời, còn nhất nhân chỉ Hoàng đế. Do đời Nguyên, đế sư là thầy của vua nên mới nói là trên hết thầy người, số một trong nước và chỉ dưới thượng đế. Đây là tôn hiệu của Quốc sư Bạt Hiệp Tư Bát.

Hoằng phạm ((弘範) (S. 62): làm chuẩn mực cho thế gian.

Hoàng Trí (宏智) (S. 250): thiền tăng đời Nam Tống, họ Lí, hiệu Chánh Giác, người Tháp Châu (nay là huyện Tháp, tỉnh Sơn Tây). Ngài trụ trì chùa Thiên Đồng ở Minh Châu, có thêm hiệu là HoàngTrí.

Hồ Nam Vân Cái sơn (湖南雲蓋山): tọa lạc tại huyện Thiên Hóa Trường Sa Hồ Nam, tức phía Nam Động Đình Hồ. Tổ của phái Dương Kỳ là Thiền sư Phương Hội từng trụ ở núi Vân Cái này.

Hồ quy (胡跪) (S. 314): tư thế quỳ lạy của vị tăng nhân Tây Vực (Hò) ngày xưa, gối phải chạm đất, gối trái co thẳng lên mà quỳ. Lúc mệt mỗi hai chân có thể đổi tư thế cho nhau nên gọi là Hồ quy.

Hỗ dụng (互用) (S. 84): tức tội hỗ dụng, tội dùng lẫn lộn vật của Tam Bảo. Luật Phật quy định rất nghiêm khắc đối với việc sử dụng tài vật của chùa, ví dụ như tài vật được chỉ định vào việc cúng dường tượng Phật, lại đổi cúng dường cho Tăng chúng hoặc dùng vào việc chế tạo pháp khí; tài vật được chỉ định tạo tượng Phật Thích-ca, lại chuyển dùng tạo tượng Phật A-di-đà v.v..., trái với luật, bị xem là phạm tội Hỗ dụng.

Hồi hướng (回向) (S. 91): đem công đức tu hành của mình hồi hướng cho mục tiêu mà mình nhắm tới. Như mong muốn đem công đức tu hành của mình ban cho người khác, tức là hồi hướng cho chúng sanh; mong muốn đem công đức tu hành của mình làm cho mình và người đều thành Phật quả, gọi là Hồi hướng Phật đạo.

Hồng tao (紅糟): Ngày xưa khi Phật thành đạo đã được cô gái chăn bò dâng sữa bò cho Ngài. Ngày nay chế tạo món “hồng tao” là mô phỏng theo món sữa bò ngày xưa. Hồng tao còn gọi là “Ô n Tao”. Đạo Trung nói: “Trái cây trộn với ngũ cốc nấu thành cháo; màu trắng của gạo bị biến đổi ( thành màu hồng) nên hội là “hồng”, nhiều loại hòa lẫn vào nhau nên gọi là “tao”.

Hùng Nhĩ sơn (熊耳山): núi tai gấu, tọa lạc tại Hà Nam. Do núi có 2 ngọn nhô lên song song như 2 tai gấu nên có tên như thế, là nơi an táng sơ Tổ Bồ-đề-đạt-ma.

Húy nhật (諱日): ngày vía, ngày giỗ kỵ người đã mất.



Hư kháng ((虛亢): kháng là kiêu ngạo, hư kháng là kiêu ngạo xằng bậy, làm phách rỗng tuếch.

Hương chí (香至): tên một nước ở Nam Thiên Trúc mà vua là phụ vương của Tổ Bồ-đề đạt-ma.

Hương đình (香亭): Là một cái đình nhỏ để đặt lư hương lớn. Đình nhỏ hình thể là một cái đình thật thu nhỏ, nhưng trên biểu ngạch đề 2 chữ hương đình. Trong đám tang các bậc tôn túc, thì hương đình luôn được sắp xếp trước chân đình, tức là đình nhỏ đứng chân dung người chết.

Hương nhân (鄉人) (S. 92): chỉ cho người đồng quê với trụ trì.

Hương Lâm (香林) (S. 240): ngài Trùng Viễn, vị thiên tăng đời Tống, họ Thượng Quan, người Miên Trúc (nay là Miên Trúc, Tứ Xuyên), là đệ tử của Vân Môn Văn Yển. Cuối đời, Ngài ở viện Hương Lâm, núi Thanh Thành thuộc Thành Đô, do đây nên lấy tên viện làm hiệu.

Hữu cách vô phạm (有格無犯): có khuôn phép chế tài để khỏi vi phạm giới luật.

Hữu hiệp cát tường (右脇吉祥): còn gọi là hữu hiệp ngọa, hữu hiệp sư tử ngọa, sư tử ngọa, tức nằm nghiêng, mép bên phải sườn nép xuống giường, hai chân xếp chéo nhau, lấy cánh tay phải làm gối, tay trái duỗi thẳng, là phép qui của tỉ- kheo, cảm nằm nghiêng bên trái, nằm giữa, nằm sấp.

Hữu tình (有情) (S. 331): chỉ cho tất cả các vật có mạng sống tức là chúng sanh.

## K

Kết chúng duyên (結衆緣) (S. 244): Phật giáo có nhiều nhân duyên, từ nhiều phương diện, dùng nhiều phương thức khác nhau để kết rộng duyên lành với đại chúng, nhờ đó mà nắm lấy cơ duyên để một ngày kia đạt được kết quả.

Kết tòa (結座) (S. 30): thiên sư thượng đường thuyết pháp, đoạn cuối dùng một điển cổ Phật giáo hoặc một bài kệ để kết thúc, gọi là kết tòa. Khả lậu tử

(可漏子 (S. 81): gọi tắt là Khả lậu, nghĩa là gói kín phòng sơ hở. Khả lậu chỉ cho vô trũng, mượn việc viết thư bỏ vào trong ống, như ấu trùng giam mình trong vỏ, rất là bình an, kiên cố. Bách Trượng thanh qui từ trong các dạng thức, sáng chế ra một thể thức Khả lậu tử, người đời sau đem dùng vào văn tế, văn sớ, nói chung đây là cái bì thư ngày nay.

Khách đầu (客頭) (S. 41): người giúp việc cho tri khách.

Khách đầu hành giả (客頭行者): là kẻ phụ trách tạp dịch trong chùa Thiền tông chưa thể phát làm tăng, thuộc quyền điều động sai khiến của liêu tri khách.

Khách ti (客司) (S. 233): nơi tiếp khách trong tùng lâm, cũng gọi là Tri khách liêu.

Khách vị (客位): là phòng tạm nghỉ ngơi của tân khách vừa mới đến chùa.

Khai đường (開堂) (S. 42): nghi thức cử hành lễ thăng tòa thuyết pháp lần đầu của vị trưởng lão tông môn mới nhận chức Trụ trì. Khai Phước Ninh

Hòa thượng (開福寧和尚) (S.168): thiền sư Đạo Ninh ở chùa Khai Phước, họ Uông, người Hấp Khê (nay thuộc huyện Hấp, tỉnh An Huy). Giữa niên hiệu Đại Quán đời Tống (1107-1110 CN) ngài trụ trì chùa Khai Phước ở Đàm Châu, thị tịch năm thứ 3 niên hiệu Chánh Hòa, tức năm 1113 CN, thọ 61 tuổi.

Khai thất (開室): là ngày trụ trì mở cửa thất phương trượng để học đồ vào tham vấn đạo pháp.

Khai thị (開示): khai thị hàm ý là khai mở, tức là phá trừ vô minh của chúng sanh, khai Như Lai tạng, thấy lý thực tướng. Thị hàm ý là hiển thị, tức là chỉ cho thấy một khi chướng ngại mê hoặc đã phá trừ thì tri kiến hiển lộ, vạn đức trong pháp giới hiển thị phân minh. Hiểu một cách giản dị thì khai thị là chỉ dạy giáo pháp chân chánh.

Khải tán (啟散): đồng nghĩa với Khải kiến. Nghĩa là bắt đầu công việc.

Khám (龕): thông thường có nghĩa là cái khám thờ, nhưng trong ngữ cảnh bài này là chỉ quan tài liệm thầy trụ trì.

Kháng dương (亢陽): nắng hạn gay gắt, nóng bức quá độ thì gọi là kháng dương.

Khánh điều (慶吊) (S. 256): chúc mừng và thăm viếng tang lễ.

Khánh hạnh (慶幸) vì có việc đáng vui cho nên vui mừng, việc may mắn đáng vui.

Khánh Hỷ (慶喜) (S. 240): tên dịch khác của A-nan, một trong mười đại đệ tử của Phật Thích-ca.

Khánh khái ((警效): khánh là tiếng ho nhẹ, còn khái là tiếng ho mạnh, nói chung có nghĩa là lời lẽ – nói cười.

Khắc niệm (剋念): khắc có nghĩa là tất (必) và kỳ (期). Do nhân tất đắc quả cho nên gọi là khắc. Khắc niệm có nghĩa là sản sinh nhất định quả báo.

Khiển hoàng (遣蝗): hoàng là tiếng gọi tắt của phi hoàng, tên một giống côn trùng có cánh cứng, nói chung là bù cào – châu chấu, tên khoa học là Pachytylus cinerascens, thân dài cỡ 5cm, màu xám tro pha nâu hay xanh lá cây, có cánh và chân sau dài mạnh, mỗi năm đẻ một lần trên mặt đất cứng. Phi hoàng sanh sôi rất nhiều, di chuyển thành bầy bay mịt trời, đập xuống đâu là nơi đó thảo mộc hoa màu chỉ còn trơ cọng, gây hại cho mùa màng rất lớn. Khiển hoàng là xua đuổi bù cào châu chấu.

Khố đầu (庫頭) Cũng gọi Phó tự, Quỹ đầu, Tài bạch. Chức vụ trông coi việc chi thu trong Thiền lâm, là một trong sáu vị Tri sự ở Đông tự. Chức này tuy thấp nhưng nhiệm vụ lại rất quan trọng, vì phụ trách việc chi xuất hàng ngày như lúa gạo, tiền bạc v.v...

Khố đường (庫堂): cũng gọi là khố ty, là nơi quản lý xuất nhập tiền bạc lúa thóc trong chùa, cũng gọi là khố chủ, cũng gọi chung 3 chức đô tự, giám tự và phó tự. Ngoài ra cũng có trường hợp gọi riêng đô tự là khố ty.

Khố ty (庫司) (S. 31): nơi làm việc của Đô tự trong Thiền lâm. Đô tự còn gọi là Khố đầu, nên gọi nơi làm việc của ngài là Khố Ty.

Khổ không ((苦空): chỉ 2 phần đầu của 4 hành tướng khổ đế của quả báo hữu lậu (khổ – không – vô thường – vô ngã). Quả báo hữu lậu có đủ tính tam khổ, bát khổ, cho nên gọi là khổ. Nam nữ khác tính đều do nhân duyên mà sanh diệt, nhưng không có thực tướng cố định bất biến nên gọi là không.

Khổ luân (苦輪) (S. 315): còn gọi là Khổ luân hải, chỉ cho quả khổ sanh tử luân chuyển không ngừng.

Khởi khám (起龕) (S.174): khi đưa quan tài ra đến đầu cổng chùa gọi là Khởi khám, rồi đốt hương, tụng kinh trước quan tài gọi là làm lễ Khởi khám.

Khuê Phong Tu Chứng Nghi (圭峰修證儀) (S. 366): thiền sư Tông Mật là ngũ tổ của tông Hoa Nghiêm ở Khuê Phong núi Chung Nam – Trường An, nên gọi là thiền sư Khuê Phong. Những trước tác của Ngài bàn về nghi thức tu hành chứng ngộ Phật pháp gọi là “Khuê Phong tu chứng nghi”.

Kì-hoàn tinh xá (祇桓精舍) Tức tinh xá kì hoàn, ở vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây của thái tử Kì-đà.

Kích nhưỡng (擊壤): lấy gỗ đẽo thành hai mảnh giống như đôi guốc, đặt một mảnh dưới đất, đứng cách xa chừng 3,40 bước, tay cầm miếng kia ném trúng miếng nọ, gọi là kích nhưỡng.

Kiên trúc (乾竺) tức là Thiên Trúc, nay là Ấn Độ

Kiến chức duy-na ((見職維那): là duy-na đang được cử phụ trách trực tiếp một chức vụ gì đó ngoài chức duy-na. Trong ngữ cảnh này là duy-na giữ chức trị tang.

Kiến nguyên (建元): khi Hoàng đế vừa lên ngôi chưa chọn niên hiệu thì gọi là Kiến nguyên hay Kỷ nguyên. Thường ngay trong năm đó chọn niên hiệu gọi là nguyên niên. Cũng có trường hợp vì thủ hiếu mà lấy năm sau làm nguyên niên như trường hợp vua Tự Đức triều Nguyễn. Đây không gọi là Chí Nguyên nguyên niên, mà gọi là Kiến nguyên, có ý muốn nói vừa lên ngôi là Thế Tổ đã phong cho Bạt Hiệp Tư Bát làm Quốc sư ngay.

Kiều-trần-như (橋陳如; Skt: Kaundinya, P: Kondanna), là một trong 5 ti-kheo được Phật độ trong lần thuyết pháp đầu tiên tại Lộc Uyển, tức là vị đệ tử đầu tiên của Phật Đà. Lại cũng còn gọi là A Nhã Kiều Trần Như, A Nhã Câu Lân, Kiều Trần Na, A Nhã Kiều Lân, Cư Lân, dịch theo ý là Sơ Tri, dĩ Tri, Liễu Giáo, Liễu Bản Tế, Tri Bản Tế.

Kim cương vô lượng thọ Phật (金剛無量壽佛): tức Phật A Di Đà, bởi A Di Đà (Skt: Amitayus), dịch ý là Vô Lượng Thọ, (Skt: Amitàbha), ý dịch là Vô Lượng Quang. Kim Cương là khoáng chất cứng chắc lâu bền nhất cho nên dùng câu Kim cương vô lượng thọ Phật để chúc thọ Hoàng đế, ý nói cầu mong tuổi thọ Hoàng đế bền chắc muôn năm.

Kim Lăng (金陵): tên đất xưa, là kinh đô của nhà Lương, nay là vùng đất chợ Nam Kinh và huyện Giang Ninh.

Kim quang minh kinh (金光明經) (4 quyển) Bắc Lương, Đàm Vô Sấm dịch, Q. 16, Tr. 335, Sh. 663. 金光明經 (四卷) (北涼曇無讖譯)

Kim thượng Hoàng đế (今上皇帝): gọi tắt là đức Kim thượng, là từ dùng để chỉ vị Hoàng đế đang tại vị.

Kinh đơn (經單): bảng mục lục ghi chép các loại kinh điển phải đọc trong lễ

Thánh tiết. Kinh tạng (經藏) (S. 230): chỉ chung cho kinh điển, lại chỉ cho kho chứa kinh điển (bao gồm ba tạng kinh, luật, luận) còn gọi là Kinh đường, Tạng điện và Luân tạng.

Kính Sơn (徑山) (S.146): một ngọn núi nổi tiếng trong Phật giáo, nằm ở phía Tây Bắc huyện Dư Hàng, tỉnh Chiết Giang, trong bản văn này chỉ cho chùa Kính Sơn được xây dựng trên núi Kính Sơn. Vào đời nhà Tống phong thái thiên ở chùa này rất hưng thịnh.

Kỳ cựu (耆舊): kỳ là bậc niên kỷ cao, cựu là xưa cũ. Vậy kỳ cựu là chỉ cho bậc niên lap cao, tư cách lão đại.

Kỳ đảo (祈禱): có nghĩa là cầu xin Phật và Bồ-tát ám trợ được tai qua nạn khỏi, thêm phước; cũng còn gọi là Kỳ nguyện, Kỳ niệm, Kỳ thỉnh, tâm nguyện. Thực ra, quan điểm của Phật giáo là không thực hành pháp cầu xin, nhưng thực hiện thế nguyện bốn nguyện và công đức xây tháp, tụng kinh, hồi hướng đều có liên quan để cầu lấy Phật lực gia hộ cho nên mới có thuyết công đức và trừ tai ương.

Kỳ hóa (奇化): nguyên nói đủ là “kỳ hóa khả cư”, tức là món vật mà kẻ đầu cơ tích trữ, thấy hiện bán giá rẻ thì mua dựa lên để sau này gặp lúc giá tăng gấp bội thì mới bán ra, thu rất nhiều lợi.

Kỳ-xà-quật sơn (耆闍崛山: (Skt: Grdhrakuta, P: Gijjha-Kuta) dịch theo ý là Linh Thú sơn, Thú đầu, Linh sơn, tọa lạc tại mé đông của thành Vương Xá, thủ đô của nước Ma-kiệt-đà, là nơi Phật-đà thuyết pháp trú danh. Về tên gọi có thuyết nói do đỉnh núi có hình chim thú, có thuyết nói do trên núi có nhiều chim thú.

## L

Lạc Dương (洛陽): nhân là lạc thủy chi dương nên có tên như thế. Đây là vùng đất quan trọng mà trải qua các đời Chu – Hán – Tào Ngụy – Tấn – Nguyên Ngụy (Bắc Ngụy) – Tùy – Đường – Lương – Hậu Đường – Tống đều đóng đô ở đó và các binh gia thì luôn tranh giành. Ở ngữ cảnh trong bài này là kinh đô của nhà Bắc Ngụy (Nguyên Ngụy).

Lão lang (老郎): Người có sức mạnh hơn mọi người, được những người khác tôn xưng như bậc đàn anh (đại ca).

Lăng nghiêm chú (楞嚴咒): cũng còn gọi là Phật Đảnh chú, là thần chú mà kinh Lăng Nghiêm nêu ra gồm 427 câu, trong đó 8 câu chót gọi là tâm cú, còn gọi là Đại Phật Đảnh Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm thần chú.

Lăng nghiêm đầu (楞嚴頭): Vị cử xướng tụng chú Lăng nghiêm

Lăng nghiêm kinh (楞嚴經) (S. 366): tên của một bộ kinh Phật, gọi đủ “Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm kinh”, “Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm kinh”, “Trung Ấn Độ Na Lan Đà Đại Đạo Tràng kinh” v.v..., gồm 10 quyển, ngài Bát Thích Mật Đế dịch vào đời Đường. Bản kinh này xiển dương chân lý “căn trần đồng nguyên, trói mở không hai”, đồng thời giải thích pháp Tam-ma-đề (thiền định) và thứ bậc của Bồ-tát. Kinh Lăng Nghiêm là kinh điển cốt lõi thiền pháp, khai thị phương pháp tu thiền, nhĩ căn viên thông, ngũ âm ma cảnh.

Lăng-già kinh (楞伽經: Skt: Lankavatara-sutra) gọi đủ là Lăng già a bát đa la bảo kinh, do Cầu-na-bạt-đa-la đời Lưu Tống dịch (443). Lăng-già là tên núi, A-bạt-đa-la có nghĩa là vào, tức ý muốn nói đây là bộ kinh mà Phật-đà vào núi Lăng Già thuyết giảng. Kinh này tuyên thuyết thế giới vạn hữu đều do tâm tạo ra mà thôi. Đối tượng tác dụng mà chúng ta nhận thức là tại nội tâm, chứ không phải ngoại giới.

Lâm viên (林園) núi rừng ruộng vườn, cũng chỉ vườn trồng hoa.

Lân bích chi quang (鄰壁之光): Khuông Hành đời Hán thích đọc sách, nhưng nhà nghèo ban đêm không có tiền mua dầu đốt đèn nên lén đục vách nhờ ánh đèn nhà kế bên hắt qua mà đọc sách. Trong ngữ cảnh, tác giả mượn điển cố này để nói mình luôn nhờ cậy chùa bạn giúp đỡ. Lân phong (鄰峰): ngọn núi lân cận, tức là chỉ cho các chùa bạn quanh vùng, vì khi xưa chùa thường xây trên núi.

Lập tăng (立僧) (S. 253): tiếng gọi tắt của “Lập tăng thủ tọa”. Trách nhiệm của Lập tăng thủ tọa là thuyết pháp cho chúng tăng nắm vững Phật pháp, nhưng người được tuyển không nhất định là Thủ tọa, Đầu thủ hay các bậc danh đức; mà chọn một vị tăng có tư cách đỉnh đạt, học thức rộng ở Tây đường đảm nhận trọng trách này.

Lệnh thần (令辰): nghĩa là ngày tốt.

Liêu chủ (寮主) (S. 58): chỉ cho người đảm trách công việc tại liêu, còn gọi là Trực liêu, là một trong những chức trách của Thị giả hỗ trợ Liêu nguyên, giữ gìn y vật trong liêu cho chúng Tăng. Bình thường do tăng chúng trong liêu thay phiên nhau đảm trách. chúng Tăng. Bình thường do tăng chúng trong liêu thay phiên nhau đảm trách.

Liêu nguyên (寮元) Cũng gọi Tọa nguyên, Tòa nguyên, Liêu thủ tòa, Đệ nhất tòa. Chức vụ trông coi công việc các liêu trong Thiền lâm, một trong sáu vị đầu thủ. Chức vụ này có trách nhiệm trông coi về kinh sách, phẩm vật, trà nước, củi than, quét tước, dọn dẹp và xin cấp nhu yếu phẩm cho các liêu. Dưới chức này, còn có Liêu trưởng, Liêu phó, Phó liêu, Vọng liêu... giúp việc cho Liêu nguyên. Vì am hiểu các việc trong chùa, cho nên Liêu nguyên quán xuyên mọi công việc như: Xem xét chúng tăng trong liêu xem kinh, đọc kinh, nhắc việc trái phạm luật lệ, dàn xếp việc tranh cãi nội bộ, hướng dẫn quy củ cho người mới đến chùa, tóm lại phải xử lý tất cả các việc.

Liêu trưởng (寮長) (S. 262): người trợ lý của Liêu nguyên, người đời sau gọi là Tịch đầu. Liêu nguyên còn gọi là Tọa nguyên, Liêu thủ tọa, có trách nhiệm trông coi những công việc của liêu chúng, thông thường do người ở lâu trong chùa am hiểu tất cả quy định, phép tắc đảm nhiệm.

Linh Ẩn tự (靈隱寺) (S.152): ngôi chùa nổi tiếng của Phật giáo, nằm ở chân núi Linh Ẩn, Hàng Châu, Chiết Giang, còn gọi là chùa Vân Lâm. Bắt đầu xây dựng vào đầu niên hiệu Hàm Hòa, triều đại Đông Tấn (năm 326 CN) qua các thời đại đã nhiều lần trung tu. Vào thời Ngô Việt (một nước đời Chu ở miền đông tỉnh Chiết Giang-TQ) thời Ngũ Đại thiên phong chùa này đạt đến cực thịnh, là ngôi chùa lớn nhất miền Đông Nam của Trung Quốc thời bấy giờ.

Linh Thọ (靈樹) (S. 223): thiền sư Như Mẫn ở thiền viện Linh Thọ tại Thiệu Châu đời Đường, người xứ Mân, được chúa Nam Hán họ Lưu ngưỡng mộ và ban hiệu là Đại Sư Tri Thánh.

Linh Thú sơn (靈鷲山) S. Gṛdhrakūṭa, P. Gijjhakūṭa): Hán âm Kỳ-xà-quật, gọi tắt là Linh sơn, Thú Phong, Linh Nhạc. Núi ở phía đông bắc thành Vương xá, nước Ma-yết-đà, trung Ấn Độ. Vì hình dáng núi này giống như đầu con chim Thú (kên kên) và trong núi cũng có nhiều chim Thú nên đặt tên là Linh thú. đức Như lai từng tuyên thuyết các kinh đại thừa như kinh Pháp hoa... ở đây, cho nên núi này đã trở thành thánh địa của Phật giáo.

Long đức uyên tiềm (龍德淵潛): con rồng đầy đức độ còn đang ẩn núp chờ cơ hội bay lên mây, tức là chỉ Hoàng tử lúc còn chưa được phong làm Đông cung Hoàng tử để chờ ngày lên ngôi.

Long tượng (龍象) (S.140): (skt: Naga), dịch nghĩa là Long, cũng dịch là Tượng, gọi chung là Long tượng, chỉ cho vị La-hán tu hành dũng mãnh, oai lực rất lớn, nghĩa rộng là cách xưng hô tôn kính đối với vị tăng có đức hạnh và sức ảnh hưởng lớn.

Lô bị (爐鞴) (S. 284): lò rèn và túi da dùng để quạt gió trên bếp lò.

Lô đầu (爐頭): Chức vụ trông coi việc sưởi ấm trong nhà tăng của thiền lâm. Nhiệm vụ của Lô đầu là trước giờ phóng tham phải chuẩn bị các lò sưởi để chúng tăng sưởi



âm sau khi phóng tham, tùy lúc thêm bớt củi lửa. Lộ địa (路地): là ở ngoài khoảng đất trống.

Lộc Uyển (鹿苑): gọi đủ là Lộc-dã uyển (Skt: Mrgadva), là nơi mà Thế Tôn thuyết pháp đầu tiên sau khi thành đạo, tức nay là Sa-nhĩ-na-tư (skt: Srn̄th), tức do từ Srangantha, hàm nghĩa chỉ con nai, cũng còn được dịch là Lộc Dã viên, Lộc Dã, Lộc Uyển, Tiên Uyển, Tiên Nhân viên.

Lôi lệ kê tiếu (雷例譏諷): mắng chửi thậm tệ giống như sấm sét.

Luân tạng (輪藏): đem cái giá đỡ kinh điển tại lầu kinh đặt bánh xe để di chuyển dờn chỗ cho dễ dàng. Về sau chuyển nghĩa chỉ chung cho kinh tạng.

Luật tự (律寺): là chùa chuyên y theo giới luật, trì luật nghiêm cẩn. Chùa chiền Phật giáo tại Trung Quốc sau đời Tống mới chia ra Luật tự, Giáo tự và Thiền tự.

Lục đạo (六道): là sáu nẻo địa ngục đạo (narakagati), ngạ quỷ đạo (preta-narakagati), súc sanh đạo (tiriyagyonigati), tu-la đạo (asuragati), nhân gian đạo (manussa-gati), thiên đạo (devagati) mà chúng sanh theo nghiệp của mình phải sanh tử luân hồi mãi trong các cảnh giới đó.

Lục độ (六度): là 6 Ba-la-mật bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Kinh Thiện Giới nói: “Hành bồ thí có thể cảm giàu sang.”

Lục hòa kính (六和敬; Skt: śaḍṣāramyadharma) Sáu điều hòa đồng, kính ái mà những người tu học Phật pháp nên thực hiện để đạt Giác ngộ. Lục hòa kính bao gồm: 1. Thân nghiệp đồng (身業同): cùng một thân nghiệp hòa kính như lễ bái, làm việc thiện...; 2. Khẩu nghiệp đồng (口業同): cùng nói những lời hay...; 3. Ý nghiệp đồng (意業同): cùng chung ý chí; 4. Đồng thí (同施): cùng chia sẻ vật chất với nhau; 5. Đồng giới (同戒): cùng chuyên giữ giới luật; 6. Đồng kiến (同見): cùng chung kiến giải.

Lục lệ (六沴): sáu khí không hòa hiệp gọi là lục lệ. “Ngũ hành chí” sách Hán thư viết: “Các khí thương tổn nhau gọi là lệ”. Theo tin tưởng hồi xưa, hễ khi nào có lục lệ thì nhật thực tương tác. Truyện Khổng Quang sách Hán thư chép: “Lục lệ tương tác, điềm ứng rất nặng”.

Lục phủ ((六府) : các nơi chứa hóa tài là kim loại, cây cối, nước, lửa, đất và lúa thóc gọi là lục phủ. Thiên “Đại vũ mô” trong Kinh thư viết : “Đế nói : ‘... đất bằng do trời hình thành, lục phủ, tam sự đều đầy đủ cả””.

Lục quần chi đảng (六羣之黨): chỉ 6 tỉ-kheo xấu ác chỉ kết đảng, lập bè, cũng còn gọi là lục chúng bí-sô, lục quần. Thời Phật còn tại thế, có 6 tỉ-kheo, không giữ luật nghi, làm nhiều việc gian ác.

Lục thú (六趣) (S. 195): Phật giáo cho rằng những hành vi thiện ác ở đời trước của chúng sanh mà bị luân hồi trong năm đường là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhơn, thiên, gọi là “Ngũ thú”. Có Kinh thêm một loại nữa là A-tu-la, tức là “bất đoan chánh”, “phi thiên”, hợp chung lại là “Lục thú”.

Lục trai nhật (六齋日): sáu ngày trì trai, cũng còn gọi là Lục trai, chỉ cho 6 ngày trì giới thanh tịnh trong tháng, đó là các ngày sáng trăng mùng 8, 14, rằm; các ngày tối trăng 23, 29, và 30. Tăng chúng vào 6 ngày này trong tháng phải tập trung lại một chỗ bố-tát thuyết giới. Còn người tại gia nam – nữ vào 6 ngày này thì trì một ngày – một đêm bát quan trai giới.

Lương liêm (凉簾): Tấm rèm dùng để che cho mát.

Lương Phổ Thông (梁普通): niên hiệu của Lương Võ Đế thời Nam Bắc triều (520). Vậy Lương Phổ Thông bát niên là (527).

Lưỡng triển tam lễ (兩展三禮) (S. 71): lễ nghi bái kiến sư phụ hoặc các bậc Tôn trưởng trong Thiên lâm. Cách hành pháp cụ thể như sau: Tư thế đầu tiên là trải tọa cụ ra và quỳ lễ trên đó. Nếu sư phụ ngăn lại thì ở trong tư thế gấp đôi tọa cụ, cúi mình thưa lên sự việc. Đây là lần triển thứ nhất. Sau đó có sự biểu hiện trải tọa cụ ra một lần nữa cũng bị ngăn và lại trong tư thế xếp tọa cụ, bày tỏ tâm tình. Đây là lần triển thứ hai. Sau cùng, tay cầm tọa cụ đập xuống đất 3 lần. Thế là đã hoàn thành nghi lễ nhị triển tam bái.

Lưỡng tự (兩序) (S. 19): sau khi Hoài Hải cải cách quy chế Thiên tông, Lưỡng tự đã trở thành tên gọi chung cho những vị tăng có chức trách trong thiên tự, còn gọi là “Lưỡng ban”, ý này lấy theo cách thức hai ban Văn, Võ của các quan chức trong triều đình. Dưới trụ trì thiết lập hai ban Đông tự và Tây tự. Tây tự quản lý sự vụ tôn

giáo, tuyển ra những vị song toàn về giới đức và học vấn đảm trách, gọi là Đầu thủ, bao gồm sáu chức vụ: Thủ tọa, Thư ký, Tri tạng, Tri khách, Tri dục, Tri điện. Đông tự trông coi những công việc trong sinh hoạt hằng ngày, tuyển chọn những vị tinh thông việc đời đảm trách, gọi là Tri sự, bao gồm sáu chức: Đô tự, Giám tự, Phó tự, Duy na, Diên tọa, Trục tuế.

## M

Ma chướng (魔障 skt: Mara), dịch âm Ma-la, nghĩa là ác ma, chỉ cho những chướng ngại do ác ma gây ra.

Ma-da phu nhân (摩耶夫人): Ma-da (Skt, P : Mahamaya), cũng còn gọi là ma-ha ma-da, dịch theo âm là Đại ảo hóa, Đại thuật, Diệu, là mẹ đẻ của Thế Tôn, là hoàng phi của chủ thành Ca-tỳ-la-vệ Tịnh Phạn vương. Theo tập tục thời đó, bà phải về nhà mẹ chờ sanh nở, nửa đường dừng nghỉ mệt tại vườn Lâm-tỳ-ni (Lumbini) thành Thiên Tý của cha mà sanh ra Thế Tôn. Bảy ngày sau thì bà mất, được sanh về cõi trời Đạo Lợi.

Ma đầu (磨頭): Cũng gọi Ma chủ. Chức vụ trông nom nhà giã gạo trong Thiên lâm.

Ma-ha-ba-xà-ba-đề (摩訶波闍波提: Skt: Mahaprajapati, P: Mahapajapati), gọi gọn là Ba-xà-ba-đề, dịch theo ý là Đại Ái Đạo, Đại Thắng linh chúa, Đại Thế chúa v.v... lại cũng gọi là phu nhân Ba-đề, là em của phu nhân Ma-da, con gái của vua Thiên Giác ở thành Thiên Tý cổ Ấn Độ, là dì của Thế Tôn đã thay chị nuôi dưỡng Thế Tôn khi chị bà là mẹ của Thế Tôn qua đời sau khi sanh đức Phật được 7 ngày.

Ma-ha bát-nhã Ba-la-mật (摩訶般若波羅蜜) (S. 332): dịch âm của tiếng Phạn Mahaprajñāparamita, dịch ý là “trí tuệ lớn đến bờ kia”, là một trong sáu độ.

Ma-ha-tát (摩訶薩) (S. 332): gọi tắt của Ma-ha-tát-đỏa. Ma- ha dịch ý là lớn, Tát-đỏa dịch là tâm hoặc là chúng sanh, hợp hai từ lại là tâm lớn hay chúng sanh lớn, gọi chung là Bồ-tát.

Ma-ha-tăng-kỳ (摩訶僧祇): tức là Ma-ha-tăng-kỳ luật (Skt: mahāsaṃghavāyana), dịch theo ý là đại chúng luật, là Luật tạng do bộ phái Phật giáo đại chúng bộ sở

truyền, nội dung phân ra tỉ-kheo giới pháp (35 quyển đầu) và tỉ-kheo-ni giới pháp (5 quyển sau).

Ma-kiệt-đà (摩竭陀 ; Skt, P: magadha) Vương quốc ở Bắc Ấn Độ trong thời Phật Thích-ca tại thế. Các kinh đô lần lượt là Vương xá (skt: rājagṛha) và Hoa Thị thành (skt: pāṭaliputra). Vua nước Ma-kiệt-đà là Tần-bà-sa-la (skt, p: bimbiśāra) và con trai là A-xà-thế (skt: ajātasatru), sau đó đến A-dục vương (skt: aśoka). Ma-kiệt-đà được xem là nơi phát sinh Phật giáo, sau hội nghị Kết tập lần thứ 3, giáo pháp đã từ đây truyền qua các vùng khác của Ấn Độ. Dưới thời A-dục vương, Ma-kiệt-đà có diện tích lớn nhất.

Ma-kiệt-đề quốc A-lan-nhã ((摩竭提國阿蘭若): Skt: aranya, P: aranna). Cũng còn gọi là A-luyện-nhã, A-luyện-như, A-lan-na, A-lan-noa, thường gọi tắt là Lan-nhã, dịch theo ý là sơn lâm hoang dã, chỉ chỗ tịch tịnh thích hợp cho người xuất gia tu hành, sau chuyển rộng nghĩa chỉ chung cho ngôi chùa.

Ma sự (魔事) (S. 367): sự việc do ác ma gây ra.

Mã Thắng (馬勝 S. Aśvajit, P. Assaji) cũng gọi là Mã sư, A-thuyết-thị. Đệ tử của đức Phật, là một trong năm vị tỉ-kheo được Phật hóa độ đầu tiên ở vườn Lộc dã. Ngài có thân tướng uy nghi đoan chính, ai cũng thích nhìn.

Mã Tổ ((馬祖): gọi đủ là Mã Tổ Đạo Nhất (709 – 788) là tăng nhân đời Đường, pháp tự của Nam Nhạc Hoài Nhượng, pháp tịch thật long thành, chủ trương “Bình thường tâm thị đạo”, “Tức tâm thị Phật”, có 39 đại đệ tử trong đó nổi danh nhất là Bách Trượng Hoài Hải, Nam Tuyên Phổ Nguyện, Đại Châu Huệ Hải, Đại Mai Pháp Thường.

Mạn pháp (慢法) (S. 84): kiêu mạn vô lễ, không tôn trọng Phật pháp.

Mật Am (密菴): tức là Thiên sư Hàm Kiệt đời Tống, họ Đặng, hiệu Mật Am, người Phước Châu. Miễn đinh do (免丁由): Tăng nhân được miễn việc lao động như thường dân phải nộp tiền cho quan chức. Quan thu tiền xong, cấp giấy chứng nhận (biên lai) để làm bằng chứng, gọi là miễn đinh do.

Minh bản tam hạ ((鳴板三下): đánh bản 3 tiếng. Bản (板) cũng viết là (版) hay (鉞). Bản được treo ở một chỗ nhất định trong tự viện để đánh lên báo thời khắc, hoặc được đánh lên làm hiệu trong các buổi pháp hội. Bản thường làm bằng cây, trên mặt có viết các bài kệ như “sanh tử sự đại” chẳng hạn, gồm mấy câu chủ yếu “cẩn bạch đại chúng, sanh tử sự đại, vô thường tấn tốc, thân vật phóng dật”. Cũng có một số thật ít làm bằng đồng, lại theo hình trạng của bản mà có vân bản và ngư bản. Trong Thiền lâm thì có đại bản và tiểu bản, riêng từ “trường bản” không phải là tên một loại bản, mà là chỉ cách đánh bản hồi dài. Bản treo tại khố ty có phần to hơn bản ở các đường và các liêu nên gọi là đại bản, còn bản treo ngoài liêu xá thì gọi là ngoại bản. Tùy theo được treo ở đâu mà ta có phương trượng bản, liêu bản, thủ tọa bản, chiếu đường bản, v.v...

Minh cổ nhất thông (鳴鼓一通): đánh một hồi trống. Còn minh cổ nhất hạ là đánh một tiếng trống.

Minh quyền (冥權) (S.165): phương tiện quyền xảo của chư Phật, Bồ-tát nhằm tế độ cho những người trong cõi U minh. Mông đường (蒙堂) (S. 31): thiền lâm gọi nơi tịnh dưỡng của các vị đã thoái chức thuộc Lương tự là Mông đường. Nhân đây cũng gọi những vị tăng chấp sự đã thoái chức là Mông đường.

Mục Châu (睦州) (S. 222): tức thiền sư Đạo Minh đời Đường. Ngài họ Trần, sau khi xuất gia, đã đắc đạo với thiền sư Hoàng Bá Hi Vận. Nhân vì Ngài là người Mục Châu (nay là vùng đất của ba huyện Đồng Lư, Kiến Đức và Thuần An thuộc Tỉnh Chiết Giang), lại có thời gian dài hoằng pháp ở Mục Châu cho nên người đời gọi Ngài là Mục Châu.

Mục tử (目子) (S. 25): sắp xếp, trình bày những đề mục có liên quan thành bảng danh sách hoặc đề cương.

Mục vương (穆王): tức Chu Mục Vương, là con của Chu Chiêu Vương tên là Mãn. Sau khi lên ngôi, đi xe 8 ngựa mạnh chinh Tây, vui mà quên quay về, chư hầu phân đông triều phục nước Từ. Vương lo sợ dong ruổi quay về ra lệnh cho Sở diệt Từ.. Sau chinh phục Khuyển Nhung quay về, từ đó không chinh phạt nữa. Tại vị 55 năm.

Muội nhân quả (昧因果): mờ nhân quả, tức là chối bỏ nhân quả, không sợ luật nhân quả.

## N

Nam đường (南唐): Một trong 10 nước thời ngũ đại. Thế tổ nam đường là lý Thăng (từ Từ Tri Cáo). Quốc hiệu là Tề, sau đổi lại là Đường. Sử gọi là nam Đường. Truyền được 3 đời, gồm 3 vị vua, được 39 năm, từ năm 973 đến năm 975.

Nam Thiệm Bộ châu (南瞻部洲): là một trong bốn đại bộ châu mà kinh điển Phật giáo nêu ra, cũng gọi là Nam-diêm- phù-đề. Thiệm Bộ là tên một loài cây quý chỉ có ở châu này nên mới gọi là Thiệm Bộ châu.

Nam Thiên Trúc (南天竺): Thiên Trúc là tiếng gọi nước Ấn Độ xưa kia, lại cũng còn gọi là Thiên Đốc, Thiên Độc, Thân Độc. Mục Tây Vực truyện sách Hậu Hán thư viết : “Nước Thiên Trúc còn gọi là Thân Độc ở phía Đông Nam nước Nguyệt Chi ngàn dặm, tục cho Thiên Trúc chính là nước Nguyệt Chi”. Vậy Nam Thiên Trúc là Nam Ấn Độ.

Nam Tuyền (南泉): tức Thiên sư trú danh Nam Tuyền Phổ Nguyệt, một trong 39 đại đệ tử của Mã Tổ Đạo Nhất.

Nan đề (難提): là từ gọi khác của tiếng Phạn tháp bà (stupa), dịch theo ý là phương phân (mô vuông), có hàm nghĩa là diệt ác.

Nê-hoàn (泥洹) (S. 321): cách dịch khác của Niết-bàn.

Nghĩa học (義學): tức là môn học chấp vào danh tướng, lý luận, huân nghĩa. Lại cũng gọi là giải học, là cái học của Câu Xá và Duy thức, phân chiết danh mục cùng số lượng pháp tướng, qui định tường tận giai vị nhân quả tu hành và giải thích văn tự chương cú, là cái học bị Thiền tông đả phá.

Nghiêu (kiêu) ly (澆漓): bọn bạc bẽo quên ơn Phật.

Ngoại đạo (外道) (S. 320): người không được sự giáo hóa của đạo Phật, thực hành theo tà pháp; cụ thể thì có nhiều loại khác nhau.

Ngoại hộ (外護) (S.108): người ủng hộ vật chất cho tự viện, cho chúng tăng trong chùa có thể yên tâm tu tập, bất luận là tặng hay tục đều gọi là ngoại hộ của chùa.

Ngũ kỷ (五紀): mỗi kỷ là 12 năm, vậy ngũ kỷ là 60 năm, tức là một giáp.

Ngũ quả (五果) (S. 326): Phật giáo phân tích mối quan hệ nhân quả, thường cho rằng do nhiều loại nhân khác nhau sẽ tạo thành 5 loại quả khác nhau.

Ngũ sắc (五色): năm màu chánh là đỏ, vàng, trắng, xanh, đen. Thực tế thiên nhiên có tới 7 màu là tím, chàm, xanh lá cây, xanh dương, vàng, cam, đỏ. Thường ngũ sắc tượng trưng cho điềm lành hoặc cao quý hiển linh như hào quang ngũ sắc của Phật, mây ngũ sắc của tiên cỡi, chim quý lông ngũ sắc.

Ngu sơn (五山) (S. 354): thiền lâm thời Nam Tông phỏng theo năm ngọn núi nổi tiếng ở Ấn Độ mà đặt tên năm ngọn núi nổi tiếng trong thiền lâm của Phật giáo Trung Quốc: 1. Chùa Hưng Thánh Vạn Thọ ở Kính Sơn tỉnh Hàng Châu. 2. Mậu Phong Quảng Lợi ở núi A Dục Vương, Ninh Ba. 3. Chùa Thiên Đồng Cảnh Đức ở núi Thái Bạch, Ninh Ba. 4. Chùa Cảnh Đức Linh Ẩn ở Bắc Sơn tỉnh Hàng Châu. 5. Chùa Tịnh Từ Báo Ân Quang Hiếu ở Nam Sơn tỉnh Hàng Châu. Năm ngọn núi này đều thuộc tông Lâm Tế.

Ngũ tề (五齊): Phương pháp chế rượu chia làm năm mức độ trung bình giữa trong và đục. Mỗi lần tế lễ, châm chước mức rượu trong đục hòa lẫn mà dâng cúng cho thích hợp.

Ngũ tham (五參): 5 ngày tham v?n gồm 3 ngày tham kiến trụ trì là mùng 10 – 20 và 25, cộng với 2 ngày thượng đường của trụ trì là mùng 1 và rằm.

Ngũ tham thượng đường (五參上堂) (S. 25): thiền lâm, trong mỗi tháng vào 5 ngày: 10, 20, 25 ngày Đán và Vọng, tất cả chúng đều phải tham kiến Trụ trì để nghe thuyết pháp khai thị, vừa đúng năm ngày tham vấn một lần cho nên gọi là Ngũ tham. Mỗi khi gặp thượng đường vào ngày Ngũ tham gọi là Ngũ tham thượng đường.

Ngũ thiên thất tụ (五篇七聚) (S. 62): cách gọi khái quát luật nhà Phật được sắp xếp theo từng phẩm loại. Các giới cụ túc của tăng ni sau khi được phân làm 8 nhóm, 7 nhóm, lại được phân làm Ngũ thiên: Ba-la-di, Tăng-tàn, Ba-dật-đề, Đề-xá-ni, Đột-khiết-la; Ngũ thiên và các giới điều ngoài Ngũ thiên lại được tóm lược thành 7 loại, gọi là Thất tụ: Ba-la-di, Tăng-tàn, Thân-lan-giá, Đọa, Đề-xá-ni, Ác tác, Ác thuyết.

Ngũ thông (五通) (S. 314): tức là nam thần thông: 1. Thiên nhãn thông: có thể thấy tất cả s? v?t; 2. Thiên nhĩ thông: có thể nghe tất cả âm thanh; 3. Tha tâm thông: có thể biết hết tất cả những suy nghĩ trong tâm của mọi người; 4. Túc mạng thông: biết được các việc trong quá khứ của mình; 5. Như ý thông: còn gọi là thần cảnh thông nghĩa là tự do tự tại, đi qua vách đá cũng không trở ngại.

Ngũ trược chúng sanh (五濁衆生): ngũ trược c (Skt: panca kasayah), cũng còn gọi là ngũ chỉ, là 5 thứ cặn đục khởi lên trong giảm kiếp, đó là kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược mà chúng sanh phải nhận chịu.

Ngụy Hiếu Minh Đế Thái Hòa thập niên (魏孝明帝太和十年): Thái Hòa là niên hiệu của vua Ngụy Hiếu Văn Đế triều Bắc Ngụy, còn gọi là Hậu Ngụy hay Nguyên Ngụy, còn niên hiệu của vị vua kế tiếp Văn Đế là Ngụy Hiếu Minh Đế là Chính Quang.

Nguyên Hòa (元和): là niên hiệu của Đường Hiếu Tông (806), Đường Nguyên Hòa cứu niên là năm (814).

Nguyên Thống tam niên (統三年): Nguyên Thống là niên hiệu của Nguyên Thuận Đế. Thực ra niên hiệu Nguyên Thống chỉ có 2 năm (1333-1334). Ở đây nói Nguyên Thống tam niên (năm thứ 3) có lẽ nhầm.

Nguyên lực (願力): chỉ cho lực dụng của bốn nguyện, cũng còn gọi là bốn nguyện lực, đại nguyện nghiệp lực, tức nguyện lực, nơi Tịnh độ tông thường chỉ nguyện lực của Phật A-di-đà.

Nguyệt Am Quả công (月菴果公) (S.168): thiền sư Thiện Quả Nguyệt Am, họ Dư, người Tín Châu (nay thuộc huyện Thượng Nhiêu tỉnh Giang Tây) ngài tham gia vào pháp hội của hòa thượng Phước Ninh và đắc pháp, khoảng niên hiệu Tuyên Hòa được vua Tống phong thưởng, đổi hiệu là Đạo Ngô, ngài dạy chúng nghiêm minh, sống đơn giản được mọi người kính mến, nổi tiếng khắp các nơi, khoảng niên hiệu Thiệu Hưng, ngài vào tỉnh Phúc Kiến, núi Hoàng Bá ở đó 10 năm. Sau Ngài trở về Đại Quy (tỉnh Hồ Nam). Ngài thị tịch vào năm 22 niên hiệu Thiệu Hưng (1152 CN) thọ 74 tuổi.

Nguyệt đán (月旦): là ngày mừng một âm lịch mỗi tháng.



Nguyệt vọng (月望): là ngày rằm âm lịch mỗi tháng.

Nhai phường hóa chủ (街坊化主) Chức vụ trong thiên lâm có trách nhiệm đi vào làng xóm, phố phường khuyến hóa tín đồ cúng dường tài vật cho Tam bảo.

Nhãn đồng ((眼同): là tục ngữ đời Nguyên, chỉ việc gì mà nhiều người cùng thấy để chứng minh.

Nhạn lập (雁立): đứng sắp thành một hàng dài như hình bầy nhạn bay thành hàng trên trời.

Nhân duyên (因緣): trong ngữ cảnh là chỉ cho tên gọi khác của công án Thiên tông, chứ không phải là nhân và duyên của Skt: hetu – pratyaya. Nhân lực (人力): là những người công dịch phục vụ lao động trong chùa Thiên tông.

Nhân sự (人事): có 2 nghĩa: a- Chỉ cho quà cáp đem tặng khi tới thăm nhau. b- Chỉ cho tự pháp hay pháp quyền đến thăm trụ trì. Trong ngữ cảnh của bài này thì nhân sự chỉ cho quà cáp.

Nhân thiên nhãn mục (人天眼目): nhân thiên chỉ cho các vị thần ở cõi trời – người, tức là hết thấy mọi người. Nhân thiên nhãn mục dụ cho ai cũng nhìn mình như tiêu chuẩn mẫu mực đầy tôn kính vậy.

Nhân Vương Ma-ha-bát-nhã Ba-la-mật kinh (仁王摩訶船苦波羅密經): cũng còn gọi là Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã-ba-la-mật kinh, Nhân Vương kinh, nói về việc Phật Đà vì đại quốc vương thuyết thị giữ gìn Phật quả, hạnh thập địa, và nhân duyên thủ hộ quốc thổ. Giống như nói thọ trì kinh này thì tiêu trừ tai nạn mà được phước, cùng với kinh Pháp Hoa, kinh Kim Quang Minh được coi là 3 bộ kinh hộ quốc.

Nhập Bát Niết-bàn (入般涅槃): cũng còn gọi là nhập diệt, tức là qua đời.

Nhập khám (入龕) (S.174): thường gọi là nhập quan, đem người chết tắm rửa đặt vào quan tài, sau đó làm lễ Nhập khám.

Nhập thất (入室) (S. 42): trong Thiên môn, người đệ tử đã tham vấn nhiều lần vào thất Thầy để tham học và hỏi đạo, gọi là nhập thất. Điều này còn chỉ cho việc người đệ tử được Thầy đích thân truyền trao yếu chỉ sâu xa.

Nhập thất thỉnh ích (入室請益): đệ tử vào thất trụ trì thưa hỏi đạo pháp.

Nhập viện (入院): tân thọ mạng trụ trì lần đầu tiên vào tự viện mà mình nhận lệnh trụ chức làm trụ trì.

Nhất dương sinh (一陽生): Tức tiết Đông chí, khoảng tháng 11 Âm lịch.

Nhất ma, nhất mễ (一麻一米): thuở ban đầu lúc Thế Tôn mới xuất gia cầu đạo, lấy khổ hạnh tự tu, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè và một hạt gạo. Đại trí độ luận quyển 34 chép: “Thích-ca Văn Phật tại rừng cây ở Au-lâu-tàn-loa, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè và một hạt gạo. Các ngoại đạo nói: ‘Tiên sĩ của chúng tôi tuy cũng tu khổ hạnh, nhưng cũng không thể cần khổ như vậy trong 6 năm dài’”.

Nhất nguyệt nhật trực nhật (一月日逐日): tất cả các ngày liên tiếp trong tháng.

Nhất như (一如) (S. 365): điều mà Phật giáo gọi là chân lý, chân như hay nhất như là không hai không khác, không phân không biệt.

Nhất Sơn (一山) Hiệu của thiên tăng Liễu Vạn đời Nguyên.

Nhất trung (一中): gồm 4 nghĩa: a. Một trai đường, một chỗ ngồi. Đây là dụng ngữ của Thiên tong trong lúc châm trà. Tức là đi rót trà cho tất cả mọi người; b. Chỗ ngồi ở chính giữa, vì tòa chính đặt ngay ở chính giữa nên gọi là nhất trung. Chỉ cho chỗ ngồi của vị vưu tọa; nếu mời người khác ngồi là biểu thị lòng tôn kính vị đó; c. Giữa ngày ăn một bữa vào giờ Ngọ; d. Nhất trung đạo ( dụng nghĩa của thiên thai): một trung thì tất cả đều trung, không có Không, Giả nào mà chẳng trung, vì tất cả đều trung quán vậy. Nhật dụng (日用): qui tắc hành sự hằng ngày, nguyên lý của sự việc.

Nhật hạ (日下): nghĩa đen là mặt trời rơi rụng, mà mặt trời rơi rụng cũng tức là Lạc dương. Phần đông người ta cho rằng đây là lời nói mỉa mưng (sấm ngữ) của Tổ Bát-nhã-đa-la để chỉ cho kinh đô Lạc Dương (洛陽).

Nhật thực (日蝕): thực (蝕) là bị ăn, tức là mặt trời bị mặt trăng ăn, bị mặt trăng cạp theo tín ngưỡng ngày xưa. Đây là hiện tượng thiên văn tự nhiên khi trái đất – mặt trăng – mặt trời ở vị trí thẳng hàng thì mặt trăng che mất mặt trời, nhưng thời xưa tin đây là điềm gở báo trước nhiều tai ương sẽ xảy ra nên phải cầu cúng. Nhị bát

định (二不定): bất định (Skt: aniyata), còn gọi là bất định pháp, nhị bất định (dvà-aniyata) là một bộ phận của tỉ- kheo thọ trì trong cụ túc giới, có nghĩa là vi phạm giới nào còn chưa xác định được, gồm bình xứ bất định giới và lộ xứ bất định giới. Nhị thập tam (二十三): là ngày 23 âm lịch mỗi tháng, là một trong 3 ngày tốt mừng 3, 13 và 23. Nhị thời (二時) (S.165): chỉ cho hai khoảng thời gian sáng và tối. Nhiễm (染) (S. 320): như nhớp, ô uế, không trong sạch, là chỉ vọng niệm chấp trước và sự vật bị chấp trước.

Ni-liên hà (尼蓮河): cũng còn gọi là Ni-liên-thiên hà (Skt: Nairanjana, P: Neranjara) dịch theo ý là Bất lạc trước hà, là chi lưu của con sông Hằng. Theo kinh Quá khứ hiện tại nhân quả thì sau khi xuất gia, Thế Tôn tu khổ hạnh bên bờ sông Ni-liên trong 6 năm. Sau đó, Ngài từ bỏ phép tu khổ hạnh, xuống tắm ở dòng sông này, và nhận bát cháo như pha với sữa của cô gái chăn bò cúng dường mà uống. Tiện đây cũng xin đính chính là có nhiều dịch giả sơ ý đọc lầm chữ mi (糜 là cháo như thành chữ mi (麩)) là con nai, từ đó lầm cháo nấu như pha với sữa thành sữa nai của cô gái chăn nai cúng dường, mà thật ra theo kinh nêu trên thì đây là cô gái chăn bò!

Ni-tát-kỳ (尼薩耆): gọi đủ là ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, ni-tát-kỳ có nghĩa là xả đọa, ý nói là xả bỏ tài vật, sám hối tội đọa.

Niêm hoa (拈華): gọi đủ là niêm hoa vi tiếu, chỉ Phật Đà giơ cành hoa sen lên thị chúng, Tôn giả Ca-diếp nhân đó liễu ngộ nên nhếch mặt mỉm cười, chỉ cho Thiền pháp chánh truyền.

Niêm hương (拈香): dâng, đốt hương. Tiện đây chúng tôi xin trình bày đại khái những gì liên quan đến hương (tức là nhang). Đốt nhang tức là thiêu hương, còn gọi là phần hương, niêm hương, niêm hương, cáo hương, tháp hương, chú hương. Tuy nhiên từ niêm hương là được dùng phổ thông nhất trong các trường hợp như tại ngày khai đường, tại ngày cầu chúc Thánh thọ Hoàng đế, trong các pháp hội v.v... Ngoài ra, tỳ tăng trụ chức phải đốt hương đến trước thầy mình báo cáo đã thành tỳ pháp thì gọi là tín hương. Thầy đốt hương đáp lễ lại trò đã dâng hương cho mình thì gọi là hoàn hương hay đáp hương. Minh thay người khác đốt hương kính lễ ai đó thì gọi là đại hương. Lúc thọ trai đối với đại chúng ban hương, hoặc lúc tuần đường đốt hương trước các tôn túc thì gọi là hành hương (hành có nghĩa là ban tặng). Tham bái tỳ viện đốt hương thì gọi là tấn hương. Hộp đựng hương gọi là hương cữ, hương tướng,

huong hiệp, hương hạp. Lư để đốt hương gọi là hương lô, huân lô, hỏa lô. Lư hương có 2 tay nắm gọi là bình hương lô, thủ lô. Hoặc lấy hương để tỉ dụ công đức của Phật như giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát hương, giải thoát tri kiến hương.

Niệm (念) (S. 365): chỉ cho sự nhớ nghĩ.

Niên Lạp (年臘) (S. 81): Niên là tuổi tác, Lạp là giới Lạp. Niên Lạp tức là tuổi tác và giới Lạp.

Niên triều (年朝): Tức ngày đầu năm.

Niết-bàn đài (涅槃臺): đài làm bằng củi đặt quan tài người chết lên đó để hỏa thiêu.

Niết-bàn môn (涅槃門) (S. 331): cửa bước vào cảnh giới Niết-bàn. Kinh Phật gọi cảnh giới Niết-bàn là nơi cư trú của thánh nhân.

Noãn liêm (暖簾): Dung bông hay vải phủ trên mặt tấm rèm để đề phòng gió tạt, gọi là noãn liêm.

## O

Oa tôn (漚樽): Một loại chén dùng để uống nước hay uống rượu.

## P

Phạm đàn (梵壇; Skt, P: brahma-damda), dịch theo ý là mặc tẫn, phạm pháp, phạm thiên pháp trị, phạm thượng, là một pháp trị đối với tỉ-kheo hay tỉ-kheo-ni vi phạm giới luật, tức là không cho các tăng ni khác chuyện vãn với người có tội, là một trong 9 pháp trị tội, là một trong 6 pháp tẫn dành cho người có tội nhẹ, đúng lý ra phải viết là (梵壇), tức là mặc tẫn, ý chỉ phạm tội nhẹ, chỉ bị cấm không cho mọi người nói chuyện với mình.

Phạm Thiên (梵天; Skt: Brahma), dịch theo âm là Bà-la-hạ- ma, dịch theo ý là thanh tịnh, Nan Dục, nguyên là đại thần do Bà-la-môn giáo và Ấn Độ giáo sáng tạo ra, về sau thần thoại Phật giáo cũng thái dụng. Tuy nhiên, thường thường từ Phạm vương là chỉ cho Đại Phạm Thiên vương, tên là Thi Khí hoặc Thế chúa, nguyên có 5 đầu và 4 tay.

Phạm trọng (犯重) (S. 63): phạm vào trọng tội của giới luật. Giới Tiểu thừa có 4 loại trọng tội, giới Đại thừa có 10 loại trọng tội.

Phan mộ (攀慕): phan nghĩa đen là thấp bé vin vói lên cao, mộ là ngưỡng mộ. Đây là lời khiêm xưng, ý nói mình thân phận thấp hèn không đáng ngưỡng mộ Phật mà cố lạm ngưỡng mộ vậy.

Pháp âm (法音): lời Phật thuyết pháp vi diệu gọi là pháp âm.

Pháp diệt (法姪): tức là cháu trong đạo pháp. Đây là Phật giáo thái dụng chế độ tông pháp của thế tục, gọi anh em cùng học một thầy là pháp huynh pháp đệ, đệ tử của các sư huynh đệ là pháp diệt.

Pháp đường (法堂): là điện đường diễn bố đại pháp của từng lâm, tọa lạc ở phía sau Đại hùng Bửu điện và trước thất phương trượng, tương đương như giảng đường, ngầm biểu thị Tông chỉ giáo ngoại biệt truyền của Thiền tông.

Pháp giáo (法教) (S. 330): sự dạy dỗ theo giáo pháp.

Pháp giới (法界; Skt: dharma-dhatu, P: là dhamma-dhatu), dịch theo âm là Đạt-ma-đà-đô, chỉ cho tất cả mọi sự vật sở hữu là đối tượng của ý thức sở duyên, diễn rộng nghĩa ra là chỉ cho tất cả các pháp hữu vi lẫn vô vi, tức mọi pháp (être).

Pháp hoa kinh (法華經) (S. 367): gọi đủ là Diệu Pháp Liên Hoa kinh, tư tưởng chủ yếu nói rõ Tam thừa chỉ là phương tiện, Nhất thừa mới là chân thật, cuối cùng trở về Tịnh độ, tuyên dương tinh thần nhập thế độ đời, là một trong những kinh điển căn bản của tông Thiên Thai. Phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa chủ yếu tuyên dương Phổ môn thị hiện của Bồ-tát Quán Thế Âm, là tín ngưỡng đặc thù tôn sùng Bồ-tát Quán Âm.

Pháp ngữ (法語): tức là tuyên thuyết chánh pháp. Ban đầu chỉ cho giáo pháp của Thế Tôn, sau Thiên tông dùng để chỉ cơ ngữ do các Tổ sư khai thị trong các buổi lễ, chủ yếu là lễ thượng đường, khai đường.

Pháp quyến (法眷) (S. 80): những người cùng tu học trong thiền lâm được xem là quyến thuộc trong Phật pháp nên gọi là Pháp quyến.

Pháp tòa (法座): chỉ cái tòa mà Phật ngồi trên đó thuyết pháp, lại cái tòa cao mà các Thiền sư lúc thuyết pháp ngồi cũng gọi là pháp tòa, hoặc gọi là tòa Tu-di, sau chuyên rộng ý đồng nghĩa với pháp diên, pháp tịch.

Pháp tràng (法幢) (S. 284): diệu pháp cao siêu giống như lá cờ bay phấp phới trên cao, cho nên gọi là Pháp tràng.

Pháp Vân (法雲) (S. 365): vị thiền tăng cuối đời nhà Kim, người Lâm Hải – Chiết Giang, họ Lưu, ban đầu sư xuất gia ở Hồng Động – Sơn Tây, cầu học với ngài Quảng Hóa, tham học thiền pháp ở Thiều Sơn. Về sau sư trụ trì Sùng Thắng Quan Âm viện ở Nam Dương, và xây chùa Báo Ân ở Linh Sơn.

Pháp vị (法味) (S. 366): do hiểu rõ tận tường giáo pháp vi diệu của Phật mà tâm được an lạc, hương vị loại diệu pháp này gọi là Pháp vị. Pháp vương (法王): vua pháp, nguyên dùng để tôn xưng Thế Tôn là vua của pháp, nhưng do đời Nguyên, Đế sư thống lãnh Phật giáo cả nước, nên từ này cũng được dùng để chỉ Đế sư.

Pháp y (法衣) (S. 71): y phục của người xuất gia có một thể thức nhất định, phải may đúng theo thể thức ấy, nên gọi là Pháp y, hoặc gọi là ca-sa. Nhưng trong Thiền lâm đặc biệt gọi y Kim lan, một tín vật truyền pháp tiêu biểu, là pháp y, chỉ khi thuyết pháp mới được đắp y này.

Pháp yếu (法要): là yếu điểm, mấu chốt của pháp nghĩa được trụ trì tuyên thuyết.

Phân thủ vị (分手位): người ngồi bên phải hoặc bên trái mình gọi là phân thủ vị. Có chỗ nói: phân thủ không nhất định, có trường hợp phân thủ đối với trụ trì; có trường hợp phân thủ đối với hậu đường.

Phân tòa (分座): trong Thiền lâm, thủ tọa thay trụ trì chùa chia sẻ bớt công việc thuyết pháp gọi là phân tòa.

Phân Dương Thiện Chiêu (汾陽善昭): tăng nhân tông Lâm Tế đời Tống (947 – 1024). Tuổi trẻ thông tuệ, 14 tuổi thọ giới cụ túc, du phương tham phỏng 71 vị thạc đức, đệ tử nổi pháp của Thiền sư Thủ Sơn Tĩnh Niệm, thị tịch năm Thiên Hoàng thứ 2 đời Tống Nhân Tông, thọ 78 tuổi, thụy hiệu là Vô Đức Thiền Sư.

Phật đản nhật (佛誕日): là ngày đản sanh của đức Thích Ca Mâu Ni, tức là rằm tháng 4 âm lịch.

Phật kí (佛記) (S. 336): sự huyền kí của Phật, tức là lời dự đoán của đức Phật.

Phật Nhãn Viễn Công (佛眼遠公): là thiền sư Thạch Viễn danh tiếng đời Tống, là môn đồ của Ngũ Tổ Pháp Diễn, tịch thọ sắc thụ là Phật Nhãn Thiền sư.

Phật nhật tăng huy (佛日增輝): Phật nhật (skt: buddha- sunya). Do tuệ trí, đức hạnh, từ bi của đức Phật có thể phá tan mê vọng của chúng sanh, như mặt trời phá tan bóng tối ban đêm, cho nên mới ví Phật Đà như mặt trời. Phật nhật tăng huy là lời cầu mong mặt trời Phật ngày càng huy hoàng.

Phất tử (拂子) (S. 284): dụng cụ quét côn trùng, tức cây xơ quất, thông thường lấy các vật chỉ khâu, lông dê, làm thành, để dùng khi thuyết pháp.

Phật tử trụ (佛子住): có lẽ là

Phật tử vị (佛子位) thì đúng hơn, là một phong hiệu cho tăng nhân của triều đình nhà Nguyên. Phi đoạn, phi thường (非斷非常): phi đoạn chỉ cho thời gian liên tục, phi thường chỉ cho thời gian không liên tục. Vậy phi đoạn – phi thường tức là chỉ cho trạng thái siêu thoát.

Phi đơn (飛單) (S. 256): hóa đơn thu chi mỗi ngày trong thiền lâm, do vị phó tự kí nhận, vì điều mục được ghi trong một ngày không nhiều, nên có thể tùy thời trình lên Phương trượng, mọi việc diễn ra nhanh chóng nên gọi là “Phi đơn”, còn gọi là Nhật đơn.

Phiên trấn (藩鎮): Phiên nguyên có nghĩa là bờ rào ngăn che, bảo vệ. Vua phong cho các bầy tôi thân cận, các hoàng thân quốc thích ra trấn ở các nơi để làm phen che chở cho triều đình, gọi là phiên trấn.

Phó bát vị (副鉢位): phó bát là 16 người ngồi đầu bàn, phó nghĩa là người thứ 2.

Phó liêu (副寮) (S. 262): người trợ lý của Liêu chủ, hộp sức cùng Liêu chủ kiểm tra việc quét dọn và bảo quản các vật dụng trong liêu.

Phong hỏa tương bức (風火相逼): gió lửa bức ngạt nhau, ý nói tứ đại xung đột nhau đưa đến rã rời rồi là qua đời.

Phóng tham (放參) (S. 56): thuật ngữ Thiền lâm. Trụ trì có công việc hoặc sắp đến giờ cầu nguyện nên bỏ giờ tọa thiền buổi chiều, gọi là Phóng tham.

Phóng tham chung (放參鐘): là tiếng chuông gióng lên để báo tin hủy bỏ buổi văn tham do trụ trì có sự duyên gì đó vướng kẹt không thể thực hiện văn tham được.

Phổ thỉnh (普請) (S. 257): tập hợp chúng tăng cùng lao động gọi là “phổ thỉnh”. Quy chế này do hòa thượng Bách Trượng Hoài Hải đặt ra. Sau này còn gọi việc tập hợp chúng tăng là Phổ thỉnh.

Phổ thuyết (普說) (S. 41): việc thuyết pháp trong Thiền tông, nghi thức tương đối đơn giản không cần mang khay thỉnh, không cần đắp pháp y.

Phổ vấn tẩn (普問訊): tức là phổ đồng vấn tẩn, nghĩa là cùng với đại chúng đồng thời vấn tẩn qua lại.

Phu tọa (跏坐): cũng gọi là già phu tọa, chỉ cho nhà sư ngồi bắt chéo 2 bàn chân lên trên đùi, chủ yếu là lúc tham Thiền nhập định hay ngồi chủ lễ trên pháp tòa, gọi đủ là

kiết già phu tọa (結跏趺坐), Skt là nyasidat-paryankam àbhujya, là một trong các pháp ngồi của nhà sư Phật giáo, cũng viết là ((結加夫坐結跏), (跏趺正坐), (跏坐), (結坐,). Trong các pháp ngồi thì “kiết già phu tọa” là an ổn nhất mà lại không bị mệt mỏi. Trước khi tham bái để tỏ lòng kính trọng, các đệ tử hay hành giả thường thỉnh mời trụ trì phu tọa.

Phù ti (罽毘) (S. 41): vừa chỉ cho cây đứng chắn gió ngoài cửa, vừa chỉ chắn song cửa sổ có từng ô để ánh sáng xuyên vào.

Phụ nghi (賻儀) (S. 180): những lễ vật mà mọi người đem đến phúng điếu.



Phước Châu Trường Lạc (福州長樂): Trường Lạc là tên quận xưa do nhà Đường thiết lập. Vương Mân đời Ngũ Đại thăng lên làm vương phủ, Tống gọi là quận Trường Lạc Phước Châu, tức nay là huyện Lâm Sâm tỉnh Phước Kiến.

Phương Đẳng hội thượng (方等會上): Phương Đẳng (skt: Vaipulya, P: Vedella), dịch theo âm là Tì-Phật-Lược, Tì-phú-la, dịch theo ý là Phương Quảng, Quảng Pháp, Quảng Đại, Quảng Bác, Quảng Giải, Quảng Vô Ti. Lại còn gọi là Đại Phương Quảng, Đại Phương Đẳng, là một trong 9 bộ kinh của Nam tông, là một trong 12 bộ kinh của Bắc tông, là kinh điển Đại thừa, thuyết giảng rộng rãi nghĩa lý vô cùng sâu rộng. Phương Đẳng hội thượng chỉ cho pháp hội mà nơi đó Phật thuyết kinh Phương Đẳng, kể thuyết kinh Duy-ma, kinh Lăng già, kinh Lăng nghiêm, kinh Bát-nhã, kinh Kim Quang Minh.

Phương tiện (方便) (S. 367): thuật ngữ của Phật giáo, chỉ cho tài trí linh hoạt, xảo diệu.

Phương trượng (方丈) (S. 25): chỗ ở của Trụ trì trong chùa Thiền. Trong kinh Phật nói phòng ngủ của Bồ-tát Duy Ma Cật chỉ vuông vức một trượng (1,8 mét), nhưng lượng dung chứa thì vô hạn. Thiền sư Hoài Hải khi chế định Thanh Quy đã dựa theo thuyết này mà gọi phòng ở của Trụ trì là “Phương trượng”, còn gọi là “Trượng thất”, “Hàm trượng”, “Chánh đường”, “Đường đầu” v.v... Về sau chuyển nghĩa “Phương trượng” được dùng chỉ cho vị Trụ trì.

Phương trượng chấp cục (方丈執局): có lẽ chỉ cho người xử lý công việc trong chùa do phương trượng trực tiếp điều hành.

Phương trượng hành giả (方丈行者): là hành giả phụ trách tạp dịch tại thất phương trượng, chịu sự sai khiến của thị giả.

Phương trượng khách đầu (方丈客頭): tức khách đầu hành giả của thất phương trượng. Khách đầu hành giả gọi tắt là khách hành, trong chùa Thiền lâm lệ thuộc phần quản lý của tri khách, được sai phái tiếp khách.

## Q

Quá đường (過堂) (S. 224): đại chúng đi đến Tăng đường ăn cơm gọi là Quá đường.

Quải bát (掛鉢) (S. 299): ở đây chỉ cho việc khi ăn xong mang bát treo lên móc.

Quải đấp (掛搭): có 2 nghĩa: a- Chỗ treo y bát của các tăng nhân. b- Tăng du phương đến chùa người được ghi tên vào danh sách cho ở lại chùa.

Quải phúng kinh bài (掛諷經牌): treo tấm bảng, tấm bài hiệu trong đó viết thông báo tụng kinh.

Quan chiêm (觀瞻): nghĩa ban đầu là chỉ những gì đập vào mắt khiến mình nhìn thấy. Sau diễn rộng nghĩa ra chỉ cái gì gây chú ý cho mọi người, sau chuyển rộng nghĩa nữa là muốn chỉ phong cách khiến cho người ta có cái nhìn kính trọng mình.

Quan khách (官客): không có nghĩa đơn thuần như ngày nay là các vị khách khứa được mời dự một buổi lễ, mà là quan viên và khách mời thông thường.

Quan tự (官寺): là tự viện do triều đình cất lên, chu cấp kinh tế lương bổng, tài vật và cử người đến quản lý. Ngũ sơn, thập sát, các chùa danh tiếng xây dựng hồi đời Tống ở Trung Quốc thuộc quan tự. Đời nào cũng vậy, chùa nhà nước thì luôn vắng bóng kẻ hành hương. Thơ của Bạch Cư Dị: Quan tự hành hương thiếu. Tăng phòng ký túc đa.

Quan viên (官員): tức là chỉ quan chức của triều đình, trong chương này chủ yếu là quan huyện, quan phủ địa phương.

Quán đánh (灌頂) (S. 321): dùng nước để rưới đỉnh đầu, vốn là nghi thức đăng quang của vua Ấn độ thời xưa. Phật giáo Mật tông theo cách thức này, khi vị tăng tiếp nối địa vị A-xà-lê thì phải lập đàn cử hành nghi thức quán đánh. Về sau thiền môn cũng phỏng theo nghi thức này khi sa-di thọ giới.

Quán Thế Âm (觀世音; S: avalokiteśvara) cũng gọi là Quán Tự Tại, Quan Âm; Một trong những vị Bồ-tát (s: bodhisattva) quan trọng nhất trong Đại thừa (s: mahāyāna). Có nhiều luận giải khác nhau về nguyên nghĩa tên Ngài. Có người hiểu "īśvara" là một "người nam" quán chiếu thế giới, có người hiểu "svara" là "Â m", tức là vị Bồ-tát lắng nghe mọi tiếng thế gian. Nhìn chung, Quán Thế Âm là thể hiện lòng Bi (s, p: karuṇā), một trong hai dạng của Phật tính. Vì vậy, có khi người ta đặt tên cho Ngài là bậc Đại Bi (s: mahākaruṇika). Dạng kia của Phật tính là Trí huệ (Bát-

nhã; s: prajñā), là đặc tính được Bồ Tát Văn-thù (s: mañjuśrī) thể hiện. Quán Thế Âm là vị Bồ Tát thể hiện nguyện lực của Phật A-di-đà (s: amitābha) và được xem như quyền thuộc của Ngài (Tịnh độ tông). Với lòng từ bi vô lượng, Quán Thế Âm thể hiện sức mạnh huyền diệu cứu giúp mọi chúng sinh quán tưởng đến Ngài lúc gặp hiểm nguy. Trong nhân gian, Ngài là vị bảo hộ tránh khỏi tai họa và hay được phụ nữ không con cầu tự. Trong các loại tranh tượng về Ngài, người ta thấy có 33 dạng, khác nhau về số đầu, tay và các đặc tính. Thông thường ta thấy tượng Ngài có ngàn tay ngàn mắt, có khi 11 đầu. Trên đầu có khi có tượng của A-di-đà, xem như đặc điểm chính. Trên tay có khi thấy Ngài cầm hoa sen hồng, vì vậy Ngài cũng có tên là Liên Hoa Thủ (người cầm hoa sen; s: padmapāṇi) hay nhành dương liễu và một bình nước Cam-lộ (s: amṛta). Số tay của Ngài biểu hiện khả năng cứu độ chúng sinh trong mọi tình huống.

Quang bạn (光伴): được người cao quý hay các bậc tôn túc bầu bạn là quang vinh, cho nên được các bậc trên trước ăn uống cùng với mình thì gọi là quang bạn.

Quang bạn hương (光伴香): đốt hương cảm tạ các khách mời (quang bạn nhân).

Quang bạn vị (光伴位): người ngồi bên tay phải của trụ trì tức là người phân thủ vị của trụ trì (cũng là quang bạn vị).

Quảng Châu (廣州): thời Tần Hán là quận Nam Hải, nay là tên phủ thuộc tỉnh Quảng Đông.

Quảng Hàn cung điện (廣寒宮殿): cung điện Quảng Hàn, cung điện lạnh. Theo sách Thiên Bảo di sự, Đường Minh Hoàng du lịch lên cung trăng thấy tám bảng hiệu đề Quảng Hàn Thanh Hư chi phủ, nhân đó nhân gian mới gọi mặt trăng là cung điện Quảng Hàn, ý nói trên mặt trăng lạnh lắm. Quần mê (群迷): chỉ cho chúng sanh chưa giác ngộ, còn đang mê hoặc trong biển trầm luân.

Qui Tông (歸宗): tức Trí Thường, pháp tự của Mã Tổ Đạo Nhất. Qui thặng (規繩): nghĩa giống như qui tắc, qui định vậy.

Quy chân (歸眞) (S. 166): trở về thể vắng lặng, cũng là cách nói văn hoá của nhà Phật đối với cái chết.

Quy chân tịch (歸真寂): là từ mà nhà Phật uyển chuyển dùng để chỉ tăng lữ qua đời.

Quy lô (lư) (跪爐): tức là quỳ trước lư hương mà niệm hương. Thông thường nghi thức này được cử hành tại các buổi lễ như chúc thọ Hoàng đế, giỗ kỵ quốc gia, lễ Phật đản, hay giỗ kỵ các Tổ sư. Nghi thức cử hành như sau :Lưỡng tự phân thành 2 ban đứng đối diện nhau, trụ trì quỳ trước lư hương. Sau đó tri khách quỳ dâng lư hương cầm tay, thị giả quỳ dâng hộp hương. Sau khi duy-na bạch Phật tuyên sớ xong, tri khách lại quỳ tiếp nhận lư hương cầm tay, chùng đó trụ trì mới thu tọa cụ. Nghi thức này rất thịnh hành trong từng lâm Hoa – Việt.

Quyển ngôn (眷言): là cổ quyển tịnh ngôn. Kinh thi Nãi quyển Tây cổ. Chú Ấy là cổ quyển tịnh ngôn vậy, ý nói chiếu cổ rất tha thiết.

Quyết nghi (決疑): trừ bỏ, dẹp tan điều nghi ngờ để đạt đến trạng huống chính xác.

## S

Sa giới (沙界) (S. 332): thế giới nhiều như cát sông Hằng, dụ cho sự rộng lớn của thế giới.

Sam tiên (攬先): sam là chen lẫn, sam tiên là chen lẫn giành lên trước mà không tuân theo thứ tự trước sau.

Sám tạ (懺謝): cũng còn gọi là sám hối, tức sám hối tội lỗi để cầu xin tạ tội. Sám là gọi tắt từ sám ma, là quên lãng, tức là cầu xin người khác quên lãng tội lỗi của mình. Hối có nghĩa là hối lỗi, tức truy hối điều làm lẫn tội lỗi trước đó. Sau khi chấm dứt lễ cầu đảo phải sám hối là ý cho rằng khi mình làm lễ cầu xin (cầu đảo) tức là do có tội lỗi bị quả phạt, vậy nay phải sám hối cầu xin tha lỗi.

Sanh tử (生死: Skt: samsara, jatimarana), cũng còn gọi là luân hồi, nghĩa là y theo nghiệp nhân mà chìm nổi trong lục đạo là trời – người – A-tu-la – ngã quỷ – súc sanh, sanh tử nối tiếp, chẳng bao giờ cùng tận, là cảnh giới đối lập lại với Niết-bàn.

Sanh tử sự đại (生死事大): ý nói vấn đề sanh tử là sự việc hết sức trọng đại không thể coi thường được, tức là khuyên chúng sanh cần phải mau tu hành giải thoát.

Sai đơn (差單): bảng ghi danh sách chư tăng được luân phiên cử lên trực trên chánh điện trong tháng cử hành chúc thiên thọ Thánh Hoàng.

Sát-đế-lợi (刹帝利: skt: Ksatriya), dịch ý là địa chủ, Vương chủng, gọi tắt là Sát-lợi, là dòng họ thuộc giai cấp thứ 2 trong 4 dòng họ giai cấp chánh ở Ấn Độ, địa vị chỉ đứng sau giai cấp Bà-la-môn, là giai cấp của Vương tộc, quý tộc, sĩ tộc, thường nắm giữ các cương vị quân sự và chính trị. Thế Tôn xuất thân từ giai cấp này.

Sắc (勅): vì Phật là pháp vương tức cũng là một vị vua nên lệnh lạc của Phật ban ra gọi là sắc, tuân theo lệnh của Phật gọi là tuân chỉ (遵旨).

Sán (覲) (S. 80): gọi tắt thuật ngữ Đạt sán, Đàn sán v.v... chỉ cho vật bô thí, bao hàm hai hình thức: tài vật thí chủ dâng cúng cho chư Tăng (tài thí) và chư Tăng thuyết pháp cho thí chủ (pháp thí).

Si Tuyệt Xung Công (癡絕冲公): một thiền sư nổi tiếng vào thời Nam Tống, Ngài họ Tuần pháp danh Đạo Xung, biệt hiệu là Si Tuyệt. Ngài đã từng trụ trì nhiều ngôi chùa nổi tiếng và tinh thông thư pháp. Sư viên tịch vào năm thứ 3 niên hiệu Bảo Khánh đời Tống Lý Tông ( 1227 CN).

Song tự danh (雙字名): là ghi đủ tên cả giới và tuổi lập, đối lại là đơn tự danh chỉ ghi tên giới thôi. Tên giới tức giới danh, là tên do sư phụ mà mình quy y đặt cho lúc mình thọ tam quy giới, còn gọi phổ thông là pháp danh.

Sơ bát (初八): là ngày mùng 8 âm lịch mỗi tháng, là một trong ba ngày tốt mùng 8, 18 và 28.

Sơn môn (山門) (S. 80): cổng ngoài của Tự viện, còn được chỉ cho toàn thể Tự viện.

Suất chúng tài (率衆財): gặp các ngày giỗ kỵ, đường ty quyền tiền của đại chúng để sắm sanh hương, hoa, trà, quả. Còn gọi là suất tiền. Suất hóa (率化): kính phục tuân theo sự giáo hóa của đức Phật.

Sư biểu (師表): vị thầy gương mẫu, Thiền sư đạo cao đức trọng làm gương tốt cho mọi người noi theo. Riêng đức Khổng Phu Tử được gọi là vạn thế sư biểu tức là ông thầy gương mẫu muôn đời.

## T

Tác đầu lão lang (作頭老郎): người coi các công việc làm bằng tay chân của bộ dịch trong chùa Thiên lâm. Tác phạm

Xà-lê (作梵闍黎) (S. 314): Xà-lê là vị thầy mô phạm dạy dỗ, uốn nắn những hành vi của đệ tử. Tác phạm Xà-lê là vị thầy dùng tiếng Phạn niệm tụng, lễ bái khi sa-di thọ giới ở trong thiên lâm.

Tái hiện đằm hoa (再現曇花) (S. 183): người đời cho rằng ba ngàn năm hoa đằm mới nở một lần, còn trong truyền thuyết nói rằng khi đức Phật ra đời hoa này mới nở. Ở đây dùng hoa Đằm để chỉ cho vị trụ trì đã viên tịch, cầu nguyện vị đó đời sau chuyển sanh làm bậc cao tăng đại đức.

Tam ác đạo (三惡道) (S. 331): ba đường mà chúng sanh tạo nghiệp ác thường lui tới: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh; còn gọi là Tam ác thú.

Tam bảo (三寶) (S. 326): Phật giáo gọi Phật, Pháp và Tăng là Tam bảo. Phật tức là Phật Thích-ca Mâu-ni, còn chỉ chung cho tất cả chư Phật; Pháp là giáo pháp do Phật dạy; Tăng là Tăng chúng kế thừa và truyền bá giáo pháp của Phật.

Tam bát nhật (三八日): chỉ 3 ngày mùng 8, 18 và 28 âm lịch mỗi tháng, là các ngày Thiên tăng phải tụng niệm trên điện. Thời xưa lấy các ngày 3 (mùng 3, 13, 23) cộng với ba ngày 8 làm 6 ngày tụng niệm trên điện. Các ngày 3 tụng niệm cầu cho quốc gia trường tồn, Phật pháp long thịnh, thí chủ an Khang. Còn các ngày 8 tụng niệm cầu cho hoàn thành một đời tu niệm của mình.

Tam đồ (三塗): Chỉ cho Ba đường đó là Hoả đồ (đường lửa), Đao đồ (đường đao), và Huyết đồ (đường máu), đồng nghĩa với Tam ác đạo là 1. Địa ngục (地獄; skt: naraka); 2. Súc sinh (畜生; skt: tiryāṅc); 3. Ngạ quỷ (餓鬼; skt: preta) là những nơi do các nghiệp ác của thân khẩu ý dẫn đến.

Tam giới lưu chuyển (三界流轉) (S. 367): luân hồi chịu khổ trong tam giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

Tam hạ (三下): ba tiếng, như minh bản tam hạ, là đánh 3 tiếng bản, còn tam thông là 3 hồi, như minh cô tam thông là giống 3 hồi trống.

Tam hiền (三賢) (S. 326): theo đại thừa Phật giáo, Tam hiền là 3 cấp bậc từ Thập tâm trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng, những vị Bồ-tát ở trong 3 giai đoạn này được gọi là hiền giả, vì những vị đó chưa diệt sạch hết mê hoặc, chưa bước vào địa vị thánh giả nên gọi là “Hiền”.

Tam học (三學; Skt: tisrah siksah, P: tisso sikkha) chỉ cho 3 môn học giới – định – huệ của Phật giáo, cũng còn gọi là tam thắng học, gọi đủ là giới – định – huệ tam học. a- Tăng thượng giới học: môn học phòng chỉ ác nghiệp thân – khẩu – ý. b- Tăng thượng định học: môn học giúp trừ vọng niệm hầu thấy tánh thành Phật. c- Tăng thượng huệ học: môn học giúp hiển phát bản tướng, đoạn trừ phiền não, thấy thực tướng chư Phật.

Tam hữu (三有): hữu (Skt: bhava). Tam hữu có nhiều loại nghĩa: a- Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu; nghĩa đồng với từ Tam giới. b- Sanh hữu, bản hữu, tử hữu, là một đời của chúng sanh hữu tình. c- Thiện thành hữu, tính đẳng hữu, biến dị hữu, là số luận do ngoại đạo lập ra.

Tam môn (三門) (S. 97): cũng gọi là “Sơn môn”. Chỉ cho cổng ngoài của Tự viện. Chính giữa dựng một cửa lớn, phối hợp hai cửa nhỏ hai bên. Có chỗ chỉ xây một cửa giữa và dựng thêm hai cây trụ hai bên. Hình thức Tam môn này tượng trưng cho ba cửa giải thoát: Không, Vô tướng, Vô tác trong giáo nghĩa của nhà Phật.

Tam muội (三昧) (S. 191): dịch âm từ tiếng Phạn Samadhi, dịch ý là Định, tức là nhiếp tâm trong Thiền định để đạt đến sự hòa hợp trong các hành. Tam quy (三歸) (S. 326): còn gọi là “Tam quy y”, tức là quy y Tam bảo Phật, Pháp và Tăng.

Tam sự (三事) : tam sự có rất nhiều nghĩa, trong ngữ cảnh ở bài “Kỳ tuyệt” này chỉ “chính đức, lợi dụng và hậu sinh” là đức và tài mà bậc trị dân phải có. Thiên “Đại vũ mô” trong Kinh thư viết: “Đế nói: ‘... đất bằng do trời hình thành; lục phủ, tam sự đều đầy đủ”. Một nghĩa gần với nghĩa trên là : sự thiên, sự địa và trị nhân dân.

Tam thế (三世) (S. 92): còn gọi là Tam tế, tức quá khứ, hiện tại, vị lai. Còn chỉ chung cho mọi thời gian.

Tam thiên thế giới (三千世界): lấy núi Tu-di làm trung tâm, chu vi 4 đại châu và 9 núi 8 biển làm một tiểu thế giới. Một ngàn tiểu thế giới tập hợp lại thành một tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới thành một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới thành một đại thiên thế giới. Đại thiên thế giới này nhân do tiểu – trung – đại ba loại thiên thế giới hợp thành nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới hay tam thiên thế giới.

Tam thời (三時) (S.165): chỉ cho ba khoảng thời gian sáng sớm, giữa trưa và chiều tối.

Tam y (三衣) (S. 342): chỉ cho ba loại y chính thức của chúng tăng: y năm điều (An-đà-hội), y bảy điều (Uất-đa-la-tăng), y chín điều (Tăng-già-lê), khi may thường dùng một số điều tương sắp xếp theo chiều dọc để may thành giống như hình chữ điền.

Tạm đái (暫到): các tăng du phương mới đến một chùa nào đó tạm cư ngụ chưa được ghi tên cho lưu ngụ.

Tán kỵ (散忌): nghĩa như tán cúng (散供), nghĩa là lúc giỗ phóng tán các thứ tiền vật như tán hoa, tán tiền v.v...

Tạng chủ (藏主): là tiếng gọi khác của tri tạng, tức tăng quản lý kho kinh.

Tạng kinh (藏經): tức là chỉ Đại tạng kinh, còn gọi là Nhất thiết kinh, Nhất đại (代) tạng kinh, Đại tạng, Tam tạng Thánh giáo, bao hàm tam tạng Thánh điển, cũng chỉ kinh, luật, luận là tổng hợp trung tâm kinh điển Phật giáo.

Tạng điện (藏殿): chỉ lầu điện cất chứa kinh tạng (tức kinh đường) và chỗ xem kinh. Kinh tạng cũng chỉ nơi cử hành nghi thức chúc diên thiên thọ Thánh hoàng hay cung phụng tượng Phật, hoặc tụng kinh theo yêu cầu của thí chủ. Khán kinh đường là nơi tăng chúng xem đọc tạng kinh. Đến đời Nam Tống thì công năng của kinh tạng chuyển sang Phật điện, còn công năng của khán kinh đường chuyển sang các liêu, cho nên tạng điện không còn lý do để tồn tại.

Tạng ty (藏司): chỉ liêu xá nơi tạng chủ trú ngụ và làm việc.



Tánh hỏa (性火) (S. 191): chỉ cho hiện tượng vật chất phổ biến thể hiện trên tất cả các sự vật, đối lập với tánh hỏa là “Sự hỏa”, tức là bốn hiện tượng vật chất cụ thể như đất, nước, lửa, gió.

Tăng đường (僧堂): là điện đường nơi các tăng chúng hằng ngày tu Thiền khởi ngọa ăn uống, cũng còn gọi là vân đường, tọa đường, tuyến Phật đường, Thánh tăng đường, khô mộc đường. Tăng đường là một trong bảy đường già lam của Thiền tông. Phạm người đã được ghi tên ở lại chùa Thiền tông, tất phải y theo giới lạp mà an bài vị thứ để khi tọa Thiền, khởi ngọa, ăn uống đều diễn ra ở tăng đường này. Tăng đường là điện đường quan trọng nhất trong các đường của chùa Thiền tông.

Tâm châu (心珠) (S. 367): tâm tính thanh tịnh, ví như hạt minh châu.

Tẩm đường (寢堂): tẩm thất của trụ trì, là nơi trụ trì tiếp đãi khách khứa, tăng chúng, liên quan đến việc công. Vì cách bố trí có ba kiểu: a- Bố trí bên ngoài thất phương trượng. b- Thất phương trượng chia làm 2 phòng lớn – nhỏ, tẩm đường bố trí tại phòng lớn. c- Tại một gian của thất phương trượng (không nên lầm lẫn là buồng ngủ của trụ trì).

Tẩm phân (禊氛): các thứ khí độc hại, bất thường, hay gây ra dịch bệnh cho súc vật hoặc hoa màu.

Tân mệnh (新命): tức tân mệnh trụ trì, là trụ trì vừa mới nhận mệnh lệnh làm trụ trì mà chưa đảo tân nhiệm làm việc.

Tân quải đấp (新掛搭): chỉ cho tăng nhân mới đến chùa khác và vừa được cho ghi tên ký ngụ lâu dài.

Tản (擯) (S. 62): còn gọi là Tản trị, là một trong bảy loại hình trị phạt Tỳ kheo gồm có 3 mức độ: 1. Tản xuất: áp dụng cho Tỳ kheo phạm lỗi ở mức độ nhẹ, bị đuổi ra khỏi chùa, đợi sám hối rồi mới cho phép trở lại. 2. Mặc tản: tất cả Tăng chúng không ai được nói chuyện với người phạm lỗi. 3. Diệt tản: áp dụng cho người phạm tội nặng không thể sám hối, bị xóa bỏ tên họ, đuổi ra khỏi chùa, vĩnh viễn không được phép trở về. Tản trong đoạn văn này thuộc về Tản xuất.

Tấn xuất (擯出): lỗi nhẹ, tạm đuổi ra khỏi chùa chỉ cho trở lại sinh hoạt trong tăng chúng khi đã sám hối.

Tập hóa quyền (戢化權): đây là lời nói khiêm chỉ việc trụ trì qua đời. Hóa quyền là quyền tạm giáo hóa đệ tử, tức là chỉ cho sinh hoạt bình sanh của trụ trì. Tập là gãy gập, đứt hết. Vậy tập hóa quyền là gãy đứt công việc giáo hóa tạm thời cho đồ chúng, tức là trụ trì qua đời.

Tây đường (西堂): là cao tăng đã từng làm trụ trì ở một chùa khác, nay đã thoái vị khách cư tại bổn tự, cũng còn gọi là Tây am, còn vị trụ trì tiền nhiệm tại bổn tự (tức nay đã thoái nhiệm) thì gọi đối lại là Đông tự, Đông am. Do phương Đông là phương chủ, phương Tây là phương khách, cho nên thỉnh trụ trì miễn nhiệm ở chùa khác về bổn tự thì bố trí ở Tây tự, và đối đãi như khách cho nên mới gọi là Tây đường.

Tây phương Thánh nhân (西方聖人): Chỉ đức Phật ở Ấn Độ, tức đức Thích-ca Mâu-ni Phật, chứ không phải đức Phật A Di Đà ở cõi nước Tây Thiên Cực Lạc.

Tây Vực (西域): thông thường chỉ vùng đất phía Tây của Trung Quốc, nhưng trong lịch sử, Tây Vực không gồm một phạm vi nhất định nào, và cải biến tùy theo từng thời kỳ, còn trong lịch sử Phật giáo thì chỉ có các nước từ Ấn Độ qua Trung Quốc mà theo đó Phật giáo Tây Thiên đã du nhập vào Trung Quốc, cụ thể chỉ nước Đại Hạ và A Phú Hãn.

Tế Bắc (濟北): là từ Thiên lâm dùng để chỉ đại Thiên sư Lâm Tế Nghĩa Huyền, bởi Nghĩa Huyền vào năm thứ 8 niên hiệu Đại Trung từng trụ tại viện Lâm Tế ở Trấn Châu Hà Bắc, cho nên mới có tên gọi như thế.

Tha duyên (他緣): thuật ngữ Phật giáo, nghĩa là có việc khác.

Thác đề (拓提): gọi đủ là thác đầu đề đề, có nghĩa là tăng phùng tức chỗ chur tăng ở, về sau trở thành tên gọi khác của tự viện.

Thạch Song (石窻) (??) (S. 250): Thiên tăng đời Nam Tống, họ Lâm, hiệu Pháp Cung, người Phụng Hóa, Minh Châu (nay là Ninh Ba tỉnh Chiết Giang), là môn đồ của thiền sư Hoàng Trí Thiên Đồng.

Thạch Sương (石霜) (S.233): ngài Khánh Chư cuối đời Đường, họ Trần, người Lô Lãng. (nay là Kiệt An, Giang Tây). Ngài đã hoằng pháp một thời gian dài ở núi Thạch Sương, Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, nên lấy tên núi Ngài đã ở làm hiệu.

Thạch Sương Sở Viên (石霜楚圓): tăng nhân thời Tống thuộc tông Lâm Tế đời thứ 6 (986 – 1029), họ Lý, tên Sở Viên, tự Từ Minh, đệ tử nổi pháp của Thiền sư Phần Dương Thiện Chiếu, thị tịch năm Bảo Nguyên thứ 2 đời Tống Nhân Tông, thọ 54 tuổi. Sau này phái của ngài Thạch Sương Sở Viên chia ra 2 nhánh là Dương Kỳ và Hoàng Long.

Thái (thái) phiên (采蘩): tên thiên Thiệu Nam của Kinh thi. Phu nhân các chư hầu Nam quốc đều trọn thành kính tế tự.

Phiên (蘩) là tên của một loài rau cỏ lá nhọn sắc. Từ “thái (thái) phiên” về sau diễn rộng nghĩa chỉ lời nói khiêm cung khi cúng tế (cũng có người cho chữ phiên (蘩) có nghĩa là con tằm).

Thái Định gian (泰定間) (S. 295): khoảng niên hiệu Thái Định đời vua Thái Định Tông nhà Nguyên trị vì, tức năm 1324-1327 CN.

Tham (參): thuật ngữ Thiền tông do kẻ dưới nói với người trên hàm ý: “Bọn mõ ở đây sẵn sàng chờ lệnh?”, giống như trong quân đội Pháp khi cấp dưới trình diện cấp trên chào “cốp” thì nói to: “À votre service !”, có nghĩa là: “Sẵn sàng thừa lệnh ngài !”.

Tham đầu (參頭) (40S): một chức vụ của tăng chúng trong Thiền lâm, do một vị tăng thành thực về nghi lễ đảm trách hướng dẫn quy cách lễ nhạc cho người bốn phương đến học, đồng thời hướng dẫn người dự học tham gia các nghi thức cáo hương thông dụng, gọi là Tham đầu. Người trợ lý cho Tham đầu gọi là Phó tham. Người chờ để bổ sung vào vị trí này gọi là Vọng tham, cũng chỉ người lãnh lợi được các hành giả chờ ghi tên ở lại bầu ra để quan hệ với chức sự trong chùa.

Tham đầu hành giả (參頭行者): là hành giả chịu sự sai khiến của tham đầu.

Tham hậu (參後) (S. 360): sau giờ vãn tham hoặc phóng tham.

Tham thỉnh (參請): người học đạo cầu Thiền sư khai thị.

Tham ý (參椅) (S. 354): ghế dựa để thiền sư ngồi khi có người cầu học đến tham vấn. Chân của loại ghế này thường làm bằng gỗ chéo nhau có thể xếp gập lại.

Than đầu (炭頭): Tên chức vụ coi về than củi vào mùa lạnh trong thiền viện.

Thanh Lương tự (清涼寺) Chùa trên núi Trạm Lô huyện Tùng Khê tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; được xây dựng vào niên hiệu Thần Long thứ 3 (707) đời Đường, để kỉ niệm Á u Trì Tử, gọi là “Thượng Tử”. Niên hiệu Nguyên Phù thứ 2 (1099) đời Tống chùa được mở rộng thêm, gọi là Trạm Lô Thiền Am. Từ đó về sau trải qua nhiều đời đều có sửa sang. Niên hiệu Tuyên Thống thứ 2 (1910) đời Thanh, chùa được xây dựng đại quy mô, đến năm 1930 thì công trình hoàn tất, đổi tên là “Thanh Lương Tự”. Điện trước thờ Phật Di-lặc, điện giữa thờ thiền sư Tịnh Không, sau lưng thiền sư có thờ Bồ Tát Vi Đà. Chùa nằm trên núi Thanh Lương, thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, được xây dựng bởi ngài Từ Ô n, đời Ngũ Đại, đầu tiên gọi là Hưng Giáo Tự. Đầu niên hiệu Thặng Nguyên (937-942) triều Nam Đường chùa được đổi tên là “Thạch Thành Thanh Lương Đại Đạo Tràng”, còn gọi “Thanh Lương Báo Ân Thiền Viện”, gọi riêng là “Quảng Huệ Tự”. Ban đầu do ngài Hưu Phục (Ngô Không) ở, về sau Nam Đường Chủ mời ngài Văn Ích, tổ tông Pháp Nhãn ở chùa này truyền pháp, nên người đời gọi ngài là Thanh Lương Văn Ích. Sau đó các Thiền sư Thái Khâm, Văn Thúy cũng trụ chùa này. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 5 (980) đời Tống, đem Thanh Lương Quảng Huệ Tự ở núi Mạc Phủ dời về chùa này. Niên hiệu Thuần Hựu thứ 12 (1252), dựng đình Thúy Vi trên núi. Đầu đời Minh, Vua xuống chiếu đổi Thanh Lương Quảng Huệ Tự thành Thanh Lương Tự. Về sau chùa bị thiêu huỷ bởi nạn binh lửa, chỉ còn 1 giếng nước được đào từ niên hiệu Bảo Đại thứ 3 (945) triều Nam Đường. Tương truyền chư tăng trong chùa thường uống nước giếng này, dù tuổi già nhưng đầu không bạc nên gọi là “Hoàn dương tỉnh”. Cuối đời Thanh, chùa được xây cất lại cùng dạng kiến trúc nhưng thu nhỏ hơn. Trong thời gian kháng chiến chùa bị huỷ hoại, rừng cây chung quanh chùa bị đốn sạch. Sau khi dựng nước, chùa Thanh Lương từng được sửa sang, núi Thanh Lương sau nhiều năm cấm khai thác gỗ, trồng lại rừng đến nay cây cối xanh tươi rợp mát.

Thanh sắc (聲色): thanh là tiếng nói, còn sắc là hình tướng, chỉ cho trạng thái hữu hình – hữu vi trong thế giới.

Thanh Văn giới (聲聞戒) (S. 342): chỉ cho giới luật của hàng Tiểu thừa, Thanh văn là người xuất gia hành trì theo lời dạy của đức Phật và lấy sự giải thoát tự thân làm mục đích.

Thánh đế đệ nhất nghĩa (聖帝第一義): đế là lý chân thực bất hư, Thánh đế là một cảnh giới tịch tịnh mà các bậc Thánh đều biết, hệ thuộc đại nghĩa căn bản của Phật pháp, cho nên còn gọi là Thánh đế đệ nhất nghĩa, chân đế, là nghĩa thâm sâu của cảnh giới xuất ly pháp thế gian.

Thánh Tăng (聖僧) (S. 55): tượng được đặt ở chính giữa Tăng đường trong Thiên lâm gọi là Thánh Tăng, nhưng tượng này là vị nào thì không nhất định. Các chùa theo Đại thừa thường đặt tượng Văn Thù; Các chùa theo Tiểu thừa thường đặt tượng Kiều-trần-như hoặc Tân-đầu-lô; Cũng có thể đặt tượng đại Ca-diếp hoặc Tu-bồ-đề dùng chung cho cả Đại thừa và Tiểu thừa.

Thánh tiết (聖節): lễ chúc mừng thiên thọ cho đương kim Hoàng đế.

Thảo đơn (草單): là bản thông báo sơ sài chưa hoàn bị còn được sửa chữa.

Thảo hạ (草賀): thảo là sơ sài, thảo hạ là chúc mừng sơ sài qua loa. Thảo phạn (草飯) (S. 284): bữa cơm đơn sơ đạm bạc.

Tháp đơn (插單) (S. 224): lúc mới vào thiên lâm, đem đơn của mình đặt chung với đơn của chúng tăng gọi là Tháp đơn. Đây chỉ cho vị Thủ tọa ở hậu đường đem đơn từ hậu đường ra đặt ở Tiền đường.

Thần châu (神州): Lô Diễn đời Chiến Quốc gọi Trung Quốc là Xích Huyện Thần Châu, người đời sau nhân đó gọi Trung Quốc là Thần Châu. Thập địa (十地; skt: daśabhūmi) Mười quả vị tu chứng của các vị Bồ tát. Có nhiều hệ thống khác nhau nhưng theo Bồ Tát địa (菩薩地 skt: bodhisattva-bhūmi) và Thập địa kinh (十地經 skt: daśabhūmika-sūtra) thì Thập địa gồm: 1. Hoan hỉ địa (歡喜地; skt: pramuditā-bhūmi): Đắc quả này Bồ tát rất hoan hỉ trên đường Giác ngộ (bodhi). Bồ tát đã phát Bồ-đề tâm và thệ nguyện cứu độ tất cả các chúng sinh thoát khỏi Luân hồi (saṃsāra), không còn nghĩ tới mình, Bố thí (dāna) không cầu phúc và chứng được tính Vô ngã (anātman) của tất cả các Pháp (dharma). 2. Li cấu địa (離垢地;

vimalā-bhūmi): Bồ Tát giữ Giới (śīla) và thực hiện thiền định (dhyāna, samādhi). 3. Phát quang địa (發光地; prabhākārī-bhūmi): Bồ-tát chứng được qui luật Vô thường (anitya), tu trì tâm Nhẫn nhục (kṣānti) khi gặp chướng ngại trong việc cứu độ tất cả chúng sinh. Để đạt đến cấp này, Bồ Tát phải diệt trừ Ba độc là tham, sân, si, thực hiện được bốn cấp định an chỉ (dhyāna) của Bốn xứ và chứng đạt năm thành phần trong Lục thông (abhijñā). 4. Diệm huệ địa (熾慧地; skt: arcīṣmatī-bhūmi): Bồ-tát dứt hết tất cả những quan niệm sai lầm, tu tập trí huệ, Bát-nhã (prajñā) và 37 Bồ-đề phần (bo-dhipākṣika-dharma). 5. Cực nan thắng địa (極難勝地; skt: Sudurjayā-bhūmi): Bồ Tát nhập định, đạt trí huệ, nhờ đó liễu ngộ Tứ diệu đế và Chân như, tiêu diệt nghi ngờ và biết phân biệt. Bồ tát tiếp tục hành trì 37 giác chi. 6. Hiện tiền địa (現前地; skt: Abhimukhī-bhūmi): Bồ tát liễu ngộ mọi pháp là vô ngã, ngộ lí Mười hai nhân duyên và chuyển hóa trí phân biệt thành trí bát-nhã, nhận thức tính Không. Trong xứ này, Bồ tát đã đạt đến trí huệ Bồ-đề (bodhi) và có thể nhập Niết-bàn thường trụ (pratiṣṭhita-nirvāṇa). Vì lòng từ bi đối với chúng sinh, Bồ tát lưu lại trong thế gian, nhưng không bị sinh tử ràng buộc, đó là Niết-bàn vô trụ (apraṭiṣṭhita-nirvāṇa). 7. Viễn hành địa (遠行地; bt-nh, nh?n th?c tính Không. Trong x? ny, B? tt d d?t d?n trí hu? B?-d? (bodhi) v có th? nh?p Ni?t-bn thu?ng tr? (prati??hita-nirva?a). Vì lòng từ bi đối với chúng sinh, Bồ tát lưu lại trong thế gian, nhưng không bị sinh tử ràng buộc, đó là Niết-bàn vô trụ (apraṭiṣṭhita-nirvāṇa). 7. Viễn hành địa (遠行地; dūraṅgamā-bhūmi): đạt tới cảnh giới này, Bồ tát đầy đủ khả năng, có mọi phương tiện (upāya) để giáo hóa chúng sinh. Đây là giai đoạn mà Bồ tát tùy ý xuất hiện trong một dạng bất kì. 8. Bất động địa (不動地; acalā-bhūmi): trong giai đoạn này, không còn bất kì cảnh ngộ gì làm Bồ tát dao động. Bồ tát đã biết lúc nào mình đạt Phật quả. 9. Thiện huệ địa (善慧地; sādhumatī-bhūmi): Trí huệ Bồ tát viên mãn, đạt Mười lực (daśa-bala), Lục thông (ṣaḍabhijñā), Bốn tỳ tỳ, Tám giải thoát. Biết rõ cơ sở mọi giáo pháp và giảng dạy giáo pháp. 10. Pháp vân địa (法雲地; dharmameghābhūmi): Bồ tát đạt Nhất thiết trí (sarva-jñātā), đại hạnh. Pháp thân của Bồ tát đã đạt tới mức viên mãn. Ngài ngự trên tòa sen với vô số Bồ tát chung quanh trong cung trời Đâu-suất. Phật quả của Ngài đã được chư Phật ấn chứng. Những Bồ tát đạt cấp này là Di-lặc (maitreya), Quán Thế Âm (avalokiteśvara) và Văn-thù (mañjuśrī).

Thập nhị nhân duyên ((十二因緣: Skt: dvadasanigapatitya- samuttada), ý chỉ 12 loại nhân duyên sanh khởi, cũng còn gọi là nhị lục chi duyên, thập nhị chi duyên khởi,

thập nhị nhân duyên khởi, thập nhị duyên sanh, thập nhị duyên môn, thập nhị nhân sanh, tức 12 điều kiện cấu thành hữu tình sinh tồn, đó là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử.

Thập phương tự viện (十方寺院) (S. 96): còn gọi là Thập phương sát, chỉ cho vị Trụ trì sau khi thôi vị, không nhất thiết phải do đệ tử của mình kế vị, mà có thể chọn một người có đức hạnh ở các chùa khác kế thừa làm Trụ trì Tự viện.

Thất bảo sàng (七宝床): giường quý giá có nạm 7 thứ báu vật trên thế gian là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não (hoặc cũng có cách tính khác).

Thất diệt tránh (七滅諍: Skt: adhikarana-samatha), là pháp ngưng dứt tăng – ni tranh luận vô bổ, là một bộ phận trong cụ túc giới mà tăng – ni thọ trì, nhân vì có 7 loại nên mới gọi là thất diệt tránh.

Thất Phật (七佛): đó là 7 vị Phật trong quá khứ theo giáo thuyết của bộ phái Phật giáo. Đó là các vị Phật : Phật Tỳ-bà- thi, Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca Mâu-ni.

Thế duyên (世緣): nhân duyên của mỗi chúng sanh tại thế gian, tức là sanh mạng của mỗi người.

Thế lễ (世禮): Nghi lễ của thế gian, tức của người thế tục.

Thế Tôn (世尊): là một trong 10 tôn hiệu của Như Lai, hàm ý là được người cả thế gian tôn trọng, hoặc là chỉ cho người được tôn trọng nhất trong thế giới. Từ “Thế Tôn” ở tiếng Skt được biểu thị rất nhiều cách như loka-nàtha (thế chúa), loka- jyestha (thế trung tối tôn giả), loka-vid (thế gian giải), lokàdhipati (thế chi thắng giả), nàyaka (đại sư), sugata (thiện thế), mahà-rsi (đại tiên), mahà-vira (đại hùng giả), anuttara (vô thượng sĩ), dharma-ràja (pháp vương).

Thế, xuất thế gian (世,出世間): tức chỉ tại thế gian và ra khỏi thế gian. Thế gian Skt là loka, hàm nghĩa hủy hoại; hay laukika, hàm nghĩa thế tục, phàm tục, lược dịch là thế, chỉ cho tất cả mọi hiện tượng hữu lậu, hữu vi và tam giới phiền não trói buộc. Xuất thế gian Skt là lokottana, gọi tắt là xuất thế, Pàli là lokuttana, hàm nghĩa siêu xuất thế gian, tức là pháp vô lậu giải thoát, xuất ly khỏi hữu lậu trói buộc. Nếu đối

chiếu thể gian với nghĩa thế tục thì xuất thế gian là Phật pháp. Còn đối chiếu thế với nghĩa hữu lậu phiền não thì xuất thế gian là giải thoát.

Thế, xuất thế pháp (世,出世法) (S. 218): thế pháp và xuất thế pháp, chỉ nhân tình thế sự và thanh quy, điều lệ của nhà Phật.

Thi-la (尸羅): Skt: sila, bao hàm các nghi hành vi, tập quán, tính cách, đạo đức kiên thành, kính cẩn.

Thị chân thị giả (侍真侍者) (S.171): Chân tức là tấm cha dung của người đã mất, Thị chân thị giả tức Thị giả trông coi di ảnh của vị trụ trì đã mất gọi tắt là Thị chân. Sau khi m táng xong thì đưa di ảnh của vị trụ trì đó vào bảo tháp, thôn thường người trông coi bảo tháp đảm nhiệm công việc này.

Thị giả (侍者 S, P. Ante-vāsin) Chỉ cho vị tăng theo hầu bên cạnh sư phụ hoặc bậc trưởng lão. Trong tông lâm, chức vụ thị giả thông thường do vị sa di lợi căn hoặc vị tỳ-kheo mà tuổi hạ còn thấp đảm nhận, quan hệ giữa vị này và trưởng lão (hoặc Sư phụ hoặc Trụ trì) rất gần gũi, ngoài việc xử lý các việc lặt vặt, vị thị giả chẳng những sớm hôm nghe theo lời chỉ dạy, mà còn học tập, quán xét về đạo đức của các ngài, cho nên được bậc trưởng lão xem trọng và thường được coi là người kế thừa y bát hoặc pháp tịch. Lại tùy theo chức vụ khác nhau, thị giả được chia làm nhiều loại. Theo Thiền uyển thanh quy, thị giả được chia làm hai loại là Nội thị và Ngoại thị. Còn theo Sắc tu Bách Trượng thanh quy thì thị giả được chia làm năm loại: Thiêu hương thị giả: Người ở bên cạnh vị Trụ trì để đốt hương, ghi chép các pháp ngữ khi vị Trụ trì thượng đường, tiểu tham, phổ thuyết, khai thất, niệm tụng, phóng tham. Thư trạng thị giả: Người thay thế Trụ trì phụ trách việc thư tín qua lại và tất cả văn kiện trong Sơn môn; Thịnh khách thị giả (cũng gọi là Thị khách): Người phụ trách việc tiếp đãi tân khách, nhưng chỉ tiếp những khách có mối quan hệ với Trụ trì, còn khách về các việc khác thì do vị Tri khách tiếp đãi; Thang dục thị giả (cũng gọi Thị dục): Trông coi việc thuốc thang cho vị Trụ trì; Y bát thị giả (cũng gọi Thị y): Phụ trách việc y bát và các đồ dùng của vị Trụ trì.

Thị tật (示疾): tăng lữ, nhất là các trụ trì bệnh nặng sắp qua đời, được nói tránh đi là biểu hiện có chút bệnh.

Thị tịch (示寂): thuật ngữ Phật giáo chỉ các tăng lữ qua đời.



Thị triện (視篆) (S.130): xem dấu ấn của chùa, vì con dấu này được khắc bằng thể văn chữ triện. Cho nên gọi là Thị triện.

Thị ty (侍司): phòng làm việc của thị giả trong chùa Thiên lâm.

Thiên bức luân tướng (千輻輪相: có tướng tốt ngàn dấu tròn như bánh xe dưới lòng bàn chân, là một trong 32 tướng tốt của đức Phật, cho nên cũng còn gọi là túc hạ luân tướng, túc hạ thiên bức luân tướng, thường hiện thiên bức luân tướng, song túc hạ hiện thiên thiên bức luân vãng cốc chúng tướng.

Thiên hóa (遷化) (S.159): tên gọi khác của sự chết, Phật giáo cho rằng tăng lữ thị tịch chỉ là sự di chuyển từ nơi này đến nơi khác để hóa độ chúng sanh.

Thiên long (天龍) (S. 331): chư thiên và rồng thần. Thiên là chỉ cho Phạm thiên, Đế Thích v.v...

Thiên ma (天魔) (S. 320): chỉ cho ma vương khi đức Phật còn tại thế tên là Ba tuần; dịch ý là “Chướng” vì nó có thể làm chướng ngại sự tu hành.

Thiên Thai chỉ quán (天台止觀) (S. 366): chỉ cho Ma-ha Chỉ Quán, kinh điển căn bản của tông Thiên Thai, do sơ tổ của tông Thiên Thai là Trí Khải trước tác, chủ yếu nói về phương pháp và hiệu quả của pháp môn tu tập viên đốn chỉ quán.

Thiên trọng (偏重): thiên lệch 2 bên, tức là có cái nhìn về Thiên lý chệch choạc không chính xác.

Thiên Trúc (天竺): là tên gọi xưa của nước Ấn Độ, lại cũng còn gọi là Thiên Bằng, Thiên Đốc, Thiên Độc, Thân Độc, tục cho đây là nước Nguyệt Chi, là quê hương của đức Phật. Thiên Trúc chia ra Đông Tây Nam Bắc và Trung Thiên Trúc.

Thiền duyệt (禪悅) Niềm vui trong thiền định. Người vào thiền định, tâm được tự tại an vui. Phẩm Tịnh hạnh trong kinh Hoa nghiêm (Đại 9, 432 trung) nói: “Nếu khi thụ trai, nên nguyện cho chúng sanh thiền duyệt là thức ăn, tràn đầy pháp hỉ”.

Thiền Nguyệt (禪月) (S. 233): thiền sư cuối đời Đường, tên Quán Hữu, tự Đức Ân, họ Khương người Kim Hoa, có tài làm thơ, giỏi thư pháp. Cuối đời đến đất Thục, được chúa đất Thục họ Vương dùng lễ tiếp đãi, ban hiệu là Thiền Nguyệt Đại Sư.

Thiền tịch (禪寂): trong lúc tọa thiền trừ bỏ mọi tạp niệm, tư lự Phật nghĩa, cảnh giới tịch tịnh này gọi là thiền tịch.

Thiền Chiêu 善昭 (947-1024) Thiền tăng đời Tống, họ Du, người Thái Nguyên (Sơn Tây) Trung Quốc. Thuở nhỏ sư thông minh trí huệ hơn người. Lúc 14 tuổi cha mẹ lần lượt qua đời, sư bèn cắt tóc thụ giới cụ túc. Du phương khắp nơi, từng tham phỏng 71 vị tôn túc thạc đức. Sư đến Thủ Sơn, Nhữ Châu (Lâm Nhĩ, Hà Nam) tham kiến Thiền sư Tĩnh Niệm được đại ngộ, nổi pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế. Đến khi Tĩnh Niệm tịch, sư mới đáp ứng lời thỉnh của đạo tục Tây Hà, trụ trì Thái Tử Thiền Tự, Thái Bình Tự ở Phần Châu (Phần Dương, Sơn Tây) diễn nói tông yếu đem cơ dụng ba câu, bốn câu, ba quyết, 18 xướng v.v... tiếp dẫn kẻ học đạo, danh tiếng một thời. Ba mươi năm thuyết pháp mỗi một, phong cách cao nhã, giới hạnh tinh nghiêm. Mọi người cung kính ngưỡng mộ không dám kêu tên mà chỉ gọi sư là “Thiền sư Phần Châu”. Thụy là “Vô Đức Thiền sư”. Tác phẩm: Phần Dương Vô Đức Thiền sư ngữ lục.

Thiện nam tử (善男子) (S. 320): trong Phật giáo, người nam tại gia hoặc xuất gia có lòng tin Phật được gọi là Thiện nam tử, người nữ có lòng tin Phật thì gọi là Thiện nữ nhân.

Thiện nguyệt (善月): tháng giêng, tháng 5 và tháng 9 là 3 tháng trường trai trong năm. Vào những tháng này cấm chỉ mọi chuyện giết mổ nấu nướng muông thú, phải trường trai trọn tháng, làm việc thiện cho nên mới gọi là thiện nguyệt, tức là tháng tốt lành.

Thiếp sán (貼襯): đôi với tăng nhân có nhiều công hiến đặc biệt thì ngoài phần tài vật được bố thí chung như mọi người, còn được phương trượng bố thí thêm gọi là thiếp sán.

Thiết đặc vi vị (設特為位): đặc vi có nghĩa là đặc biệt thết đãi vì ai đó. Trong Thiền lâm, thuật ngữ này chỉ cho những ai được đặc biệt quản đãi. Thiết đặc vi là thiết trí tòa vị tức là chỗ ngồi riêng cho người được quản đãi, trong ngữ cảnh bài này thì thiết đặc vi vị là thiết trí chỗ ngồi cho chuyên sứ là người được chùa quản đãi. Ngược lại với đặc vi vị là quang bạn vị, tức là chỗ ngồi của những người tới quang lâm bầu bạn cuộc lễ.

Thiết vi (鐵圍 S. Cakravāḍa-parvata, P. Cakkavāḷa-pabbata) Cũng gọi thiết luân vi sơn, luân vi sơn, kim cương sơn, kim cương vi sơn. Thế giới quan Phật giáo lấy núi tu di làm trung tâm, chung quanh có tám núi và tám biển bao bọc, dãy núi bao bọc ngoài cùng được cấu tạo bằng sắt, cho nên gọi là Thiết vi sơn, tức dãy núi phía ngoài Hàm hải bao bọc núi tu di và bốn châu.

Thieu hương thị giả (燒香侍者): là một trong năm loại thị giả ở Thiền viện, cũng còn gọi là thị hương (侍香). Người giữ chức vụ này trong các pháp hội phụ trách ôm hộp hương (香盒 cũng viết là 香合) sẵn sàng đốt dâng trụ trì hay các bậc tôn túc hành lễ niệm hương, cũng phụ trách luôn việc ghi chép các buổi thượng đường, tiểu tham, phổ thuyết, niệm tụng, tiết lạp của trụ trì. Riêng từ thieu hương (燒香) ý chỉ đốt hương trước tượng Phật, Bồ-tát hay các Tổ sư, cũng còn gọi là niệm hương, nâm (niệp) hương, phân hương, chú hương. Thieu hương để nghinh thỉnh Phật, Tổ, chư Tổ sư trong các cuộc lễ.

Thiếu Thất gia phong (少室家風): gia phong là chỉ cho nếp sinh hoạt riêng biệt của mỗi gia tộc, trong Thiền lâm là chỉ cho giáo pháp độc đặc của mỗi tông phái. Thiếu Thất là tên ngọn núi mà sơ Tổ Bồ-đề-đạt-ma đã ngồi 9 năm lặng yên nhìn vách, về sau trở thành nơi phát tích của Thiền tông Trung Hoa do sơ Tổ Đạt-ma trao truyền. Vậy Thiếu Thất gia phong là chỉ cho Thiền pháp độc đặc của Bồ-đề-đạt-ma.

Thọ ký (授記; Skt: vyakarana, P: veyakarana), dịch theo âm là Tì-da-khư-lợi-na, Hòa-la-na v.v... lại cũng gọi là thọ (授) quyết, thọ (受) quyết, thọ ((受) ký, ký biệt, ký thuyết, ký, là một trong 12 bộ kinh, một trong 9 bộ kinh (Nam tông), hàm ý phân biệt, phân chiết, phát triển, vốn ban đầu chỉ phân chiết giáo thuyết, hoặc dùng phương thức hỏi đáp mà giải thuyết giáo pháp, sau chuyển nghĩa chỉ sở chứng của đệ tử hay chỉ nơi sanh về sau khi chết. Về sau nữa, lại chuyển nghĩa xa hơn là chỉ cho việc chứng quả đời sau hay lời tiên đoán danh hiệu thành Phật.

Thoái tòa (退座) (S.106): sau khi kết thúc các nghi thức như pháp hội, lễ bái từ nơi ấy trở về liêu xá gọi là Thoái tòa.

Thoái viện (退院): từ chức trụ trì, thường rời khỏi tự viện.

Thoát Hoan thừa tướng (脫歡丞相) (S. 295): Thoát Hoan làm Tả thừa tướng kiêm nhiệm Hành tuyên chánh viện vào năm Thái Định đời Nguyên. Ông họ Oát Thích Nạp Nhi, mất vào đầu niên hiệu Trí Hòa (năm 1328). Đời Trần, Thoát Hoan từng sang đánh Việt Nam và thua to.

Thổ địa đường (土地堂): theo tập quán tín ngưỡng của Việt Nam, Thổ địa là một vị thần mà địa vị rất khiêm nhường, trong nhà thì khám thờ tọa lạc tại xó nền, ngoài đồng hoang dã thì ở dưới gốc cây. Tuy nhiên ở Trung Quốc thì thần Thổ địa có địa vị không thua gì Thành hoàng ở nước ta, trong chùa thì bàn thờ bố trí tại phía Đông chánh điện, ngang hàng với Hộ pháp, Già lam.

Thù du trà (茱萸茶): trà thù du. Cây thù du có 2 loại: một loại dùng làm thuốc; một loại dùng làm thức ăn.

Thuần-đà (純陀: Skt, P: Cunda). Lại cũng còn gọi là Chuẩn Đà, Thuần (淳) Đà, Chuna, là người thợ rèn ở thành Da-bà thời Phật còn tại thế, là người cúng dường Phật sau cùng trước khi Phật thị diệt, đó là nắm mèo cây chiên đàn. Kinh Trường A-hàm cũng theo thuyết cúng dường nắm mèo, nhưng kinh Niết Bàn thì cho Thuần-đà cúng cơm và thức ăn ngon. Tuy nhiên các học giả phương Tây thời cận đại nghiên cứu kinh đại Bát-niết Bàn chữ Pàli thì cho là Thuần-đà cúng dường thịt heo (thời Phật tại thế không có chủ trương chay – mặn, mà ai cho gì thì ăn nấy).

Thủ khánh (手磬): còn gọi là dẫn (弓|) khánh, là pháp khí dùng đồng chế ra, hình dạng như cái chuông nhỏ, trên đầu có núm, tác dụng là đánh lên để dẫn khởi tăng chúng chú ý trong các pháp sự, cũng dùng để đánh lên lúc tăng nhân lâm chung để dẫn khởi giác linh họ tăng thêm chánh niệm.

Thủ lô (手爐): lư hương nhỏ có 2 nắm tay để cầm cho chắc khi xê dịch gọi là bính (tay cầm) hương lô hay thủ lô.

Thủ tọa (首座) (S. 24): dựa theo nghĩa “nắm lấy giềng mối, đứng đầu trong tăng chúng” mà gọi tên. Có ba loại tình huống sau: 1. Tăng Quan do triều đình sắc phong, như: Tam giáo Thủ Tọa, giảng kinh, giảng luận Thủ tọa” v.v... 2. Một trong ba cương vị ở Tự viện, còn gọi là “Thượng tọa”. 3. Một trong sáu vị Đầu thủ thuộc Tây tự ở Thiền lâm. Chức vụ này được trình bày rõ trong đoạn văn sau ở “chương Lương tự”.

Thùy thủ vị (垂手位): những người đối diện nhau trước mặt người trụ trì gọi là thùy thủ vị.

Thủy đầu (水頭) Cũng gọi Thủy khán. Chức vụ phụ trách gánh nước, đun nước cho đại chúng tắm gội trong từng lâm.

Thư ký (書記): là tăng nhân giỏi chữ, trông coi việc viết lách, nhất là viết sớ và ghi chép các sự việc quan trọng trong chùa, là một trong lục đầu thủ của Tây tự.

Thư trạng thị giả (書狀侍者): thị giả chuyên viết thư trạng, thiếp trạng thỉnh mời trong các cuộc lễ.

Thường trụ (常住) (S. 63): lấy theo nghĩa pháp không sanh diệt đời đời. Gọi tài sản, vật dụng của Tự viện và chư Tăng là vật thường trụ, gọi tắt là thường trụ. Có 4 loại vật thường trụ: 1. Những tài sản quan trọng như bất động sản và những thành quả do sức lao động của người giúp việc và súc vật làm ra, gọi là của thường trụ thường trụ. 2. Những thức ăn thông dụng cúng cho chư Tăng mỗi ngày, Tăng chúng các phương đều có thể chia phần, gọi là của thập phương thường trụ. 3. Những tài vật riêng của Tăng Ni, gọi là của hiện tiền hiện tiền. 4. Những tài vật của vị Tăng viên tịch để lại, có thể chia cho Tăng chúng ở các nơi, gọi là của thập phương hiện tiền. Đoạn văn này là chỉ hai loại đầu.

Thượng gian (上間): tức gian bên phải, bên mé Tây của tăng đường.

Thượng hương (上香): thắp hương vào lư hương trước tượng Phật, phép thượng hương có 2 cách là tuyến hương và đàn hương.

Thượng đường (上堂): nghi thức của Phật giáo gồm có hai: 1. Lên pháp đường diễn giảng kinh pháp. Nghi này lại phân làm các nghi nhỏ: Đán vọng thượng đường, Ngũ tham thượng đường, Cửu tham thượng đường, Tạ bình phát thượng đường, Tạ đô tự thượng đường, Xuất đội thượng đường, Xuất sản thượng đường v.v... 2. Vào trai đường dùng cơm cháo. Ở đây chỉ cho một trong những sự việc đã nêu ra ở trên.

Thượng thủ tri sự (上首知事): thượng thủ, skt là pramukha, Pali là pamukha, là người có cương vị cao nhất trong đại chúng ở một ngôi chùa, cũng chỉ cho vị thủ tọa.

Thượng thực (上食): dâng cơm cúng, như dâng trà thang thủy thì gọi là thượng trà thang.

Thượng tọa (上座) (S. 354): bao gồm nhiều nghĩa, ở đây chỉ cho Thủ tọa ở các liêu trong thiền lâm. Còn là cách gọi tôn kính thiền sinh trong thiền lâm.

Tì-lô-giá-na (毘盧遮那 ; skt: vairocana). Tên dịch âm của Đại Nhật Phật. Nghĩa là mặt trời, tượng trưng cho trí Phật rộng lớn vô biên, là trí tuệ chính giác nhờ công hạnh u tập trải qua vô lượng kiếp mà đạt được.

Tì-ni (毗尼): cũng còn được dịch là Tì-nại-da, tiếng Phạn vinaya là chỉ cho Luật tạng.

Tì-kheo (比丘; Skt: bhiksu, P: bhikkhu), lại cũng còn gọi là bí-sô, bì-xu, tỉ-hô, dịch theo ý là khát sĩ, khát sĩ nam, trừ sĩ, huân sĩ, phá phiền não, bố ma v.v..., là một trong ngũ chúng, chỉ người nam xuất gia đắc độ thọ giới cụ túc.

Tịch diệt (寂滅: Skt: vyupasama, P: vupasama), gọi tắt là diệt, tức ý chỉ độ thoát sanh tử mà vào cảnh địa vô vi thanh tịnh. Cảnh địa này lìa xa thế giới mê hoặc, hàm ý chỉ khoái lạc, cho nên mới có câu nói Tịch diệt là vui.

Tiền bản (前板) (S. 224): bên phải Tăng đường của Thiền lâm (tức Tiền đường) treo bảng ra vào, bảng này nhằm thay thế cho Tiền đường.

Tiền đại Trụ trì (前代住持) (S.131): gọi tắt là Tiền đại, là vị trước đây đã từng làm trụ trì một lần.

Tiền đường Thủ tọa (前堂首座) (S. 56): gọi tắt là Tiền đường, là vị Thủ tọa được phân công phụ trách phân trước Tăng đường trong Thiền lâm.

Tiền tư (前資) (S. 97): vị Tăng trong Thiền lâm đã từng ba lần đảm nhiệm các chức vụ Tri sự ở Đông tự, từ Phó tự trở xuống sau khi nghỉ việc gọi là Tiền tư.

Tiền điểm (煎點): nguyên có nghĩa là nấu trà điểm tâm, sau chuyển nghĩa thành buổi điểm tâm trước buổi đãi trà, chuyển rộng nghĩa nữa là mời dùng cơm, đó là nghĩa ở ngữ cảnh trong bài.

Tiêu tai chú (消災咒): là một trong bốn Đà-ra-ni mà tụng lâm sử dụng, mà cũng là pháp ngưng tai họa của Mật giáo, cũng còn gọi là Tiêu tai cát tường chú, Tiêu tai chân ngôn, Tiêu tai Đà-ra-ni, là thần chú tiêu trừ các loại tai họa, thành tựu mọi việc tốt lành.

Tiểu sư (小師) (S. 92): có hai nghĩa: 1. Vị Tăng đã thọ giới cụ túc chưa đầy 10 năm. 2. Cách xưng hô của đệ tử với sư phụ.

Tiểu tham (小參) (S. 28): trong thiền lâm, khi nghe thuyết pháp vào ngày không định trước gọi là Tiểu tham. Vì thanh quy ấn định ngày thuyết pháp theo định kỳ là “Đại tham” hay còn gọi là Gia giáo, cho nên ngày thuyết pháp không theo định kỳ gọi là tiểu tham.

Tiểu tham đầu (小參頭). Sau Tham đầu có Tiểu tham đầu.

Tinh tân (精進) (S. 56): còn gọi là Cấn, một trạng thái tinh thần tu thiện đoạn ác mạnh mẽ.

Tỉnh Viện Đài Hiến (省院臺憲) (S.140): vị quan đứng đầu của Thượng thư tỉnh và Tuyên chánh viện đời Nguyên.

Tịnh bình ((淨瓶) (S. 321): cũng gọi là Tháo bình, được làm bằng đất nung, thường để đựng nước mang theo bên mình để rửa tay.

Tịnh Danh (淨名): còn gọi là Duy-ma (Skt: vimalakirti), Duy-ma-cật, Tỳ-ma-la-cật, Vô Cấu Xung, Diệt Cấu Minh, là đệ tử tại gia ưu việt của Phật-đà, Trưởng giả ở thành Tỳ-xá-ly tại Trung Ấn Độ. Tuy là tục lữ, nhưng Tịnh Danh lại rất tinh thông giáo nghĩa Đại thừa, dẫn cho người xuất gia cũng không bì kịp.

Tịnh đầu (淨頭) Cũng gọi Thanh đầu, Trì tịnh. Chức vụ coi về việc quét tước nhà xí trong Thiền lâm. Người làm chức này đều tự phát tâm đảm nhiệm công việc.

Tịnh độ (淨土 ; skt: buddhakṣetra) nguyên nghĩa Phạn ngữ là Phật độ, cõi Phật, cõi thanh tịnh; Trong Đại thừa, người ta hiểu mỗi cõi Tịnh độ thuộc về một vị Phật và vì có vô số chư Phật nên có vô số Tịnh độ. Được nhắc nhở nhiều nhất là cõi Cực lạc (skt: sukhāvātī) của Phật A-di-đà (skt: amitābha) ở phương Tây. Tịnh độ phía Đông

là cõi Phật Dược Sư (skt: bhaiṣajyagu- ru-buddha), có khi cõi đó được gọi là Đ iều hỉ quốc (skt: abhi- rati) của Phật Bất Đ ộng (skt: akṣobhya). Phía Nam là cõi của Phật Bảo Sinh (skt: ratnasambhava), phía Bắc là cõi của Phật Cổ Âm (skt: dundubhisvara). Đ ức Phật tương lai Di-lặc (skt: maitreya), là vị đang giáo hóa ở cõi Đ âu-suất (skt: tuṣita), sẽ tạo một Tịnh độ mới. Tịnh độ được xem là »hóa thân« của thế giới, là cõi xứ của người tu hành muốn được tái sinh. Muốn đạt được cõi này, hành giả không phải chỉ trau dồi thiện Nghiệp mà còn phải nguyện cầu các đức Phật của các cõi đó cứu độ được tái sinh. Trong nhân gian, người ta thường hiểu Tịnh độ là một nơi có vị trí địa lí nhất định, nhưng thật ra Tịnh độ là một dạng của tâm thức giác ngộ, không bị ô nhiễm và các phương hướng Đ ông, Tây, Nam, Bắc chỉ có tính chất hình tượng. Tịnh độ không phải là mục đích cuối cùng trên con đường tu tập, chỉ là nơi được xem là cõi cuối cùng mà hành giả phải tái sinh để rồi đạt Niết-bàn (Tịnh độ tông).

Tịnh nhân (淨人): Cũng gọi Đạo nhân, Khổ hạnh, Tự quan, người thanh tịnh. Nghĩa là người chưa cạo tóc xuất gia, chỉ làm các việc trong chùa viện. Từ Tịnh nhân bắt nguồn ở Ấn Độ. Trong Thiền lâm, chức sự phục vụ cơm cháo ở Tăng đường; hoặc vị hành giả trông nom về nhà tắm, cũng gọi là Tịnh nhân.

Tịnh Phạn vương (淨飯王): Tịnh Phạn (Skt: Suddhodana), dịch âm là Thủ đồ đà na. Lại cũng gọi là Bạch Tịnh vương, là chủ thành Ca-câu-la (Skt: Kapilavastu) ở Trung Ấn Độ. Ngài là phụ vương của Thế Tôn. Con trai thứ của vương là Nan-đà và cháu nội là La-hầu-la đều là đại đệ tử của Thế Tôn.

Tịnh pháp giới thân (淨法界身): pháp giới thân thanh tịnh. Pháp giới thân là chỉ cho pháp thân của Phật, pháp giới là cảnh sở hóa, tức là cõi chúng sanh. Thân là chỉ cho thân có thể hóa độ chúng sanh, là thân của chư Phật vậy. Pháp giới thân là thân Phật biến hóa ra làm lợi ích cho cõi chúng sanh. Ở ngữ cảnh trong bài thì tịnh pháp thân là chỉ cho thân của sơ Tổ Bồ-đề Đạt-ma.

Tịnh phát (淨髮 𣪗) (S. 360): chỉ cho việc cạo tóc củ chúng tăng. Tăng chúng trong thiên lâm mỗi nửa tháng cạo tóc một lần. Việc này đã thành nề nếp.

Tịnh Từ tự (淨慈寺): Chùa ở núi Nam Bình, ngoại ô phía nam huyện Hàng, tỉnh Chiết Giang, do vua nước Ngô việt là Tiên hoàng thúc sáng lập vào niên hiệu Hiên đức năm đầu (954) đời Hậu Chu. Ban đầu chùa có tên Tuệ nhật vĩnh minh, do ngài



Đạo tiềm ở Cù châu được rước đến làm vị tổ khai sáng thứ nhất. Ngài Đạo tiềm định đúc tạo 18 pho tượng La hán, vua chưa được biết việc này nhưng đã mộng thấy 18 người to lớn, nên vua giúp sư hoàn thành chí nguyện tạo tượng và xây La hán đường để thờ. Năm Kiến long thứ 2 (961) đời Bắc Tống, ngài Đạo tiềm thị tịch, vua lễ thỉnh ngài Diên thọ chùa Linh ẩn về trụ trì chùa này. Ngài Diên thọ trụ tại đây 15 năm, độ 1700 đệ tử, truyền giới bỏ-tát cho 7 chúng, ngày đêm xưng niệm hồng danh Phật A-di-đà 10 vạn tiếng, đức hóa thấm nhuần khắp trong nước, người đời gọi sư là Vĩnh minh diên thọ. Nhà vua xây điện Hương nghiêm để đền đáp chí nguyện của sư. Đồng thời, sư soạn bộ Tông kính lục gồm 100 quyển, trong khuôn viên chùa xây một tòa nhà gọi là Tông kính đài (cũng gọi là Tông kính đường). Thời vua Tống thái tông, chùa được đổi tên là Thọ Minh thiền viện, sau lại gọi là Tịnh từ tự.

Tòa khám (鎖龕): trong đám tang trụ trì, sau khi liệm thây vào quan tài quan ở tấm đường mà chưa đóng khóa nắp quan tài, chỉ đây nắp lại thôi thì gọi là cái quan (蓋棺). Khi nào di quan ra pháp đường làm lễ đóng chặt nắp quan tài lại bằng đinh thì gọi là tòa quan hay tòa khám.

Tọa cụ (坐具; skt: nisidana, nisadana), là một trong sáu vật của tử-kheo luôn mang theo mình, dịch theo âm là ni-sur-đàn, ni-sur-đãn-na, dịch theo ý là tọa ngoại cụ, tọa y, thần ngoại y, tùy tọa y v.v... gọi tắt là cụ, dùng trải dưới đất hay trải trên giường để ngồi lên. Tọa cụ hình chữ nhật bằng vải.

Tọa đường (坐堂) (S. 24): chỉ tòa ngồi ở Tăng đường.

Tọa tham (坐參) (S. 225): trước khi văn tham, đại chúng tập hợp ở nơi Tăng đường ngồi lắng tâm để đợi đến buổi văn tham gọi là Tọa tham.

Toàn thân nhập tháp (全身入塔) (S.174): toàn thể nhục thân được đưa vào trong tháp.

Tổ đường (祖堂) (S. 55): tên căn phòng đặt tượng sơ Tổ Đạt Ma trong chùa Thiền, còn gọi là Tổ Sư đường. Thông thường ở đây là nơi đặt bài vị của các đời tổ sư quá vãng.

Tôn túc (尊宿) (S. 26): tiếng tôn xưng vị tăng lớn tuổi, đức cao trong Phật giáo. Tôn chỉ cho đức cao, Túc chỉ cho tuổi lớn.

Tông nhãn (宗眼): cũng còn gọi là “chánh pháp nhãn”, chỉ quan điểm tư tưởng cơ bản đại biểu cho một tông phái.

Tông phong (宗風): là môn phong tu hành cá biệt của một người hay một môn phái trong Thiền lâm.

Tông truyền trực chỉ (宗傳直指): đây là Tông chỉ truyền riêng ngoài giáo, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật của Thiền tông Trung Hoa do sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma truyền thụ.

Tổng Lý Tông (理宗) (S.152): vị hoàng đế triều đại Nam Tống, họ Triệu tên Quân, trị vì vào các năm 1224 đến 1264 CN.

Tổng trì môn (總持門) (S. 332): nghĩa là pháp môn tổng trì, là giữ điều thiện không cho mất, ngăn điều ác không cho khởi lên. Tổng trì môn tức là pháp môn tổng trì, còn là tên khác của Mật tông.

Tốt-đỗ-ba (翠觀波): là dịch âm của từ Skt stupa, có nghĩa là cái mộ tháp, Pàli là thùpa, cũng còn dịch theo âm là tốt-đỗ- bà, tốt-đô-bà, tẩu-đầu-bà, lược dịch là đầu-bà, Phật-đồ, phồ- đồ, Phật-đỗ, dịch theo ý là chỗ cao hiển, công đức tụ, phương phân, viên trung v.v...

Trà đầu (茶頭): Chức vụ phụ trách việc trà nước trong thiền lâm. Tất cả việc dâng trà cúng Phật, pha trà cho chúng tăng hoặc để mời khách đều do vị trà đầu phụ trách.

Trà thang (茶湯): Nước trà và nước nóng. Trong Thiền tông, khi vị tân Trụ trì làm lễ nhập tự thì thường có nghi thức châm trà thang, trước pha trà, sau châm thang (nước nóng).

Trà-tỳ (茶毘 P. jhāpeti) Cũng gọi: Đồ-tỳ, Xà-tỳ, Xà-ty, Da-duy. Hán dịch: Phàn thiêu. Thiêu đốt thi thể để giữ lại di cốt, một trong các cách an táng người chết ở Ấn Độ. Hiện nay cách an táng này cũng rất phổ biến tại các nước có nhiều tín đồ Phật giáo.

Trác ((卓): nghĩa như thỉnh mời.

Trai đường (齋堂): Nhà ăn của các tự viện Thiền tông.

Trai tăng (齋僧) (S. 84): thiết bày thức ăn chay để cúng dường Tăng chúng. Trai thất (齋七) (S. 201): sau khi người đã chết, cứ 7 ngày cử hành trai hội 1 lần, để siêu độ vong linh, cho đến ngày thứ 7 của thất thứ 7 thì dừng, những trai hội này gọi là Trai thất.

Trang chủ (莊主): Cũng gọi là Đô trang. Chức vụ trong Thiền lâm trông coi các việc về đất đai, ruộng vườn của chùa, như xem xét ranh giới, sửa chữa trang trại, an ủi trang điền (cũng gọi Trang khách, Địa khách); tất cả việc nhò trong trang trại đều phải tùy thời xử lý, còn đối với các việc trọng đại thì phải thưa với vị chủ sự trong chùa để giải quyết.

Trân tu (珍羞): là thức ăn ngon lành, sang quý.

Trân trọng (珍重): thuật ngữ Thiền tông dùng để biểu thị lời tạm biệt, thường là sau khi đại chúng đứng đã lâu nghe pháp bây giờ thì giải tán.

Trần lao (塵勞) (S. 336): tên gọi khác của phiền não, vì các phiền não làm ô nhiễm chân tánh, nhiễu loạn thân tâm nên gọi là Trần lao.

Tri dục (知浴): cũng được gọi là Dục ti, Dục chủ; Là chức vụ trông coi nhà tắm, nồi và than củi để nấu nước tắm. Một trong sáu vị Đầu thủ của Tây tự trong Thiền lâm.

Tri điện (知殿): Cũng được gọi là Điện chủ, Điện ti; Chức vụ trông coi các việc như hương hoa, dầu đèn, báo sái... trên điện Phật.

Tri hội (知會): mọi người cùng nhau họp bàn để phân công giữ chùa khi trụ trì đi vắng.

Tri khách (知客) (S. 71): người phụ trách tiếp đãi khách vãng lai, cũng gọi là Điền khách, Điền tân, là một trong sáu Đầu thủ của Tây tự.

Tri sự (知事): cũng còn gọi là duy-na, duyệt chúng, dinh sự, thọ sự (授), nhiệm sự, tri viện sự, quản lý tạp vụ của chư tăng, trong đó quan trọng nhất là bảo hộ tài vật của chư tăng nên phải lựa người thuận ứng nguyện vọng của chư tăng, nghiêm trì giới luật, tâm công chính mà giao nhiệm vụ.

Trì phạm khai già (持犯開遮): trì tức là giữ gìn giới luật cả ngũ giới lẫn cụ túc giới, phạm tức là vi phạm giới luật. Đây là 2 trạng thái đối lập. Khai là mở thoáng, già là khép chặt khắt khe hay nói cách khác khai là hàm ý cho phép, già là hàm ý cấm chỉ, tức ý nói là trong giới luật khi thì cho phép, lúc thì cấm chỉ. Giới pháp Tiểu thừa rất nghiêm, rất ít khi đồng ý cho phép, còn giới pháp Đại thừa từ bi, lại hoạt dụng nên thường đồng ý cho phép. Gộp chung 2 phong cách khắt khe và phóng khoáng lại gọi là “trì phạm, khai già”.

Trị hóa (治化): tức là trị lý và giáo hóa, cũng gọi là lý hóa. Truyện Lý Tiên sách Ngụy thư chép: “Thái Tổ hỏi Tiên rằng: ‘Trong thiên hạ thì sách nào tốt nhất để làm lợi cho thần trí người dân?’, Tiên đáp: ‘Duy chỉ có Kinh Thư, Tam Hoàng, Ngũ Đế, là điển tịch trị hóa có thể bổ ích cho thần trí của vua chúa’”.

Triển lễ (展禮): trải tọa cụ giập đầu lạy 3 lạy.

Triều âm (潮音): tức là hải triều âm, chỉ tiếng nói cực to, như tiếng sóng biển vỗ, chỉ cho âm thanh ưu mỹ của Phật và Bồ-tát, hoặc chỉ cho việc đại ứng hóa của Phật và Bồ-tát.

Trình tự ((呈似): trình lại y nguyên không thêm bớt, như cử tự (舉似) là thuật kể lại y lời, đúng việc.

Trù ((籌 sskt: salaka): một loại công cụ để tính nhân số, thông thường được làm bằng trúc, gỗ, dày mỏng, dài ngắn phải thích hợp. Trong thiền lâm thường dùng vật này để kiểm số người.

Trụ sơn (住山) (S.152): cách gọi đặc biệt của vị trụ trì.

Trụ trì (住持) (S. 18): nguyên nghĩa là ở lâu để hộ trì Phật pháp. Ở Trung Quốc từ thời Nam Bắc Triều trở đi có một số tự viện dùng Trụ trì để gọi tên chức vụ vị Tăng quản lý tự viện. Đến đời Đường Trụ trì đã trở thành chức vụ cao nhất trong chùa, được ứng dụng rộng rãi trong các tự viện địa phương. Vào khoảng giữa đời Đường, Bách Trượng Hoài Hải sửa đổi giáo quy thì “Trụ trì” đã trở thành chức Tăng cao nhất ở tự viện Thiền Tông, lãnh đạo một phương và dần dần đi vào quy củ. Sách này cho rằng trước Bách Trượng chưa có danh xưng trụ trì là không chuẩn xác.

Trục nhất (逐一): nghĩa giống như nhất nhất, trục tiệm, tức là theo tuần tự mà tiến hành.

Trục tòng thiên môn nhi xuất (逐從偏門而出): đuổi buộc phải theo cửa hông mà ra khỏi chùa, có ý sỉ nhục.

Trung vi Đông cung (中闈東宮): trong hoàng cung, cung của Đông cung Thái tử ở khoảng cửa giữa phía Đông, cho nên trung vi Đông cung tức là Đông cung Thái tử.

Trùng dương (重佯): tết mồng chín tháng chín Âm lịch.

Trùng giá nguyện luân (重駕願輪): nguyện luân (xe nguyện), nghĩa như nguyện thuyền (thuyền nguyện), là lời thệ nguyện của Phật và Bồ-tát muốn độ trọn chúng sanh qua bờ giải thoát bên kia. Vậy trùng giá nguyện luân là lại cỡi xe nguyện như Phật và Bồ-tát trước kia để độ tận chúng sanh.

Truy điệu ((追悼)): nghĩa tương đương như truy niệm, tức là lễ đóai tưởng đến người đã qua đời mà thương tiếc xót xa. Ngày nay, tang lễ các người danh tiếng đều có làm lễ truy điệu, chủ yếu là nhắc lại công lao và đạo đức của người qua đời mà thương tiếc.

Truy tu (追修) (S. 201): vì người chết mà tu tạo công đức.

Truyền xá (傳舍) (S. 308): nơi dành cho khách vãng lai thời xưa dừng chân nghỉ lại qua đêm.

Trực bệnh (直病): luân phiên quan tâm, chăm sóc người bệnh.

Trực chỉ chi đạo (直指之道): tức là đạo pháp chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật do sơ Tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền thụ cho Thiên tông Trung Quốc.

Trực điện (直殿): Người quản lý điện đường trong tự viện. tạng điện 藏殿 chỉ cho ngôi nhà bao gồm kinh tạng (kinh đường) và khán kinh đường. Kinh tạng là nơi cất giữ kinh điển có thờ tượng Phật, do đó cũng là tụng vào dịp lễ chúc thánh hoặc theo thỉnh nguyện của thí chủ. Còn khán kinh đường là nơi đại chúng đến đọc đại tạng kinh. Đến thời Nam Tông thì nghi thức tụng kinh được cử hành trên Phật điện, còn việc đọc tụng kinh tạng thì chúng tăng đưa về các liêu, cho nên tạng điện không còn

lý do tồn tại. Bởi vậy thiền tông Nhật bản vốn truyền thừa từ triều đại Nam Tống, tuy có tên gọi tạng chủ và tạng điện nhưng đã mất đi ý nghĩa nguyên thủy mà chỉ còn là hữu danh vô thực.

Trực đường (直堂): Chỉ cho chức vụ luân phiên giữ Tăng đường trong các thiền viện, chuyên trông coi chăn mền, y bát của đại chúng.

Trực sảnh (直廳): trong chùa Thiền lâm luôn luôn phân công người trực sảnh đường gọi là trực sảnh.

Trực tuế (直歲): Chỉ cho chức vụ đảm nhiệm công việc trong một năm tại các chùa viện thuộc Thiền tông, là một trong sáu vị Tri sự. Trực tuế vốn là một chức vụ phụ trách việc tiếp khách Tăng, nhưng trong thiền môn thì chức này trông coi tất cả công việc, là một chức vụ quan trọng. Về sau dần dần chỉ cho người trông nom công việc trong một tháng, nửa tháng, hoặc 1 ngày, cho đến thời gian không hạn định.

Trừu bị ((抽被): bị là vật bằng vải trải bên cạnh chỗ ngồi lúc tham thiền. Trừu bị là đồ bỏ tấm vải trải ngồi thiền ở tăng đường, hàm nghĩa là rời khỏi chùa, nghĩa tương đương với từ “trừu thiền”.

Trừu giải (抽解) (S. 360): giữa giờ ngồi thiền, ra khỏi Tăng đường nghỉ giải lao, hoặc người mới đến chùa xin ở lại, về liêu nghỉ ngơi trong giây lát đều gọi là Trừu giải.

Trừu hạ bản vị quải đáp (抽下本位掛搭): loại bỏ vị trí quải đáp (cũng có thể hiểu là bôi tên trong danh sách) tức trừ bỏ cương vị tăng chúng trong chùa.

Trường bản (長板): không có nghĩa là tấm bản dài mà là đánh bản một hồi dài.

Trường Khánh nguyên niên (長慶元年): năm đầu niên hiệu của Đường Mục Tông (821).

Trường liên sàng (長連床): loại giường dài liên tiếp nhau để các tăng an nghỉ thể hiện tính cộng đồng sinh hoạt, bình đẳng tiện nghi.

Trường lão (長老: Skt: sthavara, P: thera), chỉ bậc tu hành tuổi lạp cao, tuổi đời lớn, trí đức đều ưu việt, còn gọi là thượng tọa, thượng thủ, thủ tọa, kỳ niên, kỳ túc, lão

cựu, lão túc, Trưởng túc, trụ vị. Theo quyển 8 kinh Trường A Hàm thì Trưởng lão có 3 loại: a- Niên kỳ Trưởng lão. b- Pháp Trưởng lão. c- Tác Trưởng lão.

Tu-bạt-đà-la (須跋陀羅: Skt: Subhadra, P: Subhadda), lại còn gọi là Tô-bạt-đà-la, Tu-bạt-đà, Tu-bạt, Tẩu-ba-đầu-lân, dịch theo ý là Thiện Hiền, Hảo Hiền, Thiện Hảo Hiền, là đệ tử sau cùng nhận sự giáo giới của Phật Đà trước khi Ngài nhập diệt mà đắc đạo. Khi đắc đạo, Tu Bạt đã 120 tuổi, người thông minh đa trí nghe Phật thuyết Bát Thánh đạo bèn ngay đêm đó xuất gia thọ giới, tịnh tu Phạm hạnh, đêm xuống không lâu đã thành A-la-hán, rồi ngay trước mặt Phật diệt độ trước.

Tu-bồ-đề (須菩提) (S. 18): (skt: Subhuti), cũng dịch là Tu-phù-đế, Tu-phù-đề, Tô-bộ-đề v.v..., dịch ý là Thiện Hiện, Thiện Kiến, Thiện Cát, Không Sanh v.v..., người thành Xá-vệ, nước Câu-tát-la thuộc Ấn Độ cổ, dòng dõi Bà-la-môn. Ngài cũng là một trong mười đệ tử lớn của Đức Thích-ca Mâu-ni, nổi danh nhờ vào pháp biện chứng Chư pháp tánh không nên được xưng là Giải không đệ nhất.

Tu vu (修圩) (S. 276): Vu là chỉ cái đê bao quanh ruộng đất ở vùng trũng. Vùng Giang Hoài dùng đê bao quanh ruộng nên gọi là Vu điền. Tu vu là chỉ cho việc tu bổ bờ ruộng.

Tuần liêu (巡寮) (S. 58): trụ trì đến Tăng đường tuần xét, kiểm điểm xem Tăng chúng có tuân theo thanh quy hay không, cũng để thăm viếng bệnh nhân, đồng thời để cho những vị tăng trẻ trông thấy mà biết oai nghi nhà Phật, gọi là tuần liêu.

Tuần quá (巡過) : tuần tra xem xét coi có gì sơ sót, làm lẫn (quá thất) không.

Tuần đường (巡堂) Chỉ cho việc các vị Trụ trì, Thủ tọa đi kiểm điểm, xem xét Tăng đường trong thiền lâm. Tuần đường có các loại sau: 1. Tuần đường của trụ trì: tức lúc nhập viện, đàn vọng trà, tọa thiền. 2. Tuần đường của đại chúng: tức khi Tam bát niệm tụng. 3. Tuần đường của thủ tọa: tức khi tọa thiền, đại tọa tham, kết chế. 4. Tuần đường của Duy na: tức vào dịp Thánh tiết. 5. Tuần đường của Tham đầu: tức lúc quải đáp. 6. Tuần đường của Đô tự: tức khi Khố ty thang trà. 7. Tuần đường của Tri sự: tức khi kết chế, đàn vọng trà. 8. Tuần đường của thỉnh khách thiêu hương: tức Phương trượng trà. 9. Tuần đường của Sa di: tức lúc Tham đường. Trong đó, khi tọa thiền, tuần đường của Trụ trì, Thủ tọa biểu thị ý nghĩa kiểm; khi thánh tiết tuần

đường của duy na biểu thị ý nghĩa báo cáo; khi nhập viện, quả đáp, kết chế, tuần đường biểu thị ý nghĩa lễ mừng; tuần đường lúc thang trà biểu thị ý nghĩa thỉnh tạ.

Túc chúng (齋衆): là hình thức xử phạt tăng chúng vi phạm thanh qui trong chùa Thiền lâm. Các hình thức và nội dung trong bài đã nói rõ, xin bổ sung là khi đuổi kẻ vi phạm thanh qui ra khỏi cửa thì trước hết phải sao chép điều luật đuổi ra khỏi chùa dán ở cổng, gióng 3 hồi trống lớn, sau đó dùng gậy đánh đuổi ra khỏi cổng.

Túc sanh (宿生): nghĩa giống như túc thế, tức là đời trước của mình.

Tuệ Chiêu (慧照) (1289-1373) Thiền tăng đời Nguyên, họ Ma, tự Đại Thiên, hiệu Mộng Thế Tâu, người xứ Vĩnh Gia (nay là Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc; nổi pháp Thiền sư Hối Cơ Hi Công. Sư trụ chùa Minh Khánh ở Lạc Thanh (nay thuộc Chiết Giang). Tác phẩm: Huệ Chiêu ngữ lục.

Tung sơn Thiếu Lâm tự ((嵩山少林寺)): Tung sơn, còn gọi là Tung Nhạc, Tung Can sơn, tọa lạc tại huyện Đãng Phong tỉnh Hà Nam, là nơi mà vào năm Thái Hòa thứ 20 (495, có thuyết nói thứ 21 – 496) vua Ngụy Hiếu Văn Đế nhà Bắc Ngụy (Hậu Ngụy, Nguyên Ngụy) đã cất chùa Thiếu Lâm cho tăng nước Thiên Trúc là Thiền sư Phật Đà ở tu. Đây là ngôi chùa mà vào năm 527 Bồ-đề-đạt-ma đã ngồi nhìn vách im lặng trong 9 năm.

Tùng lâm (叢林) (S. 28): Tăng, tục hòa hợp cùng ở một nơi, giống như cây cối mọc nhiều thành rừng, nên gọi là rừng, còn chỉ riêng cho Tự viện Thiền tông. Bởi vì “Thiền” hàm nghĩa là rừng công đức.

Tùng Nguyên (松源) (S. 242): đệ tử của ngài Mật Am Hàm Kiệt, tên Sùng Nhạc, tự Tùng Nguyên, họ Ngô, người Long Tuyền tỉnh Chiết Giang. Trước sau, Ngài đã trụ trì các chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu, Linh Nham ở Tô Châu, giáo hóa làm cho Phật pháp thịnh hành.

Tùy Khai Hoàng tam niên (隋開皇三年): niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 3 của Tùy Văn Đế (583). Tùy Văn Đế họ Dương, tên Kiên, tiểu danh là Na La Đình. Dương Kiên giết Trịnh Đế, tự lập mình làm Hoàng đế, sau bị con thứ là Quảng thí sát lên ngôi, tức là Tùy Dạng Đế.



Tuyên sơ thiếp nhân (宣疏帖人): là tăng nhân thông thạo chữ nghĩa có giọng đọc truyền cảm rõ ràng được chọn để đọc sớ văn trong các buổi lễ Phật sự.

Tuyết Đậu (雪竇) (S. 233): thiền sư Trùng Hiên đời Tống, tự Ấn Chi, ở núi Tuyết Đậu, Minh Châu, (nay thuộc Ninh Ba, Chiết Giang) nên có hiệu là Tuyết Đậu. Sau khi viên tịch, Ngài được vua Tống Nhân Tông sắc ban hiệu Minh Giác Đại Sư.

Tư-mã-đầu-đà (司馬頭陀): Thiền tăng sống vào đời Đường, họ Mã, là con cháu của danh thần Tư Mã Ý, không rõ nối pháp ai và thuộc tông phái nào. Thuở bé, sư xuất gia ở Hành Sơn, rừng Nam Nhạc thuộc Tương Nam. Về sau, sư vào chùa Vĩnh An, núi Hoàng Long, phủ Long Hưng (nay ở phía tây bắc huyện Vĩnh Tu, tỉnh Giang Tây), tu theo hạnh Đầu-đà. Sư giữ chức Điện toạ trông coi nhà bếp, lo việc ăn uống cho đại chúng. Nhân bố thí cơm thừa cho con linh quy, nên được con vật này đền ơn khiến cho đôi mắt của sư rất tinh tường, trên xem xét thiên văn, dưới biết rõ địa lý. Vì giỏi xem địa thế đất đai nên được người thời ấy gọi sư là “Thần Nhãn Đầu-đà Tiên”. Sư xem xét các núi ở Hồng Đô, rồi đến núi Bách Trượng ở Phụng Tân ra mắt Thiền sư Đại Trí Hoài Hải, chỉ bảo cho Điện toạ Linh Hựu đi đến trụ Quy Sơn tại Đàm Châu, Hồ Nam. Theo lời sư thì đó là một vùng đất rất tốt để cất chùa, khiến cho tông phong hưng thịnh. Quả nhiên, sau khi Thiền sư Linh Hựu ở đấy, Ngài cùng với đệ tử là Huệ Tịch khai sáng tông phái Quy Ngưỡng nổi tiếng một thời. Tương truyền sau khi lựa chọn chỗ đất để làm sinh phần cho Thiền sư Hoài Hải, sư thị tịch và được chôn ở núi Bách Trượng. Thiền sư Hoài Hải sai người lập đền thờ và cúng tế cho sư. Tám bảng treo ngang trên đền thờ sư đề “Thần Nhãn Đầu-đà”. Hai hàng câu đối, mỗi bên đề: “Sinh kí Hoàng Long”, “Tử quy Bách Trượng”. Theo Vân Cư Sơn Chí.

Từ âm (慈蔭): âm (?) là bóng rợp che mát của cây to. Từ âm là bóng che từ bi của đức Phật đối với chúng sanh.

Từ đường (祠堂) (S.141): đền thờ trong chùa thiền, đặc biệt được xây dựng để thờ tổ tiên của những đàn việt có công xây dựng chùa.

Từ hàng (慈航): là thuyền từ do Phật và Bồ-tát dùng để đưa chúng sanh qua biển khổ.

Từ Minh (慈明) (S. 250): tổ Sở Viên đời thứ sáu của Tông Lâm Tế vào đời nhà Tống. Ngài họ Lí, người Toản Châu, tỉnh Quảng Tây.

Tứ ân (四恩): bốn ơn, có 4 cách tính: a- Ôn mẹ, ơn cha, ơn Như Lai, ơn pháp sư thuyết pháp. b- Ôn cha mẹ, ơn chúng sanh, ơn Quốc vương, ơn Tam bảo. c- Ôn chư sư trưởng, ơn cha mẹ, ơn Quốc vương, ơn thí chủ. d- Ôn thiên hạ, ơn Quốc vương, ơn tôn sư, ơn cha mẹ.

Tứ ba-la-di (四波羅夷) : Skt là Catvarah parajikà dharmah, gọi là tứ di pháp, chỉ cho tỳ-kheo nên tránh xa 4 trọng tội căn bản, đó là đại dâm, đại đạo, đại sát, đại vọng ngữ.

Tứ chúng (四衆: Skt: catasrah-parsadah, P: catasso-parisa), chỉ cho 4 loại đệ tử hình thành nên giáo đoàn Phật giáo. Cũng còn gọi là tứ bối, tứ bộ chúng, tứ bộ đệ tử, gồm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di; hoặc chỉ riêng 4 loại đệ tử xuất gia là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di-, sa-di-ni.

Tứ đại (四大) (S. 366): 1. Chỉ cho đất, nước, lửa, gió. Phật giáo cho rằng 4 nguyên tố cơ bản này đã cấu tạo nên thế giới. 2. Chỉ các yếu tố cấu tạo nên cơ thể của con người như: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, xương, nước mắt, nước mũi, máu v.v...

Tứ đại bộ châu (四大部洲): bốn đại bộ châu là Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm Bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu, Bắc Câu Lư châu. Bốn châu này ở 4 phía của núi Tu-di.

Tứ đại bộ kinh (四大部經): Thiên lâm lấy 4 bộ kinh Hoa Nghiêm, Bảo Tích, Bát Nhã, Niết Bàn làm Tứ đại bộ kinh. Nếu so sánh với tất cả mọi bộ kinh được gọi là Đại tạng kinh thì 4 bộ đại kinh này gọi là tiểu tạng.

Tứ đế (四諦): đế (Skt: stya, P: Sacca), có nghĩa là thâm xét chân thực không hư dối, tức chỉ khổ, tập, diệt, đạo, 4 chân lý chính xác không nhầm lẫn. Lại do 4 chân lý này chân thực không hư dối nên cũng gọi là Tứ chân đế, lại cũng do Tứ đế này là tri kiến của bậc Thánh nên cũng còn gọi là Tứ Thánh đế.

Tứ hướng (四向) (S. 326): nhân vị để đạt đến quả vị nào đó được chia làm 4 loại: Dự lưu hướng, Nhất lai hướng, Bất hoàn hướng và A-la-hán hướng, gọi chung là tứ hướng.

Tứ liêu (四寮) (S. 91): ở đây là tên khác của Mông đường. Nhân xưa kia có 4 vị danh Tăng từng ở Mông đường, người đời sau vì ngưỡng mộ các Ngài nên gọi Mông đường là Tứ liêu. Tứ liêu còn dùng để chỉ chung cho Thủ tọa, Duy na, Tri khách, Thị giả. (Xin xem đoạn văn sau “chương Vong Tăng”).

Tứ sanh (四生): chúng sanh có 4 cách ra đời là sanh từ trứng, sanh từ thai, sanh từ âm thấp và sanh từ hóa. Bốn từ này khái quát cũng chỉ cho hình thái của tất cả mọi sanh mạng.

Tứ Thánh (四聖): đó là đức Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Đại Hải Chúng.

Tứ tiết báo lễ (四節臘): còn gọi là tứ đại tiết báo lễ, là 4 ngày lễ lớn trong năm báo ơn Phật: kiết hạ, giải hạ, đông chí, nguyên đán.

Tứ tiết lập (四節臘) (S. 28): bốn ngày lễ lớn của Thiên lâm do ngài Hoài Hải quy định: 1. Kiết hạ: Lấy ngày 16 tháng 4 âm lịch làm ngày mở đầu cho việc an cư. 2. Giải hạ: Lấy ngày 15 tháng 7 âm lịch làm ngày kết thúc việc an cư. 3. Đông Chí: (ngày 21 tháng 12 DL). 4. Nguyên đán: Ngày mồng một tết (Nguyên đán).

Tứ trai nhật (四齋日): Thiên lâm lấy 4 ngày trong tháng là mùng 1 (sóc), mùng 8 (thượng huyền), ngày rằm (vọng), ngày 23 (hạ huyền) làm 4 ngày trì trai gọi là tứ trai nhật. Trong ngày này phải tụng kinh, trì giới để bòn phước đức.

Tứ trọng (四重) (S. 321): bốn trọng ân: ân cha mẹ, quốc gia, đàn việt, Tam bảo.

Tự ấn (寺印): tức con dấu của chùa khắc bằng chữ triện do trụ trì nắm giữ, nhưng ngay cả trụ trì cũng không được dùng con dấu cho chuyện riêng tư.

Tự gian liệt (字間列): tức là sắp hàng cách khoảng nhau đều đặn như khoảng cách của các chữ trên trang giấy.

Tự pháp (嗣法) (S. 81): chỉ người đệ tử được Sư phụ truyền trao sứ mạng kế thừa Phật pháp. Từ đời Tùy, Đường trở về sau đồng thời với việc truyền trao Phật pháp, Sư phụ cũng đem tài sản của chùa trao cho người kế thừa trông nom. Vị đệ tử này, gọi tắt là Tự pháp, hoặc gọi là “Pháp tự”.

Tự pháp biện sự (嗣法辦事): tự pháp tức là đệ tử truyền thừa của sư phụ. Tự pháp đệ tử đang giữ nhiệm vụ trụ trì tại một chùa khác thì gọi là tự pháp biện sự.

Tự pháp sư (嗣法師) (S. 91): trong Thiên lâm gọi vị Hòa thượng trao truyền pháp thống cho mình là Tự pháp Sư.

Tự tạ (叙謝): nói lời cảm ơn xã giao mọi người trong cuộc lễ.

Tự tánh (自性): Phật giáo cho rằng các pháp đều tự có tánh không dôi đổi, không sanh không diệt gọi là tự tánh.

Tự thoại (叙話): là nói lời thăm hỏi hàn huyên có tính cách xã giao.

Tự tứ (自恣) (S. 63): một loại nghi thức sám hối của Phật giáo. Vào ngày kết thúc an cư kiết hạ, tức ngày 16 tháng 7 âm lịch, mỗi vị Tăng đều nhờ tăng chúng nêu ra lỗi lầm của mình để cầu sám hối trước đại chúng. Còn được dịch là “Tùy ý”, nghĩa là những lỗi lầm được nêu lên theo ý kiến của người khác.

Tương kế trụ trì giả (相繼住持者): người kế nhiệm làm trụ trì.

Tướng (相): triều đình phong kiến có 2 chức vụ cao nhất phò giúp cho Hoàng đế đó là tướng văn (相) và tướng võ (將). Tuy nhiên bao giờ người đứng đầu trăm quan cũng là tướng văn, gọi là tể tướng.

Tượng quý (像季): chỉ thời kỳ cuối cùng của thời tượng pháp. Tượng pháp thuộc thời kỳ thứ 2 trong 3 thời kỳ chính, tượng và mật pháp, trạng huống vân hành giáo pháp cũng tương tự như thời kỳ chánh pháp, cho nên mới gọi là tượng pháp, là thời kỳ hữu giáo, là thời đại thi hành như pháp nhưng không chứng quả. Tượng quý cũng được coi chính là mật pháp vậy, cho nên bài hậu tự kinh Tây Phương yếu quyết mới viết: “Ai sanh ra và ở vào thời tượng quý thì cách Phật xa lắm !”.

Tỳ lệ (疵厲): cũng viết là (疵厲), chỉ sự tai hại, tai biến trong đời, thường dùng để chỉ súc vật hoặc hoa màu bị dịch bệnh do thời tiết trái nghịch bất thường.

Tỳ-lô-giá-na Phật (毗盧遮那佛) (S. 56): danh hiệu Đức Phật, dịch âm của Vairocana, còn dịch là Tỳ-lô-xá-na, Tỳ-lô- chiết-na v.v..., thường được giải thích là cách gọi tôn kính Pháp thân (tức chân thân) của đức Như Lai.

Tỳ-sa-môn Thiên vương [毗(毘)沙門天王]: là một trong bốn vị Thiên vương vâng lệnh Đế Thích thiên tuần sát khắp 4 đại châu thiên hạ, xem xét hành vi thiện ác của chúng sanh mà tâu lên Đế Thích, cũng còn gọi là Đa Văn Thiên, là vị thần hộ pháp của Phật giáo. Ở Thai tạng giới mạn-đạt-nã (mạn-đà-la), thần đứng ở ngoài cửa mé trái phía Bắc của Kim Cang bộ viện. Ở Kim Cang giới mạn-đạt-nã, thần đứng ở mé Tây là chúa của các Dạ-xoa. Hình tượng của Thiên vương mặc giáp trụ, tay phải cầm tháp, còn tay trái thì cầm gậy báu. Thác tháp Thiên vương cũng là Tỳ Sa Môn Thiên vương.

## U

Uy Âm vương (威音王 S. Bhīṣma-garjitasvara-rāja). Cũng gọi: Tịch thú âm vương Phật. Danh hiệu của đức Phật đầu tiên của kiếp Trang nghiêm trong quá khứ.

Ưu-bát-la hoa ((優鉢羅華): ưu-bát-la (skt: utpala, p: uppala) cũng còn gọi là ô-bát-la hoa, dịch theo ý là hoa sen xanh.

Ưu Điền vương (優填王): Ưu Điền (Skt: Udayana), còn gọi là Ưu-đà-diên Vương, Ô-đà-diên-na Vương v.v..., dịch theo ý là Nhật Tử Vương, Xuất Ái Vương, là vua nước Kiền-thương-di. Thời Phật còn tại thế, nhân vì vương dốt lòng thành tin Phật pháp nên trở thành đại ngoại hộ của Phật-đà. Ứng khí (應器): là đồ đựng thức ăn chính thức của tăng lữ đó là bình bát kim loại, có nhiều hàm nghĩa ứng pháp, ứng thụ cúng dường, ứng sức ăn của mình mà ăn.

## V

Vãng sanh (往生) (S. 194): chỉ cho linh hồn được hóa sanh trong hoa sen ở Tây phương Cực lạc.

Văn-thù Su-lị (文殊師利; S: mañjuśrī) tên dịch theo âm, thường được gọi tắt là Văn-thù, dịch nghĩa là Diệu Đức (妙德), Diệu Cát Tường (妙吉祥), cũng có lúc được gọi là Diệu Âm (妙音; s: mañjuḥoṣa); Một vị Bồ Tát tượng trưng cho trí huệ, một trong những vị Bồ tát quan trọng của Phật giáo. Lần đầu tiên người ta nhắc đến Văn-thù trong tác phẩm Văn-thù Su-lị căn bản nghi quỹ (s: ārya-mañjuśrī-mūlakalpa) ở thế kỉ thứ 4. Tranh tượng trình bày Văn-thù với lưỡi kiếm và kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa, được vẽ khoảng ngang đầu. Người ta xem đó là biểu tượng trí huệ phá đêm tối của Vô minh.

Vân đường (雲堂) Cũng gọi Tăng đường chỉ cho nơi tăng chúng nhóm họp đông như mây nên gọi là Vân đường (nhà mây). Vân đường cũng còn chỉ cho “Vân thủy” nơi nhóm họp tu hành. Ngoài ra những qui tắc mà hàng ngày chư tăng tu hành trong tăng đường phải tuân thủ gọi là: “Vân đường thường qui”.

Vân Hà Phạm (云何梵) (S. 315): còn gọi Vân hà bá là một loại kinh văn tụng bằng tiếng Phạm. Vì trong kinh Niết-bàn quyển 3, câu đầu dùng 2 chữ “vân hà” mà có tên như thế.

Vân Môn (雲門) (S. 222): tức thiền sư Văn Yên, ở núi Vân Môn vào cuối đời Đường, Ngài họ Trương, người Cô Tô, Gia Hưng (nay là phía Nam huyện Gia Hưng tỉnh Chiết Giang), đắc pháp với thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn, về sau sống tại núi Vân Môn thuộc Thiều Châu, (nay là Quảng Đông, Thiều Quan), đã khai sáng tông Vân Môn rất nổi tiếng.

Vấn khởi cư (問起居): tức là thăm hỏi xã giao sức khỏe, sinh hoạt ăn uống ngủ thức trong ngày có tốt không.

Vấn tẩn (問訊) (S. 25): lễ nghi của Phật giáo, như chấp tay xá chào, thăm hỏi sức khỏe, gọi là Vấn tẩn.

Vi trần sát (微塵剎): là tiếng gọi tắt của vi trần sát độ. Vi trần (Skt, P: anu-raja), gọi tắt là vi hay trần, tức sắc lượng nhỏ nhất mà nhãn căn nhiếp thủ được, chỉ cho sắc pháp nhỏ nhiệm nhất. Sát là tiếng gọi tắt của sát độ, sát nghĩa đen là ruộng đất, đất nước, xứ sở. Sát độ chỉ cho quốc độ, nói chung là chỉ cho đất nước. Sát (Skt: ksetra), dịch theo âm là sai-đa-la. Vậy vi trần sát là quốc độ thật là nhiều như bụi trần nhỏ li ti vậy.

Vị bài (位牌): thường quen gọi là bài vị, cũng còn gọi là thần bài, thần bản, chủ bài, tức là tấm bài làm bằng gỗ hình thức trang trí có hoa văn lộng lẫy, dùng để ghi tên – họ và chức vụ của người chết.

Viên cơ (圓機): cơ duyên tròn đầy.

Viên đầu (園頭) Chức vụ phụ trách trông coi vườn tược, việc trồng trọt rau trái trong Thiền lâm.

Viên Giác kinh (圓覺經) (S. 367): gọi đủ là Đại phương quảng viên giác tu-đa-la liễu nghĩa kinh, 1 quyển, do sa-môn Phật-đà-la, nước Kế Tân dịch vào đời Đường, là một trong những bộ kinh quan trọng của tông Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Thiền tông, giảng giải hướng dẫn người tu tập rất thịnh hành vào đời Đường, Tống, Minh trở lại đây.

Viên minh (圓覺經): chỉ thể tánh trong sáng tròn đầy hoặc cảnh giới trong sáng tròn đầy sau khi ngộ.

Viên Ngộ (圓悟) (S.168): vị thiền sư nổi tiếng ở giữa thời lưỡng Tống, họ Lạc, tự Vô Trước, người Bành Châu (nay là huyện Bành Châu, tỉnh Tứ Xuyên). Được hai vua Tống Huy Tông và Tống Cao Tông kính trọng ban cho hiệu là Viên Ngộ, từng trụ trì nhiều ngôi chùa nổi tiếng. Ngài viên tịch vào năm thứ năm niên hiệu Thiệu Hưng (1135 CN) thọ 73 tuổi, được vua ban thụy hiệu là Chơn Giác thiền sư. Ngài đã trước tác Bích Nham lục gồm 100 quyển.

Viên phu (園夫) (S. 257): người chăm sóc, trông coi vườn rau trong thiền lâm.

Viên Thông (圓通) (S. 365): vị thiền sư thời Cổ đại, hành trạng của Ngài không rõ.

Võng thố (罔措): bất lực chẳng làm gì được trước một vấn đề thì gọi là võng thố, tức là há hốc mồm bó tay chịu trận không biết phải làm sao.

Vọng liêu (望寮): người phòng hờ (réserve) để thay thế ngay cho chức phó liêu.

Vô Chuẩn Hòa thượng (無準和尚): Thiền tăng danh tiếng đời Tống tên là Sư Phạm, hiệu Vô Chuẩn, thụy hiệu Phật Giám.

Vô minh (無明) (S. 64): là si ám, đối với các sự lý còn mê mờ chưa giác ngộ.

Vô ngã, vô nhân (無我無人): Phật giáo cho rằng tất cả mọi sự vật trên thế giới đều không có tự thể thực tại độc lập, trong đó vô ngã, vô nhân là ý nói con người không có chủ thể tự tại thường hằng.

Vô sanh (無生) (S.165): cùng nghĩa với các từ Niết-bàn, Thật tướng, Pháp tánh... . Nhà Phật cho rằng tất cả các hiện tượng sanh diệt, biến hóa đều do sự phân biệt hư vọng của chúng sanh trong thế gian mà có, bản chất của nó vốn là không sanh, không diệt.

Vô sanh nhẫn (無生忍): là từ nói tắt của vô sanh pháp nhẫn, Skt là anutpattika-dharma-ksanti, nghĩa là quán lý chư pháp vô sanh vô diệt mà nhận rõ, trong tư thế an trụ không động tâm, cũng còn gọi là vô sanh nhẫn pháp, tu tập vô sanh nhẫn, là một trong 3 nhẫn. Vô thường (無常: Skt: Anitya, Anityatà, P: anicca), là từ đối lập với thường trụ, cho rằng tất cả pháp hữu vi luôn sanh diệt, dời đổi, không thường trụ, đều do nhân duyên sanh, nương theo 4 tướng sanh – trụ – dị – diệt mà sanh diệt trong khoảng sát-na, đó là trước vốn không nay có, nay có sau không nên gọi chung là vô thường. Vô thường kệ (無常偈) (S.159): bài kệ về bốn sự chẳng thường ở trong kinh “Nhân vương”, gồm bốn tiết, mỗi tiết có hai kệ, phân biệt và trình bày rõ về ý nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã. Tinh thần cơ bản là nói rõ đời người vô thường. Vô thường tấn tốc (無常迅速): vô thường tức là hàm ý mọi sự – mọi vật đều không thường hằng mà luôn trải qua thành – trụ – hoại – không, nhân đó vô thường cũng dùng để chỉ cho cái chết. Vậy vô thường tấn tốc ý nói là cái chết của con người đến chóng vánh, cho nên phải lo tu để liễu thoát sanh tử. Vô tri (無知): là kẻ không biết lường trước ảnh hưởng gây ra bởi lời lẽ hành vi của mình mà cứ nhắm mắt làm xằng nói bậy. Vu Lan bồn (盂蘭盆 S. Ullambana) Hán dịch là đảo huyền, cũn gọi vu lan bồn hội, chỉ cho nghi thức cầu siêu độ cho tổ tiên, ôn bà, cha mẹ, thân thuộc nhiều đời, được cử hành vào ngày rằm tháng bảy âm lịch hàng năm căn cứ theo lời Phật dạy trong kinh Vu lan bồn tại các khu vực theo Phật giáo thuộc hệ thống Hán. Vũ Đế (武帝): tức là Lương Vũ Đế (464 – 549), người Giang Tô Vũ Tấn, họ Tiêu tên Diễn, tự Thúc Đạt, nguyên là Thứ sử Ung Châu của triều Nam Tề, soán ngôi lập ra nhà Lương, trị nước thật tốt, lại đốc tín Phật giáo, có hiệu là Hoàng đế Bồ- tát, độ tăng, xây chùa, in kinh, công đức rất lớn nhưng không ngộ được Thiên pháp của Đạt Ma.



Sau bị Hầ Cảnh khởi binh bao vây, chết đói tại Đài Thành, thọ 86 tuổi. Vũ phu (砮砮): cũng viết là (砮砮), tức là các loại đá tuy cũng có nét đẹp như ngọc, nhưng không phải là ngọc, luôn bị người mài ngọc loại bỏ. X Xá-lợi-phất (舍利弗;; skt: Sariputra), tên gọi tắt của Xá-lợi- phất-đa-la, xưa dịch là Xa-lợi-phất, Phú-đa-la, Xa-lợi-bồ-đát-la v.v..., dịch ý là Thu Lộ Tử (驚露子) Thu Lộ Tử (驚露子). Người Thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà thuộc Ấn Độ cổ, dòng dõi Bà-la-môn, là một trong mười đệ tử lớn của Đức Thích-ca Mâu-ni; nhờ trí giới, học rộng mà có được trí huệ bén nhạy, khéo giảng Phật pháp nên được xưng là Trí tuệ đệ nhất. Xuẩn động hàm linh (蠢動含靈): xuẩn động là chỉ cho loài sâu bọ ngoe nguậy, hàm linh còn gọi là hàm thức, hàm ý có linh thức, tức là loài hữu tình. Kinh Đại bảo tích chép: “Giả lệnh tam giới chư hàm linh, nhất thất biến Thanh văn thừa”. Nói chung, xuẩn động hàm linh là chỉ chung cho mọi loài hữu tình. Xuất sanh (出生): trong Tăng đường Thiên lâm, trước khi thọ trai, lấy vài hạt “sanh phạn” bỏ thí cho quỷ thần gọi là xuất sanh. Sinh phạn không có nghĩa là cơm sống, mà là cơm bỏ thí cho quỷ thần, là từ gọi gọn của chúng sanh thực phạn, có các từ liên quan là xuất sanh đài, gọi gọn là sanh đài, xuất sanh kệ. Nay gọi là xuất thực.

Xuất toàn đơn (出全單): Tăng chúng rời khỏi hãn tăng đường gọi là xuất toàn đơn, còn nếu chỉ đứng lên rời vị trí tiền đưa Tôn túc mà không ra khỏi tăng đường gọi là xuất bán đơn.

Xúc lễ (觸禮) (S. 42): dùng tọa cụ đặt trên đất để thể hiện nghi thức khấu đầu. Gọi tắt là bái, tức lễ bái, lễ nhanh, chỉ việc xếp đôi tọa cụ giập trên đất hành lễ.

Xương bồ trà (菖蒲茶): Trà xương bồ. Một loại cỏ có mùi thơm nồng, dùng làm thuốc. Theo phong tục, cứ đến ngày mồng năm tháng năm lấy lá xương bồ cắt thành hình kiếm treo trước cửa để trừ tà.

Xướng thực (唱食): trong chùa Thiên lâm trước khi dùng cơm cháo phải tụng kệ chúc nguyện, kệ dùng cơm và kệ dùng cháo đều khác nhau.

## Y

Y bát (衣鉢) (S. 63): Vốn chỉ cho Ca-sa và Bát làm bằng thiếc, là những vật quan trọng nhất trong những vật dụng cá nhân của chư Tăng. Nghĩa rộng gọi chung cho những tài vật riêng của chư Tăng.

Y bát hành lý (衣鉢行李): nghĩa như y bát, ở đây gọi chung tài vật của trụ trì thiên hóa để lại.

Y bát thị giả (衣鉢侍者): là thị giả thân cận luôn phục thị bên mình trụ trì, chủ yếu là quản lý tiền bạc, vải lụa.

Yêu bạch (腰帛) (S.172): còn viết là Yêu bạch (??), tức là dây khăn tang trắng mang ở thắt lưng.

Yêu bao, đỉnh lạp (腰包頂笠): tức tăng lữ thời xưa đi đường xa đầu đội nón mê (lạp), còn lưng thì đeo ruột tượng đựng gạo ăn theo đường.

Yêu mô [妖摹(蟆)]: mô là con hà mô [[蝦蟆(摹)], tức là con ếch ương thuộc loài cóc nhái. Theo truyền thuyết trên mặt trăng có con cóc, tức là con thiềm thừ (蟾蜍), đó là các vết đen hiện trên mặt trăng. Ở đây, tác giả viết con ếch ương cũng có nghĩa tương đương như con cóc vậy. Yêu mô tức là con ếch ương yêu tinh làm lu mờ mặt trăng.

\* \* \*

**HẾT**

[ĐẦU TRANG](#) [Q1](#) [Q2](#) [Q3](#) [Q4](#) [Q5](#) [Q6](#) [Q7](#) [Q8](#) [CHÚ THÍCH](#)